việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 13

Tháng 7 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 13

15 tháng 7 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 13

15 tháng 7 năm 2014

với sự góp mặt của các tác giả :

. tiến thảo . mang viên long . nguyễn văn sâm . nguyễn tam phù sa . trần minh nguyệt . lê văn thiện . nguyễn khôi . nguyễn thị mây . lê văn trung . hồ thủy . hoàng vũ đông sơn . nguyễn mai . khôi hạo . lê mai . phan . trần vấn lệ . nguyễn thị bích nga . từ kế tường . nguyễn ngọc phan an . nhị tường . nguyễn mỹ nữ . triệu văn đồi . bùi đức long . trúc linh lan . nguyễn lệ uyên . võ hồng . y ban . vũ kiêm ninh . dạ thảo hương . trạch an trần hữu hội . nguyễn xuân thủy . vũ ngọc tiến . khải triều . đào bích phương . phạm thuận thành . nguyễn hoàng trung . dương phương toại . ngọc hải . minh nguyễn . bùi thanh minh . từ vũ . chu trầm nguyên minh . hồng vinh . nam ninh . hoàng yến linh . trần nhuận minh . mai thục . vũ anh tuấn . kiêm thêm . phạm vũ . huyền viêm . võ công liêm .

tủ sách việt văn mới 2014

NƯỚC MẮT NGƯỜI THỢ CHẠM

truyện lịch sử

TIẾN THẢO

Ông xuất thân chỉ là một tay phó mộc có chút Hán học của cái làng nghề nổi tiếng chạm gỗ, nằm cạnh sông Ô Lâu quanh năm xanh màu tre trúc, ruộng đồng.

Dòng dõi của ông nhiều người có tay nghề khá điêu luyện, với nhiều sản phẩm được cả vùng biết đến. Chú ruột ông là quan lục phẩm, có nhiều công trạng trong việc xây dựng Hoàng Cung dưới hai triều Thiệu Trị và Tự Đức.

Đến năm ba mươi tuổi, với uy tín của mình, ông cũng được Bộ Công triều Duy Tân chiếu cố, triệu vào kinh đô bổ chức Đội, trông coi đám thợ thuyền chuyên sửa chữa và xây dựng các công trình trong nội thành cũng như các phủ đệ ở bên ngoài cho Hoàng thân quốc thích.

Ông là người rất chịu khó, chẳng quảng mưa nắng. Hằng ngày ông vừa điều động, chỉ việc cho anh em vừa trực tiếp lao động: đẽo cột, đục mộng, dựng nhà. Riêng việc chạm trổ hoành phi, câu đối, tủ thờ, khảm xà cừ thì quan trên giao hẳn cho ông. Ông lại còn tỏ ra là người tì mỉ, có nhiều sáng kiến, nên dần dà đám thợ quanh ông tặng cho ông cái tên: Đội Kiến. Từ đó, không những trong sinh hoạt hàng ngày mà cả khi về làng, ra đình vào họ, mọi người đều gọi ông, chào ông bằng cái tên mỹ miều, ẩn chứa một chút tôn vinh ấy.

Công trình chủ lực lúc này của cả đội thợ là xây dựng lầu Du Cửu, một tòa nhà hai tầng theo kiểu nhà truyền thống có pha chút đường nét của kiến trúc mới. Nguyên trên cái nền cũ này, ngày trước là lầu Minh Viễn được xây dựng năm 1827 để vua Minh Mạng và Hoàng gia lên lầu vọng cảnh. Đó là một ngôi nhà nguy nga tráng lệ, chạm khảm tuyệt đẹp, nằm ở cuối Tử Cấm thành, sat một bên là Lục Viện, một bên là hồ Ngọc Dịch. Chính ngôi nhà này về sau được vua Thiệu Trị vịnh thơ và xếp vào một trong hai mươi thắng cảnh của đất Thần Kinh. Nhưng rồi đến thời vua Tự Đức, ngôi nhà xuống cấp một cách trầm trọng, nhà vua phải cho gỡ bỏ chờ lúc thuận lợi sẽ xây dựng lại. Không ngờ gặp buổi giặc Pháp lăm le xâm lược nước ta, chúng đã bắn phá nhiều nơi nên công trình phải trì hoãn, kéo dài mãi cho đến thời Duy Tân mới khởi công xây dựng lại được.

Từ ngày được vào làm việc ở đây, ông mới có dịp chiêm ngưỡng các công trình kiến trúc vô cùng tuyệt đẹp ở bên trong Hoàng thành. Sừng sững Cửa Ngọ Môn với lầu Ngũ phụng, mênh mông Điện Thái Hòa, rồi Điện Cần Chánh, nhà Tả Vu, Hữu Vu, Lục Viện cũng như Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu... đều được những bàn tay khéo léo của biết bao người thợ tứ xứ về đây xây dựng lên thành những công trình nghệ thuật làm say đắm từ các hoàng thân quốc thích cho đến quan lại, thứ dân. Ngay sứ thần của các nước mỗi khi đến chầu hầu cũng đều một lòng thán phục, trầm trồ khen ngợi.

À! mà đó chỉ mới cái phần thân, cái vẻ bề ngoài của các ngôi nhà mà thôi, chứ còn cái phần văn hóa, cái phần hồn ẩn kín dưới những nét họa tiết, những câu thơ, những vế đối... mới thật ghê gớm hơn nữa. Đó là chưa nói đến nghệ thuật pháp lam sành sứ, chuông đồng, vạt đồng, Cửu đỉnh, sông hồ... ẩn hiện như rồng, như phụng.

Riêng về thơ, trên nóc lầu Ngũ Phụng có tám bài, ở điện Thái Hòa gần ba trăm bài, mấy chục câu đối với nhiều ý nghĩa thâm thúy thể hiện tinh thần Nho giáo, Tam giáo đồng nguyên... góp phần làm nên nền Văn hóa Phú Xuân. Thật là ông cha đã để lại một di sản quí giá.

Nhưng cũng chính từ nơi đây, ông lại nhận ra sự vô thường của cuộc đời, sự khắc nghiệt của khí hậu vùng đất vốn quanh năm nắng hạn, mưa dầm, ẩm thấp khiến cho các công trình gỗ kiền, gỗ trắc tưởng bền vững muôn đời, lại cũng chịu số phận xuống cấp, mục nát trước thời gian. Đau đớn hơn là chính sự tàn phá của con người do lòng ích kỷ, tham lam sinh ra trộm cắp, lấn chiếm hay là do các cuộc bạo động lật đổ giữa các phe nhóm, các cuộc chiến tranh xâm lược và chống xâm lược. Chẳng hạn như ba mươi năm về trước sự đánh chiếm Triều đình Huế của thực dân Pháp để rồi một số công trình bị hủy hoại. Những vết đạn thù vẫn còn in sâu, loang lỗ giữa các bức tường thành, dấu khói đen ngòm trên vách Trấn Bình Đài, sự sụp đổ của Lầu tàng thư. Khu vực Bộ Binh và Bộ Lại là nơi làm việc của hai cận thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường trước đây bị quân Pháp đốt cháy sạch chỉ còn trơ những cái nền trống. Mỗi lần những hình ảnh đổ vỡ ấy đập vào mắt, ông lại thấy lòng vô cùng xót xa vì khi một công trình bị hủy hoại là vùi lấp theo bao nhiêu mồ hôi, công sức, thậm chí cả máu của những người thợ tài hoa khéo léo dành cho công trình với ước vọng gửi chút thành quả đến với con người.

Đội thợ tương đối đông. Bên cạnh ông còn có Bác Cả Đào, Chú Huống Sẹo, Chú Hào, Bảy Tự, Chín Bình... đều là những người có tay nghề, chí tâm, chí thành với công việc được giao. Anh em sống với nhau như ruột thịt dù người Bắc, kẻ Nam.

Vào một buổi chiều cuối tuần, vả lại trời mưa to nên được nghỉ sớm. Vừa bước ra khỏi cửa Thể Nhân, Đội Kiến kéo Bảy Tự và Chín Bình đi về hướng Kim Long rồi tạt vào một cái quán ven đường kiếm rượu uống.

Thấy có khách vào, cô chủ quán còn rất trẻ niềm nở kéo ghế mời khách ngồi rồi hỏi khách dùng gì ?

- Đội Kiến gọi một đĩa lòng heo và một chai rượu. À! mà ở đây cô thường bán rượu gì ? Có rượu làng Chuồn không ?

- Dạ, quán em thường xuyên có rượu gạo. Đặc biệt hôm nay có rượu nếp mới làng Chuồn, thơm ngon lắm !

Nghe cô chủ quán giải bày, Bảy Tự nói chen vào:

- Chiều nay mưa, trời có vẻ lạnh. Chúng ta được uống rượu làng Chuồn thì thú vị thật.

Cô chủ quán gọi người giúp việc bưng lên một đĩa lớn lòng lợn còn nóng, một lít rượu, mấy cái chén đất, mấy cái cốc cùng đũa muỗng.

Thấy chưa có rau sống, Chín Bình hỏi. Cô chủ quán lật đật chạy xuống bếp bưng lên một cái rá nhỏ rau sống, chuối chát và chén nước mắm giả đầy ớt đỏ.

Rượu đã được rót ra, ba người chạm cốc rồi uống cạn. Đội Kiến rót rượu tiếp, Bảy Tự gắp thức ăn bỏ vào các chén. Mọi người vừa ăn, vừa uống vừa nói chuyện.

Ngoài trời mưa lất phất, dường như mỗi lúc một lạnh hơn, phía bên kia đường dòng Hương Giang chảy lững lờ và như chìm dần vào trong nỗi quạnh vắng, u tịch của buổi chiều lên.

Đội Kiến sau giây phút tư lự, hỏi Bảy Tự và Chín Bình.

- Các anh vào làm ở đây thấy có vất vả lắm không ?

Bảy Tự nghe Đội Kiến hỏi, liền nói :

- Dạ, vào làm ở đây tuy vất vả thật nhưng đời sống tương đối ổn định. Dù sao thì cũng có gạo, có tiền mang về nuôi vợ con. Mấy năm này ở quê thường mất mùa, đói kém, chẳng có ai thuê dựng nhà, dựng cửa gì cả. Hơn nữa, bọn Pháp cứ lùng sục bắt phu, bắt lính, không những phục vụ ở đây mà còn lăm le đưa sang tận trời Tây làm lính đánh thuê, chắc là chết rục bên đó.

Ừ! thời buổi này khổ thật. Chắc nhiều người không nói ra chứ trong thâm tâm ai cũng âu lo với số phận của một người dân mất nước. Miếng cơm, manh áo của Vua quan còn phải chịu lệ thuộc

vào ngoại bang huống chi dân đen như anh em mình.

Chín Bình cũng nói :

- Anh em mình dù có đồng tiền, bát gạo nhưng cũng chỉ là tên lính thợ, suốt ngày đội đá, khiêng gỗ, đôi khi lại bị roi vọt của quan trên.

Đội Kiến nghe Chín Bình và Bảy Tự nói, ông rất cảm kích nhưng sợ bữa ăn không vui, liền nói lãng qua chuyện khác.

- Thôi nghĩ xa xôi làm gì cho mệt óc. Chúng ta chỉ cần biết ngày mai phải làm gì, công trình có hoàn thành đúng thời gian hay không, làm sao để vợ con ở nhà có cơm ăn, áo mặc, tránh bọn cường hào hù dọa bắt nạt là được.

Mặc dầu nói như vậy nhưng ông là người luôn quan tâm đến thời cuộc. Ông thấy sự khiếp nhược của quan lại hiện tại, sự ngông nghênh của ngoại bang, bọn chúng ra vào chốn Hoàng Cung như chỗ không người, nhiều lúc ông bức bối, không chịu nổi.

Trong đội thợ, ông là người luôn lo lắng về sức khỏe và đời sống của anh em. Ông thấy giúp được gì cho anh em là giúp ngay. Bởi vậy anh em rất quý mến ông.

Chiều nay hơi vắng khách. Cô chủ quán loay hoay dưới bếp rồi đem lên thêm một nhúm rau và một xị rượu . Ba người lại tiếp tục nâng cốc, nói từ chuyện này đến chuyện khác, khi nhìn ra ngoài thì thấy trời đã dứt cơn mưa và sắp sửa tối hẳn. Phía bên kia sông, mấy dãy nhà tranh của đội lính Long thuyền lấp lóa những ngọn đèn sau đám lau lách. Ở phía bên này, con đường chạy dọc từ Kim Long về cửa Đông Ba ngựa xe hối hả. Ba người đứng dậy trả tiền nhưng chưa bước ra khỏi quán vội như còn luyến tiếc một điều gì !

Bảy Tự xích lại gần và hỏi cô chủ quán :

- Quán có thường đông khách không, mua bán lúc này chắc cũng không đến nỗi nào ?

- Dạ, đầu tháng lính tráng lãnh lương, Tây cũng như ta đến đây rất đông. Nhưng vào những ngày cuối tháng thì vắng khách lắm. Than thì than vậy, chứ lúc đông khách cũng phức tạp. Bọn lính Ngự Lâm quân khi uống quá chén thường gây gổ nhau, còn lính Tây thì hay ghi nợ, chẳng biết đâu mà đòi. Bởi vậy, buôn bán cứ bị thâm vốn mãi.

Nghe cô chủ quán giải bày, ai cũng thấy trong lòng xốn xang. Đúng là ai cũng có nỗi khổ riêng của mình khi phải sống trong thời buổi nhiễu nhương.

Từ khi có biến động ở kinh thành do phái chủ chiến ở triều đình quyết ăn thua với bọn giặc Pháp, tình hình ở Huế đâu có yên ắng gì ! Việc hưởng ứng Chiếu Cần Vương của hai cha con Đặng Huy Cát, Đặng Huy Phổ kết hợp với một số nghĩa sĩ ở hai huyện Hương Trà, Quảng Điền tấn công vào quan lại tại huyện sở Quảng Điền, rồi việc phu mở đường đèo Hải Vân bí mật giết chết tên quan ba người Pháp là Besson ở ngay công trường, làm cho bọn Pháp vô cùng giận dữ, ra sức đàn áp, giết chóc một cách dã man.

Mặc dầu qua sự đàn áp khốc liệt như vậy, bọn chúng chỉ có được sự yên tĩnh bên ngoài, còn trong lòng dân chúng thì ngọn lửa căm hờn vẫn âm ỉ, chỉ chờ cơ hội là bùng cháy trở lại.

Khi cụ Phan Bội Châu bị án "hoài hiệp văn tự nhập trường khoa Đinh Dậu", vào Huế dạy học tại nhà ông Võ Bá Hạp ở gần cửa An Hòa đã lấy thơ phú để giao hảo với các sĩ phu đất Thành Kinh thì như có một luồng gió mới thổi tới. Hơn nữa, chính vào thời điểm này cụ Tăng Bạt Hổ, một chí sĩ tâm huyết của Tôn Thất Thuyết thường bí mật đi lại giữa Quảng Đông (Trung Quốc) và Huế, kết quả là dấy lên phong trào Đông Du, gởi thanh niên qua Nhật học tập.

Tuy thế, mãi cho đến lúc Quang Phục hội ra đời và Kỳ bộ Trung kỳ ở Việt Nam được thành lập thì tình hình chính trị ở Thừa Thiên mới thực sự sôi động trở lại.

Đội Kiến có một người cháu gái có cha là nhân viên Bộ Hộ đã bí mật gia nhập Quang Phục hội, lấy cớ xin vào nấu ăn cho Đội thợ để móc nối phát triển tổ chức vào giới thợ thuyền đang có mặt ở giữa Hoàng Cung.

Biết bác mình là người có tâm huyết đã đem chuyện Quang Phục hội nói với Đội Kiến. Dần dà,

ông đã nắm được sơ bộ chủ trương đường lối, thế và lực trong nước cũng như ngoài nước của tổ chức này, sẵn sàng góp một tay vào công việc chung.

Sau mấy tháng lao động cực lực, bộ sườn của tòa nhà Du Cửu đã được dựng lên. Hôm dựng nhà Thượng Thư Bộ Công và vua Duy Tân đều đến xem xét, có lời khen ngợi và ban thưởng cho đội thợ. Và để đẩy mạnh tốc độ thi công, Bộ Công đã cho tăng thêm thợ vào, đưa số nhân công lên tới năm mươi người.

Dù phải quản lý vất vả hơn nhưng trong lòng Đội Kiến lại cảm thấy vui vì anh em tuy mới cũ có khác nhau, tay nghề chẳng ai giống ai, nhưng đời thợ nhìn chung ai cũng khổ cả nên họ dễ thông cảm nhau, giúp đỡ nhau khi có người gặp hoạn nạn, bênh vực nhau khi có người bị ức hiếp.

Kể từ thời Thành Thái, với áp lực của Toàn quyền Doumer Hội đồng Phụ Chính, hội đồng Thượng Thư của nhà nước Nam Triều đã bị bãi bỏ. Lục bộ họp thành Hội đồng Cơ mật đặt dưới sự chủ tọa của Khâm Sứ Pháp. Bên cạnh mỗi Bộ, người Pháp lại cử quan Hộ lý để kiểm soát mọi công việc từ trên xuống dưới.

Một hôm, tên quan Hộ lý người Pháp của Bộ Công đến kiểm tra công trình thấy anh em thợ thuyền không chào hắn, hắn liền xuống xe quát tháo, rút roi đuôi cá sấu quất túi bụi vào lưng, vào đầu một số anh em đang khiêng gỗ ở phía trước sân. Anh em đau đớn, bỏ gỗ chạy về phía Đội Kiến. Ông liền hô hào số anh em đang ngồi trên mái nhà ném mảnh gỗ, cưa, đục, búa, kềm về phía tên Hộ lý như mưa rào, khiến hắn thất hồn bỏ chạy.

Nhân sự việc này, nhiều lần Đội Kiến nói với anh em về bản chất của bọn thực dân xâm lược thống trị, về tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc qua mấy ngàn năm lịch sử và nhất là trong thời gian gần đây, mục đích là giác ngộ và đưa dần anh em vào tổ chức Quang Phục hội, chuẩn bị hành động khi có sự biến xảy ra.

Tên Hộ lý người Pháp bị sứt đầu, mẻ trán hôm ấy đã tỏ ra tức tối, chỉ đợi cơ hội để trả thù. Hắn cho người theo dõi Đội thợ và vào một buổi sáng trong lúc Đội Kiến đang cắt đặt công việc cho anh em thì bị bọn lính Pháp cùng với lính hộ thành đến bắt trước sự ngơ ngác của mọi người.

Trên đường đi đến ngục thất, ông thầm nghĩ chắc là tên Hộ lý cố trả thù chuyện ông hô hào thợ thuyền ném cưa, đục vào mặt nó, hay là chuyện ông tham gia hội kín Quang Phục hội bị phác giác hay là những tâm sự của ông trong lúc rượu trà có kẻ xấu đem mách lẻo với bọn mật thám !

Ông bị giam ở lao Thừa Phủ. Ở đây bọn cai ngục có thể nói toàn là đầu trâu mặt ngựa, đánh người vô tội vạ. Khi mới bước vào dãy nhà giam đã bị một tên coi ngục đá đít, đấm túi bụi vào mặt ông khiến ông bị dập môi và đôi mắt bầm tím. Hai hôm sau bọn chúng gọi lên phòng quan tư để hỏi cung ông.

- Này Đội Kiến, ông vào làm trong Nội đã lâu chưa ? Ai đưa ông vào làm ở đó ?

- Làng tôi nổi tiếng về nghề chạm gỗ. Bộ Công gọi tôi vào đã hơn ba tháng. Trước mắt để xây dựng nhà Du Cửu, sau sửa chữa các công trình bị hư hỏng do lính Pháp bắn phá trước đây.

- Đội thợ của ông có bao nhiêu người ? Ai tốt, ai xấu ?

- Trước đây có ba mươi, gần đây hơn năm mươi. Tôi thấy dân tôi ai cũng tốt cả, chẳng có ai xấu như một số dân nước khác.

- Ông biết ai đã lấy cắp chiếc bình cổ trong điện Thái Hòa vào tuần trước ?

- Tôi không biết ! Anh em thợ làm sao có thể đi đến khu vực cấm kỵ đó. Nhưng ông cần gì phải hỏi tôi, ông có thể tìm lại bình đó ở viện bảo tàng của nước ông. Người ta nói sau cái ngày Kinh đô bị thất thủ, các ông đã chở hết về bên đó.

Tên lính hỏi cung nghe ông trả lời có vẻ ngang tàng, xẳng giọng móc méo liền quát tháo ầm ầm, cầm roi quất tới tấp vào người ông làm ông đau đớn ngã kềnh xuống đất nằm sóng soãi trên nền gạch. Sau mấy phút, hắn lôi ông ngồi vào ghế rồi hỏi tiếp.

- Chiếc bình ấy bọn thợ giấu ở đâu ?

- Tôi đã nói là tôi không biết, ông còn hỏi làm gì nữa.

- Quan Hộ lý đã báo cáo là chính bọn bây lấy. Không trảlại, ông bỏ tù rục xương cả đám.

- Thật là oan cho chúng tôi quá !

- Ông là người đứng đầu, phải chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Biết là chưa khai thác được gì, hắn ra lệnh tống ông trở lại phòng giam, chờ đến hôm sau hỏi cung tiếp.

Đến đây ông mới biết mình bị bắt do chiếc bình cổ ở điện Thái Hòa bị mất cắp, chứ không phải chuyện ông tham gia hội kín. Ông thắc mắc là có mất thật không hay chỉ là chuyện bịa của tên Hộ lý để trả thù ông. chắc là có nhiều anh em khác cũng bị bắt. Tội nghiệp cho anh em quá.

Giữa văn phòng giam chật chội lại ẩm thấp, hôi hám, ông khát nước mà chẳng có nước uống. Lúc này các vết thương sưng tấy lên khiến ông vô cùng đau đớn. Ông nằm dài xuống cố ngủ để quên sự đời nhưng chẳng ngủ được. Bỗng có tiếng mở khóa rồi cánh cửa phòng giam mở ra. Ông được tên coi ngục dìu ra ngoài đi về phía phòng khách để gặp người thăm nuôi.

Cách nhau một khung cửa có chấn song sắt, vợ ông thấy ông tiều tụy hẳn đi đã không cầm được nước mắt. Bà cầm vạt áo dài lên lau mặt rồi nói với chồng :

- Hôm qua em đang làm cỏ lúa ngoài ruộng thì nghe anh bị bắt, chẳng hiểu vì lý do gì. Em đã lên nhà chú Tư để nhờ can thiệp xin cho anh về nhưng chú nói chuyện này không thể ngày một ngày hai mà xin được, ít nhất cũng sau năm bảy tháng hoặc cả năm. Sau đó, em nhờ Chú xin phép để thân nhân được vào thăm. Bọn nó đồng ý là em vội đi ngay.

Nghe vợ nói, ông rưng rưng nước mắt. Ông cố dỗ dành để vợ yên lòng.

- Em cứ yên tâm ở nhà chăm nom con cái, nhà cửa. Một thời gian ngắn anh sẽ về thôi, mình chẳng có tội tình gì đâu !

Các vật dụng mà bà mang cho ông đã được tên lính gác kiểm tra kỹ, gồm hai bộ quần áo cũ có nhiều mãnh vá, một chiếc khăn mặt màu cháo lòng, một gói thuốc cẩm lệ bà Cửu Ới, một chai dầu tràm và một ít cá đồng kho mặn. Ông vừa vói tay nhận hàng thì bà đã bị tên quản ngục lôi ngược ra phía ngoài vì thời gian thăm nuôi đã hết.

Ông nhìn dáng gầy guộc, bước đi thất thểu của vợ mà không cầm được nước mắt. Kể từ ngày thành vợ, thành chồng đến nay đã mười mấy năm bà chưa có được một ngày thư thái, vẫn chịu cảnh mái tranh vách đất, nợ nần vây bủa. Nay chồng lại bị ở tù, một tay nu6i bốn con dại. Ông biết mình là người chịu khó lao động nhưng tiền bạc thật là khó kiếm. Nhưng từ khi vào làm việc trong Nội đến nay chưa có mang một đồng xu nào về cho vợ con vì quan trên cứ hẹn lần, hẹn lữa mãi. Khi thì kho bạc hết tiền, khi thì kho thóc chưa tới mùa. Còn quê nhà thì mưa gió, lụt lội liên miên, mùa màng cho chộï mà không cho ăn. Thật là cơ cực. Nghĩ đến đó ông càng thương vợ nhiều hơn nhưng chẳng biết làm thế nào khi tấm thân đang ở giữa những chấn song sắt của ngục tù.

Chỉ hơn một tuần mà tù nhân đã hai ba lần làm reo, đấu tranh, tuyệt thực. Có khi thì đòi cung cấp đủ cơm và nước uống, có khi thì đòi hai ngày phải được tắm rửa một lần. Đòi thì đòi nhưng có ai nghe đâu. Nhân viên trại giam bực tức lên mặt cú vọ, đánh đập, xiềng xích khắc nghiệt hơn nữa.

Ông đã bị hỏi cung nhiều lần, ông một mực trả lời không lấy, không biết. Sau mấy tháng bị giam cầm, cuối cùng ông đã được thả ra và chẳng có bản án gì cả.

Té ra là chuyện như thế. Tên Hộ lý lợi dụng chức quyền của mình đã vào điện Thái Hòa lấy cắp chiếc bình đem về giấu ở nhà tình nhân ở gần cầu Bạch Hổ, chờ cơ hội mang về Pháp để bán. Vì không cung cấp nổi tiền cho cô ta tiêu xài lại hay say sưa về giày vò, đánh đập nên cô ta chán ngán hắn. Và để trả thù, cô tố cáo với quan địa phương cái việc hắn ăn cắp bình cổ. Cuối cùng Triều đình mới vỡ lẽ là Đội Kiến bị bắt oan nên cho về làm việc lại như cũ.

Khi ông trở lại thì khu nhà Du Cửu đã lợp xong mái nhưng công việc vẫn còn bề bộn. Anh em thấy ông bị hàm oan ai cũng thương tình.

Nhờ tiếp xúc với một số tù chính trị ở lao Thừa Phủ, ông đã có thêm nhiều kinh nghiệm trong việc vận động anh em thợ thuyền tham gia vào hội kín. Lúc này, tổ chức Quang Phục hội đã lan

mạnh ra Huế. Chính vua Duy Tân và một số quan lại qua việc vận động của Trần Cao Vân và Thái Phiên cũng đã tích cực ủng hộ cuộc khởi nghĩa.

Theo kế hoạch, sẽ dựa vào số líùnh tập và quần chúng yêu nước làm cuộc bạo động đánh đuổi thực dân Pháp vào giữa tháng 5 năm 1916. Huế là nơi phát khởi, nhanh chóng đánh chiếm Hoàng Thành, tấn công đồn Mang Cá, Tòa Khâm Sứ. Cùng lúc sẽ bắn súng Thần công để báo cho Quảng Trị, Quảng Bình; đốt lửa trên đèo Hải Vân để báo cho Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Do số lính tập thay đổi ngày xuống tàu sang Pháp nên cuộc khởi nghĩa phải thực hiện trước mười ngày. Việc tổ chức cập rập không được chu đáo, hơn nữa một số anh em ở Quảng Ngãi thiếu khéo léo để công việc bị bại lộ, dẫn đến cuộc khởi nghĩa bị thất bại hoàn toàn và các lãnh tụ của Quang Phục hội bị bắt hàng loạt.

Gần nửa tháng sau, trong lúc Đội Kiến đang ngồi sửa chữa, khảm lại mấy câu thơ trang trí ở trên nóc điện Thái Hòa, do lâu ngày xà cừ cũ bị bong ra, thì bị mấy tên líùnh Pháp ập tới bắt trói và dẫn đi.

Ông lại vào lao Thừa Phủ lần thứ hai. Lần này, qua chỉ thị của Tòa Khâm Sứ, bọn cai ngục đánh đập ông chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần nhưng ông vẫn cương quyết không khai một điều gì.

Ông có thể chịu được đòn roi nhưng cái điều làm cho ông vô cùng đau đớn là một cánh tay của ông do vết thương bị nhiễm trùng, đáng lẽ có thể chữa trị được, nhưng trại giam bị thiếu thuốc, cuối cùng bọn cai ngục cho cắt bỏ gần đến khuỷu tay. Một người thợ chạm mà chỉ còn một tay thì thử hỏi còn làm được trò trống gì nữa !

Giữa phòng tối ông ngồi nghĩ miên man đến vợ con đang bơ vơ đói khát, đến tương lai nghề nghiệp, bao công việc còn dở dang. Bỗng chốc ông nhẩm đọc mấy câu thơ mà ông đang khảm nửa chừng thì bị bắt.

"Văn hiến thiên niên quốc

Xa như vạn lý đồ

Hồng Bàng khai tịch hậu

Nam phục nhất Đường Ngu"

Bài thơ hàm chứa ý nghĩa lịch sử của đất nước có ngàn năm văn hiến, có núi sông vạn dặm, được dựng lên từ thuở Hồng Bàng và sau đó bao vị vua kế tiếp lấy cái gương thời Nghiêâu Thuấn để giữ vững sơn hà, mong mỏõi đời đời thịnh trị.

Hồn thơ đã mang lại sức mạnh mới cho ông để vượt qua số phận. Rồi hằng ngày ông dùng một que tre kẹp vào giữa hai nón chân, đẩy lui, đẩy tới trên nền đất như người tập viết bằng chân. Ở đây không phải là viết mà để sau này kẹp dao, kẹp đục thay bàn tay trong công việc khắc chạm, tiếp tục làm đẹp các công trình. Ông hy vọng rằng với sự kiên trì tập luyện của mình, một ngày nào đó khi ra khỏi tù ông có thể trở về với công việc được.

Trung tuần tháng bảy năm ấy, với những cơn mưa kéo dài, bầu trời xứ Huế nhuốm một màu tang chế, khoảng sân lao Thừa Phủ trước mặt ông đầy lá rụng. Ông được một người bạn cũ vào thăm cho biết vua Duy Tân đã bị bắt và bị kết án "Vọng thính sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc", chờ ngày lưu đày. Còn Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh bị xử chém tại bãi chém An Hòa. Anh em trong đội thợ xây dựng nhà Du Cửu người bị bắt, kẻ bỏ trốn, Triệu miếu, Thái miếu cũng bị giặc lục soát, bắn phá…

Nghe đến đó ông đứng lặng người, hai hàng nước mắt chảy dài xuống đôi gò má sạm nắng với nhiều vết thương bầm tím…

TIẾN THẢO

TRĂNG SÁNG TRĂNG SÁNG TRONG THÀNH ĐỒ BÀN

truyện ngắn

MANG VIÊN LONG

Buổi chiều còn đọng những giọt nắng vàng trên những cành cây gòn cao lêu nghêu, xương xẩu, cành cây chìa ra cứng nhắc giữa vòm trời sẫm tối trông giống như cánh tay dang rộng, bất động, vạch nét đen đậm im lìm. Chỗ Nhật đứng cỏ cây đã nhuốm hẳn bóng tối chập choạng đìu hiu giữa bụi bờ lau lách hoang dại phủ ngập. Trước mặt Nhật là những soi bắp đã mọc cao, những đám bông vải đã khô nứt vỏ bông trắng trông điểm rõ trong khoảng tối âm u. Vượt lên trên những thân bắp, đám bông vải đã nở, những chiếc cột xi măng cốt sắt của khu chợ cách khoảng đều đặn đen đúa, rêu mốc. Nhật đếm thấy có mấy dãy cột đã bị đào xới để dễ trồng trọt, có mấy cột bị mòn gãy cong quập xuống một cách ảo não, phiền muộn. Thường ngày, buổi chiều, những buổi chiều mênh mông vắng lặng giữa cỏ cây hoang tịch, Nhật đứng nhìn mấy chiếc cột chợ đã bị phá hoại, mấy soi bắp cao dần, và những đám bông vải nở khô bông trắng; thấy lòng trống trải, bình thản hết sức. Trống trải như bầu trời, và yên lặng như cây cỏ. Trong những phút quay về đắm hồn trong từng ngõ ngách bụi bờ tịch mịch, Nhật cạnh nhớ tới đời sống mình bấy lâu: ngơ ngác và ảo não quá. Chính những buổi chiều ra đứng giữa bãi cỏ trước nhà, nhìn ngó mông lung ở mấy soi bắp, đám bông vải, hàng gòn, cột chợ, lau lách, bầu trời ; Nhật mới cảm nhận được hết nỗi lẻ loi, lạc lõng của mình trong gần một năm nay. Một năm đầy tai biến, đổi thay, lận đận, bơ phờ.. Và, cũng trong những buổi chiều như vậy, Nhật đã khóc cho mẹ anh, cho dì anh, cho những đứa em khốn khó thơ dại như một bầy thỏ bạch. Người mẹ dáng cao, nụ cười đen láy , hàm răng nhuộm đều, tóc bới, áo vải nâu thâm, cuống quít bên đàn con nheo nhóc như một con gà tình nghĩa vừa kiếm mồi cho bầy con, vừa nơm nớp lo sợ đàn diều, đàn quạ. Còn bà dì, gần nửa đời người góa bụa không có một mụn con lây lất trôi dạt tới bên mẹ Nhật như một cùng đường, một bến cuối cho đời sống dừng lại. Bà đã mãn nguyyện yên thân bên gia đình Nhật để cúi xuống với bao nỗi nhọc nhằn mong đắp đổi chút êm ấm an vui của một túp lều còn hồng ánh lửa, còn vọng tiếng cười. Từ ngày có dì tới, Nhật thấy thương xót mẹ hơn qua dáng dấp hao gầy, buồn thảm của người dì rất đổi giống mẹ: dáng cao, răng đen, tóc bới, áo vải thô nâu. Hai chị em đã gặp lại nhau sau mấy năm biền biệt chỉ để nhìn rõ sự lạc lõng, cô quạnh, âu sầu. Mẹ có bao giờ ngờ rằng có ngày mẹ sẽ gặp lại dì với bao đau xót đó không? Ngày rời gia đình theo chồng của ai cũng huy hoàng, phấn khởi bên muôn ngàn câu chúc tụng, giữa những giấc mộng êm đềm, nhưng ngày cuối của đời người có mấy ai còn giữ được nụ cười thuở trước? Dì Nhật. thì mới nửa đời người, đã héo hắt, khổ lụy; còn mẹ Nhật thì đôi mắt đã mờ dần sau bao mong ngóng xa vời nơi rừng sâu núi thẳm. Bây giờ, mẹ , dì, những đứa em; tất cả đã im ngủ, đã bỏ đi, đã xa mờ như núi rừng. Nụ

cười lấp lánh hàm răng đen, mớ tóc bới cao, tấm áo vải xi ta nâu cờn rách nghèo khó đã mất. Đã lặng chìm đâu đó trong những bờ bụi, hào rạch, bóng đêm. Tất cả nay đã thành mây bay mỗi sớm, gió thổi mỗi chiều, trăng sáng mỗi đêm. Và Nhật bỗng thấy đời mình còn lại chỉ biết thiết tha, chìm đắm với gió, mây, trăng, và cây cỏ nồng nàn.

Nhật ngồi xuống bãi cỏ tươi mượt, mát rượi. Con đường dẫn lên ga trơ trọi những hòn sỏi trắng cạnh những cây lá hoang sơ lan tràn, lấn át, phủ lấp. Có dôi chỗ những nhánh cây mọc dài ra, ngăn giữa đường. Những dây leo nhãn lồng bò ngoằn ngoèo trổ bông tím trái vàng che khuất lớp đá sỏi giữa lộ ở xa trông như một lớp cỏ xanh. Con đường này, chính trên con đường hoang vu cô tịch này, Nhật đã mỗi chiều đi qua, lặng lẽ, thơ thẩn, dàu dàu như sắc lá hoàng hôn. Như nắng vàng tàn tạ. Nhật đã đi hết con đường lau lách qua khỏi nghĩa địa trập trùng, để đến ngồi trên thềm sân ga vắng tanh nhìn hút mắt con đường sắt hoen rỉ hai chiều mà ước mơ tưởng nghĩ tới những giấc mộng hoang đường có một chuyến tàu ghé bến chở anh trong một toa tàu rộn ràng tiếng cười đi mất vào một bến bờ nào đó không có bên cuộc sống. Nhưng ga vẫn vắng bặt, chuyến tàu mơ mộng không nghe kéo còi, con đường sắt hoen rỉ trơ vơ chìm dần vào bóng tối mịt mù; lúc đó Nhật mới đứng dậy, chậm chạp, thơ thẩn quay trở lại nghĩa địa, qua con đường mập mờ cây cỏ, về nhà.

Có một buổi chiều từ ga trở về, Nhật không theo lối cũ để qua nghĩa địa, và con đường vắng vẻ kia. Anh đi vòng xuống cửa Tây để vào Thành. Có lẽ Nhật không muốn phải đi mãi trên ngõ đường buồn bã, ghê rợn nọ: Anh sợ những nấm mộ bỏ hoang đất bày dấu đạn, và những nhánh cây tua tủa vướng mắc gót chân như có bàn tay nào vô tình giữ lại. Cửa Tây: con đường dẫn vào thành Đồ Bàn, thành nội, vùng đất mênh mông, dãy gòn lớp lớp kết trái dày đặc, hoa trắng nở đầy, gió lùa mênh mang, dấu tích rực rỡ một thời Chiêm Vương, Chiêm nương ẩn hiện. Giữa cõi bao la của đất trời, những bông gòn trắng rơi nhẹ, bay bay, lãng đãng như những chùm hoa mong manh, từ tay những Chiêm nương trên cổng thành thả xuống. Gió âm thầm đưa những cụm bông gòn, thổi dạt dào mùi hương những bông hoa dại kết tụ của bầu trời đầy hoa trái hiền dịu, cách biệt. Vào trong thành, Nhật ngỡ như mình đi lạc vào một chốn nào êm ái, thơ mộng, bình yên quá. Cỏ cây hoa trái một màu tươi tốt nguyên vẹn không hề có bàn tay người lay động. Màu xanh ngút trong tầm mắt. Xa xa, những chiếc cổng đồ sộ, loang lỗ, rêu mốc sừng sững cô độc với năm tháng mịt mờ, dâu bể. Nhật đi lan man giữa cõi yên lành khôn cùng đó với ý nghĩ rằng mình đã trở về, sống lại thuở đời hoang dã, lạnh lùng, đơn độc của mấy nghìn năm trước.

Một trái gòn khô rơi phía trước mặt Nhật, anh cúi xuống nhặt: trái gòn đã nức hẳn vỏ, lớp bông trắng đã bay đi gần hết. Nhật nghĩ, có lẽ đã quá ngày hái gòn rồi. Bảy năm, những trái gòn được hái đúng ngày nhưng gần hai năm nay, những trái gòn đã bị bỏ quên bởi những trận oanh tạc và càn quét của Pháp mỗi ngày một tiến sâu vào những làng cách xa bờ biển. Tới lúc nhà cửa, ruộng vườn còn bỏ lại, thì những trái gòn có đáng gì để cho người ta tiếc nghĩ đến đâu? Vậy mà những năm trước, ít ai được quyền nhặt, hái những trái gòn này cả. Họ có bao giờ nghĩ tới lúc những trái gòn bị gió cuốn bay đi gần hết, và rụng rải rác giữa đất cát bụi bờ hoang vắng này, mà đừng cãi cọ, tranh giành ồn ào ? Thói thường vẫn vậy, người ta thường bị lôi cuốn bởi những đòi hỏi lợi lộc trước mắt mà hiếm khi chịu nghĩ xa hơn một tí. Chỉ một hai năm thôi, những trái gòn này đã là một thứ bị bỏ quên, không cần thiết nữa.

Nhật bỗng nhận ra bóng một người thấp thoáng, ẩn hiện sau những thân gòn, những bụi cây cạnh ngôi chùa cổ đã sập đổ. Anh bước dần về hướng đó: một người lạ nào đã lẩn quẩn trong thành? Từ sau những bận khu phố bị bỏ bom lửa, bị oanh tạc ngày đêm, anh chưa hề gặp bóng người nào lui tới trong thành: Người nấn ná ở đây đã bỏ theo đoàn người tản cư lên sâu những miệt núi. Ngay ở xóm Nhật, sự còn lại của anh và một vài gia đình lẻ tẻ, khốn khó, là một nỗi tuyệt vọng, liều lĩnh, thí mạng với bom và đạn. Ở trong thành, vốn ít người, tất cả đã gồng gánh, dắt díu nhau ra đi từ mờ mờ sáng, sau buổi chiều, cả xóm bị dội bom, đốt cháy gần trọn nhà cửa. Nhật vạch từng lùm cây, bụi cỏ, dõi mắt tìm sau những hàng gòn sù sì, to lớn. Bóng người vượt thoăn thoắt qua những thân gòn, người lom khom, bé nhỏ. Nhật bỗng reo lên : Ê, nhỏ, thằng nhỏ… Thằng nhỏ nghe tiếng gọi vang dội đứng khựng lại, ngơ ngác, láo liêng, chợt nhìn thấy Nhật, nó

mỉm cười. Nó cúi xuống nhặt những trái gòn dưới chân, chờ đợi.

Nhật cười với thằng bé :

-Nhặt được nhiều không em?

Thằng nhỏ ngửng đầu cười lộ hai chiếc răng gãy :

-Nhiều, nhiều lắm à …

-Em nhặt về làm gì mà nhặt nhiều vậy ?

-Chị Cơ sai em đi nhặt gòn, chị ấy nói nhiều chừng nào giỏi chừng đó mà.

Nhật ngó nét mặt thơ ngây nhưng đã sạm đen màu kham khổ của thằng bé, thấy nó dễ thương lạ lùng. Nhất là đôi mắt của thằng nhỏ: Đôi mắt mở to, tròn, đen láy dưới hàng lông mi dài. Mái tóc hớt carê lởm chởm không ngay ngắn. Nó mặc một chiếc áo đen, nhiều lỗ vá, kỹ lưỡng, và một cái quần cụt trắng đã ngã màu đất. Nhìn những mảnh vải vá cẩn thận chằn chịt, Nhật biết chắc nó cũng được cưng chìu, lo lắng nhiều. Những tấm áo quần rách được chằm vá lại cũng là một điều hiếm hoi với những đứa nhỏ. Nhật xoa vào đầu thằng nhỏ, cười lớn :

-À, chị Cơ, bây giờ chị Cơ đâu rồi ?

Thằng bé ngước lên nhìn Nhật kỹ hơn, giọng ngạc nhiên :

-Bộ anh quen chị Cơ tui hả ? Chị Cơ ở nhà chớ đâu ở đây mà hỏi ?

Nhật vẫn giữ giọng nói trong tiếng cười cợt cũ :

-Quen , quen chứ . Mà nhà em ở đâu, xa không?

Thắng nhỏ xoay người lại, đưa tay chỉ?

-Đó, nhà tui ở trong cổng thành kia kìa…

Nhà tui ở trong cổng thành kia kìa: À, thì ra căn nhà của thằng nhỏ, của người con gái tên Cơ nào đó chui đục ở trong một cổng thành. Cái cổng thành đồ sộ trăm nghìn lớp đá vững chắc nọ làm một nơi trú ẩn kiên cố dưới những làn đạn oanh tạc của những đoàn máy bay Pháp thì thật là tuyệt. Căn nhà, chiếc cổng thành Đông cỏ mọc um tùm bốn phía, sớm chiều chim sáo dập dìu làm tổ trên nóc, là nơi dừng lại của gia đình thằng nhỏ từ một vùng biển gió cát khốn đốn nghèo xơ. Nhật đã không ngờ, một miền đất mà người vừa hãi hùng rời bỏ lại là vùng đất yên lành, là cõi sống cho gia đình người con gái có cái tên rất nên thơ: Mỵ Cơ, Huỳnh Thị Mỵ Cơ.

Nhật đi theo những bước chân của thằng nhỏ trở lại “căn nhà”, chiếc cổng thành trơ trọi trống trải, như đi theo sự dẫn dắt tình cờ rộn rã. Từ giữa con đường bưng bít những cây ổ tàu, vú dẻ, hoa dại, Nhật đã trông thấy Mỵ Cơ – người chị nhu hiền, e lệ. Trông thấy chị, thằng nhỏ chạy tới, trên vai mang nặng bao gòn đã nhặt được. Nhật giữ từng bước đi chậm, thực chậm, cốt ý để cho thằng nhỏ trả lời nỗi ngạc nhiên của người chị bé nhỏ kia.

Thấy Nhật tới gần, Cơ nói :

-Anh cũng ở trong thành ?

Nhật nhìn thằng nhỏ, cười :

-Tôi là chủ thành mà. Hồi nãy tôi đã nói chuyện với chú em rồi.

Cơ cười theo Nhật. Tôi chủ thành mà, chắc nàng cũng cảm thấy yên vui khi biết được, trong khu thành mênh mông cây cỏ này, còn có những người lưu lạc, lang thang, bơ vơ như nàng. Sự khổ cực lạc loài bao giờ cũng dễ đem lại nỗi gần gũi tha thiết cho hai cảnh ngộ cùng số phận. Một thoáng, tự dưng Nhật nhìn người con gái với ánh mắt khác lạ: Anh coi nàng như một đứa em tội nghiệp cần được cưng chiều, cần được vỗ về, an ủi. Những đứa em gái của anh nếu còn sống, cũng bằng tuổi nàng.

Thằng nhỏ bỏ đi vào phía trong cổng thành với bao gòn khô. Bóng nó mất hút, im lìm sau những bụi cây phía trước cổng. Trông nó rất giống một con thỏ chui vào hang. Nó là một con thỏ con. Trong hang đó còn những thỏ mẹ, thỏ chị nữa. Con thỏ chị đang rụt rè, bỡ ngỡ trước mặt anh đây. Con thỏ có đôi mắt to, tròn, đen lấp lánh. Có đôi má hồng, có mớ tóc mượt, có nốt ruồi nhỏ dưới khóe môi tươi. Nhìn suốt từ tóc tới chân Cơ một lượt, Nhật hỏi:

-Bác đi đâu rồi ?

Cơ ngước đầu lên, cười má lúm đồng tiền :

-Má đi qua bên kia sông…

Một buổi tối trăng lên thực sớm, thực trong, thực lạnh, Nhật nghĩ tới Cơ và chiếc cổng thành hoang vu giữa cỏ cây u tịch. Nhớ tới Cơ như nhớ đến hình ảnh êm dịu cuối cùng còn lại giữa lớp lớp lau lách phiền muộn. Trong nỗi cô độc mỏi mòn lòng người dễ yếu mềm xúc động. Nhật nhận thấy, bóng dáng Cơ khó lãng quên được trong giòng nhớ tưởng vu vơ mỗi chiều. Những giây phút êm ả hiếm hoi với nàng trong chiếc cổng thành ấm cúng của khoảng đời bạc bẽo, trống không đã vô tình khắc đậm lên trí nhớ Nhật đến nỗi anh cứ ngỡ là đã cùng nàng trải qua ngàn ngày thênh thang thơ mộng. Huỳnh Thị Mỵ Cơ, con thỏ xinh xắn, người chị bé bỏng rụt rè, tấm thân lưu lạc, đứa con gái miền biển sôi động mịt mù gió cát, bây giờ đã là ánh lửa ấm áp nhất sưởi ấm anh nửa đời dong ruổi còn lại. Nàng như một nàng tiên giáng trần kịp lúc để cứu vớt Nhật ra khỏi nỗi thất vọng của những buổi chiều thơ thẩn trong con đường quấn quít cây lá, khu nghĩa địa lạnh lẽo, sân ga buồn tênh không còn nghe tiếng còi tàu nào vọng lại cho ước mơ được một lần nhìn thấy. Từ ngày gặp thằng nhỏ, có Cơ, Nhật đã thấy sợ hãi con đường bụi rậm hoang dại dẫn lên ga.

Trăng sáng vằng vặt trên cao soi rõ nỗi vắng lặng mênh mông của cây cỏ chung quanh. Những chiếc trụ cột của dãy chợ đằng xa trông lâu như những thân người dựng đứng, chờ đợi. Những nhánh gòn in rõ nét giữa khoảng trời bao la, nhuộm vàng ánh sáng, cũng lặng lẽ, đìu hiu quá. Nhật nhìn xuống con đường dẫn ra phố: Trong ánh trăng rộn rã trong vắt kia, anh không còn nhìn thấy một bóng dáng nào. Những gia đình nào ở lại chắc đã trở về với công việc quanh quẩn trong nhà, trước sân. Nhật quyết định: Phải vào thành.

Qua khỏi con đường nhỏ phủ nhập cỏ, anh đi vội vã giữa hai dãy phố hoang phế, âm thầm. Thỉnh thoảng. Nhật quay ngó lại những căn nhà quen đã đổ sập, cháy đen, rồi lại cắm cúi bước. Bước. Bước. Bước cho nhanh vào trong thành. Ở đây, chung quanh chẳng còn gì để nhìn ngó, trông đợi. Nhật bỗng nghe tiếng chân mình gấp gáp vội vàng, anh lại ngửng đầu nhìn ngó chung quanh: Những chiếc cột cháy đen, những bức vách ngã sập một nửa, vài căn nhà còn sót cửa đóng im ỉm, những đống gạch vụn lồ lộ, từng mảnh áo quần lay động, những tiếng chân chuột chạy lạt sạt, vài chú mèo lang thang; tất cả như đang nghe ngóng, dõi theo từng bước chân khua động của Nhật. Trăng vẫn sáng. Trăng vẫn lạnh. Trăng vẫn Bình yên. Nhật vừa bước, vừa ngước nhìn mảnh trăng tỏ trên đầu.

Tới cửa thành đầu tiên để dẫn vào thành nội, Nhật chợt dừng hẳn lại: Màu trăng ở trong thành có vẻ gì khác lạ với ánh trăng dưới phố. Trăng ở đây rực rỡ, êm ái hơn. Ánh sáng không nhuốm chút vàng vọt héo hắt như giữa hai dãy phố tan hoang, ảo não dưới kia. Trăng sáng ở trong thành một màu tươi thắm, bao la, dịu dàng đến ngây ngất. Nhật chui vào trong cổng thành, đi sâu vào thành nội. Anh đi nhìn bóng mình loáng thoáng bên bóng của những hàng gòn, nhánh gòn in rõ trên đường. Anh đi nhớ tới con thỏ dịu hiền, đưa con gái miền biển nước da đen chắc, người chị cam phận nhỏ nhoi, đôi mắt mở to tròn đen láy, nốt ruồi nhỏ điểm dưới khóe môi tươi. Hình ảnh Cơ như càng sáng rõ hơn trong nỗi tưởng nhớ của Nhật. Chừng như ánh trăng trong tươi thắm chung quanh đã giúp anh chắp nối, tìm kiếm thêm từng mảnh vụn nồng nàn thắm thiết về nàng.

Nhật nhận ra chị em Cơ đang ngồi trên tản đá phía trước cổng thành. Giữa màu xanh của cây cỏ bị nhuốm ánh trăng, tản đá nổi rõ màu trắng, và dáng Cơ trông lung linh, mơ hồ như một tấm tranh vẽ nhòe. Thấy được Nhật, Cơ lên tiếng hỏi sau chuỗi cười dòn dã :

-Anh Nhật, anh Nhật kia…Anh Nhật tới chơi à ?

Vâng, anh Nhật không tới chơi mà anh Nhật tới thăm Cơ vì nhớ quá. Anh Nhật tới vì nhớ, không phải vì đi chơi. Từ ngoài đó vào đến đây chơi ban đêm thực là một chuyện anh chưa làm trước đây bao giờ. Nhật đến ngồi trên tản đá, cạnh thằng Cương(thằng nhỏ, em Cơ). Cương ngồi sít vào chị, tay khác chống xuống tản đá, nhìn Nhật cười thẹn thuồng. Chắc thằng nhỏ cũng biết Nhật nhớ chị mình? Nó đã chẳng nằng nặc theo hỏi Nhật sao anh tới nhà em hoài vậy, anh Nhật, đó sao ? Nhật xoa tay lên đầu nó, thấy nó rất giống chị: Ưa cười rụt rè, hay cúi đầu phân vân. Nhật cầm cánh tay trần gầy ốm của nó:

-Má đâu rồi Cương ?

-Má ở trong nhà …

Cơ bỗng cười lớn :

-Em đã dạy nó cái cổng thành không phải là “nhà” mà cứ kêu “nhà” với cửa hoài …

Nhật nói:

-Thì trước đây là cổng thành, bây giờ là nhà không được sao? Gọi như Cương mà đúng, nơi mình trú ngụ, thì gọi là nhà được hết, lại hay nữa.

Cơ cười, xoay lại nhìn em:

-Anh bênh nó nữa mà…

Nhật rủ chị em Cơ đi bộ về ngã sông Trường Thi một lát cho mát, Cơ chịu liền. Cương lẵng lặng đi theo chị. Đi hết quảng đường ngắn đắp cao trên bờ thành, ba người rẽ xuống con hẻm nhỏ dẫn xuống một ngôi xóm nhỏ, bỏ hoang, cây cối mọc lan tràn hiu quạnh. Đi giữa những hàng tre dày lã ngọn, bóng trăng mơ hồ, gió dìu dặt lay động những cành tre nhỏ. Nhật nghe như mình đi vào cõi êm ái, riêng rẽ nào đó không dấu chân người. Không còn những ưu tư, xao động, đau xót. Cơ ngoan ngoãn rụt rè bên anh, trong bóng tối mờ nhạt của những bóng trăng loang lỗ, rất giống đứa em gái nặng lòng. Còn Cương, từ khi rời tản đá, rời cổng thành, nó lặng lẽ như một cái bóng âm thầm, tội nghiệp. Cơ bỗng nói, thường ngày mẹ qua đây để thăm một người thím ở mãi tận trong cái xóm gần núi, nàng ít khi được mẹ cho đi theo. Nàng không ngờ, ở mãi trong hóc núi kia, vẫn còn có người sống. Bám núi mà sống như thuở người du mục. Nhật bảo cái xóm này lúc xưa đông đảo người ở lắm, từ sau ngày bị bỏ bom, oanh tạc liên tiếp, họ bỏ trốn hết trơn. Xóm làng không có người ở, trông dễ sợ, và buồn bã quá. Cơ cười, anh cũng sợ nữa à ? Từ ngày về sống

dưới cổng thành lẻ loi, hoang dã này, em không còn sợ hãi như bấy khi nữa. Hồi còn ở dưới quê, chỉ toàn thấy biển, cát, và hàng dương thôi. Đi tản cư lần hồi hết miền này tới miền khác, được thấy nhiều, phải sống cô độc giữa đồng, dưới chân núi, lâu rồi thấy quen hết. Nàng kể lại những cảnh đẹp ở quê nàng: Đó là một xóm miền biển. Từ nhà trông ra biển, một bãi cát rộng, một hàng dương dày, những chiếc thuyền buồm, những tấm lưới đen giăng mắc, đám dân đen đúa hiền hậu, những buổi sớm đi bộ ra bãi cát, thơ thẩn dưới hàng dương mà nhìn từng đợt sóng vỗ êm đềm, những chiều tà ngồi với mẹ và bạn bè đón trăng hóng gió dưới gốc dương cao vút, trên bãi cát trắng mịn, rủ Cương chạy đi đuổi còng bắt còng… Nàng kể lại một mạch tất cả những chuyện cũ từng hình ảnh chất chồng, nối tiếp khiến Nhật không nhớ rành mạch, thứ tự được. Anh chỉ nhớ được một điều : Giọng nàng kể thực tha thiết, triền miên. Qua giọng kể, những tiếng cười, những hình ảnh chắp vá, Nhật cũng hình dung được bóng dáng nàng nồng nàn ở một cái xóm kề biển nào đó rất thơ mộng. Anh bị xúc động và phấn khởi cũng bởi cái giọng nàng nhiều hơn là những kỷ niệm mơ hồ, êm ấm xa lơ nào đó. Thỉnh thoảng, qua ánh trăng chiếu xuyên những cành tre thưa, Nhật cố ý nhìn lâu trên nét mặt nàng . Đó là một khuôn mặt đầm ấm, dịu dàng.

Đứng bên này bờ sông nhìn bên kia bờ sông ánh trăng rực rỡ, bằn bặt, mênh mông trên một thảm cây lá màu xanh thẫm, nhung mượt. Rất xa, những túp nhà tranh thấp, lẩn khuất lờ mờ bên những bờ bụi, cây lá vươn cao. Dãy núi tận cuối xóm đen hẳn, như một con vật khổng lồ nằm im lìm, bao quanh cánh đồng, làng mạc. Cơ chợt kéo tay Nhật, chỉ xuống dòng nước lặng lờ, một lớp khói sương phủ kín mờ ảo, vương vất. Dòng sông lạnh băng. Khói sương phủ nhẹ. Cạnh dòng sông nhuốm màu óng ánh của ánh trăng bạc, bãi cát nổi trắng ngần trông lâu như lớp vải mỏng căng đầy, rung rinh, chuyển động. Gió từ hướng sông thổi hắt hơi nước, mang nỗi vắng tanh của làng xóm hiu quạnh, đem hơi thở của trùng điệp cỏ cây tới, tự dung, cả hai người cùng muốn quay trở lại. Hai bàn tay đã nắm chặt trong nỗi cô độc nghìn trùng này.

Khi đưa Cương vào thành, Cơ vẫn còn thấy mẹ ngồi nhặt bông gòn ra khỏi vỏ dưới ánh đèn dầu dừa lù mù. Nàng hỏi sao mẹ không mang ra giữa sân, có ánh trăng, có mát hơn không. Bà ngước lên nhìn Cơ, ánh mắt sáng dưới ánh đèn đỏ, nụ cười nhẫn nại bao dung, nói ra ngoài lâu, mẹ bị lạnh. Ánh trăng trong, gió rộn rã, cỏ cây vắng vẻ quá, có thể sẽ làm mẹ bị lạnh. Một nỗi lạnh lùng được toát ra từ những nhớ tưởng sum vầy, đoàn viên cũ. Mẹ đã nghĩ gì từng đêm ngồi làm việc lặng lẽ bên ánh đen dầu lù mù, cô độc đó ? Nếu biết được hết những xót xa, ray rứt đã cam chịu trong lòng mẹ, chắc là nàng sẽ buồn lắm.

Cơ ngồi xuống bên cạnh mẹ, ngước nhìn bà, giọng cười trong vắt:

-Con đi chơi trong thành với anh Nhật một chút, nghe má ?

Bà dừng tay làm, quay lại nhìn Nhật mỉm cười :

-Đừng dẫn em đi xa, nghe con ?

-Dạ.

Cơ đứng dậy:

-Con đi quanh quẩn trong thành thôi…

Hai người nắm tay, đi về hướng ngôi chùa cổ. Đó cũng là con đường duy nhất dẫn ra giữa thành, giữa những hàng gòn cao, đơm bông trắng như tuyết. điểm trên những nhánh gòn dài, đen, những trái bông gòn nở trắng trông như một đóa hoa tinh khiết dưới ánh trăng bàng bạc. Ở xa, Nhật đã nhìn thấy dày đặt những trái bông gòn trắng mịn nở đầy cành. Phía dưới, một vùng bao la cây cỏ lấp lánh, một màu tối, êm ả lạnh lùng. Giữ tay Cơ trong tay mình, anh cảm thấy như được chuyền dẫn tới tâm hồn vô vàn niềm vui, và hy vọng. Những niềm vui và hy vọng mà suốt trong tuổi thanh xuân, anh chưa hề bắt gặp, tìm thấy.

17 - nguyệt san việt văn mới số 13 – ngày 15 tháng 7 năm 2014 .

Họ bắt đầu đi dưới những hàng gòn cao. Hai chiếc bóng thấp thoáng, nhỏ bé, im lặng như cây cỏ. Ánh trăng dõi theo, soi rọi từng bước chân dè dặt, khép nép. Thỉnh thoảng, gió thổi bay tung mái tóc thả dài, óng ả của Cơ. Nàng đưa tay cuốn lại mớ tóc rối. Nhật nói :

-Em có tưởnng tượng nỗi cũng chính trong ngôi thành này đã có một thời huy hoàng, tấp nập những Chiêm nương lui tới không?

Cơ ngước lên nhìn chậm vào mặt Nhật:

-Bây giờ hoang tàn quá, em khó mơ tưởng được.

Nhật vẫn mắt nhìn mông lung vào cỏ cây, khoảng trống phía trước:

-Anh thì khác, mỗi bận vào thành, anh lại bị cái cô tịch này ám ảnh, nhắc anh tưởng nghĩ tới những lúc trước, thật xa…

-Anh thường nghĩ tới những hình ảnh gì nhất ?

-Anh nghĩ tới một thời xao động, vàng son của một triều đại. Cảnh vua Chiêm xênh xang áo mão, bầy tôi ra vào tấp nhập, và những Chiêm nương xinh đẹp trong những tấm áo màu loạn sắc cười nói ríu rít trong những ngày hội…

Tiếng Cơ cười ròn rã :

-Vậy anh có mê cô nào không?

Nhật đi chậm hẳn lại, hôn nhẹ lên mái tóc ẩm lạnh của Cơ :

-Cái đó thì dĩ nhiên rồi. Anh còn mơ sẽ được cùng một Chiêm nương nào đó đi dạo, vào một đêm trăng tròn, bây giờ thì anh đã toại nguyện rồi…

Cơ cười thầm, cười rúc rích bên Nhật. Ánh trăng chênh chếch ngã về hướng Tây, gió về khuya nghe lạnh thấm thía. Nhật chỉ cho Cơ nhìn thấy cái nền đất cao, nơi đó một dấu tích còn lại, mình tới đó ngồi một lát, rồi về. Và, hai người rẽ vào đám cỏ cao. Cỏ cây dày đặt trên những con đường Chiêm nương đã đi. Cỏ cây mọc hoang vu trên nền xưa là đền đài của một tiểu quốc kiêu hùng nhưng vô cùng lạc lõng, bất hạnh. Cỏ cây rồi sẽ mọc lan tràn, tịch liêu khắp chốn. Ngay bây giờ, lúc này, cỏ cây đã bao phủ bốn bề, tốt xanh trong tâm hồn Nhật.

Cơ ngồi xuống bực thềm, cạnh những ngọn cỏ mướt. Nhật đứng từ nền cao, hướng nhìn về bốn phía: Đông, tây, nam, bắc, tất cả cũng đều bị cỏ cây và nỗi đìu hiu xâm chiếm. Nhật cúi xuống đặt một bàn tay lên vai Cơ. Nàng quay lại, ngước lên. Nhật cúi lên hôn đôi má nàng, hôn lên đôi mắt mở to tròn đen láy, hôn lên nốt ruồi cạnh khóe môi tươi, hôn lên con thỏ hiền hậu, hôn lên người chị bé bỏng rụt rè buổi chiều nào mới gặp. Nhật ngồi xuống, cảm thấy thân thể nhẹ hẫng, ngây ngất…

Trăng mê man, bất tận vẫn còn sáng rực rỡ trong thành Đồ Bàn.

MANG VIÊN LONG

NGƯỜI HUYỄN TƯỞNG

truyện ngắn

NGUYỄN VĂN SÂM

Chú Ba Chịu cầm cây gậy tre người cháu rể mới chuốt cho mấy ngày nay gõ nhè nhẹ lên cánh cửa cổng sắt rồi cẩn thận bước ra ngoài. Gió sớm mai lành lạnh khiến chú lưỡng lự một lúc rồi đứng lại sau khi bước được vài ba bước quen thuộc. Chú cẩn thận kẹp cây gậy vô giữa hai đầu gối. Chú giơ hai tay lên trời, đưa lên đưa xuống, hít thở chút không khí trong lành buổi sáng rồi cầm gậy quơ quơ trước mặt như người mới chập chững tập múa côn quyền. Chú đứng im lại, quay về phía Xóm Trong khi nghe tiếng rao mời mua giấy số mỗi lúc đến gần chú hơn.

Giọng người bán giấy số nhừa nhựa, có hơi quen quen mà chú không biết sao lại hơi quen quen. Có thể là mấy bữa nay ngày nào cũng nghe ông ta rao hai lần: buổi sáng vừa bảnh mắt ra và buổi chiều lúc nắng vừa hơi dịu dịu gần giờ cái loa ở đầu kia oang oang bắt đầu phát thanh buổi chiều. Nghe rao mời riết rồi có cảm giác quen quen chăng?

Chú về ở căn nhà nầy cả tháng nay rồi. Việt kiều già đặc biệt như chú làng xóm chẳng ai thèm chú ý chi cho mệt. Chú sống thanh đạm với cặp vợ chồng đứa cháu, để được tụi nó lo cơm nước chợ búa hằng ngày. Ngoài chuyện đó, mọi thứ khác chú tự lo liệu được. Đơn giản thôi mà, tất cả mọi chuyện lần lần rồi sẽ quen đi. Phải tự lo liệu chứ không thể quá dựa vô người khác được, cái gì cũng kêu réo, chuyện gì cũng nhờ vả thét nó mụ người đi. Còn chưn tay lành lặn, còn trí óc minh mẫn là còn tất cả, chú tự nói với mình như vậy, và chú cũng nói câu đó với người nào khen mình khi thấy chú lui cui tự làm lấy công việc hằng ngày, đáng ra phải có người khác lo giùm giúp.

Người bán vé số ngừng lại trước mặt chú:

"Mời ông mua giùm vài tấm giấy số. Số 43, 77 kỳ nầy là hên lắm đó. Còn có mấy tấm nầy thôi."

"Cám ơn, tôi không mua giấy số, chơi cái nầy kể như liệng tiền vô thùng rác. Sớm mơi mua, chiều dụt". Chú làm ra vẻ thân mật nói trong khi cười cười.

"Ông mua thử coi, chiều nay biết đâu ông trúng lớn. Mặt ông coi rạng rỡ hết biết, chắc là Thần Tài tới viếng chiều nay. Cái hên coi bộ vô tay ông chiều nay đó", anh ta nhấn mạnh thêm. "Chuyện đời mà, ông có thời, cầm tấm đó thì trúng lớn, người khác không có thời, thất đức, cầm nó thì lại không trúng cắc nào."

Anh chàng nầy lẽo lự dữ bây! Miệng lưỡi nầy thường là không thiệt tình!

"Trước đây tôi mua nhóc, tuần nào cũng mua cả xấp, giờ thì thấy không cần thiết nữa. Bỏ chơi rồi. Trúng trật không làm mình quan tâm nên không mua làm gì."

"Buôn bán bây giờ khó khăn quá. Ông biết không, mình là lính thất trận lại bị xui xẻo nên mới khổ như thế nầy, nếu hên như người ta thì bây giờ cũng Việt kiều Việt kiết, đâu phải lội rã giò mỗi ngày, mời thiên hạ từng tấm giấy số để kiếm kiếp sống thừa."

Chú Tư Chơi thấy hứng thú để nói chuyện với anh chàng bán vé số. Chú nói trong khi đưa cây gậy kẹp giữa hai chưn như trước:

"Đâu anh lựa cho tui hai tấm với mấy con số anh vừa nói coi. Chiều nay trúng tôi chia anh phân nửa. Trúng số mà giữ xài mình ên thì mất phước đi."

Người bán vé số đưa lên miệng sảng khoái hít một hơi thuốc thiệt dài rồi liệng tàn ra xa, thở một hơi dài thích thú tuyệt đỉnh, coi câu nói hứa hẹn của khách như không có. Chú Tư nhăn mặt khó chịu vì hơi thuốc từ miệng anh ta phả ra.

"Anh hút thuốc ngon lắm sao, tôi ngửi mùi không thôi cũng thấy khó chịu."

Người bán vé số không trả lời câu khích bác của khách, ông ta có sự tính toán riêng.

"Còn năm tấm nầy nữa ông mua luôn đi cho chẵn khỏi thối. Năm chục ngàn. Bữa hôm nọ còn ba tấm chót tôi mời ông kia vậy mà là ba tấm độc đắc. Hên ghê!"

Chú Tư Chịu lắc đầu, đưa tay vô túi móc ra hai tấm giấy mười ngàn.

"Mua một hai tấm, trúng thì cũng trúng, mua ê hề cả đống tới chừng trật cũng trật tuốt."

"Ông nói đúng. Như tôi hồi đó lên được tàu nhỏ rồi, cầm cái *sam sông nai* đầy *tiền đô* rồi mà bây giờ cũng ở xứ nầy, nghèo vẫn hoàn nghèo. Không có số hưởng thì chịu ông ơi. của vô tới miệng cũng trớt mỏ như thường."

Chú Tư nhớ tới chuyện của mình. Chú thở dài. Qua tới Mỹ chắc đâu đã sướng. Tùy người thôi. Hai mươi năm bương chải nhà cửa, con cái đề huề, bỗng bị tai nạn, giờ cốt khỉ hoàn cốt khỉ. May mà còn được cái trợ cấp bịnh tật, không thôi thì trớt đít, trơ mỏ, có môn cạp đất mà ăn.

"Đâu anh nói rõ ràng coi, tôi không hiểu, lên được tàu nhỏ thì chạy chừng nửa giờ là lên tàu lớn. Trở thành Việt kiều dễ như cơm, sao lại không được?"

Người bán giấy số không trả lời, anh cầm hai tay mấy tấm giấy số, đưa ra, lắc lắc:

"Ông mua giùm thêm mấy tấm nữa nhe! Bữa nay nói chuyện được với ông chắc là tôi hên, bán hết sớm. Lớn tuổi rồi, nói thiệt với ông, đi rã giò, chán đời lắm."

Anh ta chìa chìa một cách kiên nhẫn mấy tấm giấy số trước mặt chú, mà coi bộ chú Tư Chịu lơ đãng sao đó như là không thấy, anh ta phải ấn ấn vô bàn tay chú.

"Ông biết không, tôi nhảy được lên tàu nhỏ với thằng bạn thân, nhưng mà người ta nhảy lên nhiều qua nên tàu không chạy được, cuối cùng thì chìm lỉm. Tôi vừa cố gắng giữ cái cặp tiền, vừa phải lo nâng thằng bạn, sợ nó chết chìm nên mình bị mệt đuối, cuối cùng thì..." Người bán giấy số ngừng lại không kể nữa, anh ta rút thuốc ra châm lửa hít một hơi dài, chàng ràng, xoa xoe tập giấy số, mắt láo liên nhìn chung quanh coi có ai đi ngang qua để mời mua. Cặp mắt anh ta và cử chỉ phối hợp rất nghề nghiệp.

Chú Tư kiên nhẫn đợi, nhưng không nói gì. Chú đưa tay ra quơ đụng xấp giấy số và nhón lấy thêm hai tấm nữa.

"Cuối cùng thì lội được trở vô bờ. Ở lại tới bây giờ đây, chán thấy mẹ nội luôn. Lúc đó cũng có đi lanh quanh trên bờ tìm tàu khác, nhưng trễ rồi, hỗn quan hỗn quân, lính thua trận đen nghẹt, mình đâu đủ sức nào xuống ghe tàu nữa. Thôi về!"

"Có cứu được người bạn của anh không?"

"Có mà nói ra thêm buồn."

"Sao?"

"Anh ta giựt cái cặp tiền của tôi, lẩn trong đám đông đi mất. Mình thất tha thất thiểu buồn chết mẹ, có lúc muốn bắn vô đầu một phát chết mẹ nó cho rồi. Thua trận mà giờ chót còn bị bạn lừa gạt. Phải chi người lạ cũng cam lòng."

Chú Tư rùng mình thiệt mạnh, như cơn gió lạnh nào thổi qua người chú mà chú mặc áo không đủ ấm. Chú gợi thêm cho người đối thoại có chuyện tuôn ra:

"Chắc là anh bạn của anh bị người ta chen lấn nên hai bên mất dấu nhau chứ gì. Lúc đó thiệt là dễ lạc nhau, vợ lạc chồng, cha mẹ lạc con thiếu gì. Bạn bè càng dễ lạc, đâu ai nắm tay bạn chầm chập bao giờ."

"Tôi biết! Nhưng không phải vậy đâu. Thằng đó tánh nào tật nấy thôi. Ăn cướp cạn! Giựt dọc!" Người bán giấy số nói lớn tiếng hơn, giọng bực bội.

Chiều 28 tháng Tư, Trung úy Bảng Chi Khu Phó cho tập hợp các ban ngành còn lại để ra lịnh đối phó với tình hình quá nặng nề trước áp lực của địch quân. Trung sĩ Chịu đi qua lại trước phòng họp để coi an ninh như hồi đó tới giờ. Phòng họp vắng tanh, chỉ còn vài mống, không ồn ào như trước. Nghe được tiếng còn tiếng mất từ giọng Trung úy Bảng. Tình hình thiệt là nghiêm trọng. Mình có bổn phận phải giữ vị trí tới giờ phút cuối cùng. Nhưng làm được tới đâu hay tới đó. Ai cũng có gia đình, vợ con, ai cũng phải lo mạng sống của mình... Có chuyện gì thì anh em cứ lo thân nhưng nhớ đừng thả tù ra nhe mấy cha, tụi nó có thể quay lại *thịt* mình vì căm thù, vì cần cướp giựt gì đó. Nguy hiểm lắm...

Trung Sĩ Chịu nhớ tới thằng Chơi, bạn thời Tiểu học với mình. Nó nằm trong đó chờ gởi về tỉnh để gỡ lịch. Ở xã gởi lên lâu rồi, bị bắt trong một cuộc hành quân trong vùng họ kiểm soát lâu nay. Không biết tính sao với nó giờ đây. Còn nhớ cặp mắt dửng dưng của nó khi nhìn thấy mình nhưng sao vẫn thấy ngùi ngùi vì nó là thằng bạn cũ duy nhất thời Tiểu học mới được gặp lại. Còn nhớ bàn tay mặt bốn ngón của nó, tai nạn do hồi năm đó hai đứa thi nhau cắt cỏ bò bằng tay trái cầm liềm. Tội nghiệp hồi nhỏ hai đứa là cặp bài trùng: thằng Chịu, thằng Chơi. Làm gì, đi đâu cũng có nhau, hễ gặp một thằng thì thế nào cũng bị người lớn hỏi còn thằng Chịu (hay thằng Chơi) đâu?

"Tôi còn nhớ là nó kêu tôi đưa nó cầm giùm cái cặp, tôi không chịu, rồi sau đó trong khi chen lấn nó giằng thiệt mạnh, quyết liệt, nói là tôi giữ thì bị mất, nó lanh hơn, giữ mới yên. Được cặp rồi thì nó lẻn đi mất khi hai đứa bị kẹt trong đám đông. Ông nghĩ coi, cứu mạng nó khỏi chết chìm, nó nỡ lòng nào làm vậy?"

Chú Tư Chịu bỗng nhiên giơ cây gậy ra giá giá trước mặt người bán giấy số, rồi chú thở dài để tay xuống. Chú nói:

"Chuyện buồn quá, anh cho tôi bắt tay một cái để chia buồn chuyện cũ ngày xưa và mừng anh qua bao khó khăn vẫn sống được đến ngày nay."

Bàn tay người bán giấy số đưa ra, mất một ngón út, khi bắt tay chú Tư cảm thấy điều đó. Chú hơi khựng lại. Bao nhiêu năm nay lặn lội ở quê người, trải bao thăng trầm cuộc đời nhưng chưa bao giờ chú có cảm giác nầy, cái cảm giác lạ lùng: vừa ghét vừa thương, vừa tội nghiệp vừa giận tức. Chú nuốt nước miếng cái ực ngon lành, người trước mặt nghe mà ngạc nhiên tròn mắt ngó.

Người bán giấy số nói thêm, giọng triết lý:

"Đời chó má lắm ông ơi. Tôi cứu nó ra khỏi tù đó, ngày 30 tháng Tư , tôi mở cửa tù để cho nó ra, trong khi lửa cháy rần trời, đề lao đang sắp bị Bà Hỏa kêu, đạn bắn tứ tung ngũ hoành .. Đã thua trận, đã bị mất nước còn bị gạt bị giựt, buồn không chịu được." Anh ta thở dài rồi bước đi, dáng đi thất thểu…

"Giấy số đây giấy số đây…" Giọng rao nhừa nhựa quen quen.

Chú Tư Chịu nói nho nhỏ:

"Thằng Chơi! Trời phạt nó. Nó láo khoét với mọi người thì cũng được đi, nhưng nó láo khoét với chính nó thì khổ biết bao nhiêu mà lường. Nó sống trong huyễn tưởng. Nó ghét cái hành động phản bội lừa gạt trong khi chính nó đã lừa gạt người ta. Nó chính là đối tượng để nó thù ghét. Huyễn tưởng rằng mình bị phản bội không làm cho nó sung sướng hơn, không cho nó cảm thấy vô tội, trắng án, trái lại làm cho nó mang thêm lòng hận thù mình, kết tội hành động ngày xưa của mình. Nó tự khinh mình thường xuyên mà không hay biết. Chú Tư giơ cây gậy lên quơ quơ về phía người bán giấy số, kêu lớn:

"Bán cho tôi mấy tấm giấy số *chơi*." Chú nhấn mạnh tiếng chơi.

Người bán giấy số đứng lại, ngạc nhiên:

"Sao ông biết tên tôi?"

"Tôi đâu biết tên anh là gì, chỉ muốn mua thêm một tờ giấy số nữa để hỏi coi anh có biết cái cặp tiền đó về sau ra sao không? Hỏi chơi mà, chuyện của anh hấp dẫn quá chừng, nghe nửa khúc làm sao chịu được!" Chú lại nhấn mạnh tiếng chơi lần nữa.

"... Thì chắc là nó bị người khác giựt lại hay là tiêu tan vô cờ bạc hết thôi. Thứ đồ giựt dọc thì sao mà làm giàu được, làm sao sung sướng suốt đời được."

"Nếu bây giờ anh gặp lại người bạn ngày xưa đó thì anh tính như thế nào?"

Người bán giấy số trả lời ngập ngừng:

"Chắc là cũng nhìn nó một cách khinh bỉ rồi thôi, ai đi đường nấy. Oán thù không nên kết làm gì, để lương tâm nó xử tội nó. Để Trời Đất đày đọa nó."

Chú Tư đưa tay vô túi quần sau rút nhẹ một tờ giấy năm trăm ngàn, trả tiền tấm giấy số, rồi cố tình như không biết chuyện đó, dợm dợm quay bước đi. Người bán giấy số mắt sáng rực lên, đo lường coi người mua có biết mình đưa lộn tiền hay không. Khi biết chắc rằng qua mặt được, anh ta vội vã bước đi.

Chú Tư bước chầm chậm vô cửa cổng, cây gậy tre lại gõ gõ lên thành cánh cửa như một đứa con nít nghịch ngợm chơi trò đánh gươm với cánh cửa. Chú nói với chính mình:

"Thằng Chơi! Nó vẫn như ngày trước, chứng nào tật nấy! Tham lam! Không cần cho nó biết mình là ai. Để làm gì chớ? Chỉ tiếc là mình không còn thấy được nữa để coi lúc nầy nó tàn tạ bao nhiêu. Tự khinh thì thả lỏng đời, đó là cái chắc."

Đứa cháu gái trong nhà bước ra, ái ngại nhìn chú, nói nhỏ:

"Mới sáng sớm chú đi ra ngoài làm gì, không thấy đường thấy xá lỡ té, vấp thì khổ lắm."

Chú Tư thầm thì với chính mình: "Người huyễn tưởng, người huyễn tưởng."

Cái loa phát thanh đầu xóm như mệt mỏi, tắt giọng, tiếng rè rè kéo dài một lúc rồi tan biến dần....

Quebec, Canada Nov. 25, 2009
(Viết tại nhà người bạn học họ Lâm)

NGUYỄN VĂN SÂM

NGÕ QUÊ

thơ

NGUYỄN TAM PHÙ SA

Mơ ơi Mơ, cho anh xin tí lửa
Rơm rạ khô, anh mượn đỡ một ôm
Mưa mù trời, gió cắt ruột từng cơn
Bếp nhà anh sụt sùi kêu lạnh!

Hai nhà chung chiêng, giàn bầu tỏa nhánh
Mẹ anh goá chồng, ba em chết vợ
Chúng mình mồ côi để láng giềng mắc nợ
Đau bụng, nhức đầu ơi ới gọi ai

Người dưng sát hè chia nửa củ khoai
Sách vở chui rào qua kiếm lớp
Nắng đốt ngực bên này, bên kia phồng giộp
Đèn chong một ngọn sáng hai nhà

Bô mẹ nghèo đau đáu lo xa
Út Tí, cái Mơ sắp vào đại học
Chật vật ngõ quê, bài tính nhân bật khóc
Đích tương lai còn bỏ ngỏ chờ nhau.

NGUYỄN TAM PHÙ SA

TIẾNG HÁT LÚC NỬA ĐÊM

truyện ngắn

TRẦN MINH NGUYỆT

Ngân giật mình tỉnh giấc vì chuông điện thoại réo vang. Cô uể oải ngồi dậy. liếc nhìn đồng hồ thấy đã quá nửa đêm . Sự tĩnh lặng như đóng băng khắp căn phòng. Cái tĩnh lặng lạnh lẽo ấy như sâu hun hút , biền biệt . . Ngân vói tay lấy chiếc điện thoại trên bàn và áp vào tai, một giọng đàn ông lạ ở đầu dây bên kia : " Nam có phải không? Anh Đức nhắn cậu về quê gấp, mẹ đau rất nặng". Ngân biết là ai đó đã nhầm số máy, cô cảm thấy một chút bực mình, tuy vậy cô vẫn nhã nhặn đáp : " Xin lỗi, chắc là anh nhầm máy rồi, không có ai tên Nam ở đây cả !". Giọng người đàn ông bên kia bối rối nói lời xin lỗi .

Ngân đặt ống nghe vào máy - thầm nghĩ : " Vậy là một người nữa sắp đi xa, chấm dứt mọi nỗi vui buồn của cuộc sống ...Và cậu Nam nào đó sẽ như thế nào khi biết tin mẹ mình đang gần kề cõi chết? ". Ngân cảm thấy một chút ngậm ngùi, xen lẫn với chút chua xót thương cảm xa xôi.

Bụng của Ngân vẫn đau âm ỉ, và mỗi lúc càng đau nhiều hơn. Cơn đau dấy lên từ trưa, cô đã uống một viên Alaxan từ xẩm tối, vì vậy cô mới ngủ gà ngủ gật tới bây giờ. Cô chập choạng rời giường, lấy chiếc cặp da để trên đầu tủ sách, lôi ra một viên Alaxan nữa. Cô không thể chịu đựng được cái đau mỗi lúc một tăng dần, căng thẳng, và quặn thắt như đứt từng khúc ruột. Uống xong viên thuốc, Ngân xuống bếp lấy một trái bắp nếp nấu, gắng gặm từng hạt nhai nhẹ nhàng, vì theo kinh nghiệm bấy lâu , nếu không làm vậy bao tử sẽ cồn cào đến nghẹt thở. Mỗi tháng, Ngân chỉ được tạm an bình khoảng 20 ngày , 10 ngày còn lại cô luôn bị cái đau như xé ruột này hành hạ. Do vậy, Ngân luôn bị thiếu máu nặng, hồng cầu rất thấp, lại bị máu loãng. Vì vậy cô không thể nào mất máu thêm nữa, chỉ cần mất máu nữa là cô sẽ không gượng nổi. Nhưng làm sao có thể khi cô là một cô gái trong độ tuổi sinh nở.

*

Uống xong viên thuốc, Ngân nằm lại xuống giường hi vọng có thể ngủ thiếp đi cho quên hết cái đau, nhưng không hiểu sao lần này cô lại không thể ngủ được. Tiếng chuông điện thoại lúc nãy đã gợi cho cô hình bóng của người xưa - một hình bóng mà cô giấu chặt trong tim từ thuở nào.. Cô thèm nghe lại một lần giọng hát thiết tha, êm ái kia, nhưng đó chỉ là một mơ ước xa vời . Đã hơn 15 năm rồi. Vậy mà những hình ảnh cũ như mới xảy ra hôm kia hay hôm qua thôi. Cuộc đời vốn không có bản nháp, và cô cũng không bao giờ đem cuộc đời mình, hay cuộc đời của bất cứ ai ra nháp cả, Ngân không hiểu là những gì cô làm có đúng không nữa nhưng cô chưa từng cảm thấy hối hận mà chỉ thấy tâm mình se thắt, nhói đau như đang mềm ra từng mảnh!

Ngân đi thư viện về, thì thấy mấy đúa bạn cùng phòng của cô đang cải nhau với một người bạn nam. Liễu, Hồng và Huệ la lớn " Ông mà là nam sao? Ông tính như đàn bà vậy, chúng tôi ca hát thì mặc chúng tôi, ông không chịu được thì lên thư viện mà học. Chúng tôi có bắt ông nghe đâu? Sao ông chạnh chọe quá vậy?." Cậu ta mặt dần đỏ lên - quát :" Mấy người có ngon thì hát to, quậy phá lần nữa xem? Tôi sẽ dạy cho mấy người chừa. Con gái gì mà không có ý tứ gì trọi . Con gái mất nết ! ". Mấy đứa bạn của cô nhìn thấy cậu ta quá tức giận, ai cũng len lén rút lui vào phòng và lầm bầm nguyền rủa . Ngân nghe xong câu ấy, cảm thấy xấu hổ, vì cô ở chung với các bạn, mà cậu ta "quơ đũa cả nắm vậy" làm sao cô ngồi yên được.? Vốn tính ngang như cua từ

thuở bé, không biết sợ ai, cô rời lan can, vội xuống thang lầu, tiến lại đứng chắn ngang trước mặt cậu ta – lúc này dường như cậu ta có ý định quay về phòng mình. Cô nhìn đứng lên khuôn mặt dài dài, xương xương của anh - gằn giọng: " Anh bảo muốn " *dạy cho bài học*" phải không? Tôi đã ra đây này, đang đứng trước mặt anh đây. Anh hãy dạy đi! Nam nhi nói được là làm được, không có người nam nào mà đi cải nhau với phụ nữ cả ? ". Im lặng một lát, Ngân nói tiếp: " Anh không dám " dạy " sao? Anh hèn nhát vậy? ". Cậu ta nhìn sững vào mặt Ngân. vừa ngạc nhiên, vừa thích thú. Anh ta mỉm cười : " Cho tôi xin lỗi, tôi không cố ý !". Cậu ta lại nhìn dán vào mặt cô một cái thật chặt, rồi bỏ đi thẳng về phòng mình trước sự ngỡ ngàng của Ngân.

Về lại phòng nghe bạn kể lại, Ngân mới biết cậu ta tên là Phi - nổi tiếng nóng tính và khó chịu, vì vậy bạn cùng cư xá, hoặc cùng lớp toán năm ba hay gọi anh ta là Trương Phi. Họ tỏ ra rất ngạc nhiên, cũng không hiểu sao, với thái độ ngang tàng của Ngân mà anh ta chỉ cười rồi bỏ về phòng? Nỗi lo ngại đã qua, lũ bạn cùng phòng lại vây lấy Ngân mà trêu mà đùa. Chúng gọi Ngân là " *Trương Phi phu nhân*.". Chỉ có " phu nhân " mới dám " trị " được " đấng lang quân khó tính thôi! ".

Cơn đau đã bắt đầu dịu dần, nhưng trái tim Ngân lại thổn thức, đập rộn ràng hơn bao giờ. Mạch tim đập gấp gáp, khiến đôi lúc cô cảm thấy khó thở. Và những kỉ niệm xưa cũ một thời thương yêu khắc khoải tràn ngập trong đầu. Ngân lại nghĩ đến anh. Bóng dáng anh dường như hiện lên trong tâm trí cô ngày một rõ dần, réo gọi và day dứt hơn. Như bao lần, Ngân luôn tự hỏi mình câu hỏi xa xôi không thể trả lời :" Bây giờ không biết anh đang ở đâu? Và làm gì? Chắc là đã có vợ - một cô vợ xinh xắn, hiền từ đáng yêu chứ không phải " ngang " như cua giống mình..."

Khúc phim của chặng đời quá khứ bắt đầu quay chầm chậm trở lại trong nỗi nhớ thương và cô độc của Ngân như bao lần : " ... Mấy ngày sau đó, Phi qua phòng xin lỗi mấy đứa bạn của cô, và đem cho phòng cô mỗi đứa một cái bánh " táp lô " (một loại bánh làm bằng bột bánh in nhưng không có nhân bên trong, khô cứng .) – đó là món quà đặc sản của miền quê anh. Riêng Ngân, anh dành cho một cái bánh gói bằng giấy đỏ rất đẹp. Ngân nhận thấy mình không sợ lúc anh giận dữ đòi " dạy cho bài học", mà chỉ sợ ánh mắt dịu dàng của anh dành cho cô khi ấy. Tia nhìn thẳm sâu và tha thiết đến nỗi bất giác khiến Ngân rùng mình, đỏ mặt.

Những ngày sau đó, những đứa bạn trong phòng cô ngày càng mến anh, còn Ngân thì chỉ có cảm giác sờ sợ, và tức giận khi mấy đứa bạn ghép đôi cô với Phi. Cô cũng không hiểu sao lúc đó cô không có một chút cảm tình riêng lẻ nào với anh , Ngân chỉ thấy anh thật kì lạ, đáng ghét, thật phiền phức. Dầu vậy Phi ngày càng tìm cách tiếp cận Ngân, trong lúc cô cố né tránh, hờ hửng. Ngân không hiểu trái tim mình đã mách bảo thế nào, hay có lẽ vì lòng cô còn đang hoang mang, xa lạ, rối bời nên không kịp nhận ra chăng?

Cô còn nhớ "... Có một hôm Phi đi dạy thêm về mua cho phòng cô mỗi đứa một ổ bánh mì, đứa nào củng vui mừng nhận lãnh quà, còn Ngân đã không nhận mà còn nói một câu thật cay nghiệt : " Ngân không dám nhận đâu, vì người ta thường nói: " *Của biếu là của lo, của cho là của nợ* ", anh giữ lấy mà cho người khác". Nói xong cô ôm sách vở vội lên thư viện, Anh nhìn theo với đôi mắt vừa lạ lẫm, vừa buồn. Một lần khác, lớp Phi có liên hoan, anh đem về cho Ngân một gói bánh, kẹo. Anh không dám trực tiếp đưa cô nên nhờ Hồng – bạn cùng phòng của cô đưa giúp. Ngân không nhớ rõ lúc đó đang bực mình chuyện gì, chỉ nhớ là cô đã đem gói bánh, kẹo chạy ra lan can và ném xuống đất. Anh đứng ở lan can dãy lầu bên kia chắc là nhìn thấy. Phi bỏ phòng đi tìm rượu, suốt đêm say mèm, gần một tuần không dậy nổi. Nghe đám bạn thuật lại, Ngân vẫn tỉnh bơ , không thấy mình có lỗi hay quan hệ gì . Cô vẫn đi học. Đến thư viện. Như không có gì xảy ra.

Lũ bạn cùng phòng không để cho Ngân yên, chúng bảo anh đau rất nặng, ép buộc cô sang thăm anh. Nể lời các bạn, Ngân đành ngập ngừng, phân vân bước sang phòng anh. Cô nhớ đã hỏi thăm Phi vài lời xả giao bình thường cho phải phép , như với một người bạn cùng trường khác - mà vẻ mặt anh tươi tỉnh, sinh động hẳn lên.

Mấy người bạn cùng phòng cho Ngân biết Phi đã không ăn được gì hai ngày rồi, rồi nhờ Ngân nấu giúp tô cháo hành cho anh để giải cảm. Ngân không thể từ chối, phải gật đầu. Và sau vụ nấu cháo hành đó cho Phi, mọi người trêu chọc, gọi cô và Phi là " *mối tình Chí Phèo – Thị Nở.*"

Lần nhớ đến đây, Ngân bất giác mỉm cười. Đến lúc này - cô mới cảm nhận được sự hạnh phúc, yêu thương trong mối tình giữa "người đẹp đêm trăng và con quỷ dữ của Làng Vũ Đại". Giá mà lúc đó cô dịu dàng, ân cần hơn thì mọi chuyện đã khác rồi?

Sau ngày Phi khỏe lại, mối quan hệ của cô và Phi tốt lên, nhưng chỉ là cô không còn cảm thấy ghét anh, hay tránh mặt anh nữa, mà xem anh như một người anh trai vậy thôi. Ngày đêm, Ngân lao đầu vào chuyện học thi, và không nghĩ đến việc gì khác nữa. Phi vẫn đến bên Ngân - cô vẫn nhận sự chăm sóc ngọt ngào của anh nhưng chưa lần nào cô chấp nhận là người yêu của anh. Ngân vẫn thường đau yêu . Cuộc sống mong manh như sợi tơ trời …

Thời gian lần lữa trôi qua rồi cũng đến ngày Ngân và Phi cùng ra trường Đêm cuối cùng ở kí túc xá anh và Ngân chọn ngồi dưới gốc một cây Sứ trắng phía cuối dãy phòng. Đêm ấy Phi rất buồn, anh làm như đang sắp bị vuột mất một cái gì rất quý báu không thể tìm lại được. Anh nói nhiều, nhiều lắm. Ngân không nhớ rõ hết được. Dường như anh đã lập đi lại nhiều lần câu này : " *Anh rất yêu quý em, Ngân ạ! Anh mong được cùng em đi đến cuối quảng đường của cuộc đời này! ".*

Lúc đó Ngân nghe rõ tim mình xao xuyến, rộn ràng nhịp thở thương yêu, muốn ôm anh, giụi đầu vào ngực anh tìm chút hơi ấm của tình yêu đầu đời . Nhưng – liền ngay đó, cái đầu của Ngân không để cho cô được làm vậy. Một nỗi hoang mang, lo sợ . Một niềm hối tiếc day dứt không nguôi : Cô không thể tự giết đi cuộc đời mình, và vô tình chôn vùi luôn cả cuộc đời người mình thương yêu nữa .

Nghĩ vậy, Ngân cố nén bật lên tiếng khóc. Bóp nghẹt trái tim mình thêm một lần cuối cùng nữa. Ngân đã bỗng cười - bằng giọng tỉnh khô : " *Cảm ơn tình cảm yêu thương mà anh đã dành cho em, nhưng em mãi mãi chỉ xem anh như là một người anh trai, em không yêu anh thì làm sao em về với anh được?.".*

Ngân dằn tay mình ra khỏi tay Phi, lạnh lùng đứng lên - nói khẻ: " Khuya quá rồi , chúng ta về phòng đi anh! Ngày mai còn lo thu dọn mà về quê sớm. Em gởi theo anh chúc *: " Mãi mãi cầu mong anh an lành, may mắn trong cuộc sống !* ". Không chờ tiếng Phi đáp lại, Ngân vội vã bước đi, như đang chạy trốn một điều gì vô cùng bất hạnh . Ngân về phòng. Âm thầm mở chốt cửa. Nhẹ nhàng lên giường nằm, đắp mền kín cả đầu và , những giọt nước mắt chảy ào ra ràn rụa.

Ngân về lại quê nhà và xin dạy ở một trường Phổ thông trong huyện. Ngày qua ngày, cô gắng hòa nhập cùng nềm vui với đồng nghiệp, bạn bè; vui với đám học sinh quê mùa , chất phác thân yêu. Thời gian đã che phủ lên những hình ảnh của Phi một màn sương mù, hay lớp bụi mờ dĩ vảng, còn lại chăng là một mớ hình ảnh lẫn lộn, mờ nhạt, đứt quảng trong trái tim trống trải , giá lạnh của Ngân.

Nhưng hình ảnh của Phi không phai dần đi như Ngân tưởng nghĩ, mà một lần nữa sống dậy trong tim làm cô se thắt nhớ, quắt quay buồn. Một đêm cũng như đêm nay, vào lúc nửa đêm, điện thoại của cô reo vang, và anh một lần nữa lại xuất hiện. Anh bảo qua một người bạn anh xin được số điện thoại của cô, anh muốn gọi hỏi thăm " em gái.". Anh hỏi cô rất nhiều, rất nhiều điều về cuộc sống , và tâm sự với cô về cuộc sống của anh. Cuối cùng Phi đề nghị sẽ không nói nữa, và sẽ hát cho Ngân nghe, trước khi ngủ! Thế là anh say sưa, đắm chìm vào những bài ca viết về những mối tình tình. Những cuộc tinh trái ngang, xa cách, thơ mộng. Giọng anh êm êm, réo rắt - mà như than, như khóc. Ngân nghe mà nước mắt cứ tự nhiên lăn dài, ướt đẫm gối , dường như không bao giờ có thể dừng lại ...

Và kể từ đêm " gặp lại " ấy, hằng đêm cứ vào nửa đêm Phi lại gọi điện và hát cho cô nghe. Dầu lần nào cũng ướt đẫm nước mắt buồn vương, khắt khoải – nhưng thời gian đó là thời gian hạnh phúc nhất của cuộc đời Ngân. Ngân không nghĩ xa xôi gì đến những bất hạnh mà cô sẽ đem đến cho anh. Chỉ nghĩ đơn giản là hãy cứ tận hưởng những giờ phút mầu nhiệm của hiện tai, vui bên anh như bao ước mong thầm kín bấy lâu thôi. Và Ngân bắt đầu nói những lời thương yêu say đắm bên tai anh sau mỗi bài hát với giòng nước mắt không dấu giếm. Cô có cảm nhận bên kia chiếc diện thoại, anh cũng đang nở nụ cười rất tươi trong niềm hạnh phúc vô bờ.

Một buổi sáng khi Ngân vừa mở cửa phòng trọ thì đã thấy anh ở ngay trước cửa rồi. Cô chợt thấy lòng rộn rã niềm vui, nghe nghe tim mình đang trổi lên một khúc nhạc tình yêu đắm say, diệu vợi . Ngân nhờ một đồng nghiệp dạy giúp bốn tiết buổi sáng, nao nức đưa anh đến quán café Thủy Tiên nghe nhạc, cùng nhau đi vòng vòng quanh thị trấn , ghé thăm Tổ Đình Thiên Lương vừa được khánh thành ..

Ngân và anh đã có một ngày thật hạnh phúc bên nhau. Cuối ngày, lúc cùng Phi ngồi bên bờ sông Nhược Thủy, hóng gió - nhìn hoàng hôn đang xuống trên sông nước lặng lẽ; anh đã vô tình kể với Ngân về dự định của anh trong tương lai. : Mẹ anh bắt anh cưới vợ, sinh con cho vui cửa, vui nhà vì anh cũng đã trên 30, lại là trưởng nam trong gia đình đến 4 người con gái. Đột nhiên Phi nắm chặt lấy tay Ngân, nhìn sâu vào mắt cô - thì thào " Em làm vợ anh nhé, đừng từ chối anh lần nữa, hãy để anh được chăm sóc em !". Ngân nghe lòng bàng hoàng, đau đớn, như có người khoét sâu thêm vết thương trong tim cô đã yên ngủ bao năm dài. Cô thấy mình như đứng trước một ngã ba đường, nhưng tuyệt nhiên không có con đường nào dành cho cô cả. Ngân không trả lời được câu nào, đứng phắt dậy - quay đầu chạy một mạch về phía cuối sông . Một thoáng ngạc nhiên, sửng sốt – Phi vụt chạy theo . Như chợt hiểu ra điều gì, giọng anh vang lên phía sau : " Anh không ép em, Ngân ơi! Khi nào có câu trả lời thì gọi ngay cho anh nhé? Anh luôn đợi em mà…".

Hạnh phúc đến với cô vừa chớm nụ, nhưng những cơn gió trái mùa đã làm cho nó mãi không thể nào nở hoa được nữa, mà sớm héo tàn và rơi rụng. Ngân yêu anh, yêu nhiều lắm - nhưng làm sao cô có thể trở thành vợ của anh, con dâu duy nhất của dòng họ nhà anh được? . Ngân đã mở máy nhắn tin cho anh sau mấy đêm dài mất ngủ : " *Em đã nói rồi, em chỉ xem anh như một người anh trai thôi, lúc xưa cũng vậy và bây giờ cũng vậy? Em có người yêu khác rồi mà anh chưa được biết đó thôi!, Anh đừng làm phiền em nữa…*". Nhắn xong tin này, Ngân tháo sim điện thoại bỏ vào chiếc hộp trang điểm, cô đã quyết định rồi, cô không dùng Sim cũ này một lần nào nữa.

Thời gian quả là liều thuốc nhiệm mầu, nó đã dần dần xoa dịu mọi vết thương đau trong lòng Ngân. Cô cũng dần nguôi ngoai ray rứt vì nỗi nhớ thương anh. Sức khỏe của Ngân ngày càng suy yếu hơn, đồng thời cô cũng nhận ra đời sống của mình ngày càng mong manh, vàng võ.

Vậy mà tối nay, bỗng dưng Ngân lại nhớ Phi vô cùng. Nhớ những bài hát anh đã bao lần thì thầm bên tai cô lúc nửa đêm. Bất giác, Ngân nhẩm lại những bài hát anh đã ru cô trước giờ ngủ : " *…Lạnh lùng ánh trăng khuyết mờ xa, buồn sẽ đi vào hồn ta. Đàn lòng buông rơi tiếng tơ lòng, ai đã quên lời ta. Tình yêu, mộng mà chi, Đừng mơ hái sao trên trời, tình chẳng chung đôi, còn gì đâu cũng vậy mà thôi."…*Ngân hát đi hát lại, nho nhỏ, say sưa - như Phi đã từng hát cho cô nhge hằng đêm trong một tuần lễ. Ngân bất chợt chuyển sang đoạn bài hát khác dã khiến cô bật lên tiếng khóc : " *Tiếng đàn ai buông lơi, tiếng đàn nghe chơi vơi, Nghe từng tiếng tơ não lòng ai oán…khiến hồn tôi thổn thức, khiến lòng tôi day dứt, muôn mặn đắng nước mắt thương cuộc đơi.."*

Ngân cứ hát, cứ hát - và để mặc cho dòng nước mắt cứ tuôn dài trên má. Ngân thầm nghĩ, cô sẽ khóc hết đêm nay và ngày mai cô sẽ để cho quá khứ ngủ yên mãi mãi…

TRẦN MINH NGUYỆT

27 - nguyệt san việt văn mới số 13 – ngày 15 tháng 7 năm 2014 .

BIẾN MẤT

truyện ngắn

LÊ VĂN THIỆN

Bà Cai ẫm bé Mơ đi chơi, để Tím tự do đón bạn. Tương đến, chở theo một thùng giấy, chắc là trái cây hoặc thịt, quà tặng bà Cai, như thường lệ.

"Con nói với Tương, đừng biếu xén nữa, nhìn giống y hối lộ, dì không thích". Bà Cai cằn nhằn nhiều lần, nhưng sự việc vẫn không thay đổi... Mối tình của đôi bạn vàng đã kéo dài hơn năm, mặn nồng và bấp bênh. Tương làm ở lò heo chợ Cát. Tím giúp việc nhà cho bà Thọ. Anh chị đều nghèo, ở quê lên. Hai công việc cùng thấp, kiểu bạ đâu làm đấy, không phải nghề.

Ở lò chợ Cát đêm nào cũng có gần hai trăm con heo bị lên bàn thiếc, từ bỏ cõi đời. "Cái lò sát sanh gớm ghiếc", bà Cai nói "con biểu thằng Tương xoay xở kiếm việc khác, làm ở đó mệt lắm". Tím buồn xo. "Đâu dễ tìm việc, dì, người đông như ong như kiến. Tương thường nói, dù mình không hại con gì, nhưng xưa nay vẫn ăn thịt heo gà cá chim thì...". Bà Cai gạt phắt: "Không thì là, con ơi, ăn vài miếng và mỗi đêm hạ thủ chục con heo khác nhau xa". "Anh Tương không muốn làm nghề này, khổ nỗi mẹ anh ấy phải ăn phải uống thuốc đều đều, hai đứa em thì cần đi học".

Cuộc hội ngộ diễn ra như mọi khi. Tím chốt cửa, không bật đèn. Tương hấp tấp, chụp giựt, hôn loạn, sờ mó khắp. "Cứ như con sói cuồng". Tím cười. Tương sống khác đời, thiên hạ ban ngày làm lụng, đêm làm tình, anh ta ngược lại. "Không phải sói, anh giống hề say". "Sao lúc nào anh cũng thèm lạt, đói khát?". "Không biết, tự nhiên nó thế". "Em như mụ đĩ đói". "Đĩ?". "Ngủ nghê dưới ánh mặt trời thế này!". "Nói như hát cải lương... Em không đĩ, anh quí trọng... anh hun chưn, hun mông em". Tím thở khì. "Trời bày ra việc gì cũng có cái lý của ổng... trò này phải diễn ban đêm". "Hiểu rồi!". "Anh chở thùng gì lớn vậy?". "Sầu riêng, thịt bò, cá sặc... Hôm nọ dì Năm (Cai) nói nhớ sầu riêng". Trận địa là cái giường cũ. Cọt kẹt, cục kịch, hài hước, êm tai. Tím kể chuyện bà Cai phê phán việc giết gà heo. Đồ tể. Đao phủ. Đó cũng là nghề cần thiết, nhưng không ổn,

giống nghề đứng đường của gái ăn sương, nhàn hạ nhưng không ổn. Nên tìm việc khác làm ăn. Người ta bảo, mỗi tháng thành phố này xơi gọn tám trăm con bò, gần vạn heo, vô số vịt gà. Không biết thì thôi, kể ra thấy sợ. Sợ không? Nếu chẳng thấy gì là đầu óc có vấn đề... Nhưng cuộc sống là thế. Phải ăn, ăn để có sức làm lụng. Có thể đổ lỗi, các thứ giết chóc khủng khiếp này do trời bày ra, nhưng nên phân chia phần vụ hạ sát, giết mổ cho nhiều người, mỗi người làm một giai đoạn ngắn. Sao trời không đặt định, con người chỉ cần ăn chút ít hoa quả là đủ sống? "Anh thọc... anh chọc tiết em!". "Em nói gì?". "Hôm trước anh nói thế, quên sao?". "À, ừ, lúc đó anh say". Cục cục, cọt kẹt, cái giường kêu theo nhịp không đều. Tím cười hơi lớn. "Em cười gì vậy?". "Em nghĩ, trong một bữa tiệc nào đó, đông đúc lộng lẫy như cảnh trong các phim truyện, anh mặc vét, cà vạt đỏ, cặp tay em, chúng ta đi trên thảm đỏ, rồi em hớn hở giới thiệu anh với mọi người: đây là ông Đậu Tương, đao phủ ưu tú của hẻm 20 phường 30!".

Bà Cai kể chuyện một ông làm nghề đập đầu bò, thiến heo, ở cạnh nhà bà, dưới quê. Đem so với mấy vị mần heo ở chợ Cát thì ông thợ thiến bé nhỏ, chẳng thấm vào đâu, nhưng hậu vận ông ta đen, bi thảm. "Con nghe nói về nhà máy xơi tái gà loại khủng ở Biên Hòa chưa?". Đó là lò mổ gà lớn, dạng công nghiệp, máy móc lổn nhổn, công nhân đông, mỗi ngày hóa kiếp hơn vạn con gà. Đơn giản, bình thường, có sao đâu? Nhiều người nói vậy. Theo mắt nhìn kinh doanh, nó – cái lò ấy – cũng tựa như khu vườn mỗi sáng cung cấp trăm giỏ trái chín, như nhà máy sữa tung ra những thùng sữa tươi. Và, điều cần thấy là, các ông chủ nhà máy ấy ngày càng phất, phỡn, lớn, không có tí dấu vết đồ tể nào bám trên quần áo, mặt mũi họ. Bà Cai nhấn mạnh: "Mặc kệ, để họ nổi, ta đi đường ta. Cũng như thấy bọn lừa đảo, gian tà lên chân, cứ để chúng lên, mình không thèm muốn, đừng bắt chước làm theo. Nói dễ, nhưng không thèm là điều khó". Bà Cai giúp việc nhà cho bà Thọ đã hơn bốn năm. Bà giữ nhà, trông trẻ. Tím đi chợ, nấu ăn, giặt giũ, chăm sóc chim cảnh hoa kiểng. Cùng thân phận làm thuê ở mướn, hai người mau chóng thân nhau. Tím thích bà bạn già, do bà thiệt thà vui tính. Bà hay nói, kiếp này ta bần hàn tệ lậu thì cố kiếm cái gì đấy để dành cho kiếp sau. "Có kiếp sau, con ạ, cây cỏ bò ngựa chim chóc không có, nhưng người có, các thầy ở chùa Phổ Đà nói về vụ này hay lắm. Am miếu đền chùa nhà thờ đã sống mấy ngàn năm, và còn sống mạnh, là bằng chứng cho điều đó... Con ơi, nên nhớ, lúc nào trên đời cũng có hàng triệu tu sĩ, đó chính là lương tâm loài người, họ không phải những gã ăn hại, chập mạch, mất trí". Bà nói có lý. Sống mãi trong môi trường máu me đâm xẻo ấy trước sau người ta cũng sẽ lệch lạc, phát cuồng. Thì đấy, trong lần say đậm sau cuộc nhậu lớn, ôm Tím trong tay, Tương lè nhè giọng mê sảng: "Anh chọc tiết em".

Hết hiệp một, anh chị giải lao, như đá banh. Hơi hồi hộp. Không phải nhà mình, làm sao thoải mái. Bà Thọ, chủ nhà, có thể về bất ngờ. Bà ít khi xuống đây, căn phòng chứa đồ cũ, nơi ở của người giúp việc. Biết vậy, nhưng những tim vẫn đập nhanh, những mắt cứ lấm lét – Tương mở thùng quà, đem thịt cá cất vào tủ. Tím pha cà phê... Vào hiệp hai, không khí có vẻ trầm lắng, buồn. "Mãi mà em vẫn không quen". "Quen gì?". "Trò tụi mình đang làm, sao nó giống như heo bò". "Đừng nghĩ xa, biết làm sao bây giờ, trước nay vẫn vậy mà". "Em muốn nói, lẽ ra thứ này nên diễn trong bóng đêm". "Biết rồi!". Cục kịch. Cọt kẹt. Cái giường khốn khổ. Anh thọc huyết em. Lôi thôi và buồn cười.

Xong việc, Tương kể lại bữa tiệc chia tay đồng nghiệp của anh, cách đây bốn hôm. Người ra đi là Thô, mới làm ở lò bảy tháng. Anh Trai, tổ trưởng, gương mặt kỳ cựu của lò chợ Cát, bỏ tiền ra chiêu đãi – Thô nhỏ con, trắng, dáng học trò, khó hòa hợp với nghề này. Nó nói, kẹt quá, không làm thì đói, chẳng lẽ đi ăn mày, nên nó chui vào đây, hồi còn ở nhà cắt cổ con vịt nó cũng ngại. "Tuần đầu tiên, tận mắt thấy đâm đập thọc cắt với máu me hấp hối chết, em nuốt cơm không biết ngon". "Trước kia anh cũng vậy, anh cũng là người". Trai gục gặc, thông cảm. "Giờ em hiểu, thương cho mấy cô nàng thậm thụt đứng đường ban đêm". Anh Trai trợn mắt. "Cái đó thì chưa chắc, bé ạ. Tụi con gái ma lắm, nhiều đứa nằm ngửa vì lười, chẳng phải túng đói cùng cực gì ráo!". Thô tâm sự, một người bạn thân vừa tìm được một việc làm tốt, lương khá, nhường cho nó. Chỗ này cách thành phố hơn 20 cây, nhưng không trở ngại lắm. "Em đi, dứt khoát, chẳng vương vấn gì?". Trai hỏi. "Dạ. Em sẽ nhớ các anh, anh và Tương tốt". Thô đáp, lí nhí. Trai nói, anh không lạ chuyện này, sáu năm qua đã có nhiều người ra đi, hơn mười người. Đến rồi đi, như đất trời chuyển vần, bình minh rồi hoàng hôn. Dễ sợ. Sợ là phải. "Ai cũng ăn thịt ăn cá, nhưng không phải

ai cũng muốn giết chóc. Vì sao anh làm lâu được? Bởi anh nghĩ, trời cao sẽ thấu hiểu anh, sau này các tòa án ở tít trên mây hay dưới âm ty sẽ thông cảm, châm chước, không phạt nặng anh. Nghĩ coi, anh đâu muốn ra đời trong cái gia đình nghèo mạt... Nhớ xem, mỗi ngư dân giết bao triệu mực cá tôm cua trong chuỗi năm lênh đênh trên biển của họ? Cá cũng như heo, sát sanh là sát sanh. Có quan, có lính. Ai cũng ngồi trong ghế bành thì ai gieo trồng gặt hái hoa quả đậu lúa?". Trai cười. "Nghĩ thế nên anh trụ được ở lò lâu. Ý nghĩ đen, ngụy biện, phải không? Uống đi, mừng em tìm được con đường sáng. Thô, em nói gì đi". Say mềm, Thô nắm tay Trai, ấp úng "Anh cho em nói thiệt, em vẫn không hiểu, sao anh có thể làm đến sáu năm. Lẽ ra không nên hỏi vậy, em biết, nhưng từ mai chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa". Cuộc nhậu trôi về cuối, mặt Trai tái, anh nói ít, cười nhiều. Càng uống anh càng vui. Thô thì ngược lại, nó ủ rũ như vừa đánh mất bạc vàng. Trai moi túi quần lấy ra một chiếc điện thoại. Anh nói, cái này cũ, giá chỉ 4 triệu nhưng là của hiếm, tìm khắp thành phố chưa chắc gặp chiếc thứ hai cùng loại, anh sẽ tặng nó cho đứa nào nghĩ ra được cách có thể khóc ngay trong vòng 3 phút. Khóc như đào kép diễn kịch. "Nào, 3 phút bắt đầu". Hai chàng trẻ ngồi yên. Năm, rồi mười phút qua mau. "30 phút, 3 giờ cũng bó tay, khó quá!". Thô chịu thua. Tương cũng thua. Trai khoái chí. Anh tiết lộ, anh có tài lạ, có thể khóc dễ dàng, ngay lập tức, khi nghĩ (hoặc nghe nói) đến chuyện chia ly, lần cuối, tử biệt, từ giã. Hồi nhỏ đi coi hát, thấy đào kép khóc anh khóc theo, luôn luôn. "Muốn anh diễn thử không?". Tương xua tay "Thôi, khóc mất vui. Kể ra cũng lạ đấy... Em thì khác, rất khó khóc. Hồi ông nội em mất, trong lễ cuối, trước khi di quan, nhiều người khóc, em tỉnh queo. Má em bảo nhỏ, khóc chút đi con, nghe mắc cười, em cười!"... Bữa tiệc ba người kéo dài từ 8 giờ tối đến 2 giờ sáng. Thô khóc. Trai khóc. Chai đá như vậy mà cũng dễ xúc động. Chắc Trai nghĩ về phút chia tay, ly biệt? Anh khóc ngon lành, như vợ chết.

"Tím ơi, pha sữa cho Mơ". Bà Cai gọi. Tím dạ lớn. Đây là mật khẩu, báo cho anh chị biết, cuộc gặp mặt đã hơi lâu.

Mười hai ngày sau.

Bảy giờ sáng, Tương đến tìm Tím, sớm hơn thường lệ. Bà Cai đón chàng khách quen với bộ mặt ủ dột. "Tím đi rồi, cháu à". "Tím đi, đi đâu dì?". Tương sửng người. "Nó bỏ đi, chẳng nói với ai tiếng nào, ba ngày rồi". Tương ngồi thụp xuống thềm, như vấp té. "Bà Thọ gọi điện hỏi cha nó, ông ấy cuống cuồng chạy ngay lên đây, thất thần, lo rầu". Tương chở theo một bao nhỏ, như các lần trước, chắc là quà hối lộ. Bà Cai mời khách vào nhà uống trà, nhưng Tương lắc đầu. "Theo dì, sao Tím bỏ đi?". Bà Cai chịu thua. Bà Thọ bảo, bà nghĩ không ra vì sao Tím đi, không nói không chào ai, như trốn chạy. "Tím, Tím ơi!". Tương rên, như gã rồ. Hôm trước Thô ra đi, nay Tím bỏ đi, vậy là họ vứt chỗ tối ám, tìm nơi sáng mát? "Chắc Tím bỏ cháu, cô ấy ghê tởm nghề đồ tể". Ngẫm nghĩ một lúc, bà Cai an ủi Tương: "Chưa chắc đâu, cháu... ta chờ, vài hôm nữa xem sao".

Ngồi chờ, chắc phải vậy, còn biết làm gì hơn. Tương nói, như tự thú. "Rõ ràng trên đời này chẳng ai yêu nghề giết mổ. Nó dữ dằn, bạo liệt. Nó tàn nhẫn, bất nhân. Bộ mặt thật của nó phơi bày rành rành, ai cũng nhìn thấy. Ông Gia, chủ lò, thấy rõ hơn ai hết, nên những thợ lành nghề thường được thưởng to, bên cạnh lương tháng luôn có quà đặc biệt. Tương tính, ráng làm vài tháng nữa, kiếm thêm mớ tiền rồi đổi nghề. Sẽ đổi, chắc chắn. Tím đã nói nhiều lần, đây là công việc vững vàng nhưng không ổn. Phải nghĩ đến con đường dài sau này, hậu vận, tích đức. Ta không làm được việc thiện thì cũng không nên tạo ác. Chuyển qua nghề khác, có thể ít lương hơn, có khi ngày chỉ ăn một bữa, cũng phải chuyển. "Ra đi, chắc nó đã nhìn thấy con đường mới", bà Cai nói, như vỗ về, trấn an mình, "đừng lo rầu quá, cháu ạ, Tím khôn ngoan, biết nghĩ". Tương về, để lại bao quà tặng bà Cai, như thực hiện nghi lễ hối lộ cuối cùng. ./.

10/2006

LÊ VĂN THIỆN

thơ

GỬI BẠN XỨA ĐOÀI XA XỨ

NGUYỄN KHÔI

Tặng Dương Từ Vũ

N.K.

Mình chưa trở lại đồng Bương Cấn
Ngắm núi Sài Sơn mây trắng bay
Ba Vì đèo dốc tình hoang vắng
Ai người cứ ở mãi Sơn Tây ?

Rượu rót ra rồi ... mình độc ẩm
Nâng ly mời bạn tận chân trời
Sông Đáy trơ lòng ... mình soi bóng
Nỗi sầu cạn chén cũng đầy vơi.

Thôi rồi còn mãi là đôi mắt
Ở miệt Phú Yên tắt ánh chiều
Thăm thẳm trông về nơi Phủ Quốc
Dập dờn mây trắng một trời yêu.

Ba Vì 26.8.2005
Hà Nội 20.3.2006

NGUYỄN KHÔI

31 - *nguyệt san việt văn mới số 13 – ngày 15 tháng 7 năm 2014 .*

TÀ ÁO TÂY THI

truyện ngắn

NGUYỄN THỊ MÂY

"Đoàn văn công về xã". Tin đồn lan nhanh còn hơn báo động sắp có trận càn của địch.

Trong buổi họp chợ, ngoài những câu trao đổi mua bán, người ta còn bàn bạc ì xèo về đào kép. Nào là đào Thiên Kiều sắp lấy chồng mà người diễm phúc không ai khác hơn anh kép chánh Hùng Dũng. Họ lo lắng mai kia mốt nọ đào Thiên Kiều có bầu thì làm sao diễn? Liệu chất giọng ngọt như mía lùi có mất đi không? Người mua, kẻ bán trở nên hào phóng, dễ dãi. Họ ngã giá nhanh chóng nên chợ tan sớm hơn mọi lúc.

Ngoài đồng, công việc gặt hái hình như nhẹ nhàng gấp bội. Nắng trưa chỉ làm mau khô những giọt mồ hôi đọng trên lưng áo nông dân. Không ai cảm thấy nóng và mệt. Lưỡi hái loang loáng dưới ánh mặt trời. Từng nhánh lúa trĩu hạt vàng rộm, thơm lừng bị cắt rời gốc rạ. Họ muốn kết thúc sớm chuyện đồng áng để buổi tối an tâm giải trí.

Nhưng, sôi động nhất vẫn là bọn trẻ trong xóm. Chúng gọi nhau chí chóe, ríu rít như chim hót chào bình minh. Chúng tụ lại thành từng nhóm nhỏ tán chuyện. Hết đoán tựa tuồng sắp diễn đến bàn cách giành chỗ tốt. Loáng cái mấy tàu dừa bị chặt đứt rơi phịch xuống. Tàu lá chuối tươi hoặc khô cũng bị xén gọn, kéo lê vào một góc. Mấy tờ báo cũ được phủ sạch bụi. Tấm ny lông rách lỗ chỗ được đem ra giặt sạch, phơi khô, xếp gọn. Tất cả chờ tối. Chúng sẽ được thay chiếu, lót chỗ ngồi. Vài đứa rỗi việc, chạy tuốt đến nơi đoàn văn công tạm trú để xem mặt đào kép, trố mắt nhìn họ ăn uống, nằm ngồi. Thậm chí khi họ đi ... cầu cá cũng tràn theo. Chúng đeo theo nghệ sĩ như ruồi bu miệng mật. Dù những nghệ sĩ ấy rất quen thuộc với chúng. Phần lớn là người trong xã có chất giọng tốt hoặc yêu thích văn nghệ, xin vào đoàn văn công ca cổ nầy. Tay nghề của họ không cao lắm, thỉnh thoảng vẫn bị "hố" khi diễn như ca rớt nhịp, chưa kịp xuống giọng đã đứt hơi hoặc đang nói lối thì quên câu kế tiếp. Tuy nhiên, khán giả cũng dễ dãi. Người nhà đó mà! Họ cười nghiêng, cười ngã rồi...quên. Và, họ tiếp tục yêu mến, mong đợi buổi diễn khác.

Riêng nhóm thanh niên chúng tôi có vẻ trầm tĩnh hơn cả. Người nào cũng làm việc bình thường. Nhưng nếu tinh ý sẽ nhận ra dưới mặt hồ yên tĩnh ấy là những đợt sóng ngầm đang chờ giờ cuồn cuộn. Mấy cặp "đào kép đời thường" tìm cách bẹo hình bẹo dạng nhau. Người nầy đợi người kia ngỏ lời mời đi xem hát. Nhóm con trai buổi chiều tắm táp kỹ càng hơn. Miếng sơ dừa được dịp trưng dụng tối đa. Nó tha hồ chạy trên tấm lưng trần to như tấm thớt rồi vòng quanh bụng, đi dọc ống quyển, lần xuống đôi bàn chân để cuốn sạch những lớp hồm hố, cáu ghét thâm căn cố đế. Đôi dép đặt dưới góc tủ được lôi ra chà rửa sạch sẽ. Vài anh đỏm dáng còn tỉa tót mặt mày đầu cổ, vừa nhổ râu vừa cười tủm tỉm với...mình trong gương.

Cánh con gái kín đáo hơn nữa. Họ len lén mở nắp rương quần áo ra nhìn và lựa chọn. Tần ngần chẳng biết mặc áo màu tím lục bình hay vàng hoa cúc, màu hoa ô môi hay sắc đỏ trời chiều. Các cô ướm thử rồi ngắm mình trong gương, nghiêng đầu làm dáng, chúm chím cười duyên. Hai má cứ hồng lên từng chặp khi tưởng tượng " người ấy" sẽ nhìn mình đắm đuối.

Tôi chưa có người yêu nhưng cũng vội vàng gội tóc. Tôi lén mẹ hái một ít hoa bưởi thả vào thau nước trong veo với hy vọng hương hoa sẽ đọng lại trong từng sợi tóc. Tôi chỉ có một chiếc áo đẹp nên khỏi mất công chọn lựa. Tôi đem áo lụa ra phơi. Ánh nắng làm cho sắc áo nhạt hơn. Màu mỡ gà bấy giờ tựa vạt nắng phai. Thế nhưng đêm về, dưới ánh trăng, màu áo của tôi lại sậm hơn và những cánh hoa trên vải nổi bật, lấp lánh, óng ả. Mặc áo này, tôi biết mình xinh xắn hẳn ra nhưng ít khi dám mó tới vì sợ nó mau cũ. Tôi cất kỹ trong rương, dành khi hội hè, đình đám. Tôi lăng xăng " chưng dọn, sửa sang" tay chân, mình mẫy rồi đi ra chỗ trình diễn của đoàn văn công.

Tưởng mình đến sớm nhất nhưng tới nơi mới biết còn chậm chân. Trước cái sân khấu lộ thiên, khán giả đông nghẹt. Dường như dân trong xã kéo rốc ra đây xem hát. Kẻ đứng, người ngồi, tiếng nói, tiếng cười, tiếng gọi nhau ...tạo thành một âm thanh vui nhộn chưa từng có ở một nơi hẻo

lánh thế này. Chỗ tốt đã bị giành hết. Sân khấu cách xa nơi tôi đứng khá xa. Như vậy sẽ khó thấy. Chưa kể, đến màn gay cấn khán giả đứng cả dậy thì hết phương. Trừ khi tôi trèo lên nhánh cây cao.

Vừa lúc đó có tiếng gọi: " Nhạn".

Giật mình quay lại, tôi bắt gặp khuôn mặt tươi tỉnh của Phi Quân Sĩ. Hồi sáng, anh vào xóm mượn một ít bàn ghế dùng kê sàn diễn. Nhà nào cũng sốt sắng đưa cho anh mượn một hai cái bàn. Ba tôi cũng vậy. Ông vác cái bàn duy nhất trong nhà cho anh mượn. Đã vậy, ông còn mời anh ở lại ăn cơm trưa. Thấy cảnh tôi trải chiếu dưới đất để dọn cơm, Phi lúng túng vác bàn đem trả. Ba tôi la om sòm. Ông bảo nếu Phi từ chối thì ông sẽ khiêng hết mấy cái giường ra cho mượn luôn. Túng thế, Phi phải nhận lời. Anh về đoàn, lát sau trở lại với chai rượu thuốc, biếu ba tôi. Ông già cảm động quá trời, bảo anh ngồi uống trà chờ ổng kiếm mồi nhậu. Tội nghiệp mấy con gà! Chúng bị ba tôi rượt chạy tán loạn. Ông đổ cả mồ hôi trán mà không tóm được con nào. Bực quá, ông bắt con gà mái đang ấp đem đi cắt cổ. Ông với Phi hè hụi nấu nướng rồi cùng nhau thù tạc, chén thưởng, chén phạt một hồi. Chai rượu vơi quá nửa Phi đỏ mặt tía tai như dậm phấn hồng hơi dầy. Có lẽ anh đã say, anh bắt đầu huyên thiên, thổ lộ nỗi lòng của mình:

Giặc giã tràn lan. Thanh niên trong làng xung vào du kích. Phi cũng đi theo. Anh định phen này sẽ ra trận, bắn gục vài tên giặc, kiếm dăm ba cái huy hiệu anh hùng đeo chơi. Nhưng khi giáp trận anh vỡ lẽ. Muốn trở thành anh hùng quân đội đâu phải dễ. Phải gan dạ, thông minh và bắn đâu trúng đó. Đằng nầy, từ cha sanh mẹ đẻ đến giờ, Phi có cầm súng hồi nào đâu. Nghe tiếng súng đã hết vía, chỉ muốn chui tọt xuống hầm trú ẩn. Trông thấy đạn bay ngang mặt liền nhắm nghiền hai mắt. Bóp cò loạn xạ. Hết đạn, chẳng có tên giặc nào ngã gục. Sau đó, Trung đội trưởng thấy Phi còn quá trẻ, hỉ mũi chưa sạch, ông phân công cho Phi lo việc hậu cần. Từ đó, tối ngày anh tối mắt, tối mũi với lửa khói...bếp. Phi an phận làm anh nuôi. Cũng không dễ gì. Vừa nấu ăn vừa đánh giặc, kiêm luôn tìm thực phẩm. Có khi đang nấu cơm thì có trận càn của địch, Phi phải ôm nồi cơm ... chạy. Bỏ lại thì sợ anh em bữa đó nhịn đói. Có lúc lương thực cạn queo, Phi phải đào củ chuối, bắt ốc, hái rau, câu cá... để nuôi quân. Đến khi đoàn văn công ghé ngang qua chỗ đóng quân, Phi mê quá, anh xin thủ trưởng cho chuyển ngành. Thời giặc giã, cái chết kề bên. Mọi việc được giải quyết nhanh chóng theo nguyện vọng của anh em. Vậy là Phi bắt đầu đi theo đoàn. Anh tiếp tục nhiệm vụ...anh nuôi nghệ sĩ. Thỉnh thoảng, anh cũng được lên sân khấu đóng vai...quân sĩ. Phi kiêm luôn trưởng ban dọn dẹp sân khấu. Công việc tuy vất vả nhưng Phi hài lòng lắm. Dù sao đêm nào anh cũng được coi hát khỏi trả tiền. Đã vậy, Phi còn được ăn chung mâm, ngủ chung mùng với kép chánh. Lâu lâu, gặp trận càn bất ngờ, Phi cũng được cầm lại cây súng mà bắn địch. Tính ra tiện lợi nhiều bề.

Đêm nay, có lẽ vì nhớ ơn ba tôi đã ra công chiêu đãi, Phi tìm cách đền đáp. Anh dẫn tôi đi vòng ra sau "hậu trường". Anh bảo tôi leo lên sân khấu, ngồi sau " cánh gà" được che tạm bằng mấy tấm lá vàng bạc ghép lại. Ở đó, tôi có thể nhìn rõ từng cái nhăn mặt, nhíu mày của đào kép, thấy không sót nhưng lúng túng của họ khi quên tuồng bất ngờ. Tôi phục sát đất là đào Thiên Kiều. Cô đẹp lộng lẫy trong vai Tây Thi. Tà áo có gắn kim tuyến lấp lánh dưới ánh đèn măng-sông sáng choang. Tây Thi ca vọng cổ mùi chưa từng thấy. Tôi cứ phải lau nước mát từng hồi. Gần đến màn chót, bổng dưng Thiên Kiều bị...sốt rét. Cô run cầm cập. Người trong đoàn phải lấy mấy cái chăn trùm kín mà cô vẫn ...lạnh run. Trưởng đoàn phải cáo lỗi và xin khán giả giải lao mười lăm phút để chờ Tây Thi bình phục. Nhưng hết lạnh, nàng lại chuyển sang nóng. Chẳng lẽ cho vãn hát trong khi đoạn cuối nầy, Tây Thi phải ca sáu câu vọng cổ rồi theo Phạm Lãi về nước là xong. Trưởng đoàn chạy tới chạy lui như gà mắc đẻ. Sơ ý, vấp phải tôi. Ông lăn cù trên sàn diễn. Tôi hoảng vía, sợ ông nổi nóng mắng cho một trận. Nhưng ông lồm cồm ngồi dậy, như bắt được vàng, ông reo lên:

- Đây rồi, đây rồi!

Ông nắm lấy bàn tay tôi rồi nói với Phi:

- Nè, Phi quân sĩ, anh cho tôi mượn cô bé này đóng vai Tây Thi màn cuối nghe!

Tôi kinh hải kêu lên:

- Trời ơi, con đâu biết ca vọng cổ. Chú kêu mấy chị khác đi.

Ông khoát tay lia lịa:

- Đừng lo! Bỏ, bỏ, bỏ mấy câu vọng cổ. Cháu khỏi lo. Chỉ cần mặt áo Tây Thi, cháu đi ra, đứng quay lưng về phía khán giả rồi đưa hai tay lên trời và nói lối như thế này này.

Ông vừa nói vừa điệu bộ:

- Phạm Lãi chàng ôi...! Khói lửa ngút trời, tang tóc phủ trùm vạn vật. Biết thiếp có còn gặp lại chàng chăng?

Ông quay nhìn tôi:

- Phi sẽ đóng vai quân sĩ của địch, dùng gươm đâm lén Tây Thi. Cháu gục xuống vầy nè rôi tắt thở. Lúc đó, Phạm Lãi xuất hiện, chàng ta sẽ kêu lên "Trời....ơi! Tây...Thi...! Tây...Thi...nàng đã...chết! Phạm Lãi sẽ bồng Tây Thi rồi thống khổ kêu lên" Tây Thi nàng ôi! Ta sẽ đưa nàng về đất Việt và suốt đời sẽ làm kẻ giữ mộ cho nàng.

Ông xua tay:

- Xong, khỏe re!

Nhưng Phi phản đối, anh không chịu cho kép Hùng Dũng bồng tôi với lý do " Sợ ba tôi rầy" và coi chừng Thiên Kiều ghen. Túng thế, ông bầu đành để Phi thay Hùng dũng thủ vai chính, còn Hùng Dũng thì biến thành quân sĩ.

Người ta kéo tôi vào trong, lấy phấn đánh lên đôi má rám nắng của tôi. tô một lớp son đỏ thắm lên đôi môi tôi, đặt vương miên lộng lẫy lên đầu và khoát cho tôi chiếc áo Tây Thi rồi...xô tôi ra sân khấu.

Tôi chới với, suýt chút nữa phát khóc vì sợ. Ôi, bao nhiêu cặp mắt đang nhìn chòng chọc vào tôi. Có vài câu xì xầm vang lên!

- Tây Thi màn này lạ... mà đẹp!
- Ủa, sao quen quen !
- Đẹp quá !

Tưởng như hồn mình bay bổng tận chín tầng mây. Tôi sung sướng lượn vài vòng trên mặt...mấy cái bàn làm sàn diễn rồi ngữa mặt , đăm đắm nhìn bầu trời đầy sao, tôi kêu lên:

- Ôi hỡi các vì sao, hỡi ánh trăng huyền diệu! Hãy soi rõ đường cho ta tìm gặp được chàng! Phạm Lãi chàng ôi! Chàng ở đâu? Chàng ở đâu?

Và tôi khóc. Một lúc sau, khi xúc động đã lắng xuống, tôi gào lên:

- Chàng ôi! Thiếp đâu còn xứng đáng với chàng nữa, một người anh hùng của nước Việt quí yêu!

Tôi gục xuống. Có tiếng chắc lưỡi trong hậu trường:" Trời, tuyệt quá!" Vừa lúc đó, kẻ gian lẽn vào, hăn chém một nhát ...nhẹ hều vào lưng tôi. Tôi kêu lên:"A..." và ngã vào đôi tay rắn chắc của...Phi Pham Lãi vừa chạy tới. Anh chàng thở hào hển như đang vượt dốc. Phi nhấc bổng tôi nhưng anh trở chứng không chịu bồng tôi vào trong cho người ta hạ màn mà lại đi vòng vòng rồi gào thảm thiết:

- Tây Thi nàng ôi, ta sẽ mang nàng đi cùng trời cuối đất. Nơi đó không có chiến tranh, chết chóc mà chỉ có tình yêu.

.....Chúng tôi cười vang, dì Tư cũng cười theo, Trúc thắc mắc:" Rồi sao nữa Dì Tư?"

Dì Tư đỏ mặt kể tiếp:

- Phi gục xuống...để lỗ mũi lên gò má dì mà hít nghe một cái rột.

Như vỡ chợ, tiếng cười ầm ĩ vang lên, tôi nóng nãy:

- Kể tiếp đi dì Tư!

Dì mĩm cười:

- Thì màn hạ. Ôi thôi người ta khen quá trời! Thấy vậy, ông bầu tới nhà xin cho dì theo đoàn hát để phục vụ nhân dân.

Trúc mơ màng:

- Thích quá! Vậy là dì thế chỗ đào Thiên Kiều phải không?

Lắc đầu thở ra, Dì Tư buồn bã nói:

- Đâu mà có. Bữa đó tổ đãi dì diễn hay như thế, chứ chừng chính thức vào đoàn dì mới nhận ra mình chỉ có khả năng...làm "tì nữ" mà thôi. Đó là lần đầu cũng là lần cuối dì được đóng vai chánh.

Dì Tư đi vào trong buồng. Lát sau, dì lấy ra một chiếc áo vương phi cũ kĩ. Màu vàng rực rỡ đã phai nhạt. Những đóa hoa kim tuyến đứt đoạn, rời rạc, không còn sức quyến rũ. Chiếc áo gợi nhớ về quá khứ xa xăm và nỗi buồn trước cổ xe thời gian chở theo thanh xuân và hy vọng. Chiếc áo đánh dấu kỷ niệm ngọt ngào và là nhân chứng của tàn phai, phiền muôn.

Dì Tư nhìn về phía chân trời, giọng đượm buồn:

- Đây là chiếc áo Tây Thi ngày ấy. Trước khi chết vì trúng đạn pháo của địch, Thiên Kiều đã

tặng lại cho dì. Cô ấy muốn dì tiếp nối đoạn đường còn lại. Nhưng dì đã phụ lòng mong đợi của Thiên Kiều. Dì yêu sân khấu nhưng không có khả năng diễn xuất. Khi cuộc chiến trở nên khốc liệt, một số nghệ sĩ trong đoàn hy sinh. Đoàn rã gánh. Dì trở về quê cũ cho đến giờ.

Tôi gạn hỏi:

- Còn Phi Quân Sĩ thì sao hả đi ?

Dì Tư phì cười, chỉ về phía chồng con:

- À, còn Phi Quân sĩ thì theo dì về đây đóng vai ...cha của lũ nhỏ nhà nầy nè.

Dì Tư mang chiếc áo ra sân phơi nắng. Tà áo Tây Thi phất phơ trong gió chiều. Có tiếng thở dài não nuột. Tôi bồi hồi nhin mặt trời chếch bóng phía xa mà tưởng tiếc thời vàng son nào xa khuất.

NGUYỄN THỊ MÂY

thơ

BẾN XƯA

LÊ VĂN TRUNG

tặng Ngọc Thư

dòng sông xa cội nguồn xưa
như em từ độ nắng mưa xứ
người nào hay bên lở bên bồi
bến chiều quạnh quẽ mùa vơi mùa đầy
cây tàn thu gió vàng bay
đau từng chiếc lá rụng đầy bến sông
buồn vui ấm lạnh quê chồng
để thương nhớ lại chập chùng bờ lau
chuyện nghìn năm cũ phai màu
dòng Thu nước chảy về đâu mấy mùa?

Hội An 1995

LÊ VĂN TRUNG

truyện ngắn

CÁI VÕNG

HỒ THỦY

Chòng chành đong đưa qua lại như chiếc thuyền nan đi trên biển, nó làm cho Phương say say nhợn nhợn muốn ói, bà nội nói đi trên biển cũng có cảm giác say như thế này nhưng nó mạnh hơn vì sóng biển nhấp nhô chòng chành nhiều hơn, nếu Phương muốn mai kia mốt nọ đi vượt biên với cha mẹ thì phải nằm võng cho nhiều, đẩy võng cho mạnh để làm quen với cảm giác say sóng thì sẽ không bị say nữa, bà nội dặn Phương mỗi ngày phải qua đây với nội, nằm trên chiếc võng của ông nội thường nằm để tập cho quen.

Phương chỉ được nằm ké võng của ông nội vào những lúc ông đi vắng, còn khi ông ở nhà thì dễ dầu gì...ông luôn chiếm ngự nó như nhà vua chiếm ngự ngai vàng. Mỗi ngày tan học Phương vội vàng thay áo quần chạy nhanh qua nhà nội – rất gần với nhà Phương – có khi thấy ông nội đã nằm đong đưa trên võng, miệng ngậm điếu thuốc rê, Phương năn nỉ:

- Ông nội, xuống đi nhường cho con nằm.

Ông hứ một tiếng, vừa mắng yêu vừa nhỏm dậy bước ra khỏi võng:

- Cha mày, ngon quá ha...

Mùi mồ hôi và mùi thuốc rê của ông nội "ám" vào cái võng, nó nồng nồng, ngai ngái, hăng hăng và khét khét thế nào ấy, Phương phải lấy cái gối của bà nội để kê dưới đầu, gối của bà thơm mùi bồ kết gội đầu và mùi dầu dừa xức tóc, Phương rất thích hai cái mùi này, không cần có lời ca dao lục bát ru hời " ầu ơ..." mà Phương cũng đi vào giấc ngủ thật dễ dàng; mặc dù năm nay Phương mười bốn tuổi.

Lúc này ông nội ít đi họp hội với các bạn thơ như trước nên cái võng không còn "rảnh rang" để cho Phương xí phần. Bây giờ thì trước "ngai vàng" của ông nội có thêm một cái tivi của cô út mua tặng, ông nội thích thú khi vừa nằm trên võng để đong đưa nhè nhẹ vừa xem tivi và vừa...ngủ, mỗi lần như thế bà nội cười và nói đùa:

- Ông nội cháu đang "ba trong một".

Nhà Phương ở phố, thuộc dạng nhà ống bề ngang bốn mét, bề sâu mười sáu mét, ở ngoài cửa chính bước vào gặp ngay phòng khách, kế đến là phòng ngủ của cha mẹ, cuối cùng là khu vực bếp với phòng ăn, một phòng vệ sinh chung cho cả nhà, ở trên có một gác lửng dành cho mấy chị em.

Bà nội mua cho nhà Phương một cái võng để khỏi phải qua nằm ké của ông nội, mẹ đặt nó ở phòng khách, trước cái tivi. Mấy lần Phương cũng đã nằm rồi, nó rất là êm không thua gì võng của ông nội, tuy vậy Phương vẫn không thích gì lắm, mặc dù nằm ở đây cũng xem được ti vi như bên nhà nội nhưng làm như nó thiếu thiếu một cái gì đó, nó không lôi cuốn được cái lưng của

Phương ghé vào.

Buổi tối khi cả nhà đông đủ thì cái võng là điểm nhắm của mọi người – trừ Phương ra - mấy đứa em thì khỏi nói, thích ghê lắm, dành nhau rồi cãi nhau chí chóe làm cho cha bực mình, thế là cha liền "chiếm ngự" nó để khỏi có đứa nào xí phần khóc la, chỉ có út là được nằm trong lòng cha, được cha đu đưa cái võng êm êm...còn mẹ thì lúc nào cũng nhường hết cho cả nhà, mẹ chỉ nằm võng khi mọi người trong nhà không ai thèm "xí phần" nó. Riêng Phương thì vẫn ưa thậm thà thậm thụt chạy qua nhà nội, năn nỉ ông nội nhường cho Phương nằm ké với cái gối của bà nội kê dưới đầu.

Cuối cùng thì ông nội bê tivi vô phòng, để trên tủ áo cao một mét hai kê ở trước giường, vừa nằm xem tivi vừa…ngủ. Bà nội lại nói đùa:

- Lúc này thì ông nội chỉ còn "hai trong một".

Bởi vì ông nội đã phải nhường "ngai vàng" cho Phương.

Hôm nay đi học về, chạy qua nhà nội định nằm ké võng như mọi hôm nhưng ông nội than rằng:

- Bữa nay ông nội đau lưng, khó ngủ quá nên phải nằm võng cho êm lưng đặng dễ ngủ, đừng buồn ông nhé.

Phương cười, mượn cái gối của bà nội đem về nhà để kê đầu mỗi khi nằm võng, nhưng không làm sao có được cái cãm giác thích thú như khi được nằm trong võng ở nhà nội.

Dưới bếp chị giúp việc đang xào nấu thức ăn, mùi thơm bốc lên tận trên nhà, Phương chạy xuống thấy dĩa tôm lăn bột chiên, đưa tay định nhón một miếng thì bị chị giúp việc lấy chiếc đủa đánh nhẹ một cái vào tay Phương, chị la:

- Ăn hổn hã?

Phương giận dỗi bỏ qua nhà nội, hôm nay ông nội vắng nhà, bà nội đang nằm đu đưa, thấy Phương, bà tự động đứng lên nhường võng cho Phương và vô phòng lấy thêm cái gối; Phương dụi mặt mình vào gối hít mùi hương của nội:

- Nhất bà nội của con.

Nội cười:

- Cha con bé, khéo nịnh quá đi.

Bà nội mở lồng bàn lấy miếng chả giò đưa cho Phương:

- Ăn đi, hôm nay bà nội chiên chả giò.

Ah; bây giờ thì Phương đã hiểu tại sao nằm võng bên nhà nội thích hơn nhà mình, đơn giản thôi vì lúc nào nội cũng có sẵn một cái gì đó để cho Phương. Đang nằm đu đưa trên võng; nội tới gần đưa cho Phương một miếng khóm vàng ươm, tươm mật ngọt – nếu hôm đó nội nấu canh chua, có khi là một lát thịt heo luộc hay một cái hột gà, đôi khi là thỏi kẹo chocolat, miếng xoài, trái cóc, ổi mà bà nội đã gọt sẵn, hình như là nội để dành chờ Phương qua…v…v…Bao giờ cũng vậy, như chỉ chờ Phương vừa nằm xuống võng là bà nội dúi ngay vào tay Phương một món gì đó ăn được, rồi bà vừa làm bếp vừa kể chuyện cho Phương nghe. Cái võng của nhà nội có hồn, có không khí, có tiếng nói tiếng cười của nội, có món quà nho nhỏ nội đưa để Phương cho vào miệng…nói

chung là cái võng vừa đu đưa vừa mang nặng tấm lòng vĩ đại đầy yêu thương của bà nội.

Bà nội bịnh, bà không thích nằm trên giường vì cái giường ở tuốt trong phòng, bà thích nằm võng hơn vì cái võng kê ngay phòng ăn liên thông với bếp, nằm nơi đây lúc nào cũng gặp mặt các con cháu đến thăm, sinh hoạt nói cười vui vẻ làm bà nội không cảm thấy buồn và cô đơn.

Phương vẫn thường xuyên qua nhà nội, không xí phần cái võng nữa mà lại thích ngồi dưới chân võng nội nằm để xoa bóp chân tay cho nội, bà nội cũng đu đưa cái võng nhè nhẹ và mỗi lần như thế nó lại đụng vào người Phương đều đều, nhịp nhàng, êm êm.

Lần này thì ông nội nói:

- Bà nội của con đang " ba trong một". Này nhé 1/ nằm võng, 2/ đưa võng,3/ được cháu xoa bóp chân tay.

Bà nội cười yếu ớt, nói một câu trong bài dân ca nào đó rất quen:

- Đố ai nằm võng không đưa?

Không ai trong đại gia đình của nội có thể nghỉ rằng bà nội ra đi nhanh như thế, hiền lành êm ái đến như thế. Buổi sáng thức dậy bà nội than với ông nội:

- Hôm nay tôi mệt nhiều hơn hôm qua.

Ông nội nói:

- Để tôi đi mua phở cho mình ăn nhé.

Bà nội gật đầu, ông nội cầm gà mên đi mua phở, lúc về thấy bà nội đang nằm ngủ trên võng, ông không nở gọi bà dậy nên để gà mên phở trên bàn, ông qua bên sân chùa tập thể dục, lúc về nhà thấy bà vẫn còn ngủ, cái võng ôm gọn lấy thân người bà nhưng không đu đưa như mọi khi. Ông nội khều khều chân kêu bà dậy ăn phở nhưng... không bao giờ bà thức dậy nữa.

Phương cảm thấy mình là người đau đớn nhiều nhất, mất mác lớn nhất khi không còn bà nội, không còn có được cảm giác của sự va chạm nhẹ và đều mỗi khi bà nội nằm đu đưa cái võng làm nó đụng vào người Phương, cũng không còn được bà nội trao cho một món gì đó để ăn mỗi lần Phương qua nằm trong võng của nội. Bây giờ thì Phương chỉ còn có duy nhất chiếc gối của nội, nó vẫn giữ nguyên mùi thơm của bồ kết nội gội đầu và dầu dừa nội xức lên tóc.

Phương nằm trên võng nhà mình, ôm gối của bà nội, vùi mặt mình vào đó vừa khóc vì nhớ nội, vừa hít lấy hít để mùi hương của nội còn đọng lại trên gối, bây giờ có thêm mùi nước mắt của Phương nữa, nó mặn mặn và rất buồn...

Bà nội ơi; con nhớ bà.

HỒ THỦY

truyện ngắn

MÙA HẠ BUỒN TÊNH

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

Có lẽ suốt đời tôi không biết đến hương vị dịu êm của mùa Hạ là gì.

Tôi sinh ra và lớn lên trong thời loạn ly. Ngoài việc chạy bom chạy đạn thuở bé tại quê nhà, kể cả khi được đi học ở trường Quận Đông Triều cũng mấy lần tôi xém chết vì bom mìn trên Quốc lộ 18.

Vào Miền Nam, tôi là thứ thằn lằn đứt đuôi tự nuôi mình lớn. Nên, cũng chẳng bao giờ có mùa Hạ để nghỉ ngơi nói chi đến việc đi núi, đi biển như các bạn cùng lớp, cùng lứa ở tuổi thiếu niên lắm mơ nhiều mộng.

Phải tự nuôi thân, tôi lại không chăm chỉ học hành đã để cho niên học nào đi thi cũng trượt, chỉ quá dư điểm để thi lại kỳ hai. Nhiều gia đình bằng hữu có xe hơi và nhà mát tại Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu ... thương mến tôi có nhã ý cho tháp tùng để biết thế nào là phú quý. Thế mà chả bao giờ tôi có dịp đáp ứng lòng tốt của bằng hữu và gia đình họ.

Thời tôi vào đời có câu cách ngôn mới :"Kẻ có, lấy của che thân. Người không, lấy thân làm của". Cả "Có" lẫn "Không" tôi đều thiếu nên phải bó thân bằng ba thước Kaki màu cứt ngựa đậm là chính đáng thôi.

Tôi đã cho là "Đời tàn trên cánh nhạc chơi vơi" từ khi vào đây. Nhưng khi nghe loa phóng thanh Trại nhập ngũ số 3 đọc họ tên cùng số quân với lời phán :"Đủ sức khỏe" vẫn thấy như trời long đất lở. Sân trại sỏi đá bụi mù, không một bóng cây một ngọn gió, trời nắng chang-chang sao trước mắt tôi lại đen xì đen xịt ...

Những người tuân hành lệnh gọi nhập ngũ và những kẻ bị cảnh sát "tuyển" đẩy lên xe cây ở "tám nẻo đường thành" đưa đến Quân Vụ Thị Trấn rồi bây giờ ở đây cũng có chung một thủ tục : "Vào hàng dọc, thẳng" nếu như đủ sức khỏe.

Mỗi người trong hàng được các bậc lính cũ phát cho một xấp giấy tờ là Hồ Sơ Quân Bạ có cả Y bạ với ba chữ đỏ lòm ĐSK. Ai có nó là Đời Sẽ Khổ. Mà, khổ vì không cố học thật giỏi để đi Du học cái hay cái mới về làm nhân tài phụng sự tổ quốc hoặc chui vào các cơ quan công quyền với nghề nghiệp chuyên môn để được miễn hoãn dịch là tôi thua cạn láng rồi.

Đau đớn và nhục nhã cho tấm thân nam nhi bảy thước của mình lại mắc cở với anh em bằng hữu. Câu cách ngôn mới "Thua thầy một vạn không bằng thua bạn một ly". Khi "Đời Sẽ Khổ" chỉ có ba tiếng ngắn lại rút gọn tối đa lúc khắc dấu đóng vào Y bạ cho tiện việc nhà binh là ĐSK đã xác định một thân phận : "Tôi sinh ra đời với một ngôi sao xấu", tôi tự biết mình đã thua bạn bè cả tỉ lần về tất cả mọi phương diện.

Thua thầy, kém bạn cứ cho là số phận đi, tôi còn thua cả tụi láu cá vặt. Những đứa to khỏe hơn tôi nhiều lần, có cả mấy bạn cũ của tôi trong đó. Chỉ có vài ngày mà chúng nó cấy được vào thân thể cơ man nào là bệnh như Ho Lao, Sơ Gan Cổ Chướng, Đau Tim ... tất cả đều ở giai đoạn hết

thuốc chữa, phải ra khỏi Trại cấp kỳ để tránh lây lan cho những người Đủ Sức Khỏe phục vụ Quân đội.

Những ngày luân lạc tại Miền Trung, cái nắng ngốt người ở Quảng Trị, mỗi cơn gió Lào thổi qua hắt cái nóng hừng hực vào mặt cùng với cát trắng tung bay mịt mù, cả bầu trời biến thành màu sữa loãng. Mùa Đông, lạnh thấu xương tủy tại Đồng hà, Gio Linh, Cam Lộ ... mưa phùn gió bấc nếu không thì sương mù dày đặc làm tê cóng cả không gian.

Một lần ra Quảng Trị, tôi gặp Nghiệp, người bạn không thân thiết lắm ở sân Tòa Tỉnh Trưởng. Đến khi vào họp ở Tiểu Khu tôi mới biết Đại Úy Nghiệp đang là Quận Trưởng Quận Hương Hóa. Nghiệp đã nhận Ngưu Canh Điền Khí về cấp phát cho dân là đồng bào thiểu số. Trâu bò được trực thăng vận xuống quận chờ cấp phát thì bị pháo kích. Có con bị mẻ sừng què chân nên dân chê trâu gầy bò ốm. Họ đang khiếu kiện về tỉnh. Đại Úy Nghiệp về xin hướng giải quyết. ...

Sợ báo chí biết sẽ làm rùm beng là không tốt cho tỉnh địa đầu vốn được nhiều ưu đãi của cả nước nên ông Đại tá Tỉnh Trưởng khuyến khích tôi lên Hương Hóa ngủ một đêm qua lời mời thân thiết của Nghiệp và đi bằng đường bộ ngắm cảnh núi đồi cho đã mắt.

Ngồi ở ghế trưởng xa cho anh bạn Nghiệp lái, xe chạy theo tốc lực đoàn "Công Voa" của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ có xe tăng và trực thăng võ trang hộ tống. Lần đầu tiên trong đời tôi mới nhìn thấy từng mảng nắng vàng chảy xuôi theo từ đèo cao xuống lũng thấp rồi lại chảy ngược từ khe sâu lên đỉnh những ngọn núi chót vót. Màu nắng màu rừng núi khe suối biến hiện như bảy sắc cầu vồng. Nắng cứ tà tà khuất dần ở những nẻo núi đồi xa xa ở trước mặt ở sau lưng, ở bên trái ở bên phải. Thời gian đi vào hoàng hôn, vài tia hồi quang đã tắt lịm là lúc chúng tôi về đến quận đường Hương Hóa.

Những cây số cuối cùng tôi ngước lên đỉnh cao thấy những ngọn núi xa thâm u pha tí rùng rợn của "Vàng và Máu" khi Nhà Văn Thế Lữ tả núi Văn Dú, truyện của người lớn nhưng trẻ con như tôi ngày xưa còn bé đọc xong đêm không dám đi đái.

Chuyến đi chẳng làm gì này cho tôi cảm nhận thơ Tản Đà hay hơn, kỳ thú hơn khi ngâm nga lúc đối cảnh sinh tình mà bản thân không đủ thi tài. Thi sĩ đúng là bậc Thi Thánh khi ngược Bắc xuôi Nam vào một buổi chiều tà nào đó như chiều hôm ấy, tôi tâm đắc hai câu thơ của bậc Thánh trong bài Cảm thu tiễn thu :

"Sắc đâu chuộm ố quan hà

Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương"

Đêm Hương Hóa ấy tôi còn được nghe thấy gió hú lê thê vang vọng từ hang này kéo qua động khác như tiếng ma gào quỉ khóc oán than cho thân phận mình hay đó là tiếng tức tưởi hờn căm của những người như tôi ở hai bờ sông Bến Hải đã gục xuống, đã nhân gió trăng rừng như đêm nay hét lên những lời phản đối với Lão Tặc Thiên nào đó?

Càng về khuya. Gió hú càng mạnh. Gió hú cả bốn phương tám hướng như hý lộng thần oai. Gió từ hang này thổi qua động khác, từ động nọ thổi qua hang kia đã gặp nhau ở hẻm hốc nào đó để tạo nên những tiếng nổ lớn có lúc liên hoàn có khi cách quãng và những tiếng ù ù bốc thẳng lên trời cao vang vọng khắp cả núi đồi.

Ai đã ở Trường Sơn ngoài miệt Hướng Hóa, cứ vào dịp cuối Hạ đầu Thu vào những buổi chiều vàng, vào những đêm trăng sáng cũng đã có những cảm nhận như tôi.

Mùa Hè Đỏ Lửa là tên một tác phẩm của Nhà văn Phan Nhật Nam và Đại Lộ Kinh Hoàng là tên

chung cho những bài phóng sự về việc Di Tản khỏi Quảng Trị của dân chúng trong mưa bom lửa đạn pháo kích là điềm báo trước cho việc cáo chung của một chế độ, một quốc gia.

Những tháng năm dài phải một mình ôm xô nhiều cơn mộng dữ về Mùa Hạ sao mà thê thảm quá! bây giờ đến thế hệ con cháu tôi. Những đứa trẻ đang còn học cấp 1 cấp 2 và cấp 3 cũng không biết Mùa Hạ là gì. Đất nước không còn binh lửa, những đứa con em nhà khá giả cũng không được hưởng hương vị của Hạ Hồng Hạ Trắng ... Vì bắt buộc phải học Hè dù muốn hay không, vì tiên học Phí hậu học Văn. Chỉ khổ các Trần Minh Khố Chuối nguyên tử thôi.

Vậy, chẳng lẽ Mùa Hạ mãi mãi Buồn Tênh. Đến bao giờ mới là: "Thuở thanh bình ba trăm năm cũ"?

Thanh Đa, 20/5/2002

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

thơ

NGUYỄN MAI

TƯỞNG TƯỢNG EM VỀ

Trên sân, trước gió chiều nay,
Em bừng rạng giữa hàng cây dã qùy
Từ bao mùa gió em đi
Hoa còn nối tiếp với khi em về.

VỚI TRẬN MƯA ĐẦU TIÊN Ở NƠI ĐẾN

Co ro dưới lá cành cao
Lạnh run ở giữa mưa rào bủa vây
Mưa rào đổ xuống từ mây
Biết chăng hạnh ngộ từng ngày vùng cao.

NGUYỄN MAI

NHẬT VỰNG

truyện ngắn

KHÔI HAO

NƠI ĐẾN

Tôi bắt đầu câu chuyện kể như lời sám hối. Ý chừng chẳng còn gì để mất và cũng chẳng sợ mất điều gì!

Tôi lao vào vòng xoáy đảo điên của cuộc sống như một mũi tên không phương hướng. Đập phá đời mình với tất cả trò chơi mà thiên hạ cho là thời thượng. Thời thượng đó các bạn. Thời thượng trong cái đời sống của một xã hội văn minh hiện đại với đầy rẫy những bẫy giăng. Tôi như con bọ ngơ ngác bay vào rồi chết gục không lối thoát. Và chợt giật mình khi biết mình đang vuốt ve thần chết, AIDS đang thăm hỏi tôi. Cơ thể bị bào mòn, hư hao đến quái gở… những giây phút của cuộc đời chậm chạp, nhạt lạc trôi qua như chiếc bánh xe vỡ lốp, nặng nề đến không tưởng. Những hạt đen mọc trên da người và những vết lở loét làm đau đớn thể xác lẫn tâm hồn hành hạ. Thôi thì đã vậy, chấp nhận với cái gọi là định mệnh và hân hoan đón nhận như một kẻ trộm mở được két sắt của lão nhà giàu bần tiện.

Ở tuổi ba mươi nửa đời, một ả gái vô tích sự lêu lỏng với những đêm thâu và ánh đèn đa sắc, những "guy", những viên thuốc trắng vàng đỏ, những mũi kim nhọn lểu đâm vào ven, mong tìm cho mình chút khoái cảm… cuộc đời gác bỏ ngoài tai. Trong cái bóng tối hoang tưởng hư huyễn ấy, dường như không còn tìm thấy bóng mình. Tôi lăn vào vòng xoáy đảo điên như một con thiêu thân thích thú dưới ánh đèn vàng, khi tôi chỉ là một cô bé tuổi mười bốn ô mai xí muội và trong phút chốc tôi trở thành đàn bà. Một con đàn bà hư đốn được bọc trong cái lớp trẻ thơ. Có đủ cay đắng, nói nghe cho đã tai một chút, đủ "tơi bời lá thu".

Khó có thể bắt đầu câu chuyện từ đâu, nhưng thôi hãy bắt đầu từ cái "Tôi" mạt hạng của mình cho dễ.

CÂU CHUYỆN TÔI

Những ngày tháng khốn khó đã qua, khi bố tôi được "thuyên chuyển công tác" về đất Sài Gòn. Ông ung dung ngồi lên chiếc ghế phó giám đốc của công ty nhập khẩu vật liệu xây dựng và kiến thiết nội thành. Mẹ tôi và tôi từ đó cũng "đổi đời theo gió". Từ người đàn bà quê mùa như mẹ với những lao đao hằn trên mi mắt, nay trở thành bà lớn với bao điều còn lúng túng và tưởng chừng lạc giữa thế giới quyền quý xa hoa lộng lẫy giữa phố chợ ngựa xe đông đúc. Tôi cũng vậy, ngơ ngác nhìn mọi thứ dưới ánh mắt lạ lẫm. Những chuyến xe đi về, đèn vàng xanh đỏ chạy hun hút ở những con đường, những cô gái trên những chiếc xe màu sắc, nhân tình dìu nhau trên phố. Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Tất nhiên, điều tôi nhìn thấy ở chốn quê mùa không thể có. Chỉ có chăng là những con đường bụi đất sình lầy và những đàn trâu bò ì ạch kéo cày cho những buổi đồng áng cơ khổ. Những con đường đê chia những khu đất ruộng vuông vắn thẳng

tắp đến lạ kỳ. Những cành hoa lau bạc rũ xuống bóng nước phất phơ theo gió. Tuổi thơ của tôi bắt đầu từ con đường làng thoai thoải chạy quanh co sau những khóm tre. Mẹ tôi tần tảo tháng với ngày nuôi tôi lớn. Ngày ấy ông bố tôi chỉ là người phu hồ cầm bay chạy rông... người của dân mà, ai sai đâu làm nấy hòng cho cuộc sống gia đình thêm chút "ấm no". Thời gian tuổi thơ của tôi trôi đi êm đềm như cơn nước triều lên sông vào những buổi chiều. Bặt hẳn môït thời gian dài lặng ngắt, mẹ tôi đau vì bố tôi ra đi không để lại một lời nhắn. Với cái chất của người phụ nữ Việt Nam... chữ chung, chữ thuỷ và những sợi dây ràng buộc, mẹ tôi kiên nhẫn chờ đợi đến ngày ông trở lại đón mẹ con tôi. Sài Gòn... nơi ấy trong trí tưởng tượng của một cô con nít nhà quê như tôi đây, không tài nào hình dung ra nổi. Nơi sống mới thật lạ lùng trong con mắt và những suy nghĩ của mẹ con tôi. Dường như có điều gì đó chưa thích nghi, như cá nước ngọt lạc vào vùng nước lợ. Rồi ngày tháng nhanh chóng làm cho chúng tôi quen dần và thích nghi "triệt để".

– Dạ thưa anh Năm... ngập ngừng vài giây, rồi nụ cười tươi hiện lên bờ môi khá móm và cong như trái ấu thiếu vành của ông ta. Ông ta nhìn bố tôi nói tiếp:–Đây là chút quà mọn của anh em trong công ty biếu anh, nhân ngày anh nhậm chức.

Tôi nhìn người đàn ông xa lạ kia thắc mắc. Đây là lần đầu tiên có người mang biếu nhà mình với thái độ trịnh trọng đến vậy. Bất giác ông ta nhìn tôi nở nụ cười, rồi nhìn bố tôi hỏi cho có lệ:

– Con gái anh Năm đó phải không ạ? Cô bé trông thông minh hết sức. Anh Năm có một gia đình đầm ấm... ước mong của bọn đàn em đây.

Bố tôi thích thú với những điều ông ta nói:

– Có gì đâu chú, mỗi người có riêng cho mình một tổ ấm, ai chả vậy.

Nói dứt câu người đàn ông lạ đẩy gói quà đến tay bố tôi và đứng lên chào ông ra về. Tất nhiên ông ta không quên bỏ lại câu nói nhắn:

– Hôm nào chị Năm rảnh, em cho bà xã và con em qua thăm chị. Vợ em gặp chị chắc là vui lắm anh ơi!

Từ hôm ấy được sự đồng ý của bố tôi, gia đình người đàn ông lạ thường xuyên lui tới như người ruột thịt. Mãi về sau này tôi mới biết qua miệng của bà Thanh Tước vợ của ông ta. Ông ta là Trúc Nhã trợ lý phó giám đốc trong công ty và là phó giám đốc trong công ty cổ phần của bố tôi. Nói chính xác thì Trúc Nhã là đàn em của bố tôi hay tay sai của ông cũng được.

NHẬN LỜI

Buổi sáng, khi bố tôi vừa ra khỏi nhà đến công ty. Ngoài cửa có tiếng chuông điện réo lên. Tôi bật dậy từ chiếc ghế bành chạy u ra cửa. Bà Thanh Tước đã đứng đó. Bà nhìn tôi cười vui vẻ hỏi:

– Chị có ở nhà không?

Tôi lễ phép cúi chào bà và thưa:

– Mời dì vào nhà. Mẹ con đang làm bếp.

Bà theo tôi bước vào bên trong vui vẻ cất giọng gọi như chim hoạ mi gọi nắng:

– Chị Năm ơi, em Thanh Tước đây. Rồi bà tròn mắt nhìn mẹ tôi và gắt giọng nói thương hại:–Chị vất vả quá rồi. Chuyện bếp núc để cho "Osin" nó làm. Bây giờ chị không còn phải lo nghĩ như xưa. Nếu cần, em tìm cho chị một bà giúp việc.

Tôi im lặng quan sát người khách thân tình của nhà mình. Khuôn mặt trẻ hơn tuổi của bà và cơ thể đầy đặn như con gái mười tám. Thật hấp dẫn. Không hiểu sao ở cái tuổi như mẹ tôi mà bà vẫn còn son đến vậy. Đúng là người Sài Gòn có khác. Ngược lại trên khuôn mặt của mẹ tôi, những vết chân chim đã hằn lên rõ nét tố cáo một thời cơ cực lao đao ở chốn quê mùa nắng gió. Thanh Tước bước đến gần mẹ tôi hơn, bà suýùt xoa tỏ vẻ tiếc nuối và chậm rãi nói:

– Chị ơi! Em không phải nói để dạy đời đâu, nhưng em cảm thấy thương chị quá. Đàn bà với nhau và nhất ở địa vị của mình, chị phải "trùng tu" nhan sắc mình chứ. Không thì các quan bỏ mình mà đi. Chị coi em nè!

Mẹ tôi ngẩn người ra nhìn Thanh Tước ú ớ vì câu nói của bà quá bất ngờ. Bất ngờø đến nỗi mẹ tôi không biết phải làm sao? Có lẽ bà cũng chưa quen với việc "trùng tu" nhan sắc và cũng chưa nghe bao giờ. Rồi trong thoáng chốc, Thanh Tước đưa tay lên mặt mẹ tôi vuốt nhẹ, nhăn mặt nói chua chát:

– Trời ơi, chị coi nè... có thảm không chứ. Những vết nhăn chày ngày tháng mà chị để yên chúng dầy xéo lên trên khuôn mặt đầy chất lãng mạn như chị được sao?

Mẹ tôi im lặng nhìn Thanh Tước, hỏi với chút đượm buồn và cay đắng:

– Vậy tôi phải làm sao cho hết. Tuổi già đành vậy thôi chứ sao cô. Tôi nhỏ lớn giờ chỉ biết cây cuốc cái cày, đâu có hạnh phúc như các cô Sài Gòn.

Thanh Tước nhìn mẹ tôi ngượng ngùng, nhưng rồi ả cũng nói để mẹ tôi vui:

– Chị nói vậy tội nghiệp em, ngày trước em cũng đâu được như giờ. Nhờ có tí tiền, sửa chút nhan sắc mới dễ nhìn như hôm nay. Em muốn đề nghị chị thay đổi một chút thôi mà. Cứ coi như mình thay đổi xiêm áo cho vui. Có hại đến ai đâu nè. Chỉ cho mình đẹp ra thôi, không các quan lại chê cơm nhà thích phở Lolita thì chị em mình chổng vó.

Tôi và mẹ tôi không biết lúc ấy bà Thanh Tước nói gì. Riêng mẹ tôi ngẩn ngừ mãi và rồi bà quay lại thắc mắc hỏi:

– Phở Lolita là gì?

Bà Thanh Tước cười lớn nước mắt trào ra trong sự ngạc nhiên tột độ của chúng tôi. Bà nói sau tràng cười nắc nẻ:

– Bà chị ơi, vậy mà không hiểu thì làm sao không bị các quan gạt chứ. Phở Lolita là cái đám con gái phấn son tơi bời trong mấy tiệm nhẩy và mấy quán bia ôm đó. Bà chị thiệt tình không biết hay là cố ý không biết đây? Tụi nhóc này hay lắm chị... có quan bị nó móc hết hầu bao rồi mà vẫn chưa biết. Nó có nhiều chiêu thức và các miếng võ ghê gớm lắm. Lão Trúc Nhã nhà em cũng có lần vướng vô, nhưng em quậy tưng bừng, nên lão đành phải xếp vó ngựa đó thôi. Mấy quan không tin nổi đâu chị ơi! Chị đừng khờ như vậy.

Khuôn mặt nhà quê đầy nắng gió của mẹ tôi, bỗng chốc đỏ bừng lên vì giận, vì ngạc nhiên. Bà ấp úng nói không thành tiếng. Đó là những gì tôi nghe được lần đầu tiên trong cái thế giới hoàn toàn xa lạ với mình. Rất lâu mẹ tôi như tỉnh lại, bà nói:

– Có thật vậy không cô? Hay cô chỉ nói chơi thôi. Nhưng nếu đúng như lời cô nói thì mình cũng phải nghĩ cho thân mình chứ. Tội vạ gì không làm đẹp cho mình. Đó là để bảo vệ hạnh phúc thì cũng nên làm lắm chứ.

Thanh Tước tròn mắt nhìn mẹ tôi hăm hở. Bà nói vồn vã như sợ người khác cướp lời:

– Còn gì phải nghĩ nữa. Em sẽ đưa chị đi… chuyện tiền nong không đáng là bao chị khỏi lo cho mệt. Phải chỉnh sửa thôi. Mất chồng em không sợ, chỉ sợ các quan mang về cho mình một đại lý "sầu riêng" là chết dở.

– Cô nói nghe lạ quáù tôi không thể hiểu nổi. Nhà tôi trên quê cũng lắm sầu riêng… có chết chóc ma tây nào đâu.

– Chị lại không hiểu rồi. Ýù em nói ở đây là virus bịnh sida đó bà chị. Chị nhìn thấy mấy tấm biển vẽ cây kim để bài trừ ma tuý không. Bên cạnh có một đống tròn tròn có gai đó là HIV đó. Để các ông đi bậy vấp phải cái trái đó là coi như đời mình cũng toi luôn. Trong xóm em có con mẹ có chồng ăn nên làm ra, hách lắm, nhưng sau này té ngửa ra thằng chả mắc bệnh. Tất nhiên thì mụ ta cũng không tài nào né được cái búa của thần chết rồi. Còn về phần chị em mình đã có phần được phước rồi thì phải biết mà giữ gìn. Vả lại chị em mình đã mắc cạn vào đời các quan rồi thì phải cố chống chèo cho qua.

Song bà quay lại nhìn tôi và nheo mắt như kéo tôi về phía bà, nhằm làm thành một khối liên minh vững chắc để thuyết phục mẹ tôi: –Con thấy không, dì nói đến vậy mà mẹ con vẫn chưa chịu đó. Bà chị khó tính quá.

Thật tình lúc ấy tôi không hiểu gì. Mãi về sau này, tôi mới biết bà làm như vậy hòng mong lấy lòng mẹ tôi, cho việc thăng tiến của chồng bà. Dù sao lệnh quan bà bao giờ cũng nặng ký hơn và dễ nói hơn khi đã lỡ "ngậm ngọc". Chiêu "mở miệng mắc quai", tuyệt chiêu, từ ngàn xưa đến bây giờ chưa có một quan bà nào vượt qua được ải đó. Tất nhiên mẹ tôi xiêu lòng và làm theo sự sắp xếp của Thanh Tước.

Mẹ tôi ngồi rất lâu, lắng nghe Thanh Tước giảng giải như một chuyên gia sắc đẹp, một nhà hùng biện. Điều đó với bà rất lạ. Bà như lạc vào mê cung bí sử nào đó xa xôi. Thanh Tước cứ thao thao bất tuyệt về những bàn tay vàng có thể biến quỷ dạ xoa thành tiên nữ. Bà diễn tả bằng tất cả tâm huyết, bằng tất cả sự thành thật và cả những tráo trở trơ trẽn đến buồn cười, nhằm phá sập bức tường đá trong lòng mẹ tôi. Và cuối cùng bằng những cố gắng của mình, sự thành công đã mỉm cười với ả. Câu chuyện của mẹ tôi và bà Thanh Tước kéo dài rất lâu, qua những khúc quanh… đến những nơi đồng nội, vượt qua những chặng đường gió bụi và đến điểm. Chúng tôi bước ra khỏi nhà trong sự hoan hỷ của Thanh Tước và nỗi ngập ngừng của gái quê già.

Trong tập truyện **Nhật Vựng**

KHÔI HẠO

Khôi Hạo tên thật là Nguyễn Khôi Hạo.

- Sinh ngày 08-12-1970 tại Sài Gòn.
- Sau năm 1980 theo gia đình về quê lạc nghiệp, là con trai thứ trong gia đình.
- Bố: thi sĩ Tô Thuỳ Yên .
  Mẹ: nữ văn sĩ Nguyễn Thị Thuỵ Vũ.

HỒN TA ĐÃ VỀ ĐÓ

thơ

KIÊM THÊM

mai sau mưa mái hiên
là hồn ta về đó
em ngồi học bên đèn
ta dỗ dành sách vở

đời ta là giấy mực
em gieo thơ Thịnh Đường

chép một bài tứ tuyệt
hồn thiêng, em có hay

em sách đèn có thấy
ta hoa ép khô tàn
chỉ một ngọn gió cuốn
đời hoa nhập nắng vàng

ta là tiếng guốc mộc
sáng trên phố chiều mưa
che nghiêng vành nón trắng
màu chiều ai tiễn đưa

ta là hoa bồ kết
thơm mái tóc kiêu sa
ta lòng gương ý lược
tiễn bước chân người qua

chiều nay mưa bên sông
nhìn tấm lòng đã cạn
thấy người bao năm trước
nguyên vẹn đứng trong hồn

KIÊM THÊM

QUÁN BÊN SÔNG

truyện ngắn

LÊ MAI

Quán Uyển Lan đã thưa khách, tiếng nhạc dịu dàng thu nhỏ lại, ở một góc vườn cặp tình nhân cuối cùng dìu nhau đứng dậy. Chỉ còn ông Hiếu, ông ta bao giờ cũng là người về sau chót. Đêm nào cũng vậy, ông Hiếu đứng dậy tự tay xếp lại chồng ghế, sắp dọn từ bàn ông ngồi sang các bàn khác. Quán có người phục vụ, nhưng từ lâu rồi ông Hiếu trở thành người khách quen đến độ tự xem mình như người nhà. Uyển Lan không thể từ chối lòng tốt của ông. Cô gặp ông từ khi mới hợp đồng đất mở cái quán cà phê vườn này. Ông đã giúp đỡ cô rất nhiều, khi hình thành xong quán, ông còn giới thiệu, đưa khách đến ủng hộ. Ông góp ý và sưu tập cho cô giàn hoa lan, các loại hoa leo, cây kiểng, chọn giúp cô những đĩa nhạc hoà âm. Ông sành nhạc, từng trãi và lịch lãm, luôn luôn tử tế với cô. Uyển Lan đã dành chỗ bàn riêng nơi góc ông thích. Ông hay đến một mình, nhưng bàn ông ngồi luôn đặt sẵn hai chiếc ghế để Uyển Lan sau những vòng chào đón khách vào quán sẽ đến ngồi trò chuyện cùng ông.

Đêm nay, ông Hiếu không về. Khi những người giúp việc cho quán đã về hết ông vẫn còn ngồi lại, quanh chỗ ông ngồi những tàn thuốc rơi vãi lác đác, thường thì ông rất ý tứ dụi vào chiếc gạt thuốc lá trên bàn, hôm nay ông có vẻ buồn bả, đăm chiêu lắm. Uyển Lan không dám nhắc nhở người ân nhân rằng: Đêm đã khuya, sắp hai mươi bốn giờ rồi, chỉ còn chiếc bàn của ông là chưa dọn. Ông Hiếu không nhìn Uyển Lan, ánh mắt ông xa xôi vời vợi:

-Tôi đôi khi không biết mình về đâu!

Tiếng nhạc đang u trầm hát lên tâm khúc bơ vơ lạc lỏng :... "chẳng biết đâu là nhà..." cô cũng vậy, Uyển Lan thấy mình đồng tâm trạng, bơ vơ cô độc "lữ khách không nhà...". Mưa khuya ngoài trời rất nhẹ, phố tĩnh lẽ yên lắng, khung cảnh đất trời chìm sâu vào màn đêm tĩnh mịch. Trong ánh đèn mờ ảo chỉ còn người đàn bà lẻ loi và bóng người đàn ông mái tóc lơi lơi ẩn chìm trong màn đêm và khói thuốc.

Uyển Lan cảm thấy mình cô đơn tội tình, chạnh lòng cô nghĩ đến chồng – Hưởng, giờ này đang làm gì? – Sau chuyến hàng thua lỗ, anh bán xới nhà cửa ruộng đất, gia tài của người mẹ già để lại. Hưởng bàn với Lan rằng anh phải làm ăn xa xứ mới mong xây dựng lại sự nghiệp; vào thành phố có vài người bạn chí cốt sẽ giúp đỡ anh, bắt đầu góp cổ phần một cơ sở công ty "Hãy giúp anh, em cố gắng giúp anh giai đoạn đầu". Cô nhớ từng lời van vỉ của chồng. Không có điều kiện đưa vợ con theo cùng lúc này. Hưởng đã ở trong thành phố. Một năm, hai năm rồi sáu năm...

Những năm đầu, tuần nào Hưởng cũng về với mẹ con một hai hôm, lâu dần rồi thưa thớt, từng tháng, rồi nhiều tháng... Uyển Lan phải thông cảm cho Hưởng nhiều công việc bận rộn quá. Kể từ khi hai đứa trẻ lớn lên, thằng An xong phổ thông cấp III, nó vào thành phố thi đại học, đậu và ở với bố nó ở trong đó; con bé Bình nhong nhóng theo vào với bố, với anh. Thành phố lớn hẳn là nhộn nhịp đông vui, đầy sự mới lạ, đến hè là nó tự sắp xếp hành lý đòi mẹ cho vào trong. Thằng con trai mỗi năm về thăm mẹ mươi ngày, nó đã có việc, vừa học vừa làm thêm, thời gian đâu mà ở lâu với mẹ! Để cho con có cơ hội tiến thân cô đành chấp nhận hết. Uyển Lan nghĩ một ngày nào đó, khi có đủ vốn liếng để mua nhà thành phố, cô cũng sẽ vào ở với chồng con.- Đó là mục đích ước

mơ.

Nhưng ngoài mục đích vật chất, thực tế con người ta còn có những nhu cầu khác, những đam mê đòi hỏi tình cảm khác, Uyển Lan đã phải sống vò võ, canh cánh tự giữ mình. Cô đã được gì? Những ngày rộng tháng dài trói mình vào cái quán, quán càng có đông khách thì sự xa cách của cô với chồng con càng tăng. Cô chỉ có niềm an ủi là số tiền trong tài khoản ngân hàng tích tụ gần tới đích.

Cô đơn, đêm nay Uyển Lan cô đơn, đã bao đêm trường cô úp mặt khóc thầm, cay đắng, người ta có cặp, có đôi, vợ chồng con cái đề huề êm ấm, cô sao như cái bóng lầm lũi, thiếu vắng, trống không. Giận hờn nhiều khi len vào lòng, có những nghi hoặc trách cứ chồng; Hưởng ơi! Có biết dằng sau những đạo đức giáo điều, trách nhiệm và bổn phận, cô còn là một người đàn bà.

... Sao Hưởng lại vô tâm vô tình đày đoạ cô sống như một nữ tu? Có lẽ nào anh ta không hiểu biết gì sao? Hay có thể tình yêu quá nhẹ – Chỉ còn chút bổn phận trách nhiệm đơn điệu mà thôi!

Ông Hiếu chặm nước mắt cho cô. Uyển Lan ngước nhìn, mặt thật sát kề, ông đứng trước cô bao giờ, cái bóng bao trùm xuống cô, đôi mắt van lơn chia xẻ, ông nhìn cô đầy lòng thương cảm trìu mến. Hưởng đã bao giờ tỏ lòng yêu cô và quan tâm đến cô như vậy không? Nước mắt tủi thân tự nhiên tràn dâng, tràn dâng không ngớt, cô không cưỡng được vòng tay ông, những vuốt ve mơn trớn thật nhẹ nhàng, thật dịu dàng. Uyển Lan khát khao tê dại, chìm hẳn vào dục cảm đam mê đắm đuối như chưa bao giờ đắm đuối.

**

Bây giờ thì cô đứng trước một thực trạng. Giọng Hưởng lồng lộn:

- Vì sao? Cô có còn xem tôi ra gì không hả?

- Người ta nói đúng hay sai?

- Chuyện có hay không?

- Hả? Hả??

Hưởng trút dồn dập, hết câu này đến câu khác. Cô khóc, chỉ còn khóc, không thể mở miệng van xin chồng tha thứ. Cô có lỗi, cô là người đàn bà hư hỏng. Trận đánh ghen hôm nào của vợ ông Hiếu... Cô đã bôi tro trát trấu lên mặt chồng con, lên mặt mình. Ở cái tỉnh này tin đồn lan nhanh như gió. Giờ đây còn mặt mũi nào ngó ai?

Ông Hiếu có thấu tình cảnh này của cô đang gánh chịu? Một mình, lại chỉ một mình cô trơ trọi. Những người đàn bà vượt cạn một mình như cô, không phải chỉ ở những lần sinh nở, mà cô đã từng bơi vượt những chặng cuộc đời cô độc. Từ khi hai bàn tay trắng đến khi thuê mảnh đất vườn lồi lõm gạch đá vỡ và cây cỏ hoang dại để lập quán: cô phải vay vốn, bươn chải, xoay sở một mình... những lúc ấy thì Hưởng ở đâu? Chồng cô ở đâu? Cô đã phải nhờ đến ông Hiếu, sự sa ngã bây giờ đã bắt đầu từ lúc đó. Uyển Lan chỉ là một người đàn bà, đàn bà thì có cứng cỏi tới đâu cũng chỉ là đàn bà, đàn bà luôn cần có nơi nương tựa, Hưởng đã làm được gì cho cô? Trong hai mươi năm chồng vợ, gần mười năm, cô đã sống khác gì chinh phụ ngày xưa? Cô với Hướng giống như hai con chim th rơm từ hai phương trời về làm tổ – một cái tổ ước mơ nằm trong tương lai, thực tại cô còn thua những con sinh vật bé nhỏ mỗi buổi chiều về chung đôi...

Uyển Lan và Hưởng mới mua được một căn nhà khang trang trong khu phố Sài Gòn, tưởng là ước mơ hình thành, hạnh phúc mở cửa đón mời cô nhưng Uyển Lan ngần ngừ; cô không muốn

rời bỏ cái quán đang ăn nên làm ra, cô lưu luyến bịn rịn khách quen, cô ngại khi phải làm lại sự nghiệp từ đầu và có thể cô lúng túng không biết phải đối xử như thế nào với ông Hiếu...

Giờ thì mọi việc vỡ lỡ, Hưởng đã quay lưng bỏ đi:

-Từ nay cô không được bước chân vào nhà tôi. Cô không có tư cách gặp các con tôi nữa. Thủ tục ly hôn tôi sẽ báo cho cô biết sau.

Uyển Lan hụt hẫng, cô đã mất các con, mất Hưởng mãi mãi. Cô muốn gào lên: Bất công, thật bất công cho cô! Có những người đàn bà còn tội lỗi đáng trách hơn cô nhiều, cô chỉ nhẹ dạ nông nổi nhất thời thôi, tại sao Hưởng không tha thứ cho cô? Tại sao sau lúc nóng nảy rồi bình tâm lại, Hưởng không suy xét trước sau, nếu không phải vì anh, vì mục đích gây dựng mái nhà theo ý muốn của anh thì cô đâu phải sống xa chồng con, để bị cám dỗ sa ngã như vậy. Uyển Lan viết thư gửi Hưởng tới tấp, cô gọi điện liên tục, tâm trạng như người điên. Hưởng – chồng cô đã trả lời lạnh lùng:

-Tôi không có gì để nói với cô cả. Thư của cô để sau này làm bằng chứng cho các con hiểu việc làm của mẹ nó. Tôi không có lỗi gì cả.

Uyển Lan như chết ngất, gục ngã trước cú đòn hiểm độc của chồng. Cái nhà là một nửa vốn liếng, công sức của cô, xem như cô mất trắng. Vì cô sẽ chẳng có chút can đảm nào để tranh dành quyền lợi, tranh với chồng tức là tranh với con, là tuyệt tình thật sự với các con. Cô còn hy vọng một ngày nào đó các con sẽ tha thứ cho cô; Hưởng đã lợi dụng đúng điểm yếu đó. Cô chợt hiểu ra, nơi đô hộ phồn hoa kia, quý ông sau những cuộc hội họp giao tiếp, là những cuộc ăn chơi mát mẻ phù phiếm.... Hưởng cũng là một người đàn ông thành đạt trong số đó; không ngoại trừ anh còn có thể có đào non, phòng lẻ – đó mới là lý do chính đáng để Hướng dứt khoát, kết thúc sự ràng buộc hôn nhân với cô. Uyển Lan chua xót quá, cô còn biết bám víu vào đâu?

Ông Hiếu ủ rủ như con chuột ướt, ông không dám đường hoàng đến với cô nữa. Ông đã lừa dối cô rằng ông độc thân, vợ bỏ ra nước ngoài, ông không còn ai. Vậy mà đột nhiên bà vợ dữ dằn dẫn đám con xông đến... Đau đớn hơn nữa là sự trốn tránh của ông Hiếu:

-Em hãy gắng xin chồng tha thứ đi. Em còn trẻ đẹp chắc chồng em không nỡ bỏ em đâu!!!

***

Uyển Lan giở quán, trả đất. Cô về một bờ sông xa khuất, nơi thiên hạ bắt đầu lập nghiệp. Có xót xa cay đắng đến mấy cô cũng phải sống, phải mưu sinh. Quán cà phê mới của cô lại được lập lên, quán nằm ven sông trông thơ mộng hữu tình hơn trước. Khách bây giờ lại sính thôn dã điền viên, thích xa phố bụi tìm nơi yên lành, nên khách cũ, khách mới tìm lại, quán cô lại đắt. Những kinh nghiệm tích trữ được, cô học của ông Hiếu – Bài học đắt giá – Giờ thì cô tự biết nhạc, biết sắp xếp bài trí khung cảnh bắt khách cho quán của mình. Cô lầm lũi làm việc, tích góp tài sản cho các con, mơ ước và chờ mong một ngày chúng về tìm mẹ.

Uyển Lan đè nén nỗi cay cực tủi hờn, cô tỉnh táo và toan tính quyền lợi, khinh thị những cuộc tình ve vãn. Mặc người đời, những đôi mắt cười lấp lánh sự tọc mạch dèm xiểm. Cô chăm quán cà phê thật thơm ngon, quyến rũ được ngày càng đông khách, nhạc và khung cảnh du dương huyền ảo, nhân viên phục vụ lịch sự năng nổ. Khuôn mặt bà chủ luôn luôn niềm nở, nụ cười sẵn trên môi. Ai nào biết được những gì trong đáy mắt.

LÊ MAI

ÔNG LÁI ĐÒ

truyện ngắn

PHAN

Bà Tư đưa cháu ngoại ra xe bus học trò, trở vô nhà vội vã vì bếp đang bắc nồi cháo trắng, sợ trào. Rồi quên khuấy đi chuyện cơm cháo khi chướng mắt với bụi cỏ dại, đã nhổ mấy lần mà không tiệt gốc; như ông già quỷ bên hàng xóm, bà khép nép không xong thì nghinh lại chứ sợ gì, cũng mấy lần rồi mà đằng ấy cứ lì như trâu, cứ nhìn người ta không chớp mắt. Sáng nay mắc dịch mắc toi gì mà không thấy chắp tay sau đít đi tới đi lui, nhìn ai như thôi miên, nhìn ai người đó ngượng mà người nhìn trơ trơ như bị bệnh đứng tròng.

Bà Tư chợt nhớ mình cũng mới nhìn sang bên bển, chớ không sao biết người ta không ra ngõ sáng nay. Mà thôi mặc kệ cho chết thúi, chết sình trong nhà, cho đáng đời ông già thấy ghét. Sao hàng xóm không phải là một bà già để có bạn trò chuyện qua ngày, xứ này buồn như giặc về quanh năm, nhà nào cũng đóng cửa kín bưng kín bít. Bà Tư lơi suy nghĩ, chổng mông nhổ bụi cỏ dại ngoài ngõ, an tâm, không sợ ai nhìn tới đứng tròng không biết ngượng, nhìn rách sáo người ta... quỷ tha ma bắt cái ông già khó ưa nhưng sao cứ giống giống một người; cỡ tuổi hơn bà chút đỉnh để hết đời thấy ai giống giống lại thót tim, nhớ người. Bà Tư trách mình sao già rồi còn hay tơ tưởng; hay tại tuổi già không có chi lo, làm người ta ưa nhớ lại! Bà Tư đuổi ra khỏi đầu óc những cơn mơ kỳ cục; những lúc nhớ rưng rưng... sợ con cháu biết sẽ cười mình. Bà Tư nhổ cỏ dại như bứng bỏ những hình ảnh sống lại; để sống đời hiện tại là ráng đừng bệnh hoạn thì mới để dành được tiền già, gởi về xây lại hết mồ mả ông bà, mộ ba tụi nhỏ tuy mới xây trước hôm bà đi xuất ngoại, nhưng e cũng sạt bờ, lở mộ vì xây gần rạch quá! Bà Tư nghĩ khuất vách là không còn thấy mặt; nhưng sao khuất mặt, người ta cứ như thấy nhau chạng vạng, đầu hôm; thấy rõ mà như không. Ông trời không cho thấy thì đừng bắt người ta nhớ người này kẻ nọ; đằng đây tủi lòng thì đằng đó cũng buồn hơn vui... Thôi, nhổ cỏ, nhớ hồi mần tối mặt nuôi con, có nhớ ai đâu, chưa được ngả lưng đã ngủ gục; ngủ đâu từ trong bụng ngủ ra. Không vậy làm sao sống mấy chục năm trời bán mặt cho đất bán lưng cho trời...

Bà Tư quyết định nhổ bụi cỏ dại, nhất định không để trong lòng những nhớ nhớ quên quên làm

biếng ăn khó ngủ, đổ bệnh là hết thực hiện được giấc mơ trong đời. Bà Tư nhổ cỏ tận tình với hết sức bình sinh, nhưng mới sang Mỹ nên bà Tư không biết loại cỏ đuôi chuột ở Texas, loại bermuda grass này phải tưới nước dữ lắm còn nhổ không lên, người ta nhổ sau mưa còn khi được khi không, nói gì sức già phi mã lực. Bụi cỏ thanh mảnh, hoa tím li ti như thạch thảo mà cứng giàng trời, nhổ mấy lần không bật gốc nên bà Tư, bật ngửa. Ê mông không bằng quê xệ, cái ông già quỷ bên hàng xóm mà thấy mình chỏng càng quýnh cẳng thì cười cho đã; Cái ông già quỷ linh như cô hồn sống, hễ ra ngõ là gặp; nhớ tới là gặp; không muốn thấy cũng gặp... nên ông già quỷ đã chắp tay sau đít đi tới đi lui, nhìn sang. Bộ vợ chết thì có quyền muốn nhìn ai thì nhìn hay sao? Đàn ông ở Mỹ không lịch sự như bên mình. Bà Tư kết luận cho trôi cục giận trong lòng, để đứng lên. Nhưng xương già như củi mục, càng ráng, càng sụm bà chè. Nón văng đằng nón, dép đằng dép, chỉ đứng lên thôi, vào nhà rồi tính sau, sao mà khó... mắt mũi hoa hoa như say rượu, bà vịn được gốc cây, chồm dậy. Phải gốc cây mục nên nó đổ theo bà lần nữa, thì ra ông già quỷ níu bà đứng lên, nhưng ông ấy hơn gì bà đâu nên cùng nhau bò càng ra sân. Bà Tư giận mình hơn giận người khi nghe ra giọng nam trầm đĩnh đạc: "Chị có sao không, tôi xin lỗi đã giúp chị mà không lượng sức mình, làm chị ngã lần nữa..." Dĩ nhiên là bà Tư không sao, không sao... một mình dong xuồng qua sông Hậu còn không sao, chỉ đứng lên sau cú ngã nhẹ hều thì nghĩa lý gì chớ! Nhưng mắt cứ đổ sao đến người ta phải dìu vô nhà. Bà Tư ngồi dựa lưng trên sofa, hai tay ôm gối, hai chân gác lên cái ghế nhựa nhỏ, có lót khăn bông cho êm. Mình đắp chăn mỏng để giữ ấm, trên bàn phòng khách còn có một ly trà, loại ly uống trà của người Tàu bằng sứ, có nắp đậy để giữ ấm... trong cơn mơ điệu đàng, có tiếng ai nhẹ nhàng khe khẽ hát... "Mới ngày nào trên bến sông vắng lạnh, đời buồn tênh như lỡ một cung đàn. Thuyền đò ông mang nặng sầu cô quạnh, lững lờ đưa bao khách lạ sang sông. Khách qua đò ngày xưa hờ hững quá..." Đến đoạn, "Ông lái đò trong tuổi già bóng xế, còn mong gì thấy được ánh hồng tươi..." Rồi đến, "Và từ đó, bên hàng lau lả lướt, khách ngày xưa không trở lại bao giờ. Bến mỗi chiều, thả thuyền theo sóng nước, ông lái đò buồn, đôi mắt mỏi mòn trông..."Bà Tư nghe lệ nóng chực tràn với bao kỷ niệm xa xưa mà thật rõ ràng chuyến sang sông lần đó, từ đó đã không về lại nơi xa mà ở mãi trong lòng... có bao nhiêu chuyện lòng không biết nói cùng ai, phải như quên được đã nhẹ tuổi già. Bà Tư mở mắt trong ánh sáng nhá nhem của căn phòng khách rộng nhưng không mở đèn, không vén màn cửa sổ. Bóng ông già quỷ đứng chết trân như quân hầu, tay cầm giấy chậm nước mắt... sao không chậm cho người ta!

Giọng ông già quỷ càng nghe càng ấm lòng, "Chị thấy đỡ chút nào chưa? Uống miếng trà đi, cho ấm bụng. Hay ăn miếng cháo nha, tui tắt bếp rồi, nhưng cháo còn nóng lắm..." Bà Tư bối rối không bằng hối hận, người ta coi vậy mà tử tế đó chớ, "Anh có sao không?..."

Tuyết rơi nhẹ hều trên cây bông giấy trơ cành, tuyết trắng trời nỗi nhớ ông già quỷ. Không biết có còn trong viện dưỡng lão hay đã ra người thiên cổ. Coi vậy đã mấy năm không gặp, mớ hạt mướp hương đem từ Việt Nam qua, đưa cho ảnh trồng được có hai mùa là mất giống, dỡ giàn, còn đâu. Cây đào ngoài cửa sổ rực hồng, ảnh trồng để nó ra bông là biết tết đến... Bà Tư uống trà từ sau lần dựa vai người hàng xóm xấu nết đẹp lòng, chỉ uống bằng cái ly trà tàu có nắp đậy, mấy lần định đem sang nhà trả lại người ta. Nhưng mắc cỡ muốn chết khi nghe con gái nói, "bác trai bên bển bị đột quỵ, may là không chết nhưng dây thần kinh nó giật sao đó má ơi! Từ sau lần đó, mắt bác ấy nhìn má... là nhìn con. Bác ấy muốn nhìn sang hai bên là phải xoay người, quẹo cổ chớ mắt không liếc được như mình. Tội nghiệp bác ấy hiền mà tốt lắm, hồi má chưa qua, nhiều khi vợ chồng con đi chơi khuya, gởi Cu Bi cho bác coi giùm. Nửa đêm về, tụi con qua đón Cu Bi, bác không chịu cho phá giấc nó đâu. Để nó ngủ tới sáng mới cho về nhà. Nó gọi ông bác là ông ngoại đó má... mắc cười hông?"

Con gái bà Tư vừa láp dáp với má, vừa châm nước nóng vô ly trà cho má, mặc vớ cho má khỏi lạnh chân... mắt bà Tư còn lưu luyến cành đào non nớt ngoài kia rùng mình trút tuyết. Bà Tư kéo chăn mỏng lên người để đắp lại ký ức, ...khách qua đò ngày xưa hờ hững quá... ông lái đò đôi mắt mỏi mòn trông, còn văng vẳng trong gian phòng kỷ niệm.

PHAN

TRẦN VẤN LỆ

CHIỀU ƠI ÁO ĐỎ CỦA LÒNG TÔI

Áo đỏ…chiều xanh, áo đỏ bay…Có người con gái tuổi thơ ngây, quên mình áo đó đi đùa bướm, con bướm vàng bên áo đỏ ai…

Đôi lúc tôi thương về quá khứ, thuở tôi Thầy Giáo em Học Trò, một hôm thơ thẩn đi trong phố, áo đỏ em vờn như giấc mơ…

Ôi em bữa đó em người lớn…mà nét thơ ngây thì vẫn còn. Thầy mặc quần jean sơ mi trắng lặng nhìn con bướm lượn trong sương!

Phải chi là bướm! Sao không là? Tôi nghĩ tuổi mình không cách xa…nhưng giậu mồng tơi không thể vượt, làm sao hái trộm một bông hoa?

Em áo đỏ bay thành phố đỏ, tháng Giêng Đà Lạt đỏ hoa hồng. Ôi chao cô bé sao mà đẹp, ai đó mới vừa nói dửng dưng!

Áo đỏ…chiều xanh Mỹ chẳng ngờ, nhiều năm tái ngộ thực hay mơ?
Bên tôi, áo đỏ em vừa nắm một vạt hình như vạt hững hờ…

Áo đỏ chiều ơi em hỡi chiều…Ngại ngùng không dám gọi em yêu, vẫn là em vẫn như…hồi đó, em không thuộc bài thương bao nhiêu!

Áo đỏ…chia tay ở xứ người! Chiều ơi áo đỏ của lòng tôi! Chỉ còn thơ trẻ thơ-khờ-dại, dăm bảy câu ồ, nhỉ…cũng vui!

TRẦN VẤN LỆ

NGƯỜI CỦA NGÀY XƯA

truyện ngắn

NGUYỄN THỊ BÍCH NGA

Chị là một người phụ nữ có tật xấu là hay thương thân, rất thương thân, thương đến mức chị coi thân là bạn, lúc nào cũng tìm mọi cách để có thể bảo vệ và che chở cho thân. Hồi đó Má chị thường nói: "*Không có tiền thì lấy thân che của, còn nếu có tiền thì lấy của che thân*". Chị chỉ là một cô thợ thêu trong xóm nhỏ, không nghèo không giàu, không đẹp không xấu, cũng không có một chút xíu của nào để che thân. Chị chỉ biết thương thân bằng một tình cảm tự nhiên; thân là của chị thì chị thương yêu vậy thôi.

Là thợ thêu nhưng chị không thêu hàng chợ, mà chỉ nhận thêu những tấm khăn trải bàn sang trọng, những vạt áo dài của ca sĩ Việt Kiều, những dãi khăn choàng đầu của các mệnh phụ phu nhân, những bức tranh được treo trong phòng khách của các đại gia... Khách hàng của chị thường là những phụ nữ xồn xồn và lắm tiền. Mỗi khi tiếp xúc với những bà "yamaha" đã luống tuổi rồi mà vẫn còn thích chụp hình đăng báo, hoặc chụp hình lộng kiếng, họ thường nói với chị rằng, cái gì mất đi có thể kiếm lại được chứ tuổi xuân mà mất rồi thì chẳng có ông Bành Tổ nào giúp cho đâu, nên họ chụp hình để lưu lại những khoảnh khắc đó. Nghe họ nói cũng có lý, thỉnh thoảng chị cũng ra tiệm chụp vài tấm hình chân dung và sau đó... xếp vào một xó!

Và anh chính là người thợ làm công trong cửa tiệm chụp hình đó!

Lần đầu tiên gặp chị, anh hơi ngỡ ngàng nhưng cũng cười cười làm quen: "*Bộ hôm nay không có hàng thêu hay sao mà quá bộ ra ngoài ngả tư này chụp hình vậy?*" Chị ngạc nhiên, trả lời anh bằng một câu hỏi: "*Ủa, anh biết tui hả? Sao tui lại không biết anh cà!*" Anh có nụ cười nhẹ nhàng thật dễ thương khi trả lời: "*Ai mà không biết chị là thợ thêu nổi tiếng ở trong xóm, ngày nào tui cũng tà tà đạp xe đạp đi ngang, ngắm nghía mấy bức tranh thêu của chị treo trên tường. Hai bàn tay của chị ngó... xấu xí heng, vậy mà mấy bức tranh long lân quy phụng của chị thiệt là đẹp!*" Khuôn mặt chị thoáng ửng hồng, chị nói lảng: "*Thôi làm ơn chụp giùm cho tui mấy tấm hình đi ông nội*".

Anh hỏi chị có muốn trang điểm không, chị lắc đầu. Anh hỏi chị có muốn thay quần áo của mấy nương tử trong xóm thích giả dạng làm ca sĩ không, chị lắc đầu. "*Thôi chụp hình đi ông nội, cái mặt của tui làm sao cứ để yên nó làm vậy đi*". Anh lại cười cười, và bỗng dưng anh muốn chụp cho chị những tấm hình thiệt mộc mạc nhưng cũng thiệt đẹp. Bởi vì con người chị là như vậy, đơn giản đến mức tối đa, không son không phấn, không đồng hồ không nhẫn vàng, cứ như chị là một người phụ nữ được nặn lên từ cát bụi.

Thấy chị cứ nhìn trừng trừng vào ống kính, anh nói chị nhìn lơ đi chỗ khác hoặc là nhìn anh cũng được. Chị đảo mắt một vòng rồi không biết nhìn đâu, nên nhìn thẳng vào mặt anh. Click. Click. Anh bấm liền hai pô ảnh rồi biểu chị ra ngoài chờ đợi. Mấy phút sau anh cầm hai tấm hình ra nói với chị: "*Không được rồi, nét mặt chị buồn lắm. Chị bước vô trỏng lại đi, tui chụp thêm vài tấm hổng lấy tiền, mà làm ơn cười lên cho cái mặt tươi tươi một chút nghen*". Lần này chị nhìn anh, chị cười. Nụ cười của chị rạng rỡ và dễ thương quá khiến anh cầm lòng không đặng, chịu khó lọ mọ rửa thêm một tấm hình phóng to lên và đem chưng trước cửa tiệm. Đặng quảng cáo.

Cũng nhờ tấm hình phóng đại mà anh được làm quen với chị. Thỉnh thoảng tiện đường đi làm, anh ghé vào nhà và đứng ngó chị ngồi thêu. Rồi anh mua cho chị một bịch me ngào đường ăn cho vui miệng. Anh mua cho chị một bịch khoai mì trộn dừa ăn lót dạ bữa xế. Anh mua cho chị một đôi dép nhựa đi lẹp xẹp trong nhà. Anh mua cho chị những cái ống cuốn màu hồng phấn để chị quấn tóc. Và thậm chí anh mua cho chị một hộp kim thêu với những bím chỉ màu óng ả tuyệt đẹp. Anh nói đi đâu thấy cái gì hay hay cũng muốn mua về cho chị. Chị mỉm cười cảm ơn. Và trái tim trong lồng ngực anh muốn ngừng đập vì nụ cười dễ thương của chị.

Những ngày cửa tiệm chụp hình được đóng cửa, anh bạo gan rủ chị đi công viên hoặc sở thú để chụp hình với cảnh thiên nhiên. Chị gật đầu cái rụp liền. Ngồi dưới ngọn đèn vàng thêu thùa hoài cũng muốn đui hai con mắt nên chị thích ra đường phố để thay đổi không khí. Anh chở chị bằng chiếc xe đạp 650 sơn màu sặc sỡ của anh, thỉnh thoảng trên đường gặp nhằm ổ gà ổ vịt, hai bánh xe chạy tưng tưng khiến chị phải bám chặt vào vạt áo của anh vì sợ té xuống đất. Những lúc như vậy anh khoái chí lắm, cứ ngoảnh đầu ra phía sau tìm ánh mắt của chị mà cười cười hoài.

Anh không nói "yêu" chị và chị cũng không thổ lộ chữ yêu anh vì họ nghĩ đó là điều mặc nhiên. Vả lại hàng xóm cũng chẳng xa lạ gì với người đàn ông có khuôn mặt hiền lành và giọng nói Sài Gòn ngọt xớt, vẫn thường ghé vào nhà đưa cho chị khi thì ổ bánh mì thịt hoặc hộp cơm tấm bì, khi thì gói xôi mặn hoặc ly trà sữa trân châu. Hàng xóm họ mừng cho chị gặp được người đàn ông biết chăm sóc. Ở tiệm chụp hình họ mừng cho anh kiếm được một phụ nữ giỏi giang.

Chuyện tình cảm giữa chị thợ thêu và anh thợ chụp hình tưởng đâu gạo sắp thành cơm thì đùng một cái, anh nhận được thư mời lên Lãnh Sự Quán Hoa Kỳ phỏng vấn. Thì ra anh đã được thân nhân làm hồ sơ bảo lãnh từ cả chục năm trước mà anh không nhớ, cũng không nghĩ rằng anh sẽ được đi. Có ngờ đâu bắt đầu từ đó mọi chuyện xảy ra nhanh như một mũi tên bắn, nào là chích ngừa, nào là khám sức khỏe, nào là đi phỏng vấn, nào là nhận VISA, khiến anh chao đảo, lao đao như một cái chong chóng được treo trước cơn gió mạnh. Ngoảnh đi ngoảnh lại, chỉ còn một ngày nữa thôi là anh leo lên máy bay để đến một chân trời lạ, nơi những người thân của anh đang chờ đợi sau mười mấy năm không gặp mặt.

Anh đến gặp chị một lần cuối cùng trước khi ra đi. Chị ngồi im lặng sau khung thêu, không nói gì với anh, nhưng hai bàn tay run run khiến những lớp vải mềm như lụa cũng run run theo. Anh đến gần bên chị và ôm nhẹ bờ vai chị, giọng nói của anh thật nhẹ như cơn gió thoảng: "*Cho anh ba năm, ráng chờ anh ba năm rồi anh sẽ về lại Sài Gòn đón em sang với anh. Mình sẽ sống chung với nhau, mình sẽ có một mái ấm gia đình hạnh phúc. Anh sẽ chăm sóc em, lúc nào anh cũng muốn chăm sóc và thương yêu em*". Lúc này chị mới ngước mặt lên nhìn anh, buông một tiếng "dạ". Dạ là hứa. Dạ là hẹn. Dạ là thề. Dạ là nguyền. Dạ nghĩa là chị sẽ chờ đợi anh trong ba năm như lời anh dặn dò đinh ninh.

Sau khi qua Hoa Kỳ mới được hai tháng, anh đã có đầy đủ Thẻ Xanh, thẻ An sinh Xã hội, bằng lái xe, một chiếc xe hơi Toyota đời mới màu trắng sữa, và có cả một công ăn việc làm tại một hãng may van tim ở tận thành phố Irvine. Từ đó cuộc đời của anh bắt đầu thay đổi. Anh không còn cọc cà cọc cạch trên chiếc xe đạp 650 của ngày xưa, của một thời anh thích chở chị đi dạo quanh Sở thú chụp hình, của một thời anh thích lội bộ xục xạo trong chợ Bà Chiểu để tìm mua cho chị một đôi dép nhựa.

Hãng may van tim của anh có tới vài trăm công nhân là phụ nữ, mà chỉ có năm người đàn ông! Và trong số năm người đàn ông đó, chỉ một mình anh là vẫn còn sống độc thân nên anh là tâm điểm, là tầm ngắm của - ít nhất là - vài chục cô nàng tuổi xồn xồn nhưng vẫn phòng không chiếc bóng! Biết mình đang trở thành một nhân vật quan trọng, anh bắt đầu quan tâm đến quần áo và giày dép. Sau khi qua Hoa Kỳ mới được bốn tháng, đã có người tuyên bố rằng, nếu anh bằng lòng

thì người đó sẵn sàng bỏ chồng để đi theo anh!

Cuộc sống của anh giờ đây cũng đang quay cuồng và chao đảo, nhưng mà là quay cuồng và chao đảo giữa đám đàn bà đang chực đợi một cái ngoắc tay của anh là... nhảy lên giường với anh!

Trong số đó có Hường!

20 năm trước Hường có mặt trên một chiếc tàu gỗ vượt biên sang Hoa Kỳ, và cho đến giờ này thì cơ ngơi của Hường quá vững chắc sau khi chồng chết vì bệnh ung thư. Hường làm chung một team với anh và trong thâm tâm Hường quyết tâm phải chinh phục anh cho bằng được. Đến giờ ăn chiều, Hường tự nhiên kéo ghế ngồi chung bàn với anh, chia sớt thức ăn mà Hường mang theo cho anh. Toàn là thức ăn ngon lành do chính tay Hường nấu. Hôm thì cà ri gà, hôm thì thịt đùi kho măng, hôm thì cá kho tộ. Lần nào Hường cũng làm ra vẻ bẽn lẽn, rồi nói nhỏ bên tai anh: "*Em tự nấu lấy, anh đừng có chê dở nghen!*" Mỗi ngày anh nếm một món ăn của Hường mang tới, và anh cảm thấy cái tài nấu ăn của Hường thật là tuyệt cú mèo, không ai có thể sánh bằng!

Không chỉ phục vụ từng bữa ăn chiều cho anh, mà Hường còn tận tình đón anh đi làm và đưa anh về nhà. Biết tay lái của anh chưa vững, không rành đường Free-way, Hường đề nghị mỗi ngày sẽ làm tài xế cho anh. Vì không thể phản đối nên anh vui vẻ gật đầu. Kể từ ngày đó hàng trăm phụ nữ trong hãng may van tim của thành phố Irvine ôm mối sầu thất vọng kéo dài đến thiên thu. Họ biết anh đã là hoa đã có chủ. Họ biết anh đã trở thành kẻ nô lệ của Hường. Họ biết đêm nào Hường cũng ở lại phòng trọ của anh đến một, hai giờ sáng. Họ cũng biết Hường hứa hẹn sau khi cưới, Hường sẽ cho anh dọn về ở chung với Hường và anh không phải tốn tiền thuê phòng trọ nữa.

Chỉ mới sáu tháng sau khi rời khỏi Việt Nam, anh gọi điện thoại về cho chị và thông báo bằng một giọng nói lạnh lùng vô cảm: "*Anh sắp cưới vợ, em đừng chờ đợi anh nữa. Em kiếm người yêu mới đi vì anh sẽ không bao giờ trở về Sài Gòn nữa đâu!*"

Chị ngồi chết lặng. Hai bàn tay run bần bật không cầm nổi chiếc điện thoại bàn. Chị ngồi yên lắng tai nghe âm thanh uuuuuuuuuuu từng tràng không dứt sau khi anh cúp máy. Chị không hiểu chuyện gì đã xảy ra - với anh - và với chị. Chị không biết cần phải làm gì sau câu thông báo "anh sắp cưới vợ" của anh. Chị ngước mặt nhìn lên trần nhà. Ánh mắt chị ráo hoảnh không một giọt lệ. Chị không buồn anh. Chị không giận anh. Nhưng chị đau vì thương thân. Thương cái thân này từ nay đã mất anh và mãi mãi. Thương cái thân này chưa từng nghĩ đến chuyện phụ tình anh, nhưng lại bị anh phụ tình chỉ sau sáu tháng xa cách. Thương cái thân này sinh ra làm kiếp cô đơn và khi chết đi cũng vẫn là kiếp đơn cô.

Chị cúi xuống lượm đôi dép nhựa lên, cầm trên tay và ngắm nghía. Đôi dép của anh đã mua cho chị vẫn còn đây. Hộp kim thêu anh đã mua cho chị vẫn còn đây. Những ống cuốn màu hồng phấn anh đã mua cho chị vẫn còn đây. Nhưng anh thì không còn nữa trong trái tim chị. Anh chỉ còn là một "người của ngày xưa" mà thôi. Vừa lúc đó một vật gì đó trong bụng chị thúc mạnh giúp chị choàng tỉnh, quay trở về với hiện thực. Chị áp bàn tay lên cái bụng tròn vo lum lúp, xoa xoa nhè nhẹ. Bên tai chị bất chợt vang lên giọng hát ru con buồn rầu của Má chị:

"Ầu ơi...

Ví dầu tình bậu muốn buông, bậu theo duyên mới ơ à...

Bậu theo duyên mới, bậu ruồng rẫy tui".

(Westminster, CA)

NGUYỄN THỊ BÍCH NGA

QUÁN GIÓ

truyện ngắn

TỪ KẾ TƯỜNG

Điểm rửa xe nằm sát đường nhựa. Tôi chạy thẳng vào. Chiếc xe máy sau cuộc hành trình dài gần 200 km lem luốt bụi đường. Người đàn ông rửa xe, vừa là chủ nhà tuổi trung niên mặc chiếc quần lửng màu xám, áo thun cũ đang hì hụi rửa xe vội ngước lên nói:

- Chú để xe đó ngồi chờ, tôi còn hai chiếc nữa là xong.

- Không sao, tôi sẽ tìm một quán cà phê ngồi đợi- Tôi đáp.

Người phụ nữ mặc bộ đồ bộ nhiều hoa lấm chấm đang ngồi ở chiếc bàn gần cửa, có lẽ là vợ ông ta đưa tay chỉ ngược hướng đường, nói:

- Chú uống cà phê thì sang quán gần đây, cà phê ở đó ngon.

- Cám ơn chị.

Tôi bước ra cửa, đi theo hướng người phụ nữ chỉ. Con đường nhựa nóng rát mặt, xao xác những chiếc lá bị gió kéo lướt thướt trên lớp cát mỏng. Đâu đó, trên những tán cây cao tôi nghe được tiếng ve râm ran, một âm điệu ngầy ngật, buồn buồn, trong khoảng không gian như khô đặc lại. Mùa hè đang tới, với những chùm hoa phượng nở đỏ rực gây cho tôi cảm giác nôn nao, dù đã qua rồi tuổi học trò rất lâu, bằng với khoảng thời gian dài mờ mịt.

Quán cà phê "Lãng Du". Tấm bảng hiệu nhỏ xíu màu xanh, chữ " Lãng Du" kẻ theo lối thư pháp ai mới nhìn thoáng qua chưa chắc đã nhận ra. Cánh cổng xây gạch, bước vào là khoảng sân cát, những chậu cây kiểng không thành hàng lối, những chiếc bàn đá thấp, ghế ngồi cũng bằng đá chiếm hết phần sân của quán, dưới bóng hai cây trứng cá cổ thụ, um tùm. Phía trong quán nền tráng xi măng, kê những dãy bàn mặt đá vuông, ghế nhựa. Quầy pha chế cao, với chiếc tivi màn hình rộng, máy móc hát nhạc, ngăn quán với căn phòng nhỏ bên trong. Góc bên phải thêm một cây trứng cá chôn chân trên lõm đất trống đầy gạch vụn. Một chiếc võng mắc giữa cây trứng cá và cột quán. Trên võng là một cô gái đang nằm đu đưa, hình như cô đang thiếp vào giấc ngủ trưa và chìm trong tiếng ve rền rỉ từ trên tán cây trứng cá xòe cả một cái bóng mát che góc sau của ngôi quán trống trải, lộng gió.

Từ trong quầy bước ra một phụ nữ mặc đồ bộ màu vàng sẫm, có hoa chìm, nước da ngâm, thấp người nhưng giọng nói giòn tan, vừa hỏi vừa cười:

- Anh uống gì?

- Cà phê sữa đá.

Khi người phụ nữ bưng cà phê ra, tôi biết tên là Tư, chị Tư. Bỏ ly cà phê lại trên mặt bàn, chị Tư đi vào trong rồi vội vàng trở ra ngồi xuống chiếc ghế đối diện với tôi lấy chiếc phin ra khỏi miệng ly, dùng muỗng quậy cà phê rồi đổ vào ly đá, lại quậy, những viên đá vụn lạo xạo theo từng động tác của những ngón tay cầm muỗng.

- Hình như anh mới uống cà phê ở đây lần đầu?- Chị Tư bỗng hỏi.

- Dạ, lần đầu.

- Biết sao hỏi không? Vì thấy lạ.

- Quán chỉ có mình chị bán?

- Có nhỏ em, nó đang nghỉ trưa trên võng kìa.

Cô gái trên võng bỗng choàng dậy, gương mặt hao hao chị, tóc dài cột nhỏng nhảnh thành một cái đuôi gà, quần Jean xanh, áo thun trắng, đôi mắt sâu, hai gò má ửng đỏ vì hơi nóng hầm hập từ bên ngoài hắt vào quán.

Chị Tư giới thiệu:

- Nhỏ em đó, nó út nên ai cũng gọi Út Hương – Rồi chị Tư cao giọng- Sao không ngủ nữa hả Út ?

- Không ngủ được.

- Mệt cứ ngủ đi, quán vắng khách.

Út Hương cao ráo, dáng người thanh mảnh, đi ra chiếc bàn đá dọn mấy cái ly khách uống xong ra về từ lúc nào. Khi ngang qua bàn tôi ngồi, Út Hương hỏi chị Tư:

- Sao Tư không mở nhạc?

- Có khách đâu mà mở.

Tôi cũng vội xua tay:

- Không cần đâu, ngồi nói chuyện thích hơn. Có nhạc ồn ào lắm.

- Anh chắc không phải người ở đây?- Chị Tư nhìn tôi hỏi.

- Không ở đây chứ ở đâu?-Tôi cười.

- Ở nơi khác tình cờ ghé ngang qua. Chứ người ở đây Tư đều biết.

- Không ở đây mà ở gần đây.

- Gì kỳ vậy?

- Bến Bạ, gần sông, ngòai ấp 3, chị biết không?

- Biết, nhưng ít khi ra tới đó. Ngày tối ở quán không. Hết bán thì về nhà. Anh đi bộ tới đây hả?

- Đi xe máy, xe gửi rửa gần quán.

Ngồi nói chuyện với chị Tư đến khi trả tiền cà phê quay lại lấy xe Út Hương vẫn không thấy trở ra. Cô gái như biến mất trong khoảng không gian ngần ngật tiếng ve kêu và màu nắng hừng hực nuốt chửng những hàng cây lao xao vẫy lá như muốn trải bóng mát cho ngôi quán bên đường nắng trưa.

*

Vẫn chị Tư bưng cà phê ra và vui vẻ hỏi:

- Anh vẫn chưa trở lên thành phố à?

- Chưa.

- Còn công việc chưa giải quyết nên chưa đi chứ gì?

- Tôi về thăm nhà thôi, chẳng có việc gì quan trọng. Chị Tư biết sao chưa đi được không?

- Không nói sao biết được.

- Vì chưa được gặp Út Hương đấy.

Chị Tư cười giòn:

- Út Hương đi chợ rồi, có lẽ sắp về. Thôi ngồi chơi nghen, Tư mắc bán.

Tôi tự pha cà phê cho mình vì chị Tư bận những người khách mới vào. Buổi sáng đầy nắng. Cái nắng của mùa hạ đang tới như nôn nóng, hối hả đẩy lùi những vạt sương còn vướng mắc trên các tán cây xa. Hoa phượng xòe lửa thúc giục bầy ve kêu sớm. Những cơn gió thơm nồng mùi nắng, mùi cây cỏ, mùi hoa nhàn nhạt thốc vào quán gây cho tôi cảm giác xôn xao như bắt gặp lại mùi kỷ niệm xưa cũ.

Út Hương chạy xe máy vào, dựng xe cạnh chậu dừa kiểng gần như xơ xác lá vì mấy ngày nắng không tưới. Ánh mắt Út Hương ngửng về phía tôi, tay cầm bó hoa cúc gói trong lần giấy báo. Những đóa cúc xanh ló ra như những con mắt tròn.

Tôi làm quen:

- Cô Út đi chợ về à?

- .

- Cúc xanh đẹp quá, chợ ở đây cũng có bán loại cúc lai tạo này à?

- Có chứ, nhưng hôm nay cúc không tươi lắm.

- Út Hương mua hoa làm gì thế?

- Cúng chứ làm gì.

- Thế mà cứ tưởng sinh nhật.

- Sinh nhật em qua lâu rồi.

Một lúc sau Út Hương trở ra, tay bưng ly nước và cái ống hút. Út Hương kéo ghế ngồi đối diện với tôi. Sau khi hút một ngụm nước, Út Hương nhìn tôi cười mỉm, hỏi:

- Hỏi thật anh nghen, sao biết tên Út Hương vậy?

- Chuyện nhỏ, còn biết cô Út là chủ quán nữa.

- Tư nói phải không?

- Tư nói một phần, tìm hiểu một phần. Còn nhỏ mà làm chủ quán cà phê ở xứ này, lại không có tiếp viên õng ẹo với khách mà tồn tại được thì thật giỏi.

- Năm nay em 25 tuổi rồi, còn nhỏ gì mà nhỏ. Nhiều người cũng nói như anh. Đúng là mở quán cà phê buôn bán đàng hoàng mệt thật. Khi em sang quán này lại, việc trước tiên là em giở những cái chòi của chủ trước để lại. Việc kế tiếp là đổi tên quán. Cái tên trước nghe ghê quá.

- Em lấy tên quán là " Lãng Du" à?

- Dạ, chính em đặt.

- Nghe đã rất...lãng du rồi. Một cái tên đẹp.

- Bình thường thôi mà anh. Khi bắt tay vào mới thấy nó phức tạp. Em không cho khách uống bia tại quán, kể cả mấy ông công an xã xỉn xỉn tới đòi bán bia. Rồi mấy ông quậy, xỉn ở đâu tới đây quậy. Kể cả tối ngủ phải canh ăn trộm. Quán bị trộm viếng mấy lần rồi đó. Út Hương người ở làng này, ra đời sớm, lên thành phố, rồi ra tận Đồng Nai làm công ty. Cuối cùng bỏ tất cả để quay về quê, gom góp tiền dành được sang lại mặt bằng này để kinh doanh. Từ lúc sang quán tới nay được gần hai năm, có tháng lỗ, có tháng lời và có lúc muốn trả lại mặt bằng để quay lên thành phố.

- Sao em không làm thế?

- Có lúc nãn lòng em tính như thế, nhưng nghĩ lại em không đi. Nếu đi thì em đã đi xa lắm rồi.

Bạn em có đứa lấy chồng nước ngoài. Em đã quay về là không đi nữa.

- Em là cô gái rất đặc biệt đấy. Trong lúc các cô gái ở làng này mười ba tuổi đã bỏ đi thành phố, rồi lấy chồng Việt Kiều, chồng nước ngoài. Chỉ có em là quay về.

Út Hương nhìn ra cửa quán, đôi mắt đượm buồn:

- Em nghĩ bán cà phê đơn giản, nhưng thật ra không đơn giản chút nào. Xung quanh đây bao nhiêu quán cà phê mở ra, họ cũng cạnh tranh bằng mọi cách, kể cả cách mà mình không lường trước được. Những lần như thế em phải đối phó, chống đỡ, mệt ngất người.

- Nhà không có đàn ông à?

- Có ba em, nhưng chỉ ra đây vào buổi tối phụ em canh ăn trộm thôi. Mà trộm cũng khó bắt được, nó vào lấy trộm tiền, điện thoại di động, bị phát hiện bỏ chạy để lại dấu chân mà công an cũng tìm không ra.

Tôi nói đùa:

- Để hôm nào anh về giúp em bắt ăn trộm nhé?

Có khách vào quán, Út Hương lại lo pha chế cà phê, chị Tư tất bật bưng bê. Hai chị em với một ngôi quán bên đường nắng trưa nơi tôi một lần bước vào đây nghỉ chân trong lúc chờ rửa xe. Có ngồi một mình ở đây mới thấy ngôi quán này lộng gió thế nào. Gió từ ba hướng thổi tới, quần quật những tán cây, xao xác những vòm lá, cuốn bay cả bụi cát trên mặt đường nhựa khô ran và thốc vào quán từng cơn. Những đêm hôn khuya khoắt có những cơn gió khác, những cơn gió lạnh lùng thổi tới chỗ nằm trống trải của Út Hương. Cô gái gần như quên mất tuổi thanh xuân của mình đã dần qua đi với những năm tháng nắng mưa, cát bụi và lá khô bay xao xác mặt người để sớm tối một mình với ngôi quán lạnh.

***

Chị Tư vẫn như thế, vẫn bộ đồ giản dị, nhanh nhẹn và giọng nói chân tình làm tôi quên hết nhọc mệt khi vượt hàng trăm cây số.

- Ủa, mới về hả? Tư làm cà phê uống nhé, vẫn như xưa hay có gì khác không?

- Không, vẫn cà phê sữa đá.

Khi mang cà phê ra, chị nhìn ái ngại:

- Tiếc quá, Út Hương vừa có việc phải chạy đi rồi.

- Đi đâu vậy chị?

- Hình như đi đám cưới, chiều tối mới về.

Tôi đặt bó cúc xanh lên mặt bàn, cũng những cành cúc được gói trong lần giấy báo tôi chọn mua từ thành phố mang về tặng Út Hương, không phải vì sinh nhật hay nhân một ngày lễ đặc biệt nào. Đơn giản chỉ vì tôi thấy Út Hương thích những đóa cúc xanh khi hoa chưa nở.

Chị Tư cười cười:

- Chịu khó dữ, hôm qua Út nó mới nhắc anh và hình như cũng chờ những nhánh cúc xanh này.

- Sao chị biết?

- Cái bình hoa vẫn còn trống, nó chưa mua hoa về cắm là có ý chờ đấy.

Tôi có cả một buổi trưa để ngồi đây, một mình, nhìn ra trước cửa quán và thấy một khoảng trời mênh mông. Mùa hạ đã tới lâu rồi mà vẫn như đang tới, chỉ khác là những cây phượng già đã rụng hết hoa, những cánh hoa cuối cùng còn nằm trên mặt đất hiu hắt một màu đỏ bầm. Tiếng ve gọi mùa đã thưa thớt, chỉ có lá khô bay đầy một thềm nắng hanh vàng và gió thốc từng cơn khô khốc vào ngôi quán vắng.

TỪ KẾ TƯỜNG

NÀNG LINDA TỘI NGHIỆP

truyện ngắn

NGUYỄN NGỌC PHAN AN

Loài chim kiểng Linda có dáng dấp y như chim két, mỏ đỏ toàn thân màu xanh lá cây, pha lẫn màu vàng anh rất đẹp – Chiều chiều nhìn ra cánh đồng nắng tắt, từng đợt những cánh chim màu sắc rực rỡ bay lượn khắp bầu trời, người nghệ sĩ cảm khái câu " cá chậu chim lồng"và tự ngẫm những con chim này quả thật là sung sướng, tự do tung tăng giữa cánh đồng bao la tươi đẹp. Trong lúc con người to lớn vĩ đại, có tim óc khôn ngoan , lý trí đủ đầy lại bị tù đày từng loạt như những tội đồ chiến tranh.

Nắng đã tắt tự bao giờ, chim mẹ đưa các con về tổ, bầu trời thanh tịnh một màu đen thẩm, người nghệ sĩ thả hồn về một giấc mơ xưa, chàng nhớ đến chuyện một nàng chim Linda bạc phận chàng nuôi và cũng chính chàng vô tình trong một phút giây để cuộc đời nàng chim nhỏ nhắn kia phải chấp nhận cay đắng cho cuộc đời nàng trong cảnh cá chậu chim lồng…

Tiếng chim hót mừng rỡ mỗi khi thấy chàng về nhà làm ấp áp con tim người nghệ sĩ, chàng yêu thương tất cả những sinh vật trên thế gian này, người yêu của chàng cũng giống chàng, yêu thương sinh vật như yêu chính bản thân mình, trong nhà nàng nào chó, mèo, chim đủ loại, nàng nâng niu chìu chuộng săn sóc chúng như những đứa con yêu quý của nàng… Trước khi đi ngủ nàng đến ôm hôn chúng nồng nàn, vuốt ve âu yếm " các con ngủ cho ngoan nhé, mẹ cũng phải đi ngủ đây để sáng còn dậy sớm đi làm, chiều về với các con yêu của mẹ……"

Nàng là một phụ nữ đẹp, trí thức – Chàng và nàng quen nhau qua một dịp tình cờ, chàng nhận việc tại một cơ quan xã hội, nàng là một nữ nhân viên khả ái của cơ quan. Hai người gặp mặt nhau lần đầu là như đã có áp lực vô hình thúc đẩy và họ quen nhau. Chàng đúng là người nghệ sĩ, yêu đàn, yêu nhạc … Trong một lần tổ chức party của sở làm, nàng đã mê giọng ca và dáng điệu của chàng khi chàng trình diễn. Chàng là mẫu người đàn ông đẹp trai, thông minh, trí thức lại nghệ sĩ tính nên chàng đã trở thành người đàn ông nổi bật trước đám đông cũng như trước mắt những người đẹp bu quanh chàng.

Nhưng người nghệ sĩ có trái tim rất tình cảm, rất tự nguyện. Chàng chỉ yêu nàng, mẹ của các nàng chim, dù nàng lớn hơn chàng 2 tuổi... Hàng ngày hàng tuần họ vẫn gặp nhau, yêu nhau chân thành – Hoàn cảnh nàng có nhiều nghiệt ngã, lấy chồng từ năm 18 tuổi, lúc đó nàng đẹp lắm, chồng nàng cũng trí thức và bảnh trai – Họ có với nhau một đứa con gái cũng xinh đẹp vô cùng. Nhưng chuyện tình ngắn ngủi, sau biến cố 75 thì mọi việc như định mệnh an bài, ông chồng đưa nàng vượt biển, qua bao sóng gió hiểm nguy đầu óc ông chồng bị ảnh hưởng nặng, bắt đầu từ đó ông chồng của nàng sống lặng lẽ như một bức tượng câm trong gia đình. Chàng không màng đến nàng nữa, chỉ thỉnh thoảng chăm sóc đứa con gái mỹ miều mà về sau cô bé đó đi thi hoa hậu chiếm giải nhất của một thành phố lớn tại vùng Vịnh.

Ngày tháng trôi qua, nàng sống âm thầm trong tủi thân cực độ, cho đến một ngày gặp người nghệ sĩ kia, yêu chàng tha thiết như chưa từng biết yêu đương – Họ yêu nhau chân thành nhưng mỗi người một hoàn cảnh éo le, nàng trên thực tế là người đàn bà có chồng tuy hơn 10 năm không chăn gối, chàng có vợ con tại Việt Nam và đang làm hồ sơ bão lãnh qua Mỹ – Hai người gần gủi yêu thương chăm sóc cho nhau được 8 năm thì vợ con chàng đến Mỹ – Nàng đau khổ tột cùng vì con tim đã dâng hết cho chàng từ độ biết yêu thương, nhiều đêm nàng không ngủ, bên chăn gối cô đơn nàng đã khóc thật nhiều, âm thầm kéo lê cuộc sống lạnh lùng trong căn nhà sang trọng. Thời gian trôi qua trong đau khổ đã làm nhan sắc nàng tiều tụy, héo úa... Nàng biết mình không còn trẻ nữa... Rồi một hôm nàng không sao chợp mắt, chứng đau đầu từ đâu đưa đến, nàng hoa cả hai mắt, mọi vật trước mắt nàng quay cuồng điên loạn. Nàng thầm nghĩ có lẽ vì quá suy nghĩ và khổ đau mà đầu óc nàng căng thẳng ? hay là bị lên máu ? Nhưng không mỗi ngày mỗi đau nhiều hơn, nàng đã phải xin nghỉ việc ngắn hạn và nằm vùi trong phòng riêng với những ngày buồn, lệ đẫm ướt gối chăn...

Chàng nghe tin nàng đau, tuy vợ con đã xum họp, chàng vẫn không quên nàng. Trong trái tim người nghệ sĩ vẫn dành một khoảng rộng cho riêng nàng, chàng đã nhận được bao nhiêu sự lo lắng chăm sóc cho chàng từ miếng ăn giấc ngủ, nàng đã là của chàng từ gần 10 năm qua – Bây giờ hoàn cảnh nghiệt ngã, nàng lại bệnh nặng, chàng đã tìm đến thăm nàng vào một chiều nhạt nắng...

Tiếng hót reo vui của những nàng chim khi chàng trở lại với căn nhà nàng, hai con chó kiểng tung bổ vào người chàng sủa lên những tiếng chào mừng rỡ, hai cô mèo thì nũng nịu chen vào lòng chàng nằm thiu thiu ngủ, chàng cảm động sụt sùi. Mấy tháng rồi từ khi vợ con qua Mỹ chàng và nàng đã hứa không gặp nhau để bảo toàn hạnh phúc cho chàng tuy trong tim hai người cùng đau đớn !

Nàng nằm đó với nước mắt chan hòa, một tháng đau đầu tột độ đã khiến nàng mất ăn mất ngủ, chàng ngồi xuống ôm lấy nàng an ủi nhưng rồi cả hai cùng khóc, những giọt nước mắt đau thương mừng tủi quyện vào nhau như sương khói tao phùng, biết có ngày còn gặp nhau nữa không ? Nàng nức nở nói lời từ biệt vì Bác Sĩ đã cho nàng biết về căn bệnh ngặt nghèo kia, " Bứu trong não", một cái bứu to bằng quả trứng gà nằm trong óc nàng... Để cũng chết mà mổ thì hy vọng sống sót chỉ 20%, nàng ngậm ngùi nghẹn đắng không thốt nên lời khi biết ra căn bệnh của mình. Tương lai, sự nghiệp, hạnh phúc đã vô tình với nàng, gần 10 năm yêu nhau giờ chỉ còn là ảo tưởng, nhiều khi nhớ chàng nàng chỉ còn cách gọi phone tay hỏi thăm chàng vài câu rồi nghẹn ngào tắt phone. Nàng đã chấp nhận sống trong tình trạng có chồng cũng như không, nhưng nàng cũng không thể ly dị vì người chồng rất tốt, không có lỗi lầm gì với nàng, chỉ mỗi một lỗi lầm rất lớn là ông ta đã quên mất sự hiện hữu của nàng trong cuộc sống của ông ta ! Một căn bệnh lạ kỳ ở một người đàn ông đứng tuổi nên nàng chấp nhận cuộc sống âm thầm như chiếc bóng mờ bên bốn vách tường lạnh băng ...

Ngày định mệnh đã đến, nàng được đưa lên bàn mổ bệnh viện Stanford, chàng đưa nàng đi mổ vì ông chồng nàng đã quên nàng từ 15 năm qua, ông chỉ lầm lì làm việc của ông không biết gì đến nàng ! Sau 7 tiếng đồng hồ nàng tỉnh lại, chàng vẫn ngồi đó cầu nguyện cho nàng ... Thế là nàng vẫn sống, chàng chạy vội đến bên giường bệnh hôn lên đôi mắt nàng, chàng ngẩn ngơ giây phút, mắt nàng đã bị giựt lệch hẳn một bên, cả miệng nàng cũng thế ! Khuôn mặt nàng đã hoàn toàn đổi khác, nàng không chết sau cuộc giải phẫu gớm ghê này nhưng hậu quả cho nàng cũng quá tang thương ! Gương mặt xinh đẹp không còn nữa, trái tim chàng nghe như rướm máu, người nghệ sĩ hai giọt lệ rơi dài trên má, chàng rất tình cảm như dòng máu nghệ sĩ của chàng từ bao nhiêu năm

tháng chẳng đổi thay, chàng vẫn thế, mỗi khi buồn, khi vui hay khi xúc cảm chàng thường hay để giọt lệ chia xẻ cùng chàng.

Nàng xuất viện ra về với gương mặt hoàn toàn khác lạ, nét xinh tươi không còn nữa, tuy thế chàng vẫn thương yêu, thỉnh thoảng vẫn đến thăm nàng, an ủi khích lệ nàng cố gắng vượt qua khổ đau, rồi thời gian sẽ trả lại nhan sắc cho nàng. Chàng tin như thế vì nàng là hiện thân của nhân từ, của bác ái không lẽ trời cao chẳng xót thương ?

Ngày tháng trôi qua, cây phù dung đã mấy mùa thay lá thì mái tóc nàng cũng lấm tấm điểm sương, chàng thì vẫn trẻ vẫn hào hoa và vẫn mến thương nàng mặc dù thỉnh thoảng mới gặp nhau. Một hôm chàng khẻ bảo với nàng chàng sẽ phải ly dị với vợ, cuộc sống không hòa hợp từ mấy năm qua đã đến lúc chín mùi phải giải quyết thôi – Thế là chàng trở thành độc thân, nàng mừng không thể tưởng... Nhưng lại một ngày kia chàng thỏ thẻ những câu làm nàng tan nát cõi lòng " Anh phải lấy vợ thôi, chả lẽ anh sống như thế này hoài, em thì có chồng tuy thực tế không chung sống gối chăn, nhưng còn dư luận, còn mọi việc phải bảo tồn từ tài sản đến con gái em, em tính thế nào ?" Nàng chỉ biết khóc " Em không thể làm gì được khi ông ta và em còn những ràng buộc về nhà cửa, tài sản và vì đứa con gái, em phải bảo tồn và còn dư luận nữa, nhưng em không muốn mất anh, em không muốn anh lấy vợ..."

Chàng thấy thương nàng nên chấp nhận sống cô đơn thêm 3 năm nữa ... Một dịp chàng về Việt Nam chơi, bao nhiêu cô gái bám theo chàng sát nút, toàn độ tuổi con gái chàng, chàng ngẫm nghĩ trong lòng " không thể được, không thể được" Rồi chàng lặng lẽ mang tình yêu trả lại cho nàng như những ngày yêu nhau cũ, chàng thương nàng trong số phận không may nên không nỡ bỏ nàng. Nàng thì xem chàng như hơi thở hàng ngày phải thở, chàng là chiếc phao kéo nàng ra khỏi lao đao hận tủi !

Cho đến một ngày chàng đi VN liên tục một năm hai lần và chàng thú thật đã có người yêu bên Việt Nam. Nàng buồn bã đến quên ăn bỏ ngủ, gương mặt nàng theo thời gian cũng bớt kỳ dị, cũng gần trở lại như xưa, nàng chỉ biết lặng câm chịu đựng vì biết không thể vì chàng mà phá nát cái tổ hạnh phúc trá hình kia, hơn nữa nàng bị mặc cảm mình già hơn chàng, chàng lại hào hoa, nhiều nàng ưa thích, biết đâu lấy chàng sau này mình sẽ khổ gấp vạn lần bây giờ ? Nàng cười khổ đau và chấp nhận cho chàng về VN lấy vợ.

Một tiệc nhỏ của chàng cùng cô gái bên VN đã làm tim nàng rướm máu, nàng như điên cuồng rối loạn cả não cân, nàng tức tối, nàng hận chàng, nhưng sự thật đã rõ ràng ! Nàng tự hứa với lòng không gặp chàng nữa, nhưng hằng đêm vẫn thao thức ngập lòng, hình bóng chàng cứ lởn vởn quanh đầu, dáng dấp chàng cứ như chiếc bóng tựa kề, cuộc đời nàng bạc phước quá, nàng trách trời trách đất, trách định mệnh khéo cơ cầu cho thân phận không may của nàng !

Từ khi chàng quyết định lập gia đình với cô gái thua chàng 15 tuổi, như vậy đã là quá trẻ đối với chàng, năm nay chàng đã 50 rồi còn gì, cuộc đời truân chuyên đến bây giờ vẫn chưa cho chàng tìm ra một hạnh phúc thật sự, một đối tượng tuyệt vời – Cô gái cũng bình thường về nhan sắc nhưng tính tình có vẻ hiền và không lợi dụng chàng điều gì cả, cỡ chàng dư sức lấy con nhà thượng lưu giàu có, trẻ đẹp bên VN – Thiên hạ thường bảo chàng như thế, chàng chỉ cười trả lời" Tôi chỉ cần người biết thương tôi, không cần trẻ, không cần đẹp, không cần giàu, nàng 35 tuổi đối với tôi là quá trẻ rồi..."

Chàng về sống chung với chị gái và đứa cháu sau khi xin hưu trí non, chàng làm trên 20 năm cho chính phủ, cơ quan chàng có nhiều lợi điểm được thưởng thường xuyên nên ưu tiên cho người tự nguyện hưu trí và được retire sớm hơn hạn tuổi – Chàng xin nghỉ hưu trí non vì cũng quá mệt mỏi với hơn 20 năm làm việc. Ai cũng tiếc cho chàng vì với số lương 35$ một giờ tìm đâu ra trong khi chế độ thất nghiệp mỗi ngày một trầm trọng tại một đất nước có tiếng giàu mạnh bậc nhất hoàn cầu !

Trong căn phòng chàng lặng lẽ ngồi trên chiếc laptop hàng mấy giờ liền, hàng ngày đi đến thư viện đọc sách và chàng lại thấy nhớ tiếng chim hót ở nhà nàng... Thấy nhớ nàng, chàng đi mua một cặp chim trống mái Linda về nuôi, và cũng chính nàng mang đến những thức ăn và cả lồng chim cho chàng, tình cảm hai người vẫn không thể tách rời khi chàng trở lại Hoa Kỳ.

Mùa Thu đã trở về trên ngàn cây cỏ, những chiếc lá đổi màu khác nào cuộc đời người nghệ sĩ,

chàng không biết tương lai chàng sẽ ra sao, thắm thoát đã bao mùa lá rụng, sự nghiệp bỏ dỡ, nhìn cuộc đời qua đôi mắt dị biệt nên chàng đã thấm buồn với những tháng ngày trống rỗng vô vị… phải chi chàng cứ làm việc như cũ sẽ không có những thời gian quá nhàn rỗi suy nghĩ vu vơ, muốn đi chơi xa thì lấy vacation mà đi ai cấm cản. Niềm vui của chàng lúc này là thỉnh thoảng người yêu đến thăm và hàng ngày chàng chăm sóc hai con chim Linda nhỏ bé nên cũng cảm thấy có thích thú và ấm lòng khi chúng thấy chàng về là hót líu lo – Một đêm nọ nàng chim Linda chuyển bụng tặng cho chàng Linda chồng một cái trứng tí hon thật dễ thương màu trắng nhạt, mỗi ngày hai vợ chồng nàng chim tíu tít chăm nom cái trứng con, tha những giấy vụn, rơm khô trong chuồng quây tròn trong cái ổ nhỏ cho cái trứng, vợ chồng thay phiên nhau vào ấp trứng, đêm đến ngày qua chúng reo vui hồ hởi như sắp được làm cha làm mẹ … niềm vui của cặp chim đã lây lan qua người, chàng nghệ sĩ cũng vui lây với chúng, ngày nào chàng cũng không quên ngắm nhìn vuốt ve cái trứng con, chỉ có chàng sờ vào trứng thì chim cha chim mẹ để yên, chứ người khác sờ vào là chúng nhảy phóc tới mổ liền vào tay đến chảy máu …

Chàng quá vui quên đóng cửa chuồng chim khi đùa với trứng, thế là chàng chim trống vuột ra ngoài bay mất. Chàng và người trong nhà đã đi tìm suốt ba ngày liền khắp mọi hẻm hóc cũng không gặp. Trời mùa thu gió lộng, chim trống kiểng thì nhỏ xíu chắc đã phơi thây cho loài chim qụa, chim lớn bay qua hoặc đã chết vì lạnh vì gió bấc ngoài trời ! Chàng nghệ sĩ hối hận quá và buồn suốt mấy tuần liền, sợ nàng chim mái chết vì đang ấp con và buồn bã mà lìa xa cõi tạm, chàng đi mua về một cặp chim trống mái, họ không bán một con nên buộc lòng chàng mua một cặp – Để chung một chuồng, đêm đầu tiên nghe im lặng, qua hôm sau nàng Linda tức giận tràn hông trước cảnh tình trước mắt, cặp chim kia cứ ôm sát vào nhau sáng tối, phần mình cô đơn ôm cái trứng lại sợ chúng giết hại đến con, nàng nghĩ phải bảo vệ và phải cho chúng biết tay " Rừng nào cọp nấy, ma cũ ăn hiếp ma mới" nàng vội thi hành ngay vì phải chọn ngay thời điểm ban đầu như con dâu mới về nhà chồng phải dằn mặt ngay mới được – Thế là nàng ta tru tréo chửi mắng rồi tung chưởng liên hồi, nàng ta đánh đã rồi chửi không để có thời gian trống cho cặp chim kia trả đủa – Cặp chim kia lạ nhà lạ chỗ chịu trận đến sứt mỏ, rơi lông bay tràn lan trong chuồng – Nàng Linda mãi lo tranh đấu cho thân phận mình mà quên mất cái trứng tội tình kia, quên mất cả khổ đau vì thằng chồng bạc nghĩa bỏ ra đi không trở lại, nàng trở nên hung dữ lạ thường, những tiếng hót reo vui không còn nữa mỗi khi thấy chàng nghệ sĩ về nhà mà thay vào bằng những tiếng hét cọc cằn như đâm vào tai chàng tới tấp – Chàng giật mình nhìn vào chuồng chim, cặp chim kia máu chảy quanh mặt, cánh bị sứt lông từng mảng đang ôm cứng nhau nép sát vào góc chuồng run rẩy – Nàng Linda nhìn chàng trân trân ra vẻ tức giận, chàng nghệ sĩ vội vàng tìm mưu kế thoát ly cho cả ba. Thế là hôm sau người yêu của chàng tức tốc mang đến cho chàng một chuồng chim đã cũ khác nhỏ hơn, chỉ bằng phân nửa chuồng chim hiện tại – Thế là thân phận Linda đi vào ngỏ hẹp, nàng bị đưa sang trại giam bé nhỏ … Buồn cho thân phận nàng chẳng ngó ngàng đến cái trứng phôi thai chưa nở, bây giờ thì nàng chẳng còn cấn mổ hay hung dữ với ai được nữa…nàng cô đơn tột độ, trong lòng mang nỗi hận tình người chồng bạc bẽo bỏ nàng theo con khác ! Nàng Linda bé nhỏ ngây thơ xinh xắn của những ngày xuân xanh không còn nữa, hận chồng hận đời nàng quay lại tìm an ủi vào cái trứng là đứa con tương lai duy nhất của cuộc đời nàng mà nàng đã bỏ quên bao ngày qua ! Ôi thôi ! trứng đã ung đã chết lạnh vì hơn 10 ngày qua nàng Linda bỏ phế – Linda khóc gào thảm thiết, ai hiểu được tiếng nàng ngoài cặp chim đắc thắng kia đang cười khúc khích bên nhau hạnh phúc, ai hiểu được nỗi đau tận cùng của Linda : Mất chồng, mất chuồng bây giờ mất cả đứa con yêu quý! Nỗi đau này đã thấu đến con người qua bao ngày than khóc, người yêu của chàng nghệ sĩ mang đến cho Linda một cái chuồng lớn và mới tinh để an ủi phần nào nàng chim bạc phận – Từ đó Linda bớt buồn và quên hẳn chàng chim bất nghĩa và tâm niệm trong lòng " thà người phụ ta chứ ta không phụ người", rồi nàng lại khóc rấm rức " chàng ơi, có phải vì phút giây nông nỗi, ham vui chàng bỏ em đi, bây giờ chàng hối hận muốn quay về … hay chàng đã ra người thiên cổ với lũ sói lang đầy ắp bên ngoài" Linda im lặng hồi tưởng lại chuỗi ngày hạnh phúc bên nhau mà tiếc nhớ, mà khổ đau dồn dập ! Nàng tưởng niệm mối tình đã cất cánh xa bay, tưởng niệm đứa con chưa thành hình đã mất, nàng nguyện sống cô đơn suốt cuộc đời còn lại trong chiếc lồng rộng rãi mới tinh kia vì nàng biết thân phận cá chậu chim lồng, mong gì hơn được chàng nghệ sĩ đừng ham vui đi chơi xa bỏ đói, bỏ khát nàng mà thôi …

NGUYỄN PHAN NGỌC AN

ĐỂ TA CHỜ MÃI

thơ

TRẦN NHUẬN MINH

Có vẻ như muà xuân sắp sang
Mưa bay lất phất phía đồi hoang
Cành khô nghe gió chừng thôi lạnh
Lá rụng ngàn thu chửa hết vàng…

Ong bướm đâu rồi chưa thấy bay
Hoa còn ấp cánh dấu trong cây
Không gian thơm thoảng mùi hương lạ
Của những mầm non dưới đất dày…

Đúng vẻ xuân rồi. Xuân hãy đến
Để ta chờ mãi. Cớ làm sao
Em đi khăn ấm che ngang mặt
Nào biết em xinh đến thế nào…

TRẦN NHUẬN MINH

truyện ngắn

TƯỞNG RẰNG ĐÃ QUÊN

NHỊ TƯỜNG

Điện thoại di động reo. Tôi bấm máy, đầu dây bên kia một giọng nói nhẹ nhàng như hơi gió. *Là em đây, anh có nhớ ra ai không?* Kèm theo đó là một tiếng cười trong như pha lê. Làm sao tôi không nhận ra được, đó là em. Vẫn giọng nói tiếng cười cuốn hồn tôi hai mươi năm về trước. Tôi cuống quít: Diễm… xưa. Giọng em cười dòn dã. *Anh vẫn nhớ đã gọi em như vậy sao. Ừ, làm sao em có số điện thoại của anh. Em đăng tin trên báo tìm anh mà.* Em vẫn tinh nghịch như vậy. Buổi sáng của tôi chợt dừng lại, như có một cỗ máy thời gian kéo lùi tôi.

**

Ngày mới ra trường tôi được phân công tác tại Ủy ban khoa học tỉnh. Cơ quan tôi nằm trên đường Trần Phú ngay cạnh bờ biển. Tôi và Chí học cùng lớp cùng về làm một chỗ và là dân "ngủ bàn" tại đó. Gọi là dân ngủ bàn vì cứ tối đến là chúng tôi dùng những chiếc bàn gần nhau làm giường ngủ. Sáng ra lại dọn dẹp mùng mền trước khi mọi người đến làm việc. Hai đứa chúng tôi cùng làm chung một phòng thí nghiệm, thỉnh thoảng công việc quá bận rộn không kịp giờ, phải tiếp tục ở lại phòng làm việc. Tôi quê ở Tuy Hòa, không có nhà tại Nha Trang nên phải ngủ bàn ở đây, nhưng Chí dù là dân ở đây nhưng vẫn thích ở lại ngủ bàn chung với tôi vì hai đứa đã thân thiết, đồng cam cộng khổ với nhau từ thuở còn là sinh viên.

Ủy ban rộng mênh mông. Đây là một ngôi biệt thự ngày xưa của một sĩ quan chế độ cũ, sau này nhà nước tiếp quản dùng làm cơ quan. Phía trước có trồng vài bụi xương rồng rất cao, gai dài và nhọn nhưng rất nhiều hoa. Hoa xương rồng không có hương nhưng trông rất hấp dẫn. Mỗi ngày khi đi ngang qua bụi xương rồng tôi không thể kìm lòng dừng lại ngắm một chút. Ngày càng nắng thì hoa xương rồng nở càng nhiều, những chồi thân cao lớn chỉa thẳng lên trời và hoa nở khắp thân chen chúc trong những hàng gai nhọn. Dãy phòng phía sau ngôi biệt thự được phân cho những cặp vợ chồng cán bộ nhân viên trong ủy ban chưa có nhà ở. Mọi người sống nơi đây ra vào giờ giấc tương đối tự do. Ngoài giờ hành chính, cánh cổng biệt thự chỉ khép hờ chứ ít khi được khóa.

Một buổi sáng sớm, trong khi thu dọn những chăn chiếu trên bàn trước khi mọi người đến làm việc, tôi ngó ra bụi cây xương rồng theo thói quen, chợt thấy một mái tóc dài tha thướt bên cạnh. Tôi dụi mắt cứ ngỡ nhìn nhầm. Bàn tay nhỏ nhắn đưa lên hái một bông xương rồng trên cao rồi giật tay xuống xuýt xoa. Mặc vội chiếc quần dài và khoác chiếc áo, tôi tiến ra ngay bụi cây.

Đôi mắt tròn to, lộ vẻ ngạc nhiên và sợ hãi khi thấy tôi xuất hiện vào cái giờ quá sớm chưa có ai đến làm việc này:

-- Anh…cho xin cái bông quỳnh nhé.

Tôi suýt phì cười. Lần đầu tiên tôi chợt nhận ra cái hoa xương rồng này thật cũng thật giống hoa quỳnh.

Tôi nghiêm mặt lên giọng ra bộ một ông chủ:

-- Làm gì có hoa quỳnh mà xin. Cô ở đâu, tên gì, có biết đây là cơ quan không mà tự do ra vào như thế. Lại toan tính xâm phạm tài sản của nhà nước.

Em vẫn dịu dàng với giọng nói nhẹ nhàng

-- Dạ em tắm biển bên kia, thấy hoa nở đẹp quá nên xin ….

Giờ thì tôi nhìn kỹ lại em. Một khuôn mặt trái xoan nhỏ nhắn, với đôi mắt đen tròn như hai hạt nhãn. Tôi như nhìn thấy bóng mình vụng về thô bạo trong đôi mắt đẹp đến nao lòng ấy. Thi nhân thường ví đôi mắt người đẹp giống như hồ thu. Ngay giây phút ấy, cái thằng tôi tuổi vừa đôi giáp đã sẵn lòng chết đuối trong cái hồ thu ấy. Từ địa vị gia chủ và kẻ trộm, tôi và em đã đổi vai cho nhau. Em đã ban cho tôi một ân huệ được gai xương rồng đâm cào trầy tay để hái những bông hoa tươi thắm.

Kể từ lúc biết em mỗi sáng đều đặn đi tắm biển, tôi thức dậy sớm hơn bình thường, chạy ra biển vươn vai làm vài động tác khởi động, bơi một vòng và quay lại giả như tình cờ gặp em. Dần dà, ngoài những câu chào xã giao, tôi và em nói với nhau nhiều chuyện thân thiết hơn. Tay tôi bị gai xương rồng đâm chi chít hơn. Tôi cũng chiết vài cây xương rồng để em đem về trồng trước nhà. Suốt những ngày hè sau đó, tôi trở thành một anh chàng dại khờ ngày ngày hái những bông hoa xương rồng mà về sau chúng tôi đặt cho nó một cái tên theo tên của em: Diễm Quỳnh.

Người ta nói yêu là mất hết sáng suốt, hình như tôi cũng như thế, tôi còn lấy những chiếc bình tam giác trong phòng thí nghiệm để tặng cho em cắm hoa xương rồng. Chí phát hiện ra bí mật của tôi và tôi luôn phải để sẵn những gói thuốc lá hối lộ cho nó để khỏi phải làm bản kiểm điểm vì làm mất dụng cụ của phòng thí nghiệm mà chỉ cần làm bản thanh lý bể vỡ mỗi cuối quý. Một hạnh phúc bù đắp cho sự thua lỗ đó là mỗi ngày được ngồi trên bờ biển, khi ánh mặt trời vừa ló dạng ngoài khơi, ngắm em với thân hình thon thả, bước đi dịu dàng, đưa tay vấn mái tóc dài lên thành một búi sau ót, để lộ chiếc cổ thanh thanh trắng ngần, chậm chậm từng bước xuống biển và bơi thật xa ra, bồng bềnh trong ánh ban mai một màu sáng rực.

Tôi là con một trong gia đình tương đối khá giả. Tốt nghiệp xong đại học, ba mẹ tôi thưởng cho tôi chiếc xe cúp Nữ hoàng, loại xe hạng nhất thời đó mà ở cái thành phố Nha Trang này hình như chưa ai có. Thời ấy xe gắn máy thuộc loại hiếm hoi, nhà nào có được chiếc xe Honda PC, 67, 68… đã là sang lắm rồi. Sau này khá hơn, người ta sắm những chiếc xe Cub cối, Cánh én, Eco… nhưng phần lớn là những mua từ xe từ nghĩa địa xe cũ, với những giấy tờ chữ Miên lăng quăng mà người ta thường gọi là "giấy giun" đem về tân trang dùng lại. Để mua chiếc xe mới nguyên này, ba tôi phải nhờ chú tôi mua tận Sài Gòn của một thuyền trưởng tàu viễn dương mang về bán. Gọi là thưởng cho tôi chiếc xe, nhưng thật ra, vẫn phải mang xe về cất ở nhà, khi nào tết hoặc nghỉ hè, tôi về thăm nhà thì mới được đi chiếc xe đó. Tôi có nhiệm vụ phải chạy chiếc xe về tới Tuy Hòa chứ không thể bỏ lên bất cứ chiếc xe đò nào để chở về được, vì nếu trầy một chút là chiếc xe giảm đi giá trị, và cũng vì đó là một gia tài rất lớn vào thời đó nên không thể nào gởi theo xe đò mà an tâm được.

Ngày tôi vào Sài gòn nhận xe, chú tôi dặn:

-- Xe đang chạy rodage, đến một ngàn cây số mới hết rodage. Trong thời gian đó, phải chạy chậm tốc độ 45km/ giờ, không được chạy hết ga, không được leo đèo và nhất là không được chở trong thời gian này. Xe có bền hay không là nhờ quá trình rodage này, nếu không đúng cách sẽ tạo các vết nứt, dù rất nhỏ ở các chi tiết máy, về sau chính là nơi xuất phát mọi hư hỏng của xe.

Tôi thuộc lòng lời dặn của chú và sung sướng cầm lái xe chiếc xe chạy từ Sài Gòn về Nha Trang. Đường dài vài trăm cây số không còn thấy dài khi tôi nghĩ đến em. Những tháng ngày hái hoa, tắm

biển đã làm cho em và tôi trở nên gần gũi hơn. Mỗi sáng, sau một vòng bơi, mái tóc dài búi chặt của em thường bị tuột ra và tuôn dập dìu trên mặt nước trông em đẹp như một nàng tiên cá. Tôi thường giúp em búi lại mái tóc. Em rất ngạc nhiên khi thấy tôi biết búi tóc. Tôi giải thích rằng ngày xưa tôi hay búi tóc cho mẹ, nên tôi có thể búi tóc rất đẹp. Những lúc búi tóc cho em, tôi thường thích ngắm chiếc cổ thanh thanh ẩn hiện đường gân xanh nhỏ mịn.

Về đến Nha Trang khoảng 2 giờ chiều. Bảng cây số trên xe báo cho biết xe đã chạy gần tám trăm cây số. Vì con đường Nha Trang đi Tuy Hòa phải đi qua vài ngọn đèo, nên tôi dự định để xe ở lại Nha Trang chạy một thời gian đủ một ngàn cây số rồi mới về Tuy Hòa. Không chịu nghỉ ngơi sau một chặng đường dài, tôi hì hục lau chùi chiếc xe sáng bóng rồi chạy đến nhà tìm em. Tôi muốn được mời em đi chơi, định bụng chở em trên một con đường nào thơ mộng nhất để nói lời tỏ tình đầu tiên.

Vừa thấy tôi em đã reo lên:

-- A, anh Hải về rồi hả. Xe anh đẹp quá.

Tôi liền nói:

-- Quỳnh có thích đi thử một vòng không?

-- Đi được không anh, nghe nói là xe mới còn đang rodage thì không được chở.

Tôi giật mình nhớ lời dặn của ông chú, nhưng cũng đáp:

-- Không sao, mảnh khảnh như em thì có chở cũng như không chở mà thôi.

Em nhẹ nhàng ngồi lên xe sau lưng tôi. Những con đường trong thành phố ngày thường đi xe đạp thấy dài lê thê, hôm nay sao bỗng trở nên ngắn quá. Dù nhớ lời dặn của chú nhưng tôi vẫn cứ lái xe ra phía bắc thành phố, leo lên dốc đèo Rù Rì, đi vòng qua đường Quốc lộ lên Thành để có cơ hội ngồi bên em thật lâu. Ngồi trên xe, tôi bẻ chiếc gương chiếu hậu soi vào phía mình. Một hình ảnh thật đẹp chưa từng thấy trong đời: bên cạnh cái khuôn mặt không đến nỗi xấu trai của tôi khuôn mặt trái xoan của em với đôi hạt nhãn đen láy, cặp lông mày như người đẹp trong tranh và nhất là mái tóc của em, đen dài và bay nhẹ nhàng trong gió. Em cũng nhìn tôi trong gương và mỉm cười, tôi khao khát muốn hôn lên đôi môi hồng tươi đó.

Tôi hỏi em:

-- Em có muốn chạy thử một chút không?

-- Có được không anh?

-- Em lái đi.

Tôi ngồi ra phía sau. Con đường tráng nhựa dài ngút trong tầm mắt như thấp dần trong chiều tà. Hai bên đường là những cánh đồng trải dài mênh mông. Gió lùa mái tóc em trôi vào mặt, vào cổ tôi. Tóc em thơm ngan ngát quyện với mùi lúa chín hai bên cánh đồng trên đường chúng tôi đang đi. Em cười hạnh phúc và tôi cũng cười hạnh phúc. Tôi kéo nhẹ cằm em về bên phải, chỉ cho em xem khuôn mặt tôi và em trong chiếc gương chiếu hậu. Đó là một khung hình một đôi uyên ương hạnh phúc, phía sau là nền trời vàng óng của cánh đồng xa xa dưới màu nắng quái huy hoàng trước khi sắp tắt. Rồi tôi hôn lên môi em.

Cái khoảnh khắc đầu tiên vĩ đại nhất của đời tôi hôm ấy được kết thúc bằng một tiếng: Rầm. Trong thoáng chốc, từ vị trí ngồi sau lưng em tôi trở thành nằm sấp trên người em. Mặt trời đã tắt hẳn. Định thần nhìn lại, tôi nhận ra chúng tôi đang nằm trên bờ ruộng, ngay phía dưới con đường, bên lòng mương mà thường ngày chắc vẫn có nước chảy qua khi người ta bơm nước tưới ruộng. Đất vẫn còn mềm và ẩm ướt. Khuôn mặt tôi vẫn đang kề môi em. Nhưng than ôi, đôi môi tôi đã *"thâm khô từ thuở định hôn người"* vì quá sợ hãi. Chiếc nữ hoàng lộng lẫy tắt máy nằm chỏng chơ đâu đó. Tôi đỡ em dậy và thật may mắn là cả tôi và em đều chỉ trầy xước sơ nơi khuỷu tay. Chiếc xe đã bị vỡ hai kính chiếu hậu cùng với đèn phía trước, nhưng vẫn dễ dàng nổ máy được để đưa em về nhà và tôi về đến cơ quan. Chí kinh hoảng khi nhìn thấy tôi và chiếc xe lộng lẫy trong tình trạng thảm thương chưa từng thấy.

Hôm sau tôi đưa xe ra tiệm nhờ người thay lại những bộ phận bị hư vỡ và sơn giấu lại những vết trầy. Vì chiếc xe vốn thuộc loại đặc chủng thời bấy giờ nên không thể tìm ra được phụ tùng thay thế giống hệt như ban đầu. Với con mắt nhà nghề của ba tôi, chẳng bao lâu việc giấu diếm của tôi cũng bại lộ khi mẹ tôi khéo léo cật vấn trong một lần Chí đi công tác ghé thăm bà. Mẹ tôi giận dữ cực độ mỗi khi nghe nhắc đến tên em. Mối tình vừa mới chớm nở của tôi, chưa kịp công khai đã phải im lặng mãi mãi về sau.

Mùa thu năm đó, em vào Sài Gòn học đại học, tôi chuyển công tác về Tuy Hòa, để lại thành phố biển một mối tình đẹp nhưng gai góc như loài hoa xương rồng. Tôi mòn lốp xe trên con đường ra bưu điện bỏ thư cho em. Những lá thư đi thư về rồi cũng thưa dần theo thời gian, và tronglá thư cuối cùng tôi đã gọi em là Diễm Xưa để khép lại một mối tình đầu. Nhiều năm sau, trong giấc mơ tôi vẫn nhìn thấy một dáng em mảnh khảnh, tóc đen dài, đôi mắt hạt nhãn nhìn tôi như trách móc. Thỉnh thoảng Chí đi công tác ghé thăm tôi, lại hay nhắc về em. Nghe đâu em theo về nhà chồng và theo đời cơm áo.

**

-- Em khỏe không, hiện nay đang ở đâu. Sao lại biết số phone của anh hay vậy. Tôi hỏi lại một lần nữa.

Em vui vẻ trả lời:

- Hôm nọ em đi hội nghị, tình cờ gặp anh Chí, tâm sự cũng dài dòng, sau đó anh Chí cho em số phone của anh. Em bây giờ về lại căn nhà cũ ngày xưa đó, hôm nào có dịp vào Nha Trang anh ghé chơi nhé. Mấy cây xương rồng ngày xưa, hôm nay đã cao quá và nở nhiều hoa làm em chợt nhớ đến anh nên bấm phone hỏi thăm đó mà…

Tôi chợt nhớ đến bàn tay nhỏ nhắn ngày trước cầm đóa hoa Diễm Quỳnh. Sau hai mươi năm, chỉ có bấm mười con số điện thoại mà *"tay em vẫn còn dựng đời bão lên"* như thế sao. Tôi không nhớ em và tôi đã hàn huyên những gì sau đó trong điện thoại, giọng em vẫn trong trẻo nhẹ nhàng như gió thoảng, trước mắt tôi lại hiện lên một dáng em mảnh khảnh, mái tóc đen dài, óng ả. Không hiểu sao, trong tôi một lần nữa bỗng trỗi lên ước vọng tìm bắt lại một bóng hình vẫn theo đuổi mình trong giấc mơ nhiều năm qua.

Ngày hôm sau, tôi tự mình lái xe vào Nha Trang. So với nửa ngàn cây số Sài Gòn –Nha Trang ngày xưa trên chiếc cúp nữ hoàng thì một trăm hai mươi cây số Tuy Hòa - Nha Trang hôm nay đâu có nghĩa lý gì khi tôi ngồi trên một chiếc xe BMW kính màu, điều hòa mát lạnh và giọng ca ngọt ngào của Khánh Ly: *"Tưởng rằng đã quên, cuộc tình sẽ yên, tưởng rằng đã quên… nhưng tim yếu mềm"* . Con đường ngày xưa bây giờ không còn là những cánh đồng trải dài xanh ngắt chạy tới tận chân những dãy núi xa xa, mà thay vào đó là những tòa nhà mới cũ nối tiếp nhau. Mùi nước hoa trong xe sao nghe thoang thoảng như hương tóc em quyện với hương cánh đồng lúa chín. Tôi biết rằng, chút nữa đây, tôi sẽ mời em lên xe đi một vòng thành phố và ngoại ô. Em sẽ ngồi ghế bên cạnh, cùng tôi ôn lại những kỷ niệm hai mươi năm trước và biết đâu, sẽ hoàn tất nụ hôn đầu tiên chưa trọn vẹn ngày ấy…

Một trăm hai mươi cây số đường dài và một trăm hai mươi phút đã qua đi. Đĩa nhạc cũng hoàn thành một vòng quay để bắt đầu lại bản nhạc Tưởng Rằng Đã Quên một lần nữa khi xe tôi dừng trước cửa nhà em. Lòng tôi rộn rã và bồi hồi khi nhìn thấy trước cổng là hai bụi xương rồng thật cao với những đóa hoa rực rỡ. Chưa kịp tắt máy, nhìn qua cửa kính xe tôi thấy bóng dáng một người đàn bà đẫy đà bước ra cổng, khuôn mặt bành bạnh chiếc cằm đôi, mái tóc nhuộm hoe vàng nâu, lông mày xăm rậm ri, dưới hàng mi xăm đen thâp thoáng đôi hạt nhãn ngày xưa.

Tôi cuống cuồng nhấn ga như trốn chạy khi bên tai nghe văng vẳng giọng của Khánh Ly: *"…một ngày thấy em là đời bỗng đêm vây khốn"*.

12/8/2009

NHỊ TƯỜNG

CON ĐƯỜNG BĂNG QUA CHỢ

tản văn

NGUYỄN MỸ NỮ

(Viết, khi một cái chợ khác. To tát hơn, bề thế hơn đã được xây xong và những cái chợ nhếch nhác, chồm hổm như thế này sẽ được giải toả. Viết để giữ chút kỷ niệm ấy mà...)

.....

MỘT

Đi lễ mỗi chiều tôi hay băng qua con ngõ này. Ngõ là trước đây thôi! Giờ đã thành đường. Một con đường khá là lộn xộn với hai cái chợ gần kề.

Bạn trai tôi nói:

- Lũ học trò ở đây mặc cảm dữ lắm.

- Còn anh?

- Mắc gì!

Mà mắc gì thật. Như anh. Và mặc cảm thật. Như nhiều người. Chẳng là ở đây nẫu thường dựa vô tên trường của con mà biết được nghề nghiệp của cha mẹ. Rồi từ đấy mà đoán định ra hoàn cảnh của mỗi gia đình. Dân tỉnh nhỏ thường vậy. Tỷ như mình học đâu trên Nhơn Phú là chắc nụi nhà trồng rau ngày thường, trồng bông mùa tết. Thu nhập dựa vô trời, đất, nắng, mưa, năm bão lũ dữ hung, năm im ru lặng bình. Nên cắm mặt trên đất giữa những luống rau rồi phơi mình ở mấy cái chợ hoa mà đồng tiền kiếm được có không, ít nhiều thì thôi lắc đầu. Biết đằng nào mà tính! Ông trời cho đâu hưởng đó. Hưởng tới đâu biết đó! Kêu than khóc kể nào có được gì?

Lại nói thêm về cái chuyện chỗ ở. Tỷ như mình ở trên phố thì dứt khoát cha mẹ phải có cửa hàng cửa hiệu. Mà không thì cũng là cán bộ công chức gì đó. Nhà cửa bề phết mà con người ngó cũng láng o, sáng trưng chứ có đâu! Rồi ở khu Một thì không chạy đâu chuyện biển giả, bến cá lụi xụi bán buôn. Dân khu Hai như nhà anh cũng đâu khác gì. Hết trật chuyện ghe lưới, sõng mành và

mấy thứ liên quan. Nhà anh, hồi đầu ở bên kia đường. Cheo chéo một chút. Ở chợ Xổm. Rồi dời qua bên đây khi chỗ này biến thành chợ. Cái chợ dựa vô bên hông nhà xác của bệnh viện Đa Khoa tỉnh. Gia đình anh vốn sống theo chợ từ hồi giờ. Cũng là những thứ chợ bèo bèo, nho nhỏ ấy mà.

HAI

Thật ra, tôi có thể đi lễ ở nhà thờ Chánh Toà vì nhà tôi ở trên phố. Nhưng tôi không ưng đi đường phẳng êm, sạch sẽ. Đi ngang qua những ngôi nhà, những cửa hiệu to đẹp, tôi thấy người mình y hình như cũng có ảnh hưởng. Cứ lằng lặng, bình bình...Thấy ghét quá! Đi vòng vèo sướng hơn dù là đường tắt ngang - tắt dọc: Tức rực, hỗn tạp... Tôi thích cái cảm giác vừa được đi vừa dòm ngó để cho con mắt có thể tiếp xúc thỏa thuê với mọi cảnh tượng. Nào là cảnh mua bán nhốn nháo. Tiếng trả treo, mặc cả, kình cãi... Cái chợ có tên chợ Nhà Xác này rất hay nghe! Là không có lều quán, sạp lô gì hết. Mặt hàng chủ yếu là cá và tất cả những gì liên quan tới cá. Bởi đó mọi người đều phải bán - mua theo tư thế ngồi. Người bán ngồi bệt trên đất không nói làm gì mà người mua cũng phải ngồi chò hỏ để "thử" mặt hàng cho được tỏ tường. Cá, nhìn sơ không biết tươi, ươn, ngon, dở gì đâu. Phải nhìn cái mang, thân cá, con mắt cá... rồi phải dùng cả tay để mà sờ nữa kìa! Nếu như mềm èo (ngoại trừ cá khoai) thì chắc chắn là không tươi nổi rồi. Nhưng cứng cáp cái màu không thật thì coi chừng ướp đá. Má tôi bày biểu vậy và mỗi lần tôi mua phải đồ thiu thối (mấy từ má tôi hay dùng) là bị chửi quá chừng chừng và chẳng mấy khi sót được câu này: *"Sao không nhờ cái thằng ở chợ bệt chợ xổm nó bày biểu cho. Nó dân biển giả nên rành cá mắm biết mấy! Rồi theo nó về bưng từng lít mắm đi bán. Bưng từng rổ mực đi rao. Mày cũng là một thứ cá thôi con. Thứ cá ươn...". Má bỏ lửng câu nói rồi đọc làu làu: Cá không ăn muối cá ươn. Con cãi cha mẹ trăm đường con hư...".*

Những lúc bị má la, tôi cúi đầu nín nhịn nhưng cũng đâu biết vâng lời. Thằng em tôi còn tệ hơn. Cái mặt câng câng dễ ghét. Ba luôn làm thinh với thái độ bình thản những lúc như vậy. Má là một phụ nữ rất tốt. Giỏi chuyện nhà, lanh chuyện kinh doanh nên kiếm được nhiều tiền nhưng nói như nội tôi, là: "Má tụi bay ỷ thế dữ quá. Nên đâu chịu nghe chiều ai". Trúng ba tôi y hình như dư giũ chuyện lệ thuộc. Cứ mặc nhiên để cho má tự quyết định mọi chuyện trong gia đình. Hồi trước ba đi dạy và khi ấy ngó ba hoạt bát lắm kìa! Nhưng rồi nghe má xúi bẩy sao đó ba xin nghỉ ở nhà phụ má mua bán. Ba ra cửa hàng được đúng một tuần thì ở lì luôn trên lầu mặc cho má nói móc mỉa, khích bác. Mặc cho má đá thúng đụng nia, chửi chó mắng mèo...

Chỉ một lần duy nhất sau cả tháng trời như vậy, ba hét lên giữa khuya: "Im". Tiếng hét như kết tụ bao nỗi bất mãn, uất ức, day dứt, ân hận... chỉ được thoát ra khỏi ba được đúng một lần. Một lần rồi thôi. Để rồi ba luôn luôn là như vậy. Bên má và trong chính gia đình mình. Cứ như một cái bóng. Niềm vui của ba là vườn cây cảnh ở phía sau nhà. Nội hay ra đó, ngồi trên cái ghế xích đu đong đưa. Miệng nhai trầu bỏm bẻm, mắt hấp háy cười nhìn ba chăm chú tỉa từng đọt lá, thích thú với từng nụ hoa... Nội nói: "Bay không kiếm chỗ mắc cho tao cái võng". Ba: "Dà, dạ..." rồi quên hoài. Ba quên hoài và nội nhắc hoài. Cứ như nhắc cho có và nói cho có á mà. Và cái kiểu đó. Cái kiểu của ba với nội mới thương làm sao!

Nội với ba cũng thường hay nói với nhau mấy công chuyện ở quê. Hai người làm như quê ở đâu xa lắm. Cách thành phố này cũng cả mấy trăm cây số không bằng. Nội nói ước gì còn răng ăn một lần cả chục miếng chả gắp cho đã. Mà sao giờ không thấy ai làm thứ này. Mà làm chắc cũng dở òm. Thịt heo không nói gì nhưng con tôm, cái bánh tráng cuốn chả phải ở tại đó. Ở ngay quê. Ở Gò Bồi mới đúng kiểu. Mới ngon được và bỗng cất cao giọng: "... Hé, bay". Em trai tôi nói nội nói hé bay hay nhất khu vực miền trung và tôi nói nội kho mắm cua ngon nhất tỉnh này. Rồi chị em bắt chước nội cao giọng: "Hé, nội". Nội chửi cha bay và hấp háy mắt. Coi bộ ưa hung. Thằng em tôi mới mười lăm tuổi cao lồng ngồng và ma giáo hết biết. Thường đưa nội lên mây trong những lời khen mộc mạc chân quê và vô cùng dân giả để rồi sau đó xin nội ít đồng. Nội tằng hằng: "Chi?" nhưng rồi cũng rờ túi áo bà ba, mở kim băng và tháo lần, tháo lần mấy lớp mùi xoa. Tiền được nội dấu kỹ như vậy đó! Ba cười tủm tỉm đưa mắt ngó bà cháu trững giỡn không quên nhắc chừng:

"Cho nó lần này thôi! Cho hoài quen xin miết. Hư...". Câu nhắc hiểu cho nội cũng phải hiểu cho em trai tôi cũng không sai. Ba thường có cái cách đó, hồi giờ.

Má nói nội già cả rồi không nói gì còn ba và mấy đứa cũng chịu khó năng động một chút cho má nhờ. Hàng quán kho bãi không người coi ngó quản lý một mình má chịu hết xiết mà cha con cứ túm tụm miết ở vườn sau lo ba cái chuyện... hổng hình đâu không. Người ta nói có chồng đặng nhờ có con đặng cậy. Đây nhờ dữ cậy dữ há! Và trừng mắt với chỉ riêng mình tôi rồi quay quảy bỏ đi. Mấy nhà quanh đây con gái với mẹ rất gần gũi thân nhau. Còn má con tôi sao tức cười. Không khác gì mặt trời, mặt trăng. Rất khác biệt và sự khác biệt lớn nhất lại nằm ngay ở tình cảm của tôi dành cho một người ở ngay chợ Nhà Xác. Sao không là một ai đó có địa chỉ nhà là một tên đường nghe rất rổn rảng và một số nhà, nghe rất loong coong. Để dễ giới thiệu để được nghe rất nhiều lời trầm trồ: Gốc gác ngon chứ bộ! Thì ngon chứ! Và ngay lập tức hình dung ra một thằng con trai trắng trẻo, sực nức mùi thơm tỏa ra từ keo xịt tóc, cây lăn nách, sữa rửa mặt... Một thằng con trai thích đổi xe gắn máy, di động, đi thì chớ về nhốt mình nơi phòng riêng và chúi đầu vô máy tính tối ngày. Chưa đủ bởi tự đó lập tức hình dung thêm một khung cảnh gia đình rất trật tự, gọn ghẽ, đẹp xinh... Một không gian nhà như vậy thì tôi rất thích nhưng lại không chịu được mấy chàng trai kiểu đó. Mới thiệt kỳ! Mới rất khó à nghe!

BA

Con đường tôi chọn phải băng ngang phía sau nhà anh. Mà phía sau nhà anh lại là phía trước của cái chợ Nhà Xác này. Phía sau nhà anh rất rộng nhưng bừa bộn quá chừng. Vì là nơi ở, chỗ bán buôn và làm nghề của trên hai chục con người. Ngôi nhà như anh vậy cứ bừa bộn cả lên. Ở chuyện học hành, lối ăn mặc, nếp sinh hoạt, những ý tưởng, cảm xúc... Anh theo đại học cũng có mà trung cấp cũng có. Nhưng theo đó, bỏ đó. Rồi đi làm. Làm lung tung. Rốt lại cũng bỏ. Chỉ có công việc này là anh luôn muốn được theo đuổi. Bởi bỏ, rồi ai làm. Bỏ, rồi ai theo? Bỏ rồi sao có thể thỏa thuê được cái sự ưa thích, đắm đuối của chính mình? Phía nội anh có nghề làm mắm. Ba anh không thích cảnh tù túng, suốt ngày giam mình trong những thạp, lu nên theo bạn ra khơi. Ở biển về thì ngồi vô chiếu nhậu. Tuổi thơ anh sặc sụa mùi rượu nồng nặc của ba, mỗi khi ông ở nhà. Cũng tanh tưởi mùi cá các loại của má, của chị mỗi khi họ ở chợ về. Anh ghiền mùi mắm. Ghiền lạ lùng. Con mắm hồi mới muối có cái thơm khác, hồi mới ngấu: Khác, hồi rã hết: Khác. Hồi nước trong và có thể nhỉ: Khác. Nghe anh nói không cũng đủ chảy nước miếng. Thèm tô bún chan mắm cá cơm còn nguyên con. Thèm đĩa bánh xèo vỏ chấm mắm đục xé ớt xanh cay xè. Thèm cơm nóng hổi và chén mắm trong thơm lừng và vàng sánh.

Nhiều người thắc mắc không hiểu vì sao mà anh lại chọn nghề này, sau bao công việc thơm tho và nhàn nhã trước đó. Vì sao một thanh niên giữa thời buổi bây giờ lại không cà phê, quán bar. Không đàn đúm bạn bè. Không công nghệ thông tin, không áo quần láng lẩy... Suốt ngày tất bật với mắm muối, cá mú... Với những cần xế cơm, nục cao ngút mắt tới hàng dãy dài thùng chứa, thạp lu. Anh nói cái lưỡi mình tinh bén nhờ thường xuyên được nếm thử mắm. Như anh luôn khẳng định có một từ anh yêu thích nhất: Mắm. Có một từ luôn tơ tưởng trong anh trằn trọc trong anh ám ảnh mãi anh: Mắm. Có một từ khiến anh bay bổng thăng hoa: Mắm. Có một từ khiến anh phẫn nộ đớn đau: Mắm.

Và mắm giúp tôi thêm thấu hiểu anh. Và mắm khiến chúng tôi thêm gắn kết.

Anh thế đó và tôi thế đó. Anh lạ bởi vậy. Còn tôi? Một người đẻ ra trên phố. Phố là tuổi thơ. Phố giữ hộ thời con gái đẹp tươi và tràn trề thơ mộng. Vậy sao yêu thích con đường này? Một con đường băng ngang chợ để đi qua, ngày bữa ./.

NGUYỄN MỸ NỮ

"CÒ" RUỘNG

truyện ngắn

TRIỆU VĂN ĐỐI

Các cụ ta xưa có câu: "Có răng răng nhai, có lợi lợi gặm" là muốn nói tới cái sự "Tự bằng lòng" và biết chấp nhận để sống thông qua việc nhai (ăn).

Nhắc tới câu châm ngôn này, tôi chợt nhớ ra một chuyện.

Có anh Luân ở quê tôi, gia cảnh tuy chưa đến nỗi liệt vào loại khốn khó, nhưng với thu nhập thuần nông, mọi thứ chi tiêu đều trông chờ vào hạt thóc cả thì tiền mặt trong nhà vẫn thưường xuyên vóng bóng. Mấy sào ruộng khoán chịu khó làm lụng thì cũng chỉ đủ lương thực trong năm. Thành ra, trong khẩu phần ăn, bát cơm có thêm miếng thịt thì đương nhiên là không thể xới đầy có ngọn. Bảo đời sống bây giờ đã bưước lên nấc thang ăn ngon, mặc đẹp. Đúng quá. Nhưng là đúng với người ta, chứ gia đình anh thì ăn no trong giai đoạn hiện nay vẫn là "then chốt". Mà cái giống ở đời, ăn uống kham khổ vẫn đi theo thói xô bồ, bỗ bã. Thiếu một lưng cơm là cái dạ dày cứ cả ngày bóc róc. Có thêm miếng thịt nửa mỡ nửa nạc, cắn ngập chân răng thì cái dạ dày lại càng "yêu sách" tợn. Thành ra bữa ăn có tý thịt, cá luôn là một khát khao, là một cái gì đang còn xa vời lắm của gia đình anh.

Tuổi tuy chưa cao nhưng răng lợi anh Luân thì "lởm khởm" hết chỗ nói. Răng mọc không có trật tự đã khổ, đằng này răng anh gãy lại không có trật tự còn khổ hơn nhiều. Không có trật tự là bởi cái trên còn thì cái dưới mất. Chúng gãy so le, lúc nhai cứ như cài răng lược với nhau. Thành thử tiếng là có hai hàm răng mà nhưư không có. Mà không có răng thì không có hẳn, chứ dở dở dương dương như trường hợp của anh thì ...Cơm, rau, thịt, cá cứ nhưư chúng cũng biết tránh răng, lọt vào khe cả. Cái sự ăn của anh bây giờ hoá ra có răng mà không nhai đưược, có lợi mà không gặm được.

Dạo ấy quê tôi đang rục rịch sắp sửa sát nhập với thủ đô (Thế là sắp tới, trong trích ngang của mình, nghiễm nhiên tôi là ngưười "Hà Lội" nhé. Oách chưa!) Nghe tin sắp tới sẽ có rất nhiều dự án đầu tưư xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình nâng cấp hạ tầng cơ sở. Thông tin ấy tạo ra một cơn sốt đất ruộng. Cả ngày chỉ thấy rình rịch ngưười đi hỏi mua đất ruộng. Chỗ nào cũng xôn xao bàn tán về chuyện bán đất ruộng, về chuyện giá cả, về chuyện nhà nọ tự dưng đem một cục tiền to đem ném xuống giếng vì bán hớ, nhà kia bỗng nhiên trúng lớn....Từ ba bốn mươi triệu một sào, vài hôm sau đã lên bảy tám mưươi triệu. Thời giá này không biết còn lên tới bao nhiêu nữa. Khó lường. Mua bán tất tật đều theo phương thức trao tay. Chỉ cần người bán viết một giấy cam kết: Nếu sau này đất nằm trong quy hoạch của dự án thì ngưười mua được hưởng tiền đến bù và các quyền lợi khác. Trong số những ngưười đi mua, phần đông đều thuộc loại "cò gỗ", "cò nhà".

Anh Luân cũng thuộc một trong những "cò gỗ", "cò nhà" ấy. Đúng là thời buổi kinh tế thị trưường có khác, cái sự làm ăn cũng thông thoáng hơn. Hay nhất là chẳng cần vốn liếng, nhằng cái chỉ cần mua đưược một sào cho "chủ" đã cầm chắc trong tay hai triệu. Hai triệu đồng quy ra thóc gạo, dễ chừng làm cả vụ mới nên. Đây chưa nói tới nắng hạn, sâu rầy, rét chết mạ, chết trâu. ấy là còn chưa kể đến thuốc trừ sâu, thuỷ lợi phí, phân đạm phân lân các kiểu...Căn cơ, tính toán ra trừ chi phí các thứ thì nửa năm bán mặt cho đất, bán lưng cho giời như gia đình anh thì hai triệu đồng quả là một khoản tiền không nhỏ. ấy là chưưa kể ngưười bán cũng còn "lại quả" cho một ít. Nếu không thì cũng gọi đi bia bọt, đánh chén gọi là để cảm ơn cho có trưước có sau.

Anh cũng đã "cò" đưược chỗ này dăm thước, chỗ kia nửa sào. Cầm những đồng tiền dễ nhưư trở bàn tay nhờ "Chitromex" anh như kẻ đi ra từ một giấc mơ. Từ cái ước muốn bữa cơm có thêm một tí thịt, cá bỗng nhiên trở nên quá tầm thưường, nhỏ bé. Cứ cái đà này, chỉ nay mai thôi anh sẽ

phất lên nhanh chóng. Cuộc sống sẽ ra sao khi con người ta trở nên giàu có? Anh không thể tưởng tượng nổi bởi anh đã giàu có bao giờ đâu mà biết. Nhưng anh đã bắt đầu nghĩ tới sự hưởng thụ. Đã nói tới cái sự hưởng thụ thì không thể quên được nhóm tứ khoái. Trong cái nhóm "tứ khoái" thì chẳng phải tự nhiên mà ngươời ta xếp cái sự "ăn" lên trên các sự khác. Nhưng khổ cho cái bộ răng của anh, có đem của ngon, vật lạ cho nó sài thì cũng bằng phí vì nó chỉ có thể nhai trệu nhai trạo mà thôi. Vô lý. Có tiền mà chẳng đươợc ăn ngon. Vậy là anh quyết định phải đi cải tổ, nâng cấp bộ răng cho hoàn chỉnh.

Nghe ý kiến đề xuất, vợ con anh "biểu quyết" tán thành một trăm phần trăm. Riêng vợ anh, sau khi giắt bọc một ít tiền chồng đưa thì bảo:

- Tôi đi xem quẻ, năm nay là năm anh làm ăn có nhiều lộc nhất từ trước tới nay đấy. Thôi, thầy nó cứ đi làm bộ răng mà ăn cho đỡ khổ. Ai lại đi uống rượu ở đâu cũng cứ phải giắt cái kéo con trong túi. Bất tiện quá! Mà không làm thì thôi, còn đã làm thì phải làm cái loại nào nó tôn tốt vào.

♣♣♣

Sốt đất ruộng. Cả làng sôi lên hơn cả mùa WORLD CUP. Ngõ dọc ngõ ngang chỗ nào cũng thấy bày bán thuốc lá thơm, rươợu bia các loại. Các quán ăn dã chiến đặc sản vịt nướng, gà ri mọc lên nhươ nấm sau mưa. Đêm đêm, tiếng karaoke mở hết công suất phát ra những giọng khê nồng. Chẳng thể phân biệt đâu là ngươời hát, đâu là rươợu hát.
Trong lịch sử của làng, từ xa xươa cho tới hôm qua, làng chỉ thuần nông. Cái sự chi tiêu hết thảy đều chi ly từ ngọn rau, con tép. Vậy mà bỗng dương người dân lại tiêu tiền vô tươ, hào phóng đến thế. Vẫn biết là bán ruộng đi rồi thì làm gì để sống. Nhương suy cho cùng thì có làm cũng chẳng được là bao. Ngày ba tháng tám, những lúc nông nhàn vẫn phải chạy chợ, vẫn phải buôn đứng bán bưng. Người không quen chợ búa thì đó đơm, te rủi kiếm con ốc con cua. Những người có sức khoẻ thì rủ nhau đi làm ăn tứ xứ, đến vụ gặt mới về, gặt xong rồi lại tiếp tục đi. Vả chăng, người ta đến mở khu công nghiệp chẳng lẽ lại chở hết tất cả người từ nơi khác đến hay sao. Với lại, ruộng hợp tác ngày xươa là của chung, giờ giao khoán, giao quyền sử dụng đất cho mình, không bán thì mai kia hết thời gian giao khoán rồi cũng lại đem rũ rồi, chia lại, chắc gì còn là của mình. Chi bằng bán quách lấy một cục tiền to giắt bọc là ăn chắc nhất. Xưa nay cái khó vẫn bó cái khôn. Lam lũ, chắt bóp lắm mà mấy khi đã có tiền triệu trong nhà (?). Có đồng tiền trong tay cũng dễ xoay xoả. Nào dỡ bỏ cái nhà từ thời các cụ để lại, mưa trận nào cũng dột, xô chậu cứ chạy vòng quanh, làm lại cái nhà mái bằng có nền lát gạch men, trưa hè lau sạch ngả cái lưng cho nó mát. Nào mua cái xe máy, đi đâu "vèo" cái đã tới nơi... Ngẫm kỹ lại thấy đời con người ta khổ nhiều chứ sướng thì có được là bao. âu nó cũng là thời cơ, vận hội của làng.

Hàng ngày anh Luân bỏ hết mọi việc, tập trung đi hỏi mua đất ruộng. Nhiều chỗ chắc mẩm trăm phần trăm, họ nhận lời rồi, đến khi đưa "chủ" đến lại đòi tăng giá hoặc nguây nguẩy không bán nữa. Thế là công cốc công cò. Để chắc ăn, anh nghĩ ra cách "cốp" tiền trước. Nhưng mà lấy tiền đâu để "cốp"? Thì lại phải trông vào túi tiền của "chủ". Anh chấp nhận làm một hợp đồng ứng trươớc với chủ bốn mươi triệu đồng, tương đươơng với khoản thù lao "Chitromix" của hai mẫu ruộng. Trong hợp đồng cũng có những điều khoản giàng buộc là nếu anh không hoàn thành, thì phải chịu nộp phạt gấp bốn lần, hoặc... mà còn hoặc gì nữa, nhất định là phải bán ruộng của chính nhà mình. Biết làm sao, thời buổi bây giờ đâu phải tự nhiên mà người ta bỏ ra một lúc mấy chục triệu đồng ứng trước cho mình. Chẳng ai dại gì lại thả gà ra để mất công đi đuổi.
Mua được vài ba chỗ dễ dàng, suôn xẻ nên anh coi việc đó đang ở trong tầm tay. Phen này có tiền "cốp" trước đừng có thằng nào lật đươợc anh nữa. Trong cánh "cò gô", "cò nhà" cũng nhiều anh chửa nghĩ ra kiểu mua đặt cọc này nên cứ lươợn lờ, cứ xông xáo chán rồi cũng lại thành Trần Văn Tốn. Đúng là "Quan sang không bằng hàng đắt", đang lúc sốt đất ruộng, người bán có vị thế cao giá lắm. Có mụ nạ dòng mới hôm qua còn sấp sấp ngửa ngửa tối ngày, buông cái liềm ra lại vớ đôi quang gánh chạy chợ, giờ thì vênh mặt nói chỏng lỏn:

- Đây ý à! Cứ "Đại Từ" nhé! Cứ vô tư vén quần đến bẹn, gác chân lên đố thượng cho mát mà ngủ sướng mắt cái đã.

Thế đấy! Đắt thì bán chơi, rẻ thì để đấy. Chẳng có cớ gì bắt người ta phải bán cho mình. Anh

cũng đã "cốp" được vài ba chỗ. Yên tâm, tạm coi như cá đã mắc câu, nhấc lên lúc nào thì nhấc.

♣♣♣

Anh ra Hà Nội. Chiêu thức để người ta khỏi chê mình quê mùa một cục là cứ phải nói vống lên. Mà có ai đánh thuế cái anh nói phét đâu. Anh đến một phòng răng và bảo với tay bác sỹ nha khoa:

- Tôi đi mấy phòng răng rồi, chỗ nào cũng chỉ có loại xoàng xoàng. ở đây có loại nào tuyệt hảo thì ông nói nhanh để tôi khỏi mất thì giờ.

Tay bác sỹ nhìn anh từ đầu đến chân và tỏ thái độ rất khó chịu. Bỗng tay này thay đổi nét mặt rồi vồn vã:

- Bác đến đúng địa chỉ rồi đấy! ở đây có đầy đủ các loại chất liệu: Compusit, Inốc, Ti tan, sứ thẩm mỹ... Nói chung là tiền nào của nấy. Tiền nhiều thì răng tốt. Chỉ sợ bác không chịu được "nhiệt" mà thôi!

- Chuyện nhỏ. Đáng là bao. Cùng lắm là dăm ba thước đất.

Tay bác sỹ lúc đầu còn coi thường anh, nhưng khi nói đến "đất" thì anh ta hiểu ngay là mình đang gặp một khách hàng có "máu mặt". Thời buổi bây giờ chẳng có thứ gì có thể so sánh được với đất. Đài, báo suốt ngày ra rả thị trường bất động sản đóng băng mà mới nói tới đất đã phải nghĩ ngay tới tiền tỷ. Hèn nào thằng cha trông quê mùa mà nói cái giọng cứ như thể các đại gia.

- Bác yên tâm đi. Bác ở nông thôn chắc không lạ gì cái hàng rào. Đấy! Cái hàm răng của người ta cũng y như cái hàng rào. Chỉ cần đổ một cọc là cái hàng rào nó xiêu vẹo, lung lay. Mà của bác lại đổ cách quãng, trên bốn cái, dưới năm cái. Vậy có hai cách để củng cố cái hàng rào: Hoặc là "dặm" lại (không biết quê bác có nói thế không, có nơi người ta gọi là "cạp" lại cũng thế), hoặc là đào hố chôn ngay những cái cọc mới. Nói thế thì bác rõ quá rồi còn gì.

- Chú ở đâu ta mà nói năng về nông thôn có vẻ rành rẽ thế?

Tay bác sỹ nha khoa cười rồi mang ra một bộ răng bằng thạch cao giảng giải cụ thể:

- Bác nhìn đây! Nếu ta "dặm" cái hàng rào này thì chỉ cần mài bớt hai cái bên cạnh cái bị gãy, sau đó "bắc cầu" để cho nó gánh chiếc bị gãy. Chất liệu thì phải làm bằng i nốc cho nó khoẻ. Thế còn đào hố chôn cọc mới thì khỏi phải bàn. Sẽ khoan vào xương hàm rồi cấy một con vít bằng thứ nhựa đặc biệt, rắn hơn xương. Xương người ta cũng không khác xương gà là mấy, chỉ sau một thời gian ngắn, xương sẽ liền chặt vào chân vít bác hiểu chưa? Tức là sẽ tạo cho bác những cái răng có chân. Chắc không kém gì răng thật. Đảm bảo bác lại nhai xương gà rau ráu.

- Được thế thì còn gì bằng. Phen này...

Vậy là anh nghiến răng đồng ý, mặc dù biết giá của những chiếc răng làm theo công nghệ mới này cực đắt.

♣♣♣

Những thông tin về quy hoạch khu công nghiệp, khu đô thị mới, việc đền bù, việc tái định cư và việc bán đất dịch vụ như những cơn gió nóng rát, ào ạt thổi về làng. Những thông tin này lúc được thổi phồng hết cỡ khiến người ta sôi sục, khi bị bóp méo, vo viên lại làm người ta chưng hửng, đứng tim...Giá của mỗi sào đất ruộng vì thế lên xuống khó lường hơn cả thị trường chứng khoán. Cả người bán lẫn người mua đều bị cuốn vào một sân chơi... mạo hiểm. Cái kết cục là kẻ thắng người thua hiển nhiên là một sự nhãn tiền. Mới từ Hà Nội về, vừa bước chân vào nhà đã thấy mấy chủ đất ngồi đợi sẵn. Thì ra họ đến để chuộc lại số ruộng đồng ý bán cho anh mà họ đã nhận tiền đặt cọc trước đây. Mới vắng nhà có mấy hôm mà làng như chiếc mảng trôi mãi về đâu không biết. Những chiếc răng với giá cả mà nếu không sống và ngập chìm trong cái không khí sục sôi về đất ruộng của làng thì chắc anh Luân khi nghe nói cũng chỉ biết lắc đầu, lè lưỡi... Và, cũng vì nó mà anh chợt loé lên cái ý tưởng "của ruộng đắp lên bờ". Các chủ đất đều chấp nhận trả lại số tiền gấp đôi tiền đặt cọc. Vậy là tự nhiên anh có trong tay mấy chục triệu đồng.

...Người viết truyện ngắn này đã có dịp ngồi uống rượu với anh trong một đám cưới con trai một người bà con trong làng. Ngồi cùng mâm với anh, sau khi cụng chén có người bảo:

- Giờ sướng nhất ông Luân. Đi uống rượu đâu không phải thủ sẵn cái kéo con trong túi. Răng chắc, nhai xương gà rau ráu thế này chắc phải đẻ thêm một thằng cu nữa chứ! Nào ta cạn.

Anh nâng chén rượu lên rồi lại đặt xuống. Cười buồn.

Chuyện anh Luân làm "cò" ruộng thì về sau cả làng ai cũng biết. Cả đời anh chỉ cắm cúi với ruộng vườn, ít va chạm, ít giao du. Thế mà bỗng dưng nảy nòi đi buôn "hàng xách". Chính cái "khôn" mà "lỏi" của anh nông dân đã gạt anh sang phía những kẻ thua trên sân chơi mua bán ruộng trong làng. Anh buộc phải bán ruộng nhà vì không thực hiện đúng cam kết. Và, cái ảo tưởng sẽ giàu lên nhanh chóng đã nướng mấy sào ruộng của anh vào những chiếc răng lẽ ra không cần phải tốn nhiều tiền như thế.

- Lúc không có răng còn có cái mà ăn. Giờ có răng rồi biết lấy gì để cho vào miệng (?).

Anh ngửa cổ uống cạn chén rượu như cố nuốt trôi sự đời đắng đót. Nghe anh nói mà buồn. Làng này anh Luân không phải là trường hợp hy hữu. Phần đa những người bán ruộng, chẳng chóng thì chầy cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ như anh.

TRIỆU VĂN ĐỒI

QUÁN MƯA

thơ

BÙI ĐỨC LONG

Cuối năm góc quán và mưa
chỗ thân quen ấy xế trưa vắng người
vẫn thanh âm cũ à ơi
vọng vang nào ấm đủ lời mải mê
ly còn một chút cà phê
lanh canh lại quấy ủ ê tiếng đời
miên man tới những phương trời
quắt quay tưởng nhớ tiếc thời nắng thơm.

Dường như phố bỗng rộng hơn
có người trú giữa đám đông
qua đường
mặc mưa xối xả mưa tuôn...

BÙI ĐỨC LONG

CHUYỆN ĐỜI CỦA MÁ

truyện ngắn

TRÚC LINH LAN

Đời của má là một quyển truyện buồn, má thường nói như vậy mỗi khi hai má con ngồi bên nhau làm mứt vào những khuya tháng chạp, hay lúc quết bánh phồng tôm để đón ngày tết. Má có nghề làm bánh phồng tôm ngon nổi tiếng, bánh ngọt có mùi tép thịt rất hấp dẫn, làm mồi nhậu là mấy ông nhậu tới bến luôn. Quê má ở vùng năng, lát nghèo xơ nghèo xác mà ai cũng thuộc nằm lòng bài hát " Du kích Long Phú" và mê giọng ca của nghệ sĩ Quốc Hương. Đã ngoài tám mươi nên má Thanh cũng giống như một số bà mẹ khác, thường sinh ra lẩm cẩm, thích kể lại cho con cháu nghe chuyện thời xa lơ xa lắc...

... "Hồi đó, thằng Long, thằng Phước vô bưng làm cái gì không biết mà cứ vài hôm ghé tạt qua nhà đưa tao và chị Út Đèo một bó giấy nói là truyền đơn bảo đem ra chợ rải, phát cho bà con để kêu gọi bà con cùng đồng lòng đứng lên cướp chính quyền, đọc những dòng chữ viết trong đó tao chỉ hiểu lờ mờ là nếu dân mình cùng đồng lòng nổi dậy đánh bọn Tây, đuổi nó được về nước thì dân mình sẽ hết khổ. Má cùng Út Đèo cho vô bụng nịt chặt lại, cũng nhờ hồi đó thằng đội Sum đang ve vãn Út Đèo nên chuyến nào cũng qua trót lọt. Sau Tây nó càn quá, bà con tản cư gần hết, má cũng theo ông ngoại ra ở đậu nhà ông Út tức giáo Lương. Thanh vừa nhồi bột vừa hỏi:

-Vậy má có theo ông Út học chữ không?

-Trước đó, má đã đọc chữ rành rồi, ngoại hay bắt má đọc chuyện tàu cho nghe hằng đêm, đến

nổi má thuộc lòng luôn. Về chỗ ông Ut má được học theo lớp, má học hết lớp nhất(lớp năm hiện giờ) đặng nghe.

-Vậy sao má bỏ nửa chừng?

-Theo học với ổng, ổng đánh mình dữ hơn các học trò khác nũa.

-Sao kỳ vậy má?

-Ổng nói con cháu trong nhà là phải giỏi hơn những đứa khác, mà má thì chậm lụt nhút nhát, ổng nạt một tiếng là điếng hồn chữ nghĩa trong đầu bay mất hết, thế là những lúc đó ổng càng tức thêm đét liền mấy roi quắn đít, chịu mãi thấy không êm, má kiếm đường rút, năn nỉ ông ngoại cho đi học may, thấy con gái thời buổi đó cũng không cần học nhiều nên ông ngoại đồng ý, còn ông Út mày thì chửi cho một trận."

Hồi còn nhỏ, mỗi lần về quê ngoại ăn tết, ghé qua nhà ông Út, Thanh thích lắm, được ngắm ngôi nhà to bề thế sừng sững giữa phố huyện trông nó hoách hoách thế nào ấy. Thuộc lớp cổ nho nên nếp nhà ông giữ nghiêm ngặt lắm, từ con cháu đến kẻ ăn người ở đều bắt phải ăn mặc tươm tất, sạch sẽ, gọn gàng. Nhà cửa lúc nào cũng lau chùi bóng loáng. Ông cố ngoại Thanh người Tàu còn bím tóc nên mỗi khi cúng kiến là lắm lễ, ngoài mâm bàn thịnh soạn, Thanh còn thấy nhiều đồ mã áo quần, giày dép cho ông bà, đặc biệt hai bên bàn thờ dựng hai cây mía lau, Thanh thắc mắc hỏi má, má bảo để ông bà dùng làm gậy chống đi về ăn tết với con cháu. Bọn trẻ nghe, lén nói với nhau: từ trời dìa đây cũng xa, dọc đường ông bà có khát nước, xước mía ăn cũng đỡ. Là con út nên ông giáo Lương chịu trách nhiệm phần hương hoả, ông ở căn nhà họ của ông bà để lại rất bề thế, năm gian lợp ngói âm dương, viềm cửa chạm khắc công phu, dàn cột tròn bằng gỗ mun có chạm khắc nhiều câu đối mạ vàng coi tôn nghiêm lắm. Chỉ có căn nhà họ là ở chợ huyện nên con cháu lên trọ học rất đông: con củ Bảy ở Hộ Phòng, con chú Ía ở Đại Ngãi, con bà sáu ở Cù Lao Dung…Đến dịp giỗ tết bà con hai họ xách gà, vịt, cá lủ khủ lên cúng tổ tiên. Những học trò của ông giáo Lương dần dần trưởng thành rồi theo cách mạng, nhà ông trở thành chỗ liên lạc của Việt Minh. Là người biết chữ Tàu lại giỏi tiếng Tây, ông được giao nhiệm vụ dịch, in ấn tài liệu tuyên truyền đường lối chủ nghĩa Mác cho lớp thanh niên yêu nước giai đoạn tiền khởi nghĩa. Má thì theo ông ngoại tản cư hết chỗ này đến chỗ khác, ông Út cằn nhằn- con gái hơ hớ tới tuổi gả chồng mà cứ bẹo qua bẹo lại trước mặt mấy thằng lê dương cho có ngày…-Ông ngoại con chỉ cười , vì đời ông ngoại thích tự do tự tại, ngao du kết bằng hữu đàm đạo qua ly trà chén rượu khắp nơi nên khó mà giữ chân lại được một chỗ, có bao nhiêu đất , ông hiến hết, cuộc sống của ông là "Tứ đại vai không", đến bây giờ người trong họ chết không có đất mà chôn. Má Thanh lúc đó hát đối đáp rất hay, những đêm trăng giã gạo, tiếng chày nhịp đôi nhịp ba lẫn tiếng cười giòn náo nức của đám con gái đang chờ đợi một câu hò gọi bạn của một anh chàng giăng câu nào đó trên sông, là đẩy xuồng bơi theo đối đáp có khi suốt cả đêm. Mỗi khi nhắc đến là má Thanh lại nói "Đấy là thời gian vui nhất của thời con gái mà má đã trãi qua". Gặp ba Thanh cũng là một kỷ niệm khó quên nhưng lại là một kỷ niệm buồn, mê giọng hò của má, ba Thanh cậy ông Út làm mối, nhưng gia đình bà nội Thanh thì rất khắc nghiệt nhất vùng Bảy Xào, chỉ muốn con dâu phải là người biết buôn bán, bởi vì bà quan niệm "Phi thương bất phú", nên không ưa vì má, má nghe nói cũng ớn, khi ba Thanh đến hỏi má đâu có ưng. Tức chí, ba Thanh đi coi mắt liền mấy chỗ khác nhưng cũng chẳng xong, cuối cùng ba Thanh mê cô đào Huệ, cô đào hát bội nổi tiếng, ba Thanh đòi cưới cho bằng được nếu không sẽ bỏ đi theo đoàn hát luôn, nội tức lộn ruột nhưng cũng phải chìu vì ba là con trai cả lại là con trai duy nhất, ai ngờ đến ngày cưới, cô đào cuốn gói theo anh kép chánh trong đoàn. Ba Thanh lại đến năn nỉ ông Út làm mai lần nữa. Trước sự kiên quyết của ông Út, sự nhiễu nhương của thời cuộc, má đành phải chấp nhận. Cảnh làm dâu của má thật là cơ khổ, cả nhà chồng ghẻ lạnh hắt hủi, tiền ba Thanh làm được bao nhiêu giao hết cho nội, có hôm cả nhà ăn hết cơm không chừa phần cho má còn phán một câu lạnh lùng: " Ở không, không làm gì ra tiền nhịn đói một bữa cũng chẳng sao". Má đành ôm cái bụng trống không mà đi ngủ, suốt cả đêm nó sôi sùng sục. Lúc má có thai Thanh thèm ăn miếng thịt, phải lén về ngoại xin tiền, nhưng má Thanh cũng cắn răng mà chịu đựng. Tin ba bị bắt vì tội tiếp tế cho Việt Minh, má rất sửng sốt không ngờ ba Thanh là người của phía mình, đến giờ má mới hiểu ra ba đi lính là để che mắt bọn Tây, chúng giam ba ở Chí Hoà, bà nội đuổi má ra khỏi nhà vì lý do:"Tại chú mày xúi con

tao, nên nó phải ngồi tù". Lúc đó, má gần đến ngày sinh nên cố năn nỉ bà nội cho ở lại sinh nở xong sẽ đi, bà nội không cho còn bảo cô tư quăng đồ má ra sân. Dì bảy Sĩ ở Mỹ Tho có chồng làm thư kí trong tòa bố chánh cảm cảnh tình mới kêu má lên cho cất nhờ cái chái bên hông nhà ở tạm. Sau khi sanh Thanh xong, chỉ mới một tháng má đã nấu khoai, nấu chuối một tay bưng, một tay nách Thanh dong ruổi khắp đường phố Mỹ Tho gom góp từng đồng vừa nuôi sống hai mẹ con vừa dành dụm thăm nuôi ba. Hôm nào ế là hai mẹ con ăn khoai, ăn chuối trừ cơm. Khi năm Thanh lên năm, Ba mới được thả, cả nhà lại đưa nhau về Sóc Trăng, ba xin vào nhà máy nước làm công nhân ghi chỉ số cho các hộ gia đình trong thị xã. Mỗi tháng tới ngày lĩnh lương, bà nội lại lên lấy tiền, má thì làm bánh bán nhưng chỉ đắt theo thời vụ, nên cả nhà luôn túng quẩn. Về già, ba Thanh lại trở nên khó và kỹ tính, đến lúc chết ông không hề uống của ai một ly cà phê nào, và dĩ nhiên người khác cũng chẳng ai được ông mời ly nước, ông nói là:trả qua trả lại mắc công. Món ăn ba thích cũng khác người, xôi vị phải có ngũ vị hương, bún nước lèo phải đậm mùi ngãi, rượu nếp than phải ủ tới ngày. Có lần, Thanh đi học về nhìn vào bảng treo ở góc học tập thấy dòng chữ to tướng của ba "Hôm nay nấu cơm nhão", Thanh vừa mắc cười lại vừa thương má. Để có thêm tiền, ngoài việc làm bánh má còn buôn ít quà bánh cho học trò, học xong về nhà là Thanh giúp má đạp xe ra chợ chở khoai, chở củ mì về cho má luộc, chiên... Thanh lớn lên chủ yếu là nhờ vào những đồng tiền lẻ nhăn nheo đầy mùi dầu mỡ và cả mùi mồ hôi của má.

Bà Hai cột xong mấy đòn bánh tét để qua rổ, nhìn con trai với cặp mắt đầy trìu mến:

-Xong bột chưa con?

-Rồi nè má. Thanh trả lời.

Một thằng nhỏ chạy vào, khều khều vào lưng Thanh kèo nhèo:

-Ba cho con một ngàn đi chơi điện tử, nửa tiếng hà.

Thanh nhìn con vẻ mặt nghiêm nghị nhưng lại hạ giọng.

-Nửa tiếng thôi nghen.

Lấy được tiền thằng nhỏ chạy cái vù, má Hai nhìn theo lắc đầu cười:

-Chả bù thằng cha nó hồi nẫm chơi toàn đất sét nặn trâu, ông táo, cà ràng...

Rồi tự nhiên bà chép miệng:

-Chẳng biết vợ chồng con Tú dạo này ra sao?!

Thanh buột miệng:

-Dì mất rồi má.

Bà Hai giật mình hỏi:

-Mất hồi nào?

-Chừng hơn tháng, vợ chồng con có đi đám.

Má Hai lại chép miệng:

-Thương số cô ấy cũng khổ, đàn bà mà gặp ba mầy có ai được sung sướng. Tội nghiệp, con gái nheo nhẻo vậy mà ổng cũng dụ xiêu lòng.

Lúc má trở dạ khó khăn lắm bà mụ mới đưa được Thanh ra và bà mụ cũng cho biết là má không thể sinh được nữa. Có lần ba nói ba muốn có thêm một đứa con gái nữa, tưởng nói chơi ,ai dè vài tháng sau ba đưa một cô gái bụng bự chảng về nhà, lúc đó Thanh thấy má buồn lắm nhưng cũng săn sóc nuôi nấng chu đáo đến ngày sinh nở, đúng như ước muốn dì sinh ra cho ba một đứa con gái, ba cưng như vàng như ngọc. Má nuôi dì cứng cáp rồi cho đi học may nhưng chỉ được vài bữa dì bỏ đi phục vụ cho quầy bar của người chị họ. Gái một con trông mòn con mắt, chiều chiều mấy thầy đội, thầy ký, thầy thông...ghé vào nhậu nhẹt trêu ghẹo. Ba Thanh ghen không cho đi làm nữa, dì cãi lại rồi bồng em Tú bỏ đi. Mất người vợ trẻ, mất luôn đứa con cưng, ba Thanh quẩn trí, càng trở tánh khó chịu hơn, cứ suốt ngày chửi rủa, bắt lỗi bắt phải vợ con chịu không xiết. Đi được một thời gian dì trở lại giao em Tú về Bến Tre lấy chồng, gia đình tạm ổn, bé Tú được cả nhà cưng

chìu cho ăn học đến nơi đến chốn. Dòng đời cứ thế mà trôi, má Thanh cứ âm thầm, lặng lẽ đi bên cạnh cuộc đời của ba. Đến ngày ba mất, má bán nhà dẫn Thanh lên Sài Gòn ở nhờ nhà cậu Tư. Đến nay đã hơn năm mươi năm, má không một lần về thăm nội, cảnh làm dâu đã in sâu trong tâm trí má không có gì làm mờ nhạt đi được- đến chết cũng mang theo- má thường nói với Thanh như vậy. Nhìn dáng mẹ khom gầy bên ánh lửa bập bùng của nồi bánh tét Thanh cảm thấy ngậm ngùi:

-Qua tết đến ngày thanh minh con đưa má về Long Phú tảo mộ ngoại.

Bà Hai lắc đầu:

-Thôi má già rồi, đi xe đường dài mệt lắm, mắt mũi lại kém nữa mắc công bận lòng con cháu.

Má là vậy luôn chịu đựng một mình vì sợ phiền người khác.

-Má không đi, rồi biết những năm tới con có đưa má đi được nữa hay không?

-Thì vợ chồng mày dẫn thằng cu Mèo mỗi năm lên đây ăn tết với tao.

Suốt cuộc đời Thanh là một thằng con bất hiếu, chưa hề nuôi mẹ một ngày, chỉ có mẹ nuôi anh mà thôi, nuôi ăn học, lo tiền chạy chọt cho làm văn phòng khi bị bắt lính, rồi đi học tập hơn hai năm...bao nhiêu tiền bạc má dành dụm chăm chút cho ba và Thanh mà cạn kiệt dần. Vậy mà đến khi lập gia đình Thanh cũng không ở gần được má, vợ Thanh cũng là một đứa con dâu có hiếu và hiểu rõ cảnh đời của má nên đã bao nhiêu lần bàn với chồng đưa má về Cần Thơ sống chung, nhưng lần nào vợ chồng Thanh mở lời bà cũng lắc đầu từ chối, năn nỉ mãi không được cũng đành chịu. Mỗi năm Thanh cùng vợ dẫn con về thăm má hai lần vào dịp Tết và nghỉ he. Cuối năm nay, Thanh bịnh rề rề, bài viết gởi đăng không nhiều, bà xã lại lỉnh lương trễ, thằng cu Mèo thì đang háo hức muốn về thăm nội để được thưởng thức những món đặc sản của bà, đồ đạc nó đã chuẩn bị từ hai ngày trước, hai vợ chồng cứ ra vào nhìn nhau bồn chồn, thằng con lâu lâu lại giục:

-Hôm nay đi chưa ba?

May đến chiều tối có đứa em vợ ghé qua, thấy vậy cho mượn một triệu đồng, cha con Thanh liền đáp ngay chuyến xe khuya lên thành phố. Hai mẹ con lại có dịp trò chuyện miên man về một vùng đất chỉ còn trong ký ức...

Nước đã réo lên trong nồi, Thanh tiếp má bỏ bánh vào, xong cán bánh phồng xếp ra vĩ phơi. Con hẻm vòng qua bờ rạch cạn đủ khơi dòng hồi ức của má, trước nhà là một khoảng đất trống và cây mận già để cứ mỗi chiều má ra quét lá, ánh mắt xa xôi trông về quê cũ mỗi khi đến những ngày cuối đông. Ở thành thị, thời buổi này trên thị trường tết cái gì cũng đều làm sẵn nếu có tiền là mua về dùng ngay: kẹo, mứt, kiệu, chả, bánh phong, bánh tráng, rau, quả...Nhưng má năm nào cũng vậy, bánh tét và bánh phồng là má tự gói và làm lấy. Má lựa nếp, lựa đậu, rọc lá, chuốt dây...gói từng đòn bánh thật đẹp, thật ngon, cán từng cái bánh phồng khi nướng lên cắn vào nó giòn tan đậm mùi tép thịt. Được làm điều này hàng năm là niềm vui riêng của má, niềm vui còn lại mà má dành chăm chút cho con cháu trong gia đình cũng như cho người đã khuất, đó cũng là một chút tình cảm quê hương Long Phú má giữ lại trong lòng mình, những lúc đó Thanh thấy má dường như trẻ lại. Bên ánh lửa bập bùng trông má hồng hào tràn đầy sức sống. Thằng cu Mèo phụ nội xách nước châm vào nồi bánh, ôm thêm củi, nằm trên đùi ba ngồi cạnh nội nghe kể chuyện đời xưa.

Đời má đã dạy cho Thanh rất nhiều kinh nghiệm sống, nhất là tính bền bỉ, nhẫn nại và trên hết là sự bao dung. Chính hình ảnh má là bông bần, bông mận, trái ổi xanh, trái cóc hầm...anh gửi gắm trong thơ mình. Gió thổi xào xạc mang theo cái lạnh của tiết đông hàn. Thanh vào nhà lấy áo ấm cho hai bà cháu. Mùa xuân đang ở phía trước dang đôi cánh yêu thương ôm choàng lấy căn nhà hạnh phúc.

Mùa Xuân 2005

TRÚC LINH LAN

NGÀY THÌ TỐI ĐÊM THÌ SÁNG

truyện ngắn

NGUYỄN LỆ UYÊN

Tiếng còi xe toe toe ngoài ngõ. Âm thanh nửa như reo nửa ngập ngừng.

Ở cái xóm nhỏ này hiếm khi nghe tiếng còi xe, hiếm khi có chiếc xe nào trờ tới, can dự chi tới mình. Nghĩ vậy, ông tiếp tục cắt tỉa cây sanh bám ngang trên mặt đá hòn non bộ góc sân. Cây sanh ấy là chút kỷ niệm nhỏ lúc ông làm tổ trưởng tổ cộ bò cho hợp tác xã. Lúc đội của ông kéo lúa nhập lên tổng kho, trong khi chờ đợi giấy tờ, biên bản, ông tha thẩn ra phía sau hàng rào và nhìn thấy cây sanh nằm lăn lóc bên bãi rác. Cây sanh bám trên cục đá vôi, ngã soài theo thế bạt phong. Ông thấy tiếc, thấy đẹp và đưa nó lên thùng cộ mang về. Mang về và đặt trong bể nước có hòn giả sơn từ thời ông nội để lại. Một hòn đá chết và một thân cây sống đu bám nhau tiếp tục sống như thể ai đó mang một hòn núi nhỏ đặt vào bể nước!

Tiếng còi lại bin bin. Người đàn ông mở cửa bước xuống, người phụ nữ bước tiếp theo. Lúc ngoái nhìn qua bờ giậu thưa, ông thấy cả hai đều trong tư thế lom khom, như từ hang đá chui ra. Con Bo và con Bô thấy bóng người chạy vụt ra, bấu hai chân trước lên cổng gỗ sủa gắt. Người phụ nữ bấu tay vào người đàn ông, vẻ sợ hãi. Ông đứng dậy, trên tay vẫn còn cầm chiếc kéo cắt cành bước ra cổng. Ông trố mắt nhìn người đàn ông. Vừa lạ mà cũng hơi quen quen, không nhớ nổi là ai. Trí nhớ cạn dần theo tuổi già chồng cao. Ông mở cổng. Người đàn ông lao tới ôm chầm hai vai, bấu riết:

-Trời, anh Sáu, anh không nhớ em?

Ông xô người gọi mình là anh Sáu ra, nhìn sát mặt người lạ mấy giây, rồi tự mình ôm chầm lấy người đàn ông, chỉ kêu được mỗi một tiếng "chú!".

Lúc này người đàn bà mặc váy ngắn, tay xách bóp đầm cũng lao tới, kêu "anh Sáu!" rồi choàng tay ôm cả hai người đàn ông. Cả ba như khối đá vôi trong bể non bộ. Hai con chó thôi sủa, đứng nhìn ba người dính cục lại với nhau, miệng há ra, lưỡi thè dài, đung đưa. Ba người trong tư thế không rời nhau, bước thấp bước cao, bước qua lối đi nhỏ đầy gạch bể lởm chởm và cỏ dại, vào nhà. Hai con chó lủn củn chạy theo sau vẫy đuôi đón khách.

Khi cả ba đã yên vị quanh chiếc bàn mộc ngoài hàng ba, chủ nhà mới lên tiếng:

-Mấy chục năm vợ chồng chú biệt tăm biệt tích?

-Sau khi đón vợ con qua, em có biên cho anh tới năm lá thơ mà không thấy hồi báo. Em có hỏi mấy người đồng hương nhưng không ai biết anh, nghĩ chắc anh cũng bỏ xứ mà đi.

-Thơ gởi về đây thì chắc không đến tay rồi. Mà có đến, địa phương cũng không cho nhận.

-Kỳ lạ vậy?

-Họ sợ liên hệ với nước ngoài - nói và ông phẩy tay.

Người đàn bà bây giờ mới lên tiếng:

-Chị Sáu khỏe không? Mà đi chợ hay ra đồng, không thấy chị?

Chủ nhà nhìn sâu vào gian thờ, lặng lẽ rót ra hai ly nước nấu sôi để nguội, đẩy ra trước mặt hai người, giọng ngùi ngùi:

-Bà ấy mất bốn năm nay. Ung thư phổi. Bệnh viện ghi là "lao lực quá sức, suy dinh dưỡng, điều trị không đúng phác đồ".

Chủ nhà vừa dứt câu, hai người khách mặt xàu xuống như tàu chuối héo, rồi lần lượt kẻ trước người sau đứng lên, bước chậm vào gian thờ. Chủ nhà xô ghế đứng lên theo. Ông biết phải làm gì trong giây phút này, liền lấy hộp quẹt trong túi, vặn cao ngọn đèn, mấy cây nhang cũng lật bật run rẩy khi chủ nhà đưa lên đốm sáng trên chiếc tim đỏ quạch. Muội đèn và khói nhang cuộn lại, bay một vòng rồi hạ thấp theo bàn tay đen xạm, nhăn nheo những da và đường gân chồng chéo. Hai người khách đỡ lấy mấy cây nhang. Họ cúi đầu lâm râm. Người đàn bà mặc áo bà ba được thợ hình tô màu lại, từ khung kính nhìn ra, có vẻ như cảm ơn sự thành kính, trân trọng, mở một nụ cười vừa phải với họ, cũng có thể cố moi trí nhớ coi hai người kia là ai? Chủ nhà đứng một bên, lòng thấy chùng xuống.

Lát sau, những cây nhang được cắm vào lư hương. Đôi mắt người đàn bà trong khung kính như dán vào những đốm sáng đỏ trên đầu những cây nhang. Đôi mắt ấy hút những cuộn khói bay về phía khung kính. Cả ba nhìn sững hồi lâu trước khi trở ra bàn ngồi.

-Đúng là dâu biển - Khách kêu lên khe khẽ.

Dâu biển thiệt. Mới đó mà đã gần ba chục năm. Ba chục năm còn mất, có không như chuyện đùa kể trên đầu môi. Ông khách ngồi trước mặt bên kia bàn cùng người vợ chính là thằng Cán, nhỏ hơn ông tới nửa giáp. Sau khi mãn tù cải tạo về, nó và ông rủ nhau mò vào rừng đốn củi kéo về bán cho các lò gạch tư nhân, lò nấu rượu lậu. Làm ăn mới phất lên chút đỉnh định sửa căn nhà méo xệch, thì tất cả đều bị lùa vào hợp tác xã, giống như người ta lùa bầy vịt vào mành quây.

Ruộng đất, tư liệu sản xuất đều xung vào tập thể. Đôi bò của ông và thằng Cán cùng nhiều nông dân khác đều bị hóa giá với cái giá bọt bèo, đủ để mua chui nhủi vài chục cân thóc, rồi giao lại chủ cũ chăm sóc. Đôi bò đã có chủ mới. Mà chủ mới kia lại là một đống người ngồi chồng chéo trong ban chủ nhiệm cùng với tất thảy những xã viên, nôm na gọi là bò hợp tác xã. Có hàng trăm ông chủ dòm ngó vào, khen chê bình phẩm đủ điều, đến cả con bò hình như cũng cảm thấy nhồn nhột ở đuôi chứ chưa nói người chăn giữ. Nhiều lúc nhìn đôi bò của mình chỉ trong phút chốc biến thành của tập thể làm ông ứa nước mắt, lòng thắt lại.

Hết mùa cày bừa, cái tập thể kia chỉ định đi kéo gạch mộc, kéo củi cho lò gạch hợp tác, kéo lúa về kho... Quay tròn như chiếc chong chóng, tối tăm mặt mũi cũng chỉ đủ nuôi mấy cái miệng há ra như bầy chim đói mồi. Lúc thành lập các tổ đội sản xuất ông được đám giữ bò bầu làm chức đội trưởng, phân công điều hành ba sáu chiếc cộ. Ông giữ chức này không phải ba bốn đời hành nghề kéo cộ nhưng ông có chút chữ, vốn là anh giáo làng, hiền lành, biết tính toán, phân công cho anh em. Làm đội trưởng cũng phải làm việc như ai, chứ không phải ngồi trong căn nhà gạch chỉ chỏ, ra lệnh, nên chỉ thêm được vài chục ký lúa gọi là "phụ cấp chức vụ". Cũng chẳng sao. Công sức mình bỏ ra chứ không đi ăn cắp của ai. Và ông nhận lời. Đám xã viên cộ bò trong đội ông, coi lại toàn là những anh lon ton trong chế độ cũ: lính nghĩa quân, lính địa phương, nhân viên tùy phái trong công sở, mấy anh nhà giáo bị động viên, một số ít khác tự hủy hoại thân thể để trốn lính. Giờ này tất cả đều phải vịn đuôi bò mà sống. Biết thân biết phận, không ai ca thán.

Nhớ lại, sau ngày đi cải tạo về, vợ ông lục đáy rương còn 8 chỉ vàng y, bàn với ông:

"Nghe nói vàng sẽ bị nhà nước tịch thu hay đóng dấu gì đó. Có giữ lại phòng thân cũng không ổn, chi bằng đem đổi đôi bò về cày bừa, hái củi, kéo trấu cho người ta tráng bánh, có đồng ra đồng vô để nuôi con và cha mẹ già".

Ông nghe phải, liền xách tám chỉ vàng nhờ Cán đi tìm bò. Khoản này nó giỏi hơn ông nhiều. Nó biết coi răng lưỡi, coi đuôi, tướng mạo cày hay, hay trở chứng và nó chọn đôi này. Đôi bò tơ, to đẹp người ta đồng ý đổi lấy năm chỉ. Ông mừng, lùa đôi bò về. Thấy bò vợ ông cũng mừng, con ông cũng thế. Riêng cha ông đứng trong hiên nhìn ra lắc đầu, cái lắc đầu chán nãn, mệt mỏi và thất vọng.

Cán phụ ông dựng chuồng tạm, trồng nọc rơm. Hai anh em thân nhau thành đôi, chăn bò trên các nghĩa địa, soi cỏ ven sông những lúc không phải ra hợp tác. Nó lại chỉ dẫn ông cách cho ăn uống, tắm táp. Nhờ chút kinh nghiệm nhỏ, đôi bò cứ phình to lên như những con bò mộng trong đấu trường.

*

Ngày Cán lấy vợ không vui như trước. Đám cưới được tổ chức trong gian phòng nhà hạnh phúc ở thôn với cờ xí, khẩu hiệu treo kín tường. Hai họ và bạn bè ngồi hai bên dãy bàn dài với những ly nước trà cám, kẹo nổ, cốm vắt làm từ đường đen trộn với bột gạo, sắn... Phía trên cao là lá quốc kỳ, ảnh lãnh tụ nhìn xuống. Những cục kẹo như những viên sỏi ngọt, khách khứa cố cho vào miệng để chung vui, trong khi đoàn thanh niên đứng ra đọc lời chúc mừng cô dâu chú rể: "chung sống để góp tay vun xới cho hợp tác xã giàu mạnh, để mọi người dân đều trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa... tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Tiếng vỗ tay lốp bốp, rời rạc. Hai họ uể oải đứng lên. Cô dâu chú rể nắm tay nhau đứng lên. Vậy là họ chính thức thành vợ thành chồng, chẳng cần tổ tiên ông bà chứng giám gì ráo trọi, vì đã có người trên cao chứng rồi.

Ông Chấn, cha Cán không chịu cảnh nhục nhã đó. Ông nói nhỏ gì đó vào tai anh sui gia. Hai họ không về hướng về nhà mình mà qua truông tre tạt vào nhà ông. Hai trẻ đều mặc bộ bà bà đứng trước bàn thờ, vái lạy ông bà sau khi ông Chấn và ông sui gia thắp hương khấn niệm. Họ làm thật nhanh rồi quay ra nhà sau. Hai chiếc bàn tròn kê phía chái nhà, phía sau là hàng rào tre ken dày,

nghĩ là không ai thấy. Hai con gà nấu cháo xé phay và mấy tô thịt heo chỉ thấy mỡ trắng hầm măng tươi chặt trong vườn nhà được bày ra. Tất cả chỉ có vậy. Hai họ ngồi vào bàn với vẻ mặt lấm lét như đang đi ăn vụng. Không nghe tiếng nói cười. Chỉ lặng lẽ như thể đang dự một đám tang.

Ông Chấn nước mắt giọt vắn giọt dài, mắt đỏ hoe nhìn anh sui gia sụt sùi:

"Cái thời bắt phải thế, chớ vợ chồng tôi đâu nỡ nhìn cảnh này. Cũng có một chút gọi là..." - Nói và ông khóc. Mọi người bùi ngùi ngồi xuống như cảnh ăn cơm tù.

Tan tiệc, mạnh ai về nhà nấy. Riêng ông Chấn, sáng hôm sau có hai anh du kích vào nhà mời lên thôn. Ông thôn trưởng tuổi bằng thằng Cán, nhưng trông oai vệ như những anh vệ quốc quân thời đánh Pháp. Chiếc nón cối màu cứt ngựa đặt cạnh mép bàn, bên này là chiếc sắc cốt, chồng giấy tờ trước mặt. Bộ áo quần kaki và đôi dép râu không làm anh ta oai phong lên mà có vẻ khôi hài bởi vẻ mặt non nớt, trên mép có chút râu lún phún.

*

Ông trưởng thôn xuất thân là anh đánh xe ngựa, một bên chân bị tật bẩm sinh nên không phải vào lính. Anh ta xuôi ngược từ thị xã lên các vùng trung du chở nông thổ sản, cá mắm. Có lúc người ta nghi anh tiếp tế cho Việt cộng, bắt giam mấy ngày để hỏi cung nhưng không lần ra tang vật, lại phải thả ra. Bước ra khỏi trại tạm giam anh cười khẩy: "Mẹ cứt, tụi liếm gót giày đế quốc".

Người du kích chỉ ông ngồi xuống chiếc đẩu trước bàn trưởng thôn. Ông Chấn chưa kịp chảo hỏi thì được nhận ngay một tràng giáo huấn phủ đầu: "Ông khai đi. Ông tưởng cách mạng, nhân dân không biết việc làm của ông sao? Đấy là hành động chống đối lại chánh sách cách mạng. Thử hỏi ông, gà heo là của hợp tác xã, tức là của nhân dân. Ông lấy đâu ra những thứ đó để tiệc tùng nếu không phải là ăn cắp? Cách mạng đã dẹp bỏ những hũ tục cưới xin. Ăn uống tiệc tùng tức là ăn uống mồ hôi nước mắt của nhân dân, là bóc lột nhân dân, ăn cắp của nhân dân...". Hắn ta nói nhiều. Tai ông ù lên, mắt hoa. Nước mắt ông chảy dài. Phải chi ông là tên ăn cắp thứ thiệt, đằng này con gà nhà ông nuôi trong vườn lại biến thành con gà của nhân dân. Bà con chòm xóm góp tem phiếu để ông mua hai ký thịt lèo nhèo những mỡ đãi họ gái thì gọi là bóc lột nhân dân. Cái mụt măng nấu lẫn với thịt heo kia, nếu nó biết nói hẳn sẽ kêu lên rằng nó là chút chít từ thời ông cụ kỵ tằng tổ gì đó trồng chớ có thấy nhân dân nào thọc tay vô đâu? Nhưng giờ ông trưởng thôn đã nói vậy thì phải cúi đầu nghe theo. Ông trưởng thôn là đại diện cho nhân dân, mà nhân dân là cách mạng, cách mạng không có tay chân hình hài nhưng là cái bóng to lớn bao trùm cả bầu trời này! Ông không nói được. Ông khóc.

Trưởng thôn ngó sát mặt ông: "Như vậy là ông đã nhận ra tội lỗi, biết ăn năn. Khóc tức là ăn năn hối cải về những lỗi lầm tự mình gây ra, tức thị trước đây chưa giác ngộ, tư tưởng chưa thông... Ông ngồi viết bản kiểm điểm đi".

Trong khi người cha ngồi ở trụ sở nhân dân thôn viết kiểm điểm thì Cán đã đánh cộ bò ra sân kho chuẩn bị chở lúa về nhập kho. Ba sáu chiếc cộ sắp ngay hàng trên nền gạch sân kho giống như những cỗ xe tăng trong lễ duyệt binh. Chúng nghếch hai chiếc sừng cong hướng về phía kho trung tâm, mõm đưa qua đưa lại như đang ôn lại bài hát quân kỳ chút nữa đây sẽ cất lên.

Khi ba sáu chiếc cộ bò đã chất đầy những bao lúa căng phồng, tổ trưởng ký biên bản giao nhận và ra lệnh đoàn cộ lên đường, thành một hàng dài thẳng tắp, kéo về kho chính của hợp tác cách đó không xa lắm.

Tổ trưởng cũng là xã viên như ai, không phải kẻ "ngồi mát ăn bát vàng", vì vậy tổ trưởng cũng kê vai đỡ đủ hai mốt bao lúa nặng hàng tấn, ì ạch vác vào kho. Khốn nỗi, thân ông thì gầy còm, thấp nhỏ nên bao lúa trên vai không với tới những tấm ván chặn trước cửa kho. Mấy lần ông suýt ngã

quỵ. Lại thằng Cán phát hiện trước tiên, nó kêu lên "anh Sáu! Để đó cho em". Tiếng la của nó như tiếng hô xung phong khi tiến chiếm mục tiêu ngoài mặt trận khiến ông sững lại, bao lúa nặng trên vai đang đưa tới bỗng bị dừng bất ngờ làm cho vai ông sụm xuống, té nhào. Anh em đỡ ông dậy. Cán kêu anh ngồi nghỉ, để tụi em. Cán hì hục lôi đủ hai mốt bao lúa lên tít đọt cao rồi xổ ra. Nó lại gom tất cả các bao rỗng bỏ vào thùng cộ, kéo anh Sáu đứng lên đánh bò về.

Cán không về thẳng nhà mà rẽ vào nhà anh Sáu, giúp mở bò dắt vào chuồng, rút rơm cho vào máng, lại ra giếng xách nước đổ vào thùng. Lúc nhìn thấy chị Sáu cầm những bao rỗng trên tay, nó hấp háy cười cười. Ông không hiểu chuyện gì. Đến khi vợ ông kêu lên:

"Sao lúa còn trong bao nhiều dữ vầy?".

Ông quay lại nhìn Cán, nó tỉnh bơ:

"Là em để lại. Thằng cha nào khi nhập kho cũng nắm lấy hai đáy bao và giữ lúa lại. Tội nợ gì anh. Của nhân dân mà".

"Các chú làm như vầy bao lâu rồi?".

"Chuyến nào cũng có".

"Là ăn cắp của xã viên?".

"Anh thông suốt đường lối chánh sách, nắm vững cái nhân dân khổng lồ rồi đó" - Nói và Cán nở nụ cười thật rộng - "Anh chưa biết đâu, cách đây bốn hôm, thay vì kéo thẳng về kho, thằng Tổng đánh bò chạy thật nhanh và trút cả cộ vào nhà ông phó chủ nhiệm đó. Còn trước nữa thì có trời biết đã có bao nhiêu cộ lúa vào nhà ông chủ nhiệm, kế hoạch, kiểm soát... Mỗi cộ như vậy cũng trên dưới hai tấn chứ ít sao anh, của nhân dân mà!".

Nghe giọng nói thong thả, đều đều của thằng em lối xóm, tự dưng đầu ông đau nhức như búa bổ. Kiểu này thà ông bán bò, bán cộ ra đồng cắm mặt xuống bùn sình coi bọ đỡ xấu hổ hơn. Ông nổi giận thiệt tình, giận dữ đập tay xuống bàn:

"Chú mang số lúa kia đi đi".

Cán hỏi lại:

"Mang đi đâu, anh?".

"Tôi không biết. Chú mang ra khỏi nhà tôi ngay".

Cán lẳng lặng đứng lên, ra sân gom hết số bao quăng lên cộ mình rồi đánh bò đi, không thèm nói tiếng phải trái với ông.

Ba ngày sau, ông lên ban quản trị hợp tác, nại cớ đau bệnh, giao cả bò lẫn cộ cho người khác, mặc dầu ông tiếc đứt ruột.

Suốt mấy ngày liền Cán không dám tới nhà anh Sáu. Tổ cộ bò cũng không thấy kế hoạch phân công vận chuyển. Cán nằm nhà giỡn với cô vợ trẻ trong thời kỳ đầu mất kinh. Cán xoa xoa bụng vợ qua lần vải áo: "Em đẻ cho anh một thằng nhân dân thiệt ngộ nghen". Cô vợ thốt lên "con nít". Hai người vít đầu nhau muốn hôn nhưng không dám, vì lúc đó đang đứng giữa vườn trống. Cán buông vợ ra, nói: "Để anh qua nhà anh Sáu coi sao, với lại tối nay kêu ảnh ra rừng dương kéo cành lá khô cho lò rượu ba Dinh kiếm ít đồng".

Cán thập thò ngoài cổng một lúc mới dám bước vào. Anh Sáu đang lui cui chẻ lạt ở đầu hiên nhìn thấy nó nhưng giả lơ. Cán xán tới, ngồi bệt xuống đất:

"Thôi mà anh Sáu, giận chi em".

Im lặng.

"Tụi ngồi trên ban quản trị đứa nào cũng nhân danh nhân dân. Thơm tho lắm, nhưng thằng cha nào cũng tham. Tụi em phát hiện cái cân bàn rồi mới dám làm. Tay thủ kho hễ xuất lứa thì mở nắp hộp cân bỏ vài cục sạn nhỏ trước khi cân; còn nhập vào thì hộp quả cân trống trơn. Số lúa thừa trong kho ai ăn? Lúa nhân dân mà. Chia nhau. Chia nhau hết. Khỏe ru. Bởi vậy thằng Tổng mới dám kéo lúa về thẳng nhà phó chủ nhiệm chớ. Mà phó chủ nhiệm ăn thì không lẽ chủ nhiệm ngồi nhìn. Của nhân dân, nhân dân ăn tuốt. Khỏi lo".

Anh Sáu gát cán rựa lên chiếc đòn kê:

"Chú chớ có nói những chuyện đó với tôi. Tôi không muốn nghe nữa"

"Thôi bỏ. Nhưng tối nay em có mánh. Là xuống rừng dương kéo vài cộ lá cành về cho mấy lò rượu lậu. Họ đặt hàng rồi. Anh đi với em?".

"Không, chú đi đi. Tôi giao cả bò lẫn cộ cho hợp tác rồi" - Anh sáu vùng vằng, trong khi Cán mặt tái đi, vì lần đầu tiên Cán nghe nói anh Sáu giao lại cả cộ lẫn bò. Cán không dám nhìn ra chuồng, không nói thêm lời nào nữa, lặng lẽ đứng dậy ra về, không chào.

*

Vợ Cán từ nãy giờ cứ nhìn sững vào mặt anh Sáu cố giấu lòng thương cảm xót xa với người ngồi đối diện, lúc này mới lên tiếng:

-Chị mất rồi anh sống thế nào? Còn mấy đứa nhỏ đâu không thấy?

Ông thở đánh sượt, giọng kể lể:

-Từ ngày vợ chồng chú biệt tích, tôi giao bò giao cộ cho hợp tác ra đồng như những xã viên khác. Làm cật lực cũng chỉ đủ nhét mấy cái bao tử khỏi sôi réo. Hai thằng con thấy cảnh khó khăn, túng bấn vừa cố học vừa phụ giúp cha mẹ, nhưng cũng chỉ như "gió vào nhà trống". Được cái chúng học giỏi. Thằng trước thi đậu vào đại học, giấy gửi về địa phương, bốn tháng sau mới tới tay, coi như trễ. Năm sau nó lại thi đậu lần nữa, cũng vừa đúng lúc có giấy gọi đi nghĩa vụ. Lại mất hai năm. Lại thi, lại đậu nhờ nó khôn ra, ghi địa chỉ ở nơi khác dưới thị xã. Cầm tờ giấy báo đỗ, nó mừng như người chết sống lại, mua vé xe đi ngay vào trường. Nhưng khốn nỗi, địa phương không chịu cắt khẩu về trường, nói là "thi lậu". Vợ tôi lại lục dưới đáy rương lấy ba chỉ vàng cuối cùng mang xuống xã đút lót, nài nỉ mới êm. Thằng sau may mắn hơn, không còn cảnh trù ẽm như trước. Cả hai giờ làm trong Sài Gòn.

Cán cắt ngang:

-Anh sống một mình, xoay trở làm sao?

-Chừng này tuổi, có còn nhu cầu gì nữa đâu chú. Con cái thành đạt tôi mừng.

-Em nghĩ anh vào sống với các cháu là ổn nhất - Vợ Cán nói.

-Chúng có vợ con, có căn nhà nho nhỏ trong đó rồi, tôi không còn bận tâm, lo lắng gì nữa. Nhưng bỏ chốn này vào với chúng thì tôi không thể. Cô chú biết đấy, nhà cửa của cha mẹ là nhà cửa của con cái, nhưng nhà cửa con cái không phải là nhà của cha mẹ. Rồi tiền bạc của cha mẹ cũng là tiền bạc của con cái, và ngược lại thì không phải của cha mẹ. Cô chú có con cũng hiểu chuyện đó mà.

Ông im lặng hồi lâu mới ngập ngừng hỏi Cán:

-Chú nói tôi nghe, cái hồi vợ chồng chú kêu đi kéo rác dương đó là chú rủ tôi đi vượt biển?

Cán cười nhưng nụ cười không tròn:

-Suýt nữa chết mất xác. Bữa đó vợ chồng tôi đánh cộ ra khu Long Hà, nơi vắng nhất chỉ vì sợ kiểm lâm bắt được thì chết. Không ngờ khi tới nơi, sát mé biển hai vợ chồng đi cào rác. Cào được phần cộ thì gặp đống rác lớn như của ai để sẵn. Vợ tôi nói của người ta dừng đụng tới. Còn tôi thì nghĩ, của nhân dân, tội nợ gì và cào bừa. Cào hết lớp rác mặt thì đụng ngay những can dầu chất đống. Tôi giật mình, nhưng muộn rồi. Mấy thanh niên từ phía rừng dương dày bịt xuất hiện. Đêm tối nhờ nhờ không nhìn thấy mặt. Cả mười mấy người ập đến, áp vợ chồng tôi vào gốc dương, dùng khăn nhét vào miệng. Một toán khác đứng phía xa thầm thì gì đó. Cuối cùng thì nghe tiếng lộp bộp khua nước và tiếng sóng. Một toán giữ chặt chúng tôi, toán kia chuyển những thùng dầu đi. Tôi hiểu ra tất cả. Họ làm rất nhanh. Loáng một cái số can dầu hết sạch. Lúc này có tiếng hỏi: "Xử trí sao đây anh Hai?". Người kia trả lời: "Theo phương án ba". Nghe vậy tôi nghĩ chắc cả hai sẽ chết hoặc chí ít cũng bị cột chặt vào gốc dương trước khi có người phát hiện. Người được gọi là "anh Hai" tiến lại chỗ tôi, dùng tay nhét chặt hơn chiếc khăn vào miệng, ôn tồn: "Anh chị thông cảm. Sự thể như thế này thì không có sự lựa chọn nào cho anh chị cả. Anh chị cùng lên tàu với chúng tôi, mặc dù chúng tôi biết anh chị không muốn như thế. Còn thả anh chị ra lúc này rất có thể tụi tôi bị bắt ngay khi mới ra cách bờ vài hải lý. Lúc này không thể tin ai nổi. Anh chị thông cảm. Thôi sống chết đều có số cả. Lên tàu. Sống cùng sống. Chết cùng chết". Nói và ông ta hất đầu ra hiệu cho toán người đẩy vợ chồng tôi xuống bãi và lên tàu... Vậy là từ anh kéo cộ bò bỗng trở thành kẻ phản bội, chạy theo đế quốc... rồi thành Việt kiều yêu nước...

Nói xong Cán ngửa mặt cười ha hả, cười đến chảy nước mắt.

- Cô chú biết không, sự mất tích đột ngột của cô chú khiến cả xã, cả huyện như đang ngồi trên đống lửa vì mất thành tích an ninh chính trị địa phương. Đủ mọi thông tin và thông tin chắc chắn nhất là cô chú vượt biển khi công an tìm ra manh mối chiếc cộ bò gần đó cùng mùi dầu trên cát. Họ rần rần tới nhà chú tra hỏi ông bà cụ cùng bằng chứng cả đám người dưới phố đi đêm đó, nên ông bà bị đuổi ra khỏi nhà, tịch thu theo diện con cái bỏ trốn ra nước ngoài, giao lại cho tay phó thôn phụ trách an ninh. Hai ông bà uất quá sinh bệnh, chết cách nhau vài năm. Cả xóm tới lo hậu sự mà lấm la lấm lét như đi ăn trộm. Thật tội nghiệp.

Cán bật khóc, vợ Cán cũng khóc mùi mẫn:

- Vợ chồng em có tội với ông bà cha mẹ. Một lần ruộng đất của cải phải hiến cho nhân dân. Lần sau lại bị mất nhà cửa vào tay nhân dân. Mệnh số chi mà lạ lùng như vậy? Lần này vợ chồng em về xin trú tạm với anh mươi ngày để lo xây phần mộ cho ông bà cụ, coi như để trả nợ hiếu nghĩa cho cha mẹ. Anh giúp em lần này.

- Nghĩa tử là nghĩa tận. Thôi, cô chú đừng khóc nữa. Cứ tạm tin vào cái số đi. Nghe việc này, tôi chắc hai bác nở nụ cười tươi nơi chín suối. Đúng ngày thì tối thui mà đêm thì lại sáng trưng.

NGUYỄN LỆ UYÊN

NỤ CƯỜI RƯNG RƯNG

truyện ngắn

VÕ HỒNG

Ngày 1 tháng 6 cây phượng trước sân trường nở những đóa hoa đầu tiên, rực rỡ như những nụ cười màu đỏ. Thật không ai ngờ một cây phượng lại có thể ra hoa sớm như vậy. Nó mới lên được một tuổi rưỡi thôi, chính tay thầy Hiệu trưởng trồng vàp mùa Đông năm 1975 và tự tay thầy tưới nước hàng ngày. Và ngày nay mới đầu Hè 77.

Hoa phượng là báo hiệu của mùa Hè, mùa chia tay.

Hồi học lớp 5, lớp 6, lớp 7, lớp 8 mỗi năm chúng tôi nhắc lại nhận xét đó một lần khi trao cho nhau quyển lưu bút. Thực tế thì hồi đó chúng tôi chỉ nói theo thói quen, một thứ sáo ngữ, một lối thậm xưng. Phải sang đến lớp 9 chúng tôi mới cảm thấy thật sự bâng khuâng khi nghĩ rằng sau mùa Hè chúng tôi phải phân tán mỗi đứa một nơi. Cỡ 30 đứa có thể đậu vào lớp 10. Chia ra các Ban, chia ra các lớp thì hy vọng có chừng 4-5 đứa được ngồi học chung một lớp, gặp mặt nhau hàng ngày và thỉnh thoảng nhắc lại chuyện của những đứa vắng mặt. Những đứa vắng mặt thì hoặc đi học ngành nghề hoặc ở nhà giúp tay cha mẹ. Ừ, phải chi đóa phượng đầu tiên nở vào ngày 31 tháng 5 thì hay biết mấy. Chúng tôi sẽ hãnh diện bảo rằng hoa nở vì chúng tôi, lớp cuối cấp đầu tiên của Trường, ra đi có hoa phượng tiễn chân.

Cây hoa năm nay chỉ ra được ba chùm. Nó hãy còn nhỏ. Hè sang năm ắt là số chùm sẽ tăng lên gấp năm gấp bảy, hoa sẽ nở sớm hơn vì cây có đủ sinh lực và có thêm kinh nghiệm. Tôi đứng lặng nhìn hoa, lòng chợt vui chợt buồn. Các cửa phòng học đóng kín im ỉm và hành lang vắng lặng heo hút không người. Chỉ có văn phòng mở cửa. Các thầy cô đã đi nghỉ phép, kể từ hôm nay, nghỉ trọn một tháng. Cô Long Ái, cô Dung, cô Hà, bác Khánh ngồi trước những chồng hồ sơ. Cô Kim Hoàng, cô Ngọc Mai, giáo viên trực nhật ngồi trước những cuốn sách. Hội trường rộng mênh mông và có tiếng chim lảnh lót trên những cành keo rậm lá. Tôi nhìn bầu trời xanh cao, nơi đó một con diều giấy đứng im, đôi tua dài uốn lượn lăn tăn theo gió.

Mới ngày nào tôi được phân phối về học trường này, tính đến nay là hai năm tròn. Ban đầu nhìn mặt mũi nó mà chán quá. Trông như cái kho thóc gạo kéo dài, mái tôn nhiều mảnh rỉ sét. Cột sắt

gầy gò. Không có nổi một cái cửa lá sách, mà chỉ toàn những cánh cửa đóng bằng ván bổ. Nền thấp ngang mặt sân rải sỏi. Tôi ghét luôn cả dãy bông giấy nở lòe loẹt những chùm bông đỏ trước hiên. Trang sức rẻ tiền! Thà cứ để trần trụi, còn bày vẽ hoa hoè hoa sói! Vâng, tôi đã thật tàn nhẫn khi đem "nó" so sánh với những trường có lầu 3, lầu 4, có cửa sổ lắp toàn kính, có nền lát gạch hoa, có lối đi rộng tráng xi măng, có nhà để xe, có sân bóng chuyền bóng đá. Tôi đã học lớp đệ Thất và đệ Lục ở một trường sang trọng như vậy. Nhưng sau chừng vài tháng, khi chơi quen bạn, khi học quen thầy, chúng tôi quên lần lần những xấu xí, những bất tiện. Ngược lại, mỗi ngày phát hiện thêm ưu điểm và tiện lợi: nền thấp thì đi khỏi vấp, khỏi leo bực tam cấp mỏi chân. Con Yến nói đùa tàn bạo:

- Trường mình tiện lợi quá há? Đứa nào làm biếng bước đi thì cứ nằm lăn từ cổng lăn tuốt vô lớp, lăn tới bàn học, chỗ ngồi.

Chúng tôi cứ cười theo con Yến nhưng chúng tôi không thể không công nhận rằng trường có cầu thang thì đẹp nhưng mỗi lần lên xuống phải nín thở để đỡ hít bụi. Còn trường chúng tôi vô lớp ra lớp nhanh, vù một cái là đã lọt tới sân, tha hồ nhảy chạy, đón ánh nắng và gió. Lắm đứa tự do quá đà, đến giờ chơi, thót ra cửa sổ cho mau hơn nữa, nhưng đã có đội Trực mời gấp lên văn phòng nhận phạt.

Qua sáu tháng hay một năm, chúng tôi yêu trường hồi nào không biết, yêu hàng dừa chẳng mấy khi xây trái, yêu từng viên đá gốc cây, yêu cái giếng với tiếng gàu thả bõm xuống mặt nước, yêu cả xác bông giấy rơi vung vãi trên hiên vào những buổi chiều nắng dọi, gió lùa. Khi có Tình Yêu trong mắt thì cũng cảnh vật đó mà ta nhìn thấy khác. Những bụi bông giấy không còn vô duyên nữa. Chúng che ánh nắng buổi chiều không cho dọi vào phòng học. Có bức sáo che nắng nào đẹp hơn, sinh động hơn, làm êm vui mắt hơn những cành hoa có màu đỏ rực đó không? Những chùm hoa tươi tắn chuyền niềm vui háo hức như cũng mừng đón chúng tôi mỗi sáng gặp mặt. Một hôm bác Cai ngẫu nhiên cho biết dãy bông giấy này do chính tay thầy Hiệu trưởng trồng cách nay 18 năm, hồi đó thầy còn làm giáo viên. Thấy hiên trường trơ trụi nắng dọi tràn vào đầy lớp, hại mắt học sinh, thầy tự tay đem bông giấy tới trồng. Bây giờ thì gốc cây đã to bằng cổ chân chúng tôi, vặn vẹo sù sì và da mốc đen màu cổ thụ. Cây keo trong sân xanh mát quanh năm, dãy me tây hoa màu hồng phấn rập rình trên tầng lá đan dày, cây phi lao nghiêm nghị đứng giống một nhà quí tộc mặc bộ áo màu tối... tất cả những cây ấy đâu phải ngôi trường 3-4 tầng lầu nào cũng có ?

Vì tình yêu, chúng tôi đua nhau làm cho trường thêm đẹp: trồng nhiều hoa trước lớp, trang hoàng cho phòng học khang trang, làm vườn sinh vật, làm sân thể dục, tự tay sửa chữa bàn ghế, bắt điện, quét dọn hàng ngày, làm vệ sinh toàn diện hàng tuần. Như đứa trẻ nghèo yêu ngôi nhà tranh của cha mẹ. Nhớ lời thầy hiệu trưởng nói, khi đoán biết tâm lý chúng tôi trong những ngày đầu :

- Khi không có cái mình yêu thích, hãy yêu thích cái mình có.

Chúng tôi không còn phân biệt nền lát gạch hoa hay nền tráng xi măng, phòng họp có ghế bành hay chỉ bàn gỗ đơn sơ. Chúng tôi chỉ thấy rằng nơi đây chúng tôi có tình thương yêu đùm bọc, của bạn của thầy, nơi đây chúng tôi học, hiểu và giỏi như mọi trường khác, nơi đây chúng tôi tạo những kỷ niệm, đặc biệt là chỉ đẹp và chỉ lưu luyến đối với chúng tôi thôi. Qua những lúc vui và buồn, khi thành công và khi thất bại, chúng tôi cảm thấy như được cột nối vào nhau bằng một sợi dây tình cảm vô hình. Mỗi khi nghe có người nhắc đến tên trường phổ thông cấp 2 Tân Lập là chúng tôi hồi hộp như chợt nghe ai gọi đúng tên mình. Vậy mà bây giờ tôi phải xa trường! Những em lớp 8, ba tháng sau sẽ tiến lên thay thế chúng tôi để làm anh cả, chị lớn. Một dãy dài học sinh lớp 6 sẽ cuồn cuộn chảy từ cổng vào khán đài trong ngày khai giảng năm học mới, lấp vào chỗ trống do chúng tôi ra đi để lại. Tự nhiên tôi bùi ngùi đưa mắt nhìn dãy hành lang vắng lặng, nhìn dãy bồn hoa đang bắt đầu thiếu bàn tay săn sóc. Nhìn lên chùm hoa phượng, nhìn giây lâu, tôi cảm thấy những nụ cười màu đỏ như đang chuyển dần thành niềm lưu luyến rưng rưng.

VÕ HỒNG

AI CHỌN GIÙM TÔI

truyện ngắn

Y BAN

Tôi quyết định bán nhà. Căn nhà đã ghi lại bao kỷ niệm buồn đến nỗi tôi không thể sống trong đó. Mỗi vật dụng trong nhà đều đã chứng kiến nỗi khổ đau của tôi. Thậm chí đến không khí trong căn nhà cũng tăng độ ẩm vì nước mắt của tôi.

Tôi không mang theo một thứ gì trong căn nhà này. Cái giường, cái tủ còn tốt nên chủ nhà mới xin lại. Cái bát, cái đũa, cái xoong, cái nồi tôi cho bà hàng xóm... Còn lại duy nhất là cái bàn thờ với bát hương thì chưa biết giải quyết bằng cách nào.

Cái bàn thờ tôi lập khi mua căn nhà này đi ở riêng. Trên bàn thờ chỉ có duy nhất một bát hương nhưng là nơi để tôi thờ Phật, Thần linh, Thổ địa, Cụ kỵ, Ông bà... Đến khi cha mẹ tôi qua đời thì tôi rất muốn rước cha mẹ tôi về thờ riêng nhưng các anh trai tôi không đồng ý vì phận tôi là gái. Vậy là cái bàn thờ của tôi là nơi tôi thờ tất cả những điều linh thiêng đã nâng đỡ cho tâm hồn tôi chống trọi được với cuộc đời, để sống.

Mẹ sinh tôi là gái. Mẹ dạy tôi tam tòng, tứ đức. Đặc biệt mẹ dạy tôi chữ nhẫn. Bài học đầu tiên của chữ nhẫn là năm lên 4 tuổi mẹ đã vót cho tôi một đôi que đan với một cái giỏ đựng đầy sợi gai. Bàn tay vụng dại của tôi nhể từng sợi gai đan thành một mảnh vải kỳ quái bé xíu bằng bàn tay. Lớn lên cha cho tôi đến trường. Tôi học không sáng dạ nhưng bàn tay đan thì khéo léo vô cùng. Khi 18 tuổi tôi đã có nghề kiếm cơm của thiên hạ. Nhưng cái nghề này khiến tôi suốt ngày ru rú ở trong nhà. Mẹ bảo: khéo không nó ế chồng. Cha bảo: mua cho nó căn nhà như cái giỏ để nó đơm một tấm chồng.

Năm 19 tuổi tôi đã có căn nhà, có một nghề tốt để kiếm cơm, lo gì không kiếm nổi một tấm chồng. Một tấm chồng tương xứng với tôi. Nhưng tôi lại là một kẻ mơ mộng, với ước vọng cao xa. Tôi phải lòng một anh học trò nghèo. Mặc những khuyên can của cha mẹ, anh em. Mặc những lời đàm tiếu của thiên hạ tôi rước anh học trò nghèo về nhà nhận phần chăm lo cuộc sống trần tục để chàng chăm lo đèn sách mong một ngày "võng anh đi trước, võng nàng theo sau". Nếu không được kết thúc có hậu như vậy thì cũng là góp phần nuôi dưỡng chất xám. Cái thứ đang bị ngoại bang chăn dắt.

Sau 5 năm chăm lo cuộc sống cho chàng đèn sách, lại còn không muốn cho chàng thua kém bạn bè. Tôi đã mua cho chàng xe máy, máy vi tính, điện thoại di động. Còn tôi, tôi nhận về mình bao cay đắng. Chưa một lần tôi được đón tiếp bạn bè của chàng. Chưa một lần tôi được đi chơi cùng chàng giữa thanh thiên bạch nhật. Giữa một rừng lời nói yêu đương hai lần chàng ép buộc tôi đi tháo bỏ thai ra.

Thêm 2 năm sau khi tốt nghiệp mà chàng không xin được việc. Chàng khổ đau một thì tôi khổ đau 10. Để làm vui lòng chàng tôi phải ra sức chiều chuộng theo chàng. Giờ chàng có thói quen tắm hiệu, gội đầu hiệu. Một tấm áo len tôi đan mất 2 ngày, tiền công 50 ngàn đồng thì một lần chàng gội đầu hiệu và bo hết 20 ngàn đồng, tiền cà phê 10 ngàn đồng. Còn lại chỉ đủ tiền ăn cho chàng. Tôi bắt chước người Trung Quốc ngậm chiếc tăm vào miệng, sỉa răng trong khi ruột đang đói thắt lại.

Chàng được tuyển vào làm việc tại một công ty. Cầm giấy báo trong tay chàng lặng lẽ rời khỏi

ngôi nhà của tôi nhưng không quên mang theo xe máy, vi tính, điện thoại di động.
7 năm đời con gái của tôi trôi vèo. Thế là bài học cha mẹ dạy tôi chỉ áp dụng được ở đời chữ nhẫn.

7 năm, cái bàn thờ nhỏ trên tường đã đọng lại bao nhiêu lời cầu khẩn của tôi. Tôi thường khấn Phật giúp chàng đầu sáng láng vượt qua các kỳ thi. Còn tôi Phật giúp mở lòng từ bi vượt qua những cơn khốn khó. Tôi khấn Thần linh cho chàng sáng mắt, sáng lòng nhận ra tấm lòng tôi đối với chàng. Tôi khấn trời làm cho lòng tôi đen lại không yêu chàng nữa. Đau khổ tột cùng tôi cầu cha, mẹ cứu. Không có một điều kỳ diệu nào hiển linh cả, nhưng những điều tôi cầu khấn đã giúp tôi nghị lực sống.

Tôi đi hỏi bạn bè cách giải quyết chiếc bàn thờ của tôi. Ai cũng quả quyết rằng: không thể mang chiếc bàn thờ về nhà mới. Đó là điều kiêng kỵ nhất. Mà vứt bỏ vào một xó nào đấy cũng không thể được. Đó cũng phạm vào điều kiêng kỵ. Một người bạn bảo tôi đến nhờ một ông thày cúng. Tôi bèn sắm sinh lễ đến. Ông thày cúng vừa thắp hương vừa lẩm bẩm:

- Sao mà bây giờ lắm người muốn trầm bát hương thế.

Thắp hương xong ông thày cúng quay sang hỏi tôi:

- Chắc là cô đã nghe người ta kháo nhau về mẹ con cái bà cờ bạc mà bỗng chốc trở thành mệnh phụ phu nhân rồi hử? - Dạ cháu chưa nghe chuyện nhưng quả là nhà cháu có chuyện phân vân vì chưa biết giải quyết thế nào. - Thế thì nghe cho rõ rồi mà quyết này.

Như các cụ nói ngày xưa thì cái nhà ấy là đại vô phúc. Một gia đình trung lưu,ông chồng chết sớm, 3 người con trai đã yên bề gia thất. Còn lại bà mẹ chưa phải là già với cô con gái út 20 tuổi. Bỗng đâu cả bà mẹ với cô gái út sa chân vào cờ bạc. Phạm vào cái thói cờ bạc thì đàn bà còn máu mê hơn đàn ông. Mẹ ngồi xới trên, con ngồi xới dưới. Của nả trong nhà cứ thế đội nón ra đi. Của trong nhà hết thì sang nhà các anh con trai. Nay nhà con này mất chiếc vô tuyến, mai nhà con kia bị cầm xe máy.

Bọn trẻ con cứ thấy bóng bà nội và cô út đến đầu ngõ là đã hét dinh như còi. Rồi đến cái ngày cái nhà cũng bị xiết nợ. Chẳng con nào chịu cưu mang nữa. Quá bẽ bàng hai mẹ con rủ nhau bỏ đất này ra đi. Còn cái bàn thờ tổ tiên mang đến nhà con trai cả, con trai cả không nhận. Sợ mẹ lấy cớ hương khói quay về rồi nhà lại mất thứ nọ thứ kia. Anh con trai thứ hai cũng không nhận. Nó là cả nó chẳng nhận tôi là thứ sao tôi lại phải nhận. Anh con trai thứ ba lại càng chẳng có cớ gì mà thờ tổ thờ tiên cả. Bà mẹ bèn mang bàn thờ tổ tiên ra sông Hồng, buông sông.
Hai mẹ con dắt ríu nhau vào Sài Gòn lê lết kiếm ăn trên vỉa hè. Thế nào mà cô con gái lại lọt vào tầm ngắm của một người đàn ông Đài Loan 60 tuổi. Cô trở thành vợ ông ta. Ông ta có một xưởng sản xuất to với một khách sạn lớn. Một năm sau cô út lại sinh cho ông ta một cậu con trai bụ bẫm. Thế là mẹ con bà nọ trở thành những mệnh phụ phu nhân. Một bước lên xe hơi, hai bước lên xe hơi. Kẻ hầu người hạ tấp nập. Buổi sáng đi đánh te nít, buổi chiều tính số đề. Lại còn biết lấy tiền của chồng làm từ thiện, lên cả ti vi.

- Đấy cô đã nghe rõ câu chuyện chưa hử? Nếu cô muốn lấy một ông tây nào nói chung, hay một ông Đài Loan già nói riêng thì cô mang cái bàn thờ ra sông Hồng mà buông sông. Sông Hồng chảy ra biển. Cô sẽ thành mệnh phụ phu nhân... Còn nếu cô chỉ muốn một cuộc sống thanh thản ở đời này thì cô mang bát hương này lên chùa. Rồi cô thành tâm cô khấn. Xong cô mang chân hương đi hoá. Rồi cô để bát hương này lại chùa. Lòng cô sẽ thanh thản. Cô sống thành thì sẽ nhận được quả phúc.

Rời nhà ông thày cúng tôi vẫn chưa biết chọn nẻo nào cho mình. Tôi đã sống thành mà có nhận được quả phúc đâu. Còn sông Hồng ư? Liệu có trôi được ra biển không? Hay sẽ mắc vào một gờ đá nào đó rồi vật vờ theo sóng như cái chết của nàng tiên cá. Đến câu chuyện cổ tích mà cũng có cứu được nàng đâu.

Y BAN

bút ký

MỘT THOÁNG QUA LÀO

VŨ KHIÊM NINH

Hôm nay chúng tôi lên đường tới Hương Sơn. Xe vòng qua quảng trường Hồ Chí Minh của Nghệ An. Nơi đây lễ đài và thảm cỏ đều mô phỏng quảng trường Ba Đình. Riêng bức tượng Hồ Chí Minh lại là một bức tượng có hồn. Tác giả đã lấy mẫu từ tấm ảnh : "Bác về thăm quê" dựng nên tượng Bác, nên trông thấy Hồ Chủ tịch đầm ấm gần dân hơn các bức tượng đứng vẫy tay kiểu lãnh đạo

Xe đi ngược đường 20km về phía Huế tới ngã ba Hồng Lĩnh, qua cầu Bến Thủy, sang địa phận Hà Tĩnh. Tính ra quãng đường dài 105km

Đến cửa khẩu Cầu Treo, chúng tôi đi qua và sang chợ Lạc Sao bên Lào :

Đường ra biên giới mờ sương trắng
Bóng cọ xen cùng với bóng cau
Phố Châu, trấn nhỏ mà đông lắm
Hàng quán bầy ra khắp mặt đường.

Đến Hương Sơn là đến Ngàn Phố, nơi năm xưa vang vọng lời Hịch Cần vương của vua Hàm Nghi kêu gọi dân chống Pháp. Chúng tôi đến thị trấn Tây Sơn, dân ở đây giao thương với Lào nên các nhà đều giàu, có ô tô riêng

Qua cầu Trưng là khu vực biên giới, nghe nói ở bên Lào người Việt ở nhiều nơi, đến nỗi tìm người Lào thật phải vào trong bản xa mới gặp

Chợ Lạc Sao bán nhiều thứ hàng, rẻ hơn nơi khác, đa số là hàng nhập lậu. Tiền Kíp có tỷ giá 1000kíp = 1700đVN. Tại chợ Lạc Sao khách có thể dùng bất kỳ loại tiền nào để mua hàng. Tiền nào tỷ giá nấy. Người Việt ra nước ngoài làm ăn thành đạt, tại Lào có thể mua xe ô tô

8h15 xe đến vành đai biên giới. 9h thì qua cửa khẩu Cầu Treo. Có 01 cán bộ biên phòng đi theo xe để kiểm soát dọc đường. Đến 9h15 thì qua Cửa khẩu bên Lào Bên phải có một dòng sông, dưới lòng khe cạn, đá to như cái ghế lỏng chỏng xếp lăn lóc, Tại Lào, rừng nguyên sinh còn dầy đặc. Có sang đất Lào mới biết mưa nắng Trường Sơn đông khác với Trường Sơn tây.

Bên Việt Nam còn u ám, thì qua đất Lào đã thấy nắng to. Sang Lào mới thấy ý thức của người Lào khác lắm, ngoài ý thức tôn trọng luật lệ giao thông họ rất tôn trọng luật pháp. Người Lào thu tài nguyên thiên nhiên qua khoáng sản, tôi trông thấy những xe Úc tải trọng lớn chở từng khối đá vàng khoáng sản đi về cảng để đi Úc.

Bản người Lào cột sàn bê tông, còn vách nhà bằng gỗ, lợp mái tôn . Lúc này trời nắng to, tôi nhìn các bản Lào thấy các bản không cất theo hướng, không coi mặt tiền là quan trọng . Nhà nào hướng ra đường, chỉ mở cửa sổ

PHỐ LẠC SAO

Tại chợ Lạc Sao, người Lào ngồi kín chợ. Họ bố trí các dãy hàng theo tuyến, theo ô, Ai có duyên gập khách đến mua hàng người đó bán, chưa có khách cũng không ghen tỵ. Tôi lang thang trong chợ, đi xem các sạp hàng vải, hàng tạp hóa, Hai bên chưa biết tiếng nhau nên có hỏi mua gì người bán cũng chịu. Tìm mãi trong chợ, tôi gập một người Viêt đang bán hàng, Anh nói :" Mình quê ở Trường Lâm bên Gia Lâm, đi bộ đội, lái xe trong quân ngũ tại chiến trường C cho đến khi ra quân thì ở lại đây, lấy vợ Lào mở cửa hàng sinh sống."

Đoàn chúng tôi sang đất Lào, gập cái gì cũng mua cho đến lúc hết tiền mới dừng. Chúng tôi ăn cơm trưa tại Lào do nhà hàng Việt Nam nấu, Rất ngon

14h30 xe về đất Việt. Trung úy Thái Dũng Tiến chào từ biệt mọi người. Cả đoạn đường đi, về, cùng nhau , anh giũ đúng mực, luôn khách quan trong mọi việc, chủ động quan hệ với bạn khi đưa đoàn qua biên giới.

Đã bắt đầu về tới Trường Sơn đông, mây mù trên đỉnh Trường Sơn Tôi nhìn lên, nhà cửa người Lào tuềnh toàng, không nhà nào này bán cái gì trước cửa

TRÊN ĐƯỜNG RA BẮC

15 h xe về đến Bến Tắm Sơn Kim.

Người ta có tiền, người ta tắm
Ta không tiền, ta lặng ngắm Sơn Kim

Về đến Hương Sơn, nhìn lại những mái nhà Hà Tĩnh. Thì ra ở đây đều nhiễm phong cách Lào. Nhà có chóp ở trên nóc, trên mỗi chóp lại có một cái bầu sứ. Mái nhà thường dân nhưng làm kép mái giống như tại chùa Lào.

Ngày 12- 1-2007

Lúc 7h30 xe khởi hành về Hà Nội Lúc này trên các hè phố của thành Vinh vẫn còn nhiều người ngồi ăn sáng. Trên đường 1A người đi làm đi chợ đông đúc. Hôm nay có nhiều nơi tổ chức đám cưới, trang trí lều vải khác với Hà Nội

Đi về, qua Quỳnh Lưu Nghệ An lại nhớ chuyện những ông bí thư thuở "cấp tiến", muốn một bước lên CNXH nên đã có những ông làm sai, đến nay\người dân còn nhớ :

-Ông X đã chặt cây đa trên đồng., đã tập thể hóa mồ mả, cả làng chỉ có một chỗ để thờ cúng. Khi về hưu , ông Võ Nguyên Kế sám hối, đã xin làm các việc thờ cúng riêng, chôn riêng.

-Ông Nguyễn Hữu Đợi lại có chủ trương : "mạ trên sân dân trên rú- đụ trên vòng " (cái thời mà Tố Hữu làm Phó thủ tướng xem tiểu thuyết Làng tôi ngày ấy của Võ Văn Trực)

MỒ CAO MẢ ĐẸP CẢM KHÁI

Trên đường đi vào và đi ra, tôi thường gập các nghĩa trang của làng quê, Tại mỗi nghĩa trang đó, không biết người nằm xuống là ai nhưng con cháu bây giờ tô điểm mộ chí hoa mỹ lắm, Xây trên ngôi mộ đó đủ thứ hoa văn phô diễn. Vậy có thơ rằng :

Sống thì sống chẳng ra chi
Đến khi được chết, gập thì lên râu
Cũng ba tầng tháp, cũng lầu
Mái đao cong vút ra mầu trêu ngươi
Sống không hương vị trong đời
Cháu con xây mộ góp cười dân gian

VŨ KIÊM NINH

NẾU ANH HIỂU

thơ

DẠ THẢO HƯƠNG

Nếu anh hiểu bây giờ em đã khác,
Ánh mắt buồn không dấu nổi niềm đau,
Nếu anh hiểu bây giờ em đã khác,
Thời gian trôi ... không còn giữ sắc màu.

Nếu anh hiểu những gì sau giọt đắng,
Chút ngọt ngào em cất giữ làm nôi,
Nếu anh hiểu nỗi lòng em nhức nhối,
Sau bao nhiêu trăn trở với cuộc đời...

Nếu anh hiểu một con thuyền lạc lối,
Phút chạnh lòng .. chợt thấy cánh sao rơi,
Nếu anh hiểu đoá hoa rừng bé dại,
Thơm cho ai ... hương gửi lại bên đường.

Nếu anh hiểu một khoảng trời mù sương,
Chỉ giọt nắng khẽ khàng là tan biến,
Nếu anh hiểu rộng sâu trời biển,
Lòng mẹ đêm dài thao thức nhớ thương con...

Nếu anh hiểu lời của búp lá non,
Đêm mùa hạ nồng nàn tơ mật
Nếu anh hiểu dịu dàng hơi thở đất,
Cả vầng trăng cũng sóng sánh ánh vàng.

Nếu anh hiểu rằng trong kiếp nhân gian,
Em chìm nổi giữa vô vàn giông gió,
Nếu anh hiểu tận cùng yêu và nhớ,
Thì chẳng bao giờ sóng làm vỡ vầng trăng.

Nha Trang nắng lửa 3/5/94

DẠ THẢO HƯƠNG

LẬN ĐẬN !

truyện ngắn

TRẦN HỮU HỘI

Toán vừa bước vào nhà Vọng , vừa móc túi lôi ra mấy tờ vé số, ném mạnh xuống bàn:

- Chán thiệt, Chúa lúc nào cũng nặng tai mà nhẹ tay !
- Sao, chuyện gì mà lại có Chúa ở đây ?
- Thì còn ai ngoài "Ngài" nữa ! Con nó đi thực tập, gọi về xin tiền, gom cả nhà được trăm mốt, chừa năm chục mua bún mai vợ bán vài tô kiếm tiền qua ngày, còn lại tớ mua sáu tấm vé. Hai vợ chồng cầu nguyện suốt đêm, chiều lại dò, nó trúng giải tám, không được một phần ba số tiền con nó cần ! Mình có ham gì nhiều, thêm cho mình một hai số, thừa thừa ra chút, đưa mẹ nó đi cắt cái trĩ, càng ngày càng lòi ra, thấy nó nhăn nhó mà xót ruột ! Cái bao tử mình nó cũng hành, đau mình ráng chịu được, nó có ung thì cũng kệ mẹ nó, nhưng thấy vợ con vậy thương không chịu được ! Không lẽ còn hai mẫu đất mà bán luôn thì lấy gì ăn!
- Từ tốn, ngồi xuống đi, giải tám còn hơn không có giải nào à?
- Thì biết là vậy nhưng mà mình hy vọng mãi, cầu xin mãi, bao năm nay rồi ! Với lại nếu không trúng thì chấp nhận, xem như " Ngài" chưa nghe, còn hy vọng, đằng này chứng tỏ có nghe, nhưng nghe nhỏ, giờ thì vô phương !

Vọng phì cười:

- Nó xin bao nhiêu ?
- Triệu rưỡi, tiền xe và ăn ở một tháng !

Vốn thân tình, là bạn từ thời học trung học đệ nhất cấp, rồi về sống cùng trong một địa phương. Qua cái thời kỳ độc thân sau 75, Toán lại muộn màng chuyện vợ con, gần bốn mươi tuổi mới lấy vợ. Hoàn cảnh Toán thật bi đát, dù làm thì cật lực không ai bằng, người càng ngày càng gầy ra, xui xẻo cái số mệnh! Người ta trúng mía cả thì hắn mất mùa riêng , lúc được mùa chung thì giá tụt xuống dưới đáy, lỗ công chặt ! Bét gì hai ba mùa người ta cũng trúng được một mùa, mà trúng được là thanh toán ngân hàng, nần nợ, còn xây được cái nhà ! Có người chỉ năm sào thôi, mà cũng âm cũng êm, ung dung, cứ "sáng ngậm đắng chiều nuốt cay" (Sáng cà phê chiều uống rượu). Ai như hắn ! Từ năm mẫu đất, bán hết ba mẫu trả nợ, rồi chia ra làm một mẫu mì một mẫu mía, gọi là "mất cái này được cái kia", cũng trật lất. Nợ ngân hàng cứ chồng lên, mà con thì đứa đầu đang học Cao Đẳng, giờ mới đi thực tập, còn ba đứa , đang nằm trong các lớp phổ thông !

-Thôi thì xem như có tiền cho con đi thực tập rồi. Tao bù, cho mày mượn một triệu nữa là được chứ gì?

- Mẹ kiếp, lại bám thằng "cà rem !".

Hắn vừa thờ dài vừa buông người xuống ghế, một tay ấn ấn cái bao tử, có lẻ đang đau, một tay che mũi. Một chiếc xe chở mía chạy ngang qua nhà Vọng, con đường nhựa đang đi được, có dự

án cày để làm lại, thế rồi dở dang ba năm nay, bụi mù trời!

**

Toán gọi Vọng là thằng "cà rem" vì Vọng cũng tã tơi, nghèo, lại bị đột quy liệt mất một tay ! May mắn là trời cho vợ con sớm hơn chút, cũng bốn đứa con nhưng lớn cả rồi, giờ thì con đã đi làm, tháng năm vất vả rồi cũng qua, không còn lo lắng, có thiếu thốn chút ít thì mấy đứa con bù đắp, dù không dư nhưng cũng ít thiếu . Những lúc kẹt tiền công cán, phân tro, hắn lại tới Vọng, khi có khi không, nhưng được cái là sẵn lòng. Có lần Vọng sửa lại cái nhà, chẩn bị khởi công thì hắn kẹt tiền thuê xe cày đất trồng mía:

-Bao nhiêu mầy?

-Bảy triệu !

-Chắc chịu quá !

Nói thế nhưng trong lòng không yên, Vọng lại hỏi:

-Bao lâu mày có , hai tháng kịp không?

-Nếu không kịp cho mày thì tao bán lúa non !

Biết tính hắn, Tự trọng và Tự ái thì hắn nhất ! Tiền công thợ thường thì xong nhà mới cần,Vọng đưa cho hắn bảy triệu. Đến ngày xong nhà, thấy hắn chạy bán lúa non, giá rẻ quá sức tưởng tượng, Vọng nóng mặt không cho bán, tự tay cầm sổ đỏ lên ngân hàng, vay bù vào chờ đến lúc gặt ! Lúa thì tàm tạm, còn hy vọng vào mía.

Được mùa cho cam, mía vụ này cũng chẳng ra gì!

**

Toán cầm một triệu đi về, còn đổi mấy tấm vé, gởi cho kịp con đi thực tập. Vọng ngồi ngẫm nghĩ vẩn vơ đời của hắn mà chạnh lòng. Nói rằng khổ lắm, khổ đến cùng tận thì chưa đến nỗi, nhưng cứ lận đận cơm áo gạo tiền thì hắn là kẻ điển hình nhất trong đám bạn bè cùng lứa của Vọng.

Ngày hắn ở Quy Nhơn ra học ở Quảng Trị. Nổi nhất lớp vì nhìn qua là biết con nhà giàu. Từ ăn mặc đến cách tiêu tiền, tuy mới học lớp bảy nhưng hắn chững chạc hơn Vọng và bạn cùng lớp, mặt mày lại dễ coi... Cũng từ cái chổ ấy mà hắn bị dập một trận tơi bời trong nhà chơi của trường. Vọng đứng ra can ngăn dù khá muộn, mặt hắn đã bê bết máu! Từ đó thân nhau.

Năm 72 loạn lạc, hắn được vào học trường tư thục Việt Anh Đà Lạt. Trong khi đó, Vọng chuyển hết trại tạm cư này đến trại tạm cư khác, trường này chuyển qua trường khác, tỉnh này chuyển qua tỉnh khác! Những năm gần đây, tuổi xế chiều, cái phong trào họp lớp, họp trường rộ lên... Vọng, nếu đi cho đủ đầy thì cũng chục lớp, chục trường , dù chỉ bảy năm học trung học !

Dạo thi tú tài II, năm đó thi Trắc Nghiệm, máy IBM chấm thế nào lọt hết vài ngàn bài thi. Bạn bè học trường tạm cư, có thầy kiêm tới ba môn, học bạ phải thuê Giáo sư các trường công lập ký thay cho hợp lệ, vậy mà cũng có tên, còn hắn thì không ! Ức quá, hắn cạo trọc đầu, học miệt mài thi lại kỳ hai. Vọng quá ngạc nhiên là vì biết hắn học không thua ai, dân ban B có hạng.

Ngày gần thi lại, có kết quả bổ sung, trường gởi danh sách về tận nhà, tên hắn nằm hạng "Bình" ! sau "Tối ưu" và "Ưu" ! Điểm Toán – Lý - Hóa cao chót vót !

Mơ ước từ lâu được vào trường Võ Bị Dalat, hình ảnh hào hùng và huyền sử "Rút gươm tuyên thệ trên đỉnh Lang Biam", mộng "Tang bồng hồ thỉ", quyến rũ hắn từ những ngày theo học tại đây. Không ghi danh hay thi vào trường đại học nào, hắn thi vào Trường Võ Bị. Điểm thì cao nhưng người hắn thì thấp, cởi giày đứng lên đo, hắn thiếu tới ba phân ! Nhiều người cho biết trước nhưng hắn không tin !

Hắn bị bạn bè cười, tặng cho cái tên là "Người hùng thước mốt" (1m10!) ! Nói cho luôn vần thế, chứ hắn cũng tới một thước năm bảy (1m57)

Với cái chiều cao ấy, Trường Sĩ Quan Cảnh Sát Quốc Gia cũng chê, chỉ có trường Bộ Binh Thủ Đức chờ đón hắn vào ! Nhưng chưa kịp mãn khóa, tháng 4/1975 ập đến, hắn đi cải tạo chung với Sĩ Quan, hai năm!

**

Thà là dốt nát không biết tính toán làm ăn và lười nhác chi cho cam. Đằng này, hắn kế hoạch lắm, siêng năng ít ai bằng, có lần ghé thăm cái rẫy của hắn, Vọng phục cái cần cù, rẫy sạch và

ngăn nắp như nhà mới xây ! Người xưa nói: Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống…Hắn đủ cả bốn yếu tố này nhưng vẫn trật !
Không rầu sao được, có lần mía lên cao đẹp ơi là đẹp…Mùa này mà thu hoạch thì chắc chắn ngon lành. Tội nghiệp vợ và mấy đứa con hắn, gì chứ cái TiVi " nội địa" lem nhem hình ảnh, lúc có hình lúc không, lần này phải thay. Làm lại cái nhà trên chứ từ ngày ông nội mất, xập xệ đến không muốn bạn bè ghé thăm, bộ ghế bàn cũ rích từ thời não thời nao, vẹc- ny tróc hết, người ta thì Salon nệm láng tưng, ngồi êm ái…Còn nữa, chiếc xe Trung Quốc cũ mèm hư lên hư xuống, hết "đề" được, sáng ra đi rẫy, đạp xặc xừ, ống "bô" bễ, nổ bôm bốp như súng máy ! Thay tuốt, hắn cũng nghỉ vậy.

Đám mía bắt đầu khô lá, ngày chặt cũng gần kề…Chạy vạy đăng ký nhà máy đường lên lịch cho xe chở…Nhà máy thì còn đỡ tốn đỡ hao, cái anh tài xế và đám bốc vác mới hao nặng . Ăn sáng, ăn lỡ, ăn trưa , ăn chiều...bữa nào bét cũng vài trăm ! Thuê công chặt cũng khó khăn vì tới mùa thu hoạch, vậy mà có người hứa chặt cho, đâu vào đó rồi, còn vài hôm nửa thì chặt. Ác tăng cái thằng mất dạy nào vứt cái tàn thuốc ngay bờ ranh, hay cái gì đó không biết, cũng không loại trừ cái chuyện buồn tay thì đốt chơi! Cháy sạch sành sanh, hai đám, có ông Phú bên cạnh cũng vạ lây. Mà cũng chưa biết ai lây ai, đám nào cháy trước đám nào cháy sau. Khi cả hai chạy trối chết trong đêm, vấp té lên té xuống, vào tới nơi thì chỉ đứng nhìn mà khóc chớ làm gì được, gió thổi lửa lên cao ngút trời ! Vợ và mấy đứa con khóc to nhất ! Tiền công chặt cao hơn vì chặt mía cháy rất cực.

Tại nhà máy, nhân viên nhà máy lấy mẫu vô phòng "thí nghiệm"đo độ đường , "phù phép" thế nào mà chữ đường giảm hơn một nửa, năn nỉ lấy lại mẫu khác, rút ba cây khác, gặp ngay cái nhìn lạnh tanh, lỗ te tua !

Thì làm lại và hy vọng mùa tới. Hắn lại cật lực, nhưng rồi chị vợ bấy lâu gánh bún loay xoay cũng có đồng ra đồng vào, thế mà khi người ta tráng "bê tông" con đường chạy dọc thôn, đường sạch đẹp thì hàng quán lại mọc lên, nông dân lâu nay quen ngồi chồm hổm bên cái gánh, nay cũng ưng kéo cái ghế, ngồi lau đũa lau bát, tán dốc dăm câu cùng ai đó, ăn tô bún, rồi đi ra miệng ngậm cái tăm, ta đây đi ăn sáng về , ăn quán hẳn hoi !
Hắn cũng muốn xây cái quán, nhưng xập xệ thì không ai vào, mà làm kha khá, trông được một chút là phải nói tới chục triệu trở lên, tiền đâu mà xây, vậy là cứ cái gánh ! Gần năm nay, hậu môn lại ra máu, ngồi chồm hổm cũng đau, mà ngồi ghế cũng đau, vợ hắn xanh xao hẳn !

Rồi hắn cũng xanh xao. Hàm răng chục năm nay sâu ăn hư mấy cái răng cấm, nhổ thì qua trạm xá nhổ miễn phí, mấy lần nhổ, hết mấy cái răng quan trọng, gọi là mất sức nhai ! Thôi thì trệu trạo nuốt đại cũng xong, nhưng mà không xong, dạo này cái bao tử nó nhoi nhói rồi đau thiệt tình, có khi đau quá hắn muốn văng tục !
Không biết đến khi nào cái lận đận mới qua. Ngay trong đám bạn cùng lứa, có người trúng số đặc biệt tới hai lần, một lần mấy tấm ! Còn hắn, vụng đường tu chăng ?!

***

Lâu nay, khi cái tuổi ngũ thập qua vài năm, Vọng hay ngẫm nghĩ vẩn vơ về cái may cái rủi, cái số cái phần, nghĩ hoài mà chẳng "Tri" được cái "Thiên mệnh" !

Cứ xét như giữa hai người, Vọng và Toán thôi, tuổi thì cùng một tuổi Ất Mùi như nhau. "Cung, Mạng" thế nào mà hai đứa lại có cuộc đời khác nhau ?! Vọng thì làm không bằng một nửa hắn, vậy mà không đến phải khốn khó như bạn.

Hồi đi học, cũng có học được cái môn "Triết học". Đọc được dăm đều về môn này, Đông có Tây có. Khi thì thấy ông này đúng, đến xem ông kia thì thấy cũng gần đúng...
Vọng mỉm cười, cười câu "Ngũ Thập tri Thiên Mệnh" !
Rồi hoang mang với câu "Thiên cơ bất khả lậu"!
Lẩn quẩn hoài, Vọng buông một câu:
-Ối dào, chả biết đâu mà lần !!!

Ninh Thuận, 02 tháng VIII năm 2013.

TRẦN HỮU HỘI

ĐÊM TRĂNG LẠNH

truyện ngắn

NGUYỄN XUÂN THỦY

Có tiếng chuông gọi cửa. Bác Nhân chậm chạp bước ra ngoài lan can của mảnh sân nho nhỏ, gọi là sân hóng gió trên lầu một, nhìn xuống tầng trệt, phía cửa ra vào, xem ai lại đến chơi vào buổi này, đang giờ nghỉ trưa. Bác vừa về hưu, chưa quen với giờ giấc mới, giấc ngủ thường đến muộn và hay kéo dài, nói chung cũng không hạn định giờ giấc chặt chẽ như trước.

Một chàng trai cao, ốm, nước da ngăm đen, kiểu người Tây Nguyên mà bác Nhân thường gặp trước đây, lại cũng giống như sinh viên các nước bạn Lào, Cămpuchia thường hay đến hỏi bài vở vợ bác. Bác gái thường hay được mời hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ cho các sinh viên hai nước bạn này.

Vừa bước vào cửa, chàng trai đã vui vẻ chào hỏi rồi nói ngay:

"Mẹ con bảo thế nào con cũng phải tìm cho ra nhà bác để đến thăm bác. Con vừa ở Đăk Lăk xuống".

"Ai nhỉ?", bác Nhân tự hỏi, ai? ..., mà nhìn vào vóc dáng cao kều, cái điệu bộ rụt rè đáng yêu của chàng trai này thì không thể đoán ra được mẹ chàng là ai cả.

"Mẹ con hay kể chuyện các bác về làm cầu".

"Mẹ con bảo cầu nào cơ? Bác không nhớ hết".

"Các bác cho mẹ con đi nhờ xe vào Krông Nô …Hôm ấy trời mưa to lắm…"

Bác Nhân đã bắt đầu nhớ ra…

"Có phải con là con của … cô Lan?...mẹ Lan?"

Hai bác cháu ôm chầm lấy nhau ngay.

"Đúng, đúng! Mẹ con có tên Việt là Lan".

Bác Nhân chợt thốt lên:

"Ôi! Con đã lớn thế này rồi ư?".

*

Ngày ấy bác Nhân, kỹ sư Lê Trọng Nhân còn trẻ khỏe. Anh được giao phụ trách một nhóm, một đoàn khảo sát, có nhiệm vụ chọn vị trí cầu Krông Nô để lập dự án xây dựng cầu này. Tiếng Tây Nguyên, Krông có nghĩa là sông, con sông. Chẳng hạn Krông Ana, Krông Pha, tức là sông Ana, sông Pha.

Krông Nô, tại khu vực dự định làm cầu, chảy hun hút trong rừng sâu Trường Sơn rậm rạp và rất hiểm trở, thuộc tỉnh Đăk Lăk, giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng. Riêng việc tổ chức một chuyến đi vào trong đó cũng phải lập một kế hoạch cẩn thận. Nhưng như ta đã biết, không có một kế hoạch nào ngay từ đầu đã có thể hoàn hảo. Có rất nhiều chuyện ngẫu nhiên xảy ra, nằm xa ngoài kế hoạch, có thể dẫn đến nhiều khó khăn mới, nhưng đôi khi lại cũng có thể mang đến nhiều sắc màu, nhiều niềm vui bất ngờ, mới và lạ.

Mọi việc chuẩn bị được tiến hành tại Buôn Ma Thuột với sự phối hợp của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đăk Lăk. Sở chấp nhận kế hoạch dự kiến của Nhân và cử một người vừa dẫn đường vừa trực tiếp làm việc với đoàn. Đó là một cán bộ trung cấp kỹ thuật mới về Sở, còn rất trẻ, đẹp trai, cao gần mét tám, tên là Xuân. Thoáng nhìn vào đôi mắt mở to, mái tóc hớt cao rất gọn của Xuân, Nhân đã thấy vui vui. Anh nhận ra ngay, Xuân là một chàng trai thông minh, nhanh nhẹn, sẵn sàng gánh vác.

Buổi sáng hôm đoàn ra đi, trời mưa rất to. Vào Trường Sơn giữa cơn mưa trắng rừng thế này, đã thấy xui rồi. Nhưng không ai nản chí. Việc cần đi, vẫn phải đi. Hi vọng quá lắm đến trưa trời cũng sẽ tạnh.

Dọc đường, khi chưa ra khỏi Buôn Ma Thuột, có một cô gái xin đi nhờ. Cô đứng chờ sẵn trong một cái quán lúp xúp, mái tranh, bên lề đường. Cô bó mình bằng một tấm nilon xanh, chạy ra gần giữa tim đường vẫy tay xin đi nhờ. Rõ ràng có việc khẩn cấp. Đoàn vui vẻ đón cô lên xe.

Khi đã ngồi gọn trong xe, không còn bị vướng víu bởi tấm nilon, cô cười rất tươi, cảm ơn mọi người:

"May quá! Tốt quá! Em cảm ơn các anh!".

Rồi cô nói luôn, biết là mọi người đang muốn hỏi mình:

"Em tên Việt là Lan. Em là cô giáo. Em dạy học trong Krông Nô".

Vẫn chưa hết vẻ hồi hộp:

"Em ra dự lớp bồi dưỡng giáo viên ngoài Ban Mê. Lớp học chưa xong đâu, chỉ sắp xong thôi. Nhưng em phải vội về ngay vì các em học sinh trong đó nhắn ra là nhớ cô lắm!". "Mà em cũng nhớ chúng lắm, không chịu nổi nữa."

Mọi người cười ồ lên, thật vui vẻ vì cái lý do quá ngây thơ và trong sáng của cô.

Nhân cũng quay lại nhìn cô kỹ hơn.

Còn quá trẻ, chắc cô chỉ mới 17, 18 tuổi. Cô có đôi mắt tròn to, rất sáng, nụ cười duyên dáng, thân mật, cứ như mọi người trên xe đều đã là người nhà mình cả rồi. Cô mặc một chiếc áo pull màu vàng chanh, ôm sát người, rất xinh. Mái tóc cũng cài một bông cúc vàng rực rỡ.

Nhân chợt nghĩ bụng:

"Ôi, một bông cúc rừng, một con chim vàng anh của rừng!".

Lúc đó, cậu Xuân ngồi sát cạnh cô giáo, rất nghiêm chỉnh, khuỳnh tay dựa hẳn người vào thành ghế phía trước, không dám ngọ nguậy, nói lảng sang chuyện khác:

"Có một chiếc cầu làm bằng cây (tức bằng gỗ tròn) vừa bị sập. Sở đã điện vào nhờ đồng bào dân tộc sửa ngay, sửa thật nhanh để kịp cho đoàn vào. Nửa chiều sẽ tới đó. Địa phương hứa sẽ làm kịp".

Nhân hỏi:

"Có phải cầu bắc qua Krông Ana không?"

Xuân lắc đầu:

"Em cũng không rõ"

Cô giáo trả lời thay:

"Đúng đấy anh ạ. Cầu Krông Ana. Khi em ra đây, còn chưa hư".

Rừng Trường Sơn hai bên dày đặc. Mưa to quá. Không một bóng thú rừng, không một tiếng chim hót. Cả tiếng vượn hú gọi bầy buổi sáng cũng không có. Tất cả đều sũng nước. Suối nhỏ đã thành thác rồi, chảy băng băng, nước đục ngầu. Nhiều mái núi đã sạt lở. Xe khảo sát vẫn cố đi tiếp. Cô giáo bảo gần tới một bản làng rồi, có thể nghỉ lại, để cô vô nói với Già làng cho.

Đoạn tiếp theo thoáng đãng hơn, giống như một trảng cỏ tranh.

Khi chiếc xe đang hổn hển lên dốc bỗng thấy trước mặt có một cô gái băng ngang qua đường. Cô hoàn toàn sexy, để lộ toàn bộ vẻ đẹp của mình, của rừng mưa. Cô có nước da trăng trắng, đúng hơn là màu ngà, chứ không ngăm ngăm đen như ta vẫn tưởng. Quần áo cô gói kỹ, vo tròn trong một tấm nilon, ôm ngang trước bụng. Toàn thân đều ướt như cây rừng. Cô đi rất tự nhiên, không vội vã. Hình như cô chỉ có một thoáng liếc nhìn cái ôtô, một thoáng mỉm cười với cái xe, chứ chẳng quan tâm gì đến những người ngồi trong xe. Không thấy có một biểu hiện e thẹn hoặc một vẻ ngượng ngịu nào cả. Đúng là một bông hoa rừng, một con chim rừng chưa một lần nào biết mùi cung tên, tự nhiên quá, hồn nhiên nữa, rất đẹp và đáng yêu biết bao!

Trên xe, không ai nói gì, chưa ai kịp nghĩ gì thì cô gái đã khuất sau một mái cúc dại.

Chợt cô giáo Lan nói:

"Chỉ có cái váy! Một cái váy thôi!".

Mọi người dường như đã hiểu ra. Tưởng tượng ra, đoán ra mà hiểu.

Có thể lúc gặp mưa, trên người cô chỉ mặc có mỗi chiếc váy, như các cô gái khác ở đây, khúc trên thường để trần, cứ tự nhiên núng nính. Cũng có thể, ở nhà cô không còn chiếc váy thứ hai nào nữa.

Theo như giọng nói có phần ái ngại của cô giáo Lan vừa rồi, Nhân hiểu nghiêng về cái ý thứ hai, tức có lẽ ở nhà cô gái kia không còn cái váy nào khác nữa thật. Người dân ở đây còn nghèo lắm.

Trời không còn mưa nặng hạt, đoàn quyết định nghỉ luôn trên xe, không vào bản nữa. Cơm bới mang theo lúc này ngon tuyệt. Mọi người đều có phần. Cô giáo ăn ngon lành lại còn bảo "ăn xong em sẽ hát cho các anh nghe". Không ai hỏi cô giáo có mang theo thứ gì để ăn đường hay không. Cô ấy đã hứa hát rồi mà. Ở đây nếu lên nương làm rẫy mới có ăn trưa.Sau này Nhân mới biết điều đó.

Quá chiều đoàn cũng đến được chỗ cây cầu hỏng.

Khi tới nơi mới biết, đúng là cây cầu gỗ bắc qua Krông Ana, đoạn trên nguồn.

Nhân mừng thầm, đồng bào dân tộc ở đây giỏi quá. Phải chặt năm cây gỗ to, lát đối đầu. Phải đóng cọc đỡ trụ ở giữa và kê đá hai mố cầu hai bên bờ, giằng chặt, xe mới qua được. Vậy mà chỉ trong vòng không đầy một ngày mưa, đồng bào đã làm xong. Mọi người, ở trần, làm việc trong mưa, ướt nhẫy, nhưng cầu đã tạm xong. Một người chỉ huy, vẫy tay cho xe qua. Những người khác, toàn nam giới đứng trên hai mố cầu, bên bờ sông, chăm chú theo dõi, hồi hộp.

Khi tới bản Krông Nô, trời tạnh hẳn. Người đổ ra xem xe ôtô khá đông. Nhất là các em nhỏ, lồng nhồng. Phụ nữ chỉ mặc váy, che khúc dưới. Khúc trên cứ lủng lẳng thoải mái. Riêng các cô thanh nữ không ra xem xe, chỉ lấp ló trên nhà sàn. Cô nào cũng đẹp, có vẻ như muốn khoe bộ ngực tròn chắc và đôi vai trần hấp dẫn của mình, cười hết sức tự nhiên và thân thiện.

Người dân ở đây hỏi nhiều nhất là câu: "Các anh có dầu thắp đèn không?". Tiếc quá, xe của đoàn chạy xăng, không có mazút để cho dân thắp đèn.

Nhân hỏi một ông già mới biết, ở đây, lâu rồi, cứ chừng sáu tháng mới có một chuyến xe vào. Phần lớn là xe bộ đội, chạy bằng mazut, bằng dầu DO. Họ hay cho dân dầu thắp đèn.

Lúc này, ở đây chưa có mua bán, thương mại gì, không có cửa hàng, nhà hàng. Tờ mờ sáng, phía sau nhà, chỗ con voi đứng chịu rét thâu đêm, có họp chợ, nhưng chỉ để đổi chác. Không dùng tiền bạc. Đổi bằng ớt khô. Đong bằng lon sữa bò. Ớt được dùng làm vật trung gian để tiến hành đổi chác. Có thể đây cũng là một loại tiền nguyên thuỷ. Thú vị thật.

Đoàn đi chuyến này chưa có kinh nghiệm. Sở không căn dặn gì. Xuân cũng còn bỡ ngỡ. Cô giáo hỏi, ai có quần áo, có thể chưa cần dùng tới hôm nay, ngày mai thì gom lại, mang ra đổi lấy thức ăn, chứ ở đây không dùng tiền được. Kết quả đổi được ba con gà, chia làm ba bữa. Gạo thì đoàn có mang theo. Mắm muối cũng vậy.

Cô giáo không có nhà ở đây, chỉ ở lại với các em học sinh, với đoàn tại nhà một cô bạn, chị bạn thì đúng hơn, vì người chị này đã có chồng và một cháu nhỏ.

Cơm chín, không đủ bát đĩa. Cô giáo chạy một vòng khắp bản, mượn được 8 cái bát sứt, 8 cái muỗng, không có đũa, bẻ que củi làm đũa.

Bữa cơm thật ngon và vui, cô giáo cũng tham gia. Riêng gia chủ, tức gia đình chị bạn không tham gia. Không có cái tục ấy.

Gia chủ nấu sau, ăn sau. Tất cả nấu trong hai cái soong thật sạch, được đánh bóng loáng. Một soong thổi cơm. Một soong nấu món gì lạ lắm, giống như canh mà khi đang sôi lại khuấy lên, đặc sệt như cháo. Nấu bằng một thứ lá rừng, nói bằng tiếng dân tộc, Nhân không hiểu, không nhớ được. Bỏ thêm vào một nắm to ớt hiểm. Chắc là cay lắm, người dưới xuôi không thể ăn được. Mọi người đều ăn vào một cái chén bự, to bằng một cái tô nhỏ.

Cháu bé được ăn đầu tiên. Cháu còn phải bế trên tay. Người mẹ đút cho cháu ăn cái thứ cháo cay cứng lưỡi ấy. Vậy mà cháu chẳng khóc tý nào, lại còn cười toe toét, đạp chân, múa tay. Xong, mới đến lượt mẹ cháu. Cũng trong cái chén ấy. Một ít cơm, một ít cháo, trộn lẫn. Người thứ ba được ăn theo kiểu xếp hàng này là đức ông chồng. Cũng chỉ một chén như thế. Người cuối cùng được ăn lại là người lớn tuổi nhất. Cô giáo giải thích: ông chú. Người đàn ông em bố chồng này phạm một lỗi gì khá nặng, bị Già làng xử phạt, phải ăn sau cùng. Còn thì ăn, hết thì thôi. Tục lệ này khi đoàn lên đây, còn nghiêm ngặt.

Đêm rét quá, ai cũng xoa tay, xít xà, co ro. Cô giáo đốt một đống lửa lách tách, phần phật ở giữa nền nhà ngoài. Chuyện vui mới biết, cô dạy ở đây được hơn hai mùa bắp rồi. Dạy một lúc những 5 lớp, hai lớp 1, hai lớp 2 và một lớp 3. Chia làm hai buổi, sáng, chiều.Tất cả học sinh trai gái đến lớp đều không đủ quần áo mặc.. Cô cười hỏn hẻn:

"Chỉ một mình em mặc đủ quần áo, kỳ quá!"

Chẳng mấy chốc, các bạn đến thăm cô rất đông, có đến năm, sáu, rồi bảy, tám cô cậu. Họ nói với nhau toàn bằng tiếng dân tộc. Nhân uống với họ vài ly rượu đế, rồi tìm cách rút lui. Riêng cậu Xuân, được cô giáo giữ lại với đám bạn bè. Anh em đi ngủ, nằm trên liếp nứa, cũng êm lưng. Nhưng Nhân không ngủ được, lạnh quá, chưa quen với vùng này. Các bạn trẻ chuyện trò rôm rả, hát với nhau, nhảy múa với nhau nữa, quanh bếp lửa. Hôm đó Nhân chỉ chập chờn. Hình như có lúc trăng rất sáng. Ánh trăng lọt vào sàn nhà, vào liếp nứa, mơ hồ quá, mơ màng quá. Sáng ra anh vươn vai mấy cái, cảm thấy vui vui và còn ngạc nhiên vì không thấy mệt.

Ngày hôm sau đoàn chia làm hai nhóm: một nhóm quá trưa đã chọn xong vị trí cầu Krông Nô, kéo thước thép đo đạc chiều dài cầu, bắc máy vẽ trắc ngang lòng sông, tìm mớn nước lũ, cắm mốc, giấu cọc vv. Nhóm kia đến chiều cũng đã phát rừng, lập xong bình đồ, đi cao đạc, đóng xong hai đường cong, nối thông được tuyến đường hai đầu cầu.

Cô giáo dẫn các em học sinh ríu rít ra tận vị trí cầu, xem anh em làm, giúp đóng cọc, bôi sơn. Nhân chỉ vào mấy cái cọc gỗ, mốc đá có sơn đỏ, nói với các em:

"Cọc cầu, cọc đường đấy. Các em đừng để trâu bò phá nhé."

Cô giáo nói với đoàn bằng tiếng Việt, dịch cho các em học sinh bằng tiếng dân tộc. Dịch xong, các em và cô giáo đều cười vui vẻ, líu lo bằng tiếng dân tộc, mắt ngời sáng.

Cậu Xuân bảo muốn nhảy xuống sông tắm, nước cạn thôi, nhưng lạnh quá, không dám. Gọi là sông, có cái gì đó còn chưa đúng là sông. Gọi là suối lại cũng không còn là suối nữa. Con sông còn quá trẻ, đang thời niên thiếu, đang lớn dần lên, lòng đầy sỏi cuội, nhiều thác đá, còn nguyên sơ và đáng yêu biết bao!

Cậu Xuân lén trao cho cô giáo một vật gì đó, nho nhỏ, hình như một viên cuội mà anh vừa tìm được. Cô giáo nắm bàn tay lại ngay, cười rất tươi. Nhân chợt nhớ đến một câu thơ của ai đó:

"*Nghe đá mềm trong tay*"

Hôm đó Nhân và anh em chụp được nhiều hình đẹp, có đủ các em học sinh và cô giáo Lan. Tất cả đều trẻ đẹp, đầy sức sống mới, như suối, như sông, như suối đang lớn lên thành sông của núi rừng Tây Nguyên.

Nhân còn chụp được cả viên cuội nằm tròn trong tay cô giáo. Cô xoè bàn tay cho Nhân chụp rất hồn nhiên. Đó là một viên cuội trắng, hồi lâu cô nắm chặt quá và Nhân cảm thấy hình như viên cuội trắng đã thấm đẫm.

Từ bấy đến nay ...Ông Nhân ngẫm nghĩ ...Đã bao nhiêu năm rồi? ...Đúng là không ai có thể đuổi kịp thời gian... Cầu đã xây xong từ lâu lắm rồi...Ông chợt thấy buồn vì đã không có dịp trở lại.

Ông nhớ đến một khổ thơ mà ông đã viết để tặng cho anh chị em công nhân cầu đường, những người đồng nghiệp của ông, hình như cũng vào dạo đó:

Đường làm xong anh vội ra đi

Cầu xây xong trở lại mấy khi

Nếu không có một đêm trăng lạnh

Em bảo rằng anh nhớ trở về.

Vậy là, hóa ra đã có một đêm trăng lạnh thật, một cuộc gắn bó, những lời hẹn hò mà ông Nhân không hề được biết đến và cậu Xuân sau đó đã lại xuyên rừng trở về... Ôi, lớp trẻ, đáng yêu biết chừng nào!...Ông Nhân vẫn lặng lẽ đuổi theo những ý nghĩ của mình... Cái đêm trăng ấy, có phải vậy chăng, lạnh như ngày xưa mình đã chập chờn nhận biết và viết ra không nhỉ?.. Không sao... Cái lạnh đã làm cho đôi bạn trẻ xích lại gần nhau hơn và sau đó họ đã nên vợ nên chồng?...Đã có con trai, con gái? ...Tuyệt quá!...

Chàng trẻ tuổi tự xưng tên Việt là Tuấn, con mẹ Lan và bố Xuân. Anh về Thành phố Hồ Chí Minh để học Đại học Khoa học tự nhiên, Khoa Tin học.

Anh run run, lục tìm trong balô, hồi hộp lấy ra một chai rượu nhỏ màu nâu thẫm nói:

"Bố mẹ con gửi biếu bác chai rượu hổ cốt. Mẹ con bảo phải đưa tận tay bác".

Chàng trẻ tuổi còn run run đưa cho ông Nhân xem một cuốn album nho nhỏ, trong đó có đúng mấy tấm hình mà ngày xưa ông đã chụp...

Ông Nhân nắm chặt tay, ôm chặt vai chàng trai trẻ, lắc thật mạnh rồi quàng tay ôm chặt lấy cả người anh như ôm một đứa con trai, đi xa lâu ngày trở về.

Ông như muốn thốt lên:

"Ôi, Tây Nguyên! Tây Nguyên của tôi!".

NGUYỄN XUÂN THỦY

MỘNG DU

truyện ngắn

VŨ NGỌC TIẾN

Tặng T Cá Sấu & bác chủ Web TN

1. Đạo vừa nhận căn hộ 17.02 ở khu đô thị dành cho các đại gia được dăm ngày, nhưng tiện nghi chẳng thiếu thứ gì, toàn loại hàng hiệu. Giao giấy tờ sở hữu căn hộ cho anh xong thì Lý tất bật ra sân bay tháp tùng Sếp đi công cán ở nước ngoài. Các bạn "chiến hữu" của hai vợ chồng, nói chính xác hơn là những người chịu ơn Lý đã nhiệt tình mua sắm, lên đời mọi thứ tiện nghi cho xứng với căn hộ cao cấp của anh. Có vợ làm thư ký riêng cho ông lớn, Đạo nghiễm nhiên bước vào giới thượng lưu, được các đại gia săn đón, cầu cạnh thì mấy thứ quà biếu xén kia chỉ là chuyện vặt. Những xấp tiền "đô" thơm phưng phức, liền số, cùng seri cứ nối tiếp nhau chui vào két, cả anh và Lý có lúc không kịp đếm. Mới có mấy năm mà Đạo đã ba lần thay đổi chỗ ở, lần sau rộng rãi, sang trọng hơn lần trước và đương nhiên vị trí căn hộ cũng đắc địa hơn. Lý bảo, nàng rất tâm đắc lời của một đại gia trong làng kinh doanh bất động sản: "Xét giá trị một căn hộ thì thứ nhất- vị trí, thứ nhì- vị trí và thứ ba cũng vẫn là vị trí." Lần này Lý tháp tùng Sếp đi công cán ở châu Âu khá lâu vì gặp đúng dịp lễ Giáng Sinh và Tết dương lịch. Giá như nàng chịu nghe lời, sinh cho anh một đứa con thì cũng đỡ nhớ, nhưng nàng bảo hãy thư thư để tận hưởng cuộc sống thêm vài năm cũng chưa muộn, vả lại làm thư ký cho Sếp phải tiếp khách thường xuyên mà vác cái bụng vượt mặt thì khó coi lắm!...

2. Đạo đọc gần xong cuốn sách, mệt mỏi thiếp đi. Không gian bốn bề tĩnh lặng. Đêm cuối năm giá lạnh, sương giăng mờ ảo. Giấc ngủ bồng bềnh trong nỗi nhớ nhung cùng những ám ảnh về cuộc tình thời cách mạng văn hóa trong cuốn sách vừa đọc của tác giả Trung Quốc cứ khiến anh chập chờn tỉnh thức, hồn lạc vào cõi hư vô. Anh cảm thấy có người lay gọi, thì thầm bên tai những lời nghe không rõ, nhưng ma mỵ đến kỳ lạ. Đạo vén chăn ngồi dậy. Anh lại gần chiếc tủ ba buồng, mở ngăn treo quần áo lựa chọn một bộ đồ sang nhất vẫn dùng đi dự tiệc. Đạo đóng bộ, soi gương, đi giầy rồi lặng lẽ mở cửa, đi về phía cầu thang máy và ấn nút lên sân thượng. Đêm chìm vào sâu. Sương giăng mỗi lúc một dày thêm. Từ sân thượng tòa nhà 34 tầng, anh say sưa ngắm nhìn bầu trời đen thẫm, không một vì sao, chấp chới ánh đèn như ma chơi của mấy chiếc cần trục, nơi những tòa nhà đang thi công. Chợt cánh cửa sắt ra sân thượng lạch cạch mở. Một cô gái bước ra như nàng tiên xuất hiện giữa trời đêm bao la, huyền ảo. Nàng mặc chiếc áo măng-tô màu xanh da trời, chiếc mũ nồi cùng màu đội lệch trên mái tóc nâu óng mượt. Bóng đèn nhỏ chỗ cửa ra sân hắt xuống gương mặt trái xoan, sống mũi cao và thẳng, làn mi cong, cặp mắt đen hút hồn người đối diện. Bước chân nàng nhẹ như đi trên mây. Vóc người thon thả, tỏa thơm mùi nước hoa hàng hiệu của Pháp. Đạo sững người, đứng thẳng như cây cột điện, giương to cặp mắt nhìn cô gái đang bước lại gần. Nàng nhìn thẳng vào mắt anh, khẽ mỉm cười. Nụ cười làm sáng cả một góc trời đêm tối trăng. Bàn tay như đóa sen trắng chìa ra cho anh nắm lấy, lạnh như tảng băng. Hơi lạnh truyền lan nhanh khắp người anh, đến tận chân lông kẽ tóc. Tiếng nàng nhỏ nhẹ du dương:

- Chào nhà thơ! Em là Liên, ở căn hộ 34.02 nghĩa là trùng khớp với căn hộ của anh, nhưng ở độ cao gấp đôi nên ta có duyên gặp nhau đêm nay.

- Lạ nhỉ. Tôi vừa dọn đến, chưa hề nói chuyện với ai trong chung cư, sao cô biết tôi là nhà thơ?

- Đơn giản vì chỉ những nhà thơ mới thơ thẩn ngắm trời đêm trong giá buốt, cách nhân thế dưới mặt đất cả trăm mét cao vời vợi thế này thôi. Chẳng phải các nhà thơ thường bảo, cô đơn là nguồn mạch cảm hứng bất tận của thi ca đó sao? Em còn biết chị nhà đi xa làm anh bất an không

ngủ được.

- Nhỡ cô đoán sai thì sao nhỉ?

- Thì em sẵn sàng chịu phạt, nhưng em không nhầm đâu- Nàng nheo mắt cười tình tứ. Cái nhìn kèm theo nụ cười ấy có sức thôi miên, làm anh lạnh buốt sống lưng, nhưng vẫn tò mò, muốn bắt chuyện làm quen với cô gái lạ. Anh chủ động gọi tên nàng và hỏi:

- Liên ở đây đã lâu chưa?

- Lâu rồi, nhưng bây giờ thì em đang ở xa…rất xa chốn đông người. Căn hộ giờ chỉ còn mình mẹ em sống thôi.

- Sao thế?...

- Cái số em đến lúc phải đi xa, sống trong ngôi nhà bằng đá hoa cương, có bùa hộ mệnh mới được an lành. Mẹ em phải lặn lội về tận làng Xuân Vũ, xã Ninh Vân, gần thành phố Ninh Bình để thuê hẳn tốp thợ giỏi nhất của nghệ nhân Đinh Ngữ chạm khắc theo mô-tip họa tiết thời nhà Lê cho ngôi nhà của em. Bà lại vừa gửi cho em từng xấp tiền "đô" nguyên nếp, thơm phưng phức và cả một chiếc xe hơi Camry 3.0 màu đen đập hộp, đang đậu dưới kia…

- Liên thật sung sướng, dư thừa mọi thứ sao còn lánh đời, sống ở tận nơi xa xôi thế?

- Hạnh phúc là gì hở anh? Tiền bạc ư? Tiện nghi hiện đại ư? Tất cả chỉ là phù du, chỉ là thứ "tro tiền giấy bay" quanh mả Đạm Tiên xưa của cụ Nguyễn Du thôi.

- Liên còn có mẹ, để bà thui thủi một mình ở đây sao tiện.

- Vẫn biết thế là bất hiếu, nhưng số em phải vậy nên đành cam chịu. Mẹ thương em lắm! Bà mua hẳn một khu đất trên sườn đồi, xây nhà bằng đá hoa cương bên hồ sen và khuôn viên bao quanh có giàn cây leo, lại có cả những phiến đá đặt bên gốc cây đại, cây ngâu, cây mộc… Trên mỗi phiến đá, bà thuê khắc những câu thơ em yêu thích, chép vào sổ tay từ thời sinh viên. Bà bảo với mọi người, nó vẫn hằng mơ có một "Thạch thi viên" để thi thoảng ngắm trăng, đọc thơ nên tôi cho nó toại nguyện.

- Người yêu con, lãng mạn như thế thật hiếm, nhưng bà phải là đại gia tầm cỡ mới có thể tậu ô tô cho em giống hệt người khác đi chợ mua một mớ rau, Liên nhỉ.

- Thời bây giờ, mẹ muốn mua tặng em chiếc xe hơi đời mới chẳng khó.Tại một phố cổ trong nội đô, gần chợ Đồng Xuân có rất nhiều đại lý, muốn đặt xe loại gì đều được thỏa mãn trong vòng ba ngày. Xưởng lắp ráp siêu nhỏ đặt ở bãi Phúc Xá ngoài bờ sông. Bà chủ ở đó quanh năm đi lễ chùa, nhân viên có dăm người toàn đàn bà con gái, nhưng tay nghề thượng thặng. Mẹ em đã đến tận nơi kiểm tra đúng xe màu đen bóng láng, nội thất bên trong đầy đủ những gì em thích mới chịu thanh toán. Còn chuyện bà vất vả nuôi em khôn lớn thành người thì dài lắm, em sẽ kể sau… Liên ngừng lời, đứng lặng, cùng anh nhìn ra bốn phía trời đêm thẫm đen như mực tàu. Nàng ở rất gần mà hình bóng khi mờ khi tỏ. Anh không cảm nhận được hơi thở của nàng, chỉ thấy tim mình đập loạn nhịp. Hồi lâu nàng hỏi:

- Nhà thơ có muốn đi thăm ngôi nhà bằng đá hoa cương và "Thạch thi viên" của em không? Xe đang đậu dưới kia, em sẽ lái xe chở anh đi.

- Dùng xe của anh cho tiện, cũng là chiếc Camry 3.0 màu đen như của em thôi mà.

- Ta đi xe của em tiện hơn vì em thuộc đường. Lên xe rồi em sẽ kể chuyện đời mình cho anh nghe, được không?

Đạo khẽ gật đầu. Anh dắt tay nàng cùng ra cầu thang máy, ấn nút xuống tầng âm của chung cư. Hai người dùng dằng hồi lâu, nàng mới chịu nhường vô lăng cho anh cầm lái. Đạo đã bật điều hòa chiều nóng sao vẫn thấy lạnh ghê người. Cái lạnh dường như từ trong người anh lạnh ra. Nàng ngồi bên, vẫy tay về phía người bảo vệ. Cậu ta ngồi ngây như phỗng, gương mắt nhìn cánh cửa sắt đường hầm không người kéo vẫn tự động mở ra. Chiếc xe nổ máy, lao vút vào màn đêm sương rơi dày đặc...

3. Đạo lái xe, đầu óc chơi vơi trong vô thức, nửa mê nửa tỉnh, nghe nàng kể chuyện: Anh vừa bảo, mẹ em chắc phải là đại gia tầm cỡ trên thương trường mới đủ khả năng làm nhà bằng đá, sắm sanh cho em đủ thứ hàng hiệu đắt tiền. Thật ra, bà chỉ là giáo viên dạy văn cấp III trường huyện ở một tỉnh lẻ. Gia tài của mẹ chẳng có gì ngoài mấy tập thơ, dăm cuốn tiểu thuyết in giấy đen xì, thô nháp thời bao cấp. Cha em là kỹ sư cơ khí, tốt nghiệp Đại học Bách khoa năm 1975. Ông bà lấy nhau năm 1979 được vài tháng thì nổ ra chiến tranh biên giới, ông phải nhập ngũ và chết trận ở Hà Giang nên em ra đời đã không bao giờ được biết mặt cha. Mẹ em ở vậy nuôi con trong sự khốn cùng của đất nước những năm hậu chiến. Ngay cả khi nước mình đổi mới, giáo viên dạy văn ở xó nhà quê như bà cũng chẳng có thêm thu nhập gì ngoài mấy đồng lương còm, vẫn phải cuốc đất trồng rau, nuôi thêm gà, lợn để có đủ tiền nuôi em ăn học. Khi em đỗ thủ khoa Đại học Ngoại thương, bà quyết định xin nghỉ hưu sớm, bán hết cửa nhà, vườn tược lên Hà Nội ở trọ để chăm sóc, kèm cặp con gái khỏi sa ngã giữa chốn phồn hoa đô thị. Tiền thuê nhà, học phí ở trường, học thêm vi tính rồi cả học thêm tiếng Anh, tiếng Pháp và biết bao nhu cầu khác của hai mẹ con đều trông cậy vào thúng xôi buổi sáng, tủ thuốc lá bán buổi chiều và đêm của mẹ. Suốt mấy năm ở trường Đại học, em hiểu cái nghèo, thấm cái nhục của dân ngụ cư tỉnh lẻ nên miệt mài đèn sách. Ra trường, tự tin ở tri thức, năng lực và cả sắc đẹp trời cho của mình, em chỉ nộp đơn dự tuyển vào những công ty danh tiếng, có trụ sở đàng hoàng to đẹp giữa trung tâm thành phố. Trong em cháy bỏng lên khát vọng đổi đời...

- Chuyện em kể dông dài, nhàm chán quá, phải không anh?- Nàng ngừng kể, quay sang hỏi Đạo.

- Thì chuyện gì cũng phải có đầu có cuối chứ em.

- Vâng, nhưng em sẽ không làm mất thời giờ nữa, vả lại trời cũng sắp sáng rồi. Em có tật sợ ánh sáng mặt trời.

- Liên kể tiếp đi, anh đang nghe đây...

4. Cơ duyên dẫn dắt em vào Tổng công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng. Nó thực chất là sân sau của các ông lớn nên cơ quan chỉ có hơn hai chục người dạng con vua cháu chúa, nhưng trụ sở nghênh ngang chiếm cả một tòa biệt thự cổ của người Pháp, trên đường phố lớn ở trung tâm thành phố. Ở đó lương cao, bổng lộc nhiều, công việc nhàn hạ đã ru ngủ em mê muội, lao vào cuộc tình với Tổng giám đốc Huân, một người đàn ông lịch duyệt, tinh tế trong từng cử chỉ, lời nói. Anh cũng là người tỉnh lẻ như em, vì có biệt tài ngoại giao, lại chơi thân với Chủ tịch công ty là con ông lớn nên được bạn đôn rất nhanh từ cấp Trưởng phòng thẩm định dự án lên chức Tổng giám đốc. Họ là cặp bài trùng đem về Tổng công ty nhiều dự án ODA rất béo bở. Mỗi lần ông lớn đến Tổng công ty do con trai làm Chủ tịch, gặp Huân ông đều rất hài lòng về cách ứng xử khôn khéo, hiệu quả công việc của anh, quý mến anh như con mình. Em làm thư ký cho Tổng giám đốc, nhưng Huân rất biết cách tôn trọng, tế nhị tặng hoa vào sáng thứ hai để em cắm lọ lên bàn làm việc của thư ký. Anh nhẹ nhàng hướng dẫn em trong công việc; ân cần hỏi han, chăm sóc cả những khi em khó ở theo chu kỳ hàng tháng của đàn bà. Huân hiểu tâm lý phụ nữ, nắm bắt rất nhanh từng sở thích nhỏ của cô thư ký. Đi công cán nước ngoài về, anh có quà cho riêng em, đôi khi còn gửi thêm phần quà lịch sự nhờ em mang về biếu mẹ. Gói quà nào của anh mở ra em đều

thích thú, ngỡ như tự tay lựa mua cho mình, cho mẹ. Nghe anh đàm luận với bạn bè trên bàn tiệc uyên bác như một triết gia, em thầm mơ ước có được người bạn đời chỉ cần bằng nửa của anh thôi. Lúc đầu chỉ là nỗi nhớ thoảng qua trong ngày chủ nhật, sau như mưa dầm thấm lâu, em ngã vào lòng Huân trong một chuyến đi xa. Từ ngày làm người tình của Huân, em càng được quan tâm chăm sóc, cưng chiều hết mực. Anh chu cấp tiền cho em tậu căn hộ chung cư cao cấp, mua sắm cho em đủ thứ tiện nghi. Anh đưa em đến những vũ trường sang trọng, dẫn dắt em thâm nhập vào giới thượng lưu và tự hào bảo rằng, nhiều đại gia hay các ông lớn nhìn em đi bên anh mà ấm ức thèm khát. Em ngây ngất trong men say tình ái, chỉ có mẹ chẳng mấy hứng thú với sự giầu lên quá nhanh của em. Bằng linh cảm của người mẹ, bà căn vặn đủ điều, phập phồng lo sợ, mà em cứ làm thinh hay cười xòa. Bà rất buồn, lắm khi đe nẹt, dằn hắt em vô cớ…

- Sao mẹ em lại buồn? Em gặp vận may thế cơ mà!...- Đạo ngắt lời nàng và hỏi.

- Vì Huân đã có vợ và hai con.

- Chuyện tình cảm thật khó tránh em nhỉ.

- Nhưng em đã nhúng tràm lại không biết dừng đúng chỗ. Em đã thành con đàn bà hư hỏng, tham lam và mê muội.

- Chưa hẳn thế đâu, em đừng tự trách mình…

5. Nàng đột nhiên nắm tay vào vô lăng, bảo Đạo tạt xe vào mép đường, gục xuống vai anh thổn thức. Đạo vẫn bần thần, ngây ngô chẳng biết nói lời động viên, chỉ nghe mang mang trong đầu những âm thanh vọng từ xa thẳm. Trời đã gần sáng. Sương mờ bao phủ dày đặc, không rõ mặt đường, Đạo phải bật đèn vàng cho xe đi tiếp và nghe kể chuyện… Chỉ tại em không nghe lời mẹ- Nàng kể- Thế nên có một ngày em phải trả giá bằng 50 viên thuốc ngủ. Lần ấy, em cùng Huân đi đàm phán để được làm Tổng B một dự án hàng chục ngàn tỷ đồng. Nếu đàm phán thành công, chỉ cần nhường lại cho doanh nghiệp khác là bên em ẵm gọn hàng trăm tỷ. Những cuộc làm việc kiểu này thường là họp kín. Bên đối tác cũng chỉ có hai người: một là quan chức cấp Bộ trực tiếp theo dõi, quản lý dự án; còn một nữa là ông Sếp bự của cơ quan đang làm chủ đầu tư. Suốt buổi làm việc, hai ông cứ hau háu nhìn em, còn trong đàm phán thì nói lời úp mở, không ra gật, cũng không ra lắc đầu. Đôi khi ông Sếp bên A lại nói vài câu ỡm ờ, chẳng ăn nhập gì với nội dung thảo luận. Là người nhanh nhậy, nắm bắt tim đen của người đối thoại nên Huân vẫn kiên trì thuyết phục và ngầm hứa hẹn nhiều điều úp mở hệt như họ. Lúc chia tay, anh vẫn nhiệt thành nắm chặt tay từng ông hẹn làm việc tiếp. Mấy ngày sau đó, Huân luôn bẳn gắt, đăm chiêu tìm phương kế tháo gỡ bế tắc của bản hợp đồng ngon ăn, đem về hàng núi của. Chủ tịch công ty kéo cả ông bố mình vào cuộc, nhiều lần thì thầm mật đàm riêng với Huân, không cho em tham dự. Huân nghỉ việc nằm nhà vài hôm làm em cồn cào ruột gan, chỉ lo anh đổ bệnh. Hôm đến công ty làm việc trở lại, anh bàn với em rủ Bích- cô bạn thân vừa đoạt giải Á Hậu cùng đi Nha Trang tắm biển, tham dự các bữa tiệc đãi đằng hai vị khách quan trọng của bản hợp đồng. Biết bạn mình ham vui, ưa thích quảng giao, em đồng ý và Bích cũng nhận lời ngay tắp tự. Thế rồi đêm ấy, ba ngày sau khi đến Nha Trang, chủ khách đã thân tình, có lúc hơi buông tuồng bỡn cợt, chúng em uống rượu tới khuya, bị Huân lén pha thuốc kích dục vào hai ly rượu vang Pháp. Em và Bích đều choáng váng hơi men, trong người rạo rực khác thường, chỉ láng máng thấy Huân lăng xăng giúp hai ông khách dìu bọn em về phòng của họ… Em tỉnh dậy lúc trời sáng bạch, kinh tởm nhìn thằng chó đểu ngồi phì phèo thuốc lá, mắt trũng sâu mà vẫn há hốc mồm nhìn em thèm khát. Em gầm lên như hổ dữ, lao vào cào cấu, tát cho hắn mấy cái rồi hớt hải chạy sang phòng bên. Cái thằng phá đời con gái của Bích đã theo Huân chuồn lẹ xuống tầng trệt uống café, để mặc bạn em ngồi khóc nấc, dưới ga giường có vệt máu khô. Bích nhìn em bằng cặp mắt có lửa, có lẽ nó căm thù và khinh bỉ em đồng lõa với âm mưu của Huân. Em không dám lại gần an ủi bạn, để nguyên đầu tóc rũ rượi chạy đi tìm Huân, thề với lòng sẽ làm cho mọi chuyện lanh tanh bành để bàn dân thiên hạ cùng biết. Vừa nhác thấy em trong bộ dạng như vậy, Huân đã nhanh hơn, đứng ra cản đường rồi bế thốc em lên phòng, miệng la to: "Vợ tôi lên cơn động kinh, nhờ mọi người làm ơn tìm hộ bác sỹ lại

tiêm cho cô ấy một mũi an thần." Động tác khôn ngoan của anh ta thật nhất cử lưỡng tiện, vừa át tiếng chửi rủa của em, vừa thanh minh với đám đông đang tò mò vây quanh. Lên đến phòng, Huân ném em xuống giường. Anh ta chốt chặt cửa ra vào, kéo rèm che kín cửa sổ và ngăn tiếng ồn. Xong xuôi, anh ta lỳ lợm ngồi xuống ghế, thản nhiên nghe em mặc sức gào thét, chửi anh ta là loài Sở Khanh, đem người yêu ra làm vật để mặc cả, đổi chác trong hợp đồng. Em còn xỉa xói, gọi anh ta là thằng lưu manh chuyên nghiệp khoác áo doanh nhân… Cảnh tượng ấy kéo dài hơn một giờ thì em kiệt sức. Lúc đó Huân mới lộ nguyên hình là con quỷ ác. Anh ta nói đốp thẳng vào mặt là không hề yêu em, chỉ mua vui như với mấy cô thư ký tiền nhiệm. Cuộc tình đến đây chấm dứt, đường ai nấy đi. Huân còn trả đũa mỉa mai, ví em là con điếm thượng lưu, có hai năm mà thu nhập gấp vài chục con điếm hạ lưu ngoài đường hành nghề cả đời. Cuối cùng, anh ta gằn giọng đưa ra hai phương án: một là em im lặng rời khỏi công ty; hai là chân đã lấm bùn thì bước tới, làm vợ hờ của Sếp bên A sẽ có nhiều tiền, rất nhiều so với Huân đã chu cấp cho em. Nói rồi anh ta quay gót, rảo bước ra ngoài. Tiếng đế giầy đanh gọn nện lên sàn nhà khác nào có ai móc quả tim em ra ném vào cối để anh ta cầm chày giã giò, làm chả…

6. Nàng đầm đìa nước mắt, chỉ lối cho Đạo lái xe rẽ vào con đường có hàng cây nhãn cổ thụ, rồi lượn quanh quả đồi cho xe hướng về phía "Thạch thi viên". Đến nơi thì Đạo dường như mệt lả. Anh chỉ lờ mờ cảm nhận thấy bờ vai và đôi tay lạnh ngắt của nàng dìu mình leo từng bậc lên đồi. Bên tai anh vẳng tiếng vỗ về ngọt lịm và du dương: "Anh cố thêm một chút nữa thôi. Vào bên trong em sẽ để anh nằm ngủ một giấc thật say trong ngôi nhà bằng đá. Em tranh thủ lúc trời chưa sáng rõ, đọc cho anh nghe những câu tuyệt bút của Nguyễn Du và các thi nhân tiền chiến. Trong các nhà thơ đương thời em thích nhất một bà nữ sĩ chạc tuổi mẹ em. Thơ của bà có lời dung dị mà vẫn cao sang, quyết liệt mà mượt êm. Nhạc thơ uyển chuyển mà sâu đằm triết luận. Chỉ bằng một câu tâm sự với nàng Kiều, "Em như vạt cháy rừng quanh năm đòi cứu hỏa, như ngọn lũ sông Hồng chỉ chực vỡ đê", nữ sĩ đã nói dùm đàn bà chúng em cái khát vọng được sống, được yêu, được là chính mình. Tiếc là khi đi, em chưa kịp chép vào sổ tay cho mẹ thuê khắc vào đá bầy trong "Thạch thi viên" này!... Và nàng say sưa ngâm những bài thơ của các thi nhân tiền chiến thay lời hát ru cho Đạo ngủ yên. Tiếng nàng đưa hồn anh phiêu diêu cùng giấc mơ của một người thơ đang trăn trở thai nghén, đợi giờ sinh nở sự sáng tạo… Rạng đông dần ửng hồng, đẩy vầng dương lên cao. Sương tan. Những tia nắng hanh hao rắc bụi phấn vàng lên vòm cây, thảm cỏ. Tiếng người lao xao dưới chân đồi lay Đạo tỉnh mộng. Anh sững sờ nhận ra mình đang nằm bên nấm mộ chế tác bằng đá hoa cương nguyên khối, trên đó chạm khắc cảnh đầm sen đang mùa trổ hoa dưới trời mây lồng lộng. Từng nét hoa văn tinh xảo, mang dáng dấp truyền thống điêu khắc thời Lê. Bàn tay tài hoa của người thợ đá Ninh Vân đã tạo dựng ngôi nhà bằng đá đúng như lời nàng mô tả đêm qua. Đạo dứng dậy, phóng tầm mắt nhìn ra xung quanh mới biết đây chính là nghĩa trang tư nhân mang tên "Công viên cực lạc", nơi yên nghỉ của các đại gia hay gia đình quyền chức. Khuôn viên của nàng nằm ở sườn đồi phía Tây, nhìn ra dòng sông, xa xa là núi Tản Viên, phong thủy thật là đắc địa. Bao quanh mộ là "Thạch thi viên" có giàn cây leo trồng giống lan tiêu bò kín một khoảng không vừa đủ che mát bộ bàn ghế bằng đá. Mỗi chậu cây cảnh đi kèm một phiến đá hoa cương mài nhẵn bóng, khắc lên những câu thơ tuyệt bút: "Bất tri tam bách dư niên hậu- Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như" (Nguyễn Du); "Người đi một nửa hồn tôi mất- Một nửa hồn kia bỗng dại khờ" (Hàn Mặc Tử); "Khi ta ở đất là nơi đất ở- Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn" (Chế Lan Viên); "Suốt giời không một vì sao- Suốt giời mực ở nơi nào loãng ra" (Nguyễn Bính)… Đạo thẫn thờ dạo quanh hoa viên của nàng. Anh xuống chân đồi chợt nhìn thấy chiếc xe Camry 3.0 màu đen, biển số đẹp của mình đậu ở đó. Thì ra chiếc xe của nàng chỉ là ảo giác và anh đã hiểu vì sao nàng bảo mẹ mình chỉ cần đặt mua ở phố cổ nội đô, gần chợ Đồng Xuân, còn xưởng lắp ráp ngoài bãi Phúc Xá chỉ toàn đàn bà, con gái và bà chủ thì quanh năm đi lễ chùa…

Dọc đường lái xe về nhà, Đạo thầm hứa với Liên sẽ về Ninh Vân thuê thợ làm thêm một phiến đá có khắc câu thơ của nữ sĩ đương thời mà lúc còn là sinh viên nàng hằng yêu thích. Lòng anh bỗng nôn nao nhớ vợ, muốn gọi Lý về mau, cùng thăm lại gian nhà trọ tồi tàn thủa hàn vi hai vợ chồng đã từng sống êm đềm, hạnh phúc bên nhau…

Hà Nội 2011

VŨ NGỌC TIẾN

CHUYỆN TÌNH CỦA AN

tâm bút

KHẢI TRIỀU

Một hôm, An đang ngồi trong tòa soạn một Nhật báo, thì nhận được một lá thư, anh mở ra xem thì đó là một bài thơ, viết tay. Nội dung nói đến một người con gái buồn về chuyện tình duyên của mình, nên đã "vào tu viện" ở Bảo Lộc. Ký tên dưới bài thơ là tên một cung bậc trong ngũ cung (Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ). An chưa đọc bài thơ nào ký bút hiệu này. Tuy nhiên, bài thơ lại tặng cho một trong mấy bút hiệu mà An thường ký dưới những bài thơ đã in trên trang Văn Nghệ của tờ Nhật Báo anh đang cộng tác.Nếu không có mấy chữ này thì An không bận tâm từ đó đến nay.

"Từ đó" là một thời gian đã rất lâu, An không nhớ rõ năm nào, nhưng chắc chắn là trên dưới năm mươi năm, lúc đó An vừa đi làm vừa học để chuẩn bị cho kỳ thi Tú Tài, nếu đậu, An sẽ học Đại học Văn Khoa, đó là mộng ước của An. Học xong, An sẽ đi dạy, rồi cùng với dăm ba người bạn thân, An sẽ ra một tờ tạp chí Văn Học Thời Đàm.

Thế rồi, chính trường miền Nam liên tiếp xảy ra những biến động, xáo trộn và bất ổn. Đó là những năm 1963-1965. An cũng bị lôi cuốn vào cơn lốc thời thế này. Có lúc An tưởng bị "tiêu đời", có lúc An ở vào vị trí khá cao trong làng báo của SàiGòn, (Tổng thư ký Tuần báo Diễn đàn Chính đảng (1971), thuộc Ủy ban Phối hợp Hành động Các Chính đảng). Ủy ban này được thành lập để chuẩn bị cho một thế chính trị, lúc đó đang được đặt trên bàn tại cuộc Hội nghị ở Paris (Pháp) giữa các bên trong cuộc chiến (1955-1975); có lúc anh là phụ tá đài phát thanh Sài Gòn (trong cuộc đảo chính Tướng Nguyễn Khánh, Thủ tướng chính phủ miền Nam lúc bấy giờ,diễn ra trưa ngày 19-2-1965) rồi nắm chức trưởng từ tối ngày này cho đến sáng hôm sau (20-2-1965), sau khi người trưởng của anh được triệu tập trở về Bộ chỉ huy của cuộc đảo chính, để tham dự một cuộc họp có tính quyết định về số phận của tướng Khánh. Ông phải ra đi. Đó là mục đích chính trị của Lực lượng Bảo vệ Quốc gia, phía tham gia cuộc đảo chính.Tinh thần của cuộc đảo chính đã đạt, cho nên người đứng đầu lực lượng này là Nguyễn Bảo Kiếm chấp nhận rút, để tránh xáo trộn và bất ổn thêm cho miền Nam. Sau khi tướng Thiệu nắm quyền, ông cho mở một phiên tòa xử tử hình khiếm diện Nguyễn Bảo Kiếm. Hình của ông được dán đầy khắp nơi ở Sài Gòn-Chợ Lớn. Trong cuộc đảo chính này, tướng Lâm Văn Phát được lệnh mang một cánh quân lên chiếm phi trường Biên Hòa, dọc đường ông kéo quân trở lại Sài Gòn (Theo lời kể của người phụ trách Đài phát thanh đảo chính, có mặt trong cuộc họp đêm 20-2-1965 tại Bộ chỉ huy đảo chính).Về phần An, anh vẫn tiếp tục cho phát đi những bài có tính chiến lược của cuộc đảo chính suốt đêm hôm ấy, cho mãi đến sáng ngày 20-2, tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh quân Nhảy Dù, tiến vào đài phát thanh, hỏi nhân viên kỹ thuật đài: "Ai chỉ huy ở đây ?" Nhân viên này chỉ vào An nói : "Ông này". An bàn giao lại cho tướng Đống, bảo nhân viên kỹ thuật đài ngừng phát đi chương trình của cuộc đảo chính.

Cũng từ năm đó, chiến tranh lan rộng, lính Mỹ và đồng minh dồn dập đổ vào miền Nam, thanh niên miền Nam được gọi quân dịch, An ở tuổi phải đầu quân. An quên bài thơ, quên người viết bài thơ mà có lúc anh tưởng là cô học trò của anh, qua nét bút.

Một lần, An đến thăm Thanh, người bạn đồng nghiệp với anh tại một tờ nhật báo nọ trước kia, tình cờ An nghe chị Thanh nói về cô học trò của anh, sau này cũng là học trò của chồng chị tại Trường Trung Học LBT. trên đường Trương Minh Giảng. Cô này buồn chuyện tình với một thanh niên nào đó (chị không nói tên) đã bỏ đi tu, vào một dòng tu ở Bảo Lộc, nơi người chị ruột của Thanh làm Bề trên.

Nghe xong chuyện, An không thấy có điều gì trắc ẩn, vì anh đã lâu không dạy học cô nữa. Nhưng An thắc mắc là tại sao chị Thanh lại đem câu chuyện của Xuân, tên cô học trò của anh đi tu, nói với anh, chẳng lẽ chị biết tình cảm giữa An và Xuân. Nhưng ai đã nói với chị chuyện này, nếu không phải Xuân, vì Xuân biết An và Thanh, thầy dạy học của cô lúc bấy giờ, là hai người cùng làm tại một nhật báo. Do đó mà Xuân(?) viết một bài thơ nói về nỗi lòng mình. Bài thơ có ý trách An khơi lại chuyện tình cũ của hai người làm chi, qua một bài thơ, mà chính An cũng không nhớ.

Tuy nhiên, An không biết chắc bài thơ gửi cho anh là của Xuân, vì cho đến bây giờ An cũng không biết tác giả của nó là ai. Qua bản viết tay, An chỉ thấy nó giống như nét bút của cô học trò cũ thôi. Ở đời có trường hợp nào hai chữ viết của hai người giống nhau không ? Khổ cho An một điều là, bài thơ này lại có hàng chữ :"Để trả lời...", một bút hiệu cũ của anh.

Chẳng lẽ có một người nào đó yêu An mà dấu mặt, qua những bài thơ tôn giáo của anh thời anh mới viết ? Hoặc giả, người này, biết đâu chẳng phải là một gã đàn ông thông minh, đa cảm đa sầu, một kẻ thích đùa, giả danh một cô nữ sinh, buồn tình "đi tu" để trêu trọc An ?

Bài thơ có những câu rất buồn , đúng là tâm sự của một cô gái thất vọng về mối tình đầu chớm nở mà lại vội vã chia ly.Hơn nữa, nó ăn khớp với lời kể của chị Thanh.

Ôi ! những chiều Blao
Hoàng hôn ngả bóng
Ôi ! những chiều Blao
Sương phủ mịt mùng

Tôi đọc thơ anh;
Nỗi buồn cô đơn,
Niềm đau trẻ dại
Ngủ im trong quá khứ
Bừng dậy buổi hôm nay.

Nỗi buồn này
Ủ trong cuộc đời
Người đã vào tu viện
Anh ơi ! Anh, anh ơi !

Bước lên đồi cao
Nghe niềm đơn lẻ
Bước lên thềm đá
Thềm mòn phủ rêu
Nỗi khổ đau này
Do anh, do anh.

Riêng có bốn câu tiếp sau đó đã làm cho An ray rứt, cảm động mỗi khi anh đọc lại và nhớ về cái thời anh nhập vai đấu tranh, cho đất nước và tôn giáo. An không ngờ, một cô học trò nhỏ có một tâm cảm, một nhận thức tinh tế, mà theo anh, cái tâm cảm và nhận thức này đã đặt An vào một xã hội đang xảy ra những bất ổn, trong đó những kẻ nội thù, những nhà đấu tranh cực đoan tôn giáo, đang dùng những thủ đoạn tàn độc, những thế trận như "hàm mô công" của Tây độc Âu Dương Phong, phá nát sự yên lành trong dân gian, vốn vẫn là những con người khổ đau vì chiến tranh, nghèo đói, nô lệ, lao nhọc.

Khi viết 4 câu thơ này, tác giả của nó chắc đã thao thức, trăn trở nhiều về hình ảnh một gã thanh niên lẻ loi, cô đơn đang lao mình vào vận mệnh của một đất nước chông chênh, mà theo cô, gã đâu phải là con người của một đấu trường, những toan tính, những thủ đoạn khôn lường. Không,

An chỉ là hình ảnh của một kẻ "Ôm mặt khóc", khóc cuộc đời và khóc đời mình bằng thi ca (theo Thế Phong).

Gã người cô yêu sẽ trôi dạt về đâu trong trận chiến đang diễn ra trong tay những kẻ xuẩn động.

Đời sống nổi loạn
Anh trôi theo giòng ?
Đời sống lường đao
Anh ngược giòng không ?

Đấy là hình ảnh người nữ tu thứ hai xuất hiện trong cuộc đời An từ mấy năm đầu của thập niên 60, thế kỷ 20. Còn người nữ tu thứ nhất, chỉ là một ý tưởng đột khởi trong tâm tư của anh qua một trong hai câu thơ chót của bài Người ôm mặt khóc. Câu tiếp theo sau đó, anh mô tả chính mình :

Trên kia tiếng hát nữ tu đơn điệu
Dưới này một người ôm mặt khóc.

Thơ của An trong cả hai tập (Người ôm mặt khóc và Tiếng hát khuẩn trùng) ra mắt trong một số bạn đọc được chọn lọc ở hai năm liên tiếp, 1963, 1964 (đều do Thế Phong ấn hành), là thế, phần nhiều trong các bài, anh đều buông một hai câu cuối thật buồn. Có lúc An nghĩ, viết như thế, nó có vận vào cuộc đời về chiều của mình không ? An không chọn lựa cách kết thúc một bài thơ như thế bao giờ. Anh bỏ câu kết tự nhiên.

Hai câu thơ trên đây, nói lên sự cách biệt. Một người *ở trên kia*, một người *ở dưới này*. Một người hát *đơn điệu*, một người *ôm mặt khóc* ! Không biết có phải là một điềm báo, một linh ứng, về cuộc đời hoặc là cuộc tình đích thực sau này của An ?

Nhưng đã ứng nghiệm vào An, sau 49 năm (Kể từ năm viết bài thơ, 1963, cho đến năm viết truyện này, 2012)

Còn người nữ tu thứ ba ? (Cách xa hai hình ảnh trên đúng 40 năm, từ năm viết bài thơ đến năm nhận được thư báo, 2003), An đã bàng hoàng khi nhận được lá thư từ xa báo cho anh: "Chị... đã vào dòng tu". Từ giây phút đó, An mới nhớ lại câu thơ anh đã viết và bài thơ của cô học trò. Anh giật mình thốt lên : Sao thế này !?...Anh băn khoăn và lo lắng ngay từ giây phút đó. Phải chăng hai hình ảnh nữ tu kia đã nhập vào người thân của mình, để trêu ngươi và thử thách anh ! Bây giờ, hình ảnh nữ tu không còn phải là một ý tưởng chợt đến hay một ai đó có tính thích đùa, làm cả một bài thơ gửi cho anh, trách anh vô tình với một người con gái... mà cả hai người ấy, đã hoá thân thành một thân thể trinh nguyên, ngồi bên cạnh An, lặng lẽ khóc. Người nữ tu thứ ba này (xin gọi bằng tên thánh của nàng: Agnes, + 304) cũng chọn linh đạo của cùng một Hội dòng như trong bài thơ của cô học trò vào dòng tu ở Bảo Lộc.

Rồi có một ngày, An không nhớ, hình như là vào lễ Giáng Sinh, anh trở về thăm nhà, vì nhớ ngày còn nhỏ, anh đi bên cạnh mẹ và các chị, run rẩy trong chiếc áo len, đi lễ nửa đêm. An không sao quên được cái không gian lặng lẽ, êm đềm và thiêng liêng của một đêm thánh, đêm mầu nhiệm này... Khi lễ xong, mọi người ra về, An còn ở lại một lát với mẹ. Cho đến khi tắt đèn chầu, mẹ anh mới cầm tay anh đứng dậy ra về. Hai mẹ con An ra về trễ hơn mọi người. Vô tình điều này làm cho An thích thú trước sự vắng vẻ của đêm Giáng Sinh và khí lạnh của mùa Đông, trời mưa phùn, hay sương muối.Có lẽ từ những dịp như thế này, cũng như trong các giờ kinh ban chiều tại quê nhà, sau hồi chuông tắt lửa, nó như có một sức hút lạ lùng, một sự hấp dẫn khó mà nhạt phai đối với An. Chính vì thế mà An đã trở về thăm nhà thường là vào các dịp Giáng Sinh, Tết Nguyên đán hoặc vào mùa thu.

Một trong các dịp này, An đã gặp Agnes sau giờ kinh sáng.

Lại nhớ về những năm trước khi An rời xa quê nhà, cũng có đến gần bảy chục năm rồi. Lúc đó An được Cha xứ gọi vào Nhà chung ở với ngài, có thầy Kẻ giảng dạy tiếng La tinh, dạy giúp lễ, dạy hát bằng tiếng La tinh. Sau đó vài năm, ông thoát ly, dấn thân vào con đường chính trị, đầy phiêu lưu và hiểm nguy. Thời thế buộc ông phải lựa chọn con đường này, hy sinh con đường của bậc "Kẻ giảng" trong Giáo hội.Con đường ông vừa bước vào đang đặt ra trước lương tâm của mỗi Kitô hữu, là họ phải đối diện với một thế lực rất mạnh và tàn độc. Một khi thế lực này có quyền bính trong tay, họ sẽ có những biện pháp và hành động chống lại Giáo hội, mà ông thầy của chúng tôi vừa thoát ly nhà xứ, là những đối tượng phải khử trước tiên. Cho nên, những thành phần trong Giáo hội Việt Nam ngày đó phải chọn con đường bảo vệ Giáo hội, bảo vệ cả chính bản thân họ. Theo An, đó là một quyết định đương nhiên. Chỉ có điều, quyết định của ông đã ảnh hưởng đến giáo xứ, nhất là chúng tôi, các đứa em linh tông của ông. Sau ông thầy này, cha xứ cũng lần lượt gửi mấy anh em chúng tôi đi học ở Trường Hoàng Nguyên, nơi đào tạo các Linh mục. Tôi thuộc lớp cuối cùng, với giáo xứ cũng như với Hoàng Nguyên. Trước khi đi học, tôi được cha xứ giao cho các công việc trên nhà thờ, trong đó có một việc là trước khi thánh lễ buổi sáng sớm kết thúc, tôi phải ra phía đầu nhà thờ, bước lên bậc thềm trên cùng, đứng nhìn về phía mặt trời mọc.Vừa thấy vầng hồng rực rỡ nhô lên ở phía chân trời là trở vào ngay trong nhà thờ, nhìn lên đồng hồ quả lắc treo trên tường, xem lúc mặt trời mọc là mấy giờ, mấy phút, rồi trình lại cha xứ. Ngài căn cứ vào đó điều chỉnh giờ..

Sau này, lần nào trở về thăm nhà, An cũng vào nhà thờ dự buổi kinh sáng. Sau đó, đi ra phía đầu nhà thờ, viếng mộ một Linh mục, người khởi xướng công việc xây dựng ngôi thánh đường lớn hiện nay ở làng. Những cây hoa đại ở đây trút hoa và lá xuống đầy sân. An thấy nao nao trong lòng, nhớ dĩ vãng, nhìn trời ở quê, nghe tiếng chim quí hót trong rặng nhãn ngoài vườn, phía ngoài là ao cá, mặt nước lặng im, thỉnh thoảng mới có tiếng cá đớp bóng. Một không gian êm đềm, thanh tịnh. An làm sao quên được ! Nhất là, trong bối cảnh tuyệt vời này, An và Agnes thường gặp nhau ở đây, mỗi buổi sáng mai sau giờ kinh. Họ đi bên nhau, vai sát vai, tay trong tay, đôi khi ngả đầu vào nhau. Lặng lẽ. Có lúc An thấy Agnes mắt đẫm lệ, An không hỏi, tôn trọng trước một cõi lòng có lẽ nhiều u uẩn. An dẫn Agnes ra đứng ở bên hàng rào, ngăn cách sân nhà thờ, vườn nhãn và ao cá. Phía ngoài xa, có một vài bóng người đang ở trên ruộng trong làn sương mù. An lại dẫn Agnes bước lên bậc thềm, nơi ngày xưa An vẫn ra đây làm công việc xem mặt trời mọc.Họ ngồi bên nhau, đầu Agnes gục vào vai anh. Thấy nàng khóc, An lấy chiếc khăn len đang quàng cổ mình thấm nước mắt cho nàng. Chiếc khăn này là tặng vật mà chính tay Agnes đan tặng An mấy năm trước đó.

Một buổi sáng, ngày Agnes hết mấy ngày phép về thăm nhà, mỗi lần như thế, nàng đều xuống nghĩa trang viếng mộ những người thân. An ngỏ ý muốn đi, vì anh cũng có những người thân đang an nghỉ tại đó, nàng bằng lòng ngay. Khi đi, Agnes cầm theo cái ô, phòng mưa.Tới nơi, họ đốt nhang cắm lên phần mộ ông bà hay cha mẹ và những mộ bên cạnh. Họ cầm tay nhau, đi len lỏi trong các lối đi chật hẹp. Họ dừng lại trước một dãy mộ của người trong gia đình, đọc kinh cầu cho các linh hồn này và tất cả các linh hồn nằm tại đây, có người trên cả trăm năm. Một làn gió lạnh thổi tới. Agnes vội mở chiếc ô, che đầu An. Anh bảo Agnes đưa ô cho mình cầm. Chiếc ô nhỏ, không đủ cho hai người. An nói : "Đứng sát vào đây, kẻo ướt". Agnes khẽ xích lại gần anh. Một tay An cầm ô, một tay nắm chặt tay Agnes. Anh cảm thấy hơi ấm trong người Agnes truyền qua người anh. Để tránh cơn mưa, An kéo Agnes vào một ngôi mộ có mái che. Họ đứng lặng lẽ, hình như ai cũng muốn để người bên cạnh nói trước. An không dám nói, vì anh biết vị trí của mình, còn Agnes là một tu sĩ. Nàng còn có một cộng đoàn tu trì, một "gia đình" thiêng liêng.

Ngay từ lúc đầu gặp Agnes, An đã biết anh đang "tự vác thập giá của thân thể mình đi lầm lũi trên quê hương đau nhức",(Cao Thế Dung). Anh chấp nhận khổ đau. Cho nên, lúc hai người đi bên nhau ở nghĩa trang như thế này, An nghĩ là đã đủ đối với anh và cả với Agnes nữa. Một lúc sau, Agnes dịu dàng nói : "Lẽ ra, theo dự tính, thì chiều nay, trước khi đi, cháu sẽ vào trong nhà chào chú. Nhưng gặp chú ở đây rồi, cháu rất vui và sau khi ở đây về, cháu sẽ trở về nhà dòng luôn. Chú đừng đưa tiễn cháu. Vì lần trước chú đưa cháu lên tận cửa nhà dòng, cháu vừa bước vào trong sân là cháu chỉ muốn khóc, mà không dám khóc, chỉ nuốt nước mắt vào trong. Nhưng khi vào tới phòng ngủ, cháu đã bật khóc.Có chị trông thấy, trêu trọc cháu, bảo "nhớ nhà hay nhớ

ai thế ?" Cháu xin chào chú. Tạm biệt chú. Mai chú cũng đi rồi ! (Agnes ngập ngừng như nghẹn ngào một lát, rồi nói tiếp).Cháu rất tiếc là không được tiễn chú ra sân bay, nhưng cháu sẽ luôn ở bên chú qua lời kinh, nguyện cầu.Cháu rất hạnh phúc và hãnh diện khi có một người chú như chú. Chú không phải lo lắng quá cho cháu đâu. Cháu biết mình sẽ phải làm gì và tránh điều gì,...Cháu sẽ cố gắng sống thánh thiện, tốt lành, để không phụ lòng thương yêu của chú và mọi người. Chú à, cháu biết phía trước của cháu sẽ còn nhiều khó khăn, với sức tự nhiên, khó có thể vượt qua được, nhưng cháu tin Chúa sẽ luôn nâng đỡ, chở che, giúp sức cho cháu vượt qua, vì tất cả cháu xin phó thác nơi Chúa, cậy dựa vào Ngài. Vì thế cháu tin Chúa sẽ luôn ban ơn cho cháu vượt qua mọi trở ngại đó, chú cầu nguyện thêm cho cháu, đó là điều cháu cần nhất. Có một điều cháu nói với chú là, chú giữ sức khỏe để ngày cháu vĩnh khấn, chú về tham dự. Nếu vì một lý do nào đó ngày lễ của cháu mà chú lại vắng mặt thì cháu không biết sẽ ra sao." Agnes nói một thôi, như thể nói ra những gì mà An trăn trở và muốn nói, từ khi hai người gặp gỡ nhau một cách tự nhiên, ngồi bên nhau cả những lúc ở trong gia đình, trước sự chứng kiến của mọi người trong nhà.An khẽ kéo nàng vào sát mình một chút. Anh nhìn lên mặt nàng, những giọt lệ của nàng vẫn đọng trên mi. Nhưng mặt nàng thanh khiết lạ thường. An ngỡ nàng như một thiên thần Sau khi lấy khăn thấm những giọt lệ, đôi mắt Agnes trở nên tinh khôi, tha thiết nhìn anh. Đây là lần thứ hai, Agnes nhìn anh như thế. Lần thứ nhất, cách nay mấy năm, An trở về thăm nhà vào dịp Tết, đến ngày trở lại Sài Gòn, An lên Hà Nội, ghé vào một phòng trọ thăm đứa cháu, em của nàng đang học ở đây, Agnes cũng được về nhà nghỉ Tết mấy ngày, nên đã đi theo mấy người trong nhà lên Hà Nội tiễn anh.Tại đây, em trai nàng đã đãi An một bữa bánh cuốn Thanh Trì. Bất chợt, An nhìn thấy Agnes đang nhìn mình rất tha thiết, một dấu hiệu của tình yêu thời con gái. Mắt của hai người chạm nhau ! Cùng lúc, họ kín đáo cúi đầu im lặng, như ngầm nói với nhau rất nhiều. Đến giờ chia tay, thay vì như những người khác, từ nhà trọ này, mọi người sẽ đưa An tới một địa điểm trên đường Đào Tấn (vì An đi máy bay của hãng Pacific Airline), rồi từ đây, An sẽ lên xe bus của hãng máy bay này, một mình lên Nội Bài thôi, còn những người khác thì trở lại nhà. Nhưng Agnes lại cùng với cậu em trai và cô em gái họ (tên thánh là Rose Lima, 1586-1617) cùng tu một dòng, lên xe bus khác, tiễn An lên tận sân bay. Ba chị em họ đứng nhìn An làm thủ tục cuối cùng về an ninh, sau khi xong, An quay ra phía ba chị em đứng, vẫy tay chào. Ba chị em lặng lẽ và từ từ vẫy tay chào lại An cho tới lúc anh đi khuất vào phía trong, ngồi xuống ghế tại phòng chờ đợi. An nhớ từng khuôn mặt, dáng đi và giọng nói cười của ba chị em vừa rời xa anh, chắc lúc này đang còn trên đường ra xe bus để trở về Hà Nội. Lòng An không yên, và có lẽ Agnes cũng thế, với biết bao nhiêu trăn trở, phiền muộn còn đọng lại sau những ngày ở quê.

Mấy năm sau, trong một thánh lễ long trọng được cử hành tại Nhà thờ Chính tòa Hà Nội, Agnes dâng lời khấn trọn đời cùng với một số chị trong Hội dòng. An được mời về dự lễ. Khác với ngày Agnes khấn lần đầu trước đó 6,7 năm, lần này An lưỡng lự, nửa muốn về, nửa không. Sau cùng thì An cũng về. Tâm tư anh bối rối. An nghĩ nhiều đến sự trưởng thành của Agnes, rất vững trong các việc tông đồ. Nàng đi phục vụ ở đâu cũng được giáo dân thương mến, các chị trong cộng đoàn tín nhiệm. Một phần do bản tính tự nhiên, Agnes thông minh, lanh lẹ, ăn nói lưu loát kèm theo nụ cười rất có duyên; phần khác, Agnes đã trải qua những trạng huống thử thách, các bề trên hiểu lầm, những khó khăn, trở ngại trong học tập, nhất là sau khi thân phụ của Agnes qua đời ở tuổi 41, khiến nàng có lúc đã toan buông xuôi, về nhà hoặc chuyển dòng, có lúc không biết mình đang làm gì nữa ! Agnes đau đớn, lẻ loi, chán nản, thất vọng mà không thể tâm sự với ai. Agnes viết thư cho An, xin lời khuyên.

An đã viết thư cho Agnes với những lời khuyên từ trong chính cuộc đời của anh, của các sách tu đức và Kinh thánh. An viết đơn sơ và chân thật, hiểu rõ tâm tư của nàng. Nhận được những lá thư như thế, Agnes viết thư hồi âm. Nàng nói : "...Thưa chú, khi nhận được thư chú gửi về cho cháu, đọc đến đâu, cháu khóc đến đấy Những trang .thư của chú chứa đầy nước mắt của cháu. Chiều hôm ấy, vào nhà thờ, cháu còn khóc nhiều hơn nữa, khóc suốt giờ kinh. Khóc với Chúa, cảm tạ Chúa đã gửi đến cho cháu những lời khuyên bảo qua một người chú ở phương xa, gửi đến cho cháu một người chú mà cháu kính yêu. Cháu cảm thấy hạnh phúc và sung sướng, vì biết mình được chú quan tâm, giữa lúc cháu như đang rơi vào trạng thái chân không của tâm hồn. Cháu đã mất một người cha, một người cha luôn thương yêu cháu, chấp nhận cho cháu dâng mình trong nhà Chúa. Người không còn sống để ủi an đứa con gái của người khi nó gặp buồn phiền, không

một người thân nào ở bên cạnh thấu hiểu tâm tư của cháu. Chú thì ở xa !... Cho nên, cháu hoàn toàn trống trải. Khi chú gọi điện thoại về chia buồn với gia đình cháu, chắc chú còn nhớ, cháu đã không thể nói thành lời, giọng cháu lạc hẳn đi vì khóc than bố, khóc cho cả chính mình.Cháu còn nhớ rất rõ, khi bố còn sống, có dịp cháu được về quê, bố đã đưa cho cháu tất cả những lá thư mà chú gửi về cho gia đình. Cháu rất mừng và sung sướng khi cầm trong tay những thư ấy. Cháu đọc mà không sao cầm được nước mắt, như lá thư mới nhất của chú vừa rồi. Tất cả những lá thư ấy, cháu coi như một động lực giúp cháu vượt qua những lúc thử thách rất lớn. Có một lá thư chú gửi về mấy năm trước, chú đã nói đến những thử thách nơi chính bản thân mỗi người. Cộng đoàn tu trì, dù nam hay nữ, cũng đều thế thôi, và ở đâu cũng vậy, người tốt người xấu, lúa tốt hay cỏ lùng, ánh sáng và bóng tối. Chú đã kể câu chuyện về một vị Đan viện trưởng nọ, trả lời câu hỏi : Thánh giá của ngài hiện nay ở đâu ? Đan viện trưởng không chút do dự nói : "Thánh giá của tôi hiện nay là cộng đoàn." Một lá thư khác, chú mượn lời sách Gương Chúa Giêsu, chú bảo : kẻ thù ở ngoài không đáng sợ. Kẻ thù đáng sợ nhất chính là bản thân mình. Đừng tâm sự nỗi lòng mình với bất cứ ai, vì con người thường thay đổi và phản bội. Chỉ có Chúa Giêsu Thánh Thể là người bạn tuyệt đối nhất, trung tín nhất và luôn gần gũi với mình. Cháu không quên được những lời trong các thư ấy của chú. Nhờ ơn Chúa, các thư ấy giúp cháu có thêm nghị lực để vượt qua những thử thách trong đời tu. Cho nên, chú biết không, cháu đã thưa chuyện với Chúa thật sốt sắng mà có lúc cháu cảm thấy chính Chúa đang nói chuyện với cháu, chứ không phải là cháu nói với Chúa nữa. Cháu không biết những giây phút như thế này có ở lại mãi trong cháu không, hay những lo lắng trong công việc phục vụ, những sinh hoạt và những đố kị trong cộng đoàn, sẽ làm cho lòng sốt sắng như lúc này trước Chúa Giêsu Thánh Thể, phai nhạt hay nguội đi. Chính đây cũng là một thử thách rất lớn của cháu. Làm sao để ngọn lửa yêu mến luôn cháy lên trong lòng mình ! .

Nhắc lại nội dung một số thư An gửi về cho Agnes mà chính nàng đã nhắc lại trong một vài lá thư khác nhau gửi cho An, anh do dự mãi, nên viết hay không nên viết ra đây? Cuối cùng thì An đã viết theo nội dung một số thư ấy. Vì chính đây là căn nguyên hay một giải mã của những tình cảm, giữa anh và Agnes, nhưng cũng có thể gây ngộ nhận . Thế nhưng đối với An thì đây là lời đáp của hai câu thơ cuối trong bài Người ôm mặt khóc. Anh đã sống trọn vẹn với những tư tưởng mà anh coi như một điềm báo, một linh ứng về số phận, hay về tình yêu của mình liên quan đến nữ tu. Đấng Tạo Hóa đã nắn An nên hình hài như thế nào thì anh đã nên như thế. An sống trung thực với những cảm nghĩ của mình.

Trong lần ấn hành tập thơ thứ hai của An, Tiếng hát khuẩn trùng (1964), nhà văn Thế Phong, Chủ nhiệm Nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến, đã viết ở trang bìa sau tập thơ này:

"Nơi yên nghỉ làm cho thi nhân tin tưởng là thi ca, là những phút lắng chìm yên tĩnh ở dưới chân Chúa. Cũng may là còn hai thứ đó. Tình yêu của anh đã hoàn toàn bị đặt ra ngoài vui thú của tuổi trẻ rồi. Tôi nghĩ đến đôi mắt anh đang nhìn vào hư vô thật huyền hoặc, xa xôi, mà sức hút xoáy hy vọng đáp lại, hoàn toàn không còn nữa. Không bao giờ còn nữa. Mà anh chẳng than vãn bao giờ nữa. Song sắt, bức tường tù ngục nào đã làm thi nhân bình thản trong đau đớn hành hạ, cả tâm tình và thể xác."

Nhà văn Thế Phong, trong đoạn văn này, đã nói tiên tri về tình yêu của An. Sau đó ông viết tiếp :

"Tôi cũng đã trải qua những chiều buồn đau đớn, thả hồn mình trong tỏa rộng theo tiếng chuông nhà thờ, mà vẫn muốn như chống đỡ nó. Khác anh là vậy. Nhưng còn giống anh, gần anh, ở những thơ anh, thơ tôi, phản ảnh trung thực cảm nghĩ của một kẻ, dầu làm người bình thường, cũng không bao giờ nói dối, tự lừa mình và kẻ khác bằng giọng chữ tuyệt đẹp phản bội. Anh Khải Triều ơi ! Tuy rằng anh khóc cuộc đời bằng hình ảnh ôm mặt; khóc đời mình bằng "Tiếng hát khuẩn trùng", mà điều trên không cần ôm mặt và điều hai đang nhờ thuốc trị liệu tiếng hát khuẩn trùng..." (Viết ngày 14-1-64)

Trong lần về dự lễ khấn trọn đời của Agnes, An rất mừng vì thấy nàng đã vượt qua những khó khăn trước đó.Agnes vững vàng, tự tin, khôn ngoan và quyết tâm chọn con đường tận hiến. Sau

lễ, Agnes được về nhà hai ngày. Buổi chiều ngày Agnes trở về dòng, An tiễn nàng lên tới đầu làng. Hai người đi sát bên nhau trên con đường quê. Cậu em trai của Agnes sẽ chở chị lên thẳng Hà Nội. Khi xe nổ máy chạy đi, Agnes quay đầu lại nhìn An cười, giơ tay vẫy chào anh mấy lần. Còn An thì đứng nhìn theo lặng lẽ, mãi khi bóng Agnes khuất xa dần, xa dần. Anh hiểu là từ đây, Agnes sẽ xa cách anh mãi. Nàng có phải là người nữ tu *ở trên kia* với tiếng hát *đơn điệu*. Còn An, anh vẫn mãi là *người ôm mặt khóc*, như trong bài thơ của anh cách nay đã 49 năm ? Anh đã mất Agnes, người nữ tu đích thật chỉ thoáng đến trong đời anh, một linh hồn chở nặng đau thương.

Buổi chiều ngày hôm sau đó, từ mái nhà xưa yêu dấu của An, anh cũng từ giã nó và mọi người thân yêu để trở về Sài Gòn, miền đất lắm bon chen, ăn nhậu, lạc thú và sa đọa.

Lần ra đi này, An không có Agnes tiễn chân !

(Ngày 13-9-2012)

KHẢI TRIỀU

LỠ HẸN NGƯỜI ƠI

thơ

ĐÀO BÍCH PHƯƠNG

(Tặng anh Sâu Ngủ)

Một lần gặp vạn lần mong,
Gió đưa con nước chiều trông bóng chiều.
Miền Tây xa cách bao nhiêu,
Tìm người không gặp nhớ nhiều đành thôi,
Thuyền neo đậu bến có đôi,
Sao ta đi ngược chia phôi dặm đường.
Đâu rồi hẹn ước người thương,
Hai mùa mưa nắng vấn vương em về.
Ai ơi nhớ lấy câu thề,
Sông kia có cạn chẳng hề đổi thay.
Lỡ rồi không gặp chiều nay,
Hò ơi… nước lớn có ngày em sang!

ĐÀO BÍCH PHƯƠNG

GIỌT TINH TÚY

truyện ngắn

PHẠM THUẬN THÀNH

Thôi thế là mất toi ngày chủ nhật rồi. Nghe tiếng gõ lanh canh trên mái tôn suốt đêm mà sốt ruột. Khéo lại mưa dầm mưa dề. Gió bắc về mà. Ngại dậy lấy thêm chăn, Liên cứ đành chịu co quắp người lại. Cái lạnh từ bên ngoài ngấm vào cái lạnh cô đơn bên trong bất giác làm Liên rớm nước mắt. Cuộc đời Liên như mảnh xốp vỡ tan nát trôi dạt mặc cho sóng gió vùi dập. May mà là xốp nên dù vùi dập thế nào vẫn nổi lên, ít nhất là nổi lập lờ lập lờ chứ không phải chịu cảnh bùn đen vạn kiếp. Giọt mưa lanh canh làm Liên liên tưởng đến những giọt bia vàng hương tinh túy ngày nào. Những giọt tinh túy bẻ ghi cuộc đời.

Liên sinh ra ở làng quê gần phố huyện. Mẹ sinh một dây con gái nên cứ phải cố, không muốn ngắn đời. Nhà có đủ Lan, Cúc, Hòe, Quế mà vẫn thiếu một thằng cu tế tổ. Lần thứ năm mới toại nguyện. Bố đặt ngay tên Kim Ngọc, ý nói quý như ngọc như vàng. Lại động viên mẹ đang vào "mà" con trai rồi phải thừa thắng xông lên. Mẹ chiều. Hóa ra là Liên. Kim Ngọc ốm lên ốm xuống, ba ngày béo bảy ngày gầy, người lúc nào cũng như dải khoai. Lên ba tuổi mẹ mang đi tiêm phòng, kim vừa rút ra đã tím lịm như quả cà dái dê. Cấp cứu không cứu được. Bố mang quan tài để ở nơi tiêm phòng bắt đền. Nhưng người đã chết thì làm sao đền nổi. Trừ khi trời thương đền cho đứa con nữa là trai. Dù sao bố cũng đòi được quyền lợi kinh tế. Liên được họ nhận nuôi ăn học đến mười tám tuổi. Vậy là Liên mới có cơ hội học lên cao. Chứ các chị khác không ai học qua phổ thông cơ sở. Liên thi đỗ vào trường sư phạm tỉnh. Bố mẹ không đủ tiền nuôi ăn học nên bảo thời buổi này không đỗ đại học thì nghỉ. Đại học xin việc còn khó nữa là cao đẳng cao điếc. Các chị ít học chỉ biết cổ cày vai bừa nên hãy tồn kho cả, tự trách tại bố mẹ không cho học cao nên xúm vào đòi cho Liên đi học. Có học, có nghề nghiệp ổn định sẽ có chồng con tử tế. Đầu xuôi đuôi lọt. Liên sẽ là đầu tàu kéo các chị rời khỏi *nơi sản xuất* này. Cái cảnh thất học ra khỏi nhà là hết oai đã đánh thức sĩ diện ông bố. Cho con Liên học cao tít mây xanh cha mẹ nông thộn cũng mát mặt với thiên hạ. Chả thế mà thời xưa vua chúa còn phong tước cho cha mẹ nếu con cái có công nữa kia.

Liên đi học để giật cái sĩ diện về cho gia đình nên hết mực cần cù chăm chỉ. Ngại nhất là những lần cô giáo chủ nhiệm dẫn cả lớp đến thăm nhà. Lần nào cũng phải thu dọn cả buổi vẫn ghềnh gụa lên. Nhà chật không có cả nơi treo quần áo. Nhà nghèo cái bàn uống nước xộc xệch, chén vại sứt mẻ cả năm không có ai sờ đến. Nhà nông khách khứa không có chả ai thèm dọn dẹp nhà cửa. Cô giáo đi rồi Liên trách mấy chị không biết đường ăn ở sạch đẹp thì ma nào nó thèm nhìn. Bạn trai đến thăm nhà có mà chạy bán xới liền. Bố còn bênh đàn ông con trai nó cần cái thân con gái chứ nó cần gì nhà cao cửa rộng. Thời nay có hồi môn hồi meo như ngày xưa đâu. Chị Lan lớn tuổi tóc cháy nắng, quanh năm ở ruộng, suốt tháng ở vườn, hở lúc nào lại dầm mình lấy rau lợn hay mò cua bắt ốc chả cần làm đẹp bĩu môi bảo cứ để đói giơ răng ra xem còn chải chuốt nữa không. Chị hợp tính bố mà. Ba chị Cúc, Hòe, Quế dường như tự hiểu mình chưa biết cách ăn mặc làm đẹp nên phụng phịu ủng hộ Liên. Thế là bố mắng chúng mày lười chảy thây về nhà chỉ biết chải chuốt còn mặc nhà cửa bề bộn còn kêu gì, tao làm đồng về mệt lại phải thò tay rửa bát quét nhà thay con gái lớn một hàng nhong nhóng nhé.

Đến khi Liên đi học cao đẳng tự dưng thành người mẫu cho các chị làm đẹp theo. Duy chị Lan vẫn y nguyên như cũ. Nhưng ngắm ba chị Cúc, Hòe, Quế mà Liên vẫn chạnh lòng. Suốt ngày chân lấm tay bùn thì dù có đắp vàng vào người vẫn không đẹp lên được. Liên bàn các chị nên đi làm công ti, va chạm con gái bốn phương, con trai thiên hạ thì may ra mới thay đổi cách làm đẹp được. Chị Cúc xin được vào làm ở công ti may Longcheng. Công ti cách nhà hơn hai chục cây số nên phải thuê nhà trọ. Nơi đấy là khu công nghiệp mới mở, gần chục nhà máy tập trung gần nhau, giờ vào ca, giờ tan tầm con gái đông như kiến chạm mặt nhau. Khu nhà trọ cũng đông. Một phòng chị Cúc có năm người chen chúc nhau trên hai chiếc giường đôi ghép lại. Ăn dè hà tiện một tháng bớt được nửa tạ thóc giúp nhà. Nếu sài sang một chút là âm. Thành thử chị Cúc vẫn gần y

nguyên, chả đẹp thêm được mấy tí. Dù sao việc chị Cúc đi thoát li cũng là một hướng mở cho hai chị Hòe, Quế. Chị Hòe xin vào làm ở xưởng giày da gia công gia đình. Công lương thấp hơn chị Cúc nhưng được cái gần nhà, khi vào vụ cấy hái có thể xin nghỉ được. Sáu lao động dồn tiền nuôi Liên ăn học nên không đến nỗi phải túng thiếu lắm. Có điều càng gần đến ngày ra trường thì nỗi lo xin việc càng lớn. Nhà trường chỉ biết đào tạo mặc giáo sinh ra trường có chỗ làm hay không. Liên hỏi thăm trường xã thì biết trường nào trong huyện cũng đang thừa giáo viên văn sử. Một số người có đạn thì được điều chuyển sang dạy giáo dục công dân. Việc nhận thêm người là không thể. Số giáo sinh văn sử ra trường mấy khóa vẫn còn đang xếp hàng chờ. Đấy là chưa kể số tốt nghiệp đại học chính quy cũng chịu cưa sừng làm nghé xuống dạy cấp cơ sở. Thân cô thế cô biết dựa vào đâu đây. Đám bạn cùng khóa cũng đều thẫn thờ thở dốc. Những kinh nghiệm bí truyền bảo nhau mách nước nhau. Xung phong cắm bản Điện Biên, Lai Châu. Đấy, trên ti vi kỉ niệm Chiến thắng Điện Biên có đoạn video clip phỏng vấn một thầy giáo tiếng Anh trẻ quê Bắc Ninh, nhà đài hí hửng tưởng tinh thần Điện Biên truyền lửa cho cả thế hệ trẻ hôm nay, ai dè thầy giáo trung thực nói ngay lí do lên đây là vì ở quê không xin nổi việc làm. Nhanh chậm một khóa học là nhanh chậm cả sự nghiệp đời người. Khóa trước còn thiếu nên giáo sinh ra trường có việc ngay. Khóa này thì không chen chân vào đâu được nữa. Đành leo núi ngút ngàn núi trập trùng vậy. Còn chỗ. Lại có phụ cấp thu hút. Lại còn giỏi thêm Mông ngữ, Thái ngữ, Giáy ngữ, Nhắng ngữ. Lại còn giỏi môn thể thao leo núi. Liên đã rắp tâm đi lối kinh nghiệm này. Chú họ bên ngoại Liên trước chỉ là giáo viên cấp 1 Khu tự trị Thái Mèo, rồi chuyển sang làm cán bộ huyện, nay làm đến cán bộ trung ương. Liên tìm học trước các bài hát về miền núi làm vốn. Thuộc "Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi". Thuộc "Cô giáo bản em". Thuộc "Cô giáo về bản". Mặc cho ai còn bơi lội trong giai điệu "Em đứng giữa giảng đường hôm nay".

Vậy mà có lúc Liên vẫn bị xao động. Tự trách mình lập trường tiểu tư sản dễ dao động ngả nghiêng. Mặc tự trách, tự vấn, tự phê bình xao động cứ hoàn xao động. Không xao động được ư khi chuyện giáo viên cắm bản suốt đời vật lộn "chống lầy" không thành. Nghe nói bản nọ cách bản kia mấy con dao quăng bằng nửa ngày đi bộ. Còn từ bản lên xã gần như từ làng lên tỉnh. Đời cắm bản là coi như mất đường về quê mẹ. Nếu chống lầy được thì càng khó có cơ hội hạ sơn.

Tốt nhất là ta về tắm ao ta. Gặp được con đại gia lắm tiền hay lắm quyền thì song hỉ lâm môn. Không nên cứ đứng yên trông chờ duyên phận. hãy năng động tự tìm lấy cơ hội cho mình. Liên âm thầm mở rộng các mối quan hệ bè bạn và bạn của bạn. Những mong vinh quy cùng với vu quy một ngày.

Liên cũng thử cách khác. Xin dạy hợp đồng hai trăm triệu. Mười năm lương của các chị chứ mấy. Còn nếu bố vui cứ gán cả đất cả nhà là xong. Hỏi bố mẹ trước. Cả nhà đi ở nhờ cũng được, nhưng chỉ sợ hết hợp đồng không được kí lại thì sao. Tốt nhất là làm lễ trăm mâm mà dạy riêng con mày, một thầy một trò càng giỏi. Hỏi các chị. Cả đống tiền ấy tích lương cả đời không nổi. Nếu có thì gửi ngân hàng lấy lãi ăn cần gì phải dạy với dỗ cho mệt. Chị Lan còn thầm thì, nhỡ bị cò lừa thì chết đói cả lút.

Hết cách. Thôi cứ học cho giỏi đã. Điểm giỏi xin việc mới dễ. Không xin được việc thì càng có thời gian học liên thông. Thông đại học, cao học, cao cao học. Thông hết chỗ thì thôi.

Thấm thoắt đến kì thực tập. Tập làm thầy đứng lớp thực giảng theo đúng bài học pháp lí, có giáo án, có học sinh thật. Tổ Liên được điều về xã Hòa Phong hẻo lánh của huyện Định Phong. Ai cũng chán. Nghe nói đến Hòa Phong buồn như cắm bản Tây Bắc. Hóa ra từ nghe nói đến thực tế có khoảng cách khá xa. Cái thời để người ta nói là thật cũng chỉ cách nay ít năm thôi. Thế rồi công nghiệp mở mang, giao thông nâng cấp. Cánh đồng trũng huyện Định Phong hóa thành Khu công nghiệp Quốc Phong giao thông thuận tiện. Chỉ một thằng Samsung ăn nên làm ra về đứng chân mà đủ làm mát mặt cả huyện cả tỉnh. Đang từ tỉnh nghèo trở thành tỉnh có GDP tốp mười, chỉ số cạnh tranh tốp ba. Báo cáo hàng năm đều thấy năm sau cao hơn năm trước, chỉ vài năm nữa tỉnh có nguy cơ hết chỗ xếp hạng. Dân Hòa Phong mấy năm nay cũng mát mặt hơn cả gió nồm nam thổi suốt năm. Kinh tế vườn ao chuồng chuyển dịch sang kinh tế nhà trọ kết hợp dịch vụ. Xóm vắng chuyển mình mang hình hài phố thị. Nhộn nhịp. Tất bật.

Nhóm giáo sinh thực tập ở Hòa Phong được hòa ngay vào phong cách đổi mới nơi đây. Chiều nào cũng được mời ra nhà hàng đặc sản. Danh nghĩa các thôn mời. Nhưng chủ chi là các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn. Chủ chi nào mời thì cùng dự tiệc. Ai thích nặng thì dùng X-men, Hennessy hoặc các loại quốc lủi sủi tăm ngâm kì đà, trứng rắn biển. Cánh con gái dùng Tiger tinh túy đến từng giọt cuối cùng. Hổ nước vào người biến người thành hổ cái luôn. Sau cốc tinh túy má

Liên hồng hoa đào ửng lên và lọt vào tầm ngắm của anh. Liên cảm nhận ngay điều đó qua những đợt ánh nhìn găm lên người. Một chút gì đó như hưng phấn dội lên khiến sắc hồng thêm tươi mới. Anh đi chúc hết lượt thì quay lại bàn Liên mời thêm lần nữa. Mấy cô giáo sinh cùng nâng cốc nhưng chỉ uống làm phép. Anh nài Liên uống sâu thêm một chút. Liên e ngại làm theo. Anh cứ nài chút chút nữa đến lúc cạn cốc bao giờ không biết. Anh bắt tay Liên chặt hơn thì phải. Rồi lấy ra carvidit tặng mỗi người một chiếc. Liên giãy nảy lên: "Em không có điện thoại đâu". Anh cười: "Chưa có chứ không phải không có. Người đẹp cứ cầm lấy sẽ có lúc cần mà". Liên đành giữ lại tấm các, coi như làm kỉ niệm cho ông chủ chi đỡ ngại. Anh lấy con Ifone ra bấm máy. Liên nghe rõ tiếng anh nói "Cho năm con Sam đời mới nhất nhé. Ngay bây giờ. Mang đến *Phong kiều dạ bạc*. OK". Anh giơ tay chào kiểu Ăng lê rồi bước về bàn hiệu trưởng. Mươi phút sau đã thấy một thanh niên ăn vận y phục công sở mang một hộp giấy đến. Anh vẫy tay lại gần. Dẫn đến bàn mấy giáo sinh nói: "Buổi đầu làm quen, thân mến tặng mỗi cô giáo món quà kỉ niệm". Nhìn nhãn hộp Liên biết ngay đó là chiếc điện thoại Samsung. Các bạn Liên nhất tê từ chối, nói có điện thoại rồi. Anh nói như ra lệnh: "Các em chớ từ chối món quà làm quen làm anh sái sẩm đấy. Có nhận quà của Hòa Phong thì sau này mới nhớ đến Hòa Phong chứ". Anh ấn hộp quà vào tay từng người kèm lời dặn cấm từ chối. Với Liên đó thật là món quà quý và ý nghĩa vì nó đang là mơ ước bấy lâu nay. Cứ như là anh đọc được ý nghĩ của Liên vậy.

Buổi tối hôm đó nhóm giáo sinh thực tập vui đến tận lúc về trường. Nhóm trưởng Thanh Thúy hỏi: "Ta có nên dùng con Sam mới này cám ơn người tặng không nhỉ?" Liên chưa biết cách dùng điện thoại nên không nói gì. Thanh Thúy tự trả lời: "Nhận quà mà không cám ơn thì thật thất lễ". Đoạn mở hộp, lắp pin, khởi động máy và a lô luôn. Liên đế theo, mày cám ơn giùm tao nhé.

Buổi sáng chủ nhật cả nhóm hẹn nhau đi thăm sông Cà Cộ, dòng sông cổ mấy nghìn năm vẫn lững lờ chảy qua vùng đất đầy huyền thoại quanh việc vua An Dương Vương xây thành Ốc. Đi xe đạp mới mang tính điền dã. Liên háo hức dậy sớm nấu mì tôm cho cả bọn. Mì nguội mà con Quỳnh Như tiểu thư chưa dậy. Đợi nó mở được mắt còn thêm nửa giờ áo quần son phấn nữa. Chừng biết mọi người sốt ruột nó ngáp ngủ nói cứ ăn đi, nó không đói. Bỗng điện thoại của Liên réo chuông. Cứ nghĩ số mới ai biết mà gọi, chắc là máy của đứa nào chứ không phải của mình, Liên mặc kệ. Tiếng chuông gắt gỏng, kiên nhẫn kéo dài. Liên sốt ruột nhắc điện thoại của đứa nào đấy sao không nghe đi. Những đứa khác nghe tiếng nhạc chuông lạ hoắc biết không phải của mình nên cũng cứ tỉnh bơ. Thanh Thúy bảo, có khi điện thoại của mày kêu chuông đó. Liên chột dạ mở máy, quả có chuông thật, bèn kêu to, con nỡm nào trêu tao thế, con Quỳnh Như hả? Cứ nằm ườn trên giường mà nghịch máy. Quỳnh Như tỉnh ngủ gắt, thì mày cứ nghe máy đi xem có phải tao trêu không. Liên lóng ngóng bấm vào nút đỏ rồi đưa lên tai a lô. Không có tiếng bên kia. Liên gắt, chẳng mày trêu thì ai, tao vừa a lô đã tắt máy ngay rồi. Mày bấm vào nút nào? Nút đỏ. Ối giời ơi, đồ âm lịch, bấm vào nút tắt thì còn liên lạc được ư. Bấm vào nút xanh ấy chứ. Chờ lát nữa người ta gọi lại đấy. Quả nhiên có tiếng chuông reo lần nữa thật. Liên cẩn thận bấm đúng nút xanh. Lập tức nghe rõ tiếng bên kia, một giọng nói lạ lẫm nhưng ấm cúng: "Hôm nay người đẹp có chương trình gì chưa? Tôi mời đi Tây Thiên danh thắng nhé". Liên nhận ra giọng anh. Lời mời thật hấp dẫn. Nhưng còn lời hẹn của nhóm thì sao. Liên tần ngần đáp: "Bọn em định đi thăm sông Cà Cộ". "Sông gần nhà đi lúc nào chả được. Ngày nghỉ nên đi xa mới bõ. Đến ngay Phong kiều dạ bạc tôi đợi nhé, OK đi". Liên vui như Tấm nhờ chim nhặt xong thúng thóc lẫn đỗ. Ném vội bát mì tôm vừa ăn xong vào chậu nước. Nói, con Quỳnh Như quen thói rề rà, tao chán không đi nữa, bọn mày muốn đi thì cứ đi, tao đi thăm học sinh đây. Đoạn xách túi Elidabet đi luôn. Thanh Thúy ngơ ngác gọi với theo, ê, đi thật à. Liên cứ rảo bước kẻo đứa nào theo chân thì phiền hà rắc rối.

Anh đang uống cà phê. Đón Liên ngồi vào bàn ân cần hỏi người đẹp dùng gì. Liên thích sữa chua nhưng lại gọi bơ sinh tô. Anh dặn bồi mang kèm bánh Bông Lan. Phân trân, biết bữa sáng là kim cương nhưng quen ăn nhẹ từ thời mò cua bắt ốc rồi, không thể thay đổi được. Ngay các cơ quan, đơn vị cũng ăn nhẹ mà, đúng không người đẹp.

Lúc ra xe anh lại bảo, hôm nay anh tự lái, đi chơi thế mới thú. Đi công việc mới cần lái xe riêng cho rõ vai ông chủ. Chương trình chơi chùa hết cả ngày, ăn trưa tạm trên chùa thượng, chiều xuống núi mới vào nhà hàng, ăn bù. Đồ ăn picnic có sẵn trên xe rồi. Liên tò mò hỏi, sao anh biết số máy của em. Anh cười, máy anh mua tặng thì số sim số máy phải biết chứ. Liên cúi đầu xấu hổ vì chất thộn của mình. Nếu anh biết Liên lần đầu tiên nghe máy bấm cả vào nút đỏ thì anh còn buồn cười lắm nhỉ.

Đường du lịch trải nhựa vào tận chân núi Tam Đảo. Ở quê những hôm trong trời Liên nhìn thấy

rõ ba ngọn núi và cây tháp phát sóng. Núi cao ngất thế kia leo lên có gì vui thú nhỉ. Liên chỉ mơ ăn no mặc lành chứ chẳng bao giò mơ tưởng leo núi Tam Đảo cả. Bây giờ bỗng nhiên được leo núi Tam Đảo thật. Cũng có cái háo hức biết thế nào là núi. Khác biệt rõ nhất là những giàn su su như giàn giáo của thợ tu sửa núi vậy. Nghe nói ngọn su su là đặc sản. Chợ quê Tam Đảo chỉ có ngọn su su là đắt. Khách du lịch ăn su su, còn mua su su về làm quà. Lại nghe giới thiệu trên đỉnh Tam Đảo có thị trấn nghỉ mát, đất đắt ngang Hà Nội. Liên bưng miệng cười, cụ Tú Xương mơ con cháu đống lên núi mà ở, nay núi chả còn chốn dung thân rồi.

Đường chân núi cứ như đi vào chỗ cụt. Xe đâm thẳng vào vách núi. Vậy mà càng đi càng thông đường. Đột nhiên xuất hiện dãy cờ thần. Xe dừng. Liên đọc được chỉ dẫn đây là chùa Ngoài. Đặt lễ cáo chư phật biết chúng tôi hai người đã tới.

Hóa ra chùa Tây Thiên là một cụm chùa nhiều tầng nhiều lớp hút tiền du khách. Muốn bái phật phải trải 81 kiếp nạn không ngoa. Liên nhẩm đếm số chùa yết bái. Không thể nhớ hết tên chùa ấy nữa. Đại khái có chùa Ngoài, chùa Tạ, chùa Sớ, chùa Trình và gì gì đó. Bây giờ xe đi vào khu tập nập hơn cả. Có bãi đỗ gửi xa, có nhà sắm lễ, có khách sạn, có chợ. Liên ấn tượng nhất là cây đa cổng chùa. To vật vã. Riêng phần gốc rễ đã chiếm hàng sào đất. Tên cây cũng ấn tượng. Cây đa Bồ Tát. Cả tiếng Anh, tiếng Phạn kèm. Đây là chùa Hạ. Chùa chính của cụm di tích. Nghe thuyết minh, ngày sóc vọng các chư phật, chư bồ tát khắp ba tầng thế giới về đây hội nghị luận đàm về kinh phật do phật tổ trụ trì Tây Thiên tự chủ tọa. Ngày thường tổ ở chùa Thượng. Đệ tử của ngài ở chùa Trung. Vì thế khách muốn cầu kêu thì phải hành hương tiếp lên chùa Thượng mới linh.

Nhà chùa có hẳn nhà khách làm dịch vụ đưa lên chùa Thượng. Trai trẻ thì mua gậy leo núi như chiếc gậy Trường Sơn đánh Mĩ. Người yếu thì có dịch vụ cõng. Sang thì dịch vụ võng, cáng, kiệu. Anh hỏi Liên thích dịch vụ gì. Anh còn trêu cõng nhé. Liên xấu hổ đỏ mặt, bảo anh cõng thì em ừ, chứ để mấy tay bợm trạo kia cõng thì thà quay về. Cuối cùng anh dùng dịch vụ kiệu cho cả hai người. Đi kiệu cho ra vẻ nhất phẩm phu nhân. Người ta đã cải tạo đường, rộng rãi, lát bê tông hẳn hoi. Thỉnh thoảng có đoạn dốc ngược nhưng ngắn thôi.

Chùa nhỏ, ẩn dưới tán cây có vẻ thâm u thiền tịnh. Dấu vết xây dựng mới chủ yếu ở phía ngoài. Nơi đây cũng có nhà hàng lớn, xây kè hẳn ra ngoài khoảng không sườn núi. Tăng ni áo nâu áo vàng khá đông, chẳng biết ai là tổ trụ trì. Hai người làm lễ. Liên cầu tốt nghiệp loại giỏi, ra trường có việc ngay. Còn anh cầu gì Liên không hỏi. Doanh nhân tất nhiên là cầu tài cầu lộc rồi.

Xong anh kéo Liên ra hòn đá to ngoài chùa ăn nhẹ. Giữa rùng xanh núi đỏ chỉ có hai người dùng bữa thật lãng mạn. Liên sẽ còn nhớ bữa ăn lạ lùng này.

Xong bữa hai người ngồi vuốt bụng chuyện suông. Anh bỗng choàng tay ôm vai Liên nói nhỏ, không hiểu sao ngay từ khi anh nhìn thấy em đã có cảm giác thân quen khó diễn tả, cứ như đã gặp nhau từ kiếp trước vậy. Liên sợ run lên nhưng không dám gỡ tay anh, đành cứ chịu nghiêng người nem nép vào người anh cho vững. Mặc anh nói gì thì nói Liên không đáp lại vì lưỡi tan biến đi đâu mất rồi. Anh hứa sẽ xếp chỗ cho Liên về dạy trường điểm của huyện, tậu hẳn biệt thự cho Liên ở để bù đắp cho tiền duyên khiến hai người xa nhau. Thực ra Liên mụ mị có nghe mà chả có hiểu gì cả. Trong lúc vô thức bị luồng điện của anh khống chế, Liên mất hết mọi phản xạ tự vệ, cơ thể sẵn sàng đón nhận mọi thứ anh mang đến. Thèm khát bạo liệt. Chờ đợi bạo liệt. Nhưng không có chuyện gì xảy ra. Anh buông tay bảo đã đến giờ xuống núi. Anh còn đùa bảo chúng ta đã đắc đạo, bây giờ sư phụ cho hạ sơn cứu giúp thiên hạ khỏi bể trầm luân. Liên vuốt tóc cười mãn nguyện.

Sau chuyến picnic Tây Thiên anh hiện ra trong Liên rõ ràng hơn, thường trực hơn. Một con người biết chiến đấu chống lại hoàn cảnh để có hai chữ thành đạt.

Anh bảo quê ở vùng Hạ Lai tứ thời ngập úng. Câu ca cửa miệng dân trong vùng dành cho là "trai tài đánh dậm, gái đảm mò cua". Cỗ ngon là đĩa thịt chuột luộc ép lá chanh. Gà đồng đấy. Nhờ có cách mạng mà đào được sông tiêu Đồng Khởi và xây được trạm bơm Đất Vàng. Đồng đất Hạ Lai đã bớt ngập vụ chiêm. Thuở bé anh tự tắm bùn dưỡng sinh. Lớp da dầy muỗi chẳng thèm châm, đỉa chẳng thèm bám. Học hành lỗ mỗ. Đi bộ đội. Được tuyển học sửa chữa ô tô. Chán cảnh vầy dầu mỡ không nhận chân sĩ quan chuyên nghiệp. Về vườn. Có cái cờ lê mỏ lết mà làm nên từ chữa cái xe đạp, cái máy nổ, cái máy tuốt lúa. Rồi sắm công nông. Sắm máy cày. Được ông chú cán bộ tỉnh hậu thuẫn anh mở công ti vận tải ở Định Phong, đón đầu cái khu công nghiệp đang hình thành. Mối làm ăn có chú chỉ bảo. Đầu xe tăng dần. Đủ cả việc chở khách lẫn chở hàng. Anh có xe buýt chạy hai tuyến từ Định Phong đi thánh phố tỉnh lị và đi thủ đô. Anh còn tham gia vào

quỹ khuyến học Danh Gia của tỉnh do chú điều hành. Anh thường bảo của thiên hạ đầy rẫy tội gì không cướp về túi mình. Khéo ăn thì no khéo co thì ấm. Bây giờ thêm khéo cướp thì giàu. Tất cả những kẻ giàu đều khéo cướp cả. Muốn hợp pháp hóa của cải cướp được phải khéo quan hệ. Những kẻ hợm của phải ra chốn công đường đều tòi ra cái đuôi kẻ cướp cả.

Liên biết về anh qua những lời anh bảo. Cũng có khi Liên nghĩ. Bây giờ anh cũng là kẻ khéo cướp và khéo quan hệ à. Nhưng Liên chỉ nghĩ mà không dám hỏi. Cướp có khi chỉ là cách nói của người mạnh gạo bạo tiền. Công ti ăn nên làm ra tất có lãi nhiều, thu nhập chính đáng đâu phải cướp.

Chủ nhật sau anh rủ Liên đi chơi Tây Yên Tử kết hợp thêm thăm bạn hồi quân ngũ và tăm mối làm ăn mới. Liên chối bảo Yên Tử bọn em mới đi rồi. Anh cười bảo Tây Yên Tử bên Lục Nam, Lục Ngạn chứ không phải Yên Tử bên Quảng Ninh. Đi chơi có xe đưa đón và được chiêu đãi sẵn có sức hấp dẫn. Đằng này lại là anh. Chuyện ra trường anh đã hứa xếp cho dạy ở trường chọn rồi. Lo nhất là chỗ làm đã xong thì còn gì phải lăn tăn. Anh còn hứa bất kể Liên học lực thế nào anh sẽ lo cho cái bằng tốt nghiệp giỏi. Anh còn thề nếu hai cái móng tay ấy không làm được thì sẽ không xứng quản cái cơ ngơi vận tải này.

Từ Tây Yên Tử anh cho xe về hồ Cấm Sơn nghỉ trong hô ten Lưu Luyến. Anh gọi bia Tiger. Bảo chỉ có loại bia này mới có thêm tác dụng giải cảm, tẩy trần, kích thích tiêu hóa. Đi cả ngày mệt nên phải Tiger mới hợp. Bên cốc bia anh ca ngợi loài người có hai phát minh người nhất, văn minh nhất là lửa và bia. Lửa giúp loài người ra khỏi mông muội. Bia giúp loài người vào văn minh. Riêng Tiger tinh túy đến giọt cuối cùng.

Hôm ấy Liên đã hưởng trọn vẹn đến giọt tinh túy cuối cùng của anh.

Chẳng mấy lúc Liên đã thi xong. Hai cái móng tay anh không hoàn thành lấy một nửa. Cái bụng mỗi ngày mỗi rõ. Gọi cho anh ư, phí công. Chờ anh gọi ư, phí sức. Về nhà thì chán cảnh mấy chị vẫn đang tồn kho. Liên vào nam làm mướn cho người chú họ có rẫy cà phê lớn ở Đắc Nông. Tính làm lại cuộc đời. Mọi buồn phiền có núi rừng che chắn hết cho. Tai tiếng nọ kia chả có ai người rỗi hơi đến tận nương rẫy chọc ngoáy. Chhus thím còn hhuwas nếu muốn ở hẳn sẽ cấp đất cho mà ở. Khi nào con lớn thì xin đi dạy học lấy đồng lương. Có công ăn việc làm nhàn nhã lấy chồng khó gì. Tập quán trong nam cứ thích là lấy không cần xét nét hoàn cảnh trước sau thế nào như dân bắc mình.

Thấm thoắt đã gần chục năm trôi qua. Liên và con trai đã có nhà đất riêng ở gần trường xã nơi cô dạy học. Cũng có mấy đám là cán bộ xã cùng hoàn cảnh đến hỏi nhưng Liên thương con mà chưa nhận lời đám nào. Vẫn hi vọng anh đến nhận con. No cơm ấm cật dậm dật mọi nơi là lẽ thường nhưng lẽ nào lại đang tâm bỏ con sống thiếu lệch cả đời. Con người chứ có phải thú dữ đâu mà mặc con cái sống ra sao thì ra. Tài sản ức vạn mà làm chi.

Chủ nhật này Liên đã hẹn đưa con ra thị xã sắm đồ trung thu. Vậy mà mưa gõ lanh canh mãi trong tâm trí. Thằng bé mát trời ngủ ngon giấc hơn. Trời sáng Liên cứ nằm rốn, dậy cũng chẳng có việc gì trong màn mưa thế này. Nhưng thằng bé chợt thức dậy dụi mắt giục mẹ đi thị xã. Lời hẹn con trẻ nhớ kĩ thật. Liên bảo mưa lắm, để hôm nào tạnh ráo. Thằng bé liền khóc rống lên không sau trước gì hết. Nó kéo mẹ dậy bằng được. Liên đành dậy nấu ăn sáng, định bụng ngơn ngớt sẽ đi ngay. Xem chừng trời đã sáng sủa dần.

Ăn xong trời ngớt hẳn. Xem chừng mặc áo mưa là ổn. Hai mẹ con lên đường. Thằng bé thích quá cứ ríu ran trò chuyện. Với con trẻ không có niềm vui nào nhỏ hoặc lớn cả.

Mới đến đoạn vòng tròn vành xuyến đầu thị xã Liên sững người thấy cảnh tai nạn kinh sợ. Số người từ các ngả lao đến xem đông dần. Liên lại gần xem có thương vong không. Hóa ra là một chiếc xe tải lớn đổ kềnh. Hàng hóa trên xe toàn bia Tiger vương vãi một khoảng đất rộng. Nào két. Nào lon. Mấy người đến xem cầm lon bia lên ngắm và mở tạch nắp ra, rót thứ nước vàng hươm tinh túy vào họng. Thấy lái xe còn đang ngồi nhăn nhó chưa đứng dậy được, mấy người khỏe mạnh thương tình bê luôn cả két chạy đi. Số người đến xem thấy vậy liền học tập kinh nghiệm. Người lái xe vội nhịn đau quỳ giữa đường chắp tay vái xin mọi người đừng lấy hàng của mình. Lời cầu xin chìm ngay vào những tiếng la hét giành giật. Hình ảnh quỳ lạy bị những bóng người đi lại vội vã che lấp. Liên tay dắt con cũng cúi xuống gom mấy lon, nghĩ đỡ phải mua cúng rằm. Rằm nào Liên cũng cúng một lon Tiger. Thằng bé hỏi: "Mẹ có uống đâu mà lượm vậy". Liên thẹn thùng bảo, mẹ nhặt hộ bác lái xe mà. Thằng bé thích quá cũng cúi xuống lượm hai lon. Nó chạy đến chỗ người lái xe nói: "Bác ơi, cháu lượm giúp bác đây này". Liên gọi con đi kẻo muộn. Thằng bé gọi:

"Mẹ mang bia lại đây cho bác lái đã". Liên chạy lại kéo vội con đi sợ bị những người tranh giành bia đạp ngã. Thoáng thấy quen quen. Liên nghi hồ nghĩ, lẽ nào vị giám đốc như anh lại phải làm chân lái xe quèn.

Chợt nghĩ đến lời hứa năm xưa, anh mà không làm được hai cái móng tay thì không xứng với chức vị một giám đốc thành đạt. Nếu ở đời mọi lời thề lời hứa đều ứng nghiệm thì đâu còn đất cho lời thề lời hứa tồn tại nữa.

Xuân Giáp Ngọ

PHẠM THUẬN THÀNH

NGỒI UỐNG RƯỢU BIỂN ĐÔNG MÀ NHỚ NGƯỜI PHƯƠNG TÂY

thơ

NGUYỄN HOÀNG TRUNG

Trời phương Nam phương Bắc
Người phương Đông phương Tây
Biết em còn thầm khóc
Thương đời ta mây bay
Em xưa còn xoả tóc
Bay suốt mấy đồi thông
Ta buồn như lá rũ
Chung thân đến bạc lòng
Ta buồn như gió bấc
Thắt se lòng đêm đông
Ta buồn như tiếng thở
Em xưa có lạnh lùng
Đêm nay ngồi uống rượu
Trăm nổi buồn trên vai
Thấy đời mình như cát
Trắng giữa chiều mênh mông
Thôi một mình đốt thuốc
Sợi khói nào lên tây
Thôi một mình uống rượu
Buồn nào hơn đêm nay.....

NGUYỄN HOÀNG TRUNG

HƯƠNG VỊ NGÀY XƯA

truyện ngắn

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Tới hơn mười lăm năm, cậu em vợ tôi ở nước ngoài mới về thăm quê hương. Làng cậu đây rồi! Trước ngày cậu đi làng còn nghèo lắm! Nơi ấy là cái nôi gửi lại một chuỗi tuổi bé thơ lang thang chạy trước mảnh diều giấy, chạy trên cánh đồng, theo những cơn mưa dầm dề, những trưa nắng chói chang. Con mương trước cửa chùa. Cây cầu gỗ cheo leo. Cái ao sau nhà ông Khán... Chao ôi! Tuổi học trò trốn học đi đơm lờ, bắt cá, móc cua đồng, cất vó tép...Rõ ràng còn đó như có một thằng bé lưng trần đen đúa, tóc khét nắng, đu lên cành ổi dẻo quẹo rồi đột ngột buông tùm cả người xuống mặt ao...

Sau bữa cơm gặp mặt, cậu cho biết được về quê ba tháng. Như vậy là cậu được ở nhà ăn Tết. Thật vui quá! Cậu muốn mẹ và các anh các chị đừng bày vẽ ăn uống. Ở nước ngoài, em chẳng thiếu thứ gì, thịt thựa, bơ sữa, quanh năm. Chỉ nhớ mỗi rau muống, dưa gang, mắm cáy, muối vừng và tình người quê ta! Cậu quay sang nói với tôi:

- Anh biết không? Lúc về đến đầu làng thấy đám trẻ đeo mấy cái giọng tre, tự dưng em thèm món cá đồng nấu củ chuối, nấu khế chua, nhất là nấu me đến thế! - Cậu cười ý nhị: - Me làng ta chua có tiếng. Me chua, nhưng người làng ta đâu có chua! Con gái làng ta xưa nay đẹp nhất vùng!...

Tôi cảm phục:

- Cậu đi xa mà vẫn không quên hương vị quê nhà, vẫn ao ta nước mát!

Rồi cậu bảo chúng tôi:

- Mai mốt các anh các chị đãi em một bữa cá mại đen, cá ngạnh xem sao? Em nhớ những ngày mùa mưa tháng sáu theo bố vào làng Hưng Học mua lờ mang ra đồng Năn đơm cá. Gặp buổi mưa nhiều, được toàn cá mại đen, nặng trĩu cả lờ. Thích thật! Lại nhớ những sáng cùng ông nội đi giũ cá ngạnh ngoài sông Đồng Họ ven đê, lội đến ngang ngực và giật cá cứ phăn phắn, sướng cả tay...

Nghe cậu say sưa mà tôi giật mình. Tưởng em ước thứ sơn hào hải vị gì, bây giờ lo dễ ợt. Xuống chợ Cốc, cả phụ tùng tên lửa cũng có. Nhưng cái món cá mại đen, tức cá mại cờ với cá ngạnh thì... quả là đánh đố chúng tôi. Còn khó hơn cả kiếm măng mùa đông! Đề tài rất đơn giản mà thực hiện đâu có dễ. Giữa thời buổi xóm quê đang hóa dần phố xá, đồng ruộng chỗ nào cũng nhiễm hóa chất, đạm, lân, thuốc trừ sâu, trừ cỏ...Đến đám trẻ con cháu chúng tôi đây cũng có thể không biết con cá mại cờ, con cá ngạnh nó làm sao! Đang mạch vui khen làng thôn thay đổi diện mạo, bỗng dưng cậu chuyển sang chuyện mại cờ cá ngạnh, chúng tôi ai cũng nao nao nhớ lại ngày xưa dân dã ngói tranh...

Ngày xưa...Những cơn mưa "tháng sáu máu rồng" chan hòa mặt đất. Đám trẻ chúng tôi trong xóm thường rủ nhau từng tốp chạy ùa ạt ra đồng. Đứa xách nơm lội trên ruộng đầy tràn nước đục chụp cá tùm tụp. Đứa kê giành vào miệng cống qua đường đón chắn cá mại trắng, cả cá tần ghi nhỏ xíu mắt to, long lanh như hai hạt ngọc...Tôi thích đi dọc các rãnh ruộng mạ xem đàn cá mại cờ

mừng nước. Chúng đua nhau uốn lượn cái đuôi cờ y như đoàn quân diễu hành giương cờ đắc thắng. Gặp lỗ nước chảy, chúng lại ào xuống như lao qua thác. Hoặc tôi lại cúi lưng ngắm những chú mại cờ tách đàn bơi len lỏi trong bụi năn, thỉnh thoảng lại lao lên đớp mồi đánh tép một cái như gãi ngứa vào mặt nước phẳng lặng. Có con còn ngậm lấy tẹo đuôi của bạn, lay đi lay lại tỏ vẻ đầy thích thú, tinh nghịch.

Xóm tôi có nhóm trẻ hay đi câu cá ngạnh. Quê tôi gọi là giũ ngạnh. Chân bờ rào, bờ dong riềng, đám đất chạn rửa nào cũng bị chúng tôi cày xới tìm giun đất sống cho vào ống bơ, ống vầu để làm mồi câu cá. Đầu đội chiếc nón tuột vành, lưng đeo mảnh áo mo cau, chúng tôi đứa ngồi xổm trên bờ, đứa lội ra vạ sông ngập đến thắt lưng. Tay vung cần câu trúc, cần câu tre vót lấy, quăng vút sợi cước dài có lưỡi câu xiên khẩu mồi giun ra và giũ giũ đầu cần câu vào mặt nước kêu tom tõm. Đó chính là tiếng gọi nhử lũ cá ngạnh phàm ăn đến. Tiếng tom tõm chưa dứt, vòng tròn nước chưa kịp khép thì chiếc phao bằng mẩu muồng muồng khô đã chúi xuống. Tôi vội giật mạnh lên, cần câu quay vun vút trong không gian. Con cá ngạnh to bằng ngón tay cái mắc câu. Nơi lưỡi câu phát ra tiếng kèng kẹc, kèng kẹc thật hấp dẫn. Lúc gặp được đàn cá ngạnh đi đông, giật cần câu không thấu. Chốc chốc ngón tay gỡ cá lại bị cắm gai ngạnh của chúng nhức buốt. Gai ngạnh non không sao, chứ cắm phải gai ngạnh già thì buốt tới óc. Buốt mà vẫn thích, vì nhìn sang hỏi thăm nhau: - Mày được nhiều chưa? Tao lưng giọng! Thằng Hoài Ngớ, thằng Vấu Nhì đã được đầy rồi! Hai thằng ấy dái đen nên bao giờ cũng sát cá...

Cha tôi rất chuộng món cá ngạnh nấu với củ hay quả chuối hột non và cây rọc mùng thả tái. Thời ông làm lý trưởng, có lần làng cử bác Đoàn Ngảnh (là người chuyên giúp việc chia phần rất khéo trong làng) đội khệ nệ một chiếc thủ lợn to gần kín lòng chiếc mâm đồng đến biếu. Ông xua tay: "Thôi Thôi! Coi như tôi đã nhận rồi. Tôi cho bác mang về nhà để cho cô ấy với các cháu nó ăn! Khổ lắm! Cầm dao chia phần cho làng thì tài, không ai chê được, mà phần mình thì không biết có miếng nào đến miệng? Hôm nao cháu nó câu được, cứ cho tôi mớ cá ngạnh là báu nhất"...

Được mớ cá ngạnh tươi còn giãy, cha tôi bận mấy cũng tự tay mình đi đào củ chuối hột non và thái nhỏ như miến đem ngâm vào chậu nước lã, khỏi thâm. Mẹ tôi luộc nhôi cá, vớt ra rổ cho ráo rồi gỡ hết ba cái gai to. Chỉ còn thân cá trơn tuột. Cá luộc được đảo trong chảo mỡ, rim hành, cà chua. Liệu cơ cho nước và quả bứa vào nấu chua. Sau mới nấu với củ chuối, rọc mùng. Nồi riêu cá ngạnh đơm ra váng mỡ nổi vàng óng, béo ngậy, tỏa hơi nghi ngút, ăn ngon tưởng quắt tai. Nhưng cha tôi bảo:

- Bữa đầu ăn gọi là thôi. Còn để bữa sau nấu lại, mới là người biết ăn cá đồng...

Quả đúng thế thật! Giống cá ngạnh hai lửa mới tuyệt làm sao! Bây giờ nhiều khi muốn ăn, mà không kiếm đâu cho được.

Chiều cậu em, lâu lắm mới có dịp cả nhà được vui vẻ thế này, mấy chị em gái sau đó tỏa đi mỗi người một chợ, tìm mua cá mại cờ, cá ngạnh. Nhưng chẳng chợ nào có. Một bà hàng cá chợ Cốc còn đáo để mắng vợ tôi: "Cô khùng hay sao lại đòi cá mại cờ, cá ngạnh thời buổi này?" Dì em thì xuống chợ Đình Lưu Khê, chợ Vị Dương. Cũng chịu. Dì mua được mấy cân ngán cùng sò huyết và một cân tôm sú hí hửng đem về, nghĩ cậu sẽ bất ngờ. Ai dè cậu em trợn mắt:

- Các chị có chiều em được mãi không? Tưởng em không biết gì những thứ này đấy à?

Dì em tôi cười xuê xoa:

- Cũng rẻ ấy mà!

- Rẻ bao nhiêu? - Cậu em vặn lại. Dì em lúng búng trả lời:

- Sò ngán rẻ thôi. Riêng có tôm sú đây là đắt này. Một trăm tám mươi nghìn một ký lô, cậu ạ!

- Vậy mà chị khen rẻ, định giấu em. Bằng hơn tạ thóc. Nông dân mình ít ai dám đổi thóc lấy tôm ăn? Thứ này em vẫn được ăn luôn. Khách sạn, nhà hàng chả thiếu...Em về chơi, cốt rau mắm sơ sơ xong việc thôi!

Phải đến nửa tháng sau. Hôm ấy thứ bẩy. Chúng tôi lại họp mặt ở nhà bà ngoại. Mọi người đang chăm chú theo dõi chương trình "*Gặp nhau cuối tuần*" trên VTV3 thì có tiếng xe ôm tít còi inh ỏi ngoài cổng. Vợ chồng tôi nhanh chân chạy ra. Một chị phụ nữ bịt khăn kín mặt để tránh nắng, chỉ hở hai con mắt, xuống xe, tay xách một cái bao xác rắn. Chị trút bao, lộ ra một chiếc lờ đơm cá giếc bọc bẹ chuối còn ướt trương, vội vã nói:

- Hàng độc đấy! Bác bá nhận cho em. Chị Hà nhờ em mua hộ, dặn từ mấy hôm trước. May quá dịp này có mưa. Phải rình người ta vừa đơm ngoài đồng về, em mới tranh mua được. Chẳng nơi nào kiếm được món này đâu. Họa chăng đồng Năn Hà An còn mái chua là có thể có thôi!

Thì ra là một mớ cá mại đen! Vợ tôi đón lấy bọc "tặng phẩm quí hiếm". Tôi nói nhỏ: Thế là vợ chồng mình thua dì Hà rồi!

Cậu em tôi đổ cá vào chậu nước mưa. Con đen, con xám, con vẩy đỏ còn tươi nguyên, nhảy tanh tách vung cả ra ngoài chậu. Chúng bơi dày đặc, quẫy lượn thỏa thuê, khoái chí. Cậu em chọn lấy hai con to nhất, đẹp nhất thả vào cái bát nhựa. Ngẫm nghĩ thế nào, cậu đứng dậy bê chiếc bình rượu tây bốn, năm lít gì đó hạ xuống nền nhà. Rượu trong bình đã tiếp khách còn chừng già nửa. Cậu dồn rượu vào mấy cái chai, xếp lại. Loáng sau, chiếc bình đã được rửa sạch sẽ, đổ nước mưa trong vắt, pha thêm ít nước ruộng tới lưng. Cậu thả hai con mại cờ vào đó. Nhìn qua thành bình, hai con mại cờ tự dưng to phình lên, quét hai cái đuôi dài như hai cái chổi. Chúng lượn quanh bình nhìn nhau, đôi mắt đen tí long lanh, cái miệng nhỏ tẹo hớp hớp thật dễ thương. Cu Thắng, cu Thế, cái tí Hường vỗ tay reo ầm ĩ :

- A ha! Nhà mình có bể cá rồi! Ông trẻ ơi, thả mấy con nữa vào. Cho ít cơm, ít cộng cỏ cho nó ăn đi...

Cậu em ngẩn ngơ ngắm nghía chiếc bình cá. Cậu như sống lại tuổi bé thơ ngày nào cũng vô tư như bọn trẻ bây giờ...

Bữa chiều ấy hóa ra lại bận và vui. Người thái ớt, thái lá lốt, giã gừng. Kẻ thái quả chuối hột xanh. Cậu thì trèo lên cây me hái trái non, nhưng cũng đủ chua. Riêng chỉ còn thiếu khoản mẻ. Bà mẹ vợ tôi đi lần khắp xóm không ai có, đành xin bát bỗng rượu đem về. Cậu em vẫn mạch ký ức ngày xưa:

- Thời ông bà nội với bố mình còn sống, bao giờ trong nhà cũng nuôi một hũ mẻ. Mỗi hôm thả vào một bát cơm nguội. Mẻ sống qua ngày này tháng khác. Có cá đồng về là nấu được ngay, vừa khử tanh lại vừa thơm ngon!

Cậu gặng vợ tôi:

- Chị có nhớ không? Một lần em trêu chị. Chị đuổi em chạy khắp quanh nhà. Lớ ngớ thế nào, chị vồ hụt em, vồ luôn vào hũ mẻ, làm đổ lênh láng hết sạch. Sợ bố về sẽ mắng hai chị em, em đánh liều vặt mấy quả bòng chua, gạ thằng cu Ma Toi về lấy hũ mẻ nhà nó trút sang hũ nhà mình. Keo ấy thoát trận...

Mải bươn trải với cuộc sống làm ăn, dông dài với những cuộc rượu bia, tiệc tùng thịnh

soạn...Thú thực bữa đó, nhờ cậu em, chính tôi mới có dịp được hưởng một bữa riêu cá mại cờ ngon bùi, béo ngậy đến thế. Tôi phân bua:

- Cậu ơi! Chị cậu nấu ăn cũng nghệ lắm. Nhưng bây giờ lấy đâu ra mại cờ được? Thừa nhận rằng cậu đi Tây mà vẫn vấn vương hương đồng gió nội. Xin chịu cậu!

Cậu em tôi hạ đũa, mắt sáng lên:

- Hôm nào ra Giêng Hai có mưa to, anh em mình thử đi giũ ngạnh ngoài đê xem sao. Biết đâu lại có đấy!

Đến nước này, tôi cũng đành hạ đũa kêu lên:

- Cậu lại đánh đố các anh các chị nữa rồi! Mại cờ ư? Cá ngạnh ư? Có mà lội ngược ngày xưa!

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

NHỚ QUÊ

thơ

NGỌC HẢI

Canh chua điên điển cá linh
Ôm con một mình chị hát ca dao
Chiều chiều ra ngóng cửa sau
Chín chiều gan ruột chị đau nẫu lòng
Về sông sóng vỗ bềnh bồng
Nhớ quê mùa lũ trắng đồng nước lên
Sông dài cá lội mông mênh
Ngàn năm chờ đợi không quên lời thề
Nắng chiều nắng trãi chân đê
Vàng bông điên điển hẹn về chốn xưa

NGỌC HẢI

BĂNG QUA ĐƯỜNG

truyện ngắn

MINH NGUYỄN

Trên đường về nhà, Ngữ tình cờ gặp Nhã lúc cô sắp băng qua giao lộ, cô hỏi:

- Hẳn anh biết ngày mai có người mang sính lễ đến nhà Mây tiến hành lễ dạm ngõ?

- Ngữ không thể tin vào tai mình. Mới hôm qua Mây vẫn còn gối đầu trên tay anh nói cười vui vẻ, không hề nghe nói chi tới chuyện cưới xin, vậy mà hôm nay đã . . .

Có thể Nhã đã nghe lầm tên ai khác, cho dù cô có là bạn thân của Mây đi chăng nữa. Tuy có chút bất ngờ, song Ngữ cố giữ vẻ mặt bình thản, che dấu mớ cảm xúc đang làm rối bời trong lòng. Anh nghĩ, chắc phải có chuyện bí ẩn gì, khiến cô không thể giải thích hành vi đáng ngờ của mình với anh?

Rẽ vào lối mòn, Ngữ chọn con đường ngắn đi về nhà, thay vì đánh một vòng xuống tận dưới bãi biển xa, vừa tiết kiệm thời gian vừa mau ra tới đường ray tàu hỏa. Từ đó, anh đếm từng viên đá lởm chởm đau nhói dưới chân, chạy dọc theo hai bên đường ray tàu hỏa, về tới đầu con ngõ dẫn vào nhà lúc nào không hay. Loay hoay một lúc bên con đường hẹp và dài như mũi tên cắm sâu vào lòng đất, anh có mặt trước cửa gian nhà giống như một cái hầm. Gọi là nhà, nhưng chỗ ở không lớn hơn một cái hộp diêm, do Mây quen biết thuê giúp cho. Với diện tích khiêm tốn chừng ấy chỉ đủ kê chiếc giường cá nhân, một chiếc bàn vuông vức trên đó sáp trắng chảy tràn ra như lớp phún thạch, một chiếc lồng chim vắt bừa bộn những cuốn sách Kafka , Heidegger, Camus. . . đặt trong góc tối, một vài bức tranh bạn bè vẽ tặng hoặc bức chân dung có khuôn mặt cô gái, vẽ hao hao giống nàng treo quanh tường. Để đánh lừa ảo giác về chỗ ở thuê mướn này, Mây gọi luôn nó cái tên nghe khá lạ tai "Hầm Nắng". Kể ra, việc cách điệu ngôi nhà thành chiếc hầm nghe cũng có lý; bởi ngoài lối đi chỉ đủ cho một người chui ra chui vào, chủ nhân có sáng kiến khoét trên bức tường hướng ra biển, một cái lổ thông gió lớn bằng chiếc cửa sổ, giúp anh những hôm không phải đi làm, có chỗ ra ngồi hít hà hương vị ngai ngái từ gió biển thổi vào, hoặc ngắm nhìn vẻ đẹp kỳ vỹ mỗi lúc bình minh lên hay hoàng hôn rụng xuống những buổi chiều. Chưa kể, mỗi sáng cứ đúng vào lúc năm giờ lại có chuyến tàu tốc hành chạy sầm sập ngang qua trên đầu, để lại trong làn sương sớm một hồi còi dài thay cho tiếng chuông đánh thức Ngữ thức dậy, ra ngồi trên mô đất cao dõi theo từng con sóng bạc đầu đùa giỡn dưới ánh trăng, nghe mơ hồ tiếng mưa rơi trước hiên nhà. Cùng lúc, nhớ tới bức thư của Mây đã nhờ cô em kết nghĩa, Thục Đoan chuyển tới tận tay anh khi cô ghé đến tòa soạn một tờ tạp chí tìm anh. Lạ. Trong thư, Mây ghi không sót tựa đề truyện ngắn nào của anh đã đăng rải rác trên các trang báo văn nghệ. Mây là ai, sao cô biết rõ tận tường về anh đến vậy?

Suy nghĩ mãi, Ngữ vẫn chưa tìm ra ẩn số của trò chơi, giống như việc anh bắt đọc giả của mình tự tháo gở các nút thắt trong các truyện ngắn, để khám có thể phá ra cái kết cục sau cùng. Trong lúc đang bí thế, Ngữ chợt nhớ nụ cười bí hiểm cùng mảnh giấy nhỏ, Thục Đoan nhét vào tay "Muốn biết tác giả bức thư là ai, mời anh ghé tham dự buổi sinh hoạt do nhóm con gái tổ chức vào sáng chủ nhật này nhé".

Đúng hẹn, Ngữ lần theo địa chỉ do Thục Đoan ghi ở mặt sau bao thuốc lá, tìm đến quán cà phê nằm ở khu ngoại thành. Vừa bước tới cổng, anh đã thấy Đoan từ trong quán lao ra đón anh, đưa

vào ngồi nơi chiếc ghế dành sẵn. Không biết, đây có phải là sự sắp đặt do chủ ý từ trước hay sao, cô xếp anh ngồi đối diện với cô gái xinh đẹp, nhìn đời sau cặp kính đen che gần hết khuôn mặt. Đẹp. Ngữ không tin mình dễ dàng bị chinh phục bởi nhan sắc kiều diễm, không hề vay mượn chút son phấn nào từ công nghệ làm đẹp. Hình như, qua đôi môi mộng đỏ hình trái tim nơi cô, anh bắt gặp chút lay động như thể muốn nói lên điều gì với anh vậy? Anh quay ra, định đi tìm Đoan nhờ giới thiệu anh làm quen với cô gái, song nhìn thấy cô đang bận tíu tít trước bạn bè nên lại thôi. Kể ra, Đoan có lý khi chưa tiết lộ Mây là ai trong số các cô gái đang có mặt, hay cô muốn dành cho anh sự ngạc nhiên đến tận giây phút cuối cùng?

Trong không khí ồn ào của buổi họp mặt, Ngữ cảm thấy như được sống lại tuổi học trò của mình, khi bước đầu tập tễnh đi vào con đường nghệ thuật. Lứa tuổi ăn chưa no lo chưa tới, mới thi đậu bằng trung học đệ nhất cấp, sớm ôm mộng trở thành văn nghệ sĩ nổi tiếng. Lứa tuổi mà người đời cười và chế nhạo "điếc không sợ súng là gì". Thật vậy, thuở ấy bạn bè dăm bảy đứa xúm nhau lập ra các nhóm thơ văn tỉnh lẻ, mỗi tuần gặp mặt nhau một lần tại quán nước quen thuộc, khoe dăm bài thơ, đọc vài cái truyện ngắn được đăng báo cho nhau nghe để sướng đến tê tái.

Đang thả hồn bay bổng về quá khứ, Ngữ chợt giật mình khi ng, cô gái đẹp đang ngồi trước mặt anh từ đầu đến giờ. Cô ta đây sao? Cái tên Vân Hồng vừa lạ vừa quen mang đến cho anh sự ngạc nhiên khó tả.

Vừa lúc cô gái ngồi xuống, sau khi cúi đầu chào ra mắt mọi người, Ngữ đã nhanh miệng nói:

- Chào Vân Hồng.

- Chào anh.

Mùi hương da thịt nồng nàn con gái ập lên mũi khiến Ngữ thêm bối rối:

- Cám ơn em đã gửi bức thư cho anh.

Mây cười nói tự nhiên.

- Anh vẫn khỏe?

- Em đọc mấy cái truyện của anh trên báo nào?

Cô gái dí dỏm:

- Anh tự biết mà.

- Anh không nhớ hết.

- Bài gửi bài đăng ở báo nào sao tác giả lại đi hỏi đọc giả chứ. Cũng như hôm nay, anh không ghé đến đây làm sao bọn em có dịp biết mặt mũi anh thế nào?

Sau lần gặp gỡ đầu tiên, quan hệ tình cảm giữa Ngữ và Mây ngày thêm gắn bó; đồng thời biến thành tình yêu một cách tự nhiên như trên bàn ăn cần phải có đủ chén-đũa vậy.

Mãi suy nghĩ đâu đâu, Ngữ về đứng trước hiên nhà từ lúc nào. Tiếng gió reo xào xạt trên cành lá làm anh giật mình, nhớ ra cánh cửa ra vào không bao giờ bị khóa, bởi giao ước giữa anh và Mây muốn như vậy . Đưa tay ra đẩy nhẹ cánh cửa, anh bước vào trong nhà mang theo tiếng phong linh kêu leng ken nghe vui tai. Tiếng kêu mơ hồ như có đôi bàn tay ai, nhẹ lướt trên các phím dương cầm. Qua ánh sáng mờ ảo hắt ra từ ngọn bạch lạp, anh phát hiện trên bàn ăn có ai dọn sẳn, chai chai rượu vang đỏ, hai cốc pha lê chân cao, một dĩa bánh cack bơ, một dĩa thịt nguội; đặc biệt, có một bông hồng màu mận chín cắm trong chiếc lọ thủy tinh trong suốt. Theo thói quen, Mây ghé đến thăm anh một tuần đôi ba lần không báo trước. Cô thường mang theo rượu, thức ăn và một ít hoa quả để cả hai cùng ăn uống khi ở bàn khi lười biếng nằm trên giường. Tửu lượng cô không cao lắm, nhưng đủ giúp cô có được cảm hứng, bước tới ngồi trước khung vải, sử dụng cây cọ trong tay một cách nhuần nhuyển, bắt màu sắc biến thành họa phẩm "NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÈO CÔ GÁI TRÊN CHIẾC XE ĐẠP SƯỜN NGANG". Kỷ niệm một thưở anh đèo cô phía trước, lang thang qua các nẻo đường rụng vàng lá me bay khắp nẽo mưa Sàigòn. Mưa. Quá khứ hiện về trong anh như cuốn phim quay chậm. . . . . .

Thưở ấy, không hiểu sao Mây lại hồn nhiên, lãng mạng, tự tin đến thế. Cô bất kể bên ngoài trời mưa hay trời nắng, bắt chuyến xe buýt đi từ Hàng Xanh ra điểm cuối Bến Thành, từ đó đi tiếp chuyến xe vào ngã bảy Chợ Lớn để gặp cho được anh. Và, trên căn gác gỗ ọp ẹp gia đình, anh đón cô bằng tách cà phê ngọt bùi vị cay đắng, nghe chung tiếng hát khi là ca sĩ Anh Ngọc, khi là tiếng hát vượt thời gian của Thái Thanh "Tóc mai sợi vắn sợi dài/ Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm".(**) Đã vậy, mỗi lần nhác trông thấy bóng Mây, mẹ anh lại xuất hiện nơi chân thang, nói xa gần với cô về chuyện hôn nhân này nọ. Tội nghiệp, tuổi già nơi những bà mẹ thường mong ngóng con trai mình sớm lấy vợ để có cháu bồng ẳm, trong khi cuộc mưu sinh của anh lại gặp muôn sự khó khăn trắc trở. Anh yêu thương mẹ, nhưng không thể làm vừa lòng bà, khi cuộc sống bấp bênh nơi anh chỉ biết dựa vào đồng tiền viết lách lúc có lúc không. Cho nên, dù có yêu cô đến mấy, anh cũng chẳng dám mơ mộng tới chuyện hôn nhân, e sẽ mang khổ lụy đến cho người mình yêu.

Và, những lúc như vậy, Mây thường hay trách anh:

- Hình như ngoài em ra anh còn yêu ai khác?

Ngữ cố gắng giải bày tấm chân tình anh dành cho cô:

- Thú thực, từ khi có em rồi, anh chẳng hề quen biết với bất kỳ ai.

- Thật sao. Anh thử liếm lưỡi mình xem có đụng tới mũi được không?

- Còn em có như anh?

Câu hỏi của Ngữ làm cho Mây bỗng giật mình, cảm thấy xấu hổ khi nhớ đến Tê, người đàn ông lớn hơn cô một con giáp, mỗi sáng vẫn hay ra đứng trước cửa nhà, nhìn theo bước chân cô cắp sách đến trường. Qua ánh mắt ấy, cô bắt gặp cái nhìn tình tứ khiến cho mỗi bước đi nơi cô thêm lúng túng. Thoạt đầu, anh chỉ dám đứng nhìn cô từ xa, lâu ngày trở nên dạn dĩ đi theo phía sau làm một chiếc đuôi. Nghe đâu, ngoài quan hệ chú cháu với cô gái học cùng trường trung học với cô, anh vừa tốt nghiệp từ học viện hành chánh thành phố về đây, đang chờ lệnh bổ nhiệm đi làm việc ở địa phương nào đó. Có lẽ, nhờ vậy anh có dư thời gian để theo đuổi cô trong suốt những ngày vừa qua. Kể ra, việc quen biết với người lớn tuổi và có địa vị xã hội như anh chẳng phải là niềm mơ ước của nhiều cô gái hiện nay. Điều này tuy có gây ra chút phiền toái về mặt gia đình, song cô lại không muốn bỏ qua cơ hội hiếm hoi đến vậy. Nghĩ đến đây, cô thấy nơi lòng tràn ngập niềm kiêu hảnh về nhan sắc trời cho của mình. Cô tự nhủ với cô, việc trai gái quen nhau là chuyện thường tình nam-nữ, còn chuyện tình cảm đến hay đi đều do duyên số định sẵn, biết ra sao ngày sau mà suy nghĩ vẩn vơ. Dù sao, qua hết niên học năm nay, cô muốn hay không cũng đều bị bắt buột rời xa tỉnh lẻ thân thương của mình, đi lên thành phố tiếp tục việc học; tới khi ấy giữa chốn phồn hoa đô hội, không biết cô có còn quan tâm tới anh nữa không, hay đã gặp gỡ yêu thương người nào khác? Có điều làm cô băn khoăn chưa biết phải xưng hô với anh bằng gì, nhằm xác định khoảng cách chênh lệch tuổi tác sao cho miệng lưỡi người đời không khỏi dị nghị? À! Cô nhớ ra rồi, chẳng phải anh còn có cô cháu gái trạc tuổi cô gọi anh bằng chú đó sao, chú Tê. Phải! Chú Tê nghe cũng hay hay . . . . . .

Sợ bắt Ngữ chờ câu trả lời hơi lâu từ phía cô, khiến anh thêm nghi ngờ, nên Mây khéo lựa lời nói tránh đi:

- Em bận lo học túi bụi, lấy đâu ra thời gian quen biết ai ngoài anh.

- Nói vậy mà không phải vậy hả em, chẳng phải người đời thường hay nói "hoa đẹp để cho người ta hái" sao.

- Tin hay không tùy anh. Mây lấp lửng trả lời Ngữ.

- Ừ! Thì tin.

Mây đột ngột nói như muốn thử lòng Ngữ:

- Nếu thế mình có con đi.

Không phải đây là lần đầu tiên Mây nhắc Ngữ về chuyện con cái; trái lại, cô đã nhiều lần vẽ ra những cái tên trẻ con ngộ nghĩnh như là "Gió Thông", bất luận là con trai hay con gái. Cái tên nghe rất lãng mạn nhưng chẳng thể hiện điều gì trong tình yêu hai người.

- Em thật sự muốn vậy?

- Anh thích là được.

Ngữ chỉ biết ầm ừ cho qua chuyện, bởi lấy anh Mây sẽ khổ thân chứ có vui sướng gì hơn. Cho nên dù ở bên nhau bấy lâu, anh chưa hề nghĩ đến việc phải lợi dụng tình yêu để sống buông thả với cô bao giờ. Trái lại, anh luôn muốn giữ cho cô sự trong trắng để không làm tổn thương tình cảm nhau sau này. Có lẽ, nhờ vậy sau thời gian dài xa cách vì lý do này lý do nọ, cô không quên viết về cuộc tình một thời giữa anh và cô trên trang mạng nào đó "Nó kỳ khôi thật khó nói, không biết bắt đầu từ đâu, khi gắn bó khi bời rời, khi đứt khúc khi gặp lại, rồi mất hút. . . . . ."

Sau khi đã quen dần trong bóng tối, Ngữ tìm quanh gian phòng không thấy bóng Mây đâu cả. Anh nghĩ, có lẽ cô đang ra ngồi trên mô đất cao, nơi anh và cô hay đến đó thả hồn bên bãi cát trắng phau, trải dài từ chỗ ngồi ra đến tận mép biển; nghe từng con sóng vỗ rì rào cùng vô số hạt cát mặn mòi thổi tràn qua đồi dương. Lạ. Cát ở đâu nhiều vô kể, mới đêm qua còn là ụ nhỏ, sáng ra đã biến thành gò đồi nhấp nhô trước mắt. Không chỉ có vậy, đôi lúc Mây còn hứng thú bỏ chân trần trên cát, chạy đuổi theo đám dã tràng với túm chân cao nghệu, thoắt hiện thoắt biến bên các hang ổ sâu hun hút. Chán chê, cô lại nằm lăn ra trên bãi cát trắng mịn màng, đưa tay bứt đám dây muống biển, nở đầy những hoa màu tim tím, quấn lên đầu thành một chiếc vương miện cô dâu trông khá xinh đẹp.

Lợi dụng lúc Mây đang rong chơi đâu đó, Ngữ bước vào phòng tắm, thả lỏng người đứng dưới vòi sen, tận hưởng dòng nước mát len lỏi qua từng thớ thịt, mơn trớn từ đầu cho xuống tận dưới chân, trước khi tan loãng ở mười đầu ngón chân. Bỗng anh nhớ lại câu hỏi của Nhã đã hỏi anh lúc tình cờ gặp nhau ban sáng. Anh thầm hỏi, có thật ngày mai Mây sẽ rời bỏ cuộc chơi, rời bỏ cái "Hầm Nắng" mà cô đã bỏ công gầy dựng, nhận lời đi với Tê. Người mà trước đây cô úp mở, nữa đùa nữa thật giới thiệu với anh là chú. Buồn. Anh thoáng nghe nơi mình nổi đau như thể vừa đánh mất đi vật gì vô giá. Tiếc, tuy có chút hối tiếc thật, nhưng chuyện tình yêu sẽ rất khó giải thích hoặc chia sẽ theo cảm nghĩ, nếu không phải là người trong cuộc. Thôi thì, anh xin chọn lấy sự yên lặng mãi mãi làm người ra đi như bao lần anh đã đi, để tránh cho em chuyện khó xử với chồng.

Vừa lúc, có tiếng phong linh kêu leng keng, báo hiệu Mây đã trở về, cũng là lúc Ngữ vừa từ phòng tắm bước ra. Anh nhìn cô cười hỏi:

- Biển hôm nay thế nào em?

- Buồn .

Ngữ bước theo Mây đến ngồi bên cạnh giường, hỏi:

- Biển nói gì làm em buồn?

Mây áp đôi môi cô lên môi Ngữ hôn vội.

- Biển muốn em xa anh.

- Vì sao?

- Sau ngày mai anh sẽ biết..

Không còn phải nghi ngờ gì nữa, sở dĩ Mây chỉ nói đến đây rồi dùng lại, bởi cô không muốn buổi gặp gỡ hôm nay bị mất vui và chả có ý nghĩa gì đối với cô sau này.

Làm như vô tình, Ngữ hỏi nơi Mây.

- Em chờ anh có lâu không?

- Bao lâu nay em vẫn chờ đợi anh được mà, huống chi hôm nay.

- Anh có cảm tưởng như em đang cố dấu chuyện gì?

Thay vì trả lời, Mây nhoẻn miệng cười thật tươi, sau đó cầm lấy chai rượu vang, rót vào hai chiếc cốc thủy tinh loại cồn nhẹ màu đỏ sẫm. Cô mời:

- Mình cụng ly nghe anh!

- Mừng chuyện gì?

- Kỷ niệm giữa anh và em trong buổi chiều này.

Tiếng va chạm thủy tinh kêu lanh canh tạo thêm cho Mây sự phấn khích. Cô uống như thể chưa bao giờ được uống. Vừa uống cô vừa rên rỉ gọi tên Ngữ trong cơn say túy lúy. Anh ngồi nhìn cô uống hết cốc này sang cốc khác. Rượu giúp cô có thêm sự dạn dĩ dưới ánh nến lung linh huyền ảo. Đẹp. Trông cô thật quyến rũ so với ngày thường rất nhiều. Bỗng dưng, anh nghe cơ thể mình nóng ran lên với sự rạo rực đầy ham muốn. Không! Anh tự thức tỉnh chính mình " không thể để cho chuyện ấy xảy ra". Chỉ cần qua hết đêm nay cuộc tình giữa anh và cô sẽ trở thành quá khứ để mà hoài niệm. Thực ra, đã từ lâu anh đoán biết rồi cũng có ngày cô sẽ rời bỏ anh ra đi. Bản tính của cô anh không còn lạ gì nữa, ngoài việc theo đuổi nghiệp văn chương với hy vọng thỏa mãn chút ít tiếng tăm, cô thương bản thân mình như thương lấy cuộc sống giàu sang đầy danh vọng. Sở dĩ, anh khám phá ra chuyện đau lòng, nhờ tình cờ nghe lỏm câu chuyện giữa các cô gái, trong

lúc vui miệng kể về người đàn ông lớn tuổi, lái xe từ tỉnh lỵ rất xa về tham dự tiệc sinh nhật của cô; điều này đủ chứng tỏ cho anh thấy, tình cảm mà bấy lâu nay anh nhận nơi cô giống như một trò đùa. Tự ái, anh nuốt vào lòng sự hổ thẹn, âm thầm bỏ buổi tiệc ra về trong sự cay đắng lẫn tủi nhục.

Chợt Nhữ sực tỉnh bởi giọng nũng nịu của Mây vang lên bên tai

- Anh Ngữ chạm cốc với em nào.

Ngữ miễn cưỡng tạo ra sự vui vẻ để khỏa lấp nỗi buồn.

- Uống! Anh sẽ uống mừng với em.

Giọng nức nở, nghẹn nghào, cay đắng của cô ca sỹ vang lên bên chiếc máy nghe nhạc, mang lại nhiều cảm xúc : "Thôi em hãy về mối duyên mình nhạt nhòa như khói mây/ Thôi em cứ đi để một mình anh trong xót xa/ . . . . . / Ừ thôi em nhé ta chia tay nhau từ đây". (* **)

Trong men say, Mây cuồng nhiệt ôm ghì, vuốt ve, âu yếm, đè nghiến Ngữ trên giường cùng với sự rạo rực được biết đến qua hơi thở dồn dập. Phải khó khăn lắm, anh mới chiến thắng được bản thân qua mùi nước hoa quyến rũ, mùi thịt da con gái đưa lên tận mũi, sẵn sàng đưa anh lạc vào cõi thiên thai. Anh vội quay mặt đi, cố giữ cho mình thật tỉnh táo, né tránh mọi sự cám dỗ nhất thời, trước khi chiếc giường kịp rung lên những tiếng kêu hoan lạc. Với động tác nhẹ nhàng, anh mau chóng rời khỏi vòng tay đam mê quấn quýt nơi cô. Anh đứng lên rời khỏi giường, bước vội vào phòng tắm, đứng thả lỏng người dưới làn nước mát . Thực ra, anh chẳng phải là con người cao thượng, song đây là lần đầu tiên anh chứng kiến cảnh Mây thể hiện bản thân một cách cuồng nhiệt, táo bạo đến khó hiểu.

Từ phòng tắm bước ra, Ngữ đứng ngắm nhìn Mây ngủ vùi trong cơn say lần cuối, sau đó anh vội vàng thu xếp một ít quần áo cho vào túi xách; quyết định đi ngay cho kịp chuyến tàu lửa sẽ rời khỏi sân ga vào lúc đầu hôm, cũng như tránh cho Mây không phải đối diện với bao phiền toái khi tỉnh dậy sau vài giờ tới đây.

Có ai đó đã ví "Tình yêu giống như cơn gió, gió không thể thấy nhưng có thể cảm nhận".

Điều này chắc Mây sẽ "ngộ" ra sau khi anh rời khỏi nơi này .

(*) Nhạc và lời Nguyễn Ngọc Thiện.
(**) Nhạc và lời Phạm Duy
(***) Nhạc và lời Nguyễn Ngọc Thiện

MINH NGUYỄN

CHUYỆN NHỎ

truyện ngắn

BÙI THANH MINH

Chiếc xe buýt rời bến đi thị xã lúc 5 giờ 30 phút. Tấn đặt chiếc túi xách vào bên phải áp sát thành xe. Trong túi có chiếc áo mưa, một chiếc khăn mặt và chiếc mũ mềm. Tấn ung dung ngồi ngắm nhìn... Giá lúc ở nhà Tấn nghe vợ bỏ vào túi hai bắp ngô luộc, có phải bây giờ vừa ngồi, vừa gặm có sướng không, lại tiết kiệm cả nghìn bạc. Thực ra kiểm tra đồ đạc trước khi đi, thấy hai bắp ngô nần nẫn, nóng hôi hổi, Tấn đã định để nguyên, nghĩ thế nào Tấn lại nói: "Đi thị xã mà gặm ngô, người ta cười cho". Nếu lúc ấy vợ Tấn cứ can một câu thì Tấn đã không bỏ lại. Ngồi bên trái Tấn là một bà béo. Bà ta mua nắm xôi một nghìn đồng, kèm theo năm trăm bạc ruốc thịt, ngồi véo đút vào miệng nhai bỏm bẻm. Lại một lão ngồi phía trước mua chiếc bánh mỳ năm trăm đồng ngồi cắn, rứt nhai như bò nhai rơm, hai cái bạnh cằm dưới mang tai vồng lên, oằn xuống.

Khi xe còn đậu ở bến, Tấn cũng định mua một chiếc bánh mỳ, vừa rẻ, lại vừa sạch sẽ. Nếu con mụ bán bánh mời dấn lên câu nữa thì nhất định Tấn đã mua rồi. Lát nữa lên thị xã, nghìn bạc có khi chỉ bằng năm trăm ở đây, bóp xốp xồm xộp như nắm bông gòn ngấm nước. Đành vậy, lên đến đấy hãy hay. Nhưng mà vợ Tấn đã dặn, phải lót cái gì vào bụng thì khám bệnh mới chính xác được. Vậy thì, nhất định trước khi vào khám Tấn sẽ ăn cái gì đó cho mà xem... mấy khi lên thị xã, có hoang một tý chả sao. Ở trên ấy thì không thể cầm chiếc bánh mỳ, hay nắm xôi gói lá mà nhai được. Cũng phải giữ thể diện một tý chứ. Làm tô bún sườn cho lịch sự. Tô bún trên thị xã, lại cửa bệnh viện chắc phải ba nghìn. Chao ôi, bằng cả bữa ăn trưa của nhà Tấn rồi. Ví là ví vậy thôi, chứ ở quê làm gì ra ba nghìn một ngày. Vợ chồng Tấn cấy khoán cho Hợp tác xã hai sào lúa. Vụ vừa rồi thu được ba tạ khô, nộp 21 khoản vừa quỹ, vừa thuế cho xóm, cho Hợp tác xã, cho huyện... hết hai tạ hai, còn lại tạ tám. Trừ chi phí các loại hết 80 cân. Còn một tạ. Giá thóc 15, lời có 150 nghìn đồng. Tính ra ngày công không được 500 đồng bạc. Đi khám bệnh đợt này, vợ Tấn phải xúc năm chục cân thóc mang ra chợ. Họ bớt mất một, còn 74 nghìn. Tiền vé ô tô đi về hết 14 nghìn, ăn uống chi phí dọc đường Tấn cứ cho cả gói là 6 nghìn, vị chi là 20 nghìn. Còn 54 nghìn là để chi phí khám bệnh, mua thuốc khó có thể đủ. Không may phải chụp X quang, xoàng cũng mất 15 đến 20 nghìn, lại còn mua tích kê, tiền biếu bác sỹ để được khám trước, tiền biếu hộ lý để mượn chìa khoá nhà vệ sinh... bao nhiêu thứ phải chi, mà lần trước vợ chồng Tấn đã chứng kiến. Tấn cũng đã tính, khám bệnh xong Tấn sẽ mang phim, mang đơn thuốc về nhờ bác sỹ quen xem lại, có gì rồi mới mua thuốc điều trị sau. Ở trên ấy, có thể Tấn không có bệnh họ khám cho ra bệnh. Bệnh đáng 10 viên thuốc, họ kê đơn 20 viên. Thuốc đáng một nghìn, họ bán hai nghìn. Bước chân ra

khỏi bệnh viện cứ như người vừa bị móc túi, không ốm cũng thành ốm. Vì vậy Tấn không tiết kiệm cũng không được. Ngày trước đi đây, đi đó, chưa vợ con gì, khoẻ mạnh Tấn có phải tính toán thế này đâu. Bây giờ ốm đau lại nghèo túng đâm ra cũng... Cái nghèo và cái hèn nó dễ đi liền với nhau.

Xe chồm lên rồi lắc mạnh, hơi xăng toả ra nồng nặc. Có lẽ đoạn đường đang làm dở. Người phụ xe buông cửa trước bước vào trong thông báo: "Hành khách chuẩn bị mua vé nhé". Nói rồi anh ta bước đến phía hàng ghế dọc đầu buồng lái chìa tay về phía hai cậu thanh niên: "Các anh mua vé". Một cậu giả ngô nhìn lên phía trước. Còn một cậu hỏi giá vé rồi móc túi lấy tiền trả. Người phụ xe thu của những người trong hàng ghế rồi mới quay lại cậu thanh niên đầu tiên. Lúc ấy cậu ta mới uể oải nghiêng mình rút cái ví ở mông, đếm tiền đập vào lòng bàn tay người phụ xe, mắt nhìn đi chỗ khác: "Đây chỉ có thế". Người phụ xe đếm lại số tiền rồi dúi trả lại. "Cái gì?", cậu thanh niên quay lại. Người phụ xe cầm mấy tờ bạc dúi tiếp vào ngực cậu thanh niên cái nữa. "Thiếu có nghìn bạc sao mà quá thế". "Mời ông xuống cho!", sáu nghìn bạc trong tay người phụ xe phất mạnh vẻ cương quyết. Cậu thanh niên xoay xoay người nhúc nhích rồi lại ngồi yên vị. "Có xuống không thì bảo!", sáu nghìn bạc lại phất lần nữa. Đến lúc đó cậu thanh niên mới nhấc bàn tay cầm cái ví vẫn để dưới đùi phải, rút ra nghìn bạc để sẵn ở mép ví, đập vào tay phụ xe: "Thì đây". Tấn ngồi ở hàng ghế thứ ba tính từ hàng ghế dọc đầu tiên. Người phụ xe bắt đầu thu đến hàng ghế của Tấn. Vừa lúc đó xe ngừng lại đón thêm khách. Người phụ xe ra cửa đưa lên một phụ nữ khoảng 40 tuổi, gầy đét như con cá rô đực, mắt hơi lác, miệng vêu vao như con ngao, tay chị ta xách chiếc túi phồng lên nhữn u, những cục. Người phụ xe chỉ vào chiếc ghế ngang hàng với hàng ghế của Tấn, ở đó còn một chỗ ngồi. Chị ta đứng một lát để xem xét đối tác, rồi lên tiếng: "Nhường cho chị ngồi ngoài cửa sổ, chị say xe lắm".

Cả hai thanh niên không nhúc nhích.

"Đổi cho chị đi".

"Đổi với chác gì. Vẽ chuyện", cậu ngồi ngoài hậm hực, mắt vẫn nhìn ra ngoài. Không thể thương lượng được, chị ta đành ngồi vào chỗ của mình. Tấn nhìn ra cửa sổ xe, lúa ở vùng này kém quá, đầu tháng tư ta rồi mà cây lúa vẫn còn đứng đơ trông rõ gốc đen sì. Thỉnh thoảng có khoảnh tốt hơn một chút lại bị sâu cắn lá làm cho những sợi lá túa ra rối như rơm.

"Ùa... ụa". Tấn giật mình quay sang. Chị "cá rô đực" hai tay bưng khăn mặt úp vào miệng cúi xuống. "Ùa... ụa", tiếng nôn cố tình như bò ợ. Tấn nhăn mặt. Cậu thanh niên ngồi kế vội đứng dậy nhường chỗ cho chị ta. Cậu ngồi sát cửa sổ vẫn tỉnh queo nhìn ra ngoài không mảy may động lòng.
Bà béo xục xịch, có lẽ bà ta đang móc tiền trả. Trên xe im lặng, chỉ có tiếng máy nổ đều đều. Tấn lại nhìn ra cửa sổ vẻ say mê với những ruộng lúa. Lúa thửa này còn khá hơn. "Này, anh cho xin tiền xe". Tấn giả vờ không nghe thấy. Bà béo huých vào tay Tấn "Vé". Tấn giật mình quay lại: "Cái gì?". Người phụ xe tay cầm một nắm tiền bóp cong lại, hất hàm: "Vé". Tấn nghiêng người đút tay vào túi quần rút ra một bọc giấy bóng. Trong bọc có 74 nghìn đồng, toàn tiền mười nghìn đỏ, chỉ có bốn nghìn tiền lẻ. Tấn đành rút tờ mười nghìn. Người phụ xe vừa đưa tay ra đón, thì Tấn rụt lại như sợ bị mất.

Tờ mười nghìn run run trong tay Tấn:

"Anh trả lại ba nghìn".

Người phụ xe chộp lấy tờ giấy bạc xếp vào trong nắm tiền:

"chốc nữa có tiền lẻ rồi trả nhé".

Nghe thế, Tấn hơi nhổm người lên, đành ngồi xuống. Biết ngay mà, thiếu của nó một đồng thì nó đòi cho bằng được, không nó đuổi xuống. Mà thừa của người ta thì nó lờ tịt. Đòi lại thì ngại mọi người nghĩ đàn ông, đàn ang gì... mà không đòi thì... Không đòi sao được? Ai cho không Tấn ba nghìn? Kìa, trông cái mặt hắn mới đểu làm sao chứ. Da thiết bì, cái loại này là lường quỵt lắm đây. Mắt nó trông lỳ thế kia, phải biết. Nó không cướp của thiên hạ thì thôi, chứ thiên hạ làm sao được của nó. Hai vệt lông mày ngắn chủn sát vào nhau, loại này là bủn xỉn số một. Hắn đội cái mũ "Le vít" lưỡi trai xoay ngược, ghét sơn dày đen xỉn. Tởm, những thằng phụ xe là đồng đẳng với bọn dao búa chứ chả chơi. Hắn đang cãi nhau với một chị buôn cá. Chị kia cũng chả vừa: "Mày trông đây này, có từng này con cá mà mày lấy những năm nghìn thì có đ. gì để tao nuôi con, hả?". "Mày xéo mẹ mày xuống". "Tao đ. xuống, mày làm gì được tao thì mày làm"... Tham lam lắm cho chết! Tấn ngó hắn lại, nhổm lên xem. Tay hắn cầm nắm tiền to tướng có cả mấy tờ một nghìn, hai nghìn, năm trăm vậy mà hắn không trả. Cũng có thể giải quyết xong với nhà kia rồi hắn trả cũng nên. Nhưng rồi hắn thu đến người cuối cùng, và đứng lỳ luôn ở đấy. Hắn giả vờ quên đây. Ba nghìn bạc chứ ít ỏi gì đâu. Ba ngìn bạc, công làm ruộng cả tuần của Tấn. Tiền nộp chống suy dinh dưỡng cho con bé mẫu giáo còn chưa có. Làm sao mà Tấn để mất dễ dàng như thế được. Thật chẳng ai như vợ Tấn. Lúc mang tiền bán thóc về, Tấn bảo đổi mấy chục nghìn lẻ để Tấn mang đi tiêu cho dễ. Lại bảo cầm tiền chẵn đi cho gọn, đỡ mất. Mà Tấn cũng ngu quá đi, ở bến xe cứ dứt khoát đưa mười nghìn mua chiếc bánh mỳ thì cũng như đổi được tiền lẻ vậy.
"Ùa... ụa", lại cái nhà chị "cá rô đực". Người thì bé như con ve mà tiếng nôn như bò rống. Đàn bà, con gái gì mà nôn cũng không biết đường nôn, phải ý tứ, kín đáo một tý chứ. "Khiếp, cứ như chó mửa", bà béo rung rinh đôi vai nói. "Ùa... ụa", sắp toé ra bây giờ. Đến lúc đó cậu thanh niên ngồi sát cửa sổ mới hậm hực đứng dậy: "Đây bà ngồi ra ngoài mà ói". Ngồi vào được vị trí cần thiết, chị ta mới dỡ cái khăn bưng ở miệng ra, nó khô rang, chả có một tý nhớt nhãi gì. Sau đó chị ta lấy chiếc túi xách dỡ ra hai khúc sắn tàu luộc nhai bem bẻm, vừa ăn, vừa cười nói như máy nổ.
Tấn ngoái lại cuối xe. Quái, hắn đâu rồi nhỉ? Đảo mắt một lượt từ dưới lên trên cũng không thấy. Bỗng có tiếng đập "bạch bạch" ở cửa sau. Thì ra hắn đứng ở đấy, trăm phần trăm là hắn lánh mặt mình.

Xe dừng lại, nhưng người khách không lên vì họ chờ xe đi Hà Nội. Cái cột số bên đường chỉ "Thị xã 12 km"... Thế nào rồi hắn cũng lên đầu xe, còn 12 cây số nữa cơ mà, không thể đứng lỳ ở cuối xe mãi được.

"Cậu cũng đi tới bến à?" bà béo thúc vào sườn Tấn hỏi.

"Vâng".

"Xuống bến cậu còn đi đâu?".

"À, không". Tấn trả lời nhạt nhẽo cho qua chuyện, rồi lại liếc về phía cuối xe.

Đúng như Tấn dự đoán, hắn đã rời cửa xe, ghé mông ngồi vào đầu một chiếc ghế trống. Hắn rút bọc tiền ra đếm, loại năm nghìn, mười nghìn, hai mươi nghìn thành một xếp cuộn lại nhét vào túi áo ngực. Số tiền lẻ còn lại hắn cho vuốt phẳng cầm trên tay. Có lẽ hắn chuẩn bị đi trả lại tiền cho hành khách đây. Mà không biết, ngoài Tấn ra hắn còn nợ ai nữa không? Mà sao hắn cứ ngồi mãi như thế nhỉ? Lát nữa vào thị xã khách xuống phải bốc dỡ lại quên xừ nó mất... phức tạp quá. Thật chả ai như Tấn đem rước bực bội vào thân. Đáng lẽ chỉ tốn năm trăm đồng chiếc bánh mỳ, bây giờ bánh mỳ cũng không có, lại mất toi ba nghìn bạc, chửa biết chừng. Nếu Tấn còn ăn sáng nữa kể như mất đứt sáu nghìn hỏi có "tẩm" không cơ chứ.

Bây giờ hắn cũng đã đứng lên, vịn vào trần xe. Túi áo ngực hắn phồng to, kéo trễ xuống. Tấn quay lại cố nhìn vào mặt hắn để hắn nhớ là còn nợ Tấn mà trả. Nhưng mắt hắn cứ chăm chắm nhìn thẳng ra phía trước. Có người đứng bên phải đường dơ tay ngập ngừng vẫy. Lái xe không dừng. Hắn có đánh mặt qua phải. Khi trả mặt lại vị trí cũ, hắn có liếc qua Tấn. Chớp được cơ hội đó, Tấn xoáy đôi mắt hắn, hy vọng hắn dừng điểm nhìn, lúc đó Tấn sẽ gật nhẹ một cái ra hiệu cho

hắn nhớ. Nhưng mà hắn không dừng, chỉ lướt nhanh rồi lơ đãng nhìn thẳng ra phía trước. Phải đến hơn mười phút hắn mới đứng dậy vịn thành ghế bước đến đầu xe đứng trước mặt Tấn. Đây rồi, trước sau thì mày cũng phải "nộp mạng". Hãy để một lát nữa xem thế nào. Hắn quay lại là Tấn dứt khoát: "Anh trả tiền thừa cho tôi". Hắn không quay lại thì Tấn sẽ gọi. Gọi thế nào nhỉ?... "Anh gì ơi". Không được, hắn sẽ giả vờ tưởng gọi ai và không quay lại, mình ngượng chết. Phải gọi "Ông phụ xe ơi", hoặc "Ông phụ xe!". Gọi giật thế, hắn sẽ quay lại. "Cho tôi xin tiền chứ". Nhưng gọi mãi mà vẫn không thấy hắn quay lại, cứ giả vờ lơ đi. Thôi được, Tấn sẽ gọi, bắt đầu gọi, gọi to đột ngột để hắn giật mình mà quay lại. Tấn hơi nhổm lên lấy hơi, vừa định há mồm thì "Bác tài ơi, cho xuống". Tấn đành phải thôi. Xe giảm tốc độ rồi dừng lại. Hắn mở cửa trước, nhảy xuống đường: "Có xe đạp không?", "Có, có". Hắn lên mui gỡ xe đạp xuống rồi đu người đứng ở cửa trước. Bây giờ thì Tấn không thể gọi hắn được, từ chỗ Tấn đến chỗ hắn hơi xa. Tấn thấy bực bội quá... Hay là Tấn cho qua, coi như vừa bị mất cắp... Nhịn quách một bữa sáng cũng được, bụng hãy còn no mà.

Xe đến một ngã tư thì dừng lại cho một số hành khách xuống chuyển xe. Mọi việc xong xuôi, xe lại bắt đầu chuyển bánh thì có ba thanh niên đu người tót vào trong qua cửa trước. Hắn lùi lại sát hàng ghế đầu ngay trước mắt Tấn để nhường chỗ cho ba thanh niên. Một tên đứng trên sàn xe đầu chấm nóc, quét mắt một lượt. Hai tên đứng ở bậc lên xuống. "Bọn móc túi đấy", bà béo huých vào tay Tấn thì thầm, mắt không chớp. Theo phản xạ Tấn nghiêng người co tay phải sờ vào bọc tiền ở túi quần, rồi xem lại cái túi đựng áo mưa và cái mũ. Nó vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Bỗng lỗ mũi Tấn hơi ngứa ngứa chừng như muốn hắt hơi. Phải rồi hộp cao sao vàng vợ Tấn đưa cho mang theo vẫn trong túi áo. Tấn mở hộp cao xoa vào mũi, thái dương và cổ. "Cậu cho chị xin tý", bà béo ngửa bàn tay mũm mĩm về phía Tấn. Hai ngón của tay trái cầm hộp cao, ngón trỏ tay phải bà béo quẹt một quẹt trũng xuống, day day vào cổ, vào mũi, vào thái dương. Ngực bà béo dập dình, dập dình như hai cái giảm sóc. Mùi cao sao vàng lan ra, bốc lên thơm ra làm hắn quay lại: "Bà chị cho mượn tý", hắn xoè tay. Tim Tấn đập hơi mạnh, được rồi để hắn xoa xong, Tấn sẽ hỏi, quyết hỏi, chả có gì phải ngượng. Nợ thì phải trả, không chịu trả thì phải đòi. Cũng như bà béo, ngón tay cái cáu bẩn của hắn vét đến lõm hộp cao trát lên cổ, lên gáy. Cả đời chắc hắn chưa bao giờ mua, chỉ mượn được của ai là... cái đồ tham như chó đói. Hắn đưa trả lại cho bà béo hộp cao. Tấn định đưa tay ra đỡ, rồi tiện thể nói luôn, thì bà béo đã nói như ra lệnh: "Chú không trả tiền thừa cho cậu này à?". Tấn thấy hởi lòng, hởi dạ. Bà béo thế mà chơi đẹp. Hắn vẫn không nói gì, đút tay vào quần nơi để nắm tiền lẻ. Bàn tay nghỉ lại trong túi quần không rút ra. Tấn định nhắm thêm một câu, thì hắn hỏi bâng quơ: "Mấy nghìn". "Ba nghìn", Tấn trả lời ngay. Hắn rút nắm tiền trong túi quần đưa cho Tấn tờ hai nghìn, tờ một nghìn. Tấn gập lại, rút bọc tiền nhét hai tờ giấy bạc vào rồi đút vào túi quần. Thế là xong, nhẹ cả người. Sư mày, khôn ngoan chẳng lo thật thà. Thằng này quái thật, hắn giả vờ hỏi "mấy nghìn" ra bộ quên, chứ không phải cố ý. Mỗi chuyến xe, hắn "quên" mấy người, cả ngày vài chuyến hắn kiếm kha khá. Xe dừng lại ở bến phụ dưới chân cầu thị xã để dỡ hàng và xe đạp xuống. Ngồi chờ dỡ hàng xong thì mất thì giờ lắm. Từ đây xuống bến chính độ hơn nửa cây, thà xuống quách ở đây có khi còn nhanh. Ăn bún chỗ này, ngõ chợ chắc rẻ hơn cổng bệnh viện. Nghĩ thế Tấn quyết định xách túi đứng dậy. "Cậu xuống đây à?". "Vâng". Tấn trả lời bà béo rồi nghiêng người lách qua, len ra được đến cửa Tấn đu người nhảy xuống đường. Trời thoáng đãng quá. Một làn gió nam mát rượi làm Tấn tỉnh cả người, xương cốt giãn ra. Tấn xác định hướng đi rồi ngẩng mặt... bước. "Này, anh gì áo xanh bộ đội ơi".

Tấn quay lại. Lại hắn. Hắn cầm cái bọc giấy bóng đưa cho Tấn: "Của anh vừa rơi". Tấn giật mình. Của Tấn thật ư? Tấn vội sờ vào túi, thôi đúng rồi, bọc tiền trong đó có cả giấy chứng minh thư, giấy giới thiệu khám bệnh của Tấn làm sao lại rơi ra được. Tấn run run đỡ lấy gói tiền trong tay hắn, dỡ ra kiểm tra lại, cả bốn nghìn tiền lẻ, ba nghìn hắn vừa trả còn đầy đủ. Hú vía. Tấn thẫn người, mồ hôi rịn ra. "Cậu phải cảm ơn người ta chứ". Tấn giật mình ngẩng lên, người vừa nhắc Tấn là chị "cá rô đực". Chị ta có câu thật đúng lúc. Nhưng kìa, chiếc xe đã chuyển bánh. Người phụ lái đứng ở cửa xe dơ một tay lên quá đầu, bàn tay xoè ra, không ra chào, cũng không ra vẫy./.

BÙI THANH MINH

phóng dịch

CHIẾC NỒI CŨ

TỪ VŨ

Phóng dịch từ truyện của KIM YU-JONG

Trong nhà cũng chẳng còn thứ gì khác nên Đinh Thanh chỉ còn nước lấy một cái chậu gỗ và một cái giỏ mây gạt qua một bên chiếc sàng và vài cái song chảo bếp núc méo mó thảm hại mà hắn chẳng thể xử dụng được gì.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất đối với hắn trong lúc này là làm cách nào hắn có thể thoát được sự chú ý của mụ vợ. Vợ hắn vẫn đứng như trời trồng, không nhúc nhích , trước mặt hắn. Đinh Thanh ngẫm nghĩ : Giản dị nhất chỉ còn nước kiếm chuyện với mụ để mụ nổi cơn tức giận mà bỏ nhà đi...

Sau khi đã vội vàng nuốt xong bữa ăn trưa, Đinh Thanh lại ngồi nơi góc được sưởi ấm nhất của căn chòi, đầu cúi xuống, cằm tựa trên đầu gối: Hắn đang tìm phương kế để khiêu khích vợ hắn. Thường ngày thì việc tìm ra những lý do đối với hắn là điều qúa dễ dàng nhưng vào lúc này, trong đầu Đinh Thanh thật trống rỗng.

Ở phòng bên cạnh, không được sưởi, thoảng sang một luồng gió lạnh . Đáng lẽ ra thì mùa thu vừa qua hắn đã phải lợp lại mái đang hở kẽ, từ đó nước chảy luồn vào nhà, tràn dưới nền đất . Gần chiếc chậu than đang cháy, quấn kín trong mớ vải cũ rách tả tơi, thằng con trai của Đinh Thanh tức tưởi khóc. Mẹ nó đang dỗ dành bằng vài củ khoai nướng trên chậu than bên cạnh. Thỉnh thoảng vợ Đinh Thanh co , duỗi chân cho đỡ mỏi. Chắc chắn là mụ ta cũng đã quá mệt sau một ngày dài lao động bên cạnh chiếc cối xay vì chỉ cần nhìn mụ ngáp ngắn ngáp dài tay che miệng là hắn đã thừa biết .

Yên lặng một lúc lâu, Đinh Thanh ngẩng đầu đưa cặp mắt lé lên nhìn vợ. Đôi môi dầy của hắn

vén lên, méo mó, trọ chẹ lên tiếng bằng một giọng chói tai hỏi :

- Chiều nay ai đã đến nhà này ?

- Ngoại trừ người làm việc ở ngoài xã, ai còn muốn đến nhà mình nữa ? Vợ hắn bình thản đáp lại, không bộc lộ một chút gì gọi là bị đụng chạm.

Đinh Thanh cũng hiểu rằng nếu nhân viên của xã có đến đây cũng chỉ là để đòi tiền thuế mà hắn đã thiếu từ lâu nay.

Vả lại, khi nãy ở ngoài đường, hắn cũng trông thấy người đến đòi tiền song hắn đã khôn ngoan lẩn tránh nhưng vì hắn đang tìm một cái cớ để làm vợ hắn bực bội nên vẫn cứ tiếp tục :

- Nếu có gì thì hắn cứ tìm tao chớ việc gì mà hắn lại dám vào nhà này, vào trong phòng này ? Làm bộ nhíu mày Đinh Thanh lớn tiếng .

Bất thần sau khi nghe câu nói của chồng, người đàn bà quay lại, chớp chớp mắt, sửng sốt khi nghe câu nói lạ lùng của chồng. Nổi giận, người đàn bà nhướng cầm rồi như cố nén cơn bực bội, quay lại với mấy củ khoai nướng và đứa con trai.

Đinh Thanh tự nhủ :"tiếp tục như vậy nhất định là sẽ có kết qủa". Như cố ý khích động thêm cơn giận của vợ, hắn nói tiếp :

- Nếu hai người có điều gì muốn nói với nhau thì cũng nên nói ở ngoài sân chứ tại sao lại đưa nhau vào trong nhà ?

- Ông nói không đâu ra đâu cả! Ông tưởng rằng việc đó vui thú lắm phải không ? Tôi đã uốn gãy lưỡi để bào chữa cho ông mà ông không biết hay sao mà còn đặt chuyện?

Đến đây thì người vợ đã mất hẳn sự bình tĩnh, máu nóng dồn lên tới mặt. Sau một lúc yên lặng, nhìn thẳng vào mắt chồng :

- Nếu ông để thời giờ buổi tối mà ngồi đan mấy đôi dép cỏ như vậy có thể đã có đủ tiền để trả thuế rồi !

Dừng lại một chút, như nói với khoảng không :

- Thì cứ cho là ông qua lại với con đàn bà đó nhưng lẽ nào mà lại ôm đồ đạc trong nhà đem đến cho nó như vậy được ! Câu nói, với một giọng thật chắc nịch của người vợ, ngừng lại .

- Cái gì ? Ai ôm đồ đạc trong nhà này đi ? Đinh Thanh đáp phủ lời vợ với một giọng bề ngoài có vẻ như tức giận nhưng trong thực ra trong tận đáy lòng hắn ta thật sự bối rối hệt như vừa bị chiếc vồ của cái cối xay lúa nện vào bụng. Như vậy là vợ hắn ta có vẻ như đã biết tất cả mọi chuyện rồi hắn làm rồi. Điều này cũng có nghĩa là vợ hắn cũng biết được chuyện tối hôm kia hắn đã ôm ra khỏi nhà chiếc cối , và tối hôm qua, quần áo của vợ . Sự việc này tự nhiên làm hắn nổi cáu , lớn tiếng như để che lấp :

- Ai, ai dám nói những điều như vậy được chớ ? Kẻ đó muốn ăn đòn hay sao chớ !

Người vợ vạch vú cho con bú, cố giữ vẻ bình thản nhưng thật ra thì trong lòng cô đang quay quắt vì tức giận. Cơn giận chỉ chực bùng lên, cô cuí mặt nhìn xuống đất để cố đè nén, hơi thở trở nên khàn khàn.

- Ai đã nói với mày những chuyện như thế được chứ ?

Khi chồng cô ta hỏi lại thêm câu này thì người vợ không còn có thể kìm giữ được nữa :

- Mẹ của Ngũ Lục chứ còn ai khác.

- Rồi sao nữa ?

- Bà ấy nói với tôi rằng ông ngủ với con bán rượu rong. Ông nghĩ rằng chiếc cối , áo quần lót của tôi là để trả tiền ông uống rượu hả ?.

Mặt Đinh Thanh đột nhiên sạm lại, hắn không biết phải nói như thế nào để trả lời vợ được nữa. Đánh đổi quần áo lót của vợ hắn để uống rượu của người đàn bà đó, trong lúc vợ hắn quần quật làm lụng như trâu để kiếm ra miếng ăn qua ngày, điều này thật chẳng có gì đáng vẻ vang . Đinh Thanh cảm thấy thẹn đến độ không còn dám nhìn thẳng vào mắt vợ. Tuy nhiên hắn cũng không thể để hụt giò hụt cẳng vì dù sao hắn cũng là đàn ông mà đàn ông thì không thể để mất mặt với vợ được.

- Sao mà mụ ta lại dám thọc mách những điều vu vơ không có chứng cớ như vậy được nhỉ ?

Đinh Thanh nâng cao giọng như để phân bua. Hắn đang như muốn nổi điên khi nhận ra được là mọi trù tính của mình để làm cho cô vợ phải nổi giận cãi nhau với đều gần như thất bại và hắn tự hiểu rằng nếu cứ tiếp tục theo lối này thì sẽ chẳng đi tới đâu, chi bằng quay trở lại đề tài người thu thuế đến nhà.

- Dù thế nào chăng nữa, mày lấy quyền hạn gì để rước một thằng đàn ông vào trong phòng này giữa ban ngày ban mặt chứ ? Hai đứa mày muốn làm trò gì ở đây hử ?

Lần này thì vượt quá sự chịu đựng của cô vợ. Cô nhẩy nhổm lên như bị ong đốt, quẳng đứa nhỏ lăn quay dưới đất. Với một cử chỉ thật nhanh vuốt tà váy và đi ra , điều này như để biểu lộ cho người chồng hiểu rằng đêm nay hắn ta sẽ phải ngủ một mình trong căn phòng thảm hại này. Thằng bé gào lên khóc vật vã trên nền nhà.

Nghe tiếng chân vợ trên nền tuyết mỗi lúc một xa, Đinh Thanh cảm thấy như trút được một gánh nặng. Thật nhẹ nhàng, bỏ mặc thằng bé, ra khỏi phòng : Bây giờ thì chẳng một ai chứng kiến được hắn làm điều gì.

Đinh Thanh vào bếp mò mẫm tìm hộp diêm, đánh diêm lên rồi đưa mặt đảo nhìn một vòng. Như hắn cũng đã tưởng tượng, một chiếc chậu gỗ lớn đang như chờ hắn, trên chiếc bàn, đầy khoai tây. Thật nhanh nhẹn hắn dốc hết khoai ra khỏi chậu rồi nhắc lên ôm lẻn ra khỏi nhà bằng ngõ sân sau.

Hắn có thể đi bằng ngả trước nhưng nếu rủi ro mà gặp phải vợ hắn thì mọi việc sẽ vất đi nên dù có hơi rắc rối một chút nhưng đi ngả sau chắc ăn hơn. Ra đến bờ rào hắn quẳng chiếc chậu gỗ sang bên kia bờ rào.

Sau đó việc làm tiếp theo cần phải tế nhị hơn. Đành vậy, hắn tự nhủ : phải tiếp tục. Hắn chậm rãi thả bộ sau khi đã cẩn thận ngó chừng tứ hướng quanh hắn, rồi giả bộ tay chắp sau lưng, làm như đang đi ra nhà cầu.

Trên nền tuyết trắng, hắn nhìn thấy dấu chân của cô vợ. Sau khi đã mò mẫm tìm được chiếc chậu gỗ hắn khom mình lẩn thật nhanh.

Đinh Thanh đánh một vòng quanh làng theo ngả đường núi, chiếc chậu gỗ ôm chặt vào người

với hy vọng càng ít lộ liễu bao nhiêu càng tốt.

**

Ánh trăng lưỡi liềm khá tỏ trên bầu trời quang mây. Trời thật lạnh. Từ dưới thung lũng Suối Mây, dòng suối nước đang đóng băng phát ra những tiếng như tiếng kim khí va chạm. Mọi cảnh vật, dưới tuyết, đều như đang chìm trong giấc ngủ, núi và những cánh đồng, nhà cửa và những đống rơm. Một sự im lặng bao phủ hoàn toàn.

Khi đã quay lưng lại phía rặng núi để tiến vào con đường dẫn xuống làng, đột nhiên Đinh Thanh nghe có tiếng chiêng khua rộn rã. Âm thanh, trong thoáng chốc, vẻ uể oải làm ngừng lại sự yên lặng của đêm tối, rồi tan biến về mé bên kia triền núi . Chợt hắn giật mình, dừng bước : Đúng đêm nay là đêm họp toàn thể những nông dân trong vùng. Nhưng vì đầu óc để đâu nên Đinh Thanh đã quên. Mọi sự vắng mặt sẽ đều bị phạt 200 đồng cộng thêm một buổi lao động theo quy luật đã ấn định .

- Thật bực mình, hắn vừa tự nhủ vừa dụ dự trong sự chọn lựa hướng đi. Thật nhanh, Đinh Thanh quyết định không tham dự buổi họp , hắn sẽ nói rằng vì bị ốm. Nhưng sự lo ngại lại vụt hiện trong đầu hắn : lao động là phải đến tiếp tay với những người thợ làm đường, sẽ phải dầm chân suốt ngày trong tuyết dưới những cơn gió lạnh buốt , một cực hình cho hắn. Chỉ nghĩ đến điều này người hắn cũng đã nổi da gà. Vậy thì nên hưởng một đêm thật ấm cúng rồi sau sẽ phải đi làm lao động hay nên có mặt trong buổi họp để ngồi chịu ngủ gà ngủ gật nghe thiên hạ tán gẫu ? Trên đường đi hắn phải dừng lại nhiều lần vì lưỡng lự giữa hai việc phải chọn lựa. Sau cùng Đinh Thanh nghĩ rằng dù sao đi nữa thì đêm nay hắn cũng sẽ có cô nàng bán rượu tròn trịa cho riêng một mình nên hắn tiếp tục rảo bước.
Càng đến gần mục tiêu , hắn càng cảm thấy sung sướng, sung sướng cũng một phần vì sự táo bạo mà hắn đã chọn lựa.

**

Quán nước nằm trệch một bên đường, tựa lưng vào triền núi, như khuất dạng dưới tuyết. Dưới ánh trăng, căn nhà có hình dạng lạ thường. Tuyết đóng thành đống ở một mé làm cho hình dạng căn nhà giống như một cái đuôi. Cửa ra vào quay về hướng tây, chìm trong bóng tối. Một chiếc cửa khác nằm cạnh bên - đó là một gian phòng - lấp loé ánh đèn. Chính đó là nơi Xuân Lâm , người đàn bà bán rượu rong, tạm thuê một căn phòng. Ngay lúc Đinh Thanh vừa đẩy cửa bước vào, cô nàng đã đứng dạy vui vẻ chào đón :

- Sao lại đến với chiếc chậu gỗ vậy ?

Nàng ta bắt chuyện cũng với nụ cười hồn nhiên mà hắn đã nhìn thấy cách đây bốn tháng trong buổi đầu khi hai người gặp nhau. Hôm qua, nàng ta đã thì thầm nói với hắn rằng nàng yêu hắn, và, nhất định không thể ngờ vực được, điều nàng nói lột ra từ thâm tâm nàng. Sự âu yếm, chắc chắn, là điều gì thật lạ lùng...

- Sao em lại cười ? Đấy là để trả phần anh uống rượu hôm qua.

Câu nói vừa dứt, hắn cảm thấy xấu hổ .

Hắn nhìn Xuân Lâm đang hớn hở quan sát chiếc chậu gỗ hắn vừa đưa. Sau khi đã ngắm nghía mọi bề, vỗ vào đít chậu, Xuân Lâm lên tiếng :

- Ít nhất cũng phải đáng giá 2 tờ giấy bạc 50...

Nghe nàng nói hắn nở nụ cười thật rộng. Chỉ cần nhìn thấy nàng thoả mãn là hắn vui rồi.

Người đàn bà bán rượu cầm chiếc chậu gỗ vào ngăn bếp và trở ra với một chiếc mân bưng trên tay một cách thật cẩn thận.Cô ta hẳn có ý tặng hắn một ly rượu mà không cần quan tâm đến việc hắn có trả tiền hay không, riêng hắn trong tuí không một xu chắc chắn hắn không dám lên tiếng đòi hỏi gì. Cô bán rượu đặt chiếc ấm đựng rượu lên chiếc lò than để hâm . Khi rượu vừa ấm, cô rót ra chén và dục hắn:

- Uống nhanh đi, rượu sẽ sưởi cho anh ấm ngay đấy thôi.

Dứt lời, cô tự tay bưng chén và đưa sát vào môi hắn.

Mặc dù lúng túng Đinh Thanh cũng uống một ngụm , rồi một ngụm, một ngụm...Xuân Lâm sáp lại nép mình tựa vào hắn, rồi, cô nắm lấy hai bàn tay lạnh cóng của hắn, luồn vào vòng ngực cô ta.

- Ố là là ! Chao ơi, lạnh dễ sợ ! Xuân kêu lên.

Nhưng chẳng phải là hắn đã chẳng quản ngại lạnh giá để đến với cô nàng hay sao ? Xuân Lâm có vẻ cảm động, cô nàng yên lặng một lúc rồi cúi đầu thầm thì :

- Ngày mai em sẽ phải đi!

Cô ta có vẻ thật buồn bã khi phải nói ra điều đó. Cô muốn ở lại đây nhưng vị chủ tịch hiệp hội nông dân đã đến gặp cô và ra lệnh phải bỏ làng này ngay tức khắc. Mọi người trong làng đều đồng ý với quyết định : không thể để một cô gái bán rượu rong định cư tại đây vì lợi ích của dân chúng trong làng. Âm Nhân không thể ra đi ngay trong đêm, điều này thật hiển nhiên, nên cô đã hứa sẽ rời làng vào ngay sáng sớm hôm sau.

Một sự rối loạn diễn ra trong tâm trí đã làm Đinh Thanh câm lặng, dù rằng hắn cũng đã biết rằng sẽ có một ngày Xuân Lâm loan báo về việc ra đi của cô, nhưng hắn không thể nghĩ rằng ngày đó lại đến quá nhanh như vậy. Làm sao từ nay hắn có thể sống không có ả ta được nhỉ ?

Xuân Lâm cũng có một tấm chồng, Lâm cũng thú nhận với Đinh Thanh , cha của đứa bé đang ngáy phì phò trong góc phòng. Nhưng chồng của Lâm thì cứ tối ngày trà rượu, cờ bạc, moi rỉa tiền của nàng nai lưng bán buôn mà còn đánh đập cô ta nữa cũng theo lời thuật lại của nàng. Xuân Lâm không còn chịu đựng được nữa và chia tay với chồng từ ba , bốn tháng nay rồi. Đinh Thanh tự nhủ, như vậy thì anh có thể sống chung với Xuân Lâm một cách thanh thiên bạch nhật chẳng phải lén lút như bây giờ, việc này Thanh nghĩ rằng chẳng liên can gì đến bất cứ ai, tuy nhiên hắn cũng cảm thấy khó khăn khi mở miệng nói với Lâm về việc sống chung này.

- Nếu như vậy thì anh sẽ ra sao ? Hay là anh đi theo em ? Đinh Thanh lên tiếng.

- Ừ, tại sao không ?

Xuân Lâm chấp nhận ngay lời đề nghị , gần như cô đang chờ đợi điều mà Đinh Thanh vừa nói ra. Rồi Lâm hỏi tiếp :

- Thế còn vợ anh ở nhà anh giải quyết ra sao ?

- Em đừng lo chuyện đó. Dễ ợt mà !

Đinh Thanh cảm thấy vui vui, hai tay hắn vừa ôm ghì thân thể tròn trịa đang uốn éo của Xuân Lâm , vừa nghĩ về việc bỏ cô vợ : chuyện qúa dễ dàng, mình chỉ cần rời xa mụ ta là xong ngay.

Phần hắn thì sẽ có một cuộc sống mới với Xuân Lâm, hạnh phúc nào bằng !

- Nếu như thế thì tốt nhất là chúng mình ra đi ngay trước khi trời sáng, như vậy chẳng ai biết được mình cùng đi với nhau.

Không một người khách nào xuất hiện có lẽ vì cuộc họp. Nghĩ rằng vào cái giờ khuya khoắt này thì sẽ chẳng còn ma nào đến nữa nên cả hai đã gài then cửa lại rồi thổi tắt đèn. Xuân Lâm vừa cọ gần thân thể trong vòng tay Đinh Thanh lúc này vẫn còn ngồi ngẩn ngơ trong một góc phòng vừa nói nhỏ :

- Nếu chúng mình muốn sống chung với nhau thì cũng phải có ít nhất một số bát đĩa, nồi niêu...!

- Em đừng lo, anh sẽ về nhà lấy theo. Đinh Thanh trả lời không chút do dự. Hắn chỉ cần quay về nhà khi vợ hắn còn ngủ mê ngủ mệt rồi ôm đi tất cả những gì hắn muốn. Cuối cùng thì hắn có thể sống một cách tiện nghi, không sợ đói nữa. Nghĩ đến việc này bỗng nhiên Đinh Thanh thấy rạo rực trong người nên không tài nào chợp mắt lại được.

Một luồng gió lạnh theo kẽ hở ở các cánh cửa tràn vào phòng. Chủ nhà lại còn tiết kiệm cuỉ sưởi. Bây giờ thì Đinh Thanh nằm dài trên nền đất trần, run lập cập vì lạnh hệt như một chiếc lá dương trong cơn bão . Hốt nhiên trong góc phòng, đứa bé con chợt bật dạy nức nở khóc đi tìm vú mẹ. Xuân Lâm nghiêm nghị lên tiếng mắng con, đứa trẻ quay về chỗ nằm im lặng. Đúng là một đứa bé được mẹ nó dạy bảo cẩn thận.

Đinh Thanh càng nghĩ về đứa bé hắn lại càng không thể có một chút cảm tình gì đối vơí nó : Trong tương lai, sau khi hắn phải cật lực làm lụng chắt bóp, dành dụm được một chút tiền thì cũng chỉ để cho thằng bé này hưởng. Đúng là cha nào con nấy, cha nó thì vừa đánh đập vừa rút tiả tiền của mẹ nó để rượu chè bài bạc trong khi đó thì mẹ nó phải đem tấm thân ra để đổi lấy từng đồng . Hắn, Đinh Thanh, trong tương lai nếu có nai lưng làm lụng kết qủa sẽ cũng chỉ tay trắng lại hoàn trắng tay. Nếu bây giờ thằng bé con này có chết vì lạnh nhất định Đinh Thanh sẽ chẳng thương sót một chút nào . Tuy vậy, Đinh Thanh nghĩ : trong lúc này dù sao thì mình cũng phải tỏ ra độ lượng để mua chuộc mẹ nó chứ nên hắn lên tiếng :

- Thằng bé ngoan thật, vưà nói Đinh Thanh vừa phát thật nhẹ trên mông đít đứa trẻ một cách trìu mến như một người cha.

Mặt trăng lúc này đã xuống thấp, chiều sáng cửa ra vào. Thỉnh thoảng nghe được tiếng bò thở trong chuồng bò sát bên ngay cạnh phòng.

**

Nhưng thực đúng là "ma dẫn lối, qủy đưa đường" chẳng chịu để cho Đinh Thanh được yên thân: Tú Nguẫn dẫn thân đến tìm Xuân Lâm .

Tú Nguẫn lên tiếng khẽ gọi Xuân Lâm bảo ả mở cửa cho hắn vào. Hắn nghĩ rằng hắn có quyền vì hắn là một người khách trung thành nhất của ả ta, chẳng có thế mà hắn đã hao tốn biết bao nhiêu tiền khi đến đây uống hay sao ?

Đồ khốn nạn ! Đinh Thanh nhăn mặt chửi thầm nhưng cùng lúc tiếng thì thào của Xuân Lâm bên tai Đinh Thanh :

- Anh đi ra một lát để em nói chuyện với hắn, em sẽ đuổi hắn đi ngay !

Thanh cảm thấy yên tâm, ngồi dậy nhẹ nhàng luồn về mé bếp, mở cửa sau lách ra khỏi phòng . Ở ngoài sân, Đinh Thanh dán chặt mình vào vách tuy nhiên thỉnh thoảng cũng cẩn thận liếc tả, liếc hữu vì sợ chủ nhà bắt gặp hắn trong cảnh trạng này thì thật xấu hổ và nhất định ông ta sẽ bảo

Đinh Thanh là một tên điên rồ, chả thế mà chính chiều nay ông đã mắng Đinh Thanh :"Mày mất trí rồi hay sao chứ ? Tao cũng muốn mày đến đây thường xuyên nhưng...mày quyết định tung hê gia cang của mày hay sao chứ ?...". Việc gì xảy ra còn được đi, chứ gặp lại mặt người chủ quán vào lúc này thì không thể nào được, nghĩ vậy Đinh Thanh lầm thầm van vái chúa trời phù hộ cho hắn.

Đứng trong tuyết lạnh, cóng cả người, Đinh Thanh nghe những mẩu đối thoại làm hắn tỉnh hẳn lên.

Sau khi vào được phòng Tú Nguẫn lên tiếng hỏi ngay người đàn bà trẻ :

- Hắn lại đến đây tối nay hử ? tên khốn kiếp đó .

Xuân Lâm đáp lại bằng một giọng chắc nịch :

- Không, tối nay chẳng có ai đến đây cả !

- Thực không ? Hắn đến đây phải không ?

Hỏi xong câu này Tú Nguẫn lại mỉa mai :

- Thực là nhục nhã cho hắn . Cái gì đã làm cho hắn phải chạy theo gái như vậy nhỉ ?

"Tên khốn kiếp", ở đây chính là để ám chỉ Đinh Thanh. Đinh Thanh run người lên vì tức giận, trong khi đó tên kia, ở mé trong, lại tiếp :

- Hình như người ta bảo rằng sẽ đuổi hắn ra khỏi làng.

- Tại sao vậy ?

- Vì không bao giờ hắn chịu đi họp. Đã thế lại còn suốt ngày đến đây la cà rượu chè nữa.

Thực là quá đáng rồi, điều này là một điều vô cùng láo khoét ! Người ta không thể bị trục xuất khỏi làng chỉ vì vắng mặt có một buổi họp. Đúng ! thằng Tú Nguẫn đúng là một tên bất lương Đinh Thanh lầm bầm trong miệng, hai nắm tay hắn siết lại thật chặt, rung người vì tức . Tuy thế khổ hình mà hắn phải chịu vẫn chưa chấm dứt :

- Thực là một tên ngu xuẩn; hắn không biết dạy bảo vợ hắn nữa. Gặp ai vợ hắn cũng liếng thoắng kêu rêu về hắn, cô ta bảo rằng hắn chỉ là một tên đần độn...

Láo khoét ! láo khoét ! Đinh Thanh nghĩ . Vợ hắn sợ hắn như sợ cọp Ban Mê Thuột, chẳng khi nào lại dám đi bêu rếu như thế được .

- Mụ ta nói đó là một tên ngu xuẩn hả ? Xuân Lâm lập lại rồi cười ra tiếng.

- Chưa hết đâu . Mụ ta còn nói xấu em nữa đó, mụ bảo cái con Xuân Lâm chỉ là một con đĩ , ăn cắp, phá hoại gia cang nhà mụ ta. Mụ đi rêu rao khắp làng rằng em lấy của mụ cái cối xay và ngay cả những bộ đồ lót nữa ...

Xuân Lâm nẩy mình lên giận dữ :

- Đứa nào, đứa nào dám bảo là em lấy những thứ đó ? Em nhận những món đồ này vì có người mang đến cho em !

- Anh không biết gì thêm những chi tiết khác. Anh chỉ kể lại cho em nghe những gì mà anh nghe mụ vợ của thằng Thanh nói.

Ngay cả những điều mụ vợ của ta có nói thế thì việc gì đến hắn mà hắn lại đem chuyện đến đây để kể lại ? Thằng Tú Nguẫn chó đẻ Đinh Thanh rủa thầm.

Tiếp sau, Đinh Thanh không còn nghe được những gì khác nữa dù rằng hắn cố vểnh tai lên . Bên trong Tú Nguẫn và Xuân Lâm hạ thấp giọng làm hắn có cảm tưởng như nghe tiếng đôi gà con đang chim chíp kêu.

Đinh Thanh không ngạc nhiên với việc Tú Nguẫn đang nói xấu hắn, lẽ giản dị vì Tú Nguẫn ghen khi biết rằng hắn và Xuân Lâm hợp ý nhau. Tuy nhiên điều làm cho Đinh Thanh lại phải suy nghĩ bây giờ ... là tiếng cười khúch khích của người đàn bà trẻ ở trong phòng vẳng ra. Hơi thở bỗng nhiên khan lại, khó khăn lắm Đinh Thanh mới đè nén được cơn giận. Hắn không thể

lao mình vào phòng để cho tên Tú Nguẫn một bài học. Hắn đành phải bó tay. Nếu như Xuân Lâm đứng hẳn về phe hắn thì hắn còn có thể làm như vậy được đàng này ả ta lại có vẻ như đồng ý với Tú Nguẫn mới chết chứ ! Thật khó lòng chịu đựng được nổi nữa.
Đứng trong tuyết, bó tay, Đinh Thanh rùng mình phần vì giận phần vì lạnh . Dưới chân hắn chỉ có đôi vớ đã cũ mà lại còn bị lủng lỗ. Cơn lạnh xâm nhập vào tận sương làm hắn đau đớn.

Giờ thì những ý nghĩ của hắn hướng về vợ hắn ở nhà. Nếu ngay lúc này mà Đinh Thanh về nhà , hắn sẽ tìm được ngay một bộ ngực thật ấm đang để dành cho hắn. Như thế thì tội vạ gì mà lại chọn lựa sự đau khổ như thế này nhỉ ? Nhưng, sau khi suy nghĩ một chút, hắn lại tự nhủ rằng cho dù vợ hắn có tài tình đi chăng nữa nhưng vợ hắn cũng không biết ca hát, không biết kiếm tiền mà rốt cuộc vợ hắn cũng luôn luôn chỉ là một con đàn bà ngu.
Thời gian đầu khi vừa lấy nhau, hắn và vợ cũng có một mối diễm tình, giờ thì thuở đó cũng đã qúa xa, chẳng còn gì nữa. Trong khi đó, cho dù là một cô hầu rượu qua tay biết bao nhiêu đàn ông nhưng dù sao đi nữa cô ta cũng kiếm ra được đồng tiền để sống, việc này rất quan trọng chứ không phải chơi !

Ta cũng có thể nói được rằng người đàn bà như thế đâu có thiếu uy lực gì khi cô ta có thể nắm mũi những tên đàn ông say mê tìm đến để được mò mẳn ít nhiều cái thân thể nõn nà của cô ta .

Trời lạnh, hình như mỗi lúc một lạnh thêm . Hai hàm răng của Đinh Thanh càng lúc càng lập cập đánh vào nhau thường xuyên hơn dù vậy hắn ta cũng vẫn không muốn quay gót trở về nhà . Hắn vẫn kiên nhẫn đợi Xuân Lâm ra dấu để hắn trở vào với cô ta. Tập trung mọi nỗ lực, một bàn tay để dưới cầm, hắn canh đợi.

Thỉnh thoảng một luồng tuyết ào tới đập vào cổ, vào lưng hắn. Những bông tuyết rơi tuột cả vào trong áo , những cơn rùng mình chạy theo cột sương sống hắn. Hắn vẫn kiên nhẫn chờ ...nhưng vẫn chưa một dấu hiệu nào đến với hắn.

Bên trong, tiếng thì thào đã ngưng, giờ thì tiếng thở hào hển vọng ra.

Lúc này thì cơn giận dữ của hắn đã lên đến cao độ. Một con hầu rượu đúng chỉ là một thứ dơ bẩn. Một con chồn thối tha chuyên phá hoại gia càng người khác, hút máu những người nông dân. Đinh Thanh tự hỏi lúc nãy khi vợ hắn giận dỗi bỏ nhà đi bây giờ vợ hắn đã bình tĩnh trở lại hay chưa ?

Xuân Lâm vẫn chưa gọi hắn. Đinh Thanh vừa lẩm bẩm ruả vừa định quay gót về nhà thì đột nhiên một đống tuyết đang tụ lại ở mép nhà tuôn xuống. Xuân Lâm mở cửa đẩy Tú Nguẫn ra khỏi căn phòng :

- Anh về ngay nhà đi, trời lạnh lắm đó!

- Đâu có lạnh lẽo gì .

- Thôi về đi, hẹn lần khác!

- Anh sẽ đến với em...

Sau khi khép cánh cửa trước lại, Xuân Lâm lại mở cửa sau :

- Vào đi, nhè nhẹ nghe. Xuân Lâm vừa nói nhỏ vừa ra dấu với Đinh Thanh.

Đinh Thanh vội vàng lách nhẹ vào phòng quên cả phủ tuyết đang đóng trên người, ngước nhìn Xuân Lâm lên tiếng cảm ơn, hai bàn tay xoa vào nhau cho đỡ lạnh.

- Chắc ở bên ngoài lạnh lắm phải không anh ?

- Ô ! cũng chẳng lạnh lẽo gì , Đinh Thanh cười cầu tài rồi nói tiếp :

- Thằng khốn kiếp đó đến đây làm gì hử, nó lựa đúng giờ người ta đang ngủ ?

- Đúng, anh ta chẳng biết cách sống, không chút do dự Xuân Lâm đồng ý rồi vừa cười vừa vặn đèn cho sáng hơn một chút.

- Chưa hết, hắn còn đặt điều láo khoét nữa chứ !. Đinh Thanh phải lợi dụng dịp này để trả thù Tú Nguẫn mới được :

- Nghe đâu là hắn bị bất lực...

- Sao lại có thể như vậy ...?

- Vì bữa đó hắn bị bắt tại trận khi đang ngủ với vợ người khác. Thế là người ta nện cho hắn một trận đòn nhừ tử, hắn bị đánh suốt đêm . Nghe nói hắn bị đập nát thắt lưng, gãy một cái chân...bây giờ thì hắn đã đi lại được khá rồi đấy chứ...

- Vậy hả ! Xuân Lâm hỏi lại, rồi nói tiếp :

- Anh ta bị đánh đập dữ tợn như vậy chỉ vì ngủ với một người đàn bà khác hay sao ?

- Hiển nhiên! Không đúng hay sao chớ ? Đứng vào địa vị của người chồng đó thì anh cũng làm như thế...

Đinh Thanh cảm thấy thật tức giận như chính vợ hắn là người đàn bà đã "phiêu lưu" với Tú Nguẫn.

- Nhưng còn người đàn bà thì có lỗi gì ?

Xuân Lâm hỏi bằng một vẻ cau có giống như cô ta vừa bị mất của.

Không còn biết phải nói thế nào, Đinh Thanh chỉ biết đáp lại :

- Đúng, em có lý.

Như để thoái lui hắn tiếp :

- Đó chỉ là bằng cớ để biết Tú Nguẫn chỉ là một thằng ngu .

Đinh Thanh hiểu rằng ngày mai hắn sẽ đi theo Xuân Lâm, hắn được cô ta nuôi ăn vì vậy hắn chẳng thể yêu sách, lý luận bất cứ điều gì trái ý cô ta nếu hắn không muốn giã từ những chén cơm mà hắn đã mơ ước .Nếu hắn được cô ta nuôi sống thì cần gì mà phải ngờ vực, tranh cãi ... . Tuy thế, hắn cũng không thể không nói xấu đối thủ được.

Đinh Thanh châm một điếu thuốc rồi nói tiếp :

- Tú Nguẫn là một đứa chẳng có một xu dính túi, không ai tin tưởng ở hắn được. Trong làng chẳng một người nào chịu mất thời giờ để nghe bất kỳ điều gì mà hắn nói... Đinh Thanh nhấn mạnh thêm :

- Tú Nguẫn đã bị bắt vì ăn cắp lúa, hắn cũng từng bị ở tù nữa...

Đinh Thanh lải nhải bêu xấu Tú Nguẫn cho đến khi giật mình vì nghe tiếng gà gáy thứ nhất. Hắn tự nhủ rằng phải cấp tốc hành động để còn kịp rời nơi đây vào lúc hừng sáng.

Hai tay ôm âu yếm ôm má Xuân Lâm , Đinh Thanh chồm dạy :

- Anh về nhà một chút, em chờ anh nghe !

**

Khi hắn đã ra ngoài đường thì mặt trăng đã lặn. Tiệm bán mì nằm dưới chân núi vẫn để đèn sáng. Giờ này là giờ những người đánh bạc đêm rời khỏi chiếu bạc để ăn. Đinh Thanh đi tắt qua những cánh đồng, vừa đi vừa nghĩ không biết vợ hắn có về nhà ngủ hay không . Cũng rất có thể vợ hắn đã phát hiện ra việc cái chậu gỗ bị biến mất. Cũng rất có thể vợ hắn đang rình hắn về. Nếu như thế thì hắn không thể giữ lời hứa với Xuân Lâm ...và mọi dự tính đều trôi theo dòng nước.

Cơn tức giận chợt lại nổi lên trong đầu hắn : Đàn bà gì mà chỉ tối ngày rình rập chồng ! Lẽ ra mụ phải biết tuân lệnh chồng mình chứ . Nếu lát nữa mà mụ còn rình mò mình thì nhất định mình phải quật cho mụ vài cái gạy để mụ biết thân, nhất cử lưỡng tiện như vậy mụ cũng sẽ câm họng lại... Ý nghĩ mới này làm hắn thêm phần can đảm, đẩy cánh cửa rào hăm hở bước vào sân.

Trăng đã lặn, phía mé bếp ngập hoàn toàn trong bóng tối nhưng tuyết phủ dầy trên nền đất cũng làm sáng được một phần nào .

Đinh Thanh bước lên bực thềm dẫn vào bếp, tập trung tất cả sự chú ý của hắn về phía căn phòng. Tiếng ngáy đều đặn như làm rung nhẹ lớp giấy dán cửa. Biết bao nhiêu lần hắn than phiền

vợ hắn là ngáy như bò rống lúc ngủ, đã thế miệng lâi còn há hốc ra, nhưng lần này thì hắn rất hồ hởi bởi lẽ nếu vợ hắn ngáy như vậy có nghĩa là mụ ấy đang ngủ thật kỹ ngay cả người ta có thể lấy thừng buộc lại như buộc một con heo thì chắc mụ cũng không biết ất giáp gì .

Yên trí lớn, Đinh Thanh bước vào bếp nhẹ nhàng như một con cáo, đầu hắn như thụt lại trong hai vai. Khi người ta mới lập gia đình thì điều quan trọng nhất chắc chắn là một cái nồi để nấu cơm. Nghĩ vậy hắn mò mẫm hết mé bên này đến mé bên kia một lúc sau hắn cũng đã rờ được. Chiếc nồi đang nằm ngay trên bếp lò. Trước hết Đinh Thanh cẩn thận dở nắp nồi để qua một bên rồi bằng cả hai tay hắn nâng nồi ra khỏi lò.

Vừa bưng nồi Đinh Thanh vừa nghĩ lại thưở đầu, 4 năm trước đây, khi hắn vừa lấy vợ. Thời kỳ đó cũng là thời kỳ hạnh phúc chớ đâu phải chơi ?. Trên đường trở về từ thị trấn nơi hắn đến để mua , hắn hãnh diện, vui sướng khi vác trên vai chiếc nồi này. Lấy vợ đối với hắn không phải là điều lo nghĩ chính yếu nhưng với chiếc nồi và cô vợ hắn cảm thấy là hắn đang có được những thứ qúy giá nhất trên đời này : chẳng còn điều gì hắn ao ước nữa khi mà suốt đời hắn sẽ được ăn cơm do chính vợ hắn nấu cho chính hắn .

- Anh vừa mua cho em chiếc nồi, Đinh Thanh đã nói với vợ khi về đến nhà , đặt chiếc nồi trước mặt vợ .

Người vợ vẻ mặt rạng rỡ, sau khi mở những tờ giấy gói :

- Đẹp qúa xá ! Anh mua bao nhiêu đó ?

- Người bán hàng đòi giá 140 đồng nhưng anh chỉ tốn có 130 đồng thôi. Hắn vênh mặt hãnh diện nói để tỏ ra với cô vợ rằng hắn cũng biết trả giá khi mua .

- Anh thật có tài nhưng sao anh lại phải tốn tiền nhiều như vậy ? Vợ hắn trách yêu .

Dứt lời vợ hắn quan sát chiếc nồi, gõ nhẹ đáy rồi múc nước đổ vào để thử.

- Ồ nồi bị thủng rồi anh ơi !

- Sao ? Để anh xem ? Tại sao cái nồi mới mà lại bị thủng được nhỉ ?

Dứt lời Đinh Thanh quan sát thật kỹ đáy nồi rồi reo lên :

- Thật là cô vợ tôi khờ qúa ! Nồi đâu có bị lủng , nước chảy vì khi em đổ nước vào đã để chảy ra ngoài miệng nồi đó.

- Như thế hả ? Càng tốt !

Hai vợ chồng hắn cùng cười vui vẻ bên cạnh chiếc nồi mới mua. Nhưng những phút giây hạnh phúc như thế chỉ kéo dài được vài tháng vì lẽ cả hai cũng đã chỉ đắp đổi qua ngày để sống . Nghĩ đến đây, Đinh Thanh chép miệng nghĩ : Đã đến lúc cái nồi này phải đổi chỗ.

Cẩn thận đặt chiếc nồi xuống đất, Đinh Thanh lại tiếp tục mò mẫm tìm thứ khác. Hắn cũng chẳng biết là hắn phải lấy thứ gì bây giờ một phần vì hắn không hiểu vật gì cần thiết phần khác nữa là trong bếp nhà hắn cũng chẳng có nhiều đồ đạc . Trên đường về nhà khi nãy, trong đầu hắn đầy ý nhưng bây giờ thì thật trống rỗng. Luẩn quẩn một lát, hắn với tay lấy một chiếc giỏ thủng treo trên tường lục lọi rồi lôi ra được 3 hay 4 đôi đũa tre gì đó. Hắn nhét vào tuí sau khi đã để lại 1 đôi cho thằng Tô con trai hắn.

Bây giờ mình còn phải lấy gì thêm nữa nhỉ ? Đồ đạc trong bếp cũng chỉ giới hạn có vài cái chén ăn cơm đã mẻ, một cái bầu đựng nước một cái đĩa...

Trong đầu hắn chợt loé ra một ý nghĩ : Trong phòng còn một chiếc mềm đắp nhưng chắc hẳn là vợ hắn đang quấn trên người, làm sao mà lấy bây giờ. Cái tuí đựng hạt kê cũng vậy, nó lại nằm trong góc phòng... Suy đi xét lại hắn tự nghĩ là nếu mình lấy những thứ đó rất có thể âm mưu sẽ bị bại lộ, thôi thì đem đi chiếc nồi này cũng đã đủ. Hắn cúi xuống, xách chiếc nồi , bước ra khỏi nhà.

Căn nhà nằm ở cuối thung lũng Suối Mơ, kẹp giữa hai bền triền đồi, cạnh một con suối. Mỗi lần Đinh Thanh xuống làng, hắn buộc lòng phải đi theo dòng suối thực như một khổ dịch. Từ hôm nay trở đi, hắn sẽ không còn phải vất vả như thế nữa. Ngẫm nghĩ một chút, Đinh Thanh cũng thấy một

chút gì nuối tiếc khi vĩnh viễn rời bỏ nơi đây.

Hai hay ba lần gì đó, Đinh Thanh ngoái cổ về phía căn nhà mà hắn vừa rời khỏi sau đó tiếp tục rảo bước.

**

Đèn còn thắp trong phòng của Xuân Lâm . Đinh Thanh kéo cửa bước vào, lên tiếng :

- Ngoài trời lạnh qúa xá em ơi !

- Em đã tưởng là anh không tới .

Xuân Lâm vẻ mặt rạng rỡ đón Đinh Thanh. Hình như cô ta không chợp mắt suốt thời gian hắn rời khỏi nơi đây vì phải lo sửa soạn mọi thứ cho chuyến đi .

- Tại sao anh lại không trở lại ?

- Dù gì đi nữa nếu mà anh không trở lại thì em cũng sẽ chẳng để anh yên đâu : em sẽ phạt anh như thế này này ... Nói dứt câu Xuân Lâm nhéo vào cánh tay Đinh Thanh.

- Đau qúa , đau qúa, em làm anh đau !

Đinh Thanh lao mình trên người Xuân Lâm vuốt ve, sục sạo để ... trả đũa.

- Em ơi, chừng nào thì mình sửa soạn đồ đạc ?

- Chuyện gì ?

- Anh hỏi em khi nào thì mình lo sửa soạn đồ đạc ?

Xuân Lâm suy nghĩ một chút rồi đáp lại :

- Thì bây giờ mình sửa soạn. Ngay khi trời sáng mình sẽ đi.

Đinh Thanh gật đầu rồi nhặt nhạnh tất cả dụng cụ làm bếp cột lại với nhau rồi để vào một góc. Tất cả hành trang của họ vỏn vẹn một chiếc nồi, một cái cối xay, một chiếc chậu bằng gỗ, vài thứ quần áo, một chút gạo, hạt kê mà những người khách trao đổi rượu của Xuân Lâm khi đến uống. Chỉ cần vác trên vai chuồn ngay khi trời vừa sáng . Nếu còn nấn ná ở đây, người chủ quán sẽ bắt gặp cả hai cùng đi với nhau rồi tin tức sẽ lan nhanh như chớp tới mọi người trong làng thì hắn sẽ phải giã từ giấc mơ tuyệt vời mà hắn đã ấp ủ và chẳng những thế hắn sẽ còn bị mất mặt nữa chứ không phải chơi...

Khi mọi việc đã sẵn sàng, Đinh Thanh ngả lưng nghỉ trong lúc đợi sáng. Hắn rất muốn đi ngay lúc này nhưng hắn cũng sợ những con thú hoang còn đang lảng vảng kiếm mồi trong núi. Xuân lâm cũng vừa nói rằng cô ả cũng đã sẵn sàng. Chỉ cần nhẹ nhàng chuồn đến tận chân đèo Rù Rì , không cần phải nói với chủ quán là xong ngay vừa nghĩ Đinh Thanh vừa lầm thầm cầu nguyện cho trời mau sáng. Trong những ý nghĩ luẩn quẩn này Đinh Thanh thiu thiu ngủ.

**

Đinh Thanh bị thức giấc vì hình như có một làn gió lạnh nào đó đập vào vai hắn . Nhưng không phải làn gió mà là thằng bé con đang muốn leo lên đầu hắn. Mấy lần hắn đưa tay đẩy nó ra , đến lần thứ ba, trong một góc phòng ít được sưởi nhất, sau lưng Đinh Thanh, một giọng nói lạ cất lên :

- Lại đây, con ơi, lại đây nhanh lên, bố của con đây, bố ở đây mà ...

Giọng nói sâu thẳm, rắn rỏi...

Đinh Thanh tự hỏi phải chăng hắn đang mơ ngủ. Hắn dụi mắt cho tỉnh tảo. Hắn cũng không nhúc nhích, nín thở, tim đập mạnh trong lồng ngực.

Không, Đinh Thanh không mơ ngủ : Căn phòng chìm trong bóng tối...Xuân Lâm vẫn nằm dài cạnh hắn...thằng bé con đang xụt xịt khóc...

Tiếng đàn ông một lần nữa cất lên :

- Lại đây con trai của bố, bố ở đây mà.

Nếu hắn ta mà là cha của thằng bé con thì có nghĩa hắn là chồng của Xuân Lâm, hắn đã theo nàng tới tận đây. Nhất định là hắn đã chứng kiến cảnh Xuân Lâm, vợ hắn vừa "nằm ngửa" và chắc hẳn hắn phải tức giận như mọi người đàn ông khác khi chứng kiến cảnh tượng đó. Giả dụ trong cơn tức giận mà hắn chụp một cái liềm rồi phang ngay trên lưng thì nhất định Đinh Thanh phải ngủm củ tỏi mất.

Đinh Thanh chỉ mong rằng đây chỉ là một giấc mơ...Nhưng không, mọi sự, quanh hắn, đều là hiện thực .Mồ hôi bắt đầu rịn ra trên người hắn. Toàn thân cứng đờ, lưng căng ra, hắn không tài nào nhúc nhích được ngay cả một ngón chân nữa.

Trong tình trạng sống dở chết dở, Đinh Thanh chấp nhận cái chết đến với hắn . Tuy nhiên, thật nhanh, hắn suy nghĩ tìm một lối thoát . Hay là đánh thức Xuân Lâm dạy với hy vọng là nàng ta sẽ có thể giúp được hắn, Đinh Thanh thọc nhẹ tay vào bụng Lâm Xuân mấy lần nhưng thay vì thức giấc thì nàng ta lại quảng cánh tay ôm người hắn siết lại gần thêm vì đâu biết chuyện gì đang xảy ra. Cử chỉ của cô ả lại càng làm cho mồ hôi trong người Đinh Thanh rướm ra nhiều hơn.

Chồng của Xuân Lâm tiến lại gần, nhấc đứa bé lên và mắng nó :

- Tại sao con lại làm phiền họ như vậy ?

Dứt lời, tay ẫm đứa bé, miệng hắn ta nói với chủ ý để người khách của vợ hắn nghe :

- Anh đừng quan tâm gì cả, cứ ngủ đi.

Dứt lời hắn ta quay trở lại góc phòng vừa rời khi nãy với một vẻ tế nhị bộc lộ ra là một kẻ "đại lượng" - điều này lại càng làm cho Đinh Thanh càng khó chịu thêm : Đinh Thanh đang là một "kẻ tử đạo". Thanh ngẫm nghĩ : Nếu hắn có muốn giết mình thì hắn cứ việc ra tay ngay đi đừng bắt mình phải chịu đựng kiểu này nữa.

Cuối cùng rồi Xuân Lâm cũng thức giấc.

- Mình đi ngay bây giờ chứ ? Xuân Lâm vừa dụi mắt vừa hỏi. Nhưng sau khi đã khám phá ra được tình hình đang xảy ra lúc này; nàng ta cúi đầu xuống tức thời, sững lặng .

Mặt trời lên đã khá lâu. Từ căn bếp bên cạnh phòng vẳng sang tiếng rửa nồi của người chủ nhà rồi ông ta vừa mở cửa vừa ho.

Thôi phen này mình đành phải bỏ xác tại đây mất rồi !. Vừa nghĩ vừa thu hết can đảm, Đinh Thanh ngồi sổm dạy chờ đợi sự hành xử của chồng Xuân Lâm. Đinh Thanh len lén nhìn về phía hắn ta.

Trong thế ngồi bệt dưới đất, đứa bé trên đùi, chồng Xuân Lâm có vẻ cao lớn. Thoạt trông thì hắn không có vẻ gì gọi là đáng khiếp nhưng biết đâu chừng vì ghen tương hắn có thể làm điều gì không tài nào đoán ra được.

- Thôi đi, nhanh lên chứ... .

Để chấm dứt tình thế khó chịu này , chính chồng Xuân Lâm là người lên tiếng đầu tiên vừa đứng lên vừa như nói với mọi người . Dứt lời hắn ta trao đứa bé đang ẫm trên tay cho mẹ nó rồi như ra lệnh với Đinh Thanh :

- Hãy tiếp một tay để cái gói này lên lưng tôi.

Đinh Thanh vẫn còn trong tình trạng bất động tuy nhiên Thanh nghĩ rằng nếu mình muốn được tòan thân thì cũng nên nghe lời hắn ta thì hơn . Đinh Thanh cúi xuống cẩn thận nhấc gói nồi niêu song chảo đã gói sẵn để trên lưng chồng Xuân Lâm.

Cái gói thật nặng trên lưng, chồng Xuân Lâm thản nhiên bước ra khỏi phòng thật nhẹ nhàng. Xuân Lâm cõng trên lưng thằng bé con đã được cuộn trong một chiếc chăn nhỏ cũng vừa bước ra theo vừa lẩm bẩm điều gì không nghe rõ được. Đinh Thanh còn đứng sững trong phòng chưa biết phải xử trí như thế nào. Một lát sau, Đinh Thanh quyết định đi theo vợ chồng Xuân Lâm để xem thử sự việc xảy ra như thế nào .

**

Băng đóng chặt trên mặt đất. Gió lạnh thổi như quất vào mặt hắn. Vợ chồng Xuân Lâm lúc này đang đi theo một con đường vòng phía sau nhà , Xuân Lâm đi trước, chồng cô ả theo sau cẩn thận từng bước dưới lớp tuyết phủ dầy che hẳn dấu đi . Chợt chồng Xuân Lâm ngoảnh lại gọi Đinh Thanh :

- Sao anh còn đứng đó ? Đi , nhanh lên chứ!

Đinh Thanh nín lặng vì hắn vừa chợt nhìn ra, từ một lối khác, một người đàn bà tất tả chạy đến nắm tay dơ lên như đe dọa ... chính là vợ của Đinh Thanh : Việc gì đến nó sẽ phải đến. Đinh Thanh đờ đẫn cả người. Vợ hắn, mặt đỏ như một trái cà chua, vừa kêu gào vừa khóc, chồm lên người Xuân Lâm :

- Đồ đĩ thoã ! Sao mày ăn cắp cái nồi của tao ?

Túm hụt mái tóc của Xuân Lâm, nhưng vợ Đinh Thanh lúc này cũng đã giật được chiếc kẹp tóc trên đầu ả . Xuân Lâm cũng trả đũa :

- Tao ăn cắp hả ? Đứa nào nói vơí mày như thế ?

- Vậy thì chiếc nồi này của ai ?

- Tao không biết là của ai ? Tao có vì có người đem lại cho tao!

Xuân Lâm cũng nổi điên y hệt như vợ của Đinh Thanh.

Dân trong làng nghe tiếng gào thét, bắt đầu mở cửa dụi mắt đứng nhìn hai người đàn bà đang túm tóc nhau, lên tiếng bình phẩm :

- Chị có nghĩ rằng chiếc nồi đó là của Đinh Thanh hay không ?

- Tôi cũng không rõ nữa. Nhưng cái con bán rượu không có quyền lấy bất kỳ cái nồi của ai mà đem đi như thế !

- Đúng, nhưng ả ta bảo là có người đem đến cho ả. Hẳn phải là Đinh Thanh đem đến cho cô ả chứ còn ai ra nữa.

Cứ thế, kẻ nói qua, người nói lại, những lời bình phẩm càng lúc càng rộn rã thêm.

- Không phải, không phải của mình đâu em ơi, Lâm Thanh lên tiếng can gián vợ và lôi tách ra được hai người đàn bà đang nổi điên cào cấu nhau.

Hai gò má Đinh Thanh như bị phỏng lửa, hắn giữ thật chặt cánh tay vợ hắn nhưng mụ dãy dụa, vừa nhào về phía đối thủ vừa hét về phía Xuân Lâm :

- Đồ đĩ thõa, đồ ăn cắp! Ai cho phép mày ôm cái nồi của tao đi hả ?

***

Ả bán rượu và anh chồng thản nhiên cất bước đi như không nghe điều gì, người cõng hành lý, kẻ cõng đứa bé trên lưng. Cả hai lần xuống phía dưới thung lũng, bước đi đều đặn, không ngoảnh lại.

Cô vợ Đinh Thanh lúc này qúa độ vì tức giận, không kìm hãm được sóng soài dưới đất , nức nở khóc.

Đinh Thanh thỉnh thoảng ngước mắt nhìn những người đang đứng xem, cay đắng nuốt nước bọt cứ liên tiếp tuôn ra trong miệng. Nước mắt cũng đã lưng tròng, Đinh Thanh sụp ngồi trên tuyết vừa nâng vợ vừa nói nhỏ vào tai cô ta :

- Thì anh đã nói rồi mà, cái nồi đó không phải là nồi của mình đâu em ơi !

Orsay - Troyes, 20.7.2008 - Neuilly sur Seine, 10.8.2008

TỪ VŨ

MÙA MỰC NANG

truyện ngắn

CHU TRẦM NGUYÊN MINH

1. Hắn ngó mong ra biển, một màu xanh bao la cùng những vệt trắng nhấp nhô, hắn chờ ghe câu mực trở về.

- Về thôi.

Hắn quay nhìn người bạn câu, một chàng trai rất trẻ.

- Đúng chuyến, thì hôm nay về.

- Lão Đại thường nổi hứng …

- Mày nói sao ?

- Câu trúng, lão muốn nán lại kiếm thêm..là thường.

- Vậy..

- Không chắc.. nhưng chuyến này lão có thể.. trúng đậm.

Hắn nhìn ra khơi, thầm mong Lão Đại câu trúng như chàng trai vừa nói.

- Mày về đi, tao nán lại chút nữa..

Chàng trai nói:

- Tui về nghen..

Hắn gật đầu. Người bạn câu trẻ, cao to, vạm vỡ, khuôn mặt đen nhẻm, nếu nhìn thoáng qua thì thấy hắn dữ dằn, nhưng đó là chàng trai hiền lành tốt bụng.

- Ừ..về đi.

Hắn ngồi xuống trên một đụn cát, bãi vắng chỉ còn một mình hắn. Nắng chiều hắt màu vàng óng

ánh trên lớp lớp sóng biển xô bờ.

- Các đồng chí, đây là trận đánh cuối cùng của cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước, hiên tại quân chính qui của ta đã giải phóng Phan rang…

Có tiếng chim kêu, quat quat, hắn ngước nhìn, bầy hải âu đang bay lượn trên bầu trời như chào hoàng hôn trước lúc trở về tổ, biển vẫn không có bóng thuyền về.

Ban chỉ huy quân sự tỉnh chia quân làm 2 cánh, một đánh từ Ma Lâm, Thiện Giáo và lực lượng địch đóng dọc Quốc Lộ 8, cánh thứ 2 đánh dọc Quốc lộ 1A, đoạn từ Tà Dôn.. Hắn ở cánh 2, mở đường cùng Lữ Đoàn 203 của quân đoàn 2 chính qui từ Phan Rang vào…

-Các đồng chí …chờ 20 năm mới có ngày này…

Có tiếng quát lớn:

- Anh kia!

Hắn quay lại, hai anh dân phòng, một anh cầm khẩu AK Tiệp Khắc, một anh lăm lăm cây gỗ tròn dài chừng một mét trên tay.

- Muốn vượt biên phải không ?

- Đồng chí..

- Ai là đồng chí với mày!

- Đồng chí..

Một trong hai dân phòng hét to:

- Ai là đồng chi với quân phản quốc!

Hắn kinh ngạc:

- Đồng chí..

Hắn chỉ nói được hai chữ “đồng chí ", cổ họng hắn nghẹn lại, ngơ ngác, không hiểu tại sao hắn lại phải bị truy chụp như vậy.

- Giờ này mà còn ở đây là lũ vượt biên, quân phản quốc, liếm gót đế quốc Mỹ.

Hắn hét to:

- Câm miệng lại!

Hắn muốn nói thêm điều gì đó mà không mở miệng dược, hắn bị hai đồng chí dân phòng dùng chiếc khăn bần bịt mặt kéo đi.

Hắn bị nhốt một đêm ở phường, có dân phòng canh giữ nghiêm ngặt, đi đái, ỉa gì cũng phải xin phép. Hắn trình giấy chứng nhận là..là..trời ạ, hắn chỉ còn cái giấy xuất viện, ghi một câu đáng tiền là : bị mìn trong trận Ruông Muối, đơn vị : quân địa phương…

- Sáng mai mới biết mày là ai [?]..bây giờ thì chui vào..không tao nện..

Hắn vội chui vào cánh cửa mở hờ và tự hỏi không biết ai dạy hai đồng chí mình ăn nói thiếu đạo đức xã hội chủ nghĩa như thế ? Đây là…biểu hiện …. Hắn dừng lại không nghĩ tiếp vì muỗi bắt đầu tấn công hắn dữ dội. Hai tay hắn cứ quơ rồi đập không ngừng. Hai mắt hắn mở thao láo nhìn bóng đêm.

Đạn lên nòng, súng cầm tay và chạy.. về phía trước. Lúc vượt qua Xa Ra, địch kháng cự, yếu ớt.. quân ta tiến một mạch đến đầu cầu Phú Long và trụ lại, địch chạy tán loạn, ta ria AK dòn dã, địch chết chồng lên nhau, văng M.16 tứ tung, chúng liều mạng bơi qua sông, ta chơi lựu đạn, một vài đồng chí mình hy sinh cùng rơi xuống sông, máu của ta và địch đều có cùng màu đỏ, hòa vào nhau nhuộm một khoảng sông, thành dòng nước đỏ…

…

Tiếng mở khóa làm hắn trở về với thực tại.

- Dậy..ỉa đái gì thì đi đi.

Hắn đứng dậy, đồng chí dân phòng lạ nhưng cách nói thì giống hệt hai đồng chí dân phòng đã bắt hắn tối hôm qua.. Hắn vươn vai, dụi mắt và há miệng ngáp, suốt đêm hắn đâu có ngủ.

Hắn đến cầu tiêu, mở cửa bước vào, mùi hôi xông lên mũi, giấy, nước, cứt… vương vãi khắp nơi, nó giống cái chuồng heo nái, hơn là..

- Xê ra..ông nội..

Hắn đoán gã này cũng như hắn, bị lôi về đây tối hôm qua.

- Đ.M tụi CS ăn ở dơ như heo.

- Này..anh kia..

Hắn chưa kịp nói hết câu thì dừng lại, đôi mắt gã đàn ông đỏ như hai cục lửa, gã vừa trợn mắt, vừa tuột quần.

- Mày gọi tao hả ?

- Anh không được nói CS ở…

Gã cướp lời:

- …ở dơ như heo, Đ.M thi tao nói..như heo. Đ.M.mày là ai..

Hắn nhìn và nhận ra đây là một con nghiện thiếu thuốc, hay một gã không bình thường nên phát ngôn của gã khùng khùng. Chúng ta phải hiểu như vậy, đừng nghe và cương quyết không tin những gì gã nói.

- Mày..mày.. là ai..ĐM vào đây..Đ..

Gã nhừa nhựa không ra tiếng, tay phải cầm cu rảy rảy, kéo quần lên và bước ra khỏi cầu tiêu. Hắn cũng bước ra theo. Mặt trời đã lên cao trên đỉnh cột cờ, ở đó lá cờ đỏ sao vàng đã được kéo lên không biết từ lúc nào.

Hắn trình bày cho ông chủ tịch nghe đủ mọi thứ giấy của một thương binh cách mạng, người từng lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người có giấy chứng nhận "Chiến Sĩ Vẻ Vang ".v..v và v.v nhưng chỉ bằng.. cái miệng của hắn mà thôi, những thứ đó cùng máu của hắn đã bay theo trái mìn ở trận Ruộng Muối rồi, phải chờ Lão Đại đến xác nhận hắn là xã viên HTX câu mực, ông chủ tịch mới cho hắn về.

- Mày chờ tao làm gì.. để ra cớ sự ?

Hắn cảm ơn Lão Đại và :

- Dạ..từ nay cháu chừa.

- Thời buổi …ai cũng muốn bỏ nhà.

Hắn chận lại không để Lão Đại nói điều không nên nói lúc này.

- Bác.. trúng đậm phải không ?

- Trúng đậm..giao cho HTX suốt đêm..

Trước khi chia tay, Lão Đại nói với hắn:

- Chuẩn bị..mai ra khơi..

2. *Đơn vị của hắn tiếp tục dẫn đầu, đưa quân chánh qui vào giải phóng PT, lúc vượt qua cầu Xóm Lụa, địch cố giữ cầu, hai bên nhả đạn, đoàn quân vẫn tiến. Khi đến Ruộng Muối áp sát bến xe thì bị mìn, văng xác 7 đồng chí, hắn bị thương, quỵ xuống.*

- Này anh..

- Gì..em ?

- Hồi hôm..

- Anh đã báo cáo rồi mà.

- Em có cảm tưởng..

- Cảm tưởng ?

- Dạ.. em thấy như có điều gì làm anh buồn..

Hắn cướp lời, nhỏ nhẹ:

- Ngủ đi..em.

- Dạ..

Tiếng người đàn bà nhỏ, cam phận từ trong nấm mồ, như chìm trong đêm tối.

Ba tháng sau ra viện với vết sẹo trên mặt, hắn tìm về lại đơn vị, nhưng đơn vị hắn đã giải tán, mỗi người một nơi. Chỉ với giấy chứng của bệnh viện không còn khả năng chiến đấu nên hắn bị khai trừ khỏi đời lính. Từ một người lúc nào cũng đi trước trong những chiến dịch kinh hoàng nhất, bây giờ khi cởi áo lính, bỏ nón tai bèo trở về đời thường, hắn thấy tay chân lỏng cóng, nói năng bập bẹ, hắn xa lạ với xã hội mà từ đó hắn đã ra đi …

- Anh..này..

- Anh nghe đây em.

- Em nhớ.. Khu Lê..

- Anh cũng nhớ..

Đêm trường mù mịt, gió thổi qua bãi tha ma vi vu, tiếng nói người đàn bà như chìm trong sương.

- Nhớ bào Củ Gừng..

- Bào Củ Gừng..

- Đôi mắt anh đêm đó… sáng như sao trời.

- Anh yêu em..

- Em biết.. nó thắm thiết đến chừng nào.

Im lặng, hắn vẫn đứng trong sương đêm, nhìn đăm đăm về hướng bào Củ Gừng khuất bên kia ngọn núi Tà Dôn..

- Anh không có hộ khẩu mà đòi cấp sổ lương thực..

- Xin đồng chí..

- Anh về địa phương xin chứng nhận lý lịch, ghi rõ cha mẹ ông bà có theo Mỹ hay không.

- Dạ..

- Đến phường xin lập thế vì khai sinh.

- Dạ.

- Làm chứng minh nhân dân..

- Dạ.

- Làm đơn xin cấp sổ lương thực.

- Dạ.

- Mẫu đơn có bán ở đây, mua mà điền vào cho hợp lệ.

Hắn "dạ'" đến lần thứ tư thì đứng dậy:

- Cám ơn đồng chí.

Khi hắn chuẩn bị bước ra khỏi phòng lương thực thị xã, thì bị gọi giật ngược:

- Anh kia!

Hắn quay lại.

- Tôi nói lần cuối, không được xưng hô "đồng chí" ở đây.

Hắn ngơ ngác. Hắn cũng là đảng viên ĐCSVN sao lại không được "xưng hô " đồng chí ?

"Ở đây" là ở đâu, không phải cái chỗ mà hắn đã đổ máu giành khỏi tay Mỹ Ngụy ?

Hắn phẫn nộ, nhưng thời buổi này dạy hắn ngậm miệng.

Hắn về địa phương, không biết bao lần, rồi cũng làm được những thứ giấy mà phòng lương thực yêu cầu, người thân, cha mẹ, anh em của hắn đều đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, quê hắn được phong là xã Anh Hùng cả hai thời kỳ… Hắn nhìn lại nơi hắn ra đời, nơi nơi xơ xác, khô héo..cánh đồng -ăn nước trời- chỉ còn những gốc rạ và hố bom…người dân phải đi 5km không biết bao nhiêu lần mới mua được một lít dầu lửa…cho dù, nhà ai trên bàn thờ cũng có từ 2 liệt sĩ. Đất và nền nhà của cha mẹ hắn đã là của HTX nông nghiệp.

- Anh kia !

Hắn giật mình:

- Dạ.

- Anh làm gì mà ngồi ….

- Dạ, tôi đi xin cấp sổ lương thực.

- Sổ lương thực ?

- Dạ..sổ..

- Cho ai ?

- Cho..tôi..

- Biết rồi.

Anh Lương Thực phác tay ra hiệu : tới phiên hắn. Hắn rụt rè bước vô căn phòng khá rộng, có quạt máy chạy vù vù trên đầu. Hắn để bộ hồ sơ thấm đẫm mồ hôi lên bàn. Anh Lương Thực lật từng tờ giấy, đọc đi, đọc lại rất kỷ, rất nhiều lần. Ông ta hỏi, như điều tra một vài điểm- đáng ngờ- trong tờ

lý lịch. Hắn trả lời thật rõ, nhưng anh Lương Thực:

- Tôi không tin !

- Dạ ?

- Từng ấy năm trong lòng địch mà trong sạch được à ?

- Ông nói sao ?

- Tôi nói.. gia đình anh thế nào cũng có người theo Mỹ !

Hắn trợn mắt hét lớn :

- Thằng Bắc Kỳ kia..mày..mày..

Hắn không thể ngờ rằng, chỉ trong tíc tắc, chưa nói hết câu, hắn đã bị tóm và lôi ra khỏi phòng. Hắn bị đẩy lên xe bịt bùng và chở đi, lại bị -chính đồng đội thời chống Mỹ cứu nước của hắn- nhốt.

Không còn cách nào khác, hắn phải nhờ đến người cán bộ nội thành mà hắn cứu năm hắn còn học lớp đệ tứ PBC. Hắn bước ra khỏi trại giam Phú Thủy, mặt trời chói chang trên đỉnh đầu..

3. *Không sống nổi với người, thì sống với ma, hắn nghĩ như vậy và cũng chỉ còn cách đó thôi. Theo hướng Bắc, trước khi vào trung tâm thành phố, xe phải chạy qua cầu 40, xuống dốc cầu là chân của triền cát khá cao chạy ra tới biển, đỉnh là Căng Ê-Xê-Píc, trên triền cát này là nghĩa trang của thành phố già hơn trăm năm. Ở đây, mồ mả, mới, cũ, đủ kiểu, cái cao, to, cái thấp lè tè.. Hắn chọn cái mả cổ, được bao bọc bằng vòng thành cao non thước, hắn dựng chòi ở trên cái mả này.*

Hắn hài lòng chỗ ở này, vì ở đây hắn nhìn được nơi hắn sinh ra, lớn lên, nơi hắn cầm súng, nơi hắn gặp và yêu nàng, nơi cha mẹ anh em hắn nằm xuống, nơi máu xương của xóm làng …

- Anh.. à.

- Anh đây…em.

- Đêm nay.. trăng sáng không anh ?

- Rất sáng em à.

Đêm nào hắn cũng ra khỏi nấm mồ đứng nhìn đăm đăm về Tà Dôn, Tam Giác, lòng hắn ngậm ngùi, có lúc nao nao.

- Anh.. à.. anh có nhìn thấy Hàm Liêm không?

- Có.. anh đang nhìn nó đây.

- Em nhớ Hàm Liêm …

- Hôm nào.. anh sẽ đưa em về.

- Phải.. anh nhớ đưa em về.

Hàm Liêm, Hàm Liêm ơi, hắn gọi nhỏ trong lòng …nơi có con chim chiền chiện bay thật cao trên trời xanh sau mùa gặt, nơi có những đêm soi cá, bắn chim, nơi có cây Bù cao vọi, nơi từ khu Lê trở về thì mẹ đã không còn, nơi của tuổi thơ khổ đau và nước mắt.

- Anh à.

- Anh đây.

- Ngoài đó lạnh rồi.. vô với em đi anh.

Hắn quay lại, chui vào mồ, một vùng bóng tối che khuất, hắn chỉ thấy cái bóng rất nhỏ cùa người con gái, hắn vòng tay ôm, và hôn lên đôi mắt trủng sâu đầy nước của nàng..

4. *"Ta đã sống, đã chiến đấu cho ta, cho đời đến tận cùng số kiếp.. như ta đã yêu nàng đến tận cùng hơi thở…Ý nghĩa lớn nhất của cuộc đời là sự hiến dâng.. Tam Giác ơi, dù có chết, con cũng xin được chết trong vòng tay người, được nằm trên đất quê hương, được bay theo mây trời đã bao đời cam chịu. Ta thương xót quê hương biết là dường nào, quê hương ơi."*

"*Ta muốn hét to cho đất trời tỏ rõ, quê hương ta sao cứ mãi cam đành.."*

-Ê.. thằng ông nội.. muốn chết hả ?

Chiếc honda vút qua, quăng lại tiếng hét. Hắn bừng tỉnh, nhìn quanh, rồi đi tiếp, rồi đứng trước quày nhà thuốc Quốc Doanh, hắn nói với người bán thuốc :

- Cho tôi mua thuốc đau nhức.

- Anh có sổ.. ?

- Không..tôi xin mua.. mua..giá cao.

- Giá cao ?

- Dạ..giá cao.

- Đau nhức ở đâu ?

- Dạ.. ở đôi mắt.

- Ở hai con mắt ?

- Dạ.

- Tại sao ?

- Một trái mìn cóc.

- Mìn cóc ?

- Dạ …

Hắn nhận ra người bán thuốc không biết mìn cóc là cái gì cả, hắn giải thích và kết luận:

- Nó móc 2 con măt …

- Thôi… thôi.. ớn lắm.

- Dạ..

Không biết sao hắn buột miệng lập lại:

- Ớn… lắm.

Hắn nhận một gói thuốc thông dụng -Xuyên Tâm Liên- thuốc nội, trị bá bệnh.. đều tốt.

Đơn vị hành quân áp sát địch, bất ngờ bị vướng một bãi mìn cóc, cóc nhảy ngang ngực là nổ, đồng đội lớp chết lớp bị thương, mục tiêu lộ, địch xuất hiện, tiếng hét "giết"' vang trời… Ba ngày sau ta vẫn còn tìm đồng đội nằm lại, xác chết và bị thương…trong đó có người bị mìn móc hai con mắt.

Mỗi lần nhớ lại, hắn thường ngửa mắt lên trời, hắn muốn nước mắt chảy ngược vào lòng ngực.

5. Mười giờ sáng thì chiếc ghe câu mực chuẩn bị ra khơi, mùa mực nang chỉ kéo dài một thời gian ngắn, nhưng ngư trường thì ở tận khơi xa.

- Ê.. kiểm tra lại lần chót đi.

- Dạ..

Chàng trai chui xuống hầm kiểm tra lương thực, gạo, muối, cá khô và lỉnh kỉnh đủ thứ cần cho chuyến câu, can 20 lit rượu đế là không thể thiếu.

Lão Đại quay về phía hắn:

- Mày xem lại cái cô- le, chuyến này đi xa đó.

- Hôm qua đã xem lại rồi, chỉnh cái súp báp nữa..

- Phải ngon lành à nhen.

- Dạ, nổ dòn lắm.

Lão Đại là chủ chiếc ghe câu, trọng tải khá lớn, đúng ra là của cha lão để lại. Cha lão chết trong một chuyến ra khơi cũng trên chiếc ghe này, chuyến đó trúng đậm, từng đàn mực nang, dày đặc bên mạn sườn chiếc ghe, nó còn đẩy thúng câu chao nghiêng. Cha lão nghiêng người cúi thấp để nhìn, trong khối nước xanh thẳm bỗng xuất hiện một khối màu đen, và trong tích tắc có một vật nhọn, vọt lên…đâm ngay tim.. cha lão tắt thở. Hắn nghe dân chài ở xóm Cồn này nói như vậy và họ cũng nói Lão Đại là tay câu số một như cha lão ngày xưa. Có người nói đó là con cá kiếm, có người nói "bao đời nhà lão lấy của biển, bây giờ phải trả lại…Hà Bá bắt lão ". Chiếc ghe bây giờ là của HTX thủy sản, lão trở thành công nhân. Cách Mạng nói không ai được có của riêng và cái gì có từ trước 75 là của đế quốc Mỹ, cùa bọn tư bản mại sản, tất cả là của chung.

- Tất cả..xong chưa ?

- Xong rồi.

Chàng trai trả lời.

Như thường lệ, tất cả bạn câu phải tập hợp đứng sau lưng lão Đại, trước một mâm ngũ quả, lão thắp nhang và miệng lâm râm van vái Trời, Nước, Thủy Thần phò hộ cho chuyến ra khơi được may mắn..

Lão ra lệnh như hét:

- Nổ cô-le !

Hắn nắm sợi dây giựt mạnh, tiếng máy nổ rất dòn, lão mỉm cười hài lòng và lái chiếc ghe câu ra

phải bến Cồn Chà, nhắm hướng đông, đâm ra biển.

- Không có địa chỉ -nơi ở- thì không được giải quyết..cấp hộ khẩu.

- Tôi không có nhà..

- Thì địa chỉ cơ quan cũng được.

- Dạ..tôi phục viên..

- Trời ạ.. trụi lủi… như vậy làm sao cấp.

Người trưởng ban Hộ Khẩu thị xã là người miền Nam, cở tuổi hắn.

- Tôi bày cho anh..lên phòng Thương Binh Xã Hội yêu cầu..

- Dạ.. tôi lên nhiều lần rồi.

- Các đồng chí ấy..nói thế nào ?

- Dạ họ nói : tôi không phải là đối tượng.

- Tôi biết rồi..

Người cán bộ Hộ Khẩu vừa cười khảy, vừa nói, rất nhỏ: không ba số, không bì thư.. là không đúng đối tượng.. trụi lủi như anh thì phải mòn 3 đôi dép râu..

- Dạ..anh nói gì tôi không nghe ?

Người cán bộ Hộ Khẩu nhìn thẳng vào mặt hắn :

- Không nghe là tốt.. đồng chí mình ạ.

"Đồng chí mình", âm vọng thân thương của một thời không xa, mà nghe sao cay đắng trong lòng..

- Anh em, mình họp một chút.

Mọi người lần lượt tập trung giữa ghe, trừ Lão Đại.

- Như thường lệ tôi xin đọc báo, tin tức hôm qua..

Ngoài Lão Đại, Hắn và Chàng Trai còn 5 người nữa, bạn câu thuộc tổ câu mực của HTX hải sản. Trong 5 người này có một đồng chí Đảng viên, làm tổ trưởng, dân du kích khu Lê.

- Một bí thư phường đã tình duyên bất chính với vợ của một tướng Ngụy, bị khai trừ khỏi đảng.. Hành tây Văn Sơn trúng lớn.. Thị xã sắp xây anten tivi v.v.. và v.v..

Mọi người chăm chú lắng nghe tin tức tờ báo "địa phương ", nhìn trời đã ngã vàng, sóng yên, biển lặng, không thấy đâu là bờ bến.

- Hạ thôi !

Tiếng Lão Đại dõng dạt, hắn bớt ga, tiếng nổ máy cô-le cũng dịu lại.

- Thả neo !

Chiếc neo to được anh tổ trưởng chỉ huy cho 3 bạn câu bỏ xuống biển, sợi xích cứ tuột, càng lúc càng nhanh.. và chiếc ghe giờ đây sòng sành một chỗ, giữa biển trời bao la.

Người nào làm phần việc người ấy, chuẩn bị bữa cơm chiều, trong bữa ăn mỗi người được uống một bát rượu đế, mà lúc xỉn dân nhậu thường gọi "nước mắt quê hương ". Tất cả chuẩn bị thúng chai, đèn, bộ câu rường.. sẵn sàng thả biển. Không gian tối dần, một màu đen đậm nhuộm kín bầu trời.

- Thả thúng !

Sáu cái thúng chai đươc thả xuống nước, sáu người, trừ Lão Đại và chàng trai, sẽ câu ở hông ghe, đèn bắt đầu thắp lên, sáu người dùng tay khoát nước rời ghe..xa dần. Những bạn câu ở tổ khác cũng lên đèn, biển như được che kín bởi đèn câu, như một thành phố trên mặt nước bao la, biển nhấp nhô, ánh sáng lúc mất lúc hiện, giữa sóng gió dập dềnh, bạn câu ngồi lọt thỏm trong thúng chai chao nghiêng..

Hắn xé tất cả giấy tờ, bộ hồ sơ " thấm đẫm mồ hôi " để xin sổ lương thực, và kiếm sống bằng nghề "mót cá" ở Cồn Chà. Một hôm, hắn gặp Lão Đại:

- Ê..chú em !

- Dạ..

- Muốn đi câu mực không ?

- Dạ.. câu mực ?

- Như câu cá vậy thôi …

Từ đó hắn trở thành bạn câu mực tổ Lão Đại. Hắn chăm chỉ, biết chút ít về máy nổ nên được phân

công "máy nổ ". Lúc không đứng máy, hắn xung phong nhận thùng bơi câu như mọi người. Người Đảng viên Tổ trưởng là người tốt bụng, hòa đồng, mọi người đều thương mến. Một hôm..

- Này..

- Dạ..

- Vợ bệnh.. khó khăn lắm phải không ?

- Dạ..máu và nước mắt cứ chảy ra hoài.

- Không còn thấy gì à ?

- Dạ..chẳng còn thấy gì..

Người Tổ Trưởng yên lặng một lúc:

- Đã vào bệnh viện chưa ?

Hắn có vẻ ngập ngừng :

- Đã đi bệnh viện thị xã nhiều lần, họ nói phải vào Chợ Rẫy, ở đây "bó tay".

Vẻ thất vọng, hắn nói nhỏ :

- Chỉ mong nó đừng nhức nhối thôi.

Từ đó, mỗi chuyến đi biển, hắn được bạn câu và chính người Đảng-Viên tổ trưởng, bằng cách này hay cách khác, trao cho hắn lúc thì mực, lúc thì cá…hắn dành dụm để đưa vợ vào Chợ Rẫy.

Hắn vịn hông ghe, chàng trai phụ hắn chuyển mực nang câu được lên ghe, xong, hắn lại bơi đi. Biển yên, sóng lặng, mỗi lần kéo, lưỡi rường dính ít cũng một con.. Thúng chai về đổ hàng, rồi lại ra đi.. suốt đêm.

Hừng sáng hôm sau, tất cả lao vào xẻ mực phơi, ăn sáng rồi lăn kềnh ra ngủ …riêng hắn thì ngồi dùng dao nhỏ, gọt tỉa nang mực thanh hình chim, thú.. và đàn bà...Những lúc rãnh việc, bạn câu túm tụm xem tác phẩm của hắn, ai cũng khen đẹp.

- Tao ước có con vợ giống cái hình này…. Chàng trai nói.

- Thằng này thích vú bự, còn tao, tao thích đít bự hơn.

Lão Đại cười hềnh hệch:

- Tao.. tao thích cả hai.

Một bạn câu đề nghị hắn "đẽo" hình Phật, người khác hình Chúa.., người khác nữa thì xin "một em- rổi cá- tóc dài".. ít ai nói đến những con thỏ mà hắn khắc trên nang mực, dù rất đẹp, những lúc như thế, thật vui. Hắn xao xuyến….hình Phật..hình Chúa… hắn đã thử khắc, rất sinh động và đẹp.. nhưng hắn biết chắc chắn một điều là hắn không được phép thực hiện, anh đảng viên tổ trưởng nói "cấm ", và hắn chấp hành.

Sau 7 đêm câu, trúng đậm, cả tổ đều vui, Lão Đại nốc một ly đầy rượu đế, cười khà khà..

- Đạt chỉ tiêu.. chỉ tiêu..

Lão ngập ngừng, rồi trổi giọng :

- Xã Hội Chủ Nghĩa..

Anh Tổ trưởng cười :

- Phát ngôn không chuẩn rồi, Lão Đại ơi.

- Nhưng thế nào cũng đạt..đạt…

Lão lại ngập ngừng..rồi thở khì….

- Tiên Tiến…

Từ ngày giải phóng lão nghe nhiều tiếng, nhiều câu..lạ quá, lão nhớ, nhưng hiểu lờ mờ.

Lão đâu có học hành gì, lão nghĩ có nghề biển là đủ rồi..

Theo đúng lịch, xã viên HTX đứng chờ trên bãi Cồn Chà, Lão Đại vào quán uống rượu, bạn câu giao mực, anh tổ trưởng ghi ghi chép chép, thoáng chốc.. ghe mực nang không còn con nào, còn chăng là đống nang mực ngổn ngang ở giữa ghe. Người khác đã mang mực một nắng của tổ câu đi đâu đó, và có đem ra chợ bán hay không thì lão không biết, đi câu về là giao hết cho HTX, còn sau đó, tất cả đều không biết hoặc không muốn biết. Lão Đại đứng dậy, nhổ phẹt, rồi lững thững bước đi, những lúc như thế này, lão lặng thinh, không nói gì, lão buồn.

6. *Hắn nhớ lời khuyên của anh Tổ trưởng -người Đảng viên du kích khu Lê -rằng phải đưa vợ vô Chợ Rẫy. Bạn câu, Lão Đại cũng nói như vậy. Người ở Cồn Chà nói : nếu đem được 1kg mực khô vào Sài Gòn bán, tiền đó đủ sống một tuần..mực giá cao ngút trời. Hắn nghĩ đến số mực mà bạn*

câu cho hắn, hắn phơi quanh nấm mồ, giờ đã khô, những con mực nang..

- Anh à.

Tiếng gọi vọng ra từ trong nắm mồ, nghe mơ hồ như tiếng sương rơi, hắn nhỏ giọng :

- Ngủ đi em.

- Em.. em không ngủ được.

Yên lặng, như mọi đêm, hắn đứng bất động, nhìn về cõi xa xăm.

- Anh à.. anh đang nhìn về Tam Giác phải không ?

- Phải.

- Hàm Chính..

- Nơi đứa em tội nghiệp....

- Hôm đó còn..Tết anh nhỉ.

- 17 tháng giêng..

Trước Tết, Tây càn, đốt căn chòi lá, gia đình hắn phải khoét cái lổ trong bụi Dúi ở tạm, Tết cũng dần trôi, buổi chiều, có tiếng gió xoáy, ầm.. móc chê từ đồn Bình Lâm câu vào, rơi sát bụi cây, giết chết em hắn, lúc đó em mới lên 5.

- Anh này.

Yên lặng..

- Em nhớ quá...trước khi tắt thở.. em cứ thút thít hoài.

Hắn đứng trợn mắt, tay chỉ đồn Bình Lâm, hắn thề sẽ giết Tây trả thù cho đứa em trai tội nghiệp của hắn, hắn không muốn hòa bình, phải chờ hắn lớn lên giết Tây..

- Anh đâu rồi ?

- Anh đây.

Hình như người đàn bà biết hắn đang khóc, nên ân hận :

- Em.. em.. xin lỗi anh

- Em gắng ngủ đi.

- Dạ.

Hắn nhìn, nhưng đâu thấy gì, nước mắt, sương mù.. đã che kín..nhưng trong lòng hắn thì không gì che kín được dĩ vãng, Rẫy Nổ, Rừng Già, Rừng Tròn, Đá Bà.. cả khu Lê.. nơi rơi rớt tuổi ấu thơ, nơi dạy hắn khóc và căm thù.

Phải vô Chợ Rẫy để máu và nước mắt không còn rỉ ra trong hai hố mắt u tối, để không còn tiếng rên mà nàng cố nuốt trong lòng ngực, phải giải thoát nàng ra khỏi đọa đày của kiếp người.. một ký mực.. đem vô được Sài Gòn..

Lúc ở bãi Côn Chà, Hắn nói với chàng trai :

- Chú em..cho anh mượn chiếc xe đạp.

- Anh..

- Anh đi đây một chút.

Chàng trai đồng ý :

- Anh ghé em.

Hắn ghé nhà chàng trai, mượn chiếc xe đạp, và đạp về nghĩa địa.

- Em ngủ chưa ?

- Dạ..em ngủ không được..

- Mai..mai..anh..

- Anh đi đâu à ?

- Không.. có thể chuyến ra khơi lần này..lâu.. dài hơn mọi khi.

- Anh an tâm..em tự lo được mà.

Ngừng một chút, nàng nói :

- Anh à..sao em thấy nao nao trong lòng.

Hắn chui vô mồ, hắn ôm người đàn bà, và thì thầm...anh sẽ đưa em vào Chợ Rẫy.. Đêm choàng lên nấm mồ, tiếng nỉ non như vọng lại từ kiếp nào.

Nửa khuya hắn trở dậy, bắt đầu cuộc hành trình bằng xe đạp, đi Sài Gòn, hắn đạp chăm chỉ, vượt qua Ngã Hai, Ngã ba Hàm Tân...Dọc đường hắn thấy Quản Lý thị trường chận xe đò soát tìm dân buôn lậu đem mực vào Saigon, pháp luật cấm, hàng hóa là của nhà nước, phải thông qua HTX mới đến tay người tiêu dùng, như vậy là phạm pháp...Lúc nghỉ mệt, hắn nghe :

- Họ bắt cổi quần.

- Sao lại bắt cổi quần ?

- Dân buôn bó mực trong háng.

- Úi trời.. bó trong háng !

- Chứ sao.

Một đám người, đủ thành phần, ngồi trong cái quán xép bên đường.

- Chưa kể..

- Sao..?

- Mày thấy cái nón cối có ngôi sao vàng không ?

- Ai lại không thấy, tao, tao còn có một cái ở nhà.

- Mực được xé ra..nhét vào..rồi úp lên đầu..

- Cả đôi dép râu.. cũng độn.

- Thoát không ?

- Dễ gì..họ tưởng cái ngôi sao vàng trên nón, đôi dép râu dưới chân..là thần hộ mạng... nhưng vẫn bị lật tẩy như thường.., quản lý thị trường là người-hơn ai hết- biết mọi mánh khóe con buôn, họ cũng đội nón, mang dép.. y chang như vậy mà. Họ hóa trang thành người "cách mạng" để qua mặt..đâu có dễ.

Hắn chột dạ, hắn cũng y bon như dân độn mực, hắn cũng đội nón cối có ngôi sao vàng, hắn cũng mang dép râu...Hắn nuốt ực nước miếng, lên xe, tiếp tục đạp.

Đến xế chiều thì hắn đến ngã Ba Xuân Lộc, người ướt đẫm mồ hôi, hắn ghé vào một quán nước, gọi một ly trà đá.. Hắn nói nhỏ …Anh sẽ đưa em vào Chợ Rẫy..

- Anh kia !

Hắn quay lại, người đàn ông lạ, tóc hoa râm, chỉ cái xe đạp:

- Xe xẹp lép rồi kìa.

Cái bánh trước " xẹp lép " thật.

- Đi đâu mà ướt nhẹp vậy ?

- Dạ..cháu đi Sài Gòn..

- Ở đâu ?

- Dạ, ở PT.

- Quỉ thần ơi, PT-Sài Gòn mà đi bằng xe đạp.. khùng chắc.

- Dạ..

- Xe đò bây giờ rẻ rề mà..

- Dạ..rẻ rề, nhưng..nhưng..

- Không nhưng nhị gì cả..tôi vá giùm..không lấy tiền..

Người đàn ông tốt bụng vá xe giùm hắn, chiếc xe xẹp ngay chỗ "bơm vá" bên đường. Hắn cảm ơn và lên xe, trời chiều, qua cánh rừng cao su Long Khánh, những chuyến xe đò xuôi ngược Bắc Nam, chạy qua vù vù, hắn cố đạp, và thở.. qua Hố Nai, đến Biên Hòa …Hắn đến bến xe Miền Đông thì thành phố đã lên đèn, hắn ngỡ ngàng, xe và người ở đâu đông quá thế này, những tiếng động nổi lên quanh hắn, không ngừng, dường như..có tiếng nổ, như tiếng nổ ngày nào giết em hắn.. hắn như chìm vào hư vô.

7. Người công an, mang quân hàm đại úy cầm trên tay 6 con mực nang, đã phơi khô, nói với chị nuôi.

- Chị làm như mọi khi.

- Em làm mồi..ai cũng chê

Đại úy sời lởi

- Tui không chê là được.

- Dạ..

- 9 giờ sáng mai.. nhậu. Nhớ làm cho tươm tất, có sếp nữa đấy.

- Dạ

Đại úy móc bóp đưa tiền.

- Mua gia vị..nhớ.."bắt mồi " đấy nhé.

- Em nhớ rồi.

Đại úy quay lên phòng :

- Mồi có, mày lo rượu.

Gã Trung úy nói :

- Rượu.. rượu..

- Ararat.. loại nào cũng được.

- Mà..

- Ông nội..lấy quỹ đen mà chi...

Gã trung úy nhẹ cả người, từ phòng xuống bãi lấy xe, gã huýt gió, mực nang loại hiếm, rượu Ararat, quỹ đen, gã hát nhỏ.. cuộc đời vẫn..đẹp sao.

Đúng chín giờ sáng Chủ Nhật, thành viên của phòng cảnh sát giao thông đường bộ, có mặt đông đủ, kể cả thiếu tá trưởng phòng. Trên bàn có 3 chai Ararat, thượng hạng, 4 dĩa mực khô được chế biến hai món nhậu 'bắt mồi ".

Trưởng phòng gắp một đũa mực :

- Ở đâu mà hấp dẫn thế này ?

- Dạ..hôm thứ ba tuần rồi có tai nạn giao thông..

- Tai nạn..thì liên quan gì đến mực ..

- Dạ..người đàn ông bị xe bus cán.. kiểm tra giấy tờ tùy thân..có..

- Có mực à ?

- Dạ phải..có mực.

Ông phó phòng như đợi nhậu, nóng ruột, cướp lời:

- Anh em phát hiện, nạn nhân bó 6 con mực bó kín trong… háng.

- Trời đất !

- Nếu lọt..hắn kiếm khẳm tiền..

Đó là chuyện nhỏ, để kiếm sống, người ta phải làm nhiều kiểu, nhiều cách, chuyện như vậy không làm mất vui cuộc nhậu. Để an lòng trưởng phòng, một người nói :

- Tụi em lấy an côn rửa rất sạch.

Trưởng phòng thở dài :

- Dân buôn lậu..thì đủ mánh khóe..

- Nhưng không bao giờ qua được tai mắt …

- Thôi.. nhậu.. tất cả nâng ly.. một...hai...ba... dzô !

Tiếng "dzô" kéo dài, như mãi nghìn trùng, đũa khua, rượu rót.. những khuôn mặt sảng khoái, những cái miệng "rượu vô lời ra." nổ vang trời. Cuộc vui, vui thật là vui, ai trong bảy đồng chí mình của phòng cảnh sát giao thông đường bộ.. cũng hể hả...

Giữa tuần rượu, ngà ngà say, tiếng lựa nhựa :

- Ờ ờ..

- Cái gì ờ ờ thằng quỷ sứ ?

- Tao nói cái thằng bó mực..trong háng.

- Nó ngủm cù tỏi rồi nói làm chi.

- Nó.. nó…

- Nó làm sao..?

- Nó có giấy chứng nhận là chiến sĩ cách mạng.. bị thương trận Ruông Muối cửa ngỏ vào thành phố PT hôm 17 tháng 4.

- Kệ cha nó.. nhậu.. dzô..100% dzô !

Có thể rượu làm người ta không nhớ được điều gì.. kể cả đồng đội cùng chết sống bên nhau một thời.

Chú công an gác cổng, hỏi :

- Bà..có việc gì ?

- Tôi đến đây để nhận xác.

- Nhận xác ?

- Đúng..nhận xác.

- Hôm nay là Chủ Nhật, cơ quan không làm việc, bà..

Người đàn bà ngắt lời, đanh thép :

- Người chết không có Chủ nhật.

- Bà nhận xác ai ? sao biết ở đây ?

- Báo công an đăng thông báo "ai là thân nhân của…"

- Tôi biết rồi.. bà ở đây tôi đi hỏi.xếp đã.

- Đi đi..tôi chờ.

Khi được người gác cổng báo cáo, bảy đồng chí đang nhậu đều nhìn ra khoảng sân phía trước, họ thấy một người ốm như que củi, hai con mắt bị khoét sâu thành hai lỗ như khu chén, đen ngòm, đó là bộ xương, hay một oan hồn chứ không thể là người..Bộ xương đưa cây gậy cầm nơi tay, chỉ thẳng vào bàn nhậu.

- Tôi đi nhận xác..chồng tôi.

Tiếng nói phát ra, to, rõ và đầy uy lực, không phải âm thanh của một bộ xương, mà là của bao nhiêu linh hồn đã nằm xuống trên quê hương này cộng lại, tiếng thét đòi nợ cuộc đời.

Người ta dẫn người đàn bà mù cả đôi mắt, sau khi nói tên họ người chồng trùng với biên bản đã lập, vòng ra phía sau, ở đó có phòng để xác. Họ mở cửa, xác chết được bó sơ sài trong bịch ny lon. Người đàn bà dừng lại, như lắng nghe, như tìm cái gì quen thuộc phảng phất trong không khí, rồi đưa tay sờ lên mặt xác chết, chạm vết sẹo nhỏ.. Người ta thấy bà mím chặt môi, hai lỗ đen trên khuôn mặt bỗng có máu đỏ trào ra…Bà đã nhận ra, đó là chồng bà, người đã vì muốn cứu bà, muốn đưa bà vào Chợ Rẫy phải bó mực khô trong …háng..

Khuôn mặt bà đanh lại:

- Cho tôi gặp người có trách nhiệm cao nhất ở đây.

Ông trưởng phòng :

- Tôi đây..

Người đàn bà lấy một gói bọc nhựa từ lưng quần :

- Tôi gởi ông cái này.

- Gởi tôi..

- Phải..tôi gởi ông và nhờ ông trả lại những thứ mà giờ đây đã trở thành vô nghĩa đối với tôi, cho dù để có nó tôi phải đổi cả cuộc đời.. Tôi xin trả lại cho..

Người đàn bà quơ gậy, ngã nhào lên xác chồng và tắt thở.

8.

Trong cái bọc nhựa của người đàn bà chứa toàn giấy cũ đã ngã vàng.. giấy chiến công, giấy phong tặng, giấy chứng nhận huy và huân chương và tấm thẻ Đảng có dấu đạn xé qua.. Người thiếu tá trưởng phòng bất ngờ nhận ra một điều kinh khủng : người đàn bà là đồng đội, người đã che khuất lực sát thương của trái mìn cóc năm nào…cứu gã./

Saigon ,những ngày u buồn12/2012.
trong : Thời Quá Độ

CHU TRẦM NGUYÊN MINH

LỤC BÁT TƯỜNG VI

thơ

HỒNG VINH

Bao năm
một đóa tường vi
vẫn còn
tươi nét xuân thì
đến nay
hương tình
thắm đượm bao ngày
suối khô
nguồn cạn
còn đầy nhớ thương.

HỒNG VINH

CĂN NHÀ Ở PHỐ

truyện ngắn

NAM NINH

Từ hôm có chú em ở bộ đội về phục viên, mọi sinh hoạt trong gia đình có nhiều thay đổi, cách bài trí bị đảo lộn. Chỗ cửa sổ trước đây kê bàn làm việc của vợ chồng Liên trên cửa thay bức rèm là hai dò phong lan rủ xuống những những sợi màu xanh mềm mại. Bây giờ kê vào đó là một cái giường cá nhân, còn phong lan thì chú em để sau nhà. "Cái của này ấy mà - chú nói - chỉ làm lá ngụy trang là tốt". Gian bên cạnh kê một cái giường đôi của vợ chồng Liên, giường "mô đéc" kiểu Đức. Nó cũng là một thứ trang sức trong nhà, vì thế tấm màn gió ít khi được kéo che kín. Nhưng bây giờ không chỉ dùng màn gió. Chính - chồng Liên - đã mang về một tấm bình phong to uỵch, trông thô hết chỗ, cốt để che kín cái giường. Duy chỉ có giường mẹ vẫn đặt ở buồng trong. Đã từ lâu mẹ mệt, có hôm không ra phòng ngoài kể cả những khi có khách.

Đó là mẹ chồng Liên, bà ở góa từ năm ba mươi lăm tuổi, đằng đẵng nuôi con đến bây giờ. Người đàn bà luống tuổi ấy đã sống những ngày chờ đợi, vì thế trông bà đầy vẻ ưu tư nhưng đôi lúc có pha thêm cả một chút kiêu hãnh nữa. Bà rất hài lòng với người con dâu đầu, vừa chu đáo, vừa nền nã, mặc dù đôi khi Liên khá tỉa tót, từ lọ hoa trên bàn được cắm những bông hoa lúc nào cũng chúm chím nở, đến tấm đăng ten móc tay rất cầu kỳ treo ở buồng mẹ... Chị làm ở phân viện thiết kế mỏ. Còn Chính - chồng chị - chỉ huy phó công trường xây lắp Bình Khê. Anh có phần vụng về trong thẩm mỹ, nhưng rất chặt chẽ trong nhận thức, kể cả những lo toan riêng tư. Họ sống với nhau lặng lẽ ít thấy điều ra tiếng vào. Hàng xóm nhiều người cho rằng đây là một gia đình hạnh phúc. Căn nhà của họ mọi thứ đều vừa phải, ngăn nắp. Nhà còn rộng, nhưng họ không kê nhiều giường, chỉ khi nào có khách mới đặt thêm cái giường bạt, vì lẽ trước đây nhà ít khách ngủ qua đêm.

Nhưng từ khi có chú em về, bạn bè hàng phố cà kê, có hôm trải cả chiếu xuống đất mà ngủ. Liên vốn là người gọn ghẽ, chị thích đặt từ cái gạt tàn thuốc lá, lọ hoa đến cái phích nước, nhất nhất cứ phải theo ý chủ. Nhà cửa lúc nào cũng sạch bóng. Nhưng từ hôm chú em về, chỗ nào cũng thấy tàn thuốc lá. Đã là mùi thuốc lá thì chị không tài nào chịu nổi, mùi khét của nó cứ xộc vào mũi, vào miệng rồi lộng lên óc. Vì thế, một hôm thấy chú em bảo:

- Đến phải bỏ cái của này, tốn lắm bà chị ạ.

Chị mừng đến nỗi suýt reo lên. Cố nhiên chị phải tìm mọi cách động viên chú em bỏ thuốc. Thế là chú bỏ thật. Chị thấy nhà thoáng ra, nhẹ nhõm. Ai ngờ, hai hôm sau chú xách về một cái điếu cày. Chú bảo, đấy là "khẩu súng chống tăng", đã thế, nó lại đựng trong cái thùng sắt tây han gỉ, đáy thùng toàn bã điếu với những mẩu đóm vụn, khai mù. Mỗi lần chú đặt cái "khẩu súng chống tăng" ấy lệch ở bên mép rít một hơi, cái điếu rung lên sòng sọc, mắt lim dim chú ngả tấm lưng to như cánh phản đánh "rắc" một cái xuống thành ghế xa lông. Một đụn khói hình nấm tản ra nồng nặc. Đến lúc này Liên lại mong chú em cứ hút thuốc lá như ngày trước.

Lúc rỗi chú nằm trên chiếc giường con, vắt chân chữ ngũ, ngoe nguẩy theo nhịp bài hát tiếng tây, những bài chú hát thì luôn luôn sai điệu nhạc. Mắt chú lơ đãng nhìn qua cửa sổ rộng thoáng vì đã mất hai dò phong lan, thấy dây phơi toàn những thứ của phụ nữ trắng toát, chú khụt khịt mũi:

- Cái của này ấy mà - chú nói - ở mặt trận thì đến B.52 cũng phát hiện ra chứ không cần đến cái anh "cán gáo".

Liên đỏ cả mặt. Buổi tối chị lẳng lặng chuyển nó vào đầu hồi nhà bếp.

Lần đầu tiên chị mới được tiếp xúc với chú em. Trước đây chị chỉ biết trong nhà còn một người con trai nữa qua chồng chị, qua tấm "bảng gia đình vẻ vang" với cái tên Lương Văn Nghĩa. Rồi mẹ chồng chị khắc họa thêm, hai năm về nhà chồng chị thấy ít khi mẹ chồng không nhắc đến chú. Với tình thương bao la của mẹ, đứa em đã hiện lên trong tưởng tượng của Liên, nó đẹp giai, nó hiền từ và sâu sắc biết mấy. Mẹ nói: "Nhẽ ra cái chân bộ đội này là của thằng Chính chứ thằng Nghĩa

chưa đủ tuổi đâu, là vì nó xung phong, nó lý sự anh Chính sắp hết lớp mười phải để anh ấy học hết. Con còn đang bơi cái lớp chín chưa xong - Bà mỉm cười - mẹ bố nó, nó nói nghe cũng phải, nó bảo: "Theo con, được người nào mẹ cứ giải quyết xong người ấy". Bao giờ nói về Nghĩa, mẹ cũng sôi nổi như vậy. Kể về hôm tiễn con lên đường mẹ nói: Hôm tiễn nó đi mẹ khóc, vậy mà nhìn thấy con bé đạp xe đi qua nó gọi: "Này em gái có tiễn anh không? ... Xinh gớm mẹ nhỉ?". Làm mẹ phát phì cười.

Anh Chính nói về em lại khác. Anh bảo: "Cái thằng ấy nó nghĩ nông choèn choẹt". Chị hỏi: "Có phải chú ấy đi bộ đội thay mình không?". Chính dài giọng: "Nó ... thích thì nhường nó".

Dù sao chị cũng thấy mến chú em. Nhìn tấm bảng "gia đình vẻ vang" chị thấy kiêu hãnh. Có phải mình chị đâu, cả anh Chính nữa.

Hồi mới về nước, anh đã lục nó từ trong cái hòm của mẹ, mẹ gói rất kỹ, anh bảo: "Phải treo nó lên, nhà mình có kém cạnh gì ai mà không treo nó lên hả mẹ?". ở đất nước ta nó kỳ lạ như vậy đấy, cho dù tờ giấy màu đỏ ấy có mặt ở khắp các gia đình, nhưng một gia đình nào đó thử thiếu nó xem, anh sẽ tự thấy trong lòng mình nó canh cánh, nó ngượng ngập. Dù cho là gia đình ấy mới xây dựng với nhau, họ cũng có đủ lý do để giải thích, tờ giấy màu đỏ, chữ vàng ấy đang để ở nơi bố mẹ ở quê hương. Vì đó là nghĩa vụ của chúng ta, nghĩa vụ dân tộc. Tuy nhiên cũng có kẻ chỉ biết phô trương điều đó.

Với Liên, chị nghĩ sâu hơn: Nếu Chính đi bộ đội thì sự thể sẽ như thế nào, anh có được gửi đi học ở Liên Xô? Anh có thành chỉ huy phó?... và điều này chắc chắn hơn, họ sẽ không quen nhau ở Lêningrát, không yêu nhau, không kết vợ chồng... Cứ suy diễn như vậy, nó vô cùng vô tận. Hãy giải thích với nhau thôi vì đấy là cuộc sống, cuộc sống nó xảy ra như vậy.

Rồi một hôm, vào buổi tối, bỗng có một người cao, to, lừng lững như che lấp cái cửa chính, cười khà khà:

- Xin chào cả nhà.

Chính ngỡ ngàng rồi sửng sốt reo lên:

- Thằng Nghĩa, thằng Nghĩa nó về mẹ ơi.

Liên vừa lúng túng vừa ngượng ngập, chị nói khẽ:

- Chú Nghĩa!

Khỏi phải nói sự mừng rỡ của cả nhà hôm ấy là như thế nào, nhất là mẹ, mẹ khóc. Nghĩa quẳng cái ba lô dúm dó xuống đất quàng cánh tay lực lưỡng ôm lấy mẹ. Chú rẽ ra từng sợi tóc bạc như sương trên đầu mẹ, giọng chú nghèn nghẹn:

- Mẹ ơi, tóc mẹ bạc hết rồi!

Chính lấy khăn đập vào bộ quần áo nhàu nát của chú, anh ngắm nghía chú hồi lâu, tấm tắc khen chú lớn, to ra. Anh hỏi:

- Mày ở đâu về?

- Căm pốt.

- Đi bao nhiêu ngày?

Chú chỉ vào tai bảo:

- Cái tai này một ngày có khoảng nửa giờ nghễnh ngãng, nên phải nói to to một chút.

Anh Chính ghé sát tai chú:

- Đi bao nhiêu ngày?

- Một tháng, đi theo đơn vị mà.

Anh xăm xắn hỏi chú về cái đất nước Căm puchia đau thương. Thỉnh thoảng chú lại nghệt mặt ra nghe để anh hỏi lại, chú bảo:

- Nó giết người như ngoé, xác chết như rạ, mà rất vô tổ chức, không có mồ mả như ở ta.

Mẹ vẫn rờ khắp người con, mẹ hỏi xem chú có bị thương không rồi lại khóc. Liên bỗng thấy mình thừa, chị đâm lúng túng, mãi đến lúc chị hỏi xem chú đã ăn uống gì chưa, thì Chính mới giới thiệu:

- Chị dâu mày đấy!

Nghĩa ngắm bà chị từ đầu đến chân, cặp mặt nheo nghẹo, cái đầu gật gù, rồi bỗng chú lúng túng:

- Em ... em chào chị nhé.

Sáng hôm sau, Nghĩa mới nhìn khắp nhà, nhận xét:

- Khang trang gớm.

Chính kể cho chú nghe về công việc vất vả hồi chạy vật tư, vật liệu sửa nhà.

- Đấy, ở nước ngoài được ít của, anh bán cả đi, dồn vào sửa cái nhà này - Chính nói - Vì thế bây giờ nhà mình cũng túng.

Chú đăm chiêu một lúc rồi chỉ vào góc nhà:

- Cái đài kia của ai?

- Thằng khỉ, không của nhà thì là của ai?

- Cái máy khâu kia của ai?

- Con khỉ?

Nghĩa lại ngó trước ngó sau, gật gù tấm tắc rồi quay lại bảo Liên:

- Bà chị ạ, thằng em cũng đi nước ngoài về đấy chứ?

Mẹ mủm mỉm cười âu yếm:

- Với mày, anh chị chỉ mong vác được cái xác về thôi con ạ. ở nhà được một lúc, chú mất biến, làm cả nhà mong, nhưng mãi chiều hôm sau mới thấy chú khật khưỡng đi về. Thấy ông anh cáu, Nghĩa cười hì hì, giải thích:

- Qua nhà cu Chí, nó gọi vào chơi, cho uống rượu, thế là ngủ béng đi mất.

- Thế từ sáng tới giờ mày ở đâu?

Nghe không ra, chú lại nói:

- ở Cămpuchia khoái nhất là uống nước thốt nốt ngâm chua, chết lịm.

Anh Chính phải ghé sát vào lỗ tai chú:

- Từ sáng tới giờ, mày ở đâu?

- Từ nhà cu Chí nó kéo sang nhà thằng Ngân, từ nhà thằng Ngân sang nhà thằng Tộ (nhà thằng Tộ xây đẹp anh nhỉ). Từ nhà thằng Tộ sang nhà thằng Sơn, gặp nó đang bốc gạch, bèn giúp một tay. Lính chiến gặp nhau cũng khoái.

Nghĩa hay đi chơi về khuya, đi suốt, hôm ngủ ở nhà, hôm ngủ nhà bạn. Có lần thấy cái giường con đặt cạnh cửa sổ vẫn bỏ không, Chính tắt đèn to và bật đèn ngủ và ... bật từng cái cúc áo của vợ thì bất ngờ nghe tiếng khịt mũi của chú em. Liên vội vàng kéo chăn trùm kín mặt. Hôm sau Chính mang về chiếc "li dô" bào vội trông như là chiếc liếp, che giữa cái giường đôi với gian ngoài. Từ đấy vợ chồng Liên có gì to nhỏ đều phải mang vào trong "buồng".

Chính rất chiều vợ, anh thích chiều lộ liễu. Anh không thích vợ mang nặng, nhất là từ hồi chị có mang, dù là bê chậu nước. Anh không thích vợ phải suy nghĩ, lo toan. Anh thích đi xem cùng với vợ, tất nhiên Liên phải xứng với mong muốn của anh. Nhưng từ hồi chú em về, chị thấy ngại. Từ những lời nói âu yếm trước đây họ vẫn thường nói với nhau, bây giờ chị thấy nó ngường ngượng thế nào ấy, dù chỉ là việc ra đón anh khi anh đi làm về muộn. Treo cái áo giúp anh. Múc giúp anh chậu nước, chị cũng ngại.

Một hôm, thấy anh khoắn khỏa hơn mọi ngày, tự anh mang tách chén đánh rửa, anh kỳ cọ bàn ghế, thỉnh thoảng lại hỏi Nghĩa:

- Tối nay mày làm gì? Chú bảo chẳng biết làm gì cả.

- Tối nay mày ở nhà hay đi chơi?

- ở nhà. Hình như bọn nó hẹn đến chơi.

Chính thở dài lẩm nhẩm:

- ở nhà... khỉ thật!

Anh bảo vợ thu dọn nhà cửa vào cho gọn, rồi nói nhỏ.

- Mình ra mua cho anh một gói chè ngon, thật ngon đấy, với một gói thuốc.

Buổi tối, một xe ô tô xịt khói đỗ sịch trước cửa. Một người béo phục phịch bước vào. Chính vồn vã nắm tay ông ta trịnh trọng giới thiệu với cả nhà, đấy là ông giám đốc công ty xây dựng, thủ trưởng cơ quan anh. Anh vừa nói chuyện với giám đốc vừa đưa mắt dò xét chú em. Có lẽ anh sợ chú làm điều gì không tiện mắt. Khi giám đốc hỏi chú em, anh đon đả đỡ lời:

- Em nó chiến đấu mười năm ở trong nam, rồi ở Cămpuchia dũng cảm lắm đấy thủ trưởng ạ.

Còn chú em thì nâng "khẩu súng chống tăng" lên, để lệch vào một bên mép. Vợ chồng Liên run lên chờ cụm khói hình nấm sắp phả vào mặt thủ tưởng, thì bỗng dưng chú từ từ hạ điếu xuống bỏ vào cái thùng sắt tây han gỉ, chú bê vào buồng mẹ. Chú xin phép giám đốc ra ngoài. Chỉ nghe tiếng chú và mấy bạn ở ngoài sân nhưng họ không vào nhà. Nghĩa đã rủ bạn đi chơi.

Qua câu chuyện với thủ trưởng hôm ấy, chị được biết anh sắp được đề bạt làm chỉ huy trưởng. Vì thế, sáng hôm sau nét mặt Chính tươi như hoa. Mới chỉ có ba năm, từ một kỹ sư, anh sắp thành chỉ huy trưởng. Anh hất hàm hỏi chú em:

- Mười năm đi bộ đội, mày được cấp gì rồi hả Nghĩa?

Chú em rít một hơi thuốc lào, nhả ra cụm khói hình cầu trước mặt làm bà chị phải chạy vội ra ngoài, chú khịt khịt mũi:

- Cấp tá cũng được ấy chứ, như thằng cu Thảm, cả đơn vị chết sạch sành sanh, còn một mình cũng giữ chốt. Hoặc cấp uý như thằng cu Bài dẫn đầu một tiểu đội vượt qua ba lần bùng nhùng đánh thẳng vào Buôn Mê Thuột. Lúc sư đoàn tới nơi tiểu đội chỉ còn ba thằng. Tóm lại cứ ục khỏe vào là lên quan, dễ lắm, không phiền phức gì cả. Còn em .... hồi ấy người ta lại giao làm cấp dưỡng.

Nói đến ăn, chú thật là người khó hiểu. Cái gì chú cũng bảo có khối. "Bộ đội có khối".

- ở Căm pốt ấy mà, có hôm mất đường tiếp tế, đào được củ chuối ăn cũng gọi là sang, không cứ nằm dài ra mà phơi nắng, mà nắng ở bên ấy thì cháy da, cháy thịt.

Từ hôm chú em về, Liên bận thêm về cái tính thoải mái của chú. Chính lại không muốn chị bận như thế. Có lần chị vừa đánh rửa ấm chén xong, thì lại một lô bạn kéo vào, nói chuyện như phá, mà chuyện lính tráng thì dài vô tận. Vì thế lại một châu dọn nữa. Chị càng ôn hòa bao nhiêu thì vì thương vợ, anh càng bực dọc bất bình bấy nhiêu. Anh bảo vợ: "Mặc kệ nó, không hơi đâu mà lúc nào cũng dọn". Cũng vì thế mà anh đâm cáu kỉnh, cục cằn. Có hôm anh đùng đùng vào buồng trong cằn nhằn với mẹ:

- Mẹ đừng chiều nó như vậy, nó hư ra đấy.

Mấy bữa trước mẹ đã phấn khởi đi lại được nhưng rồi lại nằm bệt xuống giường. Mẹ rầu rĩ nói:

- Mẹ có chiều đâu, mẹ chỉ thương nó, mẹ chỉ mong các con yêu thương nhau thôi.

Liên thấy khó nghĩ quá. Chị tìm cách khuyên chồng hãy bỏ qua cái tính thoải mái của tuổi trẻ, thì Chính lại bảo thẳng với em.

- Mày lêu lổng vừa vừa thôi, thì giờ rỗi lấy sách ra mà học, mà đọc.

Nghĩa cười hề hề (dạo này chú bớt nghễnh ngãng hơn), chú bảo ông anh là chỉ chơi một tháng nữa thôi, tháng sau có việc sẽ đi làm. Nhưng tháng sau, rồi tháng sau nữa, chẳng thấy ở đâu người ta gọi. Bạn bè thì mỗi lúc một đông. Vì thương vợ, Chính buộc phải bảo thẳng với em:

- Chị mày có mang ba tháng rồi đấy.

Nghĩa ngồi vắt vẻo trên ghế xa lông, ra chiều tư lự chú nói:

- Sau này đặt tên cho cháu thì đặt cho nó vần vào một tý đấy nhá. Thí dụ:

Chính phải đi với trực, chính trực. Chính Chuyên, Chính Đáng, Chính Thể... còn Liên thì Liên Kết, Liên Thanh, Liên Miên, Liên Lụy...

Bà mẹ cũng phải phì cười:

- Nó giống đặc tính thày ngày xưa.

Hôm sau, Nghĩa ì ạch bê một tảng bê tông vào kê ở cạnh bể nước để chị bước lên bước xuống múc nước, chú bảo:

- Cái ông Chính chỉ thương vợ bằng mồm, chỗ này sảy chân một tý có phải gay không.

Nghĩa ít hút thuốc trước mặt chị hơn, hình như chú biết chị không chịu nổi mùi thuốc. Chị lại thấy thương thương chú em. Đàn bà vốn như vậy.

Một hôm đi chơi về, chú thấy nhà cửa khác đi, bàn ghế kê lại.

Cái giường con của chú đặt cạnh cửa sổ đã dịch sát vào mé trong, thay vào đó là cái bàn đọc sách của vợ chồng Chính. Trên bàn đặt một lọ hoa, bên cạnh xếp vuông vắn vài quyển sách kỹ thuật tiếng Nga bìa cứng. Cái thùng sắt tây han gỉ đựng ống điếu đã được thay bằng cái thùng đẹp hơn, lại sơn trắng, nhưng đã mang để vào buồng mẹ. Bàn uống nước được phủ vải hoa, trên bàn xòe ra những bông hoa dơn màu trắng, xen lẫn mấy bông hoa màu đỏ đầy vẻ tao nhã.

- Làm gì mà ác liệt thế này? - Chú hỏi.

Chính nói cho em biết, hôm nay là ngày sinh nhật của chị. Hồi học ở nước ngoài, năm nào anh chị cũng tổ chức như vậy. Nghĩa gật gù:

- Tây gớm.

Vì thế chị thấy ngượng. Mặc dù trước đó chị đã gàn chồng, không nên bày vẽ ra làm gì. Không biết chú ấy có thông cảm không. Nhưng anh gạt phắt:

- Thông cái gì, mình lạ nhỉ, sao phải thông cảm?

Bây giờ quả thật chị thấy ngại. Ngại quá đi. Đến nỗi chị không dám gặp mặt chú em mà đáng lẽ chị phải bảo chú từ sớm. Rồi biết đâu lát nữa bè bạn của chị đến chơi. Lại lù lù một cái ông to như hộ pháp hoặc không nói không rằng hoặc tương ra những câu đầy chất "lính tráng" thì tệ quá. Bạn bè Liên có mấy cô ở phân viện, mấy bạn ở phố trên. Gọi là ngày vui, bạn bè đến để khỏi quên

nhau, thế thôi, nhưng mà sao ngại quá.
Khi đã lên đèn, bạn bè lục tục kéo đến, Chính trịnh trọng trong bộ "com lê", và nếu như mọi năm, anh sẽ quàng vai chị, hôn lên đôi má ửng hồng của chị, nhưng hôm nay vì ngại chú em anh chỉ nói:

- Chúc mình tăng được một tuổi.

Anh đưa cho chị một tặng phẩm nhỏ như mọi năm. Nhưng khỉ quá, Liên cứ đỏ mặt lên. Bạn bè nói chuyện rôm rả. Hết chuyện phương Đông đến chuyện phương Tây. Cả những chuyện khôi hài về cái lạc hậu của mấy bà nông dân so sánh với các nước tiên tiến. Có mấy người toàn là nữ, nam có hai. Nhưng thoáng cái chị không thấy chú em đâu, giật mình, chị thấy mình có lỗi, chị đi vào buồng trong thấy Nghĩa ngồi thu lu ở giường mẹ, đầu gối quá tai, mặt đăm đăm suy nghĩ.

Liên lúng túng:

- Em... ra đi, ngày vui của chị, toàn là bạn rất thân của chị thôi mà.

Chú nhếch mép cười, rồi vươn vai, khom người qua cái cửa nhỏ. Mặt đỏ bừng bừng, chú chào mọi người, vẻ lúng túng. Liên cầm tay em giới thiệu:

- Em mình đấy, em mình ở bộ đội mới về.

Mấy cô bạn Liên vốn nghịch ngợm cũng đỏ mặt. Liên mời em điếu thuốc. Ngày vui duy nhất chị mua bao thuốc mời em. Chị nhìn Nghĩa, thấy chú ngồ ngộ làm sao. Chú vân vê điếu thuốc nói nhỏ:

- Em "ăn" thuốc lào quen, giờ hút thuốc lá nó nhạt thếch.

Mấy cô bạn bấm nhau cười. Bây giờ câu chuyện xoay quanh chú em. Mấy chị lớn tuổi bạo mồm bạo miệng, gán một cô trẻ măng với Nghĩa làm cô ta xị mặt xuống, còn Nghĩa thì vênh mặt lên. Họ hỏi Nghĩa ở bộ đội có tổ chức sinh nhật không. Chú nói:

- Cũng có mấy thằng nhà quê hay tổ chức sinh nhật. Nhưng chúng em chẳng cần hoa hoét gì cả. Vì ở rừng, chỗ nào mà chẳng có hoa. Em chỉ thích chúng nó sinh nhật thôi, vì sinh nhật thế nào chúng nó cũng xoay được thuốc.

- Thế em có tổ chức sinh nhật không? - Một chị lớn tuổi hỏi.

- Em ý à? Không, vì bao giờ em cũng hết thuốc trước chúng nó.

Lúc tan cuộc, cả nhà xúm vào thu dọn bàn ghế, cái giường con của chú lại được kê cạnh cửa sổ. Chị thấy chú cầm một nắm hoa dơn ngơ ngác nhìn trước nhìn sau. Chị nín thở chờ đợi số phận của mấy bông hoa mảnh mai ấy sắp bị quăng ra sau nhà, như hai dò phong lan dạo trước. Nhưng chú lại cắm vào cái lọ đẹp nhất. Cẩn thận đổ nước vào lọ, rồi tủm tỉm cười bảo chị:

- Cái này có khi còn tươi được mấy ngày nữa chị nhỉ?

Từ hôm ấy, chị thấy mến chú em hơn. Chị cẩn thận xếp lại cái áo hôm chú mải đi chơi còn để ở dây phơi. Chị thường giũ chiếu ở cái giường cá nhân hàng ngày khách ngồi. Vì thế Chính càng bực dọc: "Hết mẹ chiều, rồi đến cô - anh nói - Nó hư ra cũng phải".

Chị cũng có ý định, sau này có công ăn việc làm, chị sẽ tìm cho chú một đám thật vừa ý. Nhưng đùng một cái mấy hôm sau Nghĩa khoe:

- Em sắp lấy vợ rồi đấy bà chị ạ.

Chị sững người, chị không thể nào hình dung nổi một con người ngay chính bản thân mình cũng chưa có một cái gì nền nếp mà dám lập gia đình riêng, nhưng nhìn vẻ trầm tư của chú chị đâm ra lo lắng.

- Cô ấy làm ở đâu?

- Bộ đội, nhưng cũng sắp về rồi chị ạ, về là em cưới liền.

"Cưới". Nghe tiếng ấy, Liên phải phì cười, bởi vì cái tiếng ấy lại phát ra từ Nghĩa. Nhưng chú chìa cho chị xem một cái phong bì thư. Chị thấy người gửi là Thanh Nga. Hòm thư... rồi với vẻ đăm đăm, Nghĩa thở dài nói:

- Công việc của em vẫn chẳng thấy gì, thế là sắp hết bốn tháng rồi đấy.

Được dịp, Liên góp ý luôn:

- Chú nghĩ thế cũng phải, trước hết cứ phải lo liệu việc làm, rồi sau ổn định gia đình cũng chưa muộn chú ạ.

Liên mang chuyện ấy khoe chồng. Chính trợn tròn mắt:

- Cái thằng ba lăng nhăng, vợ con gì nó.

Chị thảo luận với chồng;

- Hay mình xin cho chú ấy vào xí nghiệp của mình đi.

Chính thừ người. Quả thực ban đầu Liên được biết anh cũng định bụng xin cho chú em vào xí

nghiệp xây lắp. Nhưng sau, thấy tính chú lông bông, anh ngại không biết có ảnh hưởng đến mình không. Bây giờ thật khó, anh sắp được đề bạt làm chỉ huy trưởng. Anh cảm thấy như mọi người nhìn anh có phần xét nét hơn. Có thể chỉ vì một việc của chú em, người ta lại xì xào cho là lợi dụng thì hỏng hết. Anh bèn nói lảng:

- Cũng chả có lớp gì cả, cứ để "ông" khu phố ông ấy xếp, biết đâu chẳng có cái lớp gì hay.

Thỉnh thoảng lại thấy chú lên ủy ban khu phố. Mỗi lần thấy cái dáng của chú thất thểu, áo khoác cầm tay, kéo rê gần chấm đất từ ủy ban về là chị biết không xong. "Thế là "sểnh" mất cái chân lái xe rồi". Chú nói. Chị an ủi: "Lái xe làm gì, hòn đất trên xe cũng còn biết nhảy". Lần khác chú phàn nàn "thế là sểnh mất cái chân kiến trúc". Chị lại an ủi: "Kiến trúc thì suốt ngày xa nhà, đi làm gì chú". Nhiều hôm chú lên cả Xuân Sơn chơi. Chú bảo chị:

- Ước gì được vào cơ khí Xuân Sơn, trên ấy vui lắm. ở tập thể lại có mấy thằng em quen.

Dạo này Nghĩa ít đi chơi, lên ủy ban về, chú lại nằm dài ở giường cá nhân, lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Một hôm, chú ngồi chống cằm bảo chị:

- Em nhớ mấy thằng lính tại ngũ quá, bà chị ơi.

Chị thấy một cái gì đó cứ đầy lên trong cổ. Chị cũng buồn như chú, nỗi buồn khó tả, phân vân, một lúc chị mới nói:

- Thế nào người ta cũng phải xếp việc cho chú chứ?

Nghĩa đứng bật dậy:

- Họ xếp chứ, sẽ có việc làm chứ. Nhưng chúng em về một lúc đông thế này, thì đến thủ trưởng anh Chính chắc gì đã giải quyết ngay được.

Trong gia đình đang tranh luận về việc lấy vợ của chú. Vì cho đến nay, dù có nghi ngờ như Chính thì một tháng đến ba lá thư của Thanh Nga gửi về cũng phải cho đó là chuyện có thực. Trong nhà có ba người thì ba ý kiến gần như khác nhau. Bà mẹ thì mừng, nỗi vui ấy đọc thấy trong đôi mắt màu khói của mẹ. Mẹ nói: "Nó đã hai mươi sáu tuổi đầu rồi, cho nó lấy vợ đi để mẹ còn được nhìn thấy..." Chính thì phản đối, anh không thích cậu em lấy vợ, trong khi chưa có một cái gì cơ bản. Liên cũng thế, song chị lại nghĩ: sự đã rồi có nói chỉ làm phiền lòng chú thôi. Đàn bà vốn hay nghĩ đến những chuyện cụ thể, chị nghĩ, hay bàn với chồng, bán cái đài đi để bù đắp cho chú cưới vợ. Nhưng cái đài thỉnh thoảng anh vẫn mở băng nhạc nhẹ ra nghe khi phải đọc sách căng thẳng. Hay bán cái máy khâu. Máy khâu chị thích để khâu vá, nó là một thứ rất gia đình đấy. Cuối cùng chị âu yếm nhìn cái nhẫn đeo trên ngón tay trắng mịn bảo chồng:

- Mình ạ hay ta bán cái nhẫn cưới này đi, để tổ chức gia đình cho chú Nghĩa.

Mắt Chính cau lại, anh ngồi lỳ một lúc lâu. Bỗng dưng Liên thấy như chính mình có lỗi. Cái nhẫn này thường áp vào môi anh, cái nhẫn này mang đầy kỷ niệm của những ngày hạnh phúc. Cái ngày qua chiếc khăn voan màu trắng, chị nhìn thấy anh sang trọng nâng đôi bàn tay mềm mại, mịn như nhung của chị, đeo vào đấy cái nhẫn vàng óng. Anh hôn lên nó, rồi hôn vào đôi môi mọng đỏ hạnh phúc. Bỗng chị thấy mình quá ư là thực dụng, và cuối cùng chị chỉ còn biết lặng lẽ nghe anh nói: "Cô ấy mà, rồi thì cô rút cả ruột đưa cho người khác".

Có một điều khiến chồng Liên buộc phải lo, Nghĩa lấy vợ rồi vợ chồng chú sẽ sống thế nào, ở đâu? Chỉ xếp một cái giường cá nhân kia cũng đã thấy bất tiện quá, lại còn vợ, rồi con, rồi đủ thứ...

Nhưng rồi bỗng một hôm Nghĩa hớn hở mang giấy báo về khoe chú đã được tuyển vào nhà máy cơ khí Xuân Sơn. Đúng theo ý chú, cả nhà mừng cho Nghĩa, mẹ ngồi hẳn dậy, đưa đôi tay khô khốc đấm vào lưng rồi nhón nhén đi ra ngoài. Đã lâu mẹ mới đi ra nhà ngoài như thế. Trông mẹ trẻ ra, mừng mừng, tủi tủi.

- Thế là mọi việc đến với tôi rồi - Nghĩa nói - có việc làm, sắp lấy vợ - chú tủm tỉm cười nhấp nháy đôi mắt vốn to và đen, tôi sắp có nhà riêng. Nhà riêng nghiêm chỉnh.

Chính trợn mắt:

- Mày kiếm nhà ở đâu?

- Thế này nhé - Nghĩa giải thích - đấy là cái tài ngoại giao của thằng em, nên đừng thấy em đi chơi mà chán, em đi làm quen đấy. Em ăn cánh với ông giám đốc cơ khí Xuân Sơn. Em trình bày với ông ta rằng em sắp lấy vợ. Ông ấy nói:

- "ừ thế thì mừng cho mày". Em hỏi: "Thủ trưởng có mừng thật không? Tao còn nói dối mày à? Thủ trưởng có ủng hộ không? Ông ấy giơ tay: ủng hộ chứ! "Thế thì tôi muốn xin một gian nhà tập thể có được không?" "Ông ấy ngần ngừ một lúc rồi nói "được chứ" nhưng ông ấy bảo rằng: "Trước mắt cứ phải vào ngay tập thể mà ở rồi từ đấy người ta mới xếp phòng riêng cho". Nhân

tiện có mấy thằng bạn quen của em cũng đang ở tập thể. Thế là em nghe ông ấy ngay.

Chính nín thở nghe chú em nói rồi bỗng thở phào một hơi, mặt đầy vẻ phấn chấn. Anh khen cái thằng ranh con thế mà khôn. Nhưng mẹ đến gần nhìn thẳng vào đôi mắt con, hỏi khẽ:

- Con lại đi hay sao, hả Nghĩa?

Nghĩa sợ đôi mắt màu tro đang long lanh ấy đọc thấy ruột gan mình, chú quay mặt đi, giải thích:

- Mẹ chẳng biết lo xa. Bây giờ kiếm được một gian nhà tập thể có phải dễ đâu mẹ. Bạc nghìn đấy.

Chính tán thưởng:

- Trả hỏa hồng vài ngàn là ít đấy, mẹ ạ.

Nghĩa gật gù nói thêm:

- Phòng ở lại sang, có khi còn chắc chắn hơn nhà mình, vì thế phải chớp lấy ngay mẹ ạ.

Mẹ vẫn nhìn Nghĩa trân trân, làm chú phát ngượng. Mẹ nói:

- Cái nhà này có từ thời ông nội, để cho bố của con rồi đến các con... nhưng dù cái mái nó không che nổi...

Nghĩa gạt đi, bảo mẹ là phong kiến. Rồi chú lại sượng sùng tán tỉnh:

- Mẹ biết không, thế là gia đình ta lại có hai căn nhà, đây một nhà, Xuân Sơn một nhà. Thế là nay mẹ ở trên này với vợ chồng anh chị, mai lên với chúng con. Thỉnh thoảng phải đi cho nó đỡ buồn chân mẹ ạ.

Liên thấy chú em có một cái gì đấy, một cái gì đấy mà chỉ có gần chú mới thấy rõ hơn.

Hôm nay trong lúc xếp quần áo cho chú chị thấy một phong thư mới gửi của Thanh Nga, nghi nghi ngờ ngờ, chị mang thẳng phong thư ấy vào buồng trong. Không do dự, chị bóc ra xem. Liên giật mình vì nét chữ cứng cáp đập vào mắt, chị run run đọc:

"Minh Nghĩa yêu quý. Mình lại nhận được thư của cậu. Cậu vẫn chưa xin được việc làm ư, chưa có việc làm ư? Cái tai của cậu dạo này có khá hơn không? Hôm qua, lúc sinh hoạt tiểu đội, có một cậu lính trẻ măng thành thực hỏi tớ rằng: cậu ấy luôn mang danh là một anh chàng lêu lổng. Nhiều người thành kiến, cậu ấy không hiểu có phấn đấu được không? Mình bèn kể về cậu. Mình kể cái hồi đánh Plâycu, đơn vị chết nhiều quá mà xe tăng địch vẫn bò lên từng đàn. Chỉ còn một B.40. Ai ở lại chặn địch? Một cánh tay giơ lên đầu tiên: cậu. Bọn mình đếm đến quả thứ 10 rồi thấy lịm đi. Đến đêm mới thấy cậu mò về. Hóa ra cậu vẫn sống. Một bên vai đã nát ra, vàng xám. Anh chàng bắn súng chống tăng số một có cái gì để bồi dưỡng lại cái tai chưa?".

Mắt Liên hoa lên. "Đâu, thế Thanh Nga đâu?"- " Thanh Nga của bạn vẫn thế, anh chàng ngạo mạn của cậu đứng trên chốt 1732 mắt nhìn về hướng Bắc, mang đầy lòng tin ở phía sau. Cậu có biết tớ tin gì không? Tớ tin rồi cậu sẽ có việc làm. Phải có việc làm chứ, vì cậu là anh bộ đội một nghìn phần trăm sự thật. Phải không?".

"à này, cậu vẫn không thích ở nhà anh chị cậu à, ừ, nếu đúng như vậy thì phải tìm cách mà đi thôi. Bọn mình vốn thế".

Liên bỗng kêu lên một tiếng.

"Vết thương ở vai của cậu dạo này có bị đau không? Nghĩa à, biên giới dạo này nhiều con gái lắm, xinh lắm mày ạ. Không như ở Căm pốt, bọn mình phải mang cái tên con gái cho nó đỡ khô đi. Nếu có thể vài hôm nữa tớ sẽ ngỏ lời với một em, thanh niên xông pha, nếu chấm theo thang điểm 5 thì tớ chấm điểm bốn cộng. Thằng Bích Hồng lấy vợ rồi đấy. Nghĩa biết tin chưa, Minh Nghĩa?..."

Chị gấp phong thư lại. Lặng lẽ bước ra phòng ngoài, nhìn lên tờ giấy màu đỏ chói ngời cái tên Lương Văn Nghĩa. Chiếc ba lô của Nghĩa đã đặt gọn gàng ở trên giường, thế là chú sắp đi. Đúng là Nghĩa sắp đi. Chú và ông anh đi chào hàng xóm đã về đến ngoài sân. Chị nghe tiếng người anh căn dặn:

- Làm thợ cũng phải cố gắng mà học. Mày lêu lổng lắm, làm gì cũng phải cố mà kiếm cái bằng. Thời buổi này, sống không có bằng cấp thì cực lắm đấy.

Nghĩa lặng lẽ vào nhà bảo mẹ:

- Con đi vào khu tập thể đây, mẹ ạ.

Bà cụ lại nhón nhén đi ra ngoài, âu yếm nhìn con. Bà gật đầu rồi quay đi, giấu một giọt nước mắt lăn trên nếp nhăn. Còn Liên thì đứng sững ở cửa. Giọng run run, chị nói:

- Chú đi thật à?

Nghĩa chào mẹ, chào anh chị, đeo cái ba lô dúm dó, nhẹ tênh cách đây vài tháng chú mang về.

"Khẩu súng chống tăng" thòi lòi ở bên cạnh. Chú nói:

- Con đi, mẹ ạ. Em đi. ở đấy về đây đi xe tháng không đầy mười lăm phút, không có gì mà cứ phải quyến luyến như trẻ con.

Nghĩa xốc ba lô lên vai, huýt sáo, hát một bài tiếng Tây ngang phè. Chú đi ra. Khi cái bóng cao to của chú lừng lững đi khỏi, căn nhà ấy lặng đi. Liên thấy nó trống rỗng. Thế là lại như xưa, ngăn nắp, gọn gàng, nền nã... chị ngước đôi mắt ướt đẫm nhìn chồng. Có thể như thế được không anh? Nhưng anh vẫn hoan hỉ, nhẫn nại. Rồi dường như không chịu nổi cái khung cảnh nặng nề này, anh cáu:

- Thì nó thích cứ để nó đi, có phải nó đi Căm pốt đâu mà sợ?

Anh lầm lì bước ra phía cửa, lột cái chiếu ở giường cá nhân rũ bụi, rồi lặng lẽ tháo từng cái thang giường cẩn thận bó thành một bó.

NAM NINH

QUA SÔNG BẾN HẢI

thơ

HOÀNG YÊN LINH

Qua sông Bến Hãi chiều nay
Trời nghiêng - mây xám - mưa bay đôi bờ
Câu hò xưa lại ngẫn ngơ
Lênh đênh vĩ tuyến con đò về đâu
Nhớ người xưa chuyện bể dâu
Trăm năm thành bại nỗi sầu thiên thu
Còn đây mây nước ưu tư
Mà sao mưa xám mịt mù Hiền Lương .

Bến Hãi-Trung Lương
6.2014
(*) Quận Trung Lương Quảng trị
bờ nam sông Bến Hãi trước 1975

HOÀNG YÊN LINH

CÕI NGƯỜI

truyện ngắn

TRẦN NHUẬN MINH

Hơn nửa thế kỷ sau, cụ bà mới biết rằng, người đổi tên làng Lều tổng Ghềnh Trúc thành thôn Quyết Tâm xã Thắng Lợi chính là ông chồng của cụ. Lúc ấy ông là thành viên Ban lãnh đạo Tổng khởi nghĩa ở địa phương. Trong quan niệm của ông, cách mạng đã thay đổi số phận của cả đất nước, đồng thời cũng thay đổi số phận của mỗi đời người, cái tên làng Lều tổng Ghềnh Trúc là không thể chấp nhận được. Nó gợi đến một thời xa xưa cách đây đã hơn 600 năm, đói rét và heo hút. Vào thời ấy, một ông bố và ba người con trai họ Trần nào đó đã đưa cả gia đình trôi dạt về đây để tránh sự truy nã và chém giết của họ Hồ. Ông đổi họ thay tên, dựng một dãy lều chăn vịt bên bờ con sông Lương êm ả và hoang vu, đầy rắn rết và ma quái. Sự có mặt của dòng họ Đặng ở làng Lều và sự ra đời của làng Lều là như vậy.

Một chiều nọ, có con thuyền nhỏ ghé vào bến làng Lều. Lúc đó, dòng sông Lương mờ mịt khói sóng. Lau sậy lao xao trong gió nhẹ. Một chàng trai trẻ bước lên, dáng bước rất nhanh và hơi ngoằn ngoèo, đầu chúi về phía trước, áo chàng lóng lánh như dát bằng những vẩy bạc. Chàng gặp ông Đặng đang cầm cây sào tre, đầu sào buộc lủng lẳng nắm lá chuối khô, để xua đàn vịt đang chạy tán loạn bên bờ sông. Ông mặc quần nâu cộc ngang đầu gối, áo nâu hở ngực, đầu quấn một miếng vải cũng mầu nâu. Cái cằm hơi nhọn của ông trễ xuống, chòm râu thưa sợi đen xen sợi trắng lởm chởm.

Cháu muốn đổi cho ông đàn vịt này, chàng nói. Để lấy cái gì? Lấy một đàn vịt khác, béo đẹp hơn, đông gấp trăm lần. Ở đâu ra? Ông hỏi. Đó là việc của cháu. Để làm gì? Ông lại hỏi. Đó cũng lại là việc của cháu. Chàng rành rọt trả lời.

Trên cái trần trắng màu cháo lòng của tôi, đang hiện lên cái dáng tính toán của ông Đặng. Ông ngắm chàng trai. Đầu chàng bóng mượt, cái miệng hơi nhô ra, môi chụm hẳn lại như một cái mỏ và khi nói miệng chàng loe rộng như một cái loa, hai mắt ti hí sáng lạnh lẽo. Vịt nhiều thế thì chăn làm sao được. Ông nói với chàng. Không cần phải chăn. Ồ... Anh bịp ta à? Ông kêu lên. Cháu nói là đàn vịt không cần phải chăn, không cần phải làm chuồng, không cần phải cho ăn, không cần phải lùa đi lùa lại như thế này. Chàng nói dứt khoát.

Ông Đặng không nghe chàng trai nữa. Trông cái dáng ông ngúng nguẩy mới buồn cười làm sao. Ông cho anh ta là một gã đại bịp, một tên càn quấy nói lăng nhăng. Ông định gọi lũ con trai ra để đuổi gã đi cho khuất mắt và nếu gã giở trò gì thì các con ông sẽ cho gã mấy hèo.

Ông không tin cháu à? Chàng trai chạy theo ông. Tin đồ ba bị làm sao được. Ông ném câu trả lời về phía sau. Này, chàng trai quát. Đứng lại!

Ông Đặng cảm thấy hai chân bỗng đông cứng và lạnh toát, không sao cất bước được. Chàng trai đã đứng trước mặt ông.

Ông không tin cháu phải không? Chàng ghé sát vào mặt ông, đôi mắt ti hí sáng lạnh. Hãy trông đây! Chàng giơ một ngón tay lên trời rồi đột ngột hai bàn tay vỗ vào nhau ba tiếng. Từ chân trời phía đông, một đám mây bạc bất ngờ hiện ra, lát sau đã thấy lóng lánh trong ánh nắng những tia chớp nho nhỏ dịu nhẹ, mong manh. Đã trông thấy cánh trắng của những con chim đầu đàn.

- Cò à? Ông Đặng hỏi.Vịt! Chàng đáp gọn lỏn.

Quả là vịt thật, bởi cái mỏ dẹt của nó không sao lẫn được với bất cứ loại thú có cánh bay nào. Rồi hai chân như hai cái bơi chèo. Và cánh. Cánh vươn lên đập xuống nhịp nhàng thanh thoát như của các loài chim di cư. Ông thấy lạ quá. Chúng lập tức vây quanh ông ngút ngát. Cả một bãi sông bỗng đầy những tiếng kêu cạc cạc quen thuộc. Lũ vịt chăn của ông sợ hết hồn, chúng quẩn vào chân ông. Bây giờ ông mới thấy chúng xác xơ, gầy guộc, thiểu não làm sao.

Chàng bảo, giọng đầy uy lực: Thế nào? Đổi được chứ? Ông bằng lòng đi! Thế vịt của tôi gầy còm thế này, anh lấy làm gì? Cũng chẳng gầy lắm đâu! Chàng nói. Đàn vịt của ông cháu lại biếu ông thôi. Ông ăn, ông bán hay ông cho ai, cũng tùy ông cả. Chỉ có điều, ba ngày sau, cháu quay lại đây, nó không còn nữa. Thế đàn vịt kia của anh, tôi nuôi thế nào? Ông hỏi. Đàn vịt ấy là của ông. Cháu sẽ hướng dẫn ông cách xua chúng bay đi và cách gọi chúng trở về. Chàng nói tiếp. Cứ năm ngày một lần, ông sẽ thấy bến sông này trắng xóa những trứng vịt. Nếu đúng như thế, ta chỉ dùng một nửa số trứng vịt, nửa còn lại ta chia cho dân làng. Ông vui vẻ nói. Đúng như thế! Ông hãy tin cháu, đúng như thế!

Dù còn nửa tin nửa ngờ, nét mặt ông Đặng đã lộ rõ vẻ hoan hỉ. Trông dáng ông đi mới tung tăng hồ hởi làm sao. Ông gọi lũ con trai, con dâu, đến chào chàng. Và tối đó, ông quyết định làm một tiệc rượu rất thịnh soạn để thết chàng. Ông cho nổi một dàn lửa bên bờ sông và con sông Lương hiền dịu trong xanh, bỗng thành một dải đồng đỏ được nung chảy. Hàng trăm con vịt được vặt lông, lông vịt bay trắng xóa cả một vùng sông bãi. Những con vịt nướng chín trên dàn lửa đó, mỡ chảy xuống xèo xèo. Ánh lửa hắt lên mây trời rồi từ mây trời tỏa xuống, làm cho các sân nhà cách đó dăm ba dặm, nhuếnh nhoáng hồng, như vầng mặt trời đang bay lên từ một biển sóng.

Chưa bao giờ, các chòm xóm rải rác hai bên bờ con sông quanh năm vắng lặng và quạnh hiu này, được chứng kiến một cảnh bình minh vừa hùng vĩ vừa quái dị như vậy vào lúc hoàng hôn. Những con gà trống non tơ và hiếu thắng, tớn tác ngay trước cửa chuồng, bất ngờ thi nhau gáy inh ỏi. Những con gà mái dậy thì, mỏng môi hay hớt và dại dột, chẳng hiểu sao bỗng nhẩy choi choi, như góc sân trước cửa chuồng là một chiếc chảo rang nóng mà chúng vừa dẫm phải. Rồi hớt hải, chúng vội vàng gáy theo bằng những âm thanh vụng về và cụt lủn. Lập tức, chúng bị một chiếc đòn gánh lia vào đầu.Và cổ chúng cũng lập tức bị vặn gẫy để tránh một điềm gở mà gia chủ cảm thấy như đang đến với mình rất gần.

Những chiếc thuyền từ bên kia sông tới tấp chèo sang. Những người ở bên này ùn ùn kéo tới. Trên cái trần của tôi, bóng người người trùng trùng điệp điệp, chen lấn nhau, ngút ngàn. Họ tò mò muốn biết điều gì đã xảy ra. Ông Đặng không ngờ trong những xóm làng hẻo lánh ở hai bên bờ sông này, người ở, lại nhiều đến như thế. Họ đến vì ông chăng? Vì chàng trai, vì đám lửa đang cháy bên bờ sông, hay còn vì một lẽ gì khác? Ông lờ mờ nhận ra có một cái gì đó khác thường đã đến với ông và gia đình ông, nhưng là cái gì thì ông không thể hình dung ra được.

Ông quyết định cho lên dàn lửa toàn bộ đàn vịt của ông và của các con ông trong đêm nay, cho mua từ các làng bên những hũ rượu to kềnh càng, còn nút kĩ bằng những bọc lá chuối khô quấn chặt, cảm thấy ở mình cái đam mê cháy túi của một kẻ đánh bạc. Ông dẫn chàng trai đi chào dân làng, thăm các đám thực khách mà hầu hết ông không quen biết, đang ồn ào ngả nghiêng say.

Họ uống rượu bằng những chiếc bát doãng trơn lòng men xanh lam, tay xé đôi, xé ba những con vịt đang chín tới. Họ nhai nhồm nhoàm, vừa nhai vừa nhẩy múa quanh những đống lửa còn rừng rực cháy và mặt họ cũng phừng phừng như lửa, còn bỏng rát hơn lửa. Quần áo rách tơi tả vá chằng vá đụp, có người cởi trần, chỉ mặc quần đùi hoặc đóng khố, có người còn đội trên đầu một chiếc nón cũ nát bật vành hoặc đã thủng chóp. Những câu hát lạ tai mà ông không bao giờ hiểu được ý nghĩa của nó. Những động tác khuyềnh chân múa tay chẳng theo một thể thức nào. Ánh lửa khi thì hắt những hình ảnh lung linh ấy lên mây trời, lúc thì chiếu những hình ảnh nguệch ngoạc ấy xuống mặt đất, hoang dã và đầy đột biến như ở thời tiền sử. Tất cả nhập vào nhau, tạo thành một ấn tượng man rợ hùng tráng mà ông chưa thấy bao giờ:

Tà hăn pha sí son
Tà hăn pha sí son
Khấm khí phương xa cô đô cô đô
Hà chi hô hô hô
Oằn chi lô lô lô
Khấm khí phương xa cô đô cô đô
Tá hằn pha chén say

Tá hằn pha chén say ...

Ông và chàng trai đi đến đâu, mọi người đều dãn ra và cung kính cúi chào, điệu bộ họ khúm núm đến tức cười. Trong cơn tưng bừng đầy hứng khởi của men rượu, chàng trai bước đi lảo đảo và ngoằn ngoèo như rắn bò. Chàng bỗng cất cao đầu, đôi môi loe rộng ra như một cái loa, tiếng chàng sang sảng: Hỡi các bạn! Những người cày ruộng và đánh cá sông, tôi là bạn của các bạn đây. Xin đừng chào tôi như thế.

Ông Đặng chập chờn thấy trong đôi mắt ti hí sáng lạnh lẽo của chàng rờn rợn cháy cái ánh lửa của một thời binh đao.

Ông và chàng quay về bến sông. Điều ngạc nhiên là ông không ngạc nhiên một chút nào khi thấy dãy lều cũ đã biến mất. Thay vào đó là tòa ngang dãy dọc của những lâu đài nguy nga mà hàng trăm năm sau, còn lưu lại trong kho tàng ca dao của địa phương:

Bốn lần cửa đóng bức bàn

Tòa ngang dãy dọc chan chan lầu hồng

Vịt giời bay rợp bến sông...

Trong tòa chính của lâu đài, ba con trai ông đang ngồi tiếp khách với dáng đường bệ của những ông chủ và cô cháu gái 16 tuổi, trưởng nữ của người con trai cả của ông đang rót rượu mời. Một mâm rượu mới được dâng lên để ông tiếp chàng. Khi cô đến bên chàng dịu dàng cúi xuống rót rượu, qua cổ áo màu hồng tươi khoét không rộng lắm của cô, chàng vẫn thoáng thấy đôi bầu vú nhỏ nhắn và gọn chắc của cô đang thơm lừng như trái thị chín và khi cô quay sang mâm bên, chàng thấy đôi mông của cô mát êm và tròn lẳn như hai quả trứng vịt đung đưa trong màu váy hồng dịu mềm. Người chàng bỗng tỏa ra hơi nóng, và sức nóng loang ra từng đợt nhẹ đủ để ông Đặng cảm thấy khi chàng nâng bát rượu lên ngang đầu mời ông. Ông đã lờ mờ nhận ra mối quan hệ thầm kín giữa đứa cháu gái của ông với chàng và nghĩ đó có thể là lời giải thích cho mọi việc làm khác thường của chàng đối với ông và các con ông.

Ông chợt nhớ có lần, vào lúc vầng trăng đã nhạt sáng, từ dưới thuyền bước lên, ông thoáng thấy trong lều, trên giường của cháu gái ông, loang loáng những vẩy bạc óng ánh mà ông không hiểu là cái gì. Và lát sau, những vẩy bạc ấy biến mất. Ông nhìn chằm chằm vào những vẩy bạc dát trên áo chàng và cố nối những liên tưởng ấy vào với nhau, nhưng chúng rời rạc và chập chờn như một ảo ảnh.

- Ta không biết nói với anh thế nào cho phải, ông nói với chàng, nhưng có điều này anh phải giúp ta ngay, là chia vịt ra làm ba đàn khác nhau cho ba con ta. Ta già rồi... Cháu định phân chia bằng màu sắc có được không ạ, chàng nói. Vịt của bác Cả màu tím, của chú Hai màu vàng, chú Ba màu xanh...

- Em không thích màu tím. Em thích màu đỏ cơ! Nàng vội nói.

- Vậy thì vịt của nhà em màu đỏ. Chàng quyết ngay.

Sau này, làng Lều, tổng Ghềnh Trúc, có ba dòng họ Đặng khác nhau. Đó là Đặng Hồng, Đặng Thanh và Đặng Hoàng. Con cháu nhiều đời lấy lộn lẫn nhau, đẻ con sinh cháu cho nhau và hăm hở lao vào cuộc sinh sát, chém giết lẫn nhau, chỉ có đôi ba người già vào lúc tỉnh táo nhất của đời mình, bập bõm trong hơi rượu, mới nói cho lũ trẻ hay rằng, cả ba họ ấy, phân chia ra chỉ bởi màu sắc của lũ vịt giời, thực ra là một họ, có chung một cụ thượng tổ là lão già chăn vịt, tránh nạn nước mà trôi dạt về đây. Nhưng bọn trẻ, không những không tin mà còn thường đem ra làm chuyện chế nhạo, và coi đó chỉ là chuyện nhảm nhí của những lão gần đất xa trời, chìm ngập trong rượu và thịt chó.

Bấy giờ, mọi người đang ăn uống nói cười ngả nghiêng, chưa hết ngạc nhiên về uy quyền trong giọng nói nũng nịu của cô con gái anh Cả đối với chàng trai đầy những phép mầu thì ngoài cửa tòa nhà, hiện ra ba vị bô lão, mặt đỏ râu bạc, quần áo trắng, lững thững bước vào. Trên trần nhà của tôi, bóng ba vị ấy bước lên mới đẹp đẽ, đầy tự tin và cao cả làm sao. Cốt cách ấy sau này, ta chỉ còn trông thấy trong những đoạn phim lịch sử của nước Tầu. Ba vị không chào hỏi ai, ung dung bước đến trước mâm rượu của ông Đặng và chàng trai, quì xuống đồng thanh nói: Kính

chào bệ hạ! Chúc bệ hạ vạn tuế!

Các thực khách sởn da gà, im phắc. Có tiếng choang choang rơi vỡ bát đĩa. Ông Đặng đứng vụt dậy, trợn mắt: Ai ...ai...ai... ông bỗng nói lắp. Ai là ... là bệ... bệ hạ của các ngươi? Dạ thưa, ai nuôi được dân thì người ấy là vua của dân. Ba ông già cùng đáp.

- Gia vệ đâu! Ông quát. Trói cổ ba lão điên này lại, giam chặt vào nhà kho cho ta, để ta nộp lên quan trên trị tội.

Nỗi sợ hãi truyền kiếp bỗng run rẩy trong cơ thể ông Đặng. Ông nhận ra dòng mồ hôi lạnh buốt đang chảy dọc sống lưng và bỗng chốc ướt sũng cạp quần mình. Ông chợt thấy những cuộc tàn sát đẫm máu của cha con Hồ Quí Ly. Nhiều bậc trung thần cùng cha chú, anh em ông và 370 người khác, cả người già và trẻ con từ một tuổi trở lên, cùng một lúc đã bị chặt đầu, bị chôn sống, bị dìm xuống nước cho đến chết. Những xác chết ném sấp ngửa bên đường cái quan cho hổ tha quạ rỉa, không được chôn cất, cũng không ai dám chôn cất. Người quen gặp nhau ở ngoài đường không dám cả đưa mắt nhìn nhau. Ban đêm, cô bác qua nhà, con cháu cũng không dám cho ngủ nhờ. Ngay cả bố mẹ đến cũng phải đi bẩm báo, và lập tức nha dịch đến nhà nhìn tận mặt, với sợi dây thừng trong tay. Chính quyền nhà Hồ đã được dựng dần lên trong một cơ chế như vậy. Nỗi sợ hãi đã giúp ông và ba trong số năm con ông may mắn trốn thoát, đã đưa ông đến nơi xó xỉnh này với họ khác tên khác. Nỗi sợ hãi ấy, bỗng chốc ngập tràn tâm hồn ông. Ông lập cập nói với các thực khách: Xin các vị cứ...cứ bình tâm. Không ai trong chúng ta liên can với... với ba tên phản nghịch ấy.

Cuộc vui đã mất hết cái hồn vía của nó. Nhiều người cảm thấy nỗi hiểm nguy đã rình rập ở phía trước bèn lục tục ra về. Ông gọi người con trai thứ ba lại bên, bảo anh ta ra ngay nhà kho, trực tiếp canh cửa và chỉ đi chỗ khác khi nào ông đến. Người con cả thay ông tiếp chàng. Ông thủ một nậm rượu trong nách áo, dự định sẽ mời mỗi lão già một chén và hỏi cho ra lẽ.

Ông bước ra ngoài sân, ngẩng lên trời thấy vòm sao đã nhạt sáng. Lẫn trong màu tím nhạt của đêm đầu thu, những con vịt đỏ thắm đã bay về. Cánh chúng bay rợp cả bến sông trong ánh phản quang của những đám cháy còn dang dở. Dọc triền sông, cuộc vui cũng bắt đầu tàn.

Nhà kho nằm trên một gò đất rộng mọc đầy trúc. Nghe đâu hàng ngàn năm trước, con sông Lương đã chảy qua đây. Những cây trúc dại cao ba bốn tầm với của tay người. Anh Ba vẫn đứng đó. Trước mặt anh, cửa nhà kho, chiếc khóa lớn vẫn đóng chặt. Ông hỏi: Ba lão già thế nào? Gia vệ trói chặt tay rồi đẩy vào nhà kho. Anh nói. Chính con trực tiếp kiểm tra lại nút trói. Con cho buộc liên hoàn sáu tay người vào với nhau rồi mới trực tiếp khóa cửa. Chìa khóa, con vẫn cầm đây. Có lão già nào nói gì không? Ông hỏi. Có! Anh trả lời. Có một lão nói rằng, ta chỉ tiếc trước khi bị trói không được uống một chén rượu.

- Rượu đây! Ông Đặng rút trong nách áo ra nậm rượu và giục con: Mở cửa mau!

Cửa mở. Trong ánh nến sáng bừng, cả hai cha con ông Đặng đều kinh ngạc. Ba ông lão đã biến mất. Chỗ ba ông lão ngồi là chuỗi dây trói còn trút lại với sáu cái lỗ tròn như nhau và nối liền nhau. Ông Đặng bảo con lục tìm giữa đống sọt giành lộn xộn ngổn ngang, thường dùng vào việc đựng trứng vịt và bản thân ông trực tiếp kiểm soát từng lỗ thoáng của gian nhà kho. Các lỗ thoáng chỉ nhỏ bằng hai bàn tay và tuyệt không hề có bất cứ một dấu vết sây sát nào.

- Thế này là thế nào? Ông Đặng hỏi. Thế này là thế nào? Anh Ba hỏi.

Hai cha con cùng một lúc hỏi cùng một câu, cùng bàng hoàng nhìn vào mặt nhau và cùng không hiểu đã xảy ra điều gì. Ông Đặng phải tự tay véo vào đùi mình, thấy rõ ràng là mình đau, mới biết là mình không phải đang mê ngủ. Ông bước ra ngoài kho và thấy thấp thoáng sau những cành trúc cao lơ thơ là một vòm trời đang ửng hồng, ở đó đang bay lượn những đàn vịt màu đỏ thắm với hàng ngàn cánh rộng sải ra mênh mông. Màu đỏ của cánh chúng nghiêng chao bồng bềnh hắt xuống mặt đất, làm hồng hào thêm mái ngói của những tòa lâu đài nguy nga và dòng sông Lương tím ngát đang mang mang sương khói...

trong tiểu thuyết CÕI NGƯỜI

TRẦN NHUẬN MINH

HÀ NỘI CUNG ĐÀN XƯA THƯƠNG NHỚ

MAI THỤC

Hà Nội ơi! Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ. Cung đàn xưa thương nhớ thao thiết gọi ký ức thẳm sâu của biết bao con người đã từng đến và đi, đã từng sống ở Hà Nội, dù một ngày, một giờ, cũng để lại niềm khắc khoải thương nhớ khôn nguôi.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Bạn là ai? Người Pháp, người Tàu, người Bắc Nam, đồng bằng Nam Định, Thái Bình, xuôi ngược, núi rừng sông biển Tây Bắc, Sơn La, Phan Thiết, Sài Gòn...

Hà Nội ơi! Chỉ cần gọi thầm hai tiếng "Hà Nội" cũng mềm đôi môi, xao xuyến trái tim, mắt rơm rớm lệ.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Biết bao người đã nhớ Hà Nội như nhớ người yêu, năm tháng càng thêm nặng nghĩa tình.

Hà Nội ơi! Ngày xưa ai đã đặt tên Hà Nội?

Danh xưng Hà Nội xuất hiện các đây chừng 170 năm. Năm 1831 vua Minh Mạng ở kinh đô Phú Xuân- Huế đã biến Thăng Long thành tỉnh Hà Nội. Ông nhìn địa thế đất nước sông nơi này mà gọi tên "Hà Nội". Thành phố Hà Nội nằm bên trong con sông Nhĩ Hà. Một phần kiến trúc kinh thành Thăng Long đã được đưa vào cung điện Huế. Thành Hà Nội năm 1888 trở thành một "thành phố nhượng địa" của Pháp.

Cho dù 143 năm kinh đô rời vào Huế, nhưng Hà Nội vẫn giữ nguyên dáng kinh thành Thăng Long nghìn tuổi. Di tích Thành cổ Hà Nội rạng rỡ soi lịch sử Quốc đô Thăng Long. Nghìn năm sau, tòa thành đồ sộ, cung điện, lầu son gác tía trong khu Hoàng thành đã mất. Song khối di tích và hiện vật khai quật đã tái hiện kinh thành Thăng Long kiêu sa một thuở và phát triển như "Rồng bay", bay suốt cả nghìn năm. Nơi đây là núi Nùng có đền thờ thần Hoàng làng Hà Nội cổ được vua Lý Công Uẩn chọn xây Điện Càn Nguyên, Thiên An. Điện Kính Thiên thời Lê cuối thế kỷ XIX vẫn sừng sững thách đố thời gian và thử thách lòng người.

Ngày nay vào Hoàng thành, ta rưng rưng trước thềm đá với đôi rồng đá bậc thềm điện Kính Thiên thế kỷ XV, còn ấm hơi bàn tay người thợ chạm nét hoa văn mây trời vần vũ, cảm thấu lòng cha ông, đã nối hồn mình cùng vũ trụ, gửi thông điệp nghìn năm cho con cháu.

Nhiều lần cùng sinh viên Đại học Thăng Long dạo thăm Hoàng Thành, nghiêng mình trước anh linh các đức vua Lý, Trần, Lê… tôi ước mơ. Ước gì chúng ta đủ sức mạnh tình yêu, đập ngôi nhà con rồng thực dân Pháp đã xây trên nền điện Kính Thiên. Xây lại ngôi điện Kính Thiên của cha ông, mới biến mất hơn trăm năm nay.

Ngôi điện Kinh Thiên linh thiêng và uy nghi đẫm hồn cha ông bây giờ xây lại quá dễ dàng. Đó là ngôi nhà rường đồng quê Việt, nhiều cột gỗ, ngói và đất nung, mọi chi tiết và mẫu hình của nó, chúng ta còn giữ được. Xây lại điện Kính Thiên, nối hồn người Thăng Long- Hà Nội nghìn năm trước và hiện tại, sẽ hòa chung hồn Tổ tiên, cha ông, con cháu, truyền sức mạnh tâm linh, cân bằng Âm- Dương.

Anh linh xưa đòi trả lại không gian kiến trúc cung điện nghìn năm trước, hiện về giấc mơ tôi. Trăn trở bên thềm đôi rồng đá, trái tim tôi rung lên niềm mơ ước ấy.

Ước mơ này không khó đối với một quốc gia, một Thủ đô, tự hào nghìn năm tuổi. Người Pháp vốn yêu nghệ thuật kiến trúc nhân loại cổ xưa. Họ đã giữ được rất nhiều cung điện và kiến trúc đẹp của ông cha họ trên đất Pháp. Mà bọn thực dân Pháp này, dám đạp đổ điện Kính Thiên gần một nghìn năm tuổi. Tội ác này chẳng thể tha. Cho nên mình phá nhà con rồng là phải đạo.

Thực dân pháp chiếm thành Hà Nội. Hận thiên thu hằn trong đôi mắt Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu. Hai ông đã tuẫn tiết vì không giữ nổi một Hà Nội yêu thương.

Hà Nội dưới ách đô hộ thực dân Pháp. Đau thương và chuyển mình mạnh mẽ. Người Pháp chiếm Hà Nội, đầy thực dụng. Họ đã xây dựng một Hà Nội trong dáng kiến trúc Paris để hưởng thụ, đã tạo ra một Hà Nội đầu thế kỷ XX như tranh, như thơ, sống mãi trong ký ức người Hà Nội và cả những người Pháp đã thua trận. Rời xa Hà Nội, họ không bao giờ quên một Hà Nội như đẹp như mơ. Họ giữ mãi trong ký ức…

Mừng Thăng Long- Hà Nội nghìn năm tuổi, nhà sưu tập ảnh người Pháp Philippe Chaplain đã cùng Tạp chí Xưa & Nay và Thư viện Hà Nội tổ chức cuộc triển lãm ảnh "Để hiểu hơn về một Hà Nội xưa".

Hàng trăm bức ảnh đen trắng đã được rất nhiều người yêu Hà Nội chụp từ ngày xưa ấy, sắc nét, rành mạch, thơm cỏ cây hoa lá Hà Thành, đậm bóng hình bao lớp người Hà Nội tài hoa thanh lịch, đã trôi về hư vô. Để lại sau lưng "Thềm nắng lá rơi đầy".

Hà Nội lá rơi. Hà Nội mưa rơi. Hà Nội tơi bời thương nhớ.

Người Hà Nội nay, xao xuyến tìm về cung đàn xưa dâng đầy nhạc và thơ, một đi không trở lại, cùng những bức ảnh này.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Không gian Hà Nội xưa với kiến trúc Pháp hiện về, và hình bóng con người Hà Nội hiền hòa, hồn quê chân chất ngày xưa ấy, se sắt trái tim ta .

Băm sáu phố phường thân thương hiền dịu, được người Pháp dựng xây những công trình văn hóa nghệ thuật, tượng đài, vườn hoa, bảo tàng… Nhà hát lớn xây 1900- 1911 một kiến trúc "Opéra Paris" hiện giữa Hà Nội, là niềm tự hào của người Pháp.

Người ta bảo: "Khi chiếm được vùng đất mới, người Tây Ban Nha xây nhà tù, người Ý xây nhà thờ, người Anh xây ngân hàng, người Pháp xây nhà hát".

Hệ thống tượng đài vườn hoa bên cạnh những ngôi chùa cổ, làm cho Hà Nội trở nên tao nhã, kết nối cổ kim Đông Tây. Tượng Bà Công lý, dân gọi "Bà đầm xòe" là tượng Nữ Thần Tự do thu nhỏ trên một góc vườn hoa Hà Nội. Tượng Nữ Thần Tự Do- món quà vô giá nhân dân Pháp gửi tặng nhân dân Mỹ, đặt sừng sững ở hòn đảo Tự do New York là biểu tượng chung của nhân loại, ai một lần được chiêm ngưỡng suốt đời không quên. Vậy mà, nó xuất hiện nơi góc phố Hà Nội.

Tiếng tàu điện leng keng vòng quang băm sáu phố phường như một nốt nhạc rộn ràng. Người Hà Nội đón nhận văn minh Pháp trong tâm trạng hồn nhiên:

" Người Tây ngồi nghĩ cũng tài
Sinh ra đèn máy thắp hoài năm canh
Người Tây ngồi nghĩ cũng sành
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường
Xưa nay có thế bao giờ
Có cái tàu điện đứng chờ ngã ba"

Hà Nôi ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Những bức ảnh "Băm sáu phố phường" trong cảnh đời thường sinh động như cuộc sống từng diễn ra nơi đây. Tranh Hàng Trống, Chợ Đồng Xuân nhấp nhô một rừng đào hoa ngày Tết, Phố Hàng Khoai, Hàng Lược, Mã Mây, Hàng Bồ, Hàng Nón, Hàng Đường, Hàng Buồm, nón trắng, nón quai thao, những chàng khăn xếp áo the, nàng yếm trắng vai trần, quần đen, bán mua, dạo phố, những gánh hàng hoa thiếu nữ dáng kiều…

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Mỗi con phố như ô bàn cờ, những mái nhà san sát hai tầng, bóng cây trùm mát rượi, nối nhau ra Hồ Gươm: Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Bông, Hàng Mành, Bảo Khánh… Nay phố Bảo Khánh như vẫn êm đềm nét nhạc xưa, tiếng dương cầm rơi nhẹ, nâng tiếng hát của nàng:

"Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi
Trời lắng u buồn, mây hắt hiu ngừng trôi
Nghe gió thoảng mơ hồ, trong mưa thu, ai khóc ai than thở
Này con chim non, chíu chíp kêu trên cành như nhủ trời xanh…"

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Mỗi con phố mang tên một thứ hàng. Phố Hàng Mắm thơm mùi cá khô nước mắm miền biển đổ về. Phố Lò Rèn con trai cởi trần thổi bễ. Nàng mặc yếm trần phơi lưng ong, ngực nõn nường, đứng phụ giúp các chàng thật nên thơ. Các chàng và nàng dâng tấm thân trong trẻo của mình cùng lao động phố. Ngây ngô và thanh sạch. Thánh thiện và tự nhiên.

Phố Hàng Tre, nứa tre san sát. Phố Hàng Bạc sầm uất, đông vui. Phố Hàng Đào bán tơ lụa từ đời Trần, nay thêm nao nức bóng ông Tây bà đầm.

Phố Đinh Tiên Hoàng, Hồ Gươm, Cầu Thê Húc, Đền Ngọc Sơn, cây lộc vừng chín gốc dáng mảnh mai thiếu nữ, Phố Hàng Khay chạm khảm tinh tế màu trai ốc, sáng bảy sắc cầu vồng…

Cho dù có xây dựng kiến trúc Pháp, nhưng nét dáng phố cổ xưa "Băm sáu phố phường" với những hàng nghề vẫn được giữ nguyên sự sống, sinh hoạt, buôn bán, nghề hàng, vui chơi, ăn

uống, thờ phụng đình chùa đền miếu ngàn xưa.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Những bức ảnh hiện lên gương mặt thiếu nữ Hà Nội, ám ảnh nhớ thương muôn đời "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang". Những nàng gương mặt tròn, hai má bầu bĩnh, đôi mắt to, môi trầu cắn chỉ, mái tóc đen dày, vấn trần, ngôi thẳng giữa, đuôi gà hồn hậu, thánh thiện, ngây thơ, chân thành, giản dị, khiêm nhường, chăm chỉ, nết na...

Người ta đã đi tìm cuối đất cùng trời, không thấy bóng hình phụ nữ kiểu cách Hà Nội ấy. Mùa hè, các nàng mặc yếm trắng tơ lụa. Cái yếm hình lá trầu đủ che ngang bộ ngực, cánh tay trần, vai trần, lưng trần thắt đáy, váy đen thả dài. Các nàng bước đi thướt tha như ánh sáng. Nửa thân trên nõn nường "Yếm đào trễ xuống dưới lưng ong". Không một bức tranh nude của họa sĩ tài năng nào sánh kịp hình ảnh phụ nữ đời thường Hà Nội thánh thiện đầu thế kỷ XX.

Chẳng hiểu lý do gì mà chưa đầy trăm năm, chưa kết thúc một đời người, mà nét đẹp sang trọng, hồn nhiên, thoáng đẹp, nõn nường của thiếu nữ Hà Thành biến mất. Để có một thời phụ nữ thanh lịch Hà Nội phải kín đáo che đậy quá mức làm mất vẻ đẹp cơ thể tự nhiên dân dã Trời ban. Rồi những năm 1990, phụ nữ Hà Nội ra đường mặc váy tưng bừng, thay bộ áo quần xám xịt. Chiếc váy ngắn, dài nhiều kiểu dáng làm gương mặt chị em trẻ tươi, hạnh phúc.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Bao nhiêu người đẹp tài năng, bao nhiêu ngôi nhà, khu vườn, bóng cây, con đường trải đầy hoa lá, tượng đài, bức họa, công trình kiến trúc đẹp của Hà Nội xưa, nay biến cùng năm tháng. Nuối tiếc cũng chẳng thể nào giữ lại. Thương nhớ cũng đành chấp nhận chia ly. Đau đớn cũng đành lòng vậy. Cầm lòng vậy. Đó là cuộc đời. Chỉ biết rằng giây phút này đây, người Hà Nội thế kỷ XXI, còn có những bức ảnh này để mà hoài niệm, để hiểu biết và nhớ thương, cho lòng mình thêm giây phút ấm. Kết nối hồn xưa "Linh thiêng- Hào hoa". Để hồn ta rung lên tiếng hát thầm trong tim:

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Cảm xúc về cái đẹp một đi không trở lại của Hà Nội xưa khiến lòng ta day dứt. Lẽ vô thường bãi bể nương dâu. Cuộc sống trôi đi. Đời người trôi đi. Hết lớp này đến lớp khác. Như sóng bạc đầu. Như dã tràng xe cát... Dựng xây và biến mất. Không thể giữ lại. Dù hiền tài có cố gắng đến bao nhiêu, cũng không thể giữ nổi.

Con người đành bám vào nghệ thuật. Những loại hình nghệ thuật của nhân loại đã ghi lại cái Đẹp một thời, truyền thế hệ sau, gợi về ký ức sự sống đã qua. Tiếc rằng những nghệ sĩ bao đời nay của thế gian, như kẻ lạc loài, "kẻ dở hơi", "người điên", "lũ chán đời", "ngây dại". Họ một mình, âm thầm và nhẫn nại, lánh đời vật chất, sáng tạo nghệ thuật im lìm, lặng lẽ, cô đơn, suy tư, trăn trở, buồn vui, cùng cái Đẹp, mong giải tỏa hồn mình, hồn người.

Một loại người nghệ sĩ như vậy đời nào cũng có. Số phận đã định sẵn. Họ chấp nhận không tính dại, tính khôn. Đời sau, nhờ nghệ thuật sống lại ký ức về cái Đẹp, sẽ tri ân người nghệ sĩ, như tôi từng tri ân Nguyễn Bính nhớ Huyền Trân:

Đừng về Chiêm Quốc nhé Huyền Trân
Ta viết thơ này gửi cố nhân
Năm mới tháng Giêng mồng Một Tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Thương nhớ hết đời này qua đời khác. Từ Thăng Long đến Hà Nội. Vẫn một niềm thương nhớ đó thôi. Nhớ cảnh thêm đau đáu nhớ người. Thương nhớ Huyền Trân lòng nhỏ lệ. Người Hà Nội biết bao giờ hết thương nhớ Huyền Trân?

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Tôi không thể nào quên được Ngày lễ Tình yêu năm 2000, tại Thủ đô Washington D.C, người ta tới tấp tặng nhau năm triệu bông Hồng cho Tình yêu thắp lửa.

Riêng tôi sững sờ rớm lệ. Buổi sáng. Ngày lễ Tình yêu trong một quán ăn Sài Gòn trên một con phố nhỏ của Washington D.C, tôi bỗng nghe tiếng hát vang nhè nhẹ từ máy thu thanh:

"Không gian trầm lắng như muôn tiếng tơ
Muốn nói cùng em muôn lời trìu mến
Yêu em anh đánh cung đàn đầy vơi
Hẹn em từ muôn kiếp trước trước
Nhớ em tới thủơ bạc đầu
Anh vẫn âu sầu cùng đường tơ vương vấn..."

Bài hát "Dư âm" như có luồng điện sinh học tràn trong tôi, ấm Tình yêu. Ngày Tình yêu ở nửa Tây bán cầu tuyết lạnh, tôi vẫn nghe được cung đàn trái tim Việt Nam rung lên, truyền cho tôi Tình yêu, sức sống, để tôi cảm nhận rằng Thủ đô Washington không xa lạ. Tình người Việt Nam máu đỏ da vàng quấn quyện bên nhau, góc bể chân trời, yêu thương nhau như con một cha, nhà một nóc.

"***Dư âm***" tiếng hát trái tim Việt Nam thao thức ru bước chân tôi, để tôi đứng thẳng tự tin, làm việc và học tập trong những ngày ngắn ngủi tại Mỹ. Và như một ám ảnh truyền kiếp,"*Dư âm*" đã dẫn dắt tôi lựa chọn con đường nghệ sĩ. Tôi đã hiến trọn trái tim nghệ sĩ của mình cho tình yêu máu đỏ da vàng trên khắp hoàn cầu, gắn kết yêu thương, tìm về Đất Mẹ.

"*Dư âm*" cung đàn Việt Nam thương nhớ. Tôi bâng khuâng nhớ tiếc không đủ thời gian để gặp người chủ nhân đã tặng tôi bản nhạc"*Dư âm*" một buổi sáng mùa xuân ở Thủ đô ngập tuyết.

Anh là ai? Chị là ai? Có thể mãi mãi chúng ta chẳng bao giờ gặp được nhau. Nhưng"*Dư âm*" cung đàn Việt Nam thương nhớ đã truyền trong không gian, tình yêu thương mình dành tặng cho nhau, để cùng nhau vui sống trong hồn Việt, dù ta phải cách xa nhau góc bể chân trời.

Bài hát "Dư âm" đã vang lên trong hồn người Hà Nội đầu thế kỷ XX cùng những"*Giọt mưa thu*","*Giấc mơ hoa*","*Tình nghệ sĩ*"... hoà thành cây đàn muôn điệu, xây nên toà lâu đài tâm hồn Hà Nội để ngày nay, đôi môi ta thầm thảng thốt hát ca: "Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ".

Thăng Long- Hà Nội là Tình yêu thương, giọt máu hồng, cung đàn xưa thương nhớ, suốt ngàn năm.

Hà Nội ơi! Cung đàn xưa thương nhớ.

Hồ Gươm mùa Hoa Sen- 2010

MAI THỤC

NHỮNG TÁC PHẨM SƠN MÀI TUYỆT VỜI CỦA CỤ NGUYỄN GIA TRÍ

VŨ ANH TUẤN

Từ những năm 50 cho tới bây giờ nghĩa là trên một nửa thế kỷ, hễ ai nói tới sơn mài là người ta nghĩ ngay tới sơn mài của Cụ Nguyễn Gia Trí. Cụ Trí sinh ngày 06 tháng 10, năm 1908 tại Hà Tây và theo học Ngành Hội Hoạ ở khoá IV (1928-1933) của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, cùng khoá với các hoạ sĩ lừng danh khác như Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Cát Tường (Lemur), Lưu Đình Khải... nhưng Cụ đã bỏ ngang không học hết khoá IV này. Có người cho rằng lý do việc Cụ bỏ không học hết khoá, chính là vì Cụ không chịu nỗi những gò bó khuôn phép trong khoá học, vì Cụ là một tâm hồn luôn ưa chuộng sự tư do, phóng khoáng... Tuy nhiên, trong những ngày học ở khoá IV, Cụ đã được các ông thầy người Pháp là Tardieu và Inguimberty đặc biệt chú ý vì họ rất thích thú với các tìm tòi và khả năng sáng tạo của Cụ, trong việc sử dụng Sơn Ta. Và rồi cũng chính ông Tardieu, và cả ông Inguimberty đã tìm đến tận nhà Cụ để khuyên Cụ trở lại học khoá VII (1931-1936) và tốt nghiệp năm 1936 cùng với hai hoạ sĩ khác cũng rất nổi danh là các cụ Trần Văn Cẩn và Lưu Văn Sìn.

Ở tuổi thanh xuân, Cụ sống một cuộc đời kín đáo, ít giao du, thiên nhiều về nội tâm, tuy nhiên Cụ lại rất hăng say hoạt động, không những chỉ trong lĩnh vực chuyên môn là hội hoạ mà còn cả trong lĩnh vực cách mạng, chống đối với thực dân Pháp vì Cụ rất ghét bọn họ. Tuy ghét thực dân Pháp, nhưng Cụ lại quen rất thân với gia đình một người Pháp là kỹ sư Drouin, Tổng Giám Đốc Công Ty Cấp Điện và Nước miền Bắc vì người Pháp này thật sự mến tài của Cụ và luôn luôn đối xử với Cụ hết sức bình đẳng, đôi lúc còn để vợ và đứa con gái nhỏ ngồi làm mẫu cho Cụ vẽ. Năm 1940, Cụ bị Pháp bắt giam ở Sở Liêm Phóng Hà Nội, và trong thời gian này ông kỹ sư Drouin đã can thiệp và giúp đỡ Cụ rất nhiều để Cụ khỏi bị hành hạ, tra tấn. Ít tháng sau, qua năm 1941, Cụ bị phát vãng lên trại giam Vụ Bản (Hoà Bình) cùng một số bạn trong Tự Lực Văn Đoàn và một vài nhân sĩ can tội tham gia phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, và mãi tới năm 1943 Cụ mới được phóng thích. Khoảng năm 1950 vì có một số hoạt động phản đế, chống thực dân, Cụ lại bị bắt và bị đưa từ Bắc vào giam ở trong Nam cùng với một người bạn là ông Trần Trung Dung, trong khi đó một người phản đế khác là Cụ Trịnh Hưng Ngẫu thì lại bị đem từ trong Nam ra giam ở ngoài Bắc.

Năm 1953, Cụ được trả tự do và lập gia đình, rồi Cụ quyết định ở lại luôn Sài Gòn cho tới ngày Cụ mất (thuật lại theo tác giả Trần Phong Giao).

Một điều mà không ai có thể phủ nhận Cụ Trí là người có công nhất và là người tìm tòi nghiên cứu tinh vi và sử dụng hiệu quả nhất về nghệ thuật sơn mài.

Danh từ sơn mài là một danh từ mới sau khi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương được thành lập (1925) và lần đầu tiên được hoạ sĩ Tô Ngọc Vân viết trên báo (1948) để chỉ một kỹ thuật trước kia gọi là sơn ta, nhưng biến hoá hẳn do nghệ thuật mài sơn. Từ năm 1931 trở về trước, công dụng của sơn ta, cũng như sơn Tàu ở Tàu và sơn Nhật ở Nhật, chỉ là để phủ bọc lên đồ vật thường dùng như cái khay, cái tráp, đôi guốc... để chúng tôn vẻ lộng lẫy. Tóm lại sơn ta vào lúc đó chỉ có công dụng trang trí và địa vị của nó là ở ngành trang trí mà thôi. Song từ 1931 trở đi, nhờ sự tìm tòi thiết tha của một số hoạ sĩ có tài, mà Cụ Trí là tên tuổi lừng lẫy nhất và có công nhất, sơn ta vượt được ra ngoài ngành trang trí, nơi nó bị giam hãm, để ngang nhiên tiến bước trên đường bao la của hội hoạ. Từ cái tráp, chiếc guốc, nó vượt lên bức hoạ lồng khung quý giá, từ

một phương tiện phụ thuộc chỉ để làm tôn vẽ đẹp đồ vật, nó trở nên một phương tiện độc lập diễn đạt tâm hồn người nghệ sĩ, để rồi, quên đi dĩ vãng, sơn ta đổi tên nhũn nhặn là sơn mài (thuật theo Tô Ngọc Vân).

Vào thời gian cuối khoá học (khoá VII). Cụ Trí mê mải nghiên cứu chất liệu sơn mài và Cụ được hoạ sư Inguimberty nhiệt tình khuyến khích Cụ đi vào chất liệu này. Bức bình phong sơn mài đầu tiên, bài thi ra trường của Cụ và một số tranh cỡ nhỏ nữa, đã là những tác phẩm có sức thuyết phục đến kinh ngạc. Cụ đã tuyên bố quyết tâm đưa sơn mài lên ngang tầm hội hoạ và Cụ quả thực đã thực hiện được lời hứa đó một cách thật mỹ mãn.

Người viết chỉ là một người yêu thích các tác phẩm của Cụ và chỉ có liên quan tới Cụ một chút là người viết chính là người đã dịch ra tiếng Anh một cuốn sách chứa đựng những "Lời nói của Cụ liên quan đến Hội Hoạ" của một hoạ sĩ đệ tử của Cụ đã sưu tầm và viết lại (sách này đã được xuất bản năm 1998) và bây giờ sẽ dự tính in ra bằng hai thứ tiếng Việt và Anh; kế đó người viết còn là người đã có duyên gặp gỡ một số tranh sơn mài của Cụ trong cuộc đời mê tranh của mình, và dưới đây xin kể lại một số chi tiết về những bức tranh đó để chia sẻ với các bạn đọc.

Vào năm 1976 người viết có mua được một bức sơn mài cỡ 60cm x 120cm vẽ một dòng sông. Vào lúc đó chủ nhận bức tranh cần ra đi nên đã nhường lại cho người viết. Mặc dù biết giá trị của sơn mài Nguyễn Gia Trí nhưng người viết lại không thấy thích đề tài dòng sông lắm nên gọi một người bạn cũng chơi tranh là N.D.H. để nhường lại người bạn ấy với số tiền lời vừa phải. Hai vợ chồng N.D.H. lại xem tranh và người vợ chỉ ngay một vài chỗ hơi nham nháp và kêu rằng những chỗ đó đã bị ốc - xi hoá. Nhưng thực ra những chỗ đó chính là những chỗ mà Cụ Trí sử dụng màu xanh Phổ, một màu mà chỉ có Cụ là dùng được một cách rất thành công và độc đáo. Bức tranh sau đó được nhường cho ông Y. Một nhà sưu tập nổi tiếng ở Sài Gòn cũ và ông này đã mang nó sang Canada. Đầu năm 1978, người viết mua được một bức tranh sơn dầu cỡ 45cm x 55cm vẽ cảnh "Bến Hồng Kông". Đây là một trong số tranh sơn dầu rất hiếm hoi của Cụ Trí. Người viết được biết Cụ đã vẽ bức này trong thời gian lưu vong sang Hồng Kông cùng một vài người bạn và cựu hoàng B.Đ. Nghe nói Cụ đã vẽ tất cả là 12 bức cùng một đề tài chỉ thay đổi chi tiết để kiếm tiền sinh sống trong thời điểm đó. Bức này sau về tay một nhà sưu tầm nổi tiếng ở Hà Nội là ông Đ.M. Sau này ông Đ.M. qua đời, không biết giờ này bức sơn dầu này đang lưu lạc ở đâu?

Cùng vào thời điểm này người viết đã giới thiệu cho một thân hữu là L.M. T.T.H. Giám đốc Đại Chủng Viện mua được một bức sơn mài nhỏ cỡ 40cm x 45cm vẽ cảnh "Cửa Tùng". Bức này thoạt tiên là của một viên chức tên là N.V.Ph.làm việc cho hãng Air Việt Nam và là bạn của Cụ thân sinh ra người viết. Bác Ph. đã nhường bức đó cho một người buôn đồ cổ và anh bạn đồ cổ này, qua sự giới thiệu của người viết, đã để lại bức tranh cho L.M. T.T.H. và bức tranh này hiện đang được lưu giữ một cách hết sức trân trọng tại Nhà Truyền Thống của Giáo Phận Sài Gòn.

Năm 1986, một hôm người viết được phu nhân bác sĩ P.B.T., Khoa trưởng của Đại Học Y Khoa mời tới để nhường lại một số sách vì gia đình bác sĩ P.B.T. sắp đi định cư ở Mỹ. Đây là cơ hội để người viết "cứu" được một tác phẩm của Cụ, để nó không bị lưu lạc giang hồ, có nguy cơ rơi vào tay những kẻ không đáng được giữ nó. Câu chuyện xảy ra như sau đây: Người viết nhìn thấy ở một góc tầng lầu I chồng báo National Geographic (một loại báo về địa dư của Mỹ) và thấy lẫn vào trong chồng báo đó có một gói cùng cỡ với chồng báo (18cm x 24cm), nhưng ở trên lại có một danh thiếp của Cụ Trí. Người viết định cầm lên xem thì cụ bà P.B.T. ngăn lại và nói "Chồng báo này có người mua rồi, tí nữa anh ta trở lại lấy". Người viết đề nghị bà cụ cho giở cái gói đó ra xem, vì không có lý nào trên tờ National Geographic mà lại có danh thiếp của Cụ Trí; bà cụ đồng ý, người viết liền bóc tờ giấy gói ra và thấy bên trong là một bức sơn mài cỡ 18cm x 24cm vẽ một thiếu nữ khoả thân cực đẹp, có chữ ký và cả mấy chữ thân tặng BS P.B.T. Cụ bà mừng quá và nói: "Trời ơi! Nhà tôi nhờ tôi kiếm bức tranh nhỏ này mãi, bây giờ thấy được nó chắc ông Cụ thích lắm!". Bức tranh sơn mài vẽ thiếu nữ khoả thân này sau đó được BS P.B.T. mang qua Mỹ.

Khoảng năm 1988, người viết đã giới thiệu cho Ô. K.T., chủ nhân nhà sách lớn nhất ở Sài Gòn cũ mua được một bức sơn mài cỡ 80cm x 140cm của Cụ Trí có tên "Đồi Thông vách đá". Đây là

một trong những bức nổi tiếng nhất của Cụ Trí. Ô. K. T. mang bức sơn mài này qua Mỹ nhưng rồi sau đó vào năm 1999 ông trở lại sinh sống ở Việt Nam nhưng không mang được nó trở về, hiện nay bức này vẫn còn thuộc quyền sở hữu của gia đình Ô. K.T. ở Mỹ, còn ông K.T. thì đã qua đời ở Việt Nam.

Người viết còn có một người bạn là một nhà sưu tầm "không chính thống" đã có may mắn mua được ba bức sơn mài lớn của Cụ Trí, vào lúc mà ít ai nghĩ tới tranh với pháo. Cả ba bức này đều là những bức loại lớn cỡ 180cm x 200cm và có thể hơn, một bức vẽ một con suối, bức thứ nhì vẽ đề tài quen thuộc là đề tài "Vườn Xuân" và bức thứ ba cũng là vẽ phong cảnh, trên có hai cảnh chùa. Anh bạn đã mang một bức qua Mỹ và còn lại để ở thành phố chúng ta hai bức. Một điểm đặc biệt là một trong ba bức đó, người viết không nhớ rõ là bức nào, do bị hư đã được chính Cụ Trí sửa lại, và sau khi Cụ Trí đã cẩn thận ký thêm một lần thứ nhì, do đó đây là một bức tranh đặc biệt mang hai chữ ký của Cụ Trí, rất có thể đây là bức duy nhất có hai chữ ký.

Trước ngày giải phóng, chủ nhân một hãng thuốc tây ở Tân Định, Dược sĩ P.H.S. là một người chơi tranh sơn mài của Cụ Trí khá sành sỏi. Ông đã có tới 5 bức, bức nào cũng lớn cỡ gần 2 thước chiều dài. Sau ngày giải phóng, người viết được giới thiệu để mua một trong năm bức tranh sơn mài lớn đó, lúc đó thuộc quyền sở hữu của chủ nhân một hãng làm ngói ở đường Thủ Khoa Huân vì cô cháu gái của ông này là thư ký của DS P.H.S. Đó là một bức tranh trừu tượng mà có người cho biết là đề tài lấy cảm hứng từ câu thơ: "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi" trong Chinh Phụ Ngâm. Người viết đã không mua được vì chủ nhân bức tranh đòi một giá quá cao. Nhưng rồi một thời gian sau, bức tranh đó lại lọt vào tay một người buôn bán đồ tầm tầm ở đường Nơ Trang Long. Anh này lại nhờ người viết giới thiệu để bác bức tranh đó cho một nhà sưu tập, anh này đã mua được và hiện vẫn còn đang giữ bức tranh đó tại thành phố của chúng ta.

Cụ Trí thường được các nhà chơi tranh, nhất là các bạn hữu của Cụ, đặt hàng và phải biết kiên nhẫn chờ Cụ làm và giao, thời gian phần lớn là do Cụ quyết định. Trước ngày giải phóng Cụ có nhận được đặt hàng của một viên Đại tá chế độ cũ T.M.C. Giám đốc Nha Quân Pháp chế độ cũ. Sau ngày giải phóng, viên Đại tá này phải đi học tập cải tạo gần 10 năm. Nhưng ngay sau khi ông ta được trở về, Cụ Trí đã hết sức cố gắng, mặc dù lúc đó sức khoẻ của Cụ đã không còn như trước, làm một bức sơn mài cuối cùng để trả nợ cho ông bạn mình. Đó là bức tranh trừu tượng cỡ 60cm x 80cm, theo chiều ngang, mà cụ đặt tên là bức "Lò cừ" (Lò cừ nung nấu sự đời, bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương). Ông T.M.C. đã qua đời, bức tranh hiện còn ở thành phố chúng ta, vì bà T.M.C. thay đổi ý kiến hoài, lúc thì muốn bán, lúc thì không, khiến người viết nản chí không muốn hỏi đến nữa. Bức cuối cùng này người viết thấy các gam màu hơi tối và cảm thấy nó không được lung linh huyền ảo như nhiều bức tranh khác mà người viết đã được thấy. Một điều đáng chú ý là bức tranh này Cụ Trí đã ký tên ở ngay chính giữa, chả hiểu khi làm vậy là ý Cụ muốn bày tỏ điều gì?

Trong khoảng 40 năm trời, người viết đã được trông thấy một số tác phẩm của Cụ Trí, đã có lúc sở hữu được 1, 2 bức, nhưng vì hoàn cảnh đôi lúc khó khăn nên đã không giữ được chúng.

Vì không phải là người trong nghề, mà chỉ là người yêu thích và tôn trọng tài năng của Cụ Trí, người viết không dám lạm bàn đến các đặc điểm nghệ thuật, kỹ thuật của tranh sơn mài Nguyễn Gia Trí, nhưng vì là người có được khá nhiều sách báo về nghệ thuật hội hoạ của Tây phương và nhất là những kỷ yếu của các nhà bán đấu giá quốc tế như Sotherby, Christie's v.v. đồng thời cũng đã từng được xem nhiều tranh sơn mài của các tác giả Việt Nam khác, nên sau khi đem so sánh nhiều tranh sơn mài của các nước lân cận và các tác giả Việt Nam, kể cả một vài bức tranh sơn mài của Nam Dương, của Mã Lai mà nhà Christie's đã bán được tới 3 triệu đô, người viết chỉ xin có một nhận xét rất ư là bình dân là khi để một bức tranh sơn mài của cụ Trí giữa các tác phẩm của các nhà khác, người viết có cảm tưởng mình đang trông thấy một con phượng vỗ cánh giữa một đàn...gà!

VŨ ANH TUẤN

Tranh sơn mài của họa sĩ Nguyễn Gia Trí

TRANH SƠN MÀI

KIÊM THÊM

*"Danh từ sơn mài **(laque)** là một danh từ mới đặt sau này để chỉ một kỹ thuật trước kia gọi là Sơn Ta nhưng đã biến hoá hẳn do nghệ thuật mài sơn. Kỹ thuật Sơn Ta cũng tương tự như sơn Tàu, có từ đời nhà Hán. Sử dụng cùng với Sơn Ta một nguyên liệu là sơn sống. Chất sơn sống này, ở nước ta, miền Phú Thọ sản xuất rất nhiều và vẫn bán sang Tàu cùng Nhật. Từ năm 1931 trở về trước, công dụng Sơn Ta cũng như Sơn Tàu ở Tàu và Sơn Nhật ở Nhật là phủ lên đồ vật làm nó tôn vẻ lộng lẫy, lên những vật dùng thường như cái khay, cái tráp, đôi guốc, đồ thờ như hương án dài, bát đĩa, đồ trang trí như câu đối, hoành phi, bình phong... màu sắc đại để có: son, đen, nâu, cánh gián, vàng, bạc theo cổ truyền. Nói rõ ra, Sơn Ta chỉ có công dụng trang trí, địa vị là ở trong trang trí. Mặc dầu ở Nhật, nghệ thuật sơn có tế nhị hơn cả, nhưng chưa một nước nào nghĩ đến tìm tòi, sử dụng nguyên liệu sơn một cách khác cổ truyền, phiêu lưu trong nghệ thuật sơn tìm một con đường nào tăng phẩm giá mỹ thuật sơn bằng cách phát minh thêm khả năng của nó. Từ 1931 trở đi, nhờ sự tìm tòi thiết tha của một số họa sĩ có tài bỏ sơn dầu để chuyển hẳn về sơn mài, Sơn Ta đã vượt được ra ngoài nơi cầm hãm, ngang nhiên trên đường bao la của hội họa, cứ phương trời xa lạ mà tiến. Từ cái tráp, chiếc guốc, nó vượt lên bức họa lồng khung quý giá, từ một phương tiện phụ thuộc làm tôn vẽ đồ vật, nó trở nên một phương tiện độc đáo diễn đạt nổi tâm hồn người nghệ sĩ, một phương tiện lấn át cả sơn dầu. Quên dĩ vãng Sơn Ta đổi tên nhũn nhặn là **Sơn Mài** (Tô Ngọc Vân)*

LỊCH SỬ TRANH SƠN MÀI

Thực chất, giai đoạn mới mở trường (1925-1930) chính là giai đoạn đầu tiên đánh dấu quá trình khám phá chất liệu sơn dầu châu Âu như một điểm tham chiếu cho sự phát triển các loại hình, chất liệu Á Đông.

Riêng về hội họa sơn mài, trên bình diện lịch sử, Claude Mahoudot cũng đã có những lời nhận định khá chính xác:

"Trường Mỹ thuật Hà Nội bắt đầu hoạt động từ năm 1926. Khoá đầu tốt nghiệp năm 1931. Mười lăm năm trong cuộc sống nghệ thuật của một nước có ý nghĩa gì? Tuy nhiên, công việc làm được rất lớn. Một giáo sư, Inguimberty, đã thực sự tạo ra được một phong trào hội họa, và đã đưa cái gọi là "sơn ta" (laque) vào phục vụ các họa sĩ. Chất sơn sau này hình như sẽ có một vị trí rất lớn trong lịch sử tương lai của nghệ thuật Đông Dương".

Năm 1934, xuất phát từ những đòi hỏi của thực tế nghiên cứu và thực nghiệm về "sơn ta" ngày càng trở nên nghiêm túc và có triển vọng, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đã "chính thức" mở xưởng kỹ thuật nghiên cứu "sơn ta", đặt cơ sở cho sự hoàn thiện về mặt kỹ thuật và cho sự phát triển của tranh sơn mài. Bốn năm sau, 1938, trường đã được tổ chức lại (theo nghị định ký ngày 24/5/1938 của Toàn quyền Đông Dương) và lấy tên là Trường Cao đẳng Mỹ thuật và Nghệ thuật thực hành Đông Dương

Theo đó, nhà trường có hai ban chính: ban hội họa, điêu khắc và sơn mài (section de peinture, sculpture et laque) và ban kiến trúc, đều thuộc ngành giáo dục đại học (l'enseignement supérieur).

Ba ban phụ thuộc về nghệ thuật thực hành: ban trần thiết (bậc 2), ban kim hoàn và chạm trổ (bậc1, nghề thủ công), ban gốm (bậc1) và cuối cùng là một lớp bổ túc (cours complémentaire) về hội họa

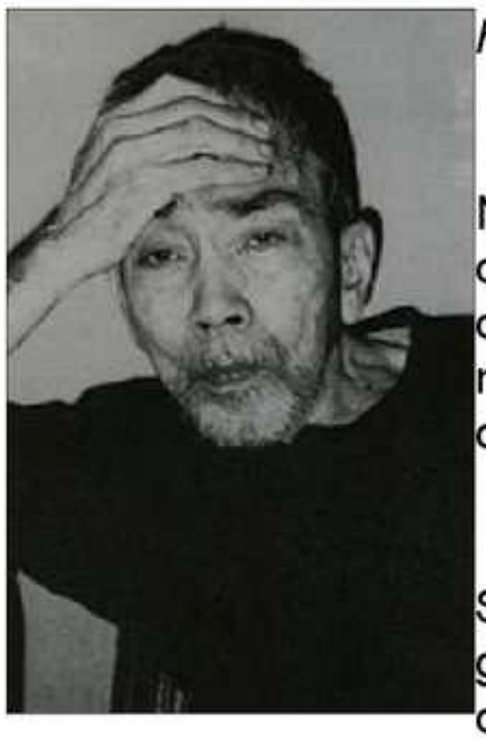

họa sĩ Nguyễn Gia Trí

Nếu bức tranh sơn mài "Bờ ao" (bình phong, sáu tấm, mỗi tấm 110x25cm) của Trần Quang Trân, sáng tác vào năm 1932, có thể được xem như bằng chứng đầu tiên khẳng định đẳng cấp "hội họa" đích thực của thể loại sơn mài - thì lịch sử biên niên của hội họa sơn mài trước và sau thời điểm ra đời của tác phẩm ấy quả là những bước đi dồn dập.

Sơn mài - tuy xuất hiện có muộn hơn đôi chút so với tranh lụa và tranh khắc gỗ (là những chất liệu hội họa đã có nền tảng ở Á Đông, tất nhiên) - nhưng có thể nói giấc mộng về một chất liệu hoàn toàn có tính dân tộc Việt Nam thì đã được các nghệ sĩ Việt Nam ấp ủ ngay từ ban đầu.

Trong sách "Các họa sĩ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương", họa sĩ Quang Phòng đã viết:

"...Sự kiện đặc biệt quan trọng ở thời kỳ đầu xây dựng nền hội họa hiện đại Việt Nam là sự xuất hiện tranh sơn mài. Từ kỹ thuật "sơn ta" cổ truyền đến kỹ thuật "sơn mài hiện đại" là cả một bước ngoặt lớn - đánh dấu kỷ nguyên về một chất liệu mới mang tính đặc thù dân tộc có khả năng áp dụng vào hội họa."

Đồng quan điểm với học giả người Pháp Claude Mahoudot, họa sĩ Quang Phòng khẳng định:

"Người quan tâm đến vấn đề này (tức vấn đề chuyển hoá "sơn ta" vào hội họa - sớm nhất là họa sĩ Joseph Inguimberty (1896 - 1971), bắt đầu ngay từ khi ông mới sang nhậm chức giảng viên môn trang trí Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, năm 1925."

Và dưới đây là một câu chuyện đã được họa sĩ Quang Phòng viết lại trong cuốn sách (đã dẫn), theo lời kể trực tiếp của họa sĩ Nguyễn Nam Sơn (1890 - 1973):

"...Nguyên một buổi được họa sĩ Nam Sơn hướng dẫn đi vẽ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Joseph Inguimberty đã thực sự sửng sốt, bàng hoàng trước các hoành phi, câu đối, đồ thờ sơn son thếp vàng lâu đời, lên nước thời gian, ngả sang các gam màu vô cùng phong phú và kỳ lạ, ở nhà đại bái. Ông đã đề xuất ngay ý kiến với hiệu trưởng Victor Tardieu để đưa sơn ta vào chương trình nghiên cứu và thực tập... Từ đó trở về sau, chất liệu sơn mài luôn luôn và bao giờ cũng là niềm kỳ vọng về sự sáng tạo một ngôn ngữ nghệ thuật riêng cho dân tộc của nhiều nghệ sĩ tài năng lớp trước..."

Sách "Lê Phổ", với lời tựa nhan đề "Người họa sĩ tuyệt diệu" của Waldemar George,

xuất bản tại Paris, 1970, trong phần niên biểu cho biết:

"1930. Ông tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Đông Dương, nhận những bản hợp đồng đầu tiên: những bình phong lớn bằng sơn ta và tranh trang trí cho Dinh Toàn quyền.

1931. Ông được Toàn quyền Đông Dương chỉ định làm phụ tá cho ông Victor Tardieu, Giám đốc nghệ thuật Toà Angkor tại triển lãm thuộc địa Paris. Thành viên ban giám khảo ngành mỹ nghệ do Jean Dunand - một chuyên gia về đồ sơn phương Đông, người đã trang trí cho con tàu thủy chở khách Normandie bằng những tấm sơn nổi danh - làm chủ tịch..."

Với bức hoành sáu tấm "Phong cảnh Bắc Kỳ", sáng tác vào khoảng 1929-1930 (sử dụng then, son, vàng và bạc), in trong tập "Ba trường mỹ thuật Đông Dương", nhân dịp Đấu xảo Paris 1931, có thể nói, Lê Phổ (1907-2002) là một trong số ít họa sĩ Việt Nam đầu tiên đặt chân trên con đường mới của chất liệu sơn ngàn năm cổ truyền của dân tộc.

Tuy nhiên, theo họa sĩ Hoàng Tích Chù, trong tập giáo trình về sơn mài: "...kết quả những bước đầu ấy vẫn chưa thoát được những hình thức trang trí cổ điển vì kỹ thuật chưa phát triển được, nên còn tình trạng đóng khung trong những phương pháp cũ trong việc làm sơn cũng như pha chế chất liệu và màu sắc.

Trong những thời kỳ ấy, mỗi màu sơn được sử dụng riêng cho những họa tiết, như núi thì màu đen, nhà cửa màu nâu, cây cối màu đỏ, trời thì thếp vàng... hòa sắc... chỉ vẻn vẹn có mấy màu đơn giản...

Từ màu nọ đến màu kia màu nào cũng đều sơn một nền màu nguyên vẹn, và mỗi màu sơn đều có cách biệt về mặt sơn cao thấp, nghĩa là trước khi bôi những màu sơn, trong lúc làm vóc phải can (in) bản họa tiết xuống và phải khắc những mảng màu cao thấp khác nhau của từng họa tiết...

... một số sinh viên tiếp tục nghiên cứu thực nghiệm đã phát triển thêm một bước nữa cho chất liệu sơn mài bằng cách áp dụng phương pháp gắn vỏ trứng rồi mài nhẵn trên những hình vẽ...

Nhưng vẫn phải còn chờ đợi một nghiên cứu tìm tòi mới nữa mới có thể đưa nền nghệ thuật sơn mài đến một trình độ nghệ thuật có khả năng diễn tả tình cảm, biểu hiện được hiện thực" .

Đến năm 1935, tại triển lãm SADEAI (la Société annamite d'Encouragement à l'Art et à l'Industrie/ Hội An Nam khuyến khích Mỹ thuật và Kỹ nghệ) lần thứ nhất, tổ chức ở Hà Nội, mùa xuân, có khoảng 200 bức sơn dầu, lụa, khắc gỗ, mực tàu trên giấy bản, nhưng chỉ có một bức bình phong "sơn" duy nhất của Lê Phổ, kỹ thuật và bút pháp vẫn hoàn toàn theo lối cũ.

Từ 1937, họa sĩ Lê Phổ sang Pháp định cư, và kể từ đó ông không còn có cơ hội để tiến xa hơn nữa trên con đường chinh phục chất liệu sơn mài - một công việc rất phù hợp với khả năng sáng tạo nghệ thuật toàn diện của ông.

Năm 1927, nghệ nhân Đinh Văn Thành (tức Phó Thành hay còn gọi là Thiềng, sinh năm 1898 - mất 1977) đã được mời vào làm việc tại xưởng nghiên cứu "sơn ta" (sơ khai) của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, bên cạnh Joseph Inguimberty - giáo sư phụ trách chuyên ngành trang trí."... Bác Thành kể lại cho tôi nghe cái việc tìm ra cách làm sơn mài - họa sĩ Lê Quốc Lộc đã ghi trong bài "Gặp gỡ nghệ nhân sơn mài cao tuổi Đinh Văn Thành" - Từ năm 1932, lớp sinh viên mỹ thuật thường sử dụng sơn ta để vẽ bài trang trí. Các thứ sơn cánh gián, sơn cánh gián pha son, lúc đó đều có pha dầu trẩu, gọi là sơn quang dầu. Vẽ xong, sơn khô là được, chứ không mài để ra tranh. Cho nên mặt sơn có dầu thường bóng loáng, gợn nét vẽ, không phẳng nhẵn, mịn màng như sơn mài về sau.

Có lần anh Trần Văn Cẩn vẽ hình con phượng bằng sơn then, rồi phủ sơn son lên hình phượng, phủ bằng sơn không có dầu mà có nhựa thông khi sơn khô bác Thành đem mài, hình phượng rõ ra, mặt tranh nhẵn phẳng. Sự tìm tòi ra cách làm này mở đầu cho kỹ thuật mài sơn, khiến người giáo sư Pháp (tức Joseph Inguimberty) khi xem quá mừng rỡ, đem đập vỡ hết các chai đựng dầu pha sơn. Ông ta cho rằng đó là một khám phá quan trọng đối với nghề sơn.

Căn cứ vào cách làm mới như trên, các sinh viên mỹ thuật hồi đó bổ sung thêm cho kỹ thuật, như gắn vỏ trứng, đắp sơn nổi, hoặc chế ra cát bạc, cát vàng rắc chìm trong làn sơn còn ướt, cốt tạo ra thêm hòa sắc và các sắc độ khác nhau.

Không phải là việc giản đơn, sự xuất hiện một sáng kiến vốn có quá trình tìm tòi công phu. Từ thượng cổ chưa hề đem nhựa thông thay dầu trong sơn cánh gián, nhựa chỉ có trong sơn then. Sáng kiến đó đem lại một tác dụng rất tốt đẹp góp phần làm phong phú nền nghệ thuật của dân tộc sau này.

Bác Thành nhớ khá rõ, về các tác phẩm sơn không mài và có mài vào những năm 1932-1937 của các sinh viên vẽ sơn ta ngày trước: ông Nguyễn Đăng Bốn (đúng ra là Vũ Đăng Bốn) vẽ sơn ta không mài trên bình phong, cảnh chùa Láng; ông Phạm Hữu Khánh vẽ sơn mài trên bình phong, cảnh đồng ruộng; ông Trần Quang Trân vẽ sơn mài trên bình phong một cảnh thôn Kim Liên có bụi tre bóng nước..., các ông Trần Văn Cẩn, Nguyễn Khang vẽ sơn mài trên các bình phong, cảnh ông nghè vinh quy,v.v.

Sơn mài Việt Nam ra mắt ở nước ngoài đầu tiên là tại hội chợ đấu xảo quốc tế ở Ba-Lê (Paris), thủ đô nước Pháp, vào năm 1937. Chính bác Thành là người có mặt tại hội chợ lớn này.

Lúc đó bác phó sơn Đinh Văn Thành, còn gọi là phó Thiềng, mặc áo the thâm, đội khăn gỗ, đi giày Gia Định. Con người cũ kỹ, chất phác như bác đã có những giờ phút bay bướm trổ tài thao diễn nghề sơn trước công chúng đến thăm hội chợ. Người dân Pháp thời ấy chỉ có thể hiểu việc đó là một thứ công nghệ ở một xứ thuộc địa xa xôi..."

Sự ra đời của chất liệu sơn mài đã diễn ra quả đúng như vậy, nhưng dưới đây là qua lời kể của họa sĩ Trần Văn Cẩn (1910 - 1994), Triều Dương ghi:

"...Người Pháp, với sự thính nhạy, nên ngay khi mở Trường Mỹ thuật Đông Dương đã chủ trương mở khoa sơn, dạy cho sinh viên nghề làm đồ sơn mỹ nghệ.

Bác phó Thành, một người nắm được rất nhiều kỹ thuật nghề sơn được mời về trường. Lê Phổ, Phạm Hậu, Nguyễn Khang, Trần Quang Trân là những sinh viên đầu tiên trong nhóm nghiên cứu sơn ta. Cho dù có thay đổi lối vẽ, cách vẽ, bút pháp đắp nổi, khắc chìm, chuyển từ làm hộp, khay, hoành phi sang phong cảnh, nhưng mọi sự tìm tòi này vẫn chưa thể thoát ly lối trang trí mỹ nghệ và kỹ thuật làm sơn thì vẫn rút từ bác phó Thành.

Hồi đó Trần Văn Cẩn đang tập nghề sơn, mà bài làm đầu tiên là chiếc hộp chữ nhật rồi tới một tấm trang trí có họa tiết chép được từ một cỗ kiệu ở đền Lý Bát Đế. Ông thắc mắc với bác phó Thành tại sao sơn then và chỉ có sơn then mới mài được mà sơn đỏ thì vẫn cứ phải để nguyên. Người thợ già tìm mọi lời giải thích để khẳng định đó là chuyện của người trước để lại, làm khác đi sẽ hỏng. Nhưng Trần Văn Cẩn đã thuyết phục được bác Thành thử pha trộn sơn khác lối vẫn làm từ xưa. Hai người hì hục mà phải làm giấu giáo sư (tức Joseph Inguimberty). Hai lần thử không kết quả, đến lần thứ ba, mới thành công. Với cách pha chế mới này (sơn pha nhựa thông), ông đã có thể vẽ nhiều lớp chồng lên nhau, và mài đều tất cả mặt tranh, cả đỏ, cả đen đều được. Từ đó một số anh em khác như được khích lệ bởi kết quả của Trần Văn Cẩn, đã tìm thêm màu và thuật ngữ sơn mài ra đời" ...

KỸ THUẬT SƠN MÀI

Nghề sơn mài ở đất Bình Dương xưa ra đời trong điều kiện lịch sử có nhiều lớp nghệ nhân từ miền Bắc, miền Trung vào miền Đông Nam Bộ để khai hoang lập ấp. Họ đã tận dụng nguồn gỗ vô cùng phong phú của vùng đất mới kết hợp với kỹ thuật truyền thống của cha ông để tạo ra nhiều sản phẩm gia dụng, nhiều tác phẩm mỹ thuật trang trí phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu thẩm mỹ của cộng đồng. Có thể nói Bình Dương - Thủ Dầu Một là vùng đất lâu đời với nhiều điều kiện ưu đãi của thiên nhiên để phát triển các nghề truyền thống, và đặc biệt vùng đất duy nhất này ở phía Nam (và cả nước) chứa đựng đầy đủ 3 loại hình của sơn mài truyền thống đó là: sơn mài trang trí, sơn mài ứng dụng và tranh sơn mài trong một không gian thống nhất nhưng lại rất riêng biệt về ngôn ngữ tạo hình và nghệ thuật thể hiện thông qua các đặc điểm nghệ thuật và kỹ thuật mà các nghệ nhân, họa sĩ đã khéo kết hợp giữa truyền thống và cách tân, giữa các vùng và địa phương để tạo nên một địa danh nghệ thuật, một thương hiệu nổi tiếng: Sơn mài Bình Dương.

Không phải ngẫu nhiên, sản phẩm sơn mài của Bình Dương lại nổi tiếng, được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng. Để sản xuất ra một sản phẩm hoàn chỉnh, từ gỗ nguyên liệu đến khâu

cuối cùng phải qua quá trình với 25 công đoạn. Công việc của mỗi công đoạn đòi hỏi phải có kỹ thuật riêng, vừa tỉ mỉ lại vừa công phu. Có công đoạn làm đi làm lại tới 6 lần mới đạt yêu cầu như công đoạn hom, sơn lót...

Quá trình thực hiện:

Quá trình thực hiện một sản phẩm sơn mài ứng dụng của Bình Dương rất phức tạp, công phu, trong đó, để bảo đảm độ phẳng, bóng láng nghệ thuật, người thợ phải gia công rất kỹ lưỡng các công đoạn, trung bình mỗi sản phẩm phải mất từ 3 tới 6 tháng mới đảm bảo yêu cầu chất lượng. Và trong quá trình thực hiện hệ thống quy trình đó, trải qua nhiều thời kỳ, những bí quyết nghề nghiệp được truyền thụ cho nhau trong từng gia đình, dòng họ, địa phương, chính nhờ vậy sản phẩm sơn mài mới đạt được giá trị nghệ thuật cao và độc đáo so với các sản phẩm sơn mài ứng dụng ở những nơi khác. Kỹ thuật sơn mài ứng dụng của Bình Dương vẫn giữ được nét đẹp truyền thống, đậm đà tính cách Á Đông.

Để một sản phẩm có giá trị và đảm bảo được độ bền, quy trình thực hiện cốt vóc là yếu tố khá quan trọng. Các họa sĩ, nghệ nhân ở Bình Dương đã tuân thủ nghiêm ngặt các bước thực hiện cốt vóc như sau:

I. Mài nhám gỗ, lót sơn sống hom sớ gỗ, làm phẳng mặt gỗ trước khi bọc vải.

2. Bọc vải lót sơn mặt gỗ: Dùng vải tám bọc sát và sơn lót lên mặt vải một lớp sơn nữa. Bọc vải nhằm giúp cho sản phẩm không bị co rút, méo mó hoặc bị nứt.

3. Hom chu: hom chu 3 lần để tăng tính bền chắc cho sản phẩm. Lần hom thứ ba, mài bằng đá, mực nang hoặc giấy nhám cho phẳng.

4. Lót và mài lót: Tiếp tục lót 3 lớp sơn sống, ủ khô, để tăng độ bền chắc của sản phẩm, cuối cùng mài lớp sơn tùy theo màu nền của đề tài.

Cách thể hiện:

Đến nay, qua khảo sát thực tế, kỹ thuật sơn mài Bình Dương bao gồm 7 hình thức thể hiện sau đây:

I . Vẽ màu vàng bạc:

a. Dát vàng làm nền: Sau khi sản phẩm được chuẩn bị xong phần cốt vóc, mài quang phẳng mịn xong đến giai đoạn tra sơn phủ hoặc sơn cẩm sách lên họa tiết thật mỏng, đem ủ cho ráo mặt sau

đó dùng vàng hay bạc dán lên sản phẩm, là đến giai đoạn vẽ hoạ tiết lên.

b. Dát vàng trên họa tiết: Sản phẩm đã được chuẩn bị phần cốt vóc, mài quang phẳng mịn, đánh bóng xong thì đến giai đoạn tra sơn phủ hoặc sơn cẩm sách (còn gọi là cẩm sắc) lên họa tiết thật mỏng, đem ủ cho ráo mặt sau đó dùng vàng hay bạc dát lên họa tiết, ủ khô vẽ chi tiết lên hoạ tiết .

2. Vẽ phủ (còn gọi là Vẽ phủ mỏng):

Dùng lớp sơn trong phủ lên để hình ảnh và màu sắc chìm dưới lớp sơn này. Tạo cho tranh cảm giác ẩn hiện, thường được áp dụng trong những đề tài như cá vàng, chim trĩ, hoa điểu.

3. Vẽ lặn :

a. Vẽ lặn mỏng: Sau khi lót, mài lót là in mẫu và vẽ hoạ tiết lên thật mỏng và đều, sau đó phủ lớp sơn cánh dán hoặc đánh lên một lớp verni.

b. Vẽ lặn phức tạp: là hình thức gồm nhiều chất liệu như vỏ trứng, ốc, vàng lá, bạc lá, cách thực hiện gồm nhiều giai đoạn: in mẫu, cẩn trứng, cẩn ốc, vẽ màu, theo các bước sau:

- Đặt mẫu vẽ lên sản phẩm.

- Đặt giấy can có rắc bột phấn vào giữa.

- Dùng bút chì cứng hoặc vật nhọn để đồ theo mẫu vẽ, vẽ nét phấn lại bằng cọ, chạm sơn đen, xong đem ủ khô. Phần nào cẩn trứng, cẩn ốc thì dùng dao cắt khoét xuống cẩn ốc, để khi vẽ lên tranh được bằng phẳng. ủ khô dùng sơn hoặc màu lót lên phần ốc và trứng rồi mài cho bằng phẳng, kế đến vẽ màu, tạo chất liệu vàng bạc cho bức tranh và làm phông. Sau khi hoàn chỉnh đem ủ khô, phủ mài đánh bóng. Cách thể hiện này có khác với cách thể hiện nhiều lớp màu theo từng mảng của truyền thống nhưng vẫn đạt hiệu quả trong suốt của chất liệu do vẽ bằng sơn ta và đáp ứng được thời gian thực hiện nhanh, mặt tranh luôn phẳng bóng có thể áp dụng trên nhiều loại sản phẩm như án gió, xa lông, bình soa, liễn thờ...

Mài: Dùng giấy nhám mịn mài đều, nhẹ tay, lúc mài phải luôn có nước, xoa đều cho đến khi tranh phẳng và đúng theo mẫu, đây là công đoạn quan trọng quyết định giá trị sản phẩm.

Đánh bóng: Đầu tiên dùng bột than, bột chu gói trong túi vải thưa, chà sát đều sản phẩm, sau đó dùng lòng bàn tay chà sát thật mạnh cho đến khi mặt phẳng hơi nóng, cuối cùng lau dầu bóng.

4. Cẩn ốc: Không phải là khâu chính trực tiếp tạo ra sản phẩm, tuy nhiên cẩn ốc cũng giúp cho sản phẩm có giá trị cao về mặt nghệ thuật mỹ thuật. Thợ khảm dùng nguyên liệu là gỗ (thường là loại tốt), sơn ta (dùng để gắn) và vỏ trai, vỏ ốc để tạo ra những sản phẩm, những mặt hàng cao cấp về thủ công mỹ nghệ.

Người thợ khảm tiến hành nhiều công đoạn như: vẽ mẫu, mài, cưa, chạm, hạ mặt, mài dũa, đánh bóng vỏ ốc, trai.

a. Cẩn chìm: Trước đây, theo lối truyền thống ở Hà Nội thì cẩn sau giai đoạn mài lót, dùng dao khoét sâu chỗ cẩn phủ sơn sống để giữ dính xà cừ đặt vào, lót thêm hai hoặc ba lớp sơn để phủ kín chỗ hở. Sau này, nghệ nhân Bình Dương nghiên cứu cẩn ốc vào sau giai đoạn mài hom, và tiếp tục hom cho bằng mặt ốc, dùng nhám và nang mực mài cho mặt ốc hơi cao hơn mặt sơn hom một ít, sau đó dùng sơn lót lên mài cho bằng phẳng quang hoặc phủ là xong. Như vậy sẽ giảm được nhiều công đoạn và tiết kiệm công và vật tư.

b. Cẩn nổi: Cẩn lên trên lớp sơn hom đã mài phẳng, sau đó lót tiếp vài nước sơn sống cho bằng mặt với xà cừ, ủ khô, mài phẳng. Sản phẩm khi hoàn chỉnh mặt ốc cao hơn mặt tranh. Thể loại này thực hiện nhanh ít tốn công và vật tư.

5. Cẩn vỏ trứng: Dùng vỏ trứng kết hợp với kỹ thuật sơn mài truyền thống (sơn ta), nhưng khác ở chỗ vỏ trứng trên nền sơn phẳng không chỉ tạo mảng màu trắng mà có thể cẩn riêng thành một thể loại hay đề tài như chân dung, phong cảnh, cảnh sinh hoạt, lao động v.v... Cẩn vỏ trứng có nhiều kỹ thuật: cẩn úp, cẩn ngửa, trứng rây với nhiều sắc độ bằng cách chuyển đậm nhạt hoặc nướng vỏ trứng trước khi cẩn, hay tạo nhiều mảng vỏ trứng lớn nhỏ khác nhau. Vỏ trứng còn kết hợp với vẽ màu tạo ra nhiều hiệu ứng quý. Các cơ sở sơn mài ứng dụng Bình Dương đã thực hiện nhiều sản phẩm lớn như đĩa tròn đường kính 1,5m, bình cao 2,4m cẩn vỏ trứng với đề tài phong cảnh, hoa văn trang trí... Cách cẩn mới của các họa sĩ là vỏ trứng được phủ hầu như toàn bộ sản phẩm, không thành mảng tách bạch, mà nó vừa lấn át một cách kín đáo trên bề mặt rộng, vừa ẩn sâu trong mọi vật, đem lại những hiệu quả bất ngờ.

6. Khắc trũng: Là hình thức được khách hàng yêu thích nhiều, được thực hiện trên tranh, bình, hũ, hộp. Sau khi làm bóng, can mẫu, dùng dao, đụt bén nhọn khắc trũng xuống, hoặc xủi lên họa tiết rồi tô màu. Có thể tô màu dầy lên bằng phông rồi đánh bóng sau, đề tài thường được thể hiện là hoa điểu, phong cảnh, đền chùa...

7. Đắp nổi: Sau khi làm bóng, dùng chu trộn sơn thành chất dẻo để đắp nổi lên. Hoặc đắp nổi lên tranh sau đó mài phẳng là đến giai đoạn làm phông, quang, mài phẳng và vẽ.

Pha chế sơn:

Yếu tố kỹ thuật trước hết phải kể đến khâu pha chế nhựa sơn. Để có được một kỹ thuật độc đáo, nghệ nhân và họa sĩ Bình Dương đã không ngừng tìm tòi sáng tạo ra một phương pháp, một cách thức thể hiện riêng để phục vụ cho các thể loại, sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. Kỹ thuật thể hiện phong phú qua nhiều thể loại, việc pha chế sơn cũng đòi hỏi có những kỹ thuật khác nhau, mỗi thể loại cần một cách pha chế riêng. Ví dụ như khắc trũng là loại tranh phần lớn được quang bóng xong mới khắc xuống nên lớp sơn phía dưới phải dẻo, bền chắc, không dòn và có độ dày đều nhau, do đó, khi pha chế sơn Phú Thọ các nghệ nhân và họa sĩ Bình Dương đã pha trộn thêm sơn Nam Vang có tính dẻo vào để khi khắc xuống không bị bể, nứt hoặc hư nét. Sơn dùng phủ cá vàng khi pha chế phải trong, bóng, có như vậy khi mài ra mới thấy rõ từng vảy cá ẩn hiện dưới làn nước. Sơn quang đen, quang son, cần độ dẻo, sơn tỏa khi quang không bị trằn, quánh đặc, không đều. Nhiều sản phẩm quá lớn lại tranh thủ làm ban đêm cho nên các nghệ nhân tìm cách làm cho sơn chín và tỏa để có thể quang cả ban đêm. Với kỹ thuật quang sản phẩm tủ, án gió lớn phải là thợ có tay nghề cao vì yêu cầu ra sơn phải thật đều, nhanh tay, mặt sơn phải thật đều và tỏa, yêu cầu không bụi, không sọc thép, không dày hoặc mỏng, có như thế khi mài quang mới đạt, nếu có sơ xuất thì phải phủ lại toàn bộ.

Ở phía Bắc thế mạnh là những sản phẩm nhỏ, yêu cầu về số lượng, phần lớn tranh thủ thời gian nông nhàn nên tiến độ thi công rỗi rãi hơn. Pha chế bằng sơn Phú Thọ, độ trong nhiều và sơn mau khô hơn. Sơn Bình Dương pha chế thường có thêm sơn Nam Vang nên sơn thêm độ dẻo và ấm (nâu đậm) hơn. Cách pha chế của mỗi miền và nghệ nhân đều khác nhau, nhưng mỗi cách pha chế có ưu điểm riêng nhằm đạt đến hiệu quả tốt nhất. Khi thực hiện phải tính toán chu đáo từng lớp để tiết kiệm thời gian và vật tư mà sản phẩm vẫn đẹp. So với những sáng tác tạo hình của các họa sĩ Hà Nội thì cách thực hiện của sơn mài Bình Dương đơn giản hơn, chất liệu và phương pháp tạo hình mang tính ước lệ, thực tế và mang tính ứng dụng. Nên việc thực hiện thuận lợi và nhanh. Từ đó có thể giải quyết được số lượng lớn sản phẩm cho nhu cầu khách hàng.

Trong nghề sơn cổ truyền hay hiện đại, kỹ thuật pha chế sơn đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sơn là nguyên liệu chính và cũng là yếu tố hàng đầu quyết định chất lượng sản phẩm. Bằng phương pháp sản xuất hiện đại, sử dụng sơn keo hóa học kết hợp với sơn ta, một số nghệ nhân, họa sĩ trẻ Bình Dương vẫn đang tìm tòi thể nghiệm để tiếp tục tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng dựa trên kỹ thuật sơn mài truyền thống. Điều này cũng là tất yếu trong cơ chế kinh tế thị trường, của cạnh tranh khốc liệt mà Bình Dương là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước. Chúng ta chấp nhận thực tế sinh động này như là yếu tố ngoại sinh mà PGS - TS Nguyễn Tri Nguyên đã viết: "Di sản văn hóa mà cốt lõi của nó là truyền thống văn hóa, đóng một vai trò rất quan trọng với tư cách là nguồn lực nội sinh cho quá trình tiếp biến văn hóa. Trên con đường hiện đại hóa văn hóa, xã hội và con người, một sự phát triển nội sinh của văn hóa dân tộc, - xuất phát từ những nhu cầu và điều kiện bên trong, có vai trò động lực. Truyền thống văn hóa dân tộc đã chuẩn bị cho văn hóa phát triển theo hướng hiện đại. Chỉ với một sự phát triển như thế mới có thể vừa đổi mới, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hóa. Trong sự phát triển đó, yếu tố giá trị được gia tăng" ("Văn hóa - tiếp cận lý luận và thực tiễn", NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 2006, tr. 235).

Tóm lại, có thể khẳng định yếu tố kỹ thuật đã tạo nên nét độc đáo của sơn mài ứng dụng Bình Dương qua việc tiếp thu kỹ thuật sơn mài truyền thống. Với lịch sử phát triển hàng mấy trăm năm, nghề sơn mài ở đất Bình Dương đã trở thành vốn quý về mỹ thuật, thể hiện bản sắc văn hóa của địa phương. Nó kế thừa nghề sơn truyền thống của dân tộc, phát huy đến đỉnh cao chất liệu truyền thống và nghệ thuật thể hiện, tiếp cận với các xu thế mỹ thuật hiện đại. Nghề sơn mài Bình Dương đã tồn tại và truyền từ đời này qua đời khác bằng bàn tay, khối óc và tâm huyết của biết bao thế hệ, nó đã để lại dấu ấn trong đời sống qua biết bao sản phẩm, góp phần vào di sản truyền thống mỹ thuật Việt Nam.

Kỹ thuật mới:

Ngày nay, trong điều kiện mới, cuộc sống, con người và nghề nghiệp, ở lĩnh vực nào cũng có thể có cơ hội đồng thời có thách thức mất còn. Trong làn sóng công nghiệp hóa của xã hội hiện đại với kiểu sản xuất hàng loạt, tiêu dùng ồ ạt, một số người làm sơn mài theo kiểu "hàng chợ", khiến cho nhiều sản phẩm không còn giữ được vẻ đẹp của sơn mài truyền thống. Người ta chạy theo thị hiếu khách hàng với sự hào nhoáng của nhiều loại chất liệu "phi sơn ta" dẫn đến tình trạng sơn mài giả hiệu, kém phẩm chất đầy rẫy ở các cửa hàng, nhà sách, khu du lịch. Cũng bắt đầu có dư luận chê cái kỹ thuật theo truyền thống là cổ hủ và một loạt sản phẩm, tranh sơn mài phủ bạc dập các màu xanh đỏ rồi phủ lên một lượt sơn bóng Nhật Bản đã xuất hiện làm cho vàng thau lẫn lộn. Nghề sơn mài truyền thống đã dần bị mai một.

Một số họa sĩ trẻ và nghệ nhân đã đóng góp đáng kể cho sơn mài ứng dụng Bình Dương trong thập niên 90 bằng sự ra đời một dòng sản phẩm mỹ nghệ theo kỹ thuật mới. Dầu vậy, so với danh tiếng sơn mài Thanh Lễ hay Trần Hà những năm 60 về chất lượng không thể bằng được. Sơn mài ứng dụng Bình Dương cũng còn nhiều hạn chế cần được khắc phục. Do đó, việc nghiên cứu, tìm hiểu về kỹ thuật sơn mài ứng dụng của Bình Dương làm cơ sở nhận thức để các họa sĩ (nhất là

các họa sĩ trẻ), các nghệ nhân hãy cùng góp phần khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề sơn mài Bình Dương trong tương lai.

TRANH SƠN MÀI HIỆN ĐẠI

Nghệ thuật sơn mài Việt Nam gần một thế kỷ đồng hành cùng các họa sĩ tâm huyết luôn tìm tòi, nghiên cứu làm giàu đẹp thêm tiềm năng lớn lao của chất liệu tạo hình độc đáo này. Từ một chất liệu trang trí cổ truyền họ đã góp công chuyển thành chất liệu nghệ thuật. Tính truyền thống ấy càng đậm đà hơn qua bàn tay điêu luyện và yêu nghề của các nghệ sĩ nhiều thế hệ đã biết tiếp thu tinh hoa nghệ thuật thế giới và dân tộc làm phong phú thêm ngôn ngữ của nghệ thuật sơn mài Việt Nam hiện đại.

Từ thực tế sáng tác phong phú, đa dạng của thời kỳ có quá nhiều khúc xạ trong nghệ thuật hiện nay, một điều chúng ta nhận thấy là: Nếu như trước đây các họa sĩ trẻ trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đã học tập và sử dụng kỹ thuật tạo hình, phối cảnh, màu sắc, bố cục của hội họa châu Âu nhưng lại chuyên chở được nét đặc sắc cái hồn của phương Đông trong cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của mình đối với chất liệu của dân tộc, thì ngày nay, cũng với chất liệu ấy, các họa sĩ trẻ đang khoác cho nó một chiếc áo mới với đủ mọi màu sắc, xu hướng của thời đại. Đây là một tín hiệu đáng vui mừng nhưng đồng thời cũng là hồi chuông báo động về những khuynh hướng lệch lạc của một số họa sĩ chạy theo "kinh tế thị trường" đánh mất tính truyền thống của chất liệu dân tộc.

Truyền thống, theo họa sĩ - nhà lý luận phê bình Nguyễn Quân đã viết: "Như một khái niệm quan trọng trong thời đại giao lưu và thông tin ngày nay, thật không dễ định nghĩa". Tuy nhiên, phân ngữ nghĩa cốt lõi của nó theo suy nghĩ của ông, "truyền thống là sự lấy lại những suy nghĩ, những xúc cảm, những hành vi của một tập đoàn xã hội, của một con người hay một dân tộc. Truyền thống giúp cho con người giữ lại những thành quả của quá khứ để không phải làm lại từ đầu. Truyền thống vì thế là bậc thang để nhân loại tiến lên phía trước". (Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật số 4 (87), 1989 trang 16 - 20)

Thiết nghĩ, bảng màu của sơn mài truyền thống tự thân nó ít ỏi, tuy nhiên từ trước tới nay chưa có ai – kể cả các họa sĩ nổi tiếng – dám cho là mình đã khai thác hết khả năng của chất nhựa cây kỳ diệu mà tự nó đã có thể biến hóa thành hai màu chủ yếu: Cánh gián và then, rồi từ hai màu này lại có thể tạo ra vô số những sắc nhị và sắc độ khác nhau. Việc tiếp thu truyền thống trong tranh sơn mài trước hết là ở khâu chế biến nhựa sơn qua các công đoạn nghiêm ngặt, vất vả và khả năng ứng dụng chất nhựa sơn vào tác phẩm của từng nghệ sĩ như thế nào, chứ không phải vay mượn một loại sơn công nghiệp ngoại nhập khoác lên nền vóc những vật liệu mỹ nghệ rẻ rúng, không chịu được sự thử thách của mắt nhìn và thời gian.

Họa sĩ không chỉ vẽ bằng mắt và tay mà vẽ bằng cả trái tim và cái đầu nữa. Do đó, khi nói đến tính truyền thống trong tranh sơn mài không thể chỉ đề cập đến kỹ thuật chất liệu mà phải xem xét cả phong cách tạo hình và nội dung chủ đề. Đây lại chính là bản lĩnh sáng tác của họa sĩ, là khả năng biểu cảm nghệ thuật thông qua phong cách trong bố cục, trong việc xây dựng hình tượng điển hình và trong bút pháp, màu sắc diễn tả. Bởi vì, chất liệu dù có quý giá, quan trọng nhưng sẽ vô hồn nếu thiếu bàn tay của người nghệ sĩ mang đến cho nó một sức sống rung động lòng người. Vì vậy, cần có những họa sĩ tài năng, cảm nhận sâu sắc chất liệu và làm chủ kỹ thuật biểu hiện. Để có được một bố cục, một phong cách tạo hình và một chất liệu phù hợp với chủ đề tư tưởng của một tác phẩm không phải là một công việc dễ làm và trong một sớm một chiều của một người "dễ

tính"... Để có được tính truyền thống đó, người nghệ sĩ phải sống, học hỏi và lao động như thế nào?!

Sau cùng, truyền thống được nhắc đến như một phương pháp nhìn nhận, chắt lọc và tái hiện cuộc sống. Cha ông ta từ bao đời nay với đức tính cần cù, trung thực, lạc quan, vị tha để chiến thắng thiên nhiên khắc nghiệt cũng như mọi quân thù xâm lược, đã hình thành nên một "cách nhìn" vô cùng thực tế, cụ thể nhưng cũng vô cùng tinh tế, lạc quan, cho nên, công chúng thưởng thức khó có thể chấp nhận xu hướng gợi cảm thông qua những tín hiệu nghệ thuật, nhất là với những gợi cảm "vô hình" hay "siêu hình" như hiện nay của một số họa sĩ.

Do đó, khả năng nắm bắt và tái hiện cuộc sống thực tế như là mạch giống nòi chảy xuyên qua bao thế hệ nghệ sĩ, như một lời động viên hun đúc: Vẽ cái gì, vẽ cho ai và vẽ như thế nào? Họa sĩ có quyền chọn một đề tài nhất quán trong sự nghiệp sáng tác cũng có thể cùng lúc vẽ nhiều đề tài phản ánh cuộc sống vận động quanh mình. Cái cần học ở truyền thống, ở các tác giả lớn là cách nhìn đời sống chứ không phải là những nét hình cụ thể trong tác phẩm. Tất cả là ở thái độ của người vẽ trước cuộc sống. Bởi vì, nghệ thuật chính là con người nghệ sĩ thông qua tác phẩm được công chúng chấp nhận. Đó chính là một yếu tố không thể thiếu của truyền thống và cũng chính là quan điểm nghệ thuật của người viết vậy.

Quy luật phát triển của nghệ thuật Việt Nam là sự thống nhất giữ truyền thống và hiện đại, giữa nhân tố bản địa và nhân tố ngoại nhập, giữa đối tượng được phản ánh với chủ thể phản ánh. Vấn đề đặt ra không phải là mới hay cũ về mặt hình thức và phương tiện biểu hiện mà ở chỗ nó đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của nhân dân Việt Nam. Người viết hoàn toàn đồng ý với quan điểm này, và một vài suy nghĩ trên không nằm ngoài việc khẳng định sự thành công của nghệ thuật sơn mài Việt Nam hiện đại bên cạnh việc tiếp thu tính truyền thống đã làm nên tính độc đáo của một chất liệu dân tộc để chia sẻ cùng các anh chị tâm huyết (nhất là các họa sĩ trẻ) trong việc làm giàu đẹp thêm ngôn ngữ của nền nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

NGHỀ SƠN MÀI Ở BÌNH DƯƠNG

Bình Dương, trong tiến trình phát triển mang đậm nét văn hoá thủ công truyền thống và, sơn mài là một trong những làng nghề nổi tiếng, đã tồn tại trên địa bàn hơn 300 năm. Từ lối chế tác cha truyền con nối, các lớp nghệ nhân đã dày công gửi cả tâm huyết để dần hoàn thiện tác phẩm sơn mài nghệ thuật lừng danh, với vẽ đẹp lộng lẫy và sâu sắc.

Các nghề thủ công truyền thống sơn mài, chạm khắc, đồ mộc đã có từ rất sớm và phát triển mạnh ở đất Thủ – Bình Dương, vùng được định hình và phát triển nghề chủ yếu ở thị xã Thủ Dầu Một (Chánh Nghĩa, Phú Cường, Tương Bình Hiệp, Tân An, Định Hòa (thị xã Thủ Dầu Một).

Theo tư liệu lịch sử "Gia Định Thành Thống Chí" của Trịnh Hoài Đức, thì nghề sơn mài ở Bình Dương có từ thế kỷ XVII, do di dân từ miền Trung, miền Bắc mang theo vào vùng đất mới. Sau thời gian khai khẩn đất đai, đồng áng, sinh cơ lập nghiệp, họ đã thực hiện những bức tranh sơn mài đầu tiên – chủ yếu quét sơn vẽ tranh cảnh. Những bức vẽ cây đa, bến nước, mái đình, tre làng, ... được tái hiện trên tranh giúp họ vơi đi nỗi nhớ quê nhà...

Làng Sơn mài được biết đến nhiều và tiêu biểu nhất ở Bình Dương là làng sơn mài Tương Bình Hiệp ra đời vào thế kỷ XVIII. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí có ghi: "... ở làng Thủ Dầu Một, dân chúng có nghề làm sơn theo kiểu cổ khá thịnh vượng...". Người Bình Dương thời ấy đã sớm nhận ra lợi thế của vùng đất này và đã dần hình thành nên làng thủ công đặc sắc. Với nguồn nguyên liệu gỗ các loại, kết hợp với sơn dầu Phú Thọ – một loại nhựa có màu sắc đẹp, lạ, bóng, bền đã tạo nên lớp men đen bóng cho những tác phẩm đơn giản ban đầu mà nghệ nhân đã không ngừng hoàn thiện kỹ thuật đã đào tạo lớp kế thừa nghề cổ truyền và phát triển lâu dài trong xã hội.

Dưới thời thuộc Pháp năm 1901, thực dân Pháp cho mở trường dạy nghề Mỹ nghệ gọi là Trường Bá nghệ thực hành Thủ Dầu Một, để phục vụ công tác khai phá thuộc địa. Từ đó, nghề thủ công mỹ nghệ có thêm đội ngũ thợ lành nghề được đào tạo chính quy-đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của các nghề thủ công cổ truyền ở Bình Dương.

Đầu Thế kỷ XX, các nhóm thợ "Thủ" tập trung tại làng Tương Bình Hiệp – Phú Cường chủ yếu sản xuất các mặt hàng sơn mài và điêu khắc gỗ. Tên tuổi các thợ Xù Nhồng, Phèn, Dựa được vang danh khắp nơi cùng lớp nghệ nhân trẻ có học vấn, tốt nghiệp ở các trường mỹ thuật như Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương, mỹ thuật Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

Theo số liệu thống kê năm 1945, ở Bình Dương có 10 cơ sở sản xuất sơn mài, riêng làng Tương Bình Hiệp có hơn 300 hộ gia đình làm nghề, đặc biệt, xưởng sơn mài Thành Lễ thành lập 1943 là cơ sở sản xuất lớn nhất thời bấy giờ, tạo tiếng tăm trong và ngoài nước.

Đỉnh cao của sơn mài Bình Dương là ở thời điểm 1945 – 1975. Sự ra đời của xưởng sơn mài Thành Lễ, do hai nghệ nhân Trương Văn Thành và Nguyễn Văn Lễ sáng lập. Xưởng lúc bấy giờ quy tụ được nhiều nghệ nhân nổi tiếng trong vùng như Thái Văn Ngôi, Ngô Từ Sâm, Trần Văn Nam... hàng sơn mài giai đoạn này xuất khẩu sang các nước Châu Âu, có giá trị thương mại lớn. Hàng sơn mài thời này đạt đỉnh cao về số lượng với trình độ mỹ thuật và chất lượng nghệ thuật, sự đa dạng phong phú. Đó là thời vàng son nhất của ngành sơn mài. Tại H*ội chợ Munich* (Đức) 1964, sản phẩm được tặng huy chương vàng, *Hội chợ công thương sài gòn 1974*, *Triển lãm kinh tế, khoa học kỹ thuật toàn quốc năm 1975* sơn mài Bình Dương được tặng huy chương vàng.

Sơn mài – sản phẩm truyền thống độc đáo

Sơn mài Bình Dương nổi tiếng được khách hàng ưa chuộng, bởi từ nguyên liệu gỗ đến khâu cuối cùng của sản phẩm phải trải qua quá trình 25 công đoạn, mỗi công đoạn đòi hỏi một nghệ thuật riêng tỉ mỉ và công phu. Một quy trình sơn mỗi sản phẩm phải mất từ 3 đến 6 tháng mới đảm bảo yêu cầu chất lưyng.

Năm 1975 đến nay, sau nhiều biến đổi, ngành sơn mài ổn định và phát triển. Sơn mài cổ điển vẫn được ưa chuộng, thêm vào đó hàng loạt các mẫu mã hiện đại, phù hợp với yêu cầu cơ chế thị hiếu mới.

Trải qua nhiều thế hệ, sơn mài trên vùng đất Bình Dương vẫn giữ được nét đẹp truyền thống, đó là sự tinh xảo, nhẹ nhàng thanh thoát, đậm đà tính cách Á đông. Ngày nay, các cơ sở tại làng sơn mài Tương Bình Hiệp có khả năng sản xuất khá đa dạng các sản phẩm sơn mài, từ những bức tranh nghệ thuật đến các loại tủ, bàn ghế... Bên cạnh các loại tranh sơn mài, còn có các sản phẩm sơn mài để sử dụng và trang trí như: bình, lọ, dĩa, vòng tay, hộp... Sản phẩm sơn mài nói chung có rất nhiều phương pháp thể hiện như: sơn mài sơn lộng, sơn mài vẽ mỏng, sơn mài khoét trũng, sơn mài đắp nổi, sơn mài cẩn trứng, sơn mài cẩn xà cừ, cẩn ốc,... sự đa dạng về sản phẩm, về sự kết hợp sơn mài với các chất liệu khác như gốm, tre,... có nhiều xưởng sản xuất, xuất khẩu hàng sơn mài như các xí nghiệp Thành Lễ, Đồng Tâm, Hùng Hương,...

Với bề dày truyền thống và lịch sử phát triển vùng đất hơn 300 năm, nghề sơn mài trên đất Bình Dương vẫn giữ vững đậm đà bản sắc dân tộc. Ngày nay, sự phát triển về khoa học công nghệ, nghề sơn mài từ sự kế thừa truyền thống kết hợp với hiện đại đã góp phần tạo nên tính đa dạng mẫu mã, phong phú về chất liệu... Sơn mài đã và đang là nguồn cảm hứng thẩm mỹ của các thế hệ nghệ nhân tài hoa, là tiếng nói nghệ thuật mang tính nhân bản cho bạn bè trong nước và thế giới hiểu thêm về bản sắc độc đáo của văn hóa dân gian Việt Nam.

Làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp không những là niềm tự hào của bao thế hệ nơi đây, mà còn là một nét văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng đất đáng trân trọng. Được sự quan tâm của chính quyền địa phương, các cấp các ngành, cùng với sự đồng lòng của nghệ nhân, người thợ, doanh nghiệp yêu nghề, ngày 29 tháng 8 năm 2006, Hiệp hội Sơn mài – Điêu khắc Bình Dương được thành lập tại Quyết định số: 3838/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Hiệp hội sẽ là cầu nối quan trọng, góp phần gìn giữ và phát huy thế mạnh nghề truyền thống sơn mài ở Bình Dương.

Sơn mài Bình Dương trước nguy cơ mai một

Làng sơn mài Tương Bình Hiệp tính đến nay đã hình thành và phát triển được gần 200 năm. Vào những năm đầu Thế kỷ XX, Tương Bình Hiệp cùng với làng nghề điêu khắc gỗ Phú Thọ và làng nghề gốm sứ Chánh Nghĩa đã làm cho Thủ Dầu Một - Bình Dương nổi tiếng khắp cả nước về văn hóa truyền thống trong các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

Sản phẩm sơn mài Tương Bình Hiệp được làm theo phương pháp thủ công vừa tinh xảo lại vừa bền. Trải qua nhiều thăng trầm, biến đổi, làng sơn mài Tương Bình Hiệp vẫn tồn tại đến hôm nay.

Sự sáng tạo, óc thẩm mỹ của những người thợ còn mang lại sự mới lạ cho các sản phẩm. Ngoài cách làm sơn mài truyền thống khảm vỏ ốc lên gỗ thì những người thợ còn dùng những chất liệu cẩn khảm từ tre, nứa, vỏ cây với các sản phẩm bình, chậu, tranh… nhiều kích cỡ khác nhau.

Các sản phẩm cũng ngày càng phong phú, phù hợp với yêu cầu của cơ chế thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Cũng chính nơi đây đã sản sinh ra nhiều thế hệ nghệ nhân tài hoa, đưa sản phẩm sơn mài Tương Bình Hiệp đi nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Pháp, Đức, Nhật Bản…

Điều đáng buồn là theo thời gian, số hộ gia đình làm nghề sơn mài ngày càng ít đi. Nếu như 5 năm về trước, toàn xã Tương Bình Hiệp có trên 400 hộ làm nghề sơn mài truyền thống thì hiện nay chỉ còn gần 100 hộ "đeo bám" nghề này.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự đi xuống của làng nghề truyền thống này. Khi có nguồn khách hàng dồi dào, nhiều cơ sở sản xuất sơn mài Tương Bình Hiệp đã thành lập doanh nghiệp để thuận tiện cho việc xuất khẩu hàng hóa, đồng thời sản xuất đại trà theo phương pháp công nghiệp. Là nghề thủ công truyền thống, nhưng lại sản xuất theo phương pháp công nghiệp cũng là một trong những nguyên nhân làm cho làng sơn mài Tương Bình Hiệp "chết" dần.

Trước đây, để làm ra một sản phẩm sơn mài thủ công, phải trải qua nhiều khâu đọan, từ việc tạo dáng gỗ đến mài nhám rồi vẽ hình, phủ sơn, đánh bóng. Hình ảnh được khắc họa lên sản phẩm sơn mài thường mang màu sắc dân gian như chim muông, hoa lá, phong cảnh thiên nhiên... với 25 thao tác.

Còn với lối sản xuất đại trà, một sản phẩm chỉ trải qua 10 thao tác. Lối sản xuất hàng loạt cũng khiến cho các nghệ nhân không kịp sáng tạo, nên hình hài bức tranh cũng không gần gũi và tinh xảo. Vì vậy, khách hàng cũng không còn ưa chuộng như xưa.

Thực tế hiện nay cho thấy, ngoài khó khăn do giá cả vật tư tăng cao, làng nghề này còn bị thiếu nhân công, đặc biệt là nhân công có tay nghề cao. Nhiều người đã bỏ nghề làm sơn mài để đi làm những công việc khác có thu nhập cao hơn. Dấu hiệu mai một làng nghề truyền thống này ở Bình Dương đang trở nên rất gần.

"Khi doanh nghiệp tính giá với đối tác nước ngoài sẽ phải tính giá thành trong cả 1 năm, do vậy khi giá vật tư đầu vào tăng lên quá thì doanh nghiệp dễ bị lỗ. Hơn nữa, bây giờ sản xuất quy mô lớn cần phải được hỗ trợ về kỹ thuật, cải tiến phương thức sản xuất sao cho hiệu quả. Nhiều khi có đơn hàng lớn doanh nghiệp vừa không có đủ công nhân và kỹ thuật nên đã không thể làm cho nhanh và đẹp dẫn đến bị phạt hợp đồng là chuyện đương nhiên", ông Lê Bá Linh, Chủ tịch Hiệp hội Sơn mài tỉnh Bình Dương cho biết.

Làng tranh sơn mài Tương Bình Hiệp thuộc thành phố Thủ Dầu Một, là chiếc nôi của ngành sơn mài mỹ thuật Bình Dương với lịch sử gần 200 năm hình thành và phát triển. Thời hoàng kim, nơi đây có nhiều cơ sở, xí nghiệp quy mô sản xuất lớn , góp phần giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động và đem lại thu nhập cao cho nhiều gia đình. Tuy nhiên, những năm gần đây, do không thích ứng được với thị trường, các cơ sở sản xuất trong làng nghề dần bị thu hẹp và có nguy cơ phá sản. Trong khi đó, những biện pháp mà tỉnh Bình Dương đưa ra nhằm bảo tồn làng nghề truyền thống này không mang lại hiệu quả thiết thực.

Trước thực trạng này, để vực dậy sức sống, đem lại sự hưng thịnh cho làng nghề làm tranh sơn mài Tương Bình Hiệp, đòi hỏi sản phẩm làm ra từ làng nghề phải có thương hiệu. Vấn đề xây dựng thương hiệu đang là vấn đề cấp thiết đặt ra cho các làng nghề truyền thống ở Bình Dương.

Với các sản phẩm truyền thống, thương hiệu không chỉ phát huy giá trị kinh tế mà còn phát huy giá trị giá trị văn hóa truyền thống. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bình Dương cần xây dựng chiến lược cho sự phát triển của làng nghề này, từ đó có sự đầu tư đồng bộ cho các cơ sở sản xuất và đầu ra cho sản phẩm.

Ông Huỳnh Tấn Lợi, Chủ tịch xã Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho biết: Trước sự khó khăn của nhân dân trong việc vực dậy làng nghề sơn mài, UBND xã cũng có đề nghị với UBND và các ngành cấp trên, Sở Công thương cũng như Hiệp hội sơn mài cần bàn bạc, thống nhất và có 1 chương trình cụ thể để tháo gỡ từng vấn đề khó khăn cho làng sơn mài.

Làng sơn mài Tương Bình Hiệp đang trở thành một ví dụ điển hình của làng nghề truyền thống không có sự đầu tư, không thích ứng được với thị trường trong thời kỳ hội nhập. Nếu tình trạng này kéo dài, làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp sẽ khó tồn tại. Thật đáng buồn khi chúng ta đang phải chứng kiến một nghề truyền thống đặc trưng của vùng đất Nam bộ dần bị mai một.

KIÊM THÊM

LỄ HỘI HOA PHƯỢNG ĐỎ VÀ "KHU TƯỞNG NIỆM VƯƠNG TRIỀU MẠC"

PHẠM VŨ

LỄ HỘI HOA PHƯỢNG ĐỎ

Lễ hội "Hoa Phượng Đỏ lần thứ nhất" vừa khai mạc ngày 9-6-2012 tại Hải Phòng – thành phố nằm trong Tam giác du lịch Hà Nội – Hạ Long – Hải Phòng cùa miền Bắc, nhằm để chuẩn bị cho Năm Du lịch Đồng bằng Sông Hồng năm 2013. Lễ hội giới thiệu cho du khách các tiềm năng du lịch của Hải Phòng, với hai màn hoạt cảnh diễn lại "Người mở cõi: Nữ tướng Lê Chân sáng lập vùng đất An Biên" tức là Hải Phòng ngày nay.

Năm 2010, Hà Nội đã tổ chức Lễ hội 1000 năm Thăng Long – Hà Nội vang dội cả nước, (nhưng tiếc là không lưu lại hậu thế một công trình thế kỷ nào cả). Sau đó, với việc Vịnh Hạ Long được bình bầu là một trong 7 Tân kỳ quan Thiên nhiên cùng với hai sư kiện rầm rộ: - ngày 27-4-2012 Lễ đón nhận danh hiệu và công bố "Tân Kỳ quan thế giới" ở Hà Nội và – ngày 1-5-2012 Lễ hội Carnaval ờ Hạ Long chào mừng Vịnh Hạ Long – rạng danh dòng giống Tiên Rồng. Và bây giờ là góc thứ ba của Tam giác du lịch là Hải Phòng tổ chức Lễ hội Hoa Phượng Đỏ này.

Khắp mọi nơi, khi nghe bài hát "Thành phố Hoa Phượng Đỏ" thơ của Hải Như, nhạc của Lương Vĩnh, thì ai cũng nhớ tới một thành phố biển, lớn thứ hai ngoài Bắc:

- Tháng Năm rợp trời hoa Phượng Đỏ
- Ôi! Hải Phòng thành phố quê hương…

Quả thật, khi người viết ghé thăm Hải Phòng, thì thấy khắp các con đường phố, trong nội thành cũng như ngoại thành, đều rực màu hoa phượng đỏ, du khách nín thở để càm thấy không gian đầy cây phượng với hoa phượng đỏ. Màu đỏ tượng trưng cho màu quốc kỳ . Màu đỏ là màu môi cùa cô thiếu nữ trong tà áo dài cổ truyền dân tộc. Màu đỏ còn là màu nối tiếp một thời trai trẻ, một thời yêu đương.. Phượng có lá nhỏ, chỉ lớn hơn lá me, lá phượng chẳng có công dụng gì ngoài việc tạo "việc làm" cho học sinh thực tập "vệ sinh trường lớp". Nhưng Phượng có hoa màu đỏ (người ta còn thấy hoa phượng màu hồng , tím, trắng, có lẽ do chiết cành), một màu đỏ tươi thắm tuyệt vời, một màu đỏ trẻ trung vui vẻ, tượng trưng xứng đáng cho tuổi học trò, cho lứa tuổi vừa lớn, "tuổi ô mai". Khi phượng "già" đi, màu đỏ có hơi sẫm hơn, cánh hoa trở thành mỏng manh, một cơn gió nhẹ thổi qua có thể làm các cánh hoa rơi lả tả. Phượng lại còn có trái, trái phượng có cánh hình cung, dài chừng 2,3 tấc, khi trái già, bóc ra, bên trong có nhiều hột nằm xếp hàng theo hình cánh cung, ăn có vị chát chát, bùi bùi, ngọt ngọt. Phượng cũng còn có một nhiệm vụ vô hình nhưng rất là thân thiết với học trò, đó là báo hiệu mùa Hè đã về. Ai từng đi học mà chẳng mong… Hè về! Vì thế hoa phượng còn được gởi thân thương là "Hoa Học trò". Cây phượng vĩ có gốc từ đảo Madagascar, thuộc địa cũ của Pháp, nên dân Hải Phòng phải nhớ ơn đảo quốc này.

Ta yêu Thành phố quê ta như yêu chính người thương yêu nhất
Những hẹn hò bên bờ sông Lấp
Những con đường tấp nập áo Thợ ngày đêm
Những Bến Bính, Xi Măng, Cầu Rào, Cầu Đất, Lạc Viên…

Hải Phòng có tiềm năng về du lịch rất lớn, dù hơi kém hơn hai góc kia của Tam giác du lich, là Hà

Nội và Hạ Long một chút ít, Hải Phòng có:

Khu du lịch Đồ Sơn

Đây là một trung tâm du lịch lớn, có khu nghỉ mát với những bãi biển lượn quanh bán đảo Đồ Sơn, vươn ra biển đông tới 5km. Từ nhiều năm nay, Đồ Sơn, Cát Bà đã trở thành những khu nghỉ mát và giải trí nổi tiếng trong nước và quốc tế.

Tại quận Đồ Sơn, cách nội thành Hải Phòng trên 20km người viết được tham dự Lễ Khai trương Tuyến xe Điện chạy trong Khu du lịch vào chiều ngày 24-5-2012 để mở màn cho Lễ hội Hoa Phượng Đỏ vào ngày 9-6-2012. Đồ Sơn là nơi có Casino đầu tiên của Việt Nam, có Biệt thự Bảo Đại nằm trên một ngọn đồi nhỏ.

Đồ Sơn còn nổi tiếng với lễ hội Chọi Trâu, diễn ra vào ngày 9-8 âm lịch, phần nghi lễ rất trang trọng với lễ thần trên kiệu rồng, có tán và lọng che, phường bát âm.

Đền Nghè

Đền nằm ở trung tâm thành phố Hải Phòng, cách Nhà Hát thành phố chừng 600m về phía tây nam. Đền thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40-43. chính bà Lê Chân là người lập ra làng An Biên, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này. Lúc đầu, đền là một miếu nhỏ, năm 1919 tòa hậu cung của đền được xây dựng, năm 1926 tòa nhà tiền bái được xây dựng, đây là một kiến trúc văn hóa quý với voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá. Nổi tiếng nhất là với bức tượng nữ tướng Lê Chân oai phong trong bộ áo giáp đứng cao ngất ngưởng trên tượng đài, nhìn ngắm Hải Phòng, đây là bức tượng to lớn nhất tại thành phố này.

Lễ hội Đền Trạng

Lễ hội tưởng niệm Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm được tổ chức nhân ngày mất (28-11 AL), đây là sự kiện văn hóa lớn, cư dân nhiều địa phương trong vùng thôn Trung Am, xã Lý Học, Vĩnh Bảo, rất nhiều du khách cũng đến dâng hương tưởng niệm cụ Trạng Trình dịp này và thăm khu du tích Nguyễn Bỉnh Khiêm. Những cái tên nghe chẳng thơ đâu nhưng với ta vô cùng oanh liệt

Ôi thân thiết tự hào quê hương
Hỡi em yêu trong đêm dài tiễn biệt
Chưa trọn nghĩa Sài Gòn – Đà Nẵng
Ta tạm biệt xa nhau chào Phố biển thân yêu…

Hải Phòng với hải cảng sầm uất, nhộn nhịp ngày đêm, luôn nhớ tới các hải cảng anh em: Sài Gòn và Đà Nẵng thân thương…

Cát Bà – Khu dự trữ sinh quyển Thế giới

Cát Bà là một quần đảo có 366 đảo lớn nhỏ. Đảo chính là Cát Bà, có nhiều cảnh quan đẹp, tài nguyên rừng và biển phong phú, hang động trên biển làm mê hồn du khách. Năm 2004, Cát Bà được UNESCO công nhận là khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới.

Bằng tàu thường hay cao tốc, du khách có thể tới thăm đảo và vườn quốc gia Cát Bà, vịnh Hạ Long hay Bái Tử Long. Nằm kề bên vịnh Hạ Long, quần đảo Cát Bà – đúng ra là Các Bà, nữ sĩ Vân Đài với bài "Bốn năm trên đảo Các Bà" tháng 7-1944 viết:"Các Bà xưa kia vẫn có một tên mà người Khách gọi là Appovan và người Nam gọi là Các Bà, do lấy tên một ngôi mộ của hai nữ thần không tên, chết ở đâu, trôi về và hiển linh tại đấy. Ngôi mộ ấy gọi là ngôi mộ của Các Bà, người ta lập miếu thờ và người ta muốn biểu dương cái uy linh của các bà, nên lấy tên Các Bà đặt cho hòn

đảo"...Trước đây, quần đảo này thuộc tỉnh Quảng Ninh, đến năm 1956 mới tách về Hải Phòng và gọi là Cát Bà , có lẽ vì nằm trong huyện đảo Cát Hải ? (Vì vịnh Hạ Long có vô số đảo nên nhường bớt lại cho thành phố này).

Vườn quốc gia Cát Bà nằm trên đảo Cát Bà, có diện tích 15.200ha, trong đó có 9.800ha rừng và 5.400ha biển. Địa hình rất đa dạng, chủ yếu là núi đá vôi, nhiều hang động kỳ thú và xen kẽ là những bãi cát trắng phau, với hệ động vật có 32 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư. Đặc biệt là loài Voọc đầu trắng trên vách núi đá cheo leo ven biển Cát Bà, đây là loài thú quý hiếm, đang được bảo vệ nghiêm ngặt và trở thành biểu tượng của Vườn quốc gia Cát Bà. Tại đây còn có khỉ vàng, sơn dương và nhiều loài chim đẹp như: cao cát, bói cá, hút mật, đầu rìu...những cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới lớn với 620 loài thực vật bậc cao gồm có 438 chi và 123 họ, trong đó có 350 cây thuốc.

Hải Phòng đó hiên ngang chỉ biết ngẩng đầu
Trăm trận đánh quê ta kiên cường
Hải Phòng ơi, năm xưa bé nhỏ
Nay ta đã thấy rộng dài rực sáng
Sánh vai cùng Sài Gòn – Đà Nẵng quê hương
Ta mang người trong giữa trái tim ta.

Sông Bạch Đằng

Con sông lịch sử ở phía đông bắc Hải Phòng, cách trung tâm thành phố 20km. Bạch Đằng là con sông nổi tiếng với những chiến công vang dội trong l;ịch sử chốn ngoại xâm của dân tộc Việt Nam:

. Năm 938, Ngô Quyền đã đánh tan các đạo thủy binh lớn của quân Nam Hán.

. Năm 981, tướng Lê Hoàn cũng đã tiêu diệt các đạo thủy binh của quân Tống trên sông Bạch Đằng (sau là vua Lê Đại Hành).

. Năm 1288, quân dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trần Hưng Đạo đã nhấn chìm hàng trăm chiến thuyền của quân Mông Nguyên (nhà Nguyên của Mông Cổ chiếm đóng Trung Hoa), bắt sống tướng Ô Mã Nhi, chấm dứt âm mưu thôn tính nước ta – như chúng đã xâm chiếm gần hết Châu Âu.

Hàng năm trên dòng sông lịch sử này thường tổ chức Hội thi bơi thuyền Vượt sông Bạch Đằng.

Hội đền An Lư

Đền An Lư thuộc xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thờ Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn và An Sinh vương Trần Liễu (thân phụ Trần Hưng Đạo). Hàng năm vào ngày 10 – 11/11 ÂL, lễ hội được tổ chức nhằm tưởng nhớ công đức của Trần Hưng Đạo đã có công đánh tan giặc Nguyên cứu nước và tôn vinh Trần Liễu. Lễ dâng hương được tổ chức rất trang nghiêm, sau phần nghi lễ là phần hội với những trò vui như: chơi đu, đánh đúm nam nữ, chọi gà, cờ tướng...

Từ Đồ Sơn về trung tâm thành phố Hải Phòng, ngay đoạn giữa lộ trình, chúng ta bắt gặp khu đền đài uy nghi, rạng rỡ, đó là:

KHU TƯỞNG NIỆM VƯƠNG TRIỀU MẠC

Tỉnh Thanh Hóa nổi tiếng với Di sản Thế giới "Thành nhà Hồ" – là bức tường thành duy nhất trên đất Việt xây bằng đá - được UNESCO công nhận ngày 27-6-2011 và vừa mới tổ chức Lễ Đón nhận Bằng công nhận vào ngày 16-6-2012. Lễ Đón nhận này được tổ chức ngay tại khu vực

Thành nhà Hồ với nhiều hoạt cảnh ngay trên bức tường thành cao ngất ngưởng, diễn lại cảnh dân phu cả nước vất vả mang tường tảng đá to lớn, về ráp lại, dù không có xi măng mà bức tường thành vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt trên 3 thế kỷ nay, làm quan khách bàng hoàng, xúc động – vì các kỳ quan thế giới như Kim tự tháp Ai Cập, Đền Taj Mahal Ấn Độ, Vạn lý Trường thành Trung Hoa… cũng đều trộn lẫn mồ hôi lẫn xương máu của biết bao dân phu mới tạo dưng nên.

Chúng ta nhớ lại Lịch sử với 15 Vương triều đất Việt:

Hùng Vương – Thục – Trưng – Tiền (Hậu) Lý – Ngô –
Đinh – Tiền Lê - Lý – Trần – HỒ -
Lê Sơ – MẠC – Lê (Trung hưng) – Tây Sơn – Nguyễn.
Lịch sử Tiên Rồng!

(Lời mới bài "London Bridge")

Chính Thành nhà HỒ ở Tây Đô này - về sau đã là nhân chứng lịch sử cho cuộc khởi nghĩa kháng Minh của Lê Lợi, thiết lập triều Lê Sơ, và rồi đến triều MẠC với thời Nam – Bắc Triều: nhà Mạc định đô ở Đông Kinh (Thăng Long) và nhà Lê Trung hưng đóng đô ở Tây Kinh (Tây Đô cũ ở Thanh Hóa). Và sau khi nhà Mạc thất thủ phải di dời lên đất Cao Bằng thì nhà Lê trờ về lại Thăng Long, nhưng Khủng hoảng Cung đình vẫn tiếp diễn với việc tướng nhà Lê là Nguyễn Kim đã bị một hàng tướng nhà Mạc giết chết, rồi Trịnh Kiểm lên thay chủ tướng và có thái độ lộng hành, nên vua Lê chỉ còn hư danh dẫn đến thời kỳ "Vua Lê – chúa Trinh", rồi "Trịnh – Nguyễn phân tranh" kéo dài cho đến cuộc khởi nghĩa của Tam kiệt Tây Sơn, chính Nguyễn Huệ tài ba đã dẹp tan vua Lê, chúa Trịnh – Nguyễn, thống nhất sơn hà. Triều nhà Hồ của Hồ Quý Ly (dù chỉ tồn tại 7 năm) cũng bị ngộ nhận và tai tiếng như triều nhà Mạc của Mạc Đăng Dung, ngày nay cả hai vương triều đó được Lịch sử nhìn nhận lại những công lao đã đóng góp cho đất nước, hy vọng theo thời gian, hai từ "ngụy triều" sẽ thay đổi, từ từ mọi người sẽ hiểu rõ hơn, thông cảm hơn…

Chính vì lý do đó, **thành phố Hải Phòng đã đặc biệt xin Nhà Nước cho xây dựng Khu tưởng niệm Vương triều Mạc** tại đất Dương Kinh xưa, quê hương của Thái tổ Mạc Đăng Dung - do ông Hoàng Văn Kế, Phó chủ tịch UBND thành phố và là Chủ tịch Hội đồng Mạc Tộc Hải Phòng (ông Kế thuộc họ Hoàng gốc Mạc) vận động kêu gọi các dòng họ Phạm, Phan, Vũ, Hoàng (gốc Mạc, vì chính trị nên cải họ khác để bảo toàn dòng họ Mạc) đóng góp thêm để xây dựng.

Trong cộng đồng trăm họ ở Việt Nam, họ Mạc là một trong số ít dòng họ phát tích, có nhiều đóng góp trong lịch sử phát triển của dân tộc. Trong lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, họ Mạc đã sản sinh ra nhiều danh thần trí dũng song toàn, có nhiều công lao với dân với nước, như: - **Mạc Hiển Tích năm 1086 đỗ Trạng nguyên triều Lý**, thời vua Lý Nhân Tông (1066-1127) - **Mạc Đĩnh Chi sáng danh "Lưỡng quốc Trạng nguyên"** thời vua Trần Anh Tông (1272-1346).

Gần 200 năm sau, vào năm 1527, đất Dương Kinh phát tích, Mạc Đăng Dung đăng quang ngôi Hoàng đế, mở đầu một Triều đại tồn tại 150 năm trong lịch sử hào hùng của nước Đại Việt, có nhiều cải cách tiến bộ…

Để ghi nhớ công đức các vị Vua triều Mạc, năm 2009, Nhà Nước đã cho xây dựng "Khu tưởng niệm Vương triều Mạc" trên đất Dương Kinh xưa (thôn Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy) thành phố Hải Phòng nay. Công trình được gắn biển chào mừng kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội, vào dịp khánh thành giai đoạn 1, ngày 25-12-2010.

Trong lịch sử dân tộc cũng nhiều lần xảy ra Khủng hoảng Cung đình như khủng hoảng cuối triều Tiền Lê sang Lý, khủng hoảng cuối Lý sang Trần, hay như "Loạn ba vương thời Lý", việc tiếm ngôi của Dương Nhật Lễ cuối Trần…nhưng chưa bao giờ khủng hoảng lại diễn ra lâu dài và trầm trọng như lần này. Lịch sử đang cần có một nhân vật đứng ra giải quyết khủng hoảng để yên dân, dựng nước. Lịch sử chọn Mạc Đăng Dung. Ông là cháu 7 đời của Mạc Đĩnh Chi. Ngày trước vốn ở Hải

Dương sau dời sang thôn Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tỉnh Kiến An (nay là thành phố Hải Phòng). Mạc đăng Dung thuở trẻ nhà nghèo làm nghề đánh cá nhưng có sức khỏe phi thường, thi đỗ Đô Lực sĩ, làm Đô Chỉ huy sứ triều Lê Uy Mục, đến triều Tương Dực được phong Vũ Xuyên Bá, sau vua Chiêu Tông lại phong Vũ Xuyên Hầu.

Năm 1527 Mạc Đăng Dung lên ngôi, ông làm vua được 3 năm rồi truyền ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, lui về Cổ Trai làm Thái Thượng Hoàng. **Nhà Mạc truyền ngôi được 5 đời (65 năm)**:

1. Thái tổ Mạc Đăng Dung (1527-1529)

2. Thái tông Mạc Đăng Doanh (1530-1540)

3. Hiển tông Mạc Phúc Hải (1541-1546)

4. Tuyên tông Mạc Phúc Nguyên (1546-1561)

5. Mục tông Mạc Mậu Hợp (1562-1592)

Ngoại giao:

Nhà Mạc đã thi hành chính sách mềm dèo, khôn khéo, linh hoạt. Riêng việc "Cắt đất dâng cho nhà Minh" thì lịch sử vẫn còn để lại rất nhiều nghi vấn. Việc "Xin hàng" này, Minh sử có chép, nhưng không hề chép việc cắt đất mà chỉ chép "Mạc ĐăngDung đã trả lại đất 4 động đã xâm chiếm, xin nội vụ xưng thần." Như vậy, **nhà Mạc trả lại cho nhà Minh là trả lại đất lấn, không phải cắt đất để đút lót**. Thần Siêu trong "Phương Đình dư địa chí" đã soi tỏ vấn đề lịch sử để soi tỏ sự vô tội của nhà Mạc. Cố giáo sư Trần Quốc Vượng cho rằng sử nhà Minh chép hệt như Thần Siêu: Đấy chẳng qua là đường lối "thần phục giả vờ" của triều Mạc.

Sau khi thất thế, nhà Mạc tiếp tục dựa vào ảnh hưởng của nhà Minh để tồn tại ở Cao Bằng, nhưng tuyệt nhiên không mượn quân nhà Minh. Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư, đại thần Mạc Ngọc Liễn trước khi mất, đã dặn lại vua tôi họ Mạc rằng: "Nay khi vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại phục hưng... Dân ta là dân vô tội mà để phải mắc nạn binh đao, sao lại nỡ thế!...Lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than, đau khổ, đó cũng là Tội lớn không gì nặng bằng..." Các đời sau họ Mạc đã làm đúng như vậy. Thua trận phải dời khỏi ngôi cai trị nhưng không cố giành giật lại bằng mọi giá.

Kinh tế:

Mạc Đăng Dung đưa ra một số quy chế về ruộng đất gồm: binh điền, lộc điền, quân điền và cho đúc tiền Thông Bảo.

Nội trị:

Thời thịnh trị của triều Mạc đời sống nhân dân no đủ, xã hội ổn định. Theo sách Đại Việt Thông sử của Lê Quý Đôn phải thừa nhận Mạc Đăng Dung "được lòng người hướng về". Sau đó, thua chúa Trịnh Tùng, nhà Mạc lên cát cứ tại Cao Bằng, nếu không được lòng người thì không thể tồn tại tới 85 năm.

Thi cử:

Nhà Mạc rất chú trọng tới nhân tài, tuy chinh chiến triền miên nhưng nhà Mạc vẫn tổ chức các khoa thi Hội, lấy Nguyễn Bỉnh Khiêm đỗ Trạng nguyên...Trong 65 năm định đô ở Thăng Long, nhà

Mạc mở 22 kỳ thi Hội, lấy đỗ 485 Tiến sĩ, trong đó có 13/49 Trạng nguyên trong suốt 800 năm thi cử Nho học thời phong kiến Việt Nam. Khi rút lên Cao Bằng, họ Mạc vẫn tổ chức thi cử để lấy người hiền tài. Có một kỳ thi người đỗ đầu là một phụ nữ giả trai đi thi tên là Nguyễn Thị Duệ.

Di tích Mạc Triều

1. Thành nhà Mạc ở Lạng Sơn: hiện nằm trong khu vực phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, đã dược xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia, đưa vào phục vụ khách du lịch tham quan.

2. Thành nhà Mạc ở Tuyên Quang: được xây vào năm 1592, được xếp hạng di tích lịch sử Quốc gia.

3. Thành nhà Mạc ở Cao Bằng: là thành Trà Lữ, khi nhà Mạc rút lên Cao Bằng (1592 – 1677), **trong 85 năm, bốn đời Thân vương triều Mạc đóng đô ở Cao Bằng** đã cho tu sửa, xây thành cao lên để phòng thủ.

4. Thành nhà Mạc ở Thủy Nguyên, Hải Phòng: thành ở bờ tây sông Bạch Đằng, trong thung lũng núi Dền, địa thế hiểm trở, thành xây dựng dựa vào thế núi, tạo lợi thế cho phòng thủ.

5. **Khu tưởng niệm Vương triều Mạc**: ở đất Dương Kinh xưa, Hải Phòng nay, mới khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 25-12-2010, còn được gọi là Thế Miếu:

Người viết có dịp thăm viếng Thế Miếu này với với khuôn viên to lớn, gần bằng khu Văn miếu – Quốc Tử giám Hà Nội. Khu này thờ tượng 5 vị Hoàng đế triều Mạc định đô tại Thăng Long . Du khách chú ý đến một "**Thanh đại long đao của Thái tổ Mạc Đăng Dung**" – đã được bảo quản và lưu thờ nhiều thế kỷ tại Từ đường chi họ Phạm gốc Mạc, thôn Ngọc Tỉnh, thị trấn Xuân Trường, Nam Định. Thanh đại long đao này được Mạc Đăng Dung , thời làm võ tướng, sử dụng để xông pha trận mạc với nhiều trận bách chiến bách thắng - Từ đất Dương Kinh 418 năm về trước, Thanh đại long đao đã ra đi lánh nạn sau ngày Thăng Long thất thủ. Trải qua hành trình lịch sử đằng đẵng, 418 năm sau từ đất Thiên Trường (Từ đường họ Phạm gốc Mạc), Báu vật của Tiên đế được long trọng rước về Dương Kinh, trưng bày tại Thế Miếu, trước linh vị thần tượng vị "Hoàng đế Anh linh hộ quốc an dân, Sáng nghiệp Mạc triều thiêng liêng" trong ngày Lễ chính kỵ lần thứ 469 Đức Mạc Thái tổ (1541 – 2010), trong dịp Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội.

Hiện nay, **Châu Á chỉ còn 2 binh khí được lưu thờ là vật thái bảo**:

. Thứ nhất là Thanh đao của Tống Thái Tổ nhà Bắc Tống (Trung Hoa)

. Thứ hai là Thanh đại long đao của Mạc Thái Tổ đang được lưu thờ tại Khu tưởng niệm Vương triều Mạc, thành phố Hải Phòng.

TÓM LẠI

Với tiềm năng du lịch của một Thành phố biển, Hải Phòng với biết bao thắng cảnh thiên nhiên và lịch sử, khu du lịch Cát Bà – Đồ Sơn, bức tượng Bà Lê Chân uy nghi, vĩ đại, nhưng nay, đặc biệt với việc Khu tưởng niệm Vương triều Mạc xuất hiện tại đất Dương Kinh xưa – với Thanh đại long đao quý giá của Mạc Đăng Dung - thì tiềm năm du lịch của Thành phố Hoa Phượng Đỏ này chắc chắn sẽ được nâng lên một tầm cao mới!

(Tham khảo: Các tài liệu do Khu tưởng niệm Vương triều Mạc cung cấp và trên Internet).

PHẠM VŨ

212 - nguyệt san việt văn mới số 13 – ngày 15 tháng 7 năm 2014 .

HAI CÁI CHUNG TÌNH
MỐI TÌNH THƠ
NGUYỄN BÍNH – ANH ĐÀO

HUYỀN VIÊM

Nguyễn Bính (1918-1966) thuở nhỏ tên là Nguyễn Trọng Bính, quê xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định là nhà thơ viết về thôn quê rất đặc sắc, lại có máu phiêu lưu, thích thú giang hồ vặt.

Còn nhà thơ Anh Đào tên thật là Đào Tiến Đạt, thường gọi là Đắc, sinh năm 1914 tại Hà Nội, xuất thân trong một gia đình Nho giáo nhưng theo Tây học, vào ngành Hỏa xa năm 1937, bấy giờ đang làm trưởng ga thôn Kép, tỉnh Bắc Giang (1).

Dạo ấy là vào mùa thu năm 1940, thời kỳ thơ mới đang thịnh hành. Nguyễn Bính và Anh Đào (Đắc) biết tiếng nhau đã lâu, quí mến nhau vì tài thơ nhưng chưa một lần gặp mặt. Đắc thường viết thư mời Bính lên Kép chơi nhưng Bính chưa có dịp.

Thôn Kép bấy giờ chỉ là một thị trấn nhỏ, vắng vẻ cô tịch, khi chiều xuống rất buồn nên nhà thơ Phi Tâm Yến – tác giả tập thơ "Nàng Hồ Điệp" - đã viết :

Ở đây người kép tôi đơn,
Muốn vui cho cái u buồn tản tan.

Một buổi chiều chớm thu, Đắc đứng ở sân ga đón chuyến tàu từ Hà Nội ngược Lạng Sơn, đang ngừng ở ga Kép. Bỗng từ trên toa hạng tư bước xuống một chàng thanh niên trạc ngoài hai mươi tuổi, da ngăm đen, vận âu phục trắng đã nhàu nát, chân đi đôi giày tàng, tay cầm cái cặp da đã cũ. Chàng thanh niên ấy tiến đến chỗ Đắc đang đứng và hỏi :

- Thưa ông, làm ơn cho tôi hỏi ông Anh Đào tức Đắc.

- Anh Đào chính là tôi, mà Đắc cũng là tôi, thưa ông.

- Vậy sao ? Còn tôi là Nguyễn Bính.

Hai người mừng rỡ siết tay nhau thật chặt như đôi bạn thân lâu ngày mới gặp lại và Đắc mời Bính vào nhà, một gian phòng khá rộng dành cho trưởng ga.

Bấy giờ Nguyễn Bính đã xuất bản tập thơ Lỡ bước sang ngang, còn Anh Đào cũng đã in tập thơ Mấy nét mơ (1939), tập thơ đã nhận được bằng khen của Tự Lực văn đoàn. Cả hai chàng trai đều hãy còn độc thân.

Buổi tối hôm đó, Đắc làm một bữa tiệc nhỏ mừng bạn thơ để hai người cùng uống rượu ngâm thơ cho thỏa thích. Thôi thì rượu vào thơ ra, mãi đến quá 11 giờ đêm mới tan tiệc.

Đêm sau và đêm sau nữa, đêm nào cũng có thơ và rượu, kéo dài đến ba bốn tiếng đồng hồ khiến thằng nhỏ của Đắc đang ngủ gật trên ghế cũng được gọi dậy để xào thêm mì hay mua thêm phở. Đôi bạn đều là thi sĩ và cùng bị tình phụ nên rất dễ cảm thông và dễ thân nhau.

Dạo ấy Đắc yêu một cô gái rất xinh đẹp ở Yên thành, hai người đã từng thề non hẹn biển, không ngờ gia đình nàng bội ước nên Đắc rất đau khổ, bèn xuất bản tập thơ Mấy nét mơ để giãi bày tâm sự của mình :

Tôi in cuốn "Mấy nét mơ",
Viết bằng xương máu trên tờ lìa tan.
Bán lòng, bán tiếng than van,
Phơi câu tâm sự khắp gian chợ đời.
Có ai là kẻ câm lời
Khi trên tay mất một người như em ?...

Còn Bính yêu một nàng thơ có danh trên thi đàn, từng được giải thưởng về thơ của Tự Lực văn đoàn. Bính đã làm nhiều thơ tặng nàng, đáng kể nhất là bài Vẩn vơ (2) :

Xa gửi nàng thơ áo trắng sông Thương (tức Anh Thơ)
Đã quyết không... không được một ngày,
Rồi yêu mất cả buổi chiều nay.
Chiều nay bướm trắng ra nhiều quá,
Không biết là mưa hay nắng đây?

Lâu nay tôi thấy ở lòng tôi
Như có tơ vương đến một người.
Người ấy... nhưng mà tôi chả nói,
Tôi đành "ngậm miệng" nữa mà thôi !.....

Nàng thơ ấy viết :"Đọc được hai đoạn, tôi bâng khuâng đặt tờ báo xuống bàn cho lòng được trấn tỉnh. Chiều ấy tôi bỗng thấy nhớ anh tha thiết, hay đúng hơn, nhớ thư anh, thương lời tâm sự của anh. Anh từng gọi tôi là công chúa của thơ anh, khiến tôi vừa thích thú vừa tự hào...." (3).

Không ngờ mối tình đẹp như thế mà tan vỡ. Theo nữ sĩ thì hai người không hợp vì nàng thấy thơ và người khác nhau xa quá, nhưng theo Bính thì vì không "môn đăng hộ đối" bởi thân phụ của nàng là một ông phán hồi hưu, còn nhà Bính rất nghèo và bố Bính chỉ là một ông đồ nho thanh bạch :

Thầy tôi dạy học chữ nho,
Dạy dăm ba đứa học trò loanh quanh.
Có gì tiếng cả nhà thanh,
Cơm ăn đủ bữa, áo lành đủ thay...

(Nhà tôi)

Và nhà Bính chỉ trồng dâu nuôi tằm, chẳng kiếm được bao nhiêu cho nên :

Con tằm được mấy tiền tơ,
Chao ôi, mà ước mà mơ lấy nàng !

Một buổi sáng, đôi bạn Bính và Đắc dắt nhau lên đồi chơi. Đồi ở ngay sau ga, ven đường dứa dại mọc đầy. Bính bẻ một chiếc gai, đề vào lá dứa mấy vần thơ :

Có ai đi chắp cánh hoa rơi,

Bắt bóng chim xa tận cuối trời.
Có lẽ ngày mai đò ngược sớm,
Thôi nàng ở lại để quên tôi.

Thơ đề buổi sáng thì buổi chiều đã thấy có thơ ai đề bên cạnh :

Hỡi ai lá dứa đề thơ,
Đường đời hai ngã bao giờ gặp nhau?
Nói làm chi tiếng nghẹn ngào,
Thuyền xuôi hay ngược chuyện đâu riêng mình.
Ngỡ ngàng một cánh hoa trinh.

Giọng thơ và nét chữ rõ ràng là của nữ giới, nhưng bàn tay nào đã đề thơ? Hoàn toàn bí mật ! Ở Kép bấy giờ có nhiều nhà thơ nổi tiếng : Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Vũ Hoàng Chương, Phi Tâm Yến, Trần Nhân Cư, Bàng Trọng Loan, Quỳnh Dao.... nhất là Quỳnh Dao với những câu thơ được Hoài Thanh khen trong Thi nhân Việt Nam (4) :

Cầu trắng phau phau màu ánh sáng,
Mây xanh lánh lánh cánh chim chiều.
Một hàng tôn nữ cười trong nón,
Sông mở lòng ra đón dáng yêu.

nhưng chẳng biết là thơ của ai mà cũng chẳng ai nhận mình là tác giả.

Lúc mới lên Kép, Bính nói với Đắc là chỉ có thể ở lại hai ngày bởi còn nhiều công việc đang đợi Bính ở Hà Nội, thế mà hai tuần đã trôi qua vì thơ rượu đã níu chân Bính lại. Trong một bữa rượu, Bính cao hứng rút trong cặp ra một cuốn "Lỡ bước sang ngang" và đề tặng Đắc như sau :

Còn đêm nay nữa mai đi,
Rượu say rồi, biết lấy gì tặng nhau?
Có đây một tập thơ đầu,
Mùi hương thôn dã, cái sầu vô biên.
Tôi sang "lỡ một chuyến thuyền" (5),
Anh "mơ mấy nét" (6) vì duyên không tròn.
Anh cũng buồn, tôi cũng buồn,
Anh còn ở Kép, tôi còn lên chơi.
Hồn tôi đã ở đây rồi,
Thân tôi xin hẹn tháng mười lại lên.

Tuy nói là "mai đi" nhưng Bính còn chùng chình thêm mấy hôm nữa, rồi ngày chia tay cũng đến. Đêm cuối cùng ở Kép, bên ngoài trời mưa dầm rả rích, trong nhà Bính và Đắc ngồi đối ẩm ngâm thơ bên chiếc đèn dầu hỏa tù mù tỏa khói. Đắc ngỏ ý muốn mỗi người làm một bài thơ ngay trên chiếu rượu tặng nhau để làm kỷ niệm buổi chia tay và được Bính tán thành. Mỗi người cứ làm được hai câu hay bốn câu lại ngâm lên cho nhau nghe rồi tiếp tục cho đến hết bài. Vì cả hai đều là kẻ chung tình mà bị tình phụ nên họ đồng ý chọn nhan đề bài thơ là "Hai cái chung tình". Chẳng bao lâu, Bính đã làm xong bài thơ của mình, ngâm lên cho Đắc nghe và cũng để cho chính mình thưởng thức, chẳng khác nào lòng đang buồn mà muốn nghe khúc "Nam ai". Giọng Bính trầm trầm ấm áp vang lên giữa đêm mưa vắng lạnh :

HAI CÁI CHUNG TÌNH

Bữa nay trở lạnh rồi đây,
Tôi còn ở lại trên này với anh.
Bốn bề rừng rậm non xanh,

Bơ vơ hai cái chung tình gặp nhau.
Chúng mình còn có gì đâu,
Sống trong oan khổ, đi vào nhớ thương.
Ruột tằm đứt cả tơ vương,
Ái ân sang đến nửa đường lại thôi.

***

Rượu còn uống nữa, anh ơi !
Uống cho say nữa, say rồi thương nhau.
Mưa chừng mưa suốt canh thâu,
Đêm nay mình khóc phải đâu xa nhà.
(Trời xanh còn khóc nữa là…)
Nhớ nhà ít, nhớ người ta thì nhiều.
Người ta nông nổi bao nhiêu,
Người ta đã thế, mình yêu làm gì?
Ngày mai là buổi phân kỳ,
Ngày mai anh ở, tôi đi một mình.

***

Rượu còn, uống nữa đi anh !
Uống cho hai cái chung tình mê tơi.
Ai làm cho rẽ duyên tôi?
Ai làm cho rẽ duyên đôi chúng mình?
Bóng tôi với lại bóng anh,
Cả hai bóng ấy đổ thành bóng đơn.

***

Càng say, càng nghĩ, càng buồn,
Hãy cho tôi tắt tiếng đờn ở đây.
Men nồng ướt cả muôn dây,
Hỏi rằng say rượu hay say chung tình?

Vừa nghe, Đắc vừa gật gù tán thưởng rồi cao giọng ngâm bài thơ của mình làm tặng Bính :

HAI CÁI CHUNG TÌNH

Buổi chiều hôm ấy hơi buồn,
Tàu về, chở một tâm hồn bơ vơ.
Người tan các ngã hững hờ,
Mà tâm hồn ấy bây giờ đang say.
Ngồi trên chiếu rượu đêm nay,
Mái xanh tóc rối chuỗi ngày thương đau.
Không quen nhau, chỉ biết nhau,
Phơi lòng để rợn hai màu tình si.
Trong ta còn có những gì?
Họa chăng còn những cái… đi không về !

***

Ngang song sương gió não nề,
Mưa đêm trút nước bến thề xa xôi.
Bến thề xa lắm anh ơi !

Mà thuyền yêu đắm giữa nơi sóng lòng.
Đi làm gì, để nhớ mong,
Để oan khổ cứ nằm trong chung tình.
Trời xui hai đứa chúng mình
Cứ đem thơ khóc mãi tình vô duyên.
Rượu đào uống nữa cho quên,
Cho say khướt cả cái duyên không về !

***

Mười hai bến nước anh đi,
Chiều đơn đơn lắm, dặm về về đâu?
Thôi nhau để khổ cho nhau,
Trường đình một tiễn, mấy câu xa vời.
Rồi đây hẳn có hai người
Lấy chung tình bọc một đời thơ hương.

***

Giấu cho hết hận bên đường,
Che cho kín hết cái gương giang hồ.
Để bao nhiêu lệ đang khô
Ngầm theo tiếng khóc đến bờ Nhớ Nhung.
Hẹn nhau gặp gỡ mùa đông,
Có ngày tôi đứng ngang sông ngóng đò.

Hai bài thơ này cho đến nay vẫn chưa hề được xuất bản, chỉ mới đăng một lần trên giai phẩm Hoàng Hoa.

Lần cuối cùng Đắc gặp Bính là một ngày chớm đông rét mướt ở Hà Nội ("Hẹn nhau gặp gỡ mùa đông" mà !). Anh đến thăm Bính trên căn gác nhỏ thụt sâu trong ngõ Khâm Thiên thì thấy Bính đang nằm co ro trên sàn trong chiếc mền đơn, mặt xám ngắt vì rét. Gần đó là Thâm Tâm, cổ quàng khăn, ngồi xổm trên ghế đẩu cắm cúi viết và Trần Huyền Trân co ro cạnh Bính, miệng phì phà thuốc lá. Thấy Đắc tới, mọi người đều vồn vã đón chào, nhưng không ai rời khỏi chỗ mình, có lẽ vì rét quá.

Rồi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ (19-12-1946), phố Kép đã trở thành bình địa. Mấy năm sau, khi Đắc trở về thăm thì cảnh vật hoang tàn, ga Kép đã bị san phẳng, chỉ còn những cây dứa dại mọc san sát trên đồi. Đắc bùi ngùi đứng vơ vẩn bên đường sắt, lòng bâng khuâng nhớ bạn, không biết Nguyễn Bính đã lưu lạc đến tận phương trời nào...

Viết theo tư liệu của Anh Đào
(Giai phẩm Hoàng Hoa, tháng 9-1952)

(1) Vào khoảng năm 1952, Anh Đào là chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo Nhân Loại ở Sài Gòn.
(2-3) Trích trong cuốn Từ bến sông Thương, hồi ký của Anh Thơ (NXB Văn Học Hà Nội 1986). Chuyện tình có thật này đã được nữ sĩ kể lại rành mạch trong hồi ký, không cần phải giữ bí mật nữa sau khi chồng của nữ sĩ (Bác sĩ Bùi Viên Dinh) và Nguyễn Bính đều đã qua đời. Nữ sĩ Anh Thơ từ trần ngày 14-3-2005 tại Hà Nội.
(4) Thi nhân Việt Nam (NXB Hoa Tiên Sài Gòn 1967, trang 180) trong phần viết về Nam Trân.
(5) Tức tập thơ Lỡ bước sang ngang của Nguyễn Bính.
(6) Tức tập thơ Mấy nét mơ của Đắc (Anh Đào).

HUYỀN VIÊM

MỘT THỜI VÀNG SON VĂN CHƯƠNG, NGHỆ THUẬT và TRIẾT LÝ ÂU CHÂU

VÕ CÔNG LIÊM _

Lấy cái mốc thế-kỷ thứ-mười-bảy để đánh dấu thời kỳ quá độ của các phong trào và chủ thuyết ở Âu châu, đáng chú ý nhất là văn chương Pháp quốc; đã một lần được coi là thời đại vàng son hơn hẳn mọi nơi. Đặc biệt đám văn nhân, chính khách 'xa-lôn' phòng trà Paris thăng hoa, nở rộ –Parisian literary, politics salons were thriving and often considered to be the golden age. Sân khấu kịch nghệ được thành lập đầu tiên, những văn thi sĩ coi trọng và đãi ngộ, từ đó thành hình Hàn-lâm Pháp (L'Académie Francaise et le bon usage, correct usage) do Hồng y Richelieu chủ xướng vào năm 1635; là một hội đồng gồm những quan chức thẩm xét những tốt, xấu, đúng, sai trong ngữ ngôn; một hình thức gián tiếp ngăn ngừa những lời lẽ không đẹp của tầng lớp hạ lưu, bôi bát hoặc chống lại hoàng triều cũng như giới thượng lưu qúy phái; trọng tâm là làm cho ngôn ngữ chỉnh đốn, phải phép với đời sống của con người trong văn chương hay ngoài văn chương. Thời điểm đó người ta ra sức tìm kiếm một tinh thần tự do đúng nghĩa để đạt tới mục đích mong muốn, thiết lập một sự thật tuyệt đối có lề lối với đầy đủ lý do chính đáng.

Luận Bàn Về Một Số Học Thuyết:

Thảo Luận về học thuyết Cartesian (The Cartesian debate) qua những tác phẩm của René Descartes (1596-1650) đánh dấu sự khởi đầu của bộ môn triết học hiện đại Pháp và đó là điều kiện của trường phái duy lý, mà đến nay trường phái nầy vẫn duy trì và tồn tại ở Pháp. Trong tác phẩm nổi tiếng của Descartes: 'Tham luận về Phương thức / Discours de la Méthode/ Dicourse of the Methode'. Descartes đã phân tích tỉ mỉ một phương thức diễn trình cho một đòi hỏi của những gì thuộc khoa học và triết thuyết, bắt đầu bằng giọng điệu chứng minh cụ thể sự hiện hữu của bản thân ông: 'Je pense donc je suis/I think therefore I am/Cogito,ergo sum'/Tôi tư duy tức là tôi hiện hữu'. Descartes đã khẳng định hai sự thật hiển nhiên về 'trí tuệ và thể xác'(mind and body) Đó là thuyết nhị nguyên siêu hình giữa tinh-thần(trí tuệ) và vật chất(thể xác), để rồi trở nên học thuyết đầu tiên của Cartesianism, một trường phái chuyên ngành về triết học, điều đó là một cố sức để giải thích sự thật phù hợp như một cơ cấu chính yếu –mechanical principle.

Một địch thủ hùng biện về chủ thuyết Cartesianism là Blaise Pascal (1623-1662); một khoa học gia và một nhà toán học lừng lẫy; ở đây người đã tình cờ khám phá ra như một ước tính toán học.

Ở câu nói của Descartes: 'Pensées/Thoughts/Tư-duy' Pascal cho đây là một duy trì để thuyết phục cái lý thuyết bất-khả-tri (agnosticism) hoặc đây là một sự nghi ngờ, đa nghi để biến thành chủ nghĩa hoài nghi (scepticticism) của những kẻ dự cuộc (parier/wager) vào niềm tin Thượng đế bởi; thực tế chẳng có gì để tin, dòng đời và đau khổ cũng chẳng còn ý nghĩa. Pascal mô tả điều kiện cách con người như thể là giòng chảy không dứt để truy tầm về cái gọi là xao lãng hoạt động (divertissements), ấy là những gì con người tránh xa cái tàn tích còn lại, nghĩa là sống trực diện với cuộc đời như chính bản thân mình.Trong tri thức nầy, Pascal biết trước qua nhiều nhà văn hiện đại, đặc biệt Samuel Beckett, (người đã thay đổi hướng đi trong sân khấu trình diễn ở đầu thế kỷ hai mươi). Pascal luôn nhớ về một điều gì cao qúy trên hết, một bày tỏ về sự khiêm ái của con người, nhưng phải nhớ cho đó là một chức năng độc đáo giữa vũ trụ nầy: 'con người chỉ là cây sậy mỏng manh ở cõi đời nhưng con người là cây sậy biết suy nghĩ' L'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la terre, mais c'est un roseau pensant.

Sân Khấu Cổ Điển:

Sân khấu kịch nghệ cổ điển (Classical Theatre) là gì?. Là một lối diễn 'cười ra nước mắt' phát nguồn từ bi-kịch Hy Lạp (Greek tragedy) và hài-kịch thâm thúy Ý Đại Lợi (Italian commedia erudite). Riêng ở Pháp đầu thế-kỷ thứ-mười-bảy đã khai mở thêm bằng hai cách riêng biệt khác của thể loại bi-kịch và hài-kịch.

Sân khấu thuộc về bi-kịch thường có những cái nhìn thẩm sát để nhận biết ba điều hợp nhất 'les trois unités' để làm sao khi trình diễn nó dính liền vào nhau như là một và có một kết quả xẩy ra như một sự xuất hiện không có trong ngày hay trong một nơi chốn. Như trường hợp của kịch tác gia Pierre Corneille (1606-1684) tác giả của hai kịch phẩm lừng danh 'Vinh quang/la gloire' và 'Le Cid'. Là người hùng vượt ra khỏi giữa lý tưởng cao thượng và con người đầy đam mê nhiệt huyết; đó là những gì đạt được thành quả và tự do mà Corneille đã cố ý đưa vào để làm sống lại giữa hoài vọng của con người.

Hài-kịch ở thế kỷ thứ mười bảy là một thứ hài đỏm dáng, bộ điệu, hài hước và thường châm biến chỉ trích đời, biếm đời qua những kịch phẩm của Molière (1622-1673) một tài năng của ông liên hợp những yếu tố khôi hài và hoạt kê, cấu tạo hình thức cổ điển, một đối thoại bằng ngữ điệu thanh tao và vẽ lên một chân dung tinh xảo qua vai trò của những con người yếu đuối trong xã hội. Điều đó như thể hiện chức năng hài kịch Pháp 'la comédie Francaise' mà những kịch tác gia đã thực hiện vào thời đó một cách sâu sắc.

Chủ Nghĩa Lãng Mạn, Chủ Nghĩa Hiện Thực , Chủ Nghĩa Biểu Tượng Ở Thế-kỷ Thứ-Mười-Tám:

Giữa năm 1789 và cuối thế-kỷ thứ-mười-chín. Pháp kinh qua hai cuộc cách mạng, ba chế độ Cộng hòa, phục hồi lại thể chế quân chủ và hai triều đại đế quốc. Dữ kiện như thế đưa nước Pháp đến một bước thay đổi khác; tốt đẹp về mặt khoa học và tiến bộ kỹ thuật đó là mầm mống đưa tới cách mạng kỷ nghệ. Điều đó thay đổi bộ mặt kinh tế, đem lại nhiều ngạc nhiên vật chất, chính trị và xã hội, những biến cố xẩy ra đã cho thế giới có cái nhìn đặc biệt hơn, kể cả những trào lưu văn học: dựng nên những học thuyết, lý luận, đó là những luồng tư tưởng bộc phát để đối chiếu, tương phản của những khuynh hướng, trào lưu: Lãng mạn, Hiện thực và Biểu tượng.

Khoa học đối đầu với những gì thuộc tinh thần thiêng liêng –science versus spirituality. của hai nhà triết học Auguste Comte (1798-1857) và Henri Bergson (1859-1941).

Đối với Comte nhìn thấy được những khám phá thuộc về khoa học như là chìa khóa mở ra cho một tiến trình vật chất và mang lại hạnh phúc cho nhân loại; mở mang một chiều hướng văn minh, tiến bộ đó là ý niệm của Comte muốn nói và từ đó đưa đến lý thuyết thuộc chủ nghĩa thực nghiệm. Ông đã thực dụng phương pháp khoa học , không những dành cho thế giới hữu dụng nhưng được du nhập vào xã hội giới nhưng thực ra là tạo nên khuôn phép cho khoa xã hội học

mà bản thân Comte có thể xử sự như đối tượng khoa học nhưng đây chỉ là một dự đoán cho tương lai. Comte tin tưởng một cách quả quyết về sức lực của khoa học đã góp phần vào những tác phẩm của những tác giả về sau: như nhận định, phê bình của sử gia Hippolyte Taine, xã hội học của Emile Durkheim và tiểu thuyết gia Emile Zola.

Tư duy của Henri Bergson có tính cách đối địch mãnh liệt hơn về cái gọi chủ nghĩa thực nghiệm là cái điều không đáng để ý đến nhất là ở Anh và Mỹ cho dù có một tầm ảnh hưởng lâu dài ở Pháp. Bergson nhận thức qua kinh nghiệm về sinh vật học, sinh lý học và tâm lý học cho ông một ý niệm về sự tiến hóa với lý thuyết của ông 'l'élan vital' là động lực thức đẩy tối thiểu, một bẩm sinh cơ bản đưa tới một cơ chế để tiếp tục đem lại một nổ lực hoàn hảo hơn cho vi65c canh tân và thay đổ đường lối; giống như chủ thuyết hiện sinh xẩy ra về sau nầy, Bergson khảng định về những gì thuộc tự do cá nhân và sức năng sáng tạo, ông tin rằng con người tạo ra cái gì cho chính mình như một giá trị luân lý. Một cá biệt mà ông dựng ra giữa những gì thuộc về thời gian tính và thời gian như có tính kinh nghiệm là âm vang từ từ sự khai mở của Proust và Beckett.

Chủ Nghĩa Lãng Mạn:

So sánh triết học thế-kỷ thứ-mười-tám; thì trường phái lãng mạn là một âm vang, đầy màu sắc, hình tượng và cảm thức. Đương nhiên vai trò và nhân cách lãng mạn cung cấp một dữ kiện cho văn chương như một thể loại đặc biệt,một phản chiếu ẩn tàng qua một rung động u buồn, đau khổ của cá nhân qua một siêu tưởng lãng mạn, nhất là tìm thấy một bày tỏ của ngữ ngôn thi ca. Có lẽ vang danh thể điệu của Alphonse de Lamartine (1790-1869) một số thi sĩ lừng danh, thơ của họ được phổ thành nhạc; dù có một số bài thơ không phổ biến rộng rãi, tuy nhiên những bài thơ phản phất ít nhiều chất lãng mạn đều được đón nhận; bởi lãng mạn có một sức lôi cuốn mãnh liệt, đủ khả năng để cầm giữ được hình ảnh. Cơn bão lãng mạn đã ảnh hưởng khá nhiều thi sĩ Alfred de Musset (1810-1857) và đi sâu vào tiểu thuyết của nữ sĩ George Sand(1804-1876), liền sau đó có cả Gérard de Nerval (1808-1855) nhập cuộc qua những giòng thơ trữ tình lãng mạn chứa độc dược 'drug-induced' trong thơ, gây ra nhiều ảo tưởng chảy dài trong thơ của ông, chính cái đó đã gợi lên nhiều tư duy trong thơ và tràn khắp thế giới. Đau đớn thay cho thi nhân, định mệnh đã đẩy đưa nhà thơ vào con đường vật chất để rồi tự treo cổ ở ngục thất Paris.Ngoài thơ tứ ra, thành phần tiểu thuyết lãng mạn chiếm cứ vị trí quan trong ở thời điểm chủ thuyết lãng mạn ra đời ở Âu châu. Sáng giá một: Alexandre Dumas (1802-1870) của 'Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ 'Les Trois Mousquetaires/The Three Musketeers'. Cùng thời có Victor Hugo (1802-1885) với 'Thằng Gù thành Đức Bà/Notre-Dame de Paris/The Hunchback of Notre-Dame' và 'Những Kẻ Khốn Cùng/Les Misérables'. Hai tác phẩm nầy đã làm cho Hugo đội mồ sống lại. Có thể! Chứa đựng và ẩn tàng một tình yêu lãng mạn. Hugo trở nên anh hùng dân tộc/Hugo became a national hero. Lừng lẫy!

Chủ Nghĩa Hiện Thực:

Giữa lúc cao trào lãng mạn đang nở rộ, một vài văn nhân đương đại như Honoré de Balzac(1799-1850) và Stendhal(1783-1842) họ đã biểu lộ cụ thể những chi tiết hoặc viết lên những đối tượng, vai trò từng cá thể cũng như những gì tồn tại xã hội về sau liên kết thành chủ thuyết hiện thực. Balzac gợi lên hình ảnh con người như một sinh vật đặc biệt, đưa ra nửa thực nửa hư của từng cá nhân con người và những cộng đồng, đoàn thể, hiệp hội như : báo chí, công chức, quan lại và doanh thương, tất cả được mô tả như một nhóm tham nhũng, cướp bóc. Đó là những gì hiện thực mà xã hội dung nạp, bao che hoặc đó là trách nhiệm xã hội; cái lý đó Balzac cho là nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi – the half-concealed animal nature of the individual and of social groups such as journalists, bureaucrats and financiers whom as pack of rapacious predators. Sự thật là thế đấy!

Stendhal thì lại khác, tránh né những văn phong trữ tình và mở một cái nhìn cảm thông nhiều hơn là ngăn chận và cách thức châm bếm, mai mỉa. Và hoàm toàn không đếm xiả đến những giáo điều luân lý và những gì giá trị xã hội, một thể thức tự nhận thức đó là cái đi trước của thuyết hiện

sinh, một tư tưởng của thế-kỷ hai-mươi.

Nhà hiện thực tác giả của 'par excellence' đó là Gustave Flaubert (1821-1880) chuyên chở một tinh thần khoa học để có một cái nhìn khách quan vào mọi vấn đề tương quan ấy là quan điểm và xuyên qua mọi môi trường của mỗi cá tính như nói lên từng chi tiết khác nhau. Flaubert là một con người chuẩn mực. kiểu cách, phóng khoáng, một nổ lực để đi tìm từng con chữ 'le seul mot' và tạo ra vần trong mỗi câu và chia ra từng phân đoạn. Đó là lý do mà ông đã bỏ công sức 5 năm để hoàn tất tác phẩm chính của ông là Madame Bovary; mô tả câu chuyện của Emma Bovary, một phụ nữ thuần tính nhưng trong người lại có những giấc mơ lãng mạn; thế nhưng cuộc đời là cạm bẩy, đó là hiện hữu tồn lưu.

Khác với Emile Zola(1840-1902) viết lên thảm kịch xã hội, viết về những công nhân làm việc ở những công trường, nhà máy ở miền Bắc Pháp. Những gì dành lại không là một chi tiết nghiêm trọng về cuộc đời bi thảm, khốn cùng của sự sống. Tiểu thuyết của Zola là một trải nghiệm có tính khoa học và môi trường cho nên được xem như là vai trò mở mang, khai phá. Cho nên giữa Flaubert và Zola là hai nhà văn đều hướng đến khoa học, lấy khoa học làm chuẩn cuộc đời nhưng cả hai vẫn không đem lại một tư duy thực tiễn, nó còn ở trong những tư duy khác biệt mặc dầu họ đã ra công nghiên cứu.

Chủ Nghĩa Biểu Tượng:

Baudelaire và Biểu Tượng (Baudelaire et les symbolists) để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong thơ ở cuối thế-kỷ mười-chín. Charles Baudelaire (1821-1867) nhà thơ biểu-tương.

Ông đã thành công qua thơ, lý tưởng hóa như một chủ thuyết; đối kháng với chủ nghĩa hiện thực; khơi lên một ngữ ngôn chất chứa những gì là bí ẩn thâm cung trong thơ. Tuyển tập của nhà thơ Baudelaire dưới tựa đề :'Tàn Một Kiếp Hoa/Les Fleurs du Mal/Flowers of Evil' mô tả nỗi lòng đau đớn của nhà thơ, giọt lệ giữa uất nghẹn 'le spleen' có nghĩa là nỗi lòng và một cái gì ray rứt, một khát vọng cho lý tưởng 'l'idéal' cho một thế giới đẹp đẻ và một tinh thần thanh cao. Thơ của Baudelaire thuộc thể loại cổ điển và gợi hình, tỉnh lược thường dùng như một ngữ ngôn cao độ và riêng biệt, đổ vào thơ những gì bẩn thỉu đó là vấn đề chủ thể, điều đó chúng ta bắt gặp do từ những nguyên nhân nội tại của nhà thơ. Baudelaire săn đuổi những điều hay sự phải của những văn nhân nhưng không có nghĩa là lập lại những gì của người ta đã nói, đã làm, ông tránh né điều đó để giữ cho mình độc lập trong tư duy cũng như trong ngữ ngôn của thi văn. Một ảo giác đầy trí tưởng của vũ trụ thơ như trong bài 'Biểu hiện của rừng/forêt de symbols/forest of symbols' đánh dấu bước trưởng thành của giòng thơ hiện đại vừa đương đại của Baudelaire.

Một số nhà thơ biểu tượng khác là Stéphane Mallarmé (1842-1898), Arthur Rimbaud (1854-1891) và Paul Verlaine (1844-1896) thường có những giấc mơ và hình ảnh lạ kỳ, âm thanh trong ngữ ngôn thơ và lớp lan, lược chiết trong từng câu thơ có nghĩa rằng tiết lộ, phơi bày một thế giới lý tưởng ẩn tàng trong mỗi khi xuất thành thơ. Trong khi đó những vần thơ của Mallarmé để lại một cái đẹp mờ ảo mà độc giả vẫn xác quyết đó là lòng chân. Điều đó cho chúng ta thấy thêm về nhà thơ Rimbaud, người đã chuyên chở đến những đam mê, hoài vọng và một giao động nội tại, một phản kháng thuộc tư duy của người thanh niên khao khát niềm sống trong 'một thứ tôi luyện thơ/une alchimie poétique/poetic alchemy'. Cũng vì thế mà đem lại cơn giông bão ái tình với Verlaine để rồi lâm vào cảnh ám hại nhau, dơn do cũng đi từ cái đam mê hoài vọng mà ra cả. Tác hại!Chấn động đó Rimbaud xúc cảm thành một bài thơ xuôi(prose poem) dưới đề tựa : 'Mùa Địa Ngục/ Une saison en enfer/A Season in Hell'. 19 tuổi và về sau thơ văn Rimbaud đời đã bỏ quên như một đứa con hoang, lưu lạc giữa rừng núi Phi châu... mới phục hưng lại.Để tiếp cận trào lưu biểu tượng của một số thi sĩ lừng danh, đơn cử ra đây một đọan thơ ngắn của Verlaine để tìm thấy cứu cánh của họ. Tiếc thay dịch thơ là phản-hồn-thơ (nôm na cái gọi 'dịch là phản'). Không biết có thấu đáo hồn thi nhân(?). Như sau; 'nhạc tính đứng trước mọi thứ/la musique avant toute chose/musicality above all':

Cơn đau dài
Của tiếng vĩ cầm
Ôi mùa thu
Làm đau đớn con tim
Với bao tiếng u trầm
Điệu thu sầu.

(phỏng dịch vcl)

Les sanglots longs
Des violons
De l'automme
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone
Chanson d'automme.

(P.Verlaine)

Đi Tìm Bản Ngã Tự Tại :

Tại sao lại đi tìm bản ngã tự tại ? Là đi tìm bản thân mình đã đánh mất – A la Recherche du Temps perdu, một tìm kiếm chủ thể là một khám phá bừng dậy trong đối tượng tự nhiên của thời gian và tri thức với một hoài niệm bất chợt – la mémoire involontaire. Cái lý lẽ nầy có đôi phần của nhà văn Marcel Proust(1871-1922) người đã đi tìm cho chính mình –The search for self như chuyện cổ tích mà ông chịu ảnh hưởng vào giòng văn chương hiện đại, Proust lao đầu vào tập truyện dày 4000 trang, 8 phân đoạn trong trường thiên tiểu thuyết ; có phải đó là thời đánh mất – In search of Lost Time của Marcel Proust ? Một tác phẩm mà sau 87 năm vẫn còn tái bản : 'Du côté de chez Swann'. Một tác phẩm tiêu biểu, một tiểu thuyết trở thành triết thuyết hiện thực ở thế-kỷ thứ-mười-chín. Mùi hương của 'madeleine' được ướp vào trà hoặc hương hoa phản phất có thể bắt giữ một thời đã qua, dù là khơi dậy từ tiềm thức. Proust cho đó là 'self' tự tại.

Một câu nói để đời của Marcel Proust : 'Lâu lắm rồi, tôi muốn đi ngủ sớm/longtemps, je me suis couché de donne heure'. Cái đáng giá của Proust là viết chăm và cố sức của một nhà văn đó là thời kỳ trọng yếu vắng bóng mọi thứ để vun xới mảnh đất tinh thần vào tiểu thuyết của ông và những bức xúc, rối ren được xen lẫn trong một thứ văn phong ẩn chứa được phê nhận như một thứ trí tuệ cao siêu 'high-minded critics'.

André Gide (1869-1951) Gide giống Proust, một trong những nhà văn đưa ra vấn đề tự-thức (self-conscious), một ý niệm về 'ngã/self' trong tiểu thuyết. 'Hang Đức Mẹ ở Vatican/Les Caves du Vatican' và trong 'cảnh tình cho không biếu không/un acte gratuit/a gratuitous act' là một thí dụ điển hình. Gide phản ảnh những nhân vật hư cấu là đối kháng của mỗi cá nhân, ông đã trải nghiệm như một thứ đồng tình luyến ái tạo ra một thứ gò bó, nghiêm khắc của giáo phái Tin Lành ở cuối thế-kỷ thứ-mươòi-chín. Tin tức thời sự về ông cho đó là một cái gì hấp dẫn, say mê trong niềm tin sáng suốt của ông qua những tác phẩm mà ông đã viết ra. Văn chương Paris thời đó cho cái nhìn của Gide như mặt trận xẩy ra trước mắt họ.

Hành Động và Phản Ảnh :

Thập niên 1930 có nhiều nhà văn chịu ảnh hưởng vào chính trị trong suốt thời gian hơn mười năm. Trong số đó có André Malraux(1901-1976) đã dính liền với đảng Cộng Sản với nhiều văn nhân khác cùng thế hệ. Malraux đã đan kết những tình huống xã hội và con người vào trong tiểu thuyết của ông, tác phẩm nổi tiếng 'Điều kiện Con người/La Condition Humaine', là một kinh nghiệm đầy triển vọng và sáng tỏ trong sự nghiệp của ông bao gồm khảo cổ học, truyền thông,

tuyên truyền báo chí về thời sự nội chiến Tây Ban Nha, chiến tranh thuộc địa Đông Dương và kháng cự Thế chiến 2 của Đức quốc xã. Sau thời hậu chiến Malraux tham gia chính quyền với những chức vụ quan trọng, nhưng không ngừng sáng tác.

Bên cạnh đó một ghi nhận khác về một chàng hoa tiêu trẻ tuổi đó là Antoine de St. Exupéry(1900-1944), có khuynh hướng như Malraux một con người phiêu lưu, gan dạ với một tinh thần nhân ái. Ông mạnh dạng đưa vào truyện những khám phá mới như tập truyện 'Bay Đêm/Vol de nuit/Night flight'. Nhưng tác phẩm đáng kể nhất là 'Hoàng tử Bé/Le Petit Prince/The Little Prince' đã phát hành trên 50 triệu cuốn và 102 ngôn ngữ khắp toàn cầu. Tuy số lượng của hai nhà văn không nhiều, nhưng được chú ý rộng rãi bởi tư duy của nhà văn xây dựng đúng hoài bảo của độc giả khắp nơi và được coi là một thể loại văn học Pháp và một số quốc gia khác. Một hành động hợp lý, hợp thời đại.

Chủ Nghĩa Siêu thực :

André Breton (1896-1966) người hô hào và thành lập chủ thuyết siêu-thực, vẽ lên một hình ảnh lý thuyết của Freud những gì thuộc về tiềm thức và khẳng định quả quyết về năng lực của hình ảnh và mộng mơ là một chặn đường đưa tới nhận thức. Là một hình ảnh được tiếp dẫn bên nhau (juxtaposition), đó là mức độ thẩm định hợp lý không có sự giao liên, ấy là vai trò của siêu thực, nhất là giòng thơ siêu-thực, một thể hiện trong sáng đầy chất siêu thực : 'Nỗi Đau Chính/Capitale de la Douleur/Capital of Pain' của Paul Eluard(1895-1952). Bài thơ như sau :

Tóc em vàng bay lộng gió giữa cõi đời,
Bao la lồng lộng của khung cửa ô phản một thứ
im lặng nặng nề
Và bóng tối nơi đâu rơi vào lòng tay tôi
che khuất những tia sáng lấp lánh trong em.

(phỏng dịch vcl)

Ta chevelure d'oranges dans la vide du monde,
Dans la vide des vitres lourdes de silence
Et d'ombre où mes mains cherchent tout tes reflets.

(P.Eluard)

Eluard cô đọng vào thơ ông vừa lãng mạn vừa siêu thực; ngần ấy đủ nhận ra cái gì gọi là ngữ ngôn siêu thực. Đúng nghĩa cho cái gọi là 'surrealist poetry'. Thiết nghĩ không cần phải lý giải nầy nọ, nọ kia, đúng sai hay thực giả. Siêu thực biến hóa thành siêu-lý là thế !

Thuyết Hiện-sinh :

Hình ảnh thông thường của hiện-sinh là lược giải về yếu tính của sự hiện hữu như thể là : bộ quần áo đen, suối tóc huyền và những gì ăn ngay, nói thật, chơi thiệt (sexually-frank) đó là thể hiện thực chất trung thực của cuộc đời đang sống.

Phong trào hiện sinh nở rộ, phát khởi, huy động, một cuộc 'cách mạng văn hóa' khơi mào ở Paris (Pháp) và lan tràn khắp cả Âu châu. Nơi du nhập nhóm Cánh-tả thường la cà ở những quán cà phê, tụ họp để truyền bá chủ thuyết và cũng là nơi giới trí thức trao đổi hoặc tranh cải. Jean-Paul Sartre(1905-1980) chủ soái của thuyết hiện-sinh. Một người ngoại đạo, Sartre tin rằng không có một giá trị tuyệt đối nào cả ở cõi ngoài kia (có nghĩa là ông không vin vào) mà đó chỉ là cá tính riêng biệt sáng tạo ra từ chính ông. Qua bao nhiêu luận văn và kịch, đặc biệt nhất là 'Con đường Tự Do/Les Chemins de la liberté' tác phẩm nầy là một quan tâm của Sartre, một đối kháng giữa sự liên đới chính trị và một cá tính tự do, liên đới đó chính là bảo vệ quyền sống trên mọi lãnh

vực.

Những tiểu thuyết hiện-sinh và những tác phẩm thuộc về triết học của Simone de Beauvoir(1908-1986) là phần đời bà đã gắn chặt quan hệ tình cảm với Sartre năm mươi lăm năm ; chắc có một cái gì phủ mờ qua những tác phẩm của người đàn ông(Sartre) vĩ đại đó. Tuy nhiên ; qua những lời phê bình quả quyết cho rằng Sartre đã 'trộm' những lời hay ý đẹp của de Beauvoir mà làm nên đôi phần. Bà là người đàn bà nổi tiếng và đánh động giới phụ nữ qua tác phẩm 'Giới-tính Hai/Le Deuxième Sexe/The Second Sex'.

Nói đến 'giới Tính Hai'một tác phẩm lớn cho ra đời 1949, ấy là điều không còn ngạc nhiên đối với bà mà ở đây đã động đến giới mày râu Pháp và làm kinh hoàng đến giới tu sĩ và rồi cuốn sách đó nằm trong danh mục cấm kỵ. Lời khẳng định mạnh dạng : 'anh không phải sinh ra đàn bà để anh trở thành đàn bà/on ne nait pas femme, on le devient'. De Bauvoir phân tích cái xã hội thượng lưu tộc trưởng Pháp và thách đố cái quan niệm hôn nhân và vai trò làm mẹ như một số phận an bài tự nhiên. Những nhà văn nam giới lên án gắt gao chủ thuyết nầy. Francois Mauriac nói thẳng rằng nó đã làm cho tôi muốn mửa và Albert Camus trả lời với giọng điệu đau đớn, cuốn sách đó đã hạ nhục đám sĩ phu chúng ta 'ce livre déhonore le mâle francais' Và sau đó 1960/1970 phong trào phụ nữ đòi quền sống được dựng nên như một cao trào giải phóng phụ nữ (Mouvement de Libération des Femmes). Tác phẩm 'Giới TínhHai 'đã thu về lượng và phẩm cao, nhất là ở Mỹ.

Albert Camus(1913-1960) đóng góp một vai trò hiện sinh trong văn chương và chu kỳ triết học của Pháp, nhưng Camus từ chối cái thời kỳ đó và quan điểm của Sartre. Tác phẩm đầu đời 'Người Khách Lạ/L'Etranger/The Outsider' và tập truyện triết học 'Thần thoại Sisyphe/ Le Mythe de Sisyphe/ The Myth of Sisyphus' Camus giới thiệu sự hiện diện của con người trước vũ trụ như một kẻ ngu xuẩn, vô nghĩa và vô tư duy, nhưng sự tương quan đó phải đành chấp nhận giữa đời này một cách đầy đủ. Với 'Dịch Hạch/ La Peste/ The Plague' được cắt nghĩa trong niềm tin nhân loại của Camus là một diễn trình để đối phó với cái chết. Đối kháng ngấm ngầm qua tư duy của Sartre. Trong cái đơn sơ của Camus lại có chất dục tính trong đó .Thiết nghĩ tự nó đã có cường độ của tình yêu trong cái thế giới tâm sinh lý của con người thì làm sao Camus tránh khỏi. Dù có đi tu !

Trong lúc đó Jacques Prévert(1900-1977) thì không là thành viên của phong trào, chủ thuyết siêu-thực hay hiện-sinh. Đứng ngoài cuộc nhưng lại chịu ảnh hưởng khá nhiều hai trường phái nầy. Ông là sư của những ca khúc, thơ trữ tình, đặc biệt lôi cuốn thế hệ trẻ sau thời hậu chiến II. Prévert vẫn là nhà thơ tình nổi tiếng Pháp, thơ ông được đưa vào giáo trình và lấy tên trường trên 550 học đường. Bài thơ lừng danh thế giới dưới tựa đề 'Barbara'. Khởi đầu thể nhạc-thơ (musicality poetry). Đọc thử xem sao, có thực như thế không :

Barbara em nhớ cho
Mưa vẫn mưa bay trên-tầng-tháp-cổ
Ngày đó ở Brest
Dài-tay-năm-ngón
Và anh bước theo nụ cười
Lộng lẫy thay mưa-vẫn-mưa-bay
Phất phới ướt-mi buồn
trong mưa
Barbara em nhớ cho.

(phỏng dịch vcl)

Rappelle-toi Barbara
Il pleuvait sans cesse sur Brest ce jour-là
Et tu marchais souriante
Epanouie ravie ruisselante

Sous la pluie
Rappelle-toi Barbara.

(J.Prévert)

Hình như Prévert để lại cái gì gần gũi trong ta và nghe như âm thanh quen thuộc nhưng tưởng như không quen nhau(!). Cho nên thơ nhạc, nhạc thơ là một cái gì thật huyền ảo.

***

Nói tóm lại một thời vàng son trong văn chương, nghệ thuật, triết lý ở Âu châu là một tập hợp những biến chuyển triết học, chính trị, tâm sinh học và những gì thuộc về ngôn ngữ ; cơ duyên đưa tới nhiều hứa hẹn trong một chiến trường văn chương qua nhiều thể loại khác nhau, vạch ra những dặm đường đầy sáng tạo, ảnh hưởng vào văn, thơ, họa được xem là diễn đàn tranh luận của các học phái, đáng chú ý nhất trường phái hiện-sinh. Ngoài ra còn cho thấy những hiện tượng khác xuất hiện những lý thuyết gia văn hóa(Cultural theorists) như :Xây đựng, Phá hủy, Tiểu thuyết mới... trong những thời kỳ cuối của thế-kỷ hai-mươi và tiếp tục xẩy ra và trải rộng khắp toàn cầu như qui luật tự nhiên. Đó là thời kỳ khám phá và phát huy. Nói cho ngay những dữ kiện nêu trên chỉ là tóm lược một vài yếu tố chính mà tất cả hầu như phát nguồn từ Pháp, cái nôi văn hóa Âu châu. Paris là nơi hội tụ văn nhân như phương hướng, như kim chỉ nam, một 'cầu chứng' cho một nền văn học nghệ thuật quốc tế. Một diễn đàn vững chắc và sáng tỏ.

VÕ CÔNG LIÊM

MỤC LỤC

. nước mắt người thợ chạm – truyện lịch sử - tiến thảo – trang 07.
. trăng sáng trên thành đồ bàn – truyện ngắn – mang viên long – trang 12.
. người huyễn tưởng – truyện ngắn – nguyễn văn sâm – trang 19.
. ngõ quê – thơ – nguyễn tam phù sa – trang 23.
. tiếng hát lúc nửa đêm – truyện ngắn – trần minh nguyệt – trang 24.
. biến mất – truyện ngắn – lê văn thiện – trang 28.
. gửi bạn xứ đoài xa xứ - thơ – nguyễn khôi – trang 31.
. tà áo tây thi – truyện ngắn – nguyễn thị mây – trang 32.
. bến xưa – thơ – lê văn trung – trang 35.
. cái võng – truyện ngắn – hồ thủy – trang 36.
. mùa hạ buồn tênh – truyện ngắn – hoàng vũ đông sơn – trang 39.
. tưởng tượng em về – thơ – nguyễn mai – trang 41.
. nhật vựng – truyện ngắn – khôi hạo – trang 42.
. hồn ta đã về đó – thơ – kiêm thêm – trang 46.
. quán bên sông – truyện ngắn – lê mai – trang 47.
. ông lái đò – truyện ngắn – phan – trang 50.

. chiều ơi, áo đỏ của lòng tôi – thơ – trần vấn lệ – trang 52.
. người của ngày xưa – truyện ngắn – nguyễn thị bích nga – trang 53.
. quán gió – truyện ngắn – từ kế tường – trang 56.
. nàng linda tội nghiệp – truyện ngắn – nguyễn ngọc phan an – trang 60.
. để ta chờ mãi .. – thơ – trần nhuận minh – trang 64.
. tưởng rằng đã quên – truyện ngắn – nhị tường – trang 65.
. con đường băng qua chợ – tản văn – nguyễn mỹ nữ – trang 69.
. "cò ruộng" – truyện ngắn – triệu văn đôi – trang 72.
. quán mưa – thơ – bùi đức long – trang 75.
. chuyện đời của má – truyện ngắn – trúc linh lan – trang 76.
. ngày thì tối đêm thì sáng – truyện ngắn – nguyễn lệ uyên – trang 80.
. nụ cười rưng rưng – truyện ngắn – võ hồng – trang 87.
. ai chọn dùm tôi – truyện ngắn – y ban – trang 89.
. một thoáng qua lào – bút ký – vũ kiêm ninh – trang 91.
. nếu anh hiểu – thơ – dạ thảo hương – trang 93.
. lận đận – truyện ngắn – trạch an trần hữu hội – trang 94.
. đêm trăng lạnh – truyện ngắn – nguyễn xuân thủy – trang 97.
. mộng du – truyện ngắn – vũ ngọc tiến – trang 103.
. chuyện tình của an – tâm bút – khải triều – trang 108.
. lỡ hẹn người ơi – thơ – đào bích phương – trang 114.
. giọt tinh túy – truyện ngắn – phạm thuận thành – trang 115.
. ngồi uống rượu biển đông mà nhớ người phương tây – thơ – nguyễn hoàng trung – trang 120.
. hương vị ngày xưa – truyện ngắn – dương phương toại – trang 121.
. nhớ quê – thơ – ngọc hải – trang 124.
. băng qua đường – truyện ngắn – minh nguyễn – trang 125.
. chuyện nhỏ – truyện ngắn – bùi thanh minh – trang 132.
. chiếc nồi cũ – truyện phóng dịch – từ vũ - trang 136.
. mùa mực nang – truyện ngắn – chu trầm nguyên minh – trang 149.
. lục bát tường vi – thơ – hồng vinh – trang 172.
. căn nhà ở phố – truyện ngắn – nam ninh – trang 173.
. qua sông bến hải – thơ – hoàng yến linh – trang 180.
. cõi người – truyện ngắn – trần nhuận minh – trang 181.
. hà nội cung đàn thương nhớ – bút ký – mai thục – trang 185.
. những tác phẩm sơn mài tuyệt vời của cụ nguyễn gia trí – hội họa – vũ anh tuấn – trang 190.
. tranh sơn mài – tìm hiểu – kiêm thêm – trang 193.
. lễ hội hoa phượng đỏ và khu tưởng niệm vương triều mạc – tiểu luận – phạm vũ – trang 207.
. mối tình thơ nguyễn bính – anh đào– biên luận – huyền viêm – trang 213.
. một thời vàng son văn chương ... âu châu – biên luận – võ công liêm – trang 218.
. mục lục – trang 226.

VIỆT VĂN MỚI

số 13

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 7 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : tranh của hoạ sĩ Dương Sen

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyện đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 13

15 tháng 7 năm 2014

tủ sách việt văn mới

2014